

Harry Dolan

MỤC
TIÊU
CUỐI
CÙNG

Đỗ Phi dịch



LAO ĐỘNG



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG

Harry Dolan

MỤC
TIÊU
CUỐI
CÙNG

Đỗ Phi dịch



BẠCH VIỆT



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG

THÔNG TIN EBOOK

Tên sách

Mục Tiêu Cuối Cùng

Nguyên tác

The Last Dead Girl

Tác giả

Harry Dolan

Dịch giả

Đỗ Phi

Nhà xuất bản

NXB Lao Động

Đơn vị phát hành

Công ty CP Sách Bách Việt

Số trang

492

Kích thước

16 x 24 cm

Giá bìa

139.000 VNĐ

Năm xuất bản

2018

Nguồn sách

Thư viện tỉnh Lâm Đồng

Tạo ebook

PlanetVN

Ngày hoàn thành

01/7/2019

GIỚI THIỆU VỀ TÁC PHẨM

Vào một đêm mưa, David tình cờ gặp gỡ Jana Fletcher – một cô sinh viên luật xinh đẹp. Jana là một cô gái bí ẩn: cô sống trong một căn hộ xập xệ và có một vết bầm trên má. Cô không chịu giải thích tại sao mình có vết bầm đó. David tò mò muốn tìm hiểu bí mật của Jana, nhưng lại không lên tiếng hỏi, cho tới khi quá muộn.

Jana bị sát hại và David trở thành nghi phạm số một. David quyết tâm tìm ra sự thật và nhận ra mình đang gặp nguy hiểm, vì hung thủ thật sự đang theo dõi từng hành động của anh.

...

Nhưng hãn phải cẩn thận. Hãn không thể hy vọng kết liễu được cô gái ngay tối nay. Hãn sẽ phải chờ đợi. Và lên kế hoạch. Quan trọng là không để bị tóm.

GIỚI THIỆU VỀ TÁC GIẢ

Harry Dolan là tác giả có sách bán chạy nhất của *Vòng xoáy tội ác* và *Kẻ cướp cuối cùng*. Ông tốt nghiệp Đại học Colgate, nơi ông theo học chuyên ngành triết học và nghiên cứu tiểu thuyết viết cùng tiểu thuyết gia Frederick Busch. Ông sinh ra ở Rome, New York, và hiện đang sinh sống tại Ann Arbor, Michigan, cùng với người bạn đời của mình, Linda Randolph.

LỜI CẢM ƠN

Khi tôi còn là một cậu nhóc lớn lên ở Rome, New York, hầu như chưa từng có vụ án giết người nào ở đó. Nhưng trong cuốn sách này thì mọi chuyện lại hơi khác.

Trong quá trình thiết lập bối cảnh cốt truyện ở thành phố quê hương mình, tôi không chỉ vụng về sửa lại tỷ lệ tội phạm. Tôi thỉnh thoảng còn thay đổi vị trí địa lý của nơi chốn sao cho phù hợp với mục đích. Những người vốn rành rẽ về Rome sẽ nhận ra nhiều điểm tôi bịa ra, cả lớn lẫn nhỏ, khi miêu tả về thành phố.

Cậu bé lớn lên ở Rome ấy đã có một trí tưởng tượng không được phong phú lắm, nhưng cậu ta không bao giờ có thể ngờ tới rằng một ngày nào đó, mình sẽ có may mắn được làm việc với những người như Amy Einhorn và Victoria Skurnick. Tôi thay mặt cậu bé ấy và bản thân mình, gửi lời cảm ơn đến họ.

Đồng thời, tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn tới Tom Colgan, Ivan Held, Leslie Gelbman, Ashley Hewlett, Glory Plata, Elizabeth Stein, Tom Dussel, David Chesanow, Melissa Rowland, Lindsay Edgecombe, Elizabeth Fisher, và Miek Coccia.

Cuốn sách này xin được dành tặng cho em trai và em gái tôi, song tôi cũng cảm thấy biết ơn sự hỗ trợ của tất cả các thành viên trong gia đình của tôi: nhà Dolan tại New York và nhà Randolph ở Michigan. Và đặc biệt cảm ơn em, Linda.

Rome, New York

Đêm cuối tháng Tư, năm 1998

Họ tổng tôi vào một căn phòng có tường ốp gạch trắng xóa cùng một đôi đèn huỳnh quang dài chiếu sáng trên trần nhà. Những chiếc đèn phát ra một thứ âm thanh lách tách chậm chạp. Tôi bị thương trên thái dương. Tuy đã ngừng chảy máu nhưng giờ lại rất ngứa. Tôi cố gắng lờ nó đi.

Họ bỏ tôi lại đó một mình. Trong phòng chẳng có gì ngoài một cái bàn gỗ cùng hai chiếc ghế khung sắt lót đệm. Tôi ngồi trên một cái ghế và để hai tay trên mặt bàn. Tay phải run lên – rất nhẹ nhưng vẫn nhìn ra được. Tôi nghĩ xem điều gì có thể gây ra chuyện này: Có lẽ không phải chỉ có một nguyên nhân nhưng tôi biết phần nào là do cơn giận dữ. Tôi nắm chặt tay lại và ngừng run.

Đã một tiếng đồng hồ trôi qua. Trong phòng không có đồng hồ treo tường nhưng họ cho tôi giữ lại chiếc đồng hồ đeo tay. Những thứ khác - bao gồm bộ dao bấm đa năng, chìa khóa cùng mọi thứ tôi nhét trong túi quần - đều đã bị họ lấy đi.

Tôi đứng dậy, đi vòng quanh chiếc bàn dưới tiếng kêu lách tách của bóng đèn, rồi đưa tay lên vết cắt trên thái dương và thấy máu đã khô. Tôi tiến về phía cánh cửa, thử xoay nắm đấm. Khóa rồi.

Tôi quay lại chỗ chiếc ghế, cầm nó lên và nghĩ tới việc đập nát một thứ gì đó. Có lẽ nên đập vỡ đôi đèn kia: Chúng bằng thủy tinh nên thể nào cũng vỡ. Và sau đó, tôi có thể ngồi cái giận trong bóng tối.

Trẻ con thật.

Tôi lại đi một vòng quanh phòng, nhưng lần này, kéo lê cả chiếc ghế theo sau. Bớt trẻ con đi một chút. Một tiếng rít đầy thỏa mãn vang lên khi chân ghế bằng kim loại cọ vào mặt sàn.

Cánh cửa bỗng mở ra, một viên cảnh sát mặc cảnh phục nhìn tôi và cau mày. Tôi đặt chiếc ghế trở lại chỗ của nó và ngồi xuống. Cánh cửa liền đóng

lại. Vài phút sau, nó lại được mở ra và một viên cảnh sát khác bước vào, người tôi chưa từng gặp trước đây. Ông ta mặc bộ vest xám màu, cổ đeo dây có gắn phù hiệu thanh tra mạ vàng.

Ông ta ngồi xuống đối diện tôi.

“Tại sao anh giết cô gái đó?” ông ta hỏi.

Giọng ông ta ôn tồn, chán chường và cứng nhắc. Tôi quan sát gương mặt ông ta. Mái tóc sẫm màu được cắt ngắn, lông mày rậm, còn chiếc mũi thì dài và đầy đặn. Da ông ta có màu ô liu và hàm râu quá lâu rồi chưa cạo. Ông ta khoảng tầm 50 tuổi. Đôi mắt trông có vẻ mệt mỏi.

“Ông nghiêm túc chứ?” tôi nói.

“Phải. Nghiêm túc.”

“Như thế này đã bao giờ có tác dụng gì chưa?”

Ông ta nghiêng đầu sang một bên. “Đôi lúc.”

“Một khởi đầu lạnh lùng - 'Tại sao anh giết cô gái đó?' - và họ thú tội ngay tức khắc hay sao?”

“Anh sẽ phải ngạc nhiên với những thứ có hiệu quả đấy.”

Ông ta xoay chiếc ghế để có thể đặt khuỷu tay lên mặt bàn, rồi đưa ngón cái lần theo cái cầm đầy râu ria lởm chởm.

Ông ta nói, “Vậy sao anh không nói xem mình nghĩ chuyện này nên tiến hành thế nào?”

Tôi chỉ những bức tường ốp gạch xung quanh. “Ông có thể để tôi chờ ở đây thêm một tiếng đồng hồ nữa.”

“Anh không định tỏ ra tổn thương đấy chứ?” ông ta nói, đôi môi thoáng nhếch lên một nụ cười mơ hồ. “Tôi không nghĩ anh nhạy cảm đến thế. Và vừa rồi, tôi có chút việc bận.”

“Ông có thể nói cho tôi biết tên của mình.”

Ông ta xoa xoa cằm nghĩ ngợi. “Cũng được,” ông ta nói. “Tôi là Frank Moretti. Còn anh là Darrel Malone, nhưng anh được gọi bằng tên đệm là

David. Cô gái kia tên là Jana Fletcher. Một kẻ nào đó đã siết cổ cô ta. Cô ta 25 tuổi và là sinh viên Luật trường Đại học Bellamy. Anh quen cô ta bao lâu rồi?”

“10 ngày.”

“Con số chính xác nhỉ.”

Tôi nhún vai. “Thì đúng là như thế.”

“10 ngày” ông ta nhắc lại. “Nhanh nhỉ.”

“Ông đang cố nói điều gì vậy?”

“Không có gì, thật đấy. Chỉ là trong một thời gian ngắn ngủi mà anh đã kết thân được với cô ta.”

“Đó có phải là câu hỏi không?”

“Chỉ là nhận xét thôi. Anh gặp cô ta như thế nào?”

“Đó là một tai nạn.”

Ông ta lại nhếch môi lần nữa. “Không phải như thế chứ? Đôi khi, tôi nghĩ cuộc sống thật đúng là một chuỗi dài những tai nạn tình cờ.”

“Cô ấy gặp tai nạn ô tô,” tôi nói. “Không nghiêm trọng. Tôi tình cờ có mặt và giúp đỡ cô ấy. Rồi chở cô ấy về nhà.”

“Và đó là sự khởi đầu cho mối quan hệ của hai người?”

“Đúng vậy.”

“Anh bắt đầu ngủ với cô ta từ khi nào?”

Câu hỏi đó khiến tôi cau mày. “Tôi không chắc mình muốn nói cho ông biết.”

“Tại sao lại không chứ?”

“Bởi vì đó không phải chuyện của ông.”

“Thực ra thì có đấy,” Frank Moretti nói. “Anh có thể nói rằng công việc của tôi là tìm ra những điều vốn không phải chuyện của mình. Tôi có nên kể với anh những gì mình đã phát hiện được tối nay trước khi tới đây không?”

Tôi ngả người dựa vào ghế. “Cứ tự nhiên.”

“Tôi phát hiện ra rằng anh bắt đầu ngủ với Jana Fletcher từ 10 đêm trước. Thông tin này có hơi riêng tư nhưng tường căn hộ của Jana rất mỏng và bà chủ nhà của cô ta, người vốn sống ngay bên cạnh, lại rất tinh ý.”

“Nghĩa là bà ấy thích đi do thám người khác.”

“Bà ấy bảo tôi rằng kể từ hôm ấy, đêm nào anh cũng có mặt ở đó và còn có chìa khóa riêng. Một chi tiết nhỏ thôi nhưng lại khiến tôi phải quan tâm.”

“Nó khiến mọi chuyện dễ dàng hơn,” tôi nói. “Jana thường ra khỏi nhà vào sáng sớm. Tôi thì hay dậy muộn. Cô ấy muốn tôi khóa cửa khi rời đi.”

Moretti gật đầu. “Tôi cũng biết được từ một nguồn tin khác rằng anh đã đính hôn - nhưng không phải với Jana Fletcher.”

“Ông lấy tin đó từ đâu ra?”

“Tôi quen một tay phóng viên của tạp chí *Sentinel*. Anh ta đã tra thông tin của anh trong tài liệu lưu trữ. Rồi họ viết một bài trên chuyên mục địa phương. Cũng khá thú vị. Rất âm ỉ. Nó làm tôi nghĩ tới cái tên Malone. Có một thư viện trong khuôn viên trường Đại học mang tên Austin Malone. Ngoài ra còn có một phòng thí nghiệm khoa học và một khu trong bệnh viện. Người thân của anh à?”

“Cụ tôi.”

“Cụ làm thế nào mà kiếm được từng ấy tiền để ghi tên mình trên nhiều thứ như vậy?”

“Bóc lột dân chúng. Nhưng điều đó thì có liên quan gì tới Jana?”

“Tôi thắc mắc về sự tương phản,” Moretti nói. “Tối nay, tôi đã tới căn hộ của cô ta. Không có gì nhiều và chẳng ai trong gia đình cô ta từng được ghi tên lên bất cứ thứ gì.”

“Ý ông là sao?”

“Ý tôi là cô ta là con nhà nghèo.”

Tôi nghe thấy tiếng mình cười. Một tiếng cười khẩy, giống tiếng ho hơn.

“Con nhà nghèo? Giờ người ta vẫn còn nói vậy sao?”

“Ý tôi là, có lẽ điều đó phần nào khiến anh bị hấp dẫn,” Moretti nói. “Một cô gái anh có thể gây ấn tượng bằng tiền. Cô ta không giống những người phụ nữ anh thường tiếp xúc. Có lẽ cô ta sẵn lòng làm những gì vị hôn thê của anh sẽ không làm. Có lẽ cô ta thích sự thô bạo. Cô ta có bảo anh bóp cổ mình không?”

Tôi có cảm giác vùng da dọc cánh tay và sau gáy mình đang nóng bừng lên. Bụng tôi thắt lại.

“Ông thực sự lầm rồi.”

“Có lẽ vậy,” Moretti nói, rồi im lặng. Đôi mắt mệt mỏi của ông ta nhìn chăm chăm vào tôi. Tôi cũng nhìn lại. Đôi bóng đèn vẫn kêu lách tách phía trên. Những ngón tay trái tôi lần tìm vết cắt trên thái dương và khẽ vuốt nhẹ nhàng.

“Anh muốn tôi gọi ai đó tới đây không?” Moretti nói.

Giọng ông ta cũng mệt mỏi như đôi mắt và đều đều. Nhưng tôi không trả lời.

“Ai đó tới kiểm tra vết thương ấy,” ông ta nói. “Một đội ngũ bác sĩ phẫu thuật chẳng hạn? Anh không muốn bị để lại sẹo đâu. Nó có thể hủy hoại dung mạo của anh.”

Tôi đặt tay xuống bàn. “Ông đang lãng phí thời gian đấy.”

Ông ta liền thở dài. “Tôi chỉ đang cố gắng hiểu mối quan hệ của anh và Jana Fletcher. Tôi không nghĩ chuyện này là lãng phí thời gian.”

“Ông đi sai đường rồi. Tôi không phải kẻ sát hại cô ấy.”

Moretti gật đầu tiếp nhận lời phủ nhận của tôi.

“Anh có từng đánh cô ta bao giờ chưa?”

Bụng tôi lại cuộn lên. “Tại sao ông lại hỏi tôi điều đó?”

“Đấy không phải là câu trả lời.”

“Tôi chưa bao giờ đánh cô ấy.”

“Nhưng có người đã làm.”

Trong giọng nói không chút hoài nghi. Ông ta đang nói sự thật.

“Làm sao ông biết được chuyện đó?” tôi hỏi. Nhưng rồi tôi chợt hiểu ra: bà chủ nhà.

Moretti không buồn trả lời tôi. “10 ngày trước, có người đã đánh Jana Fletcher,” ông ta nói. “Và để lại dấu vết trên má của cô ta. 10 ngày. Nghe có quen không?”

“Jana đã có nó vào cái đêm tôi gặp cô ấy. Nhưng tôi không gây ra chuyện đó.”

“Vậy thì là ai? Anh có hỏi cô ta không?”

“Cô ấy sẽ không nói cho tôi.”

“Thật tiện ghê.”

“Đó là sự thật.”

Tôi nhìn Moretti gõ ngón tay trên mặt bàn.

“Đây là những gì tôi nghĩ,” ông ta nói. “Hai người gặp gỡ và ngay lập tức cảm thấy tâm đầu ý hợp. Hai người lên giường với nhau. Đêm đầu tiên ấy đã có chút điên cuồng và anh đã đánh cô ta. Có lẽ anh chỉ định đùa một chút, nhưng lại xuống tay mạnh hơn dự định. Đủ mạnh để lưu lại dấu vết. Một người phụ nữ có thể sẽ tha thứ cho những chuyện như thế, nếu nó xảy ra trong lúc đang cao hứng. Hoặc như tôi đã nói, có lẽ cô ta thích sự thô bạo.”

Nhịp gõ ngón tay dừng lại. “Rồi tối nay, anh lại đi quá xa,” ông ta nói. “Anh đặt tay lên cổ cô ta và nghĩ rằng cô ta thích như thế. Một số người phụ nữ thích thế thật. Nhưng anh là một gã khỏe mạnh và đã đi quá xa. Anh đã dùng quá nhiều lực. Tôi không nói anh cố tình. Nếu anh nói với tôi rằng đó chỉ là một tai nạn...”

Tôi có cảm giác những thớ cơ trên vai đang căng ra. Tôi lắc đầu.

“Tôi không làm chuyện đó. Ngừng làm trò đi.”

“Tôi đang làm trò sao?”

“Ông biết đó không phải tai nạn mà,” tôi nói. “Tôi đã phát hiện ra cô ấy, rồi gọi 911. Tôi đã thấy tình trạng của cô ấy. Chẳng ai vô tình gây ra chuyện đó cả.” Ký ức ủa về khiến tôi phải rùng mình. “Ông không thực sự tin rằng tôi đã giết cô ấy.”

“Tại sao lại không chứ?”

“Dù kẻ nào đã sát hại cô ấy thì hắn cũng đã phá cửa xông vào. Sao tôi phải làm thế? Tôi có chìa khóa cơ mà.”

“Đôi khi người ta dàn dựng hiện trường giả,” Moretti nhún vai nói. “Họ vào nhà bằng chìa khóa, làm chuyện không nên làm. Rồi đi ra, khóa lại và phá cửa xông vào. Giả vờ rằng khi họ phát hiện ra thì chuyện đã thế rồi.”

Thứ làm ruột tôi thắt lại chực trào lên cổ họng. Tôi cố gắng thả lỏng và để nó xuống. Bỗng nhiên căn phòng có vẻ ấm hơn, những bức tường trắng nhợt nhạt.

“Không,” tôi nói. “Tôi có thể hiểu được tại sao ông nghĩ vậy, nhưng ông lầm rồi. Ông đang lãng phí thời gian đấy.”

“Anh nói điều đó rồi,” ông ta ôn tồn đáp. “Vậy nói cho tôi nghe tôi nên sử dụng thời gian của mình như thế nào?”

Tôi nhắm mắt lại và cố gắng suy nghĩ. Tôi cố hết sức chặn lại mọi thứ, làm chúng tan biến đi, ngay cả tiếng lạch cạch của bóng đèn.

“Có người đã đánh cô ấy,” cuối cùng tôi cũng lên tiếng. “Ông nên bắt đầu từ đó. Ông cần phải tìm ra hắn. Và còn một điều nữa.”

“Là gì?”

Tôi mở mắt ra. “Ông sẽ nghĩ rằng tôi đang dựng chuyện. Nhưng không phải như vậy. Nếu thực sự làm thế, tôi sẽ kể một câu chuyện hay hơn nhiều.”

Trên mặt ông ta thoáng biểu lộ chút cảm xúc. Sự thích thú.

“Tại sao anh không kể cho tôi nghe câu chuyện của mình nhỉ?”

“Có lẽ một kẻ nào đó đã theo dõi cô ấy,” tôi nói. “Một tuần trước. Dù sao thì đó cũng là những gì cô ấy nghĩ. Chúng tôi chưa từng bắt gặp một ai cả. Tôi cũng không nghiêm túc xem xét chuyện đó. Không đủ nghiêm túc.”

Moretti chột lùi lại phía sau, vẻ mặt hoài nghi. “Vậy tôi nên tìm kiếm một gã mà anh chưa từng gặp? Một gã có thể không tồn tại?”

“Tôi nghĩ hắn có tồn tại đấy. Có thể hắn chính là kẻ đã đánh cô ấy. Ông nói rằng tối nay mình đã tới căn hộ của cô ấy cơ mà.”

“Đúng vậy.”

“Phía sau căn nhà là rừng cây. Có lẽ hắn đã theo dõi cô ấy từ đó. Tôi nghĩ có thể hắn đã để lại thứ gì đấy.”

“Gì cơ?”

“Tôi đã đi xem thử,” tôi nói. “Trong khu rừng. Tôi tìm thấy nó gần một cái cây đổ, nhưng tôi đã bỏ lại. Bởi làm sao tôi biết được đó là của hắn? Và tôi biết làm gì với nó cơ chứ?” Tôi bỗng nói nhanh hơn và cố gắng chậm lại. “Nhưng ông có thể đi tìm. Nó chắc vẫn đang còn ở đó. Có lẽ nó sẽ tiết lộ với ông điều gì đấy.”

“Anh đang nói cái gì vậy?” Moretti hỏi.

“Chắc cũng chỉ ăn may thôi nhưng có lẽ nó là của hắn. Và có lẽ nó vẫn còn lưu lại thứ gì đó. Dấu vân tay hay ADN...”

“Anh đã tìm thấy gì?”

“Một cái que.”

“Que ư? Anh đang nói rằng mình tìm thấy một cái que trong rừng sao?”

“Một que kem.”

Một tuần trước đó,

Jana Fletcher lại nằm mơ thấy mình đang bị nhốt trong một nơi tăm tối dưới lòng đất. Trong giấc mơ đó, có tiếng của những sinh vật nhỏ bé nhốn nháo chạy lẫn với mùi ẩm thấp. Và có một cánh cửa mà cô chẳng bao giờ có thể với tới được. Một cánh cửa đơn giản với năm đấm làm bằng kim loại màu đen đã hơi lỗi thời. Một cánh cửa bạn sẽ không muốn quay lưng lại bởi vì bạn không thể tin tưởng nó và cũng bởi nó không thuộc về thế giới dưới lòng đất này. Nếu bạn quay lưng lại, nó có thể sẽ mở ra.

Cô bừng tỉnh trong đêm và ngồi dậy, lắng nghe tiếng thở của chính mình cùng tiếng đệm lò xo kêu cọt kẹt theo từng chuyển động. David trở mình bên cạnh và cô cảm nhận được bàn tay anh đang đặt trên eo mình.

“Có chuyện gì vậy em?” giọng ngái ngủ cất lên.

“Không có gì đâu,” cô nói.

Ánh trăng chiếu rọi qua cửa sổ. Cô đợi David chìm lại vào giấc ngủ rồi xuống giường và tìm chiếc áo sơ mi cài cúc của anh. Cô mặc nó vào rồi đi chân trần vào nhà tắm. Giấc mơ kia đã tan biến khỏi tâm trí. Nó từng khiến tim cô đập dồn dập và không khí thét gào trong phổi. Đôi khi, cô cần tới cả tiếng đồng hồ để thoát ra khỏi nó. Nhưng lúc này, từng chi tiết mờ dần như một màn sương.

Cô thấp ngọn nến trên bồn rửa mặt và nhìn ngắm gương mặt mình trong gương. Làn da không trắng cũng không đen mà có màu cà phê kem, như mẹ cô từng nói. Một làn da sáng và khỏe mạnh. Nó khiến vết bầm tím trên má cô trông rõ hơn. Jana thử đánh giá vết bầm dưới ánh nến: một quầng thâm hình lưỡi liềm hiện lên quanh mắt trái. Tím thẫm, màu của mận chín.

Chuyện này rất khó giải thích vì nó trông như vết bị đánh vào mặt.

Cô để ngọn nến tiếp tục cháy và bước vào bếp, vừa đi vừa cài cúc áo sơ mi của David. Rồi cô xoay khóa mở cửa sau và lên ra ngoài, để cánh cửa khẽ khàng đóng lại phía sau.

Cô đứng trên nền hiên gạch và ngửa mặt lên ngắm nhìn bầu trời đêm - trắng lười liềm cao vời vợi, lấp ló sau những áng mây mỏng manh. Không khí thật mát mẻ, chắc khoảng 16 độ. Cô thích cảm giác luồng không khí mát mẻ ấy ve vuốt làn da bên dưới áo sơ mi. Trời lúc này không mưa, nhưng mấy ngày nay đã mưa rất nhiều. Và cô biết mưa sẽ còn rơi nhiều hơn nữa.

Những áng mây lững lờ trôi qua vầng trăng treo lơ lửng. Một trong số chúng có hình lười liềm. Giống vết bầm trên mặt cô.

Cô đã dành 3 ngày để xử lý vết bầm và tìm cách giải thích cho sự xuất hiện của nó. Bởi vì con người ta rất hay hỏi. Họ sẽ ngập ngừng và cảm thấy có lỗi nhưng vẫn sẽ hỏi. Một người phụ nữ trong lớp học Luật Hiến pháp từng hỏi cô chuyện gì đã xảy ra và Jana bảo mình bị ngã. Chạy bộ trong công viên, tuột dây giày và ngã sấp mặt. Câu chuyện không được hợp lý cho lắm nhưng người phụ nữ đó vẫn tin cô. Bởi một điều khác nữa là người ta muốn tin. Họ muốn nhận được một lời giải thích dễ chịu và khiến họ yên lòng.

Còn cả những người khác nữa. Chẳng hạn một gã thu ngân ở cửa hàng cô mua cà phê. Với anh ta, cô lại bịa ra câu chuyện về đứa con của một người bạn. Một đứa bé. Trẻ con hay chơi với những khối hình bằng gỗ kêu lạch cạch. Chúng ăn vạ rồi ném đồ linh tinh. Câu chuyện đã nói lên tất cả.

Cô phải né đi chứ, gã đó nói. Jana bật cười. Lần tới, cô sẽ làm vậy.

Rồi đến viên quản lý ở nhà hàng nơi cô đang làm bồi bàn: một người phụ nữ ân cần như một người mẹ dù chị ta không lớn hơn cô là mấy. Chị ta tỏ vẻ quan tâm nhiều hơn những người khác một chút khi hỏi và Jana cũng trả lời một cách thận trọng hơn. Cô bịa ra chuyện đội bóng mềm [1], không chơi nghiêm túc, chỉ một trận mỗi tuần. Jana chơi ở vị trí chốt gôn 2 [2]. Ai đó đã phát bóng lên, cú nảy bóng bất ngờ đến nỗi cô không kịp giơ gang ra bắt. Và một quả bóng mềm thì không được mềm lắm nhất là khi bị nó đập vào mặt.

Jana nghĩ đó là một lời nói dối hợp lý. Phần cô thích nhất chính là cú nảy bóng bất ngờ. Cô chơi cho đội bóng mềm hồi học Trung học. Huấn luyện

viên luôn căn dặn cô phải coi chừng và tỉnh táo bởi vì đôi khi bóng sẽ nảy lên bất ngờ.

Viên quản lý nhà hàng lắng nghe câu chuyện với vẻ mặt nghiêm trang. Có chút hoài nghi.

“Cô muốn kết thúc mọi chuyện thế này sao?” chị ta hỏi khi Jana kết thúc câu chuyện.

“Tôi không chắc ý chị là gì.”

Viên quản lý trông có vẻ buồn rầu. “Ý tôi là cô có thể tin tôi, cưng ạ. Cô có thể nói với tôi chuyện gì đã xảy ra. Không cần phải bịa chuyện.”

Jana suýt mỉm cười vì sự tử tế trong giọng nói của chị ta. Nhưng cuối cùng cô lại nói, “Đó không phải là chuyện bịa, mà chính là những gì đã xảy ra.” Cô mỉm cười, “Tôi không có câu chuyện nào cả.”

Viên quản lý thở dài rồi gợi ý Jana nên nghỉ ngơi vài ngày và quay lại vào cuối tuần, sau khi vết bầm đã xẹp bớt. Sau đó, cô có thể trang điểm để che nó đi cho khách hàng khỏi giật mình. Những vết bầm tím không có lợi cho việc kinh doanh. Sẽ không khó khăn gì để che được nó đi, viên quản lý có thể chỉ cách cho Jana vì chị ta biết một vài bí quyết.

Và giờ đây, dưới ánh trăng, cô nhớ lại cuộc trò chuyện giữa họ. Cô vẫn chưa quay lại nhà hàng kể từ hôm ấy và cũng không chắc liệu mình có quay lại làm việc nữa hay không. Nhưng cô không hối hận về những lời nói dối của mình. Không phải chuyện cú đánh bất ngờ hay rằng cô không có câu chuyện nào cả.

Bởi vì đó cũng chính là một lời nói dối. Cô có những câu chuyện của riêng mình.

Chẳng hạn như David. Cô đã gặp anh 3 đêm trước. Dưới mưa. Cô đã đưa anh về căn hộ của mình, một nửa của căn nhà song lập [3] trong một con ngõ cụt. Và cô đã ngủ với anh ngay đêm đầu tiên đó, điều cô chưa bao giờ làm, nhưng anh là một người đàn ông cao to và cô thích hình dáng chiếc

cầm cùng giọng nói có chút khàn khàn của anh như thể vừa mới bình phục lại sau một cơn cảm lạnh.

Anh còn có một đôi tay mạnh mẽ nhưng cũng đủ thông minh để trao cho cô quyền kiểm soát. Anh để cô cởi bỏ quần áo cho anh trong lần đầu tiên rồi đặt lưng xuống, gót chân buông hờ hững dưới chân giường. Cô dùng cả tay và miệng mình để khám phá thân hình săn chắc của anh. Cơ thể anh rất nhanh chóng đã có phản ứng và giữ nguyên như vậy, nhưng anh không hề thúc giục cô. Và cuối cùng, cô cũng đặt nụ hôn lên ngực anh, vòng tay ôm lấy anh, rồi ngồi lên người anh, đưa anh vào bên trong cơ thể mình. Anh vẫn tiếp tục chờ đợi và để cô dẫn dắt, rồi cô chìm đắm bản thân mình vào anh, hoàn toàn trọn vẹn, trước khi cảm thấy đôi tay mạnh mẽ của anh đặt trên hông mình. Sau đó, chỉ còn lại tiếng cọt kẹt của chiếc đệm lò xo cùng giọng nói của anh khi anh gọi tên cô và khi đã đạt đến đỉnh khoái lạc, cô bắt đầu rên rỉ, điều vốn cũng chưa từng xảy ra trước đó.

David. Cô không biết nhiều về anh, ngoại trừ việc anh lớn hơn cô 1 tuổi - 26 - và anh lớn lên ở đây, ở mảnh đất Rome, New York này. Anh đã học Đại học ở một nơi khác và có bằng kỹ sư. Cô nghĩ anh xuất thân trong một gia đình giàu có nhưng không dám chắc. Có nét gì đó trong cách anh nói chuyện và hành xử - sự tự tin. Khi đưa cô đi chơi, anh trả tiền không chút do dự. Tuy nhiên, công việc của anh lại là kiểm tra hiện trạng nhà cho những người muốn mua. Đó không phải một công việc có thể gọi là quyền cao chức trọng. Anh lái xe bán tải và nó cũng không phải đồ mới, nhưng lại rất thoải mái. Những thông tin đối lập. Và cô cũng chưa từng tới nhà anh.

Cô không biết anh nghĩ gì về mình khi sống trong căn hộ rẻ tiền của cô. Có lẽ, anh nghĩ rằng cô cũng xuất thân từ một gia đình giàu có nhưng lại chọn đến sống ở một khu tồi tàn nhằm cố gắng chứng minh mình có thể tự lập.

Cô đoán một phần nguyên nhân là vì anh yêu thích cơ thể và làn da của cô. Da anh màu trắng nhợt, vậy nên việc ngủ với một cô nàng da đen sẽ mang lại một cảm giác hoàn toàn mới lạ. Điều đó thật buồn cười bởi vì cô không bao giờ nghĩ mình là một cô nàng da đen. Cô có một người cha da

đen mà cô chưa từng gặp và một người mẹ da trắng đã nuôi nấng cô ở Geneva, New York, một thị trấn nhỏ nằm bên bờ hồ Seneca.

Và David chính là một chuyện tốt lành. Jana không biết anh sẽ ở đây bao lâu nhưng kể từ hôm họ gặp nhau, đêm nào anh cũng tới. Và nếu mọi chuyện vẫn tiếp diễn như thế này, cô sẽ phải làm gì đây với chiếc đệm lò xo của mình, bởi vì bà chủ nhà đang sống ngay trong nửa bên kia của căn nhà song lập - một bà lão đáng kính - và giờ đây, bất cứ khi nào chạm mặt bà ấy, Jana đều phải nhận một ánh mắt không mấy đồng tình.

Nhưng cô sẽ không lo lắng về bà chủ nhà của mình.

Jana bước từ hiên xuống bãi cỏ hơi dốc trải dài đến tận bìa rừng phía xa xa. Mặt đất ẩm ướt lún xuống bên dưới đôi chân trần của cô. Làn gió nhẹ thoảng qua, mát lạnh trên da thịt. Jana không mặc gì ngoài chiếc áo sơ mi của David và nó rất mỏng. Không khác gì khóa thân.

Một ý nghĩ thật táo bạo. Những ngón tay từ từ lần mở cúc áo sơ mi, từng cái một. Cô tách hai vạt áo ra, kéo trễ khỏi vai và thử thách chính bản thân mình. Một Jana bạo gan liều lĩnh. Cô sờn gai ốc ở bụng và ngực, cảm thấy bầu ngực cứng lại trong không khí.

David đang ở trong. Rất gần. Cô có thể đánh thức anh dậy, kéo anh ra ngoài này và đẩy anh nằm xuống bãi cỏ. Cô nhắm mắt lại để cảnh tượng tiếp diễn trong tâm trí.

Bỗng có thứ gì đó di chuyển và cô choàng mở mắt. Cô kéo áo sơ mi lên tận cổ và vòng tay ôm lấy chính mình. Cô có cảm giác bị theo dõi, một cảm giác chân thực, như cảm giác của làn gió trên da cô. Cô nghĩ tới bà chủ nhà, người cũng có một khoảng hiên gạch ngay gần đó, phía bên kia đồng cỏ và bụi hoa mai Mỹ [4], nhưng khi cô đi kiểm tra thì không có ai ở đây cả. Cô nhìn qua phía bên kia bãi cỏ, cố căng mắt nhìn xem liệu có bóng hình nào lấp ló trong rừng cây hay không. Nhưng tất cả những gì cô có thể thấy được chỉ là bóng tối len lỏi giữa những hàng cây.

Mình chỉ đang tự dọa bản thân thôi, cô nghĩ. Chẳng có gì cả. Chỉ là quá nhiều ánh trăng và đêm đen mà thôi. Liều lĩnh quá. Kiểm chế nào, Jana.

Không có gì hết cả.

Tôi trở mình nằm nghiêng và với tay tìm kiếm Jana, nhưng chẳng thấy gì ngoài tấm ga trải giường nhàu nhĩ. Tôi ngồi dậy và đứng khỏa thân trong không gian lờ mờ của căn phòng, tìm kiếm chiếc quần boxer rồi mặc vào. Không thấy cái áo sơ mi đâu cả.

Tôi cứ thế đi chân trần trên mặt sàn gỗ cứng khắp căn hộ mà không lo bị hệt chân vấp phải bất cứ thứ gì, bởi đây chính là căn hộ sơ sài nhất tôi từng thấy. Không bày bừa lộn xộn, cũng chẳng có quần áo vứt vương vãi trên sàn nhà. Thật ra, Jana Fletcher có ít quần áo hơn những người phụ nữ mà tôi biết: Toàn bộ quần áo của cô có thể dễ dàng xếp vừa vặn trong một chiếc tủ nhỏ và một ngăn kéo. Cô có đúng 4 đôi giày: một đôi giày đế mềm, một đôi leo núi, một đôi giày da loafer và một đôi cao gót.

Đồ đạc trong nhà cũng ít ỏi: tủ ngăn kéo, giường, tủ đầu giường, một chiếc bàn đặt trong phòng khách nhưng không có sofa hay TV. Cũng chẳng có máy tính. Những khi cần nghiên cứu hay viết bài, cô sẽ đến phòng máy tính ở trường Đại học.

Chiếc bàn của Jana đặt đối diện một bức tường trống trơn. Gần đó là một lò sưởi đốt củi nhỏ với mặt lò là một cái kệ. Trên mặt kệ có một tấm gỗ dài, kích thước 2x4 [5] được đục 4 lỗ nông, mỗi lỗ đủ rộng để đựng một ngọn nến trà [6].

Những ngọn nến lúc này đều đang cháy.

Ngoài ra, thứ duy nhất đặt trên mặt lò sưởi là một chiếc bát làm từ đất sét đựng một đồng xu duy nhất: đồng 25 xu. Nhưng đồng xu trông rất lạ. Không hoàn hảo. Một phần của đồng xu đã bị mài mòn đến nỗi góc phần tư bên trái phía trên - ngay vùng quanh trán của George Washington [7] - đã biến thành đầu nhọn.

Cũng không có những món đồ trang trí rẻ tiền. Không có đồ lưu niệm hay bình hoa. Jana chỉ có vài cuốn sách giáo khoa cùng một bộ sưu tập tiểu thuyết nho nhỏ nhưng rất phong phú, từ Alexandre Dumas cho tới Stephen

King. Cô có hai chậu cây trồng trong nhà. Giờ tôi có thể nhìn thấy chúng khi bước qua cổng vòm vào nhà bếp. Một cây xương rồng và một cây hoa tử linh lan được trồng trong hai cái chậu giống hệt nhau, đặt ngay chính giữa bàn bếp và được ánh đèn le lói phía trên bếp lò dịu dàng bao bọc lấy.

Cửa sau căn hộ đang để mở. Tôi nhìn qua ô cửa kính khép kín và thấy Jana đang đứng ngoài bãi cỏ. Cô khoác trên người chiếc áo sơ mi của tôi, dài đến tận đầu gối. Tôi tiến tới gần cửa hơn nhưng không bước ra ngoài, nhìn cô giũ bỏ chiếc áo, phô bày tấm lưng và đôi vai trần. Mái tóc sẫm màu buông xõa trên hõm vai. Cơ thể cô trông như một bức tượng với những mảng màu đen và xám dưới ánh trắng bàng bạc. Và mặc dù chỉ mới quen cô được 3 ngày, tôi nghĩ có lẽ mình đã yêu cô.

Tôi đang chạy xe trên một con đường tăm tối bên ngoài địa phận Rome vào cái đêm chúng tôi gặp nhau.

Khi nhắc đến phía bắc tiểu bang New York, người ta thường nghĩ ngay đến đồng ruộng và núi đồi nhấp nhô trập trùng. Những con đường uốn lượn như rắn và những thị trấn nhỏ không bao giờ thay đổi. Giới hạn tốc độ giờ đã giảm xuống 30 dặm. Có một trạm xăng, một tiệm tạp hóa và một nhà kho bày bán đồ cổ. Còn có một bà cụ ngồi trên ghế bập bênh trước hiên nhà cùng một sạp rau củ ven đường trước khi giới hạn tốc độ tăng lên 55 và không còn gì để nhìn ngoài đồng ruộng và cây cối.

Rome không phải một trong những thị trấn nhỏ bé ấy, mà là một thành phố. Ở đó, có cả những khu tốt đẹp lẫn những chỗ chẳng ra sao. Nó có những doanh nghiệp đang lên và những doanh nghiệp đang chết dần chết mòn. Nó có bề dày lịch sử bắt đầu từ thời Cách mạng Mỹ. Đó chính là nơi kênh đào Erie được động thổ năm 1817 và là cái nôi của căn cứ Không Quân trong suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh.

Rome cũng âm ỉ, trải dài và rực rỡ ánh đèn vào ban đêm như bất kỳ một thành phố nào khác. Vào cái đêm gặp Jana, tôi lại muốn chạy trốn khỏi nó. Tôi rời nhà và lái xe về phía bắc mà không có điểm đến cụ thể nào trong

tâm trí. Tôi đi theo tuyến đường 46 và ra khỏi thành phố. Một lúc sau, tôi chọn vài ngã rẽ ngẫu hứng và thế là thẳng tiến về phía tây trên đường Quaker Hill.

Nhà cửa giờ đã nhường chỗ cho những rừng cây. Không còn ánh đèn thành phố, đêm tối trở nên thanh khiết hơn. Cảnh tượng xung quanh bắt đầu trông có chút vô thực, như đôi lúc ta lái xe trong bóng tối. Mưa cũng bắt đầu lất phất rơi. Không phải là một cơn mưa dữ dội mà chỉ vừa đủ làm ướt con đường phía trước mặt, tạo nên những mảng đen lấp lánh trong ánh đèn pha chiếu rọi từ xe tải của tôi. Như thế tôi đang lái xe trên mặt đá obsidian [8] vậy.

Dọc theo hai bên đường là những cây sồi và khi ánh sáng quét qua chúng, đám lá cây bỗng trở nên lấp lánh như những viên đá quý. Tôi nhớ là như vậy. Và tôi cũng nhớ được cái ý nghĩ rằng mình đang đi xuyên qua một khu rừng bạt ngàn ngọc lục bảo.

Rồi bỗng từ đâu, một con hươu xuất hiện.

Nó nhảy vọt ra từ rừng cây nằm phía nam con đường và không hề cố gắng băng qua trước mặt tôi. Nó còn chẳng tiến vào làn đường tôi đang đi. Tôi có thể nhìn rõ nó nhờ ánh đèn pha chiếu xa của xe tải. Rồi khi tôi bắt kịp con hươu và nó đang ở ngay bên cạnh, đang chạy cùng tôi giống như một chú chó to lớn thân thiện. Nó ở kế bên tôi, lơ mơ trong đêm tối và tôi thề rằng chỉ cần hạ cửa sổ xe xuống, tôi sẽ có thể vươn tay ra chạm vào nó.

Cơn mưa khiến tôi phải cho xe chạy chậm, nhưng không quá chậm: khoảng 45 hoặc 50 dặm một giờ. Tôi từng đọc được ở đâu đó rằng loài nai có thể chạy 40 dặm một giờ, nhưng mỗi giây trôi qua, con hươu vẫn cứ theo kịp tôi.

Tôi chưa từng nghĩ tới chuyện tăng tốc hay đi chậm lại.

Khi chúng tôi ra đến đoạn đường cong thì mọi chuyện thay đổi. Có lẽ con hươu đã bắt đầu thấy kiệt sức hoặc nó đã quyết định để cho tôi thắng cuộc. Dù là thế nào, nó cũng không còn hào hứng như trước. Nó vẫn nhảy theo

sau, nhưng giờ tôi chỉ có thể nhìn thấy nó qua gương chiếu hậu, một cái bóng cứ nhỏ dần rồi biến mất trong màn đêm.

Tôi thở ra một hơi. Mưa rơi thành từng dòng mỏng manh trên tấm kính chắn gió rồi bị cần gạt nước xóa sạch đi. Đi thêm nửa dặm nữa, tôi nhìn thấy những ánh đèn pha đang tiến về phía mình. Tôi chuyển từ đèn pha chiếu xa sang chiếu gần và một chiếc xe vội vã lướt qua bên làn đường chạy về hướng đông. Nó trông chẳng có gì đặc biệt, chỉ là một chiếc ô tô nhỏ cà tàng, nhưng tay tài xế vẫn thúc nó mạnh mẽ lao tới. Tôi nhìn theo những chiếc đèn sau xe khuất dần trong gương chiếu hậu.

Tôi tự hỏi liệu con hươu có còn ở trên đường hay không. Có lẽ là không. Hoặc giả nếu nó vẫn đang chạy trên đường, chắc hẳn tay tài xế sẽ kịp nhìn thấy nó. Không có lý do gì để nghĩ sẽ có chuyện khủng khiếp xảy ra, mà tôi cũng đâu làm được gì. Vì vậy, tôi không cần phải đạp phanh hay bắt đầu tìm chỗ quay đầu xe.

Tôi bắt gặp một con đường nhánh nhỏ dẫn tới cánh đồng của vài người nông dân, rẽ vào lối đó rồi trở ra, đánh tay lái vòng lại và thẳng tiến về phía đông. Mưa vẫn mặc sức rơi. Quang cảnh hướng này chẳng có gì khác biệt, những chiếc lá vẫn trông như những viên ngọc lục bảo sắc cạnh.

Đúng lúc đang nghĩ mình đã đi đủ xa và cũng sẽ chẳng tìm thấy gì, tôi mới vòng vào một khúc cua và nhìn thấy ánh đèn phía xa xa: Màu đỏ của đèn hậu cùng ánh sáng nhấp nháy lơ lờ từ chiếc đèn báo hiệu khẩn cấp.

Chiếc ô tô nhỏ đang nằm đó, bên lề đường và không hề nhúc nhích. Con hươu cũng ở đó. Cả Jana Fletcher cũng vậy.

Tôi cho xe tấp vào lề đường và bước ra ngoài cơn mưa.

Trong ánh sáng rọi ra từ chiếc đèn pha xe tải của tôi, Jana Fletcher đang bước từ chiếc xe của mình lại chỗ con hươu. Cô mặc một bộ đồ màu đen. Có nét gì đó không thực trong cái cách cô di chuyển. Tôi tự hỏi liệu có phải cô đang bị sốc hay không.

Con hươu đuôi trắng trông nhỏ hơn lúc trước, có lẽ vì hiện giờ nó đang nằm trên mặt đất. Nó nằm nghiêng sang một bên, đầu gối trên mặt đường. Đôi mắt nó mở to và nhìn trừng trừng.

Jana cúi người xuống bên cạnh và dùng đầu ngón tay chạm vào vùng lông ở bụng nó. Cô không ngược nhìn lên khi tôi bước lại gần.

“Cô ổn chứ?”

Từng lọn tóc xoắn sẫm màu của cô buông xõa xuống và ẩm ướt vương đầy những giọt mưa. Lúc này, tôi cũng đang cúi xuống nhưng cô vẫn không nhìn tôi.

“Tôi không trông thấy nó,” cô nói.

Giọng cô nghe rất nhẹ nhàng. Tôi có cảm giác cô đang nói chuyện với chính mình.

“Tôi không hề trông thấy nó và rồi nó đột nhiên xuất hiện.”

“Cô chạy xe rất nhanh,” tôi nói.

Cuối cùng thì cô cũng ngược lên. Trong đôi mắt màu nâu của cô không hề choáng váng, mà trong veo và căng thẳng. “Nó lao thẳng vào tôi rồi nhảy bổ lên nắp ca-pô. Anh có nhìn thấy không?”

“Không.”

“Như thế nó đang cố nhảy qua chiếc xe vậy. Ban đầu, tôi tưởng thế thật. Tôi tưởng khi mình quay trở lại chỗ này thì nó đã biến mất. Chạy vào rừng. Anh nghĩ nó đã chết chưa?”

Tôi nghĩ chắc chắn là rồi, nhưng không muốn nói ra. Tôi lắng nghe tiếng mưa rơi cùng tiếng âm ì phát ra từ động cơ xe tải của mình.

Cô hướng sự chú ý trở lại với con hươu và lần những ngón tay trên bộ lông của nó.

“Nó thật đẹp,” cô nói.

Rồi cô đưa tay đặt lên vai con hươu, hành động đó khiến cô mất thăng bằng. Nhưng cô nhanh chóng ngồi vững lại và quỳ một đầu gối xuống đất. Trong khi quan sát cô, tôi nhìn thấy một thứ mà mình đã không để ý trước đó: Trên má của cô có một vết bầm đỏ. Không giống do tai nạn xe. Cổ áo mở rộng và tôi có thể nhìn thấy nó bị thiếu mất hai chiếc cúc.

“Cô tên là gì?” tôi hỏi cô.

Cô nói tên mình và tôi cũng cho cô biết tên tôi.

“Cô có bị thương ở đâu không?” tôi nói.

“Không.”

“Mặt cô bị sao vậy?”

Cô đưa tay chạm lên vết bầm đỏ trên má như thể vừa chợt nhớ ra nó.

“Không nghiêm trọng lắm đâu.”

“Có lẽ cô nên tới bệnh viện.”

Cô chống hai tay lên đùi và đứng dậy. “Tôi không lo cho mình. Tôi lo cho con hươu. Sẽ thế nào nếu nó chưa chết?”

Tôi cũng đứng dậy theo và chúng tôi đứng đối diện với nhau, ở giữa là con hươu.

“Nó không nhúc nhích.”

“Trông nó có vẻ không bị thương,” cô nói. “Không hề có máu.”

“Nó đã bị ô tô đâm,” tôi nhẹ nhàng nói. “Tôi nghĩ nó bị thương theo cách mà chúng ta không thể nào thấy được. Những vết thương bên trong...”

Jana Fletcher ngoan cố lắc đầu, khiến những giọt nước mưa văng ra khỏi tóc cô.

“Nó không bị đâm. Tôi đã bảo anh rồi, nó nhảy bổ lên xe.”

“Tôi chắc là có vẻ như thế. Chiếc xe của cô là loại xe gầm thấp. Cô đã đâm phải con hươu và động lượng khiến nó bị hất văng lên nắp ca-pô.”

“Tôi biết mình đã nhìn thấy gì.”

Cô quay mặt đi chỗ khác và bước quanh mình con hươu. Rồi cô quỳ xuống và áp lòng bàn tay lên lồng ngực của nó.

Tôi bỏ cô lại đó và bước tới trước chiếc Plymouth Sundance màu xanh dương của cô. Lưới tản nhiệt không bị hư hại gì, đèn pha cũng không bị vỡ. Nhưng có một vết lõm bên trên nắp ca-pô, còn phần kính chắn gió phía ghế hành khách thì vỡ tan - kiểu hư hại rất có thể là do một con vật đang hoảng sợ cố nhảy qua một chiếc xe đang chạy. Và tôi cũng có thể thấy được những mảnh kính bảo vệ vương vãi như những viên kim cương bên trên bảng đồng hồ.

Khi quay trở lại chỗ Jana, tôi thấy cô lại đang quỳ gối vuốt ve lưng con hươu. Chiếc áo của cô đã ướt sũng nước mưa, nên chắc cô đang cảm thấy cái lạnh của không khí ban đêm. Tôi đi lấy chiếc áo gió cũ để trong xe tải và đưa cho cô. Cô cảm ơn rồi dứt tay vào ống tay áo.

“Có ai đó cô có thể liên lạc không?” tôi nói.

“Mẹ tôi sống ở Geneva.”

“Nên là một người ở gần hơn.”

“Anh có thể giúp tôi không?”

“Chắc chắn rồi. Tôi sẽ chờ cô tới bất cứ đâu cô muốn.”

“Ý tôi là giúp tôi vạ con hươu cơ,” cô nói. “Anh có thể giúp tôi đặt nó vào xe tôi không?”

Tôi nhìn chiếc Plymouth của cô. “Cô sẽ không muốn lái nó đâu, nhất là khi kính chắn gió đã bị vỡ.”

“Thế xe của anh vậy.”

“Chúng ta sẽ đi đâu?”

“Tôi biết một bệnh viện thú y. Nó mở cửa suốt đêm.”

Chắc đọc được nỗi hoài nghi hiện lên trong mắt tôi nên cô tiến về xe của mình và quay trở lại cùng một hộp đựng đồ trang điểm. Sau đó, cô mở nó ra và đưa chiếc gương gần lỗ mũi con hươu. Một màn sương mỏng manh xuất hiện trên mặt gương trắng bạc.

“Anh thấy chưa?” cô nói. “Nó vẫn còn thở. Chúng ta phải làm điều gì đó cho nó.”

Jana cất hộp đựng đồ trang điểm đi và nhìn về phía tôi để xem liệu tôi có định giúp cô hay không. Tôi mỉm cười và lắc đầu, nhưng đã sẵn sàng lên kế hoạch. Đầu tiên là khởi động xe tải, quay đầu xe và lùi nó lại gần. Rồi kiểm một cái gì đó để làm căng. Tôi nhớ ra mình có một tấm vải bạt có thể sẽ hữu ích. Đặt con hươu lên tấm bạt rồi nhấc nó lên thùng xe.

Jana cũng có những ý tưởng của riêng mình. Cô luồn tay xuống dưới vai con hươu, nhấc chân mình lên để tạo đòn bẩy và đánh giá trọng lượng.

“Giúp tôi với,” cô nói.

“Đợi chút.”

“Nó không nặng lắm đâu. Anh sẽ thấy.”

“Chờ tôi một chút.”

Nhưng cô không chờ và bắt đầu nâng nó lên. Tôi quên bẵng mất kế hoạch của mình và vội vàng chạy lại giúp. Tôi quỳ một bên gối xuống đất và luồn tay xuống dưới lồng ngực nó. Có lẽ chúng tôi có thể nhấc nó lên theo cách đó. Có lẽ vậy. Nhưng ngay lúc ấy, con hươu bỗng chớp mắt và duỗi chân sau ra. Tôi bất ngờ đến nỗi ngã ngửa ra bãi cỏ ven đường. Jana thì đỡ hơn. Cô ấy vẫn giữ được thăng bằng.

Con hươu gượng dậy trên bốn chân và quay vòng bối rối, móng guốc gõ trên mặt đường đen ẩm ướt tạo thành một giai điệu say sưa. Sau đó, nó vụt

chạy về vạch sơn đứt đoạn màu vàng, hếch mũi lên trong màn mưa rồi nhảy qua với chiếc đuôi trắng phất cao.

Tôi nhìn nó biến mất vào rừng cây phía bên kia. Jana tiến vài bước ra đường như thể muốn đuổi theo nó. Cô gần vạch sơn vàng trong mưa cho đến khi tôi tới kéo cô lại. Khi tôi đưa tay chạm vào vai cô, Jana liền xoay người, đôi mắt sáng lên.

“Đẹp thật,” cô nói. “Anh có nhìn thấy không? Rất đẹp.”

Tôi lấy di động gọi một chiếc xe kéo đến mang xe cô đi và cùng chờ cho tới khi nó đến, rồi đề nghị chở cô về nhà. Jana ngồi yên bên cạnh nhưng tôi biết cô vẫn còn thức. Tôi có thể cảm nhận được sự căng thẳng toát ra từ cô. Tôi lái xe dưới tốc độ cho phép và thỉnh thoảng liếc sang nhìn Jana nhưng cô chỉ chăm chăm tập trung vào con đường trước mặt.

“Tối nay, cô ra ngoài làm gì vậy?” tôi hỏi.

Cô khẽ lắc đầu. “Đừng phá hỏng nó.”

“Ý cô là gì cơ?”

“Chúng ta vừa mới chứng kiến một phép màu. Chúng ta không muốn phá hỏng nó bằng việc nói nhiều đâu.”

“Một phép màu ư?”

“Vậy anh có thể gọi một con hươu hồi sinh là gì khác được chứ?”

Tôi thấy rằng “hồi sinh” có lẽ là một từ quá mạnh, nhưng lúc đó, tôi chắc chắn con vật đã chết. Cứ để cô nghĩ vậy đi.

“Tôi chỉ thắc mắc là cô đã đến từ đâu và rồi sẽ đi đâu.”

Cô ấy toét miệng cười mà không nhìn sang tôi. “Tốt hơn chút rồi đó. Có lẽ cả hai chúng ta đều nên tận dụng khoảng thời gian này để ngắm xem mình đến từ đâu và sẽ đi đâu.”

Tôi bật cười, một nụ cười kín đáo khẽ trôi vào im lặng. Jana thoải mái ngồi bên cạnh với chiếc túi xách đặt trên đùi cùng một tập bìa kẹp hồ sơ màu

xanh lá, dày cộp giấy tờ - hai thứ cô lấy ra khỏi xe mình. Khi chiếc xe chậm chậm lăn bánh trên con đường, tôi lại quay sang nhìn góc nghiêng gương mặt cô. Những đường nét trên gương mặt cô - sống mũi dài và gò má cao - ẩn chứa chút gì đó ngoại lai và độc đáo. Điều đó khiến vết đỏ trên má cô trông còn hơn cả một sự xúc phạm. Tôi đã hỏi cô về nó một lần và rất muốn hỏi lại, nhưng có lẽ tốt nhất nên quên đi.

Tuy nhiên, tôi vẫn còn những câu hỏi khác. “Tôi tò mò muốn biết trong tập tài liệu đó có gì,” tôi nói.

Cô liếc mắt sang nhìn tôi. “Anh thật tọc mạch.”

Ngôi nhà của cô nằm chui rúc trong một ngõ cụt. Khi chúng tôi đến nơi thì đã gần nửa đêm. Bên cạnh lối vào nhà là một cây sồi với tán lá vươn rộng cùng một nhánh cây thấp vươn dài ra chạm tới cửa sổ trước. Khi tôi dừng xe lại bên dưới gốc cây, cô liền với tay xoay chìa khóa tắt máy.

“Anh ướt hết rồi,” cô nói. “Vào nhà đi, tôi sẽ cho quần áo của anh vào máy sấy.”

Sau đó, cô đi vào nhà mà không đợi câu trả lời. Tôi đi theo. Cô vắt chiếc áo gió của tôi lên ghế, để tôi trong bếp trước khi quay trở lại với một chiếc khăn tắm lớn màu trắng. Cô giơ nó lên rồi bảo, “Đến đây nào,” và tôi ngả người về phía trước để cô có thể lau tóc cho mình. Cô ấy tự lau khô tóc rồi thả chiếc khăn xuống nền nhà và bắt đầu cởi cúc áo sơ mi của tôi.

“Tôi nói dối đấy,” cô nhẹ nhàng nói khi ngược lên nhìn vào mắt tôi. “Tôi không có máy sấy.”

Đó là chuyện từ 3 đêm trước. Còn giờ tôi đang đứng nhìn cô bán khỏa thân dưới ánh trăng qua ô cửa, chiếc áo sơ mi của tôi trễ nải quanh eo cô. Nhưng đột nhiên, cô kéo áo lên và siết chặt nó quanh mình. Cô nhìn sang phải, bước vài bước qua hướng đó rồi quay trở lại. Cô đứng nhìn ra phía rừng cây xa xa, vẫn quay lưng về phía tôi. Tôi mở cửa bước ra ngoài.

Jana nghe thấy tiếng cửa mở và xoay người lại. Cô thở gấp, đưa tay đặt lên tim cho đến khi nhận ra đó là David. Anh băng qua khoảnh sân và bước ra bãi cỏ, chẳng mặc gì ngoài chiếc quần boxer và làn da anh. Vẻ lo lắng vẽ lên trên đôi lông mày của anh. “Có chuyện gì sao?”

“Không,” cô nói. “Chỉ là em có cảm giác có ai đó đang theo dõi mình.”

Anh tiến vài bước về phía rừng cây. “Em có nhìn thấy ai không?”

“Không. Chỉ là em nghĩ hơi nhiều thôi. Em dám chắc không có ai ngoài đó cả.”

Anh bước về phía cô, những nếp nhăn trên lông mày đã biến mất. Rồi anh nắm lấy vạt trước áo sơ mi và kéo cô lại gần.

“Anh sẽ kể cho em một bí mật,” anh nói. “*Chính anh* theo dõi em đây.”

Một ý nghĩ chớp nhoáng bỗng xuất hiện: cô cảm thấy không phải David theo dõi mình. Đó là người cô không muốn gặp. Cô gạt ý nghĩ đó sang một bên và nặn ra một nụ cười.

“Vậy lúc này anh có đang theo dõi em không?” cô nói.

Đôi tay anh lần tìm bên dưới áo sơ mi rồi anh cúi xuống hôn cô. Cô lại nghĩ tới chuyện đẩy anh nằm xuống bãi cỏ, nhưng điều cô muốn làm ngay lúc này là quay trở lại trong nhà.

Chắc hẳn anh cũng có cùng ý nghĩ như vậy. Cô cảm thấy tay anh đang lần bên eo cô, rồi anh cúi xuống nhắc cô lên và thả cô trên vai mình. Khi cô quấy đạp và bật cười, anh xoay người cô lại rồi bế cô vào nhà.

Một kẻ nào đó đang theo dõi.

Cứ gọi hẩn là K nếu bạn muốn. Đó là cách hẩn nghĩ về chính bản thân mình vào những lúc như thế này. Có những chuyện thường thì hẩn sẽ không làm, chẳng hạn như lẫn lút trong rừng vào ban đêm và do thám những cặp tình nhân trẻ. Không phải là phong cách của hẩn. Nhưng K thì khác, K

không đặt ra những giới hạn như thế. Thật lòng mà nói, K lại thích mấy vụ kiểu đó.

K đã theo dõi căn nhà kia gần 2 tiếng đồng hồ. Đã có lúc hắn rón rén bước đến bên cửa sổ phòng ngủ. Ngay cả trong bóng tối, hắn vẫn có thể thấy hai người họ đang nằm ngủ trong đó và hắn biết họ hoàn toàn khóa thân bên dưới lớp chăn. Hắn ước mình đã tới đây sớm hơn, bởi vì chắc chắn lúc đó, họ đang làm tình với nhau. Hắn muốn xem.

Sau khi đứng bên cửa sổ được vài phút, hắn lại lén lút quay trở về bìa rừng. Hắn tìm thấy một vị trí sau khi đi được gần 4 mét, nơi hắn có thể ngồi lên một thân cây đổ mà vẫn quan sát được căn nhà. Hắn ngả người về phía trước, hai khuỷu tay đặt lên trên đầu gối và thiền. Đây là từ gần đúng nhất hắn có thể nghĩ ra để gọi việc đó. Thiền là khi ngồi bất động và cố gắng không nghĩ ngợi gì cả. Một miêu tả hợp lý, ngoại trừ chuyện hắn vẫn hơi cử động. Hắn có một cái que gỗ giống với thứ người ta có thể tìm thấy ở một cây kem que.

Hắn dùng tay phải để cầm và xoay nó quanh các ngón tay mình. Hắn gọi nó là cái que lo lắng.

Và hắn đang suy nghĩ. Hắn không thể dừng được. Hắn đang nghĩ đến cô gái kia và những gì hắn phải làm với cô ta.

Và rồi cô ta ra khỏi nhà, như thế chính ý nghĩ của hắn đã lôi kéo cô ta làm vậy. Cô ta bước ra ngoài với chỉ độc một chiếc sơ mi rồi đứng ngược nhìn lên vầng trăng.

K đứng dậy khỏi thân cây và bước tới gần bìa rừng hơn, nghĩ rằng sẽ còn tốt hơn nữa nếu cô ta ra khỏi nhà mà không mặc gì. Và rồi điều đó đã xảy ra, như thế chính ý nghĩ của hắn khiến nó xảy ra. Cô gái mở cúc áo sơ mi, để mặc nó trễ xuống vai và hắn có thể thấy những gì mình muốn. Khuôn ngực đầy đặn một cách đáng ngạc nhiên so với vóc người như thế. Phần bụng phẳng lì mềm mại. Và một mảng lông nhỏ được tia tốt gọn gàng thành hình tam giác.

Hắn nghĩ mình có thể chiếm đoạt cô ta ngay bây giờ. Chạy nhanh hết sức qua bãi cỏ và nằm đè lên cô ta trước khi cô ta hiểu được chuyện gì đang diễn ra. Chỉ riêng ý nghĩ đó thôi đã khiến hắn nổi hứng rồi.

Một ý nghĩ thật là khinh suất, ngoài tầm kiểm soát và bốc đồng. K không phải là loại bốc đồng. Cô gái kéo áo lại và K tin rằng theo một cách nào đó, đây cũng là do hắn. Hắn đang bị trừng phạt vì những ý nghĩ khinh suất của mình.

Rồi gã bạn trai bước ra ngoài, để ngực trần và chỉ mặc mỗi quần boxer. Như Tarzan đóng khổ. K nghĩ gã có thể sẽ rất phiền toái. Sẽ thật ngu ngốc khi làm bất cứ việc gì trong lúc gã còn ở đây.

Gã bạn trai bế cô gái lên, làm cô ta ngạc nhiên. Cô ta bật ra một tràng cười vang vọng qua bãi cỏ. K nhìn họ quay trở vào trong nhà. Hắn ở nguyên chỗ cũ.

Hãy cho họ chút thời gian, hắn nghĩ. Rồi lại thử nhìn qua cửa sổ phòng ngủ. Có thể hắn sẽ thấy được điều gì đó hay ho.

Nhưng hắn phải cẩn thận. Hắn không thể hy vọng kết liễu được cô gái ngay tối nay. Hắn sẽ phải chờ đợi. Và lên kế hoạch. Quan trọng là không để bị tóm.

Nếu làm chuyện gì đó mà không bị tóm thì cũng giống như nó chưa từng xảy ra.

Sáng hôm sau, tôi đã mắc phải một sai lầm thậm tệ.

Khi tôi tỉnh giấc thì Jana đã đến lớp. Cô để lại chìa khóa cùng một mẫu giấy nhắn bảo tôi khóa cửa trước khi đi. Tôi đi tắm và mặc lại quần áo đêm hôm trước, kể cả chiếc sơ mi mà cô đã khoác lên người. Tôi tự rót cho mình một ly nước cam lấy từ trong tủ lạnh của cô, rồi cầm nó ra đứng ngoài khoảnh sân sau.

Mặt trời buổi sáng đã hong khô bãi cỏ, nhưng trời sẽ còn mưa nữa. Khi dạo bước trên bãi cỏ, tôi nghe thấy tiếng một chiếc cào đang bập vào mặt đất. Bà chủ nhà của Jana đang làm việc ngay sân bên cạnh, đào xới luống hoa đã trồng từ năm ngoái, để chuẩn bị trồng loại cây mới.

Bà ấy gầy gò, còng còng và đã luống tuổi. Bà ấy trùm tóc lại bằng một chiếc khăn và mặc một cái váy tả tơi có lẽ từng được khoác trên người một nông dân từ thời Trung cổ. Tôi đã gặp bà ấy nhưng bà ấy chưa từng nói với tôi một lời nào và giờ cũng vậy, ngay cả khi tôi chúc bà ấy một buổi sáng tốt lành. Thay vào đó, bà ấy chỉ ném cho tôi một cái nhìn khó hiểu.

Tôi quay đi, nhìn về phía khu rừng và nhớ lại đêm hôm trước - cảm giác của Jana rằng cô đang bị kẻ nào đó theo dõi. Cô gạt nó đi nhưng trong giây lát, trông cô thực sự sợ hãi. Tôi có lịch kiểm tra hiện trạng nhà vào chiều nay, nhưng lúc này thì tôi rảnh rỗi và có thời giờ để vào rừng đi dạo.

Tôi chỉ việc băng qua bãi cỏ. Tôi không chắc tại sao mình không làm thế, ngoại trừ tôi đang cảm thấy sự không đồng tình của bà chủ nhà. Ở đây, tôi là người lạ và không được chào đón. Tôi chỉ biết, bà ấy sở hữu khu rừng kia. Tôi chẳng có việc gì mà phải đi dạo trong đó cả.

Tôi uống nốt nước cam, cất ly vào trong nhà và lại ra ngoài, nhưng lần này, tôi ra bằng cửa chính, rồi khóa lại. Chiếc xe tải của tôi vẫn đang đỗ bên dưới gốc cây sồi. Tôi bước một vòng qua nó, rồi đi bộ về phía đông trên con đường nhỏ trước cửa nhà Jana cho đến khi ra tới một con đường lớn hơn gọi là Clinton. Cách 3 nhà về hướng nam trên đường Clinton là một sân chơi đồ

nát: một sân bóng rổ nhưng không có lưới và một sân bóng chày không điểm mốc. Một tấm biển dựng bên đường có ghi CÔNG VIÊN CYPRESS.

Vài đứa trẻ đang chơi đùa trên một khung xích đu han gỉ. Những bà mẹ đang ngồi nói chuyện gần đó. Tôi băng qua sân bóng về phía bìa rừng và đi men theo cho tới khi thấy một lối mòn. Nó uốn lượn vô định qua thảm lá ướt mà mùa thu bỏ lại. Thỉnh thoảng, tôi nhìn thấy một cái vỏ kẹo hay vỏ lon đã bị giẫm bẹp - những thứ rác rưởi mà đám thiếu niên bất cẩn vứt lại.

Mặt đất bắt đầu dốc lên cao và con đường mòn cũng bằng phẳng hơn, chạy thẳng về hướng tây và hướng bắc. Nó dẫn tới một hẻm núi dốc đứng đột ngột, cao khoảng 6 mét. Con đường duy nhất để đi qua là cây cầu đi bộ nhỏ hẹp có lẽ đã từng có tay vịn nhưng giờ không còn nữa. Tôi chậm chậm băng qua cầu, lắng nghe từng tiếng lép bộp và cọt két phát ra từ những tấm ván gỗ.

Sau khi qua cầu, tôi ra khỏi đường mòn, tiến về bìa rừng phía bắc và phát hiện ra một vị trí nhìn thẳng ra bãi cỏ phía sau căn hộ của Jana cũng như một dáng người đang cúi lom khom cặm cùi bên chiếc cào - đó là bà chủ nhà đang làm việc trong khu vườn. Tôi đứng nấp sau lùm cây để bà ấy không nhìn thấy. Cách bìa rừng chưa đến 4 mét, tôi phát hiện ra một thân cây đổ bong tróc vỏ, một vị trí hoàn hảo cho ai đó ngồi lên và quan sát Jana dưới ánh trăng.

Tôi hẳn sẽ nghi ngờ nếu thấy một mảng bùn mới cùng những dấu chân rõ ràng. Nhưng mặt đất ở đây cũng được bao phủ bởi thảm lá ướt, vẫn chưa khô giống những chỗ khác. Nếu có vết chân thì cũng sẽ không thấy được. Tuy nhiên có một dấu vết rõ rệt cho thấy có ai đó đã từng ở đây: Một que kem bị gãy nằm chổng chơ trên mặt đất bên cạnh thân cây đổ. Không tài nào biết được nó đã nằm đó bao lâu và ai đã bỏ nó lại. Có lẽ là một người canh gác vào ban đêm, hoặc một trong những đứa trẻ vị thành niên vô tâm đã vứt lại lon soda và vỏ kẹo kia.

Tôi quay trở lại con đường mình đã đi, băng qua cây cầu và lần theo lối mòn về công viên Cypress. Bọn trẻ đã bỏ rơi mấy chiếc xích đu và thay

nhau chơi cầu trượt trong khi những bà mẹ canh chừng chúng. Tôi rời khỏi khu rừng và bước qua sân bóng. Chẳng ai để ý. Trên đường Clinton, một con sóc chuột đang bò men theo hàng rào bằng sắt lại khi trông thấy tôi rồi nhìn tôi đi qua. Lúc trở lại căn nhà song lập của Jana, tôi trông thấy một gã đàn ông mặc áo khoác dạ dài đang ngồi hút thuốc lá trên bậc cửa căn hộ của bà chủ nhà. Anh ta nhìn chăm chăm khi tôi bước lại gần lối vào, rồi khi tôi tiến đến gần cánh cửa nhà Jana, anh ta lấy chân di tắt điếu thuốc và đứng dậy.

“Này, *kámoš* [9]. Anh và tôi, chúng ta cần nói chuyện.”

Tôi khựng lại khi đang xoay chiếc chìa khóa của Jana trong ổ. “Tôi biết anh sao?”

“Tôi không biết anh và anh cũng không biết tôi. Đó là chuyện chúng ta cần thảo luận.”

Anh ta mặc sơ mi bằng lụa bên trong áo khoác và một thứ mà tất cả mọi người đều gọi là quần da.

“Anh không phải người thuê nhà,” anh ta nói và huơ huơ ngón tay về phía tôi. Như thế tôi đã làm chuyện gì đó sai trái.

“Đúng vậy,” tôi nói, “nhưng tôi có quen biết người phụ nữ hiện đang sống ở đây.”

“Anh không nên giữ chìa khóa.”

“Cô ấy cho tôi mượn chìa khóa dự phòng.”

“Nên giờ anh nghĩ mình đang sống ở đây hả?”

“Không, tôi chỉ ghé thăm thôi.”

“Anh không sống ở đây. Cô ấy chỉ trả tiền thuê nhà cho một người mà thôi. Nếu là hai người thì phải trả thêm.”

“Tôi chỉ ghé thăm thôi.”

“Tôi không đồng ý. Cô ta vẫn còn nợ tiền nhà.”

Anh ta có những vết sẹo do mụn trứng cá để lại cùng mái tóc chải ngược bóng loáng và nói giọng địa phương nhưng lúc có lúc không. Theo tôi nghĩ thì có lẽ là vùng Đông Âu, Séc hoặc Ba Lan.

“Anh có chìa khóa,” anh ta nói “Có lẽ anh sẽ trả nốt số tiền cô ta còn thiếu.”

“Anh là ai?” tôi hỏi.

Anh ta mỉm cười và hàm răng chắc chắn là người Đông Âu. “Tôi là chủ nhà, *kámoš*.”

Tôi lắc đầu. “Chủ nhà là một bà lão tốt bụng và sống ngay bên cạnh.”

“Đó là bà tôi. Bà ấy đứng tên nhà, còn tôi thu tiền thuê.”

Anh ta thọc tay vào túi áo rồi đưa tôi một tấm danh thiếp nhếch nhác ghi: *LANIK RENTALS, SIMON LANIK, ĐẠI LÝ CHO THUÊ NHÀ*.

“Đó là tôi,” anh ta nói. “Anh trả hay không đây?”

“Tại sao tôi phải tin anh? Bất cứ ai cũng có thể tự in ra một tấm danh thiếp.”

“Ồ, anh có thể tin tôi mà, *kámoš*.” Anh ta nhìn lên bậc cửa nhà bên. Bà lão hiện giờ đang đứng bên cánh cửa đang hé mở. “Ê, bà ơi,” anh ta nói với bà ấy. “Anh ta đúng là một gã khôn lỏi.”

Bà ấy gật đầu và phát bàn tay nhăn nheo trong không khí, như thể cảm thấy chán ghét cả hai chúng tôi.

Simon Lanik quay lại nhìn tôi. “Anh có chìa khóa. Tốt thôi. Anh sẽ không ở lại đây lâu, cả cô gái kia cũng vậy. Trừ khi có người trả tiền.”

“Jana còn nợ anh bao nhiêu?” tôi hỏi.

Anh ta chần chừ một chút, như thể đang thêm thắt gì đấy.

“150,” anh ta nói.

“Tôi không mang ngần ấy tiền.”

“Vậy anh có bao nhiêu, *kámoš*?”

Tôi lấy ví ra. “Bốn tờ 20,” tôi đáp. “80 đô.”

“Khởi đầu như thế là được rồi,” anh ta nói rồi với tay ra lấy tiền.

Tôi giữ lại và hất đầu về phía bà lão kia. “Tôi sẽ đưa cho bà ấy,” tôi nói, “còn anh sẽ viết hóa đơn cho tôi.”

Anh ta bật cười. “Anh muốn gì cũng được, đồ khôn lỏi.”

Sau khi tôi lấy được hóa đơn, Simon Lanik liền rời đi. Tôi bước vào nhà, tự đổ cho mình một bát ngũ cốc và nghĩ xem liệu Lanik có phải đã gây ra vết bầm trên gương mặt Jana hay không. Nhưng rồi tôi nghĩ rằng anh ta không phù hợp. Tôi nghĩ anh ta có thể tát một người phụ nữ nếu cô ấy không trả tiền đúng hạn, nhưng anh ta đã viết hóa đơn bằng tay trái, nguệch ngoạc nét bút chì trên mặt sau tấm danh thiếp. Vết bầm của Jana lại nằm phía bên trái khuôn mặt, nên tôi nghĩ chắc cô đã bị đánh bởi một người thuận tay phải.

Tôi mang bát ngũ cốc vào phòng khách và ngồi xuống chiếc bàn. Cô có một quyển sổ ghi địa chỉ bìa hình bướm bướm. Tên và số điện thoại được ghi lại trên giấy vì cô không có di động. Kẻ đã đánh cô chắc là một gã đàn ông, bởi chỉ có đàn ông mới đi đánh phụ nữ. Có thể là một ai đó quen với cô, vậy nên tên của hắn có lẽ cũng được ghi trong sổ. Tôi lật từng trang và thấy có khoảng 30 đầu mục. Không cái tên nào trong sổ đó gây ấn tượng với tôi, ngoại trừ: *Roger Tolliver*. Jana đã từng nhắc đến ông ta. Ông ta là một trong những giảng viên ở trường Luật, một ngôi sao mới nổi của khoa.

Tôi lấy tập giấy vàng, dùng bút chép cả tên lẫn số điện thoại của ông ta vào. Tôi không biết mình sẽ làm gì với nó. Gọi cho ông ta và hỏi có phải ông ta đã đánh vào mặt cô không ư? Hay hỏi đêm qua ông ta có lẩn khuất trong rừng cùng với một cây kem không?

Tôi có thể nghĩ ra sau. Còn giờ, tôi chép thêm vài cái tên nữa - tên của những người đàn ông có thể tìm thấy được trong danh bạ. Rồi tôi nhớ lại đêm mình gặp gỡ Jana. Tôi gọi nó là *Đêm con hươu cái*. Cô đã mang theo

một tập tài liệu vào đêm hôm đó, một tập bìa cứng màu xanh lá kẹp giấy tờ dày cộp.

Tôi tò mò muốn biết trong đó có gì, tôi đã nói vậy.

Anh thật tọc mạch.

Kể từ hôm đó, tôi không nhìn thấy tập tài liệu ấy nữa. Nhưng chiếc bàn có một ngăn kéo đựng hồ sơ. Tôi mở nó ra và thấy cả đồng bìa kẹp hồ sơ được nhồi nhét bên trong. Không có cái nào được dán nhãn, ngoại trừ một cái, đủ dày để có thể là cái mà tôi đang tìm kiếm. Tôi định lấy nó ra và đó là khi tôi mắc phải một sai lầm thậm tệ.

Tôi đã dừng tay.

Bởi vì Jana Fletcher đã tin tưởng để tôi ở trong nhà cô một mình. Cô đã đưa tôi chìa khóa và cũng nói rõ cô không muốn kể cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra với gương mặt mình hay nội dung của tập tài liệu.

Vậy nên tôi đóng ngăn kéo lại.

Nhưng giữ những cái tên đã chép. Tôi xé tờ giấy ra, gấp lại và nhét vào túi quần. Nhưng tôi không làm gì với nó - cho đến sau khi cô qua đời.

Hôm đó là sáng thứ Năm, ngày 24 tháng 4. Trong những ngày sau đó, tôi đã biết được vài thông tin quan trọng về Jana Fletcher. Tôi biết được rằng cô chào đời vào đúng ngày Xuân phân, cung Bạch Dương, dù cô vẫn không tin vào thuật chiêm tinh. Tôi cũng biết rằng lúc còn nhỏ, cô từng bị gãy tay khi đang chơi xích đu buộc dây thừng và có lần giẫm phải một con rắn chuông, nhưng được cứu nhờ đôi boots da cao đến tận đầu gối.

Tôi biết được rằng cô chơi tennis, nhưng không giỏi lắm, cô đã học múa ba lê và từng đóng vai Rosalind trong vở *Xin tùy ý* [10] ở trường Trung học.

Tôi biết được rằng cô có một giọng hát rất hay, rằng Sheryl Crow và Dar Williams là hai nhạc sĩ mà cô yêu thích.

Tôi biết được rằng cô rất yêu chó - những chú chó thuần chủng xinh đẹp, chó lai trong những trại thú lẫn những chú chó nhỏ xíu dễ kích động với đôi mắt đen tròn và nhiều lông. Cô không nuôi chó nhưng mỗi khi gặp chúng ở trên đường, cô không thể không dừng lại vuốt ve.

Tôi biết được rằng cô thích màu chàm, chủ yếu là vì cô thích từ này. Nhà hàng yêu thích của cô có tên là The Falcon trên đường Madison ngay gần trường Đại học và cô thích ngồi tại một chỗ nhất định ở phía sau, nơi có một chiếc ca nô được buộc dây vào trần nhà.

Tôi biết được rằng cô thường thả nến bất cứ khi nào về tới nhà và cô có thể nấu ăn mà không cần chỉ dẫn hay để ý tới từng chi tiết nhỏ nhất - chẳng hạn như chuyện tôi đã lướt qua sổ địa chỉ của cô và chép vài cái tên lên một trang trong tập giấy vàng.

Tôi phát hiện ra điều ấy vài ngày sau đó. Vào buổi tối Chủ nhật, bên ngoài trời mưa lạnh nhưng Jana và tôi ngồi trong phòng khách với bên lò sưởi đang cháy. Lúc đầu thì còn đứng mặc đủ quần áo, sau thì đã khỏa thân nằm trên sàn. Đến một lúc, chúng tôi tỉnh táo đủ để đặt chân và gối xuống để không phải nằm trên sàn gỗ.

“Em biết anh làm gì rồi nhé,” cô nói.

Cô nằm ngay bên cạnh tôi, đầu gối lên tay tôi, lòng bàn tay đặt lên trái tim tôi, còn chân phải thì cuốn quanh chân tôi. Tôi thắc mắc ý cô là gì và nghĩ chắc hẳn cô đang nói đến Simon Lanik cùng vụ tiền thuê nhà.

Tôi nói, “Không có gì. Chỉ là 80 đô thôi mà.”

“Không phải chuyện đó,” cô nói và chống khuỷu tay nằm nghiêng. “Dù em cũng biết cả chuyện đó nữa. Thật ngọt ngào, nhưng anh không cần làm vậy đâu. Em có thể tự giải quyết được gia đình Lanik. Và em sẽ trả lại anh sau.”

Tôi không quan tâm cô có trả lại hay không, nhưng tôi không nói ra mà bảo, “Được rồi. Vậy anh còn làm điều gì khác nữa?”

Jana lặn xa khỏi tôi và đứng dậy, lấy tập giấy vàng trên bàn và mang lại phía tôi. Cô ngồi trên eo tôi và cầm tập giấy để tôi có thể nhìn thấy.

Tôi đã xé tờ giấy mình viết lên khỏi tập giấy, nhưng nét bút đã để lại những vết hằn trên trang dưới. Cô đã dùng một chiếc bút chì cùn tô nhẹ lên tờ giấy làm những dòng chữ in hằn bên dưới hiện ra.

Thật là thông minh. Tôi buộc phải mỉm cười. “Em học trò đó ở đâu vậy?” tôi hỏi cô. “*Những cậu con trai nhà Hardy* [[11](#)] à?”

“*Nancy Drew* [[12](#)],” cô nói.

“Anh có thể giải thích.”

“Không cần. Anh vẫn chưa gọi cho ai trong số những người đó, đúng không? Anh chưa thử lần ra họ đấy chứ?”

“Chưa. Anh rất muốn nhưng đã nghĩ lại.”

Jana quăng tập giấy đi. “Em cảm thấy rất vui. Về cả hai chuyện đó. Vui vì anh muốn nhưng lại không đầu hàng cảm dỗ ấy.” Rồi cô đặt tay lên vai tôi. “Em chỉ muốn nói rõ mọi chuyện thôi.”

Tôi vươn tay chạm vào vết bầm trên má cô. “Nếu định nói rõ ràng mọi chuyện, chúng ta nên nói về đêm hôm đó.” Đêm con hươu cái. “Có một chuyện...”

Nhưng cô lắc đầu. “Quên đi. Đó chỉ là chuyện ngớ ngẩn mà thôi. Nó kết thúc rồi.” Cô quay đầu để tôi có thể nhìn được một bên mặt cô. “Nhìn này,” cô nói. “Nó đang mờ dần đi. Chỉ vài ngày nữa thôi anh sẽ không còn nhìn thấy nó nữa.”

“Đó không phải những gì anh định nói. Còn chuyện khác nữa. Em chưa bao giờ hỏi tại sao anh lái xe ra ngoài đêm hôm ấy...”

Cô đặt ngón tay lên môi tôi để ngăn tôi nói tiếp.

“Điều đó có quan trọng không?” cô nói.

Tôi gật đầu.

“Bây giờ, em không muốn nói tới chuyện nghiêm túc hay quan trọng,” cô nói. “Nhưng em sẽ thỏa thuận với anh.” Cô trở mình và vòng chân quanh hông tôi. “Một lúc nữa, nếu anh vẫn còn điều cần nói, thì hãy kể cho em.”

Cô nhấc ngón tay ra khỏi môi tôi nhưng tôi không nói gì cả. Khi cô đưa hai tay lên đỉnh đầu và uốn cong lưng, tôi vẫn không nói gì. Cô nhấc người lên rồi hạ xuống và chỉ một lúc sau, tôi đã quên bằng mất rằng mình có chuyện cần kể.

Chuyện tôi muốn kể với Jana đêm đó là thế này: Tôi đã đính hôn với một người phụ nữ tên là Sophie Emerson.

Chúng tôi dự định sẽ tổ chức hôn lễ vào mùa thu, một ngày cuối tháng Chín. Sẽ có xe ngựa và cả chim bồ câu. Những con chim bồ câu đó sẽ được thả ra vào đúng thời khắc quan trọng, để biểu trưng cho cái gì đấy khi thả bồ câu. Lễ cưới sẽ được cử hành trong khu vườn của một điền trang, bởi vì mẹ Sophie có biết một ai đó từ thời bà còn ở trong hội nữ sinh đã cưới một người có điền trang. Và thị trưởng sẽ chủ trì lễ cưới vì cha Sophie có quen với một người quen biết thị trưởng.

Sophie giữ một bìa kẹp hồ sơ với đầy đủ mọi chi tiết: một danh sách khách mời cho bữa tiệc tổng duyệt trước lễ cưới, một danh sách khách mời cho lễ cưới và một cho bữa tiệc chiêu đãi sau đó, danh sách bài hát để đưa cho ban nhạc, thực đơn từ nhà cung cấp thực phẩm cùng tờ rơi từ công ty xe ngựa cũng như người bán chim bồ câu. Vân vân và vân vân. Khi tập hồ sơ đã đầy, cô ấy sẽ kiểm thêm một cái khác và để chúng trên mặt bàn cà phê trong căn hộ của chúng tôi.

“Em biết anh đang nghĩ gì,” cô ấy nói với tôi. “Anh không biết mình đang vướng vào chuyện gì. Nhưng tại sao lại không chứ? Một chút phô trương sẽ không hại gì đến anh và bố mẹ em có đủ khả năng chi trả cho chuyện đó. Chủ yếu là vì họ mà.”

“Thật sao?” tôi chọc cô ấy. “Chúng ta làm điều này vì họ sao?”

“Và cả vì em nữa,” cô ấy nói, khóe môi hé nở một nụ cười. “Em chỉ kết hôn có một lần thôi và thề có Chúa, em phải có ngựa.”

Vào cái đêm tôi gặp gỡ Jana, *Đêm con hươu cái*, Sophie và tôi đã quen nhau được 6 tháng và sống chung được 3 tháng.

Chúng tôi sống trong một căn hộ không xa bệnh viện Rome Memorial, nơi Sophie dành phần lớn thời gian ở đó. Cô ấy là bác sĩ phẫu thuật thực tập.

Lần đầu tiên tôi nhìn thấy cô ấy, cô ấy đang mặc bộ quần áo phẫu thuật màu xanh da trời, đeo cặp kính mắt mèo và cặp tóc lại. Một sự kết hợp giữa một nữ bác sĩ và một cô nàng thủ thư quyến rũ.

Cô ấy đang định mua một căn nhà và cô ấy đã thuê tôi kiểm tra hiện trạng của nó. Căn nhà cô ấy chọn nằm trong một khu văn minh lịch sự và có vẻ ngoài rất hấp dẫn, nhưng tầng hầm bị nấm mốc, hệ thống đường dây điện thì không đạt yêu cầu, còn lò sưởi sẽ không thể qua được hết mùa đông.

Tôi dẫn cô ấy đi xem một vòng và đưa cô ấy bản báo cáo của mình.

“Có vẻ tệ nhỉ,” cô ấy nói.

“Tin tốt là tất cả những thứ đó đều có thể sửa được,” tôi bảo cô ấy.

“Tóm lại là gì? Tôi có điên khi mua căn nhà này không?”

“Điều đó tùy thuộc vào cô thôi.”

“Tôi nghĩ là có điên đấy,” cô ấy nói. “Vậy còn những cái chạn thì sao?”

Chúng tôi kết thúc vòng tham quan ở trong bếp.

“Chúng thì sao?” tôi nói.

“Tôi nghĩ trông chúng thật gớm ghiếc,” cô ấy nói. “Anh có nghĩ thế không?”

“Chuyện đó không thuộc lĩnh vực của tôi.”

“Và những bức tường nữa,” cô ấy nói. “Quá nhiều màu be.”

“Nhiều người chủ tâm làm thế mà. Đó là màu trung tính và nó sẽ giúp nhà dễ bán hơn.”

“Thực sự quá nhiều màu be. Tôi sẽ phải thuê người tới đây sơn lại.”

“Sơn nhà dễ mà,” tôi nói. “Cô có thể tự làm được điều đó.”

Sophie bật cười. “Cứ như tôi có thời gian để sơn ấy. Tôi còn chẳng có thời gian sống ở đây nữa là.” Cô ấy xoay một vòng ngay chính giữa gian bếp, như thể nhìn lại lần cuối. “Không đời nào tôi mua căn nhà này đâu,” cô ấy nói. “Anh có muốn đi uống chút gì không?”

“Anh có biết tôi đã lo lắng điều gì không?” Sophie Emerson nói. “Về bãi cỏ.”

Cô ấy cho tôi quyền quyết định nên chọn quán bar nào và cuối cùng, chúng tôi đến một quán rượu tồi tàn trên đường Dominick. Nơi tụ tập của thương lái, nơi cha tôi sẽ đến.

“Nhà nào mà chẳng có bãi cỏ,” Sophie nói. “Anh sẽ phải cắt cỏ, tưới nước và nhổ cỏ dại. Anh cũng sẽ phải trồng vài cái cây, tĩa tót, chặt bỏ rồi nhét chúng vào bao tải giấy và kéo ra lề đường.”

Cô ấy nhấp một ngụm margarita [13]. Vốn dĩ cô ấy đòi một ly cosmopolitan [14], nhưng người pha chế phủ quyết ý tưởng đó.

“Nhưng có vẻ bãi cỏ lại là điều khiến tôi ít lo lắng nhất,” cô ấy nói. “Năm mốt, hệ thống đường dây điện tệ hại và tất cả những thứ còn lại. Tôi chưa sẵn sàng để đương đầu với tất cả những điều đó.”

Tôi cậy cái nhãn dán trên chai bia của mình. “Tại sao lúc đầu cô lại muốn mua ngôi nhà đó?” tôi hỏi.

Cô ấy không trả lời tôi ngay, mà đưa tay tháo kính xuống rồi dụi dụi mắt.

“Anh sẽ cười cho mà xem,” cô ấy nói.

“Không đâu.”

“Có lẽ là không. Nhưng anh sẽ coi thường tôi. Tôi muốn mua ngôi nhà đó là vì Brad Gavin.”

Brad Gavin hóa ra chính là gã làm việc cùng cô ấy, một bác sĩ thực tập khác ở bệnh viện.

“Anh đã thấy những chương trình đó,” cô ấy nói. “Trên TV. Về những bác sĩ trẻ ấy.”

Tôi gật đầu.

“Họ luôn ganh đua nhau,” cô ấy nói. “Xem ai là người có được quan hệ tốt nhất. Ai có thể thực hiện những quy trình phức tạp nhất. Ai được góp

mặt vào nhiều cuộc phẫu thuật nhất. Đúng chứ?”

“Đúng.”

“Ừm, tất cả những điều đó đều đúng. Chỉ là mọi chuyện chưa kết thúc tại đó. Những bác sĩ ganh đua nhau về mọi thứ. Cả những chuyện nhỏ nhất. Ai có điện thoại di động mới nhất. Ai có thể chơi bi-a giỏi hơn. Và dù có là gì đi chăng nữa, Brad Gavin luôn là kẻ chiến thắng.”

“Và anh ta mua được một ngôi nhà.”

“Chính xác. Và tôi nghĩ: Tại sao anh ta là người duy nhất mua được nhà cơ chứ? Tôi cũng có thể mua được nhà.” Cô ấy đeo kính vào rồi nhìn tôi qua vành ly margarita. “Anh đang coi thường tôi, phải không?”

“Không hề.”

“Anh có mà, nhưng không sao. Tôi có những thiếu sót trong tính cách. Nhưng tôi dự định sẽ sửa đổi.” Cô ấy lại tháo cặp kính mắt mèo xuống lần nữa và cầm lên bằng gọng. “Để tôi hỏi anh điều này, David Malone. Có ai từng gọi anh là Dave chưa?”

“Hầu như chưa từng có ai.”

“Vậy tôi sẽ gọi anh là Dave. Nhưng đó không phải điều tôi định hỏi anh.” Cô ấy đẩy ly margarita sang một bên và rướn người ngang qua mặt bàn tới gần tôi. “Cặp kính kia,” cô ấy nói. “Anh thích tôi đeo hay không đeo chúng lên, hay chuyện đó chẳng quan trọng gì với anh?”

Có điều gì đấy trong giọng nói của cô ấy, hoặc là rượu hoặc là nét tình quái. Tôi hy vọng đó là sự tình quái.

Tôi cũng rướn người tới gần, lấy cặp kính và mở gọng ra, đeo lại cho cô ấy. Sau đó, tôi đưa tay tháo chiếc kẹp trên tóc cô ấy ra, một hành động liêu lĩnh, khó nhọc kéo nó ra một cách lịch thiệp. Tôi lấy ra được. Những lọn tóc buông xõa xuống và cô ấy đưa ngón tay lên cào tóc.

“Vậy là có quan trọng,” cô ấy nói. “Thật tốt khi biết được điều ấy, Dave ạ.”

Sophie đã không mua ngôi nhà đó. Nhưng 3 tháng sau, chúng tôi đính hôn. Cô ấy rời khỏi căn hộ mình đang sống và tôi cũng vậy. Chúng tôi chuyển đến sống cùng nhau trong một căn hộ rộng hơn.

Tủ bếp đã lỗi thời vài năm nhưng có thể dễ dàng thay thế. Những bức tường trong phòng ngủ có màu be không thể chấp nhận được, nhưng tôi đã quét sơn lót lên trên và sơn lại thành màu xanh da trời. Cửa sổ phòng ngủ nhìn ra hướng nam, bên trên treo những tấm rèm nặng nề và bụi bặm. Chúng tôi tháo chúng xuống và lắp màn che để có thể mở ra đón ánh nắng ban mai.

Nhưng Sophie không mấy khi có mặt ở đó lúc ban mai. Cô ấy làm việc theo khung giờ của bác sĩ thực tập với một lịch trình mà tôi chẳng bao giờ có thể đoán trước được. Đôi khi, cô ấy lên giường đúng lúc tôi rời đi. Hoặc đôi khi, tôi về nhà vào buổi tối và thấy cô ấy đang ngủ, một đĩa đồ ăn mang về còn bỏ dở đặt ngay trên đầu giường, quần áo thì vứt thành đống dưới sàn nhà.

Chủ nhật, ngày 24 tháng 4, cô ấy trở về nhà vào lúc 4 giờ chiều và lão đạo ngã xuống giường. Cô ấy bảo tôi đánh thức mình dậy lúc 8 giờ 30 để chúng tôi cùng nhau thưởng thức một bữa tối muộn. Tôi đã để cô ấy ngủ đến tận 9 giờ rồi mới đi vào ngồi bên giường - phía tôi hay nằm - và bật đèn lên. Tiếp đến, tôi bật nhạc trên đài tích hợp với đồng hồ. Đó là cách tôi học được để đánh thức cô ấy: thật từ từ, để cô ấy dần quen đi.

Trong khi chờ đợi âm nhạc làm nhiệm vụ của nó, tôi dọn dẹp nửa phòng phía bên mình: nhặt báo trên sàn nhà và bỏ tất bắn vào chiếc giỏ trong phòng để đồ. Sau đó, tôi tiến về phía bên cô ấy, nhặt chiếc áo ngực và quần lót từ đêm hôm trước lẫn bộ quần áo phẫu thuật cô ấy mặc lúc quay trở về nhà.

Lúc đó, cô ấy mở mắt ra. Vẫn còn hơi ngái ngủ. Cô ấy nói, “Anh cứ bỏ chúng lại đó, Dave ạ. Để em làm.”

Tôi đang kiểm tra túi quần túi áo vì luôn luôn có thứ gì đó bên trong: bút, giấy hay một mẫu được phẩm mới nào đó mà mấy đại lý đang cố bán...

Sophie lúc này đã tỉnh táo. Cô ấy hất chăn ra và xuống khỏi giường. “Dave, đưa chúng cho em.”

...một mảnh khăn giấy và một vỏ bao cao su trống rỗng... Nó còn mới. Tôi chưa bao giờ tìm thấy cái gì thế này.

Cô ấy giật lấy bộ quần áo phẩu thuật khỏi tay tôi và cả cái bao đó. Cô ấy nắm nó chặt trong tay tựa hồ có thể làm nó biến mất.

“Chuyện đó xảy ra ngoài ý muốn.”

Cô ấy nhìn xung quanh tìm kính và đeo lên. Chuyện đó chỉ mất có vài giây nhưng hình như cô ấy cần khoảng thời gian trì hoãn đó. Và tôi để yên.

“Dave,” cô ấy nói, “không như anh nghĩ đâu.”

Về bản chất, đó là câu người ta nói khi mọi chuyện đúng như bạn nghĩ.

Tôi đã biết câu tiếp theo là gì và tôi nghe thấy chính bản thân mình nói ra thành lời. “Hắn ta là ai, Sophie?”

“Chỉ một lần duy nhất, em thôi. Chuyện này sẽ không bao giờ, không bao giờ tái diễn.”

“Sophie...”

“Và em xin lỗi,” cô ấy nói. “Anh phải tin.” Và tôi đã tin. Cô ấy đang run rẩy, tôi nhìn thấy.

Tôi vòng tay ôm lấy cô ấy nhưng việc đó không có tác dụng. Tôi nói, “Sophie, nói cho anh biết đó là ai.”

“Em không muốn,” cô ấy đáp. “Anh sẽ coi thường em.”

Chỉ như thế là đã đủ để có thể tìm ra câu trả lời. Nhưng tôi không muốn tin vào điều đó.

“Không phải Brad Gavin chứ?” tôi nói.

Cặp kính rơi ra, cô ấy ôm chặt lấy tôi, úp mặt vào cổ tôi và những giọt nước mắt của cô ấy lăn dài trên da thịt tôi. Cô ấy không nói ra tên của gã đàn ông kia. Chúng tôi không cần phải nhắc lại bởi nó vốn đã được thốt ra rồi.

Một lúc sau, tôi buông cô ấy ra và rời khỏi nhà trong chiếc xe tải của mình. Và đó chính là chất xúc tác: khoảnh khắc khi nhìn vào túi quần của Sophie. Chỉ như vậy đã đủ để khiến tôi ra ngoài vào đêm đó, lái xe tới đường Quaker Hill và gặp Jana Fletcher. Đêm con hươu cái.

Tránh xa vị trí mình đã ngồi lần trước ở trong rừng, chỗ hăn đã theo dõi Jana Fletcher đứng khóa thân dưới ánh trăng. Bởi vì chuyện như thế chỉ xảy ra một lần. Bạn chẳng thể gặp lại cảnh tượng đó. Nếu nghĩ mình có thể, bạn chỉ đang tự huyễn hoặc mà thôi.

Hơn nữa, vị trí trong rừng kia cũng có những hạn chế của nó. Từ đó, bạn không thể nhìn thấy mặt trước của ngôi nhà song lập, không thể thấy ai đã đến và rời đi. Vì vậy, cần phải tìm một vị trí thuận lợi hơn và K đã tìm ra nó: trong bãi đậu xe của chung cư rẻ tiền bên kia đường. Khi đậu xe trong một góc bãi đỗ, hăn có được tầm nhìn hoàn hảo tới cửa trước nhà Jana Fletcher. Và hăn có thể ở lại đó bao lâu tùy thích. Những người sinh sống trong chung cư không phải kiểu thích soi mói hàng xóm. Họ sẽ không gọi điện báo cảnh sát nếu thấy một người lạ ngồi trong một chiếc ô tô đang đỗ.

Vậy là hăn đã dành chút thời gian ở đó. Không điên cuồng, không ám ảnh. Hăn không theo dõi Jana Fletcher 24/24, nhưng cũng vừa đủ để biết được cô ta thường rời khỏi nhà từ sáng sớm và quay về vào buổi chiều. Đến tối, cô ta lại rời đi, vào khoảng từ 7 đến 8 giờ, trong chiếc xe Plymouth nhỏ màu lam. K cho rằng cô ta có hẹn ăn tối với bạn trai bởi vì khi cô ta quay trở lại, gã bạn trai sẽ tới ngay sau đó trong chiếc xe bán tải. Rồi họ cùng nhau bước vào nhà và gã sẽ qua đêm ở đó.

Như vậy đồng nghĩa với việc K không thể làm chuyện đó vào ban đêm, việc mà hăn cần làm. Khi gã bạn trai đang có mặt ở đó.

Một điều nữa mà K khám phá ra là dường như bà hàng xóm thường rời khỏi nhà 2 tối mỗi tuần. Khoảng 6 giờ 30, bà ta sẽ ra ngoài, khoác lên mình bộ cánh đẹp nhất, quàng khăn và đeo trang sức đầy người như một mụ Di-gan. Sau đó, bà ta tập tễnh bước về phía chiếc xe to đùng của mình, trèo vào trong rồi phóng thẳng xuống phố. K không biết bà ta đi đâu, nhưng chắc chắn không phải đi hẹn hò, không phải với một bà già như thế. Giống một ván bingo hay một cuộc tụ tập ở nhà thờ hơn.

Dù là tới đâu thì bà ta cũng đi vào thứ Hai và thứ Tư. Hoặc có vẻ là vậy. K không chắc, hẳn chưa theo dõi được lâu lắm. Nhưng bà ta đã ra ngoài vào thứ Hai 2 tuần liên tiếp và một ngày thứ Tư, tối nay có thể là buổi thứ Tư thứ hai.

K biết rằng đêm nay sẽ là cuộc sát hạch của mình. Hẳn thức dậy vào buổi sáng với mục tiêu rõ ràng và hình ảnh Jana Fletcher hiện lên trong tâm trí, cái dáng vẻ cô ta dưới ánh trăng. Tối nay, hẳn sẽ tới đó để quan sát - trong một góc của bãi đậu xe - và nếu bà hàng xóm ra ngoài lúc 6 giờ 30, hẳn sẽ có ít nhất nửa tiếng và trong suốt thời gian ấy, Jana sẽ chỉ có một mình trong căn nhà song lập. K sẽ không cần tới tận nửa tiếng đồng hồ. Hẳn sẽ nhẹ nhàng lén vào rồi trở ra. Vài phút là xong.

Khi buổi sáng trôi qua, hẳn bắt đầu có cảm giác bồn chồn và háo hức. Đến trưa, hẳn lên xe và lái thẳng tới con đường phía trước nhà Jana Fletcher. Hôm nay là một ngày cuối tháng Tư ấm áp và rực nắng. Hẳn rẽ vào bãi đậu xe của chung cư và tránh một ổ gà đọng nước mưa từ hôm qua. Hẳn tìm tới cái góc quen thuộc rồi tắt động cơ. Trước mặt hẳn là một hàng cây thường xanh khẳm khiu và hẳn có thể nhìn thấy được căn nhà song lập qua khoảng trống giữa chúng. Xe của Jana đã không còn ở đây, nhưng chiếc xe tải của gã bạn trai vẫn đang đỗ trên đường.

K thắc mắc liệu có phải gã bạn trai vẫn còn đang ngủ trong căn hộ không. Hẳn thế mới là sống, hẳn nghĩ: làm tình cả đêm rồi ngủ nướng cả ngày. Nhưng không phải cả ngày. Nếu ngủ suốt cả ngày, nghĩa là gã sẽ vẫn còn ở đó khi Jana quay về vào buổi chiều và cũng sẽ ở đó lúc 6 giờ 30 khi bà già kia ra ngoài. Như thế sẽ phá hỏng kế hoạch của K. Vậy nên gã bạn trai bắt buộc phải rời đi. K phải đảm bảo được điều đó.

Nhưng bằng cách nào? Hẳn không thể qua đó, gõ cửa nhà và bảo gã biến đi. Không thể làm chuyện lỗ mãng như thế được. Nhưng K vẫn còn những cách khác. Hẳn có sức mạnh tư duy. Hẳn biết tên của gã bạn trai bởi vì nó được ghi trên sườn xe tải của gã: *David Malone. Kiểm tra hiện trạng nhà*. K tập trung vào căn nhà song lập nằm phía bên kia đường, gửi suy nghĩ của mình đi tìm Malone, dựng gã dậy và lôi gã ra khỏi nhà. K tập trung hơn nữa,

nhắm thẳng nó tới cửa trước căn nhà và buộc nó phải mở ra. Nếu đủ tập trung và mong muốn điều đó, thì ý nghĩ của hắn có thể khiến nó xảy ra.

Chắc hắn phải tập trung cao độ lắm, bởi vì tiếng gõ vào cửa sổ bên cạnh khiến hắn giật bắn mình.

K quay ra và trông thấy một người phụ nữ đang cúi người nhìn vào trong xe mình, tay trái đặt trên nóc xe và gương mặt áp sát ngay cửa sổ. Tóc nhuộm vàng. Một đôi mắt đẹp dù có những quầng thâm bên dưới. Đôi môi đầy đặn tô son đỏ. Cô ta đang hỏi gì đó hắn không thể hiểu được. Hắn hạ kính cửa sổ xuống để nghe.

“Anh có thuốc lá không?”

Hắn lắc đầu. “Tiếc là tôi không có.”

“Vậy anh có tiền để mua thuốc lá không?”

“Không,” hắn nói.

“Ai mà chẳng có tiền.”

K không trả lời được câu đó.

“Anh đang làm gì vậy?” người phụ nữ hỏi.

“Không gì cả. Chỉ ngồi giết thời gian thôi.”

“Hay nhỉ. Tôi cũng đang làm điều đó đây. Giết thời gian.”

Cô ta im lặng nhưng cũng chẳng rời đi. K có thể ngửi thấy mùi khói thuốc lá trong hơi thở của cô ta, kèm theo mùi bia chua chua. Cô ta đang cầm một chiếc cốc Solo [15] đỏ trong tay phải và hắn nhìn cô ta uống một ngụm từ đó.

“Cô sống ở đây à?” hắn hỏi cô ta.

“Tôi có bạn sống ở đây,” cô ta nói. “Tôi rất hay đến đây. Đôi khi, họ còn cho tôi ngủ nhờ.”

“Ồ, có lẽ họ có thể giúp cô. Tôi không cho tiền những người mình không quen.”

“Ừ, tôi có thể đọc được điều đó ở anh. To và rõ là khác. Tôi từng gặp anh trước đây chưa nhỉ?”

“Chắc chắn là chưa.”

“Tôi nghĩ mình đã từng trông thấy anh ở đây tối hôm trước. Anh đang làm gì vậy? Chỉ đến đây và ngồi trong xe ô tô thôi sao?”

K định phủ nhận nhưng rồi hăn đổi ý. “Đúng vậy,” hăn nói. “Tôi ngồi đây, tập trung và rồi ý nghĩ của tôi khiến mọi chuyện xảy ra.”

“Không đời nào.”

“Đúng vậy đấy.”

Và thực sự là thế. Phía bên kia đường, cửa trước nhà Jana Fletcher bật mở. Sau đó, David Malone bước ra ngoài, để ngực trần và cầm theo áo sơ mi. Tarzan.

“Này, anh đang theo dõi gã kia hả?” người phụ nữ đó hỏi. “Có phải nhiệm vụ theo dõi của cảnh sát không?”

“Đúng,” K nói. “Nhiệm vụ theo dõi của cảnh sát.”

“Anh là cảnh sát à?” người phụ nữ nói, một tia ngờ vực thấp thoáng trong giọng nói của cô ta. “Vì tôi không làm gì sai trái cả.” Cô ta ngừng lại một chút. “Dù sao thì vẫn chưa.”

“Cô đang định làm điều gì sai trái sao?”

“Có lẽ vậy. Nhưng nếu thật sự là cảnh sát, anh phải nói với tôi. Nếu không sẽ là gài bẫy [16] đấy.”

“Tôi nghĩ cô nhầm rồi,” K nói.

“Không, thật đấy. Nó nằm trong luật đấy.”

“Tôi nghĩ cô chưa hiểu hết về luật rồi.”

Bên kia đường, Malone khóa cửa nhà Jana Fletcher. Giờ gã đang đứng trên bậc thềm dưới ánh nắng mặt trời và khoác áo sơ mi lên người.

“Tôi không nghĩ anh là cảnh sát đâu,” người phụ nữ nói với K. Cô ta đưa chiếc cốc đỏ lên môi rồi lại hạ xuống. “Gã đó là ai vậy?” cô ta nói.

“Đó là Tarzan,” K đáp. “Gã Vượn người.”

“Anh toàn nói những điều vô nghĩa. Có ai từng bảo anh thế chưa?”

Lúc này, Malone đang vừa cài cúc áo vừa bước về phía chiếc xe tải của gã.

“Tôi đi đây,” K nói với người phụ nữ.

“Thật là tiếc quá,” người phụ nữ nói và mỉm cười. “Tôi chỉ vừa cởi mở với anh hơn.”

Cô ta có một hàm răng không tề, K nghĩ. Chỉ là nó không được thẳng hàng cho lắm.

“Vậy cô có muốn đi chơi một chuyến không?” hăn nói.

Nụ cười của cô ta liền nở trên môi. “Tôi tưởng anh sẽ không bao giờ đề nghị.”

Người phụ nữ đó mặc một chiếc áo không tay cùng váy ngắn. Cô ta có đôi chân rất đẹp. K ngắm nghía chúng lúc cô ta bước vào trong xe và thỉnh thoảng liếc trộm trong khi đang lái xe bám theo Malone. Hăn cố đoán xem cô ta bao nhiêu tuổi và nghĩ cô ta chắc hăn đã trên dưới 30. Vẫn xinh đẹp, nhưng thuốc lá và quá nhiều ánh nắng mặt trời đã bắt đầu tàn phá làn da nơi cánh tay và vùng ngực cô ta. Quần áo cô ta khoác trên người trông có vẻ không đắt và cô ta khoác thêm một chiếc túi da rẻ tiền. Nhưng trên tay trái của cô ta có đeo một chiếc nhẫn bằng bạc với một viên đá tím. Thạch anh.

“Cô tên là gì?” hăn hỏi cô ta.

“Jolene,” cô ta nói.

“Giống bài hát đó hả?”

“Bài hát nào?”

Xe tải của Malone đang xóc nảy băng qua được đường ray xe lửa phía trước. K chợt nghĩ tới người phụ nữ cầm chiếc cốc Solo màu đỏ kia. Hắn không muốn bia đổ tràn ra xe của mình. Vì thế hắn chìa tay ra lấy chiếc cốc và sau một tích tắc, cô ta liền đưa nó cho hắn. Khi họ đã băng qua đường ray, hắn mới trả lại nó cho cô ta.

“Cô chưa từng nghe bài hát đó sao?” hắn nói.

“Nếu anh có thể hát thử vài câu cho tôi nghe thì có lẽ tôi sẽ nhận ra.”

Hắn cố nhớ lại lời bài hát nhưng chỉ nhớ được đoạn điệp khúc.

“Jolene, Jolene, Jolene, *Jo-leeeeeene*.”

Cô ta đặt chiếc cốc đỏ xuống đùi. “Không giống một bài hát lắm,” cô ta nói. “Anh chỉ đang nhắc đi nhắc lại tên tôi thôi.”

“Vẫn còn nữa,” K nói.

“Nhưng nghe cũng được đấy. Giọng anh rất hay. Anh đã từng hát trong dàn hợp xướng nào chưa?”

Đèn phanh xe của Malone nhấp nháy, sau đó gã rẽ ra đường chính - đại lộ Erie - và thẳng tiến xuống khu trung tâm. K tiếp tục bám theo.

“Tôi chỉ đang chọc anh thôi,” Jolene nói. “Về bài hát ấy.”

“Tôi cũng nghĩ vậy,” K nói.

“Đó là bài hát của Dolly Parton [17]. Tôi thích bài hát ấy. Tôi chỉ muốn xem liệu anh có chịu hát nó không thôi.”

Malone lái xe ngang qua trường Đại học và bệnh viện rồi tấp vào bãi đỗ một tòa chung cư - phiên bản hạng sang của tòa nhà bên kia đường căn nhà song lập của Jana Fletcher. Chiếc xe bán tải nhẹ nhàng lăn bánh vào khoảng trống đã được đánh số, gần với một trong những tòa nhà, còn K thì tìm lấy một chỗ trống được ghi dành cho *Khách* xa hơn ở phía sau.

Hắn nhìn Malone dần mất hút vào trong tòa nhà. Chẳng thể nào xác định được căn hộ nào là của gã. Nếu biết được điều đó thì hữu ích biết bao. Bên

cạnh cửa ra vào có một hàng những hòm thư.

Có lẽ sẽ có tên để trên đây, hoặc có lẽ là những con số. K có thể đi kiểm tra xem thế nào nhưng hẳn tự hỏi còn cách nào khác không.

“Chúng ta đang làm gì ở đây vậy?” Jolene hỏi hẳn.

“Suyt,” hẳn nói.

Tòa nhà có ba tầng và mỗi tầng phía trên đều có một ban công. Nhiều khả năng là David Malone sống ở tầng hai hoặc tầng ba. Tỷ lệ là hai trên ba. K tin rằng nếu tập trung, hẳn có thể khiến Malone bước ra ngoài ban công.

“Chúng ta còn phải theo dõi gã đó bao lâu nữa?” Jolene hỏi.

K đưa một ngón tay lên môi, ngăn cô ta nói tiếp và cô ta lẩm bầm điều gì đó nghe có vẻ giống như “Anh đang dần trở nên thật vô vị.” Nhưng sau đó, cô ta không nói gì thêm nữa. Hẳn lần lượt tập trung vào từng ban công một, bắt đầu từ tầng ba và theo hướng từ trái sang phải, xuống đến tầng hai thì đổi chiều ngược lại.

Hẳn ta hướng tới cái ban công cuối cùng mà chẳng thu được kết quả gì, nên quay sang liếc nhìn Jolene. Cô ta đang ngồi yên lặng, giữ chiếc cốc Solo đỏ thẳng bằng trên một đầu gối mà không dùng đến tay.

Hẳn cẩn thận vươn tay ra và cầm lấy nó, giữ nó trên đùi mình trong khi bắt đầu lại với hai dãy ban công. Hẳn làm hết tầng ba, được một nửa tầng hai thì Jolene làm hẳn mất tập trung.

“Tôi không mang bệnh đâu, anh biết đấy,” cô ta nói.

“Lại sao nữa?”

Cô ta chỉ vào chiếc cốc đỏ. “Anh có thể uống một ngụm nếu muốn. Anh sẽ không bị lây bệnh gì đâu.”

“Nhưng tôi không khát,” hẳn nói.

Bỗng một chuyển động nhỏ đập vào mắt hẳn ta. Một chiếc ô tô đang tấp vào chỗ trống bên cạnh xe tải của Malone.

“Ừm, có lẽ tôi khát đấy,” Jolene nói. “Anh có từng nghĩ thế không?”

Người phụ nữ vừa xuống xe có đeo một cặp kính và đang khoác trên người một chiếc áo choàng trắng của bác sĩ. K nhìn cô ta bước lên những bậc thềm và vào trong tòa nhà.

“Sẽ thật khiếm nhã khi cứ giữ lấy nó,” Jolene nói, “trong khi anh còn không uống.”

K đưa chiếc cốc cho cô ta. “Cầm lấy đi,” hăn nói. “Nhưng hãy cẩn thận. Dùng cả hai tay ấy.”

Phía trên tầng hai - nằm hoàn toàn về phía bên trái - David Malone bước ra ngoài ban công rồi đặt tách cà phê lên lan can.

“Hai tay,” cô ta nói. “Tôi là gì cơ chứ, trẻ con hả?”

“Suyt,” K nói.

“Anh lại suyt tôi đấy à?” Jolene hỏi. “Không thể tin được.” Cô ta nhấp một ngụm bia và giữ nó bằng hai tay. “Ồ, wow,” cô ta nói. “Trông kìa, một gã đàn ông đang đứng trên ban công. Tuyệt thật.”

Lại có thêm chuyển động trên ban công, cánh cửa trượt mở ra và người phụ nữ đeo kính lúc nãy bước ra ngoài. Chiếc áo choàng trắng đã biến mất, thay vào đó là bộ quần áo phẫu thuật màu xanh da trời của bệnh viện. Mái tóc được kẹp lại trước đó giờ đã buông xõa ra. Lại thêm một người đẹp nữa, K nghĩ. Có lẽ đâu đâu trong thành phố này, Malone cũng có một người.

“Ồ,” Jolene nói. “Giờ có tới hai người trên ban công.”

K cố gắng lờ cô ta đi. Hăn tiếp tục quan sát cảnh tượng trước mắt. Malone và người phụ nữ kia đều có vẻ không vui và họ giữ khoảng cách với nhau. Sau đó, Malone cầm tách cà phê lên, nhấp một ngụm.

“Ơ kìa,” Jolene nói. “Anh ta không dùng cả hai tay.”

Sophie Emerson vẫn đang đeo chiếc nhẫn đính hôn mà tôi đã mua tặng cô ấy. Đó là điều đầu tiên khiến tôi chú ý đến khi cô ấy bước ra ngoài ban công: Ánh nắng mặt trời phản chiếu lấp lánh trên mặt viên kim cương.

“Em nhớ anh,” cô ấy nói.

Tôi nhấp một ngụm cà phê để không phải trả lời cô ấy ngay lập tức. Bởi vì có đến vài đáp án tôi có thể đưa ra. *Anh cũng nhớ em* - là một cách. *Nhưng anh thì chẳng nghĩ về em chút nào* - là cách kia. Sự thật nằm đâu đó ở giữa hai câu trả lời. Tôi nghĩ về cô ấy, nhưng không đủ, không nhiều như đáng ra phải thế.

Chúng tôi đã không gặp nhau 10 ngày rồi và mặc dù vẫn ghé căn hộ trong suốt những ngày qua, tôi luôn đến vào những lúc cô ấy không có nhà, khi cô ấy vẫn đang làm việc theo cái lịch trình thực tập điên rồ của mình. Cô ấy đã gọi điện cho tôi, lúc đầu thì 3, 4 cuộc mỗi ngày nhưng rồi ít dần đi vào những ngày sau đó. Tôi không bắt máy.

“Chuyện này không thể tiếp diễn nữa,” cô ấy nói.

Tôi đặt tách cà phê xuống. “Anh biết.”

“Em cảm thấy thật kinh khủng.”

“Anh cũng biết điều đó.”

“Chuyện đó đã không tái diễn thêm một lần nào nữa. Với Brad ấy. Nếu anh đang thắc mắc. Hay với bất kỳ ai khác. Em chỉ muốn làm rõ thôi.”

“Sophie...”

“Và sẽ không bao giờ xảy ra nữa. Em hứa đấy. Vậy vấn đề là: Chúng ta có thể bỏ qua chuyện này không? Em phải làm gì để có thể mang anh trở lại đây?”

Tách cà phê lại đang réo gọi bởi tôi cần thời gian để trì hoãn, một cái cớ để không phải trả lời. Tôi đặt chiếc tách xuống lan can.

“Anh cần nói với em một chuyện,” tôi nói, “về những gì đã xảy ra đêm đó.” Tôi suýt gọi nó là *Đêm con hươu cái*, nhưng cái tên đó sẽ không có nghĩa lý gì với cô ấy. Với tôi và Sophie, nó lại mang một tên gọi khác. *Đêm vỏ bao cao su*.

“Được thôi,” cô ấy nói.

“Sau khi rời khỏi đây, giữa đường đi, anh đã gặp một người.”

“Ồ.”

“Anh không định làm vậy. Đó chỉ là tai nạn.” Tôi kể cho cô ấy nghe những chuyện đã xảy ra, tất cả những gì mà cô ấy cần biết: về cơn mưa, con hươu và cô gái đó.

Cô ấy lắng nghe, mặt mày lạnh lẽo và tôi tưởng cô ấy sẽ không nói gì. Nhưng một lúc sau, cô ấy hỏi, “Cô ta tên là gì?”

“Jana Fletcher.”

“Vậy là anh đã ở đó suốt những đêm vừa qua? Cùng với cô ta sao?”

“Đúng.”

Sophie quay mặt đi và đứng dựa vào lan can. Tôi nhìn chiếc nhẫn trên ngón tay cô ấy. Mặt trời vẫn tỏa sáng trên cao nhưng không thể tìm đến viên kim cương.

“Đó là đêm đầu tiên,” cô ấy nói, “mà anh không về nhà, em đã rất lo lắng. Một phần trong em biết rằng anh có lý do hợp lý để lánh mặt. Anh không vui vì những gì đã xảy ra. Nhưng phần khác trong em lại nghĩ rằng anh ra khỏi nhà lúc trời tối giữa trời mưa và đâm xe vào gốc cây. Tất cả chỉ vì chuyện xuân ngốc mà em đã làm.”

Sophie bật cười khúc khích, thật bất ngờ. “Em còn tới bệnh viện chỉ để chắc chắn rằng anh không có ở đó. Sau đó, khi anh không về nhà, cũng không hề gọi điện, em đã rất giận dữ. Em nghĩ anh đang cư xử như một đứa trẻ con. Nhưng khi nhìn thấy anh ngày hôm nay, em lại nghĩ mọi chuyện có lẽ rồi sẽ ổn. Cô ấy cúi đầu khiến mái tóc che khuất cả gương mặt. “Giờ thì

anh lại khiến em không tài nào thở nổi. Đó có phải những gì anh đã cảm thấy đêm đó không, khi anh khám phá ra chuyện về Brad?”

“Đúng vậy.”

“Vậy thì em xin lỗi vì đã làm thế với anh. Chắc anh ghét em lắm.”

“Anh không ghét em, Sophie. Anh chỉ cảm thấy bị tổn thương, nhưng anh đã vượt qua rồi.”

“Thật sao?”

“Vậy nên em đừng tự trách vì chuyện đó nữa. Em không nên để mình bị nỗi ân hận giày vò. Anh không trách em và cũng không hối hận khi đã làm như vậy.”

Sophie đứng thẳng dậy khỏi lan can và đối mặt với tôi. “Anh không hối hận ư?”

“Không,” tôi nói. “Anh nghĩ rằng có lẽ nó vốn đã được định đoạt như thế rồi. Có lẽ, chúng ta buộc phải trải qua chuyện này. Nếu không, anh sẽ chẳng bao giờ được gặp gỡ cô ấy.”

Đó không phải điều nên nói ra với người phụ nữ mà bạn đã đính ước.

Tôi đã không lường được những gì xảy ra ngay sau đó. Mới giây trước, tay Sophie vẫn còn đặt trên tay vịn lan can, nhưng giây tiếp theo, nó đã đang di chuyển rất nhanh. Cô ấy đã tát tôi hai cái. Một bằng lòng bàn tay - một cái tát nhẹ khiến tôi kinh ngạc nhiều hơn là thấy đau. Và theo tôi nghĩ nó cũng làm chính cô ấy bị bất ngờ. Cái thứ hai thì có chủ ý và nhiều thứ hơn. Cô ấy dùng mu bàn tay, khiến chiếc nhẫn kim cương cắt một đường trên thái dương của tôi.

“Điều gì vừa mới xảy ra vậy?” Jolene nói.

“Tôi không biết,” K đáp lại.

“Dù sao thì cũng khá hay ho, phải không? Đến cuối là có cao trào.”

Ban công giờ trống trơn. Malone đã bước qua cánh cửa kính để vào nhà và người phụ nữ kia theo sau gã.

K khởi động ô tô rồi lái xe ra khỏi bãi đỗ.

“Chúng ta sẽ rời đi sao?” Jolene nói.

“Chẳng còn gì để xem nữa rồi.”

K đợi có chỗ trống rồi rẽ trái ra phố. Bên cạnh hắn, Jolene đang giữ chiếc cốc Solo đỏ ngay giữa hai đầu gối.

“Đừng lo,” cô ấy nói. “Nó hết rồi.”

“Được rồi,” hắn bảo cô ta, “Tôi xin lỗi vì lúc này đã cư xử thô lỗ với cô.”

“Anh cũng không tệ.”

“Tôi muốn đền bù lại cho cô. Nhìn vào ngăn đựng găng tay đi.”

“Đây hả?”

“Đúng rồi. Cô thấy gì?”

“Tôi thấy một cuốn sách hướng dẫn sử dụng.”

“Bên dưới cơ.”

K lắng nghe cô ta lục lọi xung quanh đấy.

“Một que kem.”

“Tìm tiếp đi,” hắn nói.

“Đợi chút, đây có phải giấy cuốn không?”

“Gần đúng rồi.”

Rồi một tiếng hét vang lên khi cô ta kéo ra một chiếc túi ni lông và giơ nó lên. “Trúng mảnh!”

“Đúng rồi.”

“Ồ, anh là tuyệt vời nhất,” cô ta nói. “Thực sự tuyệt vời nhất.”

K lái xe ra một vùng hoang vu. Hắn nghĩ về nó như thế khi lái xe trên những con đường ngoài địa phận thành phố. Hắn tìm kiếm vị trí mà mình đã ghi nhớ: một điểm đỗ xe dọc đường và một hàng rào bị gãy đổ làm từ cọc gỗ cùng một lối mòn cũ kỹ chạy men theo bên dưới những hàng cây. Đúng lúc hắn tìm thấy điểm đỗ xe thì Jolene mở chiếc túi ni lông và những tờ giấy ra - một cách thật uyển chuyển trong chiếc xe đang chạy - và cuộn thành hai điếu thuốc lớn.

Họ xuống xe rồi trèo qua hàng rào, và khi đã khuất khỏi tầm nhìn từ phía con đường, Jolene lấy chiếc bật lửa trong ví ra châm một trong hai điếu thuốc. Cô ta giữ lại khói thuốc trong phổi lâu hơn K nghĩ người ta có thể làm được và nhả khói ra theo một tràng cười phá lên, đầu ngửa ra sau và gương mặt nhìn thẳng lên trên trời.

Lối đi khá bằng phẳng và thẳng tắp. Họ đi men theo lối đó về phía Đông giữa không gian buổi chiều ấm áp, chỉ nghe thấy tiếng chim hót và tiếng bước chân của chính họ. Họ chuyền tay nhau điếu thuốc cho đến khi nó cháy rụi chỉ còn lại một mẩu nhỏ và K tưởng Jolene sẽ muốn hút điếu thứ hai kia ngay lập tức, nhưng cô ta vẫn thong thả dạo bước một lúc nữa, miệng ngâm nga và thu vào tầm mắt mọi cảnh vật xung quanh.

Cây cối mọc um tùm một bên con đường mòn, phía bên kia là một con kênh lớn, nông và đen ngòm. Jolene dừng lại và nhìn xuống con kênh như thể bây giờ mới nhìn thấy nó.

“Gì vậy?” cô ta nói.

“Nó từng là kênh đào Erie,” K đáp.

“Không đời nào.”

“Tôi cam đoan với cô đấy.”

“Tôi không biết là nó vẫn còn tồn tại đấy,” cô ta nói. “Tôi tưởng nó có từ khoảng những năm 1800.”

“Phần lớn con kênh đều đã được lấp đi, nhưng cô vẫn có thể tìm thấy vài đoạn kênh.”

Hắn nhìn cô ta nghiêng người trên mặt nước.

“Con đường mòn này đã từng là một phần của nó,” hắn nói. “Những con la sẽ đi men theo lối này và kéo theo những xà lan trên mặt kênh.”

“Tôi biết điều đó,” cô ta đáp. “Chúng tôi đã được học ở trường. Chúng tôi còn hát một bài hát về nó.”

“Cầu thấp đấy,” K nói. “Mọi người cúi xuống nào.”

“Đúng là bài hát ấy.”

“Tôi có một con la và tên nó là Sal,” hắn hát. “15 dặm trên kênh đào Erie.”

“Anh có chắc là mình chưa từng hát trong dàn hợp xướng không?”

K bật cười. Jolene vẫn đang nghiêng người trên mặt nước và hắn nhận ra cô ta đang cố soi bóng mình dưới nước. Hắn cầm tay Jolene, giúp cô ta đứng vững.

“Cô sẽ không muốn bị ngã xuống đó đâu,” hắn nói.

“Tôi đã từng hát trong một dàn hợp xướng,” Jolene nói.

Giờ họ đang tiếp tục đi bộ về hướng đông. Cô ta đi sát hắn nên thỉnh thoảng, cánh tay họ lại chạm vào nhau.

“Đó là dàn hợp xướng ở trường Trung học,” cô ta nói. “Một lần, chúng tôi đã tới New York một chuyến để dự thi. Chúng tôi không thắng. Nhưng tôi vẫn còn nhớ hôm đó là vào dịp lễ Giáng sinh và chúng tôi đã đi xem một chương trình biểu diễn của vũ đoàn Rockettes [18].” Cô ta có vẻ đang lưỡng lự khi quyết định xem mình nên kể những gì. “Và tôi đã quyết định mình muốn được nhảy múa, trở thành một vũ công. Nhưng mẹ tôi nói rằng tôi không đủ chiều cao.”

K đưa chân đá một hòn đá nhỏ trên lối mòn. “Vậy cô phải cao bao nhiêu mới đủ?”

“Tôi không biết.” Những từ đó được thốt ra một cách nhẹ nhàng và buồn bã.

“Tôi thấy cô cũng giống một vũ công,” hăn nói. “Cô có một đôi chân rất đẹp.”

Câu nói đó đã khiến cô ta cảm thấy phấn chấn hơn. “Anh thật dễ thương,” cô ta nói và bên lên nắm tay hăn, như thể họ vẫn còn là những đứa trẻ và hăn đang đưa cô ta về nhà.

“Tôi đang cố gắng hiểu anh,” cô ta nói. “Tôi nghĩ anh là một kiểu thám tử tư và hôm nay, anh đi theo dõi gã đàn ông kia vì vợ gã đã thuê anh. Anh có nhiệm vụ phải bắt được quả tang gã đang vụng trộm bên ngoài. Tôi nói có đúng không?”

Chẳng giống tí nào, K nghĩ.

“Đại loại thế,” hăn nói.

“Vậy người phụ nữ trên ban công là cô vợ hay ả nhân tình?”

“Tôi thật sự không thể nói được,” K đáp. “Đó là thông tin tuyệt mật.”

Nhìn thẳng con đường phía trước, hăn phát hiện ra một con ếch ương đang nằm phơi mình trong nắng. Hăn đột ngột dừng, giữ Jolene lại và chỉ nó cho cô ta. Vài giây sau, hăn thận trọng tiến một bước về phía trước và con ếch ương liền nhảy tới bờ kênh. Một bước nữa và nó đã nhảy xuống làn nước đen ngòm.

Jolene bước tới tìm kiếm nó và đứng bên lề lối đi nhìn chăm chăm xuống mặt nước đang gợn sóng lăn tăn. K tiến tới phía sau cô ta.

“Nó biến mất rồi,” cô ta nói.

Nhưng K không nói gì. Hăn vòng tay quanh eo Jolene và cô ta ngả người tựa vào hăn.

“Thật là dễ chịu,” cô ta thì thầm.

Cô ta có mùi khói thuốc và cần sa, nhưng còn phảng phất thứ gì đó khác nữa. Một mùi rất ngọt ngào. Hăn nghĩ cô ta hăn đã lén ăn vài viên kẹo bạc

hà trong túi xách.

“Tôi biết tại sao anh lại đưa tôi tới đây,” cô ta nói.

“Thật sao?”

“Nơi này rất đẹp. Hẻo lánh. Và hoàn hảo.”

“Nó *đúng* là hoàn hảo, phải không?” K nói. “Cô biết đấy, còn một chuyện nữa tôi phải làm và tôi đã lo lắng về nó suốt cả ngày hôm nay. Tôi cần được thư giãn. Được ở bên cạnh cô đã giúp tôi rất nhiều.”

“Thật tuyệt. Đó cũng là điều tôi mong muốn, giúp anh thư giãn ấy. Chỉ có hai chúng ta ở đây thôi, tôi nghĩ chúng ta có thể làm chuyện đó. Sẽ dễ dàng hơn nếu như có một tấm chăn nhưng chúng ta sẽ xoay xở được.” Cô ta cọ nửa thân dưới vào người hắn. “Đó là điều anh muốn, phải không?”

“Đúng vậy.”

“Tôi cũng nghĩ thế.”

Hắn tựa cằm lên vai cô ta. “Nhưng tôi không biết mình có nên làm vậy không.”

“Ồ, tôi nghĩ là có.”

“Phức tạp lắm. Có rất nhiều thứ cần phải cân nhắc.”

“Làm đơn giản thôi,” Jolene nói. “Nghĩ về những gì tôi có thể làm cho anh và giúp anh thư giãn.”

Đôi tay K lần trượt vào bên dưới áo Jolene và cô ta liền hóp bụng vào. Rồi cô ta há miệng ra ngáp, một cái ngáp to đến nỗi khiến lưng cô ta uốn cong lại. Cô ta liền cười rộ lên. “Đôi khi cần sa khiến tôi trở nên như vậy. Nó khiến tôi có cảm giác mệt mỏi.”

“Nó còn gây ra chuyện gì khác nữa không?” K hỏi. “Nó có bao giờ ảnh hưởng đến trí nhớ của cô không?”

“Không. Chưa bao giờ cả.”

“Vậy còn uống rượu thì sao? Nó có khiến cô quên đi không?”

Cô ta cười lớn. “Anh nghĩ hôm nay tôi đã uống bao nhiêu rồi?”

K nhìn xuống mặt nước phẳng lặng. “Vậy cô sẽ không quên tôi ư? Cô sẽ thức dậy vào sáng mai và lơ mơ hình dung ra tôi trông như thế nào hay cô đã gặp tôi ở đâu sao?”

Jolene lại cọ vào người hắn. “Không đời nào,” cô ta nói. “Tôi chắc chắn sẽ nhớ ra anh.”

K nhấc một cánh tay từ dưới eo cô ta lên, rồi vòng nó quanh cổ cô ta.

“Tôi cũng nghĩ thế.”

Trong căn phòng với những bức tường ốp gạch trắng xóa - sau khi Jana qua đời, sau khi tôi phát hiện ra thi thể của cô - tôi nhìn Thanh tra Frank Moretti dùng những đầu ngón tay bóp sống mũi to bự của mình và nghe ông ta hít một hơi thật sâu.

“Một que kem ư?” ông ta nói.

“Trong khu rừng phía sau căn hộ của Jana,” tôi nói. “Tôi có thể chỉ chỗ cho ông.”

Ông áp lòng bàn tay lên mặt bàn giữa chúng tôi. “Đừng cầm đèn chạy trước ô tô. Tôi cần biết mọi thứ về cô ta, bất cứ điều gì anh có thể kể với tôi. Hãy bắt đầu từ cái ngày hai người gặp nhau và chúng ta sẽ đi tiếp từ đó.”

Và chúng tôi đã làm vậy. Tôi kể cho ông ta mọi thứ mình có thể nhớ được về *Đêm con hươu cái* và cả đêm dưới ánh trăng khi Jana nghĩ mình đang bị theo dõi. Tôi cũng kể cho ông ta về Simon Lanik, gã cháu trai của bà chủ nhà. Chúng tôi nói chuyện về tất cả những lần tôi gặp gỡ Jana, những nơi chúng tôi cùng nhau tới. Có lúc, Moretti ghi chép lại. Thỉnh thoảng, một đồng nghiệp nào đó của ông ta sẽ gõ cửa, gọi ông ta ra ngoài hành lang. Tôi nghe được lồm bồm cuộc hội thoại - vì Moretti đã đóng cửa khi ông ta rời khỏi và nó chỉ được mở ra lúc ông ta trở lại.

Chúng tôi cũng nói về Sophie Emerson. Đáng lẽ, tôi sẽ không lôi cô ấy vào chuyện này nhưng Moretti đã biết cô ấy - rằng chúng tôi đã đính hôn. Ông ta nhìn thấy vết cắt trên thái dương của tôi và muốn biết nguyên do. Khi tôi kể ra, ông ta phá lên cười. “Anh bị như thế là còn nhẹ đấy,” ông ta nói.

Sophie cảm thấy hối hận vì tát tôi ngay khi sau đó - ít nhất, cô ấy cũng đã nói lời xin lỗi. Tôi không biết liệu cô ấy có thật sự cảm thấy như vậy hay liệu cô ấy có nên thế không. Cô ấy đã đề nghị khâu vết cắt lại cho tôi hoặc chở tôi đến bệnh viện để ai đó có thể làm việc ấy. Nhưng cuối cùng, tôi đã quyết định tự mình lo liệu lấy bằng cách dùng cồn lau qua nó trong phòng tắm căn hộ của chúng tôi, rồi dùng gạch và băng keo dán lại.

Thời điểm đó, Jana chỉ còn vài tiếng đồng hồ để sống và chẳng có gì tôi làm có ích cho cô trong những giờ khắc ấy.

Tôi lên khỏi căn hộ mà không nói gì thêm với Sophie. Cũng dễ - dù cô ấy cũng sẽ chẳng buồn ngăn tôi. Tôi ăn trưa tại một quán ăn rẻ tiền ở khu trung tâm. Sau đó, tôi lái xe ra một khu phân lô có hố nhân tạo và sân gôn 9 lỗ, kiểm tra hiện trạng nhà cửa cho một nhân viên bán bảo hiểm cùng cô vợ đang mang thai. 4 phòng ngủ, 3 phòng tắm, tầng hầm hoàn chỉnh - tất cả đều ở trong tình trạng tốt, ngoại trừ mái nhà cần phải được lợp lại.

Tôi nhận séc thanh toán từ anh nhân viên bán bảo hiểm và mang đến ngân hàng. Sau đó, tôi dừng lại mua một cốc cà phê. Lúc ấy đã gần 5 giờ chiều mà tôi thì có hẹn ăn tối với Jana lúc 7 giờ 30 tại The Falcon, nhà hàng có chiếc ca nô treo trên trần.

Kế hoạch là như thế. Nhưng lẽ ra tôi không nên theo sát nó quá. Lẽ ra, tôi nên đến tìm cô và làm cái việc mà mình đã trì hoãn: nói cho cô biết về Sophie.

Thay vào đó, tôi lại lái xe đi lòng vòng, cân nhắc về chuyện ấy và trù tính kế hoạch. Bạn có thể nói rằng vết cắt trên thái dương đã khiến tôi phải e dè trước việc nói chuyện với phụ nữ. Hoặc bạn cũng có thể cho rằng tôi là một gã nhát gan và chính sự hèn nhát của tôi đã lấy đi mạng sống của Jana.

Thật khó để nhớ hết được những nơi tôi đã đi mặc dù Frank Moretti muốn tôi phải nhớ. Trong căn phòng ốp gạch trắng, ông ta chất vấn tôi về mọi chi tiết. Tôi chỉ biết rằng mình đã đi tới đường Quaker Hill. Chẳng có gì đánh dấu vị trí nơi Jana đã gặp con hươu, ngoại trừ vài mảnh vụn từ tấm kính chắn gió trên chiếc Plymouth của cô.

Vào lúc 7 giờ 30, tôi đang ngồi trong buồng ăn quen thuộc của chúng tôi bên dưới chiếc ca nô. Tôi gỡ miếng gạc trên thái dương ra vì nghĩ rằng dù vết cắt có trông tệ đến thế nào thì vẫn không gây sự chú ý bằng một mảnh băng trắng hình vuông dán vào đầu. Và tôi ngồi chờ đợi.

Khi tới 7 giờ 45 mà Jana vẫn chưa xuất hiện, tôi liền gọi di động tới căn hộ của cô. Nhưng không thấy trả lời. Tôi để lại một tin nhắn trên hộp thoại.

Đến 8 giờ, tôi gọi lại lần nữa. Vẫn không ai bắt máy.

8 giờ 10, tôi uống nốt cốc đồ uống mình đã gọi rồi để tiền lại trên mặt bàn cho nhân viên phục vụ. Tôi lái xe tới căn hộ của Jana thật nhanh nhưng không nhanh quá. Một mặt là vì có kẻ nào đó đã gây ra vết bầm kia và có lẽ còn do thám cô từ trong rừng. Nhưng mặt khác, tôi không muốn phản ứng thái quá. Có lẽ có chuyện đột xuất hoặc xe cô gặp trục trặc gì đó.

Khoảng 8 rưỡi, tôi rẽ vào con đường trước nhà Jana và nhìn thấy chiếc Plymouth cà tàng trên lối vào - nó đã được thay một tấm kính chắn gió mới toanh sau khi con hươu làm vỡ cái cũ. Dường như tất cả đèn trong căn hộ đều tắt, nhưng ngoài ra thì không có chuyện gì bất thường. Ngay cả cửa trước nhà thoáng nhìn qua lúc đầu cũng thấy rất bình thường. Nhưng khi tôi tra chìa khóa vào ổ và cánh cửa xoay mở vào trong, tôi bỗng nhận ra một phần rèm cửa đã bị ai đó đập vỡ.

Và tôi cũng đã sai lầm trong chuyện đèn đóm. Một ánh sáng vẫn le lói cháy bên trong căn hộ. Đó là ngọn nến trà năm đơn độc trên sàn phòng khách, cách bàn chân trái của Jana chưa đầy nửa mét.

Tôi bật công tắc và chiếc đèn treo trên đầu sáng lên ngay lập tức và nếu trong đầu tôi còn bất cứ hoài nghi nào về chuyện Jana đã chết thì nó đều đã tan biến.

Cô đang nằm ngửa trên sàn nhà, mắt mở trừng trừng và gương mặt hơi nghiêng sang phía bên vai phải. Tôi nhớ mình đã tưởng rằng vết bầm hình lưỡi liềm trên má cô đã biến mất.

(Nó đang mờ đi. Chỉ vài ngày nữa thôi anh sẽ không còn nhìn thấy nó nữa.)

Nhưng giờ cô ấy lại có thêm những vết bầm khác: những vết bầm xấu xí trên cổ mà một kẻ nào đó đã để lại khi ấn những ngón tay cái lên họng cô. Áo bị xé rách toang. Quần bò và quần lót bị kéo xuống dưới đầu gối. Và đôi chân để trần.

Tấm gỗ 2x4 vốn được đặt trên mặt lò sưởi giờ nằm ngay trên sàn nhà bên cạnh cô ấy. Nó dài khoảng 1,2 mét - dài hơn một cây gậy bóng chày - và có lẽ Jana đã dùng nó làm gậy. Tôi muốn nghĩ rằng cô thực sự đã làm vậy và rằng ít nhất cô cũng đã phang cho tên sát nhân kia một cú ra trò.

Nếu thế thì có thể giải thích được chuyện đã xảy ra với những ngọn nến trà. Chúng đáng lẽ ra vẫn đang cháy trên mặt lò sưởi và nằm trong những lỗ nông được đục trên tấm gỗ 2x4. Nhưng giờ chúng lại nằm rải rác trên mặt sàn gỗ cứng, ba ngọn nến đã tắt, chỉ còn một vẫn đang le lói.

Tôi vẫn có thể hình dung lại cảnh tượng đó, nhưng thứ duy nhất lúc này tôi không nhớ lại được là biểu cảm trên gương mặt Jana và đó chính là một sự may mắn. Tôi chỉ có thể nhớ được rằng có điều gì đó không đúng. Giống như khi bạn thoáng trông thấy một người quen trên đường nhưng họ không biết bạn đang quan sát họ và họ đang khổ sở, tức giận hay phiền muộn chán nản, còn bạn thì nhìn thấy họ trong một khoảnh khắc không phòng bị. Trông họ có vẻ gì đó không đúng, không giống chính bản thân họ.

Điều đó không chính xác lắm, nhưng cũng gần đúng. Gần nhất tôi có thể diễn tả.

“Vậy anh không hề kiểm tra mạch của cô ta,” Frank Moretti nói.

“Không.”

“Những người khác sẽ làm như vậy.”

“Tôi không cần làm thế,” tôi nói. “Cô ấy đã đi rồi.”

“Và anh không đắp gì cho cô ta.”

“Đắp cho cô ấy ư?”

“Một tấm khăn trải giường hay một cái chăn.”

“Tôi nên làm thế sao?”

“Tốt nhất là không. Làm thế sẽ phá hoại công tác pháp y.”

“Vậy tại sao...”

“Bởi vì đó là chuyện mọi người vẫn thường làm,” Moretti nói. “Cô ta nằm đó trên sàn nhà, trần trụi và yếu đuối. Người quan tâm tới Jana sẽ muốn che cô ta lại.”

“Có nghĩa là tôi đã không quan tâm cô ấy sao?”

“Tôi không nói vậy.”

Nếu nó có ý nghĩa gì thì tôi cũng đã nắm tay Jana. Tôi lấy di động gọi 911 rồi quỳ xuống bên cạnh cô chờ đợi và khi tôi cầm tay cô, nó không ấm áp nhưng cũng chẳng lạnh lẽo. Nó có cảm giác trống rỗng như một đôi găng tay, song dầu vậy, tôi vẫn nắm lấy nó. Tôi không chắc mình đã làm thế bao lâu - một quãng thời gian đủ để viên cảnh sát đầu tiên xuất hiện.

Anh ta còn trẻ và là một cảnh sát tuần tra đang làm nhiệm vụ phân làn đường giao thông. Khi tôi ra gặp anh ta ở cửa, anh ta ngay lập tức để ý thấy cái xác và vôi vàng bước qua tôi. Tôi đứng dưới lối vào bếp, quan sát tấm lưng của anh ta lúc anh ta cúi xuống nhìn Jana. Tôi nghĩ đây hẳn là vụ án mạng đầu tiên của anh ta. Và khi anh ta cuối cùng cũng xoay người lại, mặt anh ta trông rất nhợt nhạt. Tôi bước giật lùi trong về phía bếp và chỉ tay về phía bồn rửa bát vì nghĩ có khi anh ta cần tới nó.

Nhưng rốt cuộc anh ta không cần đến nó. Anh ta cúi xuống trên thành bồn, há hốc miệng hít thở không khí, nhưng chỉ thế thôi. Khi đã đứng thẳng người, anh ta đưa tay áo lên quạt ngang miệng, dù với tôi, trông nó có vẻ còn khô ráo.

“Anh sẽ ổn thôi,” tôi bảo anh ta.

Thật là một câu nói sai lầm, bởi vì nó nhắc anh ta nhớ ra rằng tôi đã có mặt ở đây từ nãy tới giờ. Anh ta đã sơ suất. Ai mà biết được tôi có thể làm gì trong khi anh ta đứng quay lưng lại? Tôi có thể đánh vào đầu anh ta, giật lấy súng và cướp xe phóng đi dạo. Rồi anh ta quyết định phải cứng rắn lên.

“Đặt hai tay lên đầu.”

“Ồ, thôi nào.”

“Làm đi.”

Anh ta mở khóa bao súng rồi chạm tay vào báng súng và tôi đưa hai tay đặt lên đầu. Khi anh ta bảo tôi xoay người lại, tôi làm theo. Tôi đứng úp mặt vào bức tường bên cạnh cổng vòm. Tôi có thể nghe thấy tiếng ô tô đang tấp vào lối đi trước cửa nhà, nhiều cảnh sát nữa đang tới. Tôi cảm thấy tay anh ta đặt sau gáy mình, nghe anh ta nói tôi có quyền giữ im lặng. Anh ta thô bạo đẩy tôi về phía trước và nếu không quay đầu đi, tôi nghĩ anh ta có lẽ đã làm tôi vỡ mũi. Và thế là một bên mặt tôi đập vào tường và cú va chạm làm rách vết cắt trên thái dương tôi.

Trong căn phòng có tường ốp gạch trắng, những ngón tay của tôi cứ liên tục lần trở lại vết cắt. Nó có địa thế của riêng mình: một vết lằn mỏng và dài. Moretti đã đưa tôi một miếng băng cá nhân để dán lên nhưng nó không đủ lớn và tôi vẫn có thể cảm thấy được hai đầu vết cắt.

Moretti thấy tôi xuýt xoa và gấp cuốn sổ tay lại rồi nói, “Được rồi. Chúng ta nghỉ một lát. 10 phút. Sau đó, chúng ta sẽ bắt đầu lại từ đầu.”

“Không,” tôi nói.

“Không ư?”

“Tôi đi đây.”

Ý tưởng đó làm ông ta thấy thích thú. “Anh sẽ không đi đâu cả.”

“Tôi đã kể cho ông nghe mọi điều mà tôi biết.”

“Tôi vẫn còn những câu hỏi.”

Đã gần 3 giờ sáng và tôi cũng có những câu hỏi của riêng mình. Nhưng không phải những câu có thể trả lời được trong căn phòng này. Tôi rất mệt mỏi và cần được biết mình đang đứng ở đâu. Cách duy nhất để xác định là nhắm vào vấn đề.

“Chuyện này kéo dài đủ lâu rồi,” tôi nói. “Ông có thể để tôi đi hoặc buộc tôi tội gì đó. Mà tôi thì không nghĩ ông sẽ buộc tội tôi.”

“Tại sao lại không chứ?” Moretti hỏi.

“Bởi vì lúc này, ông đã có thể xác định được thời điểm Jana tử vong.” Tôi chỉ đang đoán mò, nhưng điều đó rất có khả năng. Đây có thể là chủ đề của một trong những cuộc hội thoại ngoài hành lang của ông ta. “Và chuyện nó có xảy ra lúc tôi đợi cô ấy ở quán The Falcon hay không, ông cũng có thể xác nhận. Có lẽ ông đã làm xong chuyện ấy rồi.”

Tôi đang hy vọng chuyện đó là sự thật, nhưng phản ứng của Moretti - một cái lắc đầu nhẹ - đã cho thấy rõ rằng tôi không may mắn đến vậy.

“Dự đoán chắc chắn nhất của bác sĩ pháp y là Jana Fletcher đã tử vong trong khoảng từ 6 đến 7 giờ,” ông ta nói, “điều đó có nghĩa là nó xảy ra trong khi anh đang lái xe lòng vòng và nghĩ ngợi. Theo như câu chuyện của anh.”

“Đó không phải một câu chuyện.”

“Sẽ là như vậy cho đến khi tôi xác minh được.”

Tôi nhún vai. “Ông vẫn sẽ không định buộc tội tôi. Vẫn còn quá sớm. Ông muốn thật chắc chắn. Và không muốn về sau bị chứng minh rằng mình đã sai - khi ông phát hiện ra kẻ gây ra chuyện này lại là một người khác. Như thế sẽ thật là đáng hổ thẹn...”

“Tôi có thể sống được với nỗi hổ thẹn.”

“Nhưng nó sẽ gây bất lợi cho ông và cho toàn bộ sở cảnh sát. Ông đang quên mất tôi là ai rồi đấy. Tên gia đình tôi nằm trên những tòa nhà trong thành phố này. Nếu ông đoán sai, tôi có thể khiến ông gặp rắc rối đấy.”

Moretti cau mày. “Anh đang đe dọa tôi sao?”

“Không. Tôi đã nói xong chuyện với ông rồi. Nếu ông định giữ tôi ở lại đây, tôi sẽ cần gọi luật sư.”

Tôi ngồi xuống và khoanh hai tay trước ngực, trong khi ông ta lườm tôi. Đèn huỳnh quang vẫn đang kêu lách tách phía trên đầu - một bản nhạc nền hoàn hảo cho cuộc đấu trí giữa chúng tôi. Chúng tôi có lẽ sẽ còn tiếp tục như

vậy một lúc lâu nữa nếu không có người nào đó gõ cửa, rồi Moretti từ từ đứng dậy, cầm lấy cuốn sổ tay trước khi bước ra ngoài.

Ông ta ở ngoài đó chừng 20 phút. Sau 10 phút đầu tiên, tôi đứng dậy và thử kiểm tra cửa (nhưng nó đã bị khóa), vươn vai rồi đi tới đi lui quanh chiếc bàn. Tuy không thể nghe thấy bất cứ thanh âm nào từ phía ngoài hành lang nhưng tôi nghĩ Moretti đang nói chuyện với ai đấy ngoài đó - có lẽ là về việc liệu tôi có thể thực sự gây phiền toái cho họ hay không nếu họ từ chối thả tôi đi. Tôi hy vọng họ đang nói đến chuyện ấy và cũng hy vọng cái viễn cảnh kia sẽ khiến họ lo lắng. Nhưng tôi lại không nghĩ nó sẽ có tác dụng nếu họ mở cuộc điều tra về những mối quan hệ của gia đình tôi. Bởi vì thật ra, tất cả những gì tôi đã nói với Moretti đều chỉ là lừa gạt.

Moretti chính là người đầu tiên khơi ra chuyện về Austin Malone, người đã được đề tên trên một vài tòa nhà ở Đại học Bellamy. Austin đúng thật là cụ tôi, và lúc sinh thời, cụ vốn rất giàu có. Cụ đã thừa kế công việc kinh doanh từ cha mình: một xưởng sản xuất dây đồng cho đường dây điện thoại và ống đồng cho hệ thống ống nước. Nhưng xưởng sản xuất là một nơi bụi bặm và cụ Austin Malone không hề có hứng thú dành thời gian ở những nơi bụi bặm như thế. Cụ đã bán xưởng sản xuất cho công ty Revere Copper sau khi cha cụ qua đời năm 1928 và dùng số tiền đó để mua nhiều uy tín và thanh danh nhất có thể.

Số tiền đó đã mua được khá nhiều. Cụ Austin Malone tránh không đầu tư vào thị trường chứng khoán và đã xoay sở vượt qua được thời kỳ Đại suy thoái cũng như Thế chiến thứ hai. Nhưng rồi cụ qua đời năm 1949 và bỏ lại 5 đứa con trai cùng 3 đứa con gái - một gia sản kếch xù được chia ra 8 phần, thành 8 gia tài khá khiêm tốn.

Chuyển cảnh đến hai thế hệ sau đó, không còn lại gì nhiều ngoài một cái tên được khắc chạm trên mặt ngoài bằng đá của một vài tòa nhà nào đấy cùng cuộc sống trung lưu thoải mái. Cha tôi là một nhà thầu xây dựng, ông đã cho tôi đi học Đại học chuyên ngành kỹ sư. Tôi có những người họ hàng có sự nghiệp vững chắc và thậm chí còn có một cậu em họ làm luật sư.

Nhưng là bên luật thuế chứ không phải luật hình sự. Không phải lĩnh vực có thể giúp được tôi.

Vậy nên lời đe dọa của tôi đối với Frank Moretti chỉ là một lời nói suông: Tôi không thể gây ra bất cứ phiền toái nào cho ông ta. Và nếu ông ta muốn gây rắc rối cho tôi thì sẽ chẳng có ai trong gia tộc Malone có thể gọi một cú điện thoại và khiến nó biến mất.

Tôi không biết lời dối gạt của mình có tác dụng không, hay liệu Moretti có phải là một cảnh sát liêm minh không muốn bắt ai đó vì tội giết người khi chưa biết chắc, nhưng có điều đã thay đổi trong 20 phút ông ta vắng mặt. Khi quay trở vào phòng, ánh nhìn giận dữ đã không còn mà lại trông rất mệt mỏi. Ông ta đang cần chiếc túi ni lông đựng ví, điện thoại và những vật sở hữu khác của tôi. Ông ta vớt chúng lên mặt bàn, giữ cửa cho tôi rồi nói, “Anh có thể đi được rồi.”

Đồn cảnh sát trung tâm của Rome nằm trong trụ sở tòa án cũ trên phố North James. Những bậc thềm rộng rãi phía trước đồn dẫn xuống một quảng trường có hồ nước cùng đài phun. Những cây anh đào được trồng quanh hồ và những băng ghế đá.

Tôi đã từng tới đó và biết được rằng đài phun nước là một thứ rất đáng để chiêm ngưỡng, nhất là sau hoàng hôn và đèn xung quanh hồ đều đã được bật lên. Nhưng vào lúc 3 giờ sáng thì chẳng có ai thưởng thức quang cảnh này: Ánh đèn tối lơ mờ và mặt nước phẳng lặng.

Tôi bước xuống những bậc thềm của trụ sở tòa án, băng qua quảng trường và đi ngang một biển hiệu có ghi *Không lãng vãng sau khi trời tối*. Tôi không lãng vãng. Tôi bước ra đường và nghĩ tới chiếc xe tải của mình, có lẽ vẫn còn đang để ở nhà Jana. Tôi có thể bắt taxi tới đó nhưng lúc này chẳng thấy chiếc nào.

Tôi cuốc bộ qua một tòa nhà tới điểm dừng xe buýt và ngồi xuống một đầu băng ghế. Ngồi ở đầu bên kia là một ông lão da đen mặc áo choàng. Trên vai áo ông ta có một vết rách dài và đã được vá lại bằng băng dính.

“Ông có biết chuyển tiếp theo bao giờ thì đến không?” tôi hỏi ông ta.

“Tầm khoảng 6 giờ sáng, tôi đoán vậy.”

“Ông đang chờ chuyển đó phải không?”

“Chờ chuyển đó cũng như chờ bất cứ thứ gì khác.”

Có một bản đồ tuyến xe buýt trên tường nhà chờ và chỉ cần xem lướt qua, tôi đã có thể xác nhận rằng chẳng có chuyến xe buýt nào đưa tôi đến gần căn hộ của Jana, ngay cả nếu tôi muốn chờ tới tận 6 giờ. Lưng tôi đau ê ẩm vì phải ngồi trong căn phòng ốp gạch trắng kia, còn vết cắt trên thái dương thì râm ran ngứa. Tôi cảm thấy rất mệt mỏi. Tôi rút điện thoại ra gọi một chiếc taxi và thấy trên màn hình hiển thị tới 7 cuộc gọi nhờ, tất cả đều là của Sophie.

Tôi cố hình dung xem mình có thể nói gì với cô ấy nhưng không nghĩ được gì nên đành đặt điện thoại xuống băng ghế. Rồi tôi tựa đầu lên bức tường bằng kính acrylic [19] của nhà chờ xe buýt và nhắm mắt lại chỉ là để cho chúng nghỉ ngơi.

Ông lão mặc áo choàng nói, “Cậu không nên làm vậy, con trai, ngủ ở bên xe buýt ấy. Cảnh sát chắc chắn sẽ tới dựng cậu dậy.”

“Tôi sẽ không ngủ đâu.”

Ông ta bật cười. “Tôi nghĩ mình biết một người sắp ngủ trông như thế nào.”

Tôi ngủ thật. Còn năm mơ nữa, dù tôi không nhớ được mấy. Tôi chỉ biết rằng trong giấc mơ của mình có ánh nền lung linh và Jana Fletcher vẫn còn sống.

Tôi thức giấc khi ông lão mặc áo choàng lay vai tôi gọi dậy.

“Nào, con trai, xe của cậu đến rồi kìa,” ông ta nói.

“Cậu đúng là một anh chàng may mắn,” ông ta nói. “Được ngồi xe như thế kia.”

Tôi nhìn quanh tìm kiếm một chiếc taxi, rồi nhớ ra mình không gọi xe.

Ông lão mặc áo choàng đang cố đưa tôi cái điện thoại. “Tôi đã tự ý thu xếp vài chuyện,” ông ta nói. “Và nghĩ rằng cậu sẽ không thấy phiền.”

Trên lề đường phía bên kia, có một chiếc ô tô đang đỗ. Đèn báo hiệu khẩn cấp nhấp nháy và cánh cửa bên ghế lái bật mở. Một người phụ nữ đang đứng ngay cạnh cánh cửa. Cặp kính mắt mèo và mái tóc được cặp gọn. Sophie.

“Điện thoại đổ chuông trong khi cậu đang ngủ, vậy nên tôi đã tự ý nghe máy,” ông lão mặc áo choàng nói. “Thật tốt vì tôi đã làm như vậy vì người đang gọi đến chính là bạn gái cậu.”

Sophie đang nhìn tôi nhưng cô ấy vẫn đứng yên.

“Đi đi,” ông lão nói. “Anh đúng là ngốc nếu không đi cùng một cô gái như thế.”

Chiều hôm sau, tôi thức dậy trên chiếc giường của mình lần đầu tiên trong suốt 10 ngày qua.

Màn hình đóng nhưng tôi vẫn nhìn thấy ánh sáng len qua. Tôi ngồi dậy, lật chăn ra rồi đặt chân xuống sàn. Tôi đưa tay lên thái dương và cảm thấy những mũi khâu Sophie đã thực hiện sau khi chở tôi về nhà.

Cô ấy đã bình tĩnh một cách bất thường khi ngồi trong ô tô.

“Em đã gọi cho anh 7 cuộc liên,” cô ấy nói.

“Anh xin lỗi.”

“Em đã nghe chuyện về cô gái đó trên thời sự. Bản tin địa phương lúc 11 giờ. Em không biết anh đang ở đâu, gọi điện thì anh không bắt máy.”

“Cảnh sát đã lấy điện thoại của anh.”

“Em tưởng anh đã chết.”

“Tại sao...”

“Em nghĩ anh đang ở cùng với cô gái đó và anh cũng đã chết, giống như cô ta vậy. Tin tức không đề cập đến anh, nhưng em nghĩ có lẽ họ sẽ không... Có lẽ, họ sẽ chờ cho đến khi cảnh sát thông báo cho người thân của anh trước. Và đó không phải là em, em chỉ là hôn thê của anh. Họ đang cố gắng gọi cho mẹ anh ở Florida...”

“Sophie, anh vẫn còn sống mà.”

“7 cuộc gọi cuối cùng thì một viên thanh tra nào đó đã bắt máy, rồi anh ta chuyển máy cho một thanh tra *khác*, nhưng ông ta chẳng nói gì với em, ngoại trừ việc anh không thể nghe điện thoại vì đang bị thẩm vấn.”

“Chắc đó là Moretti...”

“Vậy là em biết anh còn sống và em tự hỏi liệu anh có phải là nghi phạm trong vụ án mạng kia hay không.”

“Không.”

“Đó là lý do họ giữ anh ở đây đến gần sáng?”

“Chắc thế,” tôi nói. “Nhưng nó đã qua rồi. Anh không làm chuyện đó.”

Sophie nắm tay lại và thụi vào vai tôi mà không dời mắt khỏi con đường. Rồi cô ấy thụi thêm một cú nữa nhưng lần này mạnh hơn. Và lại một cú nữa.

“Anh không làm chuyện đó,” cô ấy lặp lại câu nói của tôi. “Vậy anh tưởng em nghĩ anh làm chuyện đó sao?”

Về đến nhà, cô ấy bóc miếng băng cá nhân khỏi thái dương của tôi và nhìn vào vết cắt. Tôi đã không làm gì nhiều để làm sạch nó nên vẫn còn máu khô bám xung quanh.

“Chuyện gì đã xảy ra?” cô ấy hỏi.

Tôi kể cho cô ấy nghe về tay cảnh sát tuần tra trẻ tuổi ở căn hộ của Jana.

“Anh không được động chạm đến vết thương, Dave. Nó sẽ không thể lành hoàn toàn và có khi còn bị nhiễm trùng nữa.”

“Khâu nó lại đi,” tôi bảo cô ấy.

Cô y khẽ nhướn mày. “Giờ anh đã tin tưởng để em khâu nó lại cho anh sao?”

“Cứ làm đi. Em có đồ nghề ở đây phải không?”

“Em có một bộ dụng cụ khâu vết thương,” cô ấy nói, “nhưng sẽ đau đấy. Em không có thuốc tê.”

“Làm đi. Nó có thể tệ đến thế nào chứ?”

“Thử xem nhé.”

Tôi vẫn ổn trong khi cô ấy dùng nước và cồn lau sạch vết cắt. Sau đó, cô ấy lấy dụng cụ và bắt đầu khâu mũi đầu tiên một cách chậm rãi và cẩn thận, rồi giật mạnh sợi chỉ.

“Chúa ơi, đau quá,” tôi nói.

Sophie khẽ cắn môi. “Chỉ hai mũi nữa thôi.”

“Em hứa chứ?”

“Có lẽ là ba.”

“Chúa ơi.”

“Anh ngừng nhăn mặt đi.”

“Một cái kim,” tôi nói, “đang xuyên vào da thịt anh.”

“Cứ việc tưởng tượng xem chuyện này đang khiến em cảm thấy như thế nào.”

Cô ấy khâu mũi cuối cùng, buộc nó lại và cắt đứt sợi chỉ.

“Giờ thì đừng động vào nó,” cô ấy nói. “Và đừng để người khác đập mặt anh vào tường nữa.”

Tôi mở bức màn che trong phòng ngủ, không hề cảm thấy choáng váng trước ánh sáng ban ngày, vậy nên tôi đi một vòng quanh căn hộ và mở tất cả màn che chúng tôi có. Sophie đã rời khỏi nhà nhưng cô ấy để lại cho tôi một món quà: một hộp băng cá nhân chống thấm nước cỡ lớn trên bàn bếp. Tôi pha cà phê và thưởng thức một tách. Rồi rót thêm tách nữa và mang nó vào phòng ngủ trống mà tôi dùng làm phòng làm việc.

Hiện tại đang là năm 1998 và tôi có một chiếc máy tính chiếm trọn cả bàn làm việc: một màn hình to như một cái rương, CPU, bàn phím và chuột - tất cả được kết nối với nhau bằng một mớ dây cáp rối rắm. Tôi bật máy tính lên và xem lịch trình làm việc. Tôi đã ngủ quá lịch kiểm tra tình trạng một căn nhà tới một tiếng đồng hồ và một cuộc kiểm tra khác lúc 5 giờ. Lúc này đã gần 4 giờ rồi. Quá muộn để hủy lịch, vậy nên tôi phải nhanh lên mới được. Tôi cần tắm tấp và phải qua nhà Jana lấy xe tải.

Tôi đã ra tới cửa trước khi quay trở lại. Tôi bước đến chỗ bàn làm việc, mở ngăn kéo giữa và nhìn thấy mảnh giấy đã được gấp lại: danh sách những cái tên mà tôi đã chép được trong danh bạ địa chỉ của Jana. Tôi đã quăng nó vào đây 10 ngày trước.

Trong khoảng hơn chục cái tên, chỉ có một cái duy nhất là quen quen: Roger Tolliver, một trong những giảng viên của Jana. Tôi có số điện thoại của ông ta nhưng không có địa chỉ.

Tôi không có thời gian xử lý danh sách này nếu như muốn giữ đúng lịch hẹn. Vậy nên tôi sẽ phải chọn 1 trong 2.

Tôi lưỡng lự rồi quyết định mình có thể tra thông tin về một cái tên và để số còn lại xử lý sau. Roger Tolliver - đó sẽ là cái tên được chọn. Tôi có thể sử dụng máy tính nhưng thời đó cần phải có đường dây điện thoại mới kết nối được Internet. Sử dụng niên giám điện thoại sẽ nhanh hơn.

Và tôi đã tìm ra ông ta. *Tolliver, R.* Ngay giữa *Tolliver, Paul* và *Tollman, Julia*. Và khi tìm thấy ông ta, tôi đã đưa ra quyết định. Tôi quên bằng mất cuộc hẹn. Roger Tolliver trên đường Quaker Hill.

Những căn nhà trên đường Quaker Hill đều nằm cách nhau một đoạn. Hầu hết đều là di tích của những năm 40 với ống khói bằng đá và ván ghép màu trắng. Nhưng căn nhà của Tolliver lại khác: mới xây, mặt tiền bằng gạch phía trước, ván nhựa vinyl.

Phải hơn 5 giờ tôi mới đến được đó vì mất thời gian tắm táp, ăn uống và gọi một chiếc taxi chở mình đi lấy xe tải. Tôi tưởng có khi Tolliver đang ở nhà nhưng khi tôi gõ cửa, chẳng ai trả lời. À không, để tôi sửa lại: Chẳng có ai ra mở cửa. Bởi tôi có nghe tiếng trả lời. Tolliver có một con chó - một con chó to lớn, lông ngực rộng và dữ dằn, xét theo tiếng sủa của nó. Loại chó mà bạn có thể bắt gặp trong một trại giam, kéo căng sợi dây xích, nhe răng ra và táp không khí như nhắc bạn nhớ rằng sẽ thật là điên khùng nếu cố gắng vượt ngục.

Con chó bắt đầu cất tiếng sủa ngay lúc tôi gõ cửa và dai dẳng không ngớt ngay cả khi tôi đã bước xuống khỏi hiên nhà. Tôi đi vòng ra phía sau lách qua bờ giậu bên dưới một khung cửa sổ, và khi tới gần tấm kính, tôi có thể nhìn thấy nó đang ở trong đó. Không giống sói như tôi tưởng tượng, mà là một con chó chăn cừu giống Anatolia, màu nâu nhạt với chiếc mõm đen. Nó

vẫn đang sửa như điên, như thể bắt được quả tang một tên tù nhân cắt lỗ trên hàng rào, cố gắng tẩu thoát.

Nhưng hóa ra nó đang bị nhốt trong cũi. Tolliver đã nhốt nó trong một cái lồng thừa bằng kim loại, chỉ vừa đủ rộng để trở mình - có lẽ nhằm ngăn nó không gặm đồ đạc.

Con người ta thường hay bất cần.

Khi Roger Tolliver rời khỏi nhà hôm ấy, ông ta đã chắc chắn rằng cả cửa trước lẫn cửa sau đều khóa. Và cửa sổ nữa, ít ra là những cái dưới tầng trệt. Nhưng ai thèm bận tâm kiểm tra cửa sổ tầng trên chứ?

Tôi có một cái thang trong xe tải. Vậy là tôi đi lấy nó, kéo dài ra và dựa nó vào mặt tiền gara. Phía bên trên gara, một phần mái dốc thẳng lên tới một khung cửa sổ đôi trên tầng hai và tôi có thể nhìn thấy cánh cửa bên trái đang mở hé vài phân.

Đi trên mái nhà dốc nghiêng có thể rất nguy hiểm nếu không có kinh nghiệm. Nhưng tôi có đây. Đôi lúc khi kiểm tra nhà, bạn không cần phải trèo lên mái mà vẫn có thể nhìn thấy mọi thứ từ dưới đất. Nhưng tôi luôn luôn trèo lên. Bởi khách hàng thích vậy. Khi bạn làm được những việc mà khách hàng không muốn tự mình làm, điều đó sẽ khiến họ nghĩ đồng tiền mình bỏ ra là xứng đáng.

Tôi trèo lên mái nhà, tháo khung lưới cửa sổ và nhấc khung kính trượt lên. Sau đó, tôi lén vào trong một căn phòng trông giống như phòng ngủ dành cho khách rồi lắp lại khung lưới. Con chó đang sửa to hơn bao giờ hết.

Tôi tìm thấy cầu thang và đi xuống chỗ nó. Căn nhà của Tolliver có một gian phòng lớn với lò sưởi, xung quanh đáy lò là mặt sàn bằng đá và chiếc cũi chó đang đặt ngay trên đó. Tôi quỳ xuống bên cạnh chiếc cũi và để con chó chặn cừu người người mu bàn tay của mình, tiếng sửa của nó liền chuyển thành tiếng gặm gừ ư ử trong cổ họng - điều này rất có khả năng cho thấy chúng tôi sẽ trở thành bạn bè.

Khi tôi lùi lại để bước tới cửa chính, nó gầm gừ nhiều hơn. Tôi mở cửa và bước ra bên ngoài, tháo chiếc thang xuống rồi gập nó lại trước khi đặt vào trong xe tải. Lúc tôi quay trở vào, con chó đã quên hết tất cả về tình bạn giữa chúng tôi. Chúng tôi lại đang ở tù và nó vừa bắt quả tang tôi cứa cổng.

Tôi để mặc nó sửa, hy vọng nó sẽ thấy mệt. Thật khó để có thể ước đoán tôi có được bao nhiêu thời gian trước khi Tolliver trở về nhà, bởi giảng viên Đại học thường tự lập ra lịch làm việc của mình. Tôi nghĩ ông ta sống một mình dựa trên những gì quan sát được từ này đến giờ. Những khung ảnh treo dọc trên bức tường cạnh cầu thang chụp một người đàn ông cùng hai đứa trẻ, một trai và một gái - có lẽ là Tolliver và hai đứa con của ông ta. Không thấy xuất hiện người vợ trong bất cứ tấm ảnh nào. Tôi kiểm tra phòng để đồ gần lối vào và thấy treo toàn áo khoác nam giới, không có quần áo phụ nữ hay trẻ con. Ngoài ra, còn có đồ chơi và trò chơi trong đấy nhưng tất cả đều đã được đóng gói lại, như thể con cái Tolliver có ghé thăm ông ta song không sống ở đây.

Bắt tay vào việc nào. Tôi có hai lý do để đột nhập bất hợp pháp vào nhà Roger Tolliver và có thể dễ dàng tóm tắt chúng như sau: Những chiếc cúc áo và que kem.

Tôi xử lý cái thứ hai trước. Tôi tìm thấy tủ lạnh của Tolliver trong phòng bếp và mở cửa ngăn lạnh ra. Trong đó có pizza và cá đông lạnh, không có kem que nhưng ông ta thích kem. Ông ta có mấy hộp kem Häagen-Dazs, bánh sandwich kẹp kem, kem sữa que [20].

Kem sữa trên những chiếc que bằng gỗ.

Điều đó chẳng chứng minh được gì, dĩ nhiên rồi. Có đến bao nhiêu người có kem sữa que trong tủ lạnh nhà mình chứ?

Tôi đóng cửa tủ và đi tìm kiếm những chiếc cúc áo.

Hãy nhớ: Vào cái *Đêm con hươu cái*, khi tôi gặp Jana Fletcher trên đường Quaker Hill, cô có một vết bầm trên má. Giờ thì dường như có khả năng vết bầm đó là do giảng viên của cô, Roger Tolliver, gây ra. Nhưng nếu tôi hỏi,

ông ta có thể phủ nhận. Ông ta có thể nói rằng cô đã có vết bầm trước cả khi gặp ông ta vào đêm đó, hoặc rằng cô chưa từng ghé qua nhà ông ta. Tôi chẳng thể chứng minh được rằng ông ta nói dối.

Trừ khi tôi có thể tìm thấy những chiếc cúc áo của cô ấy.

Vào cái đêm mưa gió kia, Jana mặc một bộ đồ màu đen. Cổ áo của cô ấy mở rộng và bị thiếu mất hai chiếc cúc.

Tôi lục lọi khắp mọi ngõ ngách trong nhà Tolliver để tìm kiếm chúng. Tôi có thể hình dung ra chúng: màu trắng sữa như những viên ngọc trai trên nền áo đen. Tất cả thảm trải nhà của Tolliver đều có màu trắng hoặc trắng nhạt, vậy nên tôi nằm bò trên sàn nhà ông ta, thỉnh thoảng dò dẫm bằng tay. Con chó vẫn sủa. Tôi lục lọi trong đồng đệm ghế và dưới gầm những nội thất trong nhà. Bắt đầu từ tầng trệt rồi di chuyển lên tầng trên và dù đã tìm kiếm mọi ngõ ngách trong nhà, tôi vẫn không thu được kết quả gì.

Rồi tôi nghĩ đến việc xem xét trong tủ quần áo và đã tìm thấy thứ đó trong tủ quần áo của phòng ngủ dành cho khách: máy hút bụi của Tolliver.

Tôi vòng lên phòng tắm trên cầu thang, vớ lấy một cái khăn rồi mang nó trở lại và trải lên sàn phòng ngủ.

Con chó vẫn đang sủa điên cuồng ở dưới nhà. Từ tiếng sủa của nó thì xem ra chúng tôi đang sắp đi truy nã. Tôi hình dung ra cảnh những người lính đi ủng đen đang chạy và ánh đèn pha rọi khắp khu vực xung quanh.

Tôi cạy nắp máy hút bụi, đánh vật để lấy chiếc túi đựng. Sau đó, lấy con dao bỏ túi của mình rạch nó ra rồi thò tay vào cái đồng màu xám đầy tóc, bụi bẩn và đất kia. Tất nhiên cái túi đã gần đầy. Tôi bắt đầu bốc ra từng nắm rác rưởi một, trải nó ra sàn nhà và dùng ngón tay tìm kiếm.

Đám bụi xám trôi nổi trong không khí. Tôi cố không hít vào. Con chó vẫn cứ sủa. Tôi vớ tay vào cái túi và bốc thêm một nắm nữa, ngón tay chạm phải một vật gì đó tròn nhẵn. Chẳng hiểu vì sao tiếng sủa càng ngày càng lớn hơn và cuồng nhiệt hơn.

Những ngón tay để hụt mất vật tròn tròn kia rồi lại tìm thấy nó. Tiếng sủa đang di chuyển tới gần tôi hơn, trèo lên những bậc thang. Tôi rút tay ra khỏi chiếc túi và trong khi đang phúi bụi những chiếc cúc áo của Jana, tôi bỗng thấy con chó đã đứng ngay ở cửa, còn Roger Tolliver thì đang nắm dây xích giữ nó lại.

“Roger không thích anh,” Roger Tolliver nói.

Tôi đứng dậy và cố gắng hiểu được câu nói đó. Hoặc Tolliver có thói quen nói về mình ở ngôi thứ ba hoặc...

“Tên con chó là Roger,” Tolliver nói rồi giật giật sợi dây xích và tiếng sủa ngay lập tức được thay thế bằng tiếng gầm gừ ư ử. “Vợ tôi đã đặt tên cho nó. Cô ấy nghĩ đó là một trò đùa hài hước. Anh có thể hình dung cuộc hôn nhân của tôi thế nào rồi đấy. Anh sẽ cắt con dao đi chứ?”

Điều cuối cùng tôi biết là con dao bỏ túi được đặt lên sàn nhà, nhưng giờ nó lại đang nằm trong tay tôi.

“Ông sẽ giữ chặt con chó chứ?” tôi hỏi.

“Nó có khi sẽ không cắn anh đâu, ngay cả nếu tôi thả nó ra,” Tolliver nói. “Nhưng nó chắc sẽ quật ngã anh. Tôi nghĩ nó sẽ đè anh xuống. Nó sẽ giữ anh bằng răng, nhưng sẽ không cắn. Anh thấy được sự khác biệt rồi chứ?”

Tôi gật đầu, mặc dù không hiểu rõ sự khác biệt đó lắm. Tôi biết mình không muốn xem ví dụ trực quan. Con chó cắt tiếng sủa và nhe răng ra. Tôi không chắc nó có nhận ra mình sẽ không cắn tôi không.

“Tôi sẽ giữ chặt nó,” Tolliver nói. “Tôi cũng chưa gọi điện báo cảnh sát, vì tôi không biết phải nói gì với họ. Rằng một kẻ nào đó đã đột nhập vào nhà tôi chỉ để tấn công máy hút bụi của tôi ư - ai mà tin chuyện đấy chứ?” Ông ta lơ đãng đưa tay vỗ nhẹ lên mình con chó. “Làm sao anh vào đây được?”

Tôi liếc nhìn ra cửa sổ phòng ngủ vẫn đang để hé vài phân, giống như khi tôi phát hiện ra nó.

“Tôi dùng thang.”

“Thật là tài tình,” Tolliver nói. “Và nếu chiếc xe tải đang đỗ trên lối vào là của anh, thì anh chắc là David Malone. Vậy có nghĩa anh đến đây vì Jana. Nhưng nếu anh muốn nói chuyện về Jana, tôi sẽ sẵn sàng tiếp chuyện anh. Tôi sẽ mời anh vào nhà bằng cửa chính.”

Tôi gấp con dao lại và bỏ vào túi quần. Rồi giơ chiếc cúc áo của Jana lên để ông ta có thể nhìn thấy nó. “Tôi đến đây vì thứ này,” tôi nói.

Ông ta thu sợi dây xích lại cho đến khi nắm được vào vòng cổ của con chó rồi đưa tay kia ra cầm lấy chiếc cúc áo. Đôi mắt hiện lên vẻ bối rối, sau đó là hiểu ra.

“Ôi, trời ạ,” ông ta nói và đưa nó lại cho tôi. “Nào. Chúng ta sẽ nói chuyện.”

Chúng tôi nói chuyện bên ngoài. Tolliver để con chó chạy đùa trong sân sau: một khoảnh đất có kích thước khoảng 4,5x18 mét, được bao quanh bởi hàng rào mắt cáo. Ông ta dẫn con chó đi qua cổng vào bên trong rồi tháo xích thả nó ra. Tôi vẫn đứng phía bên kia hàng rào.

“Tôi đã thử cho nó ra ngoài này khi phải đi cả ngày”, Tolliver bảo tôi. “Nhưng nếu không có ai ở cùng, nó sẽ trở nên điên dại.”

Trông nó lúc này cũng khá điên dại rồi, dù Tolliver đang ở cùng với nó. Con chó lao từ đầu này sang đầu kia hàng rào, thỉnh thoảng dừng lại để chồm lên đặt chân trên vai Tolliver. Mỗi khi nó làm như vậy, Tolliver lại xô nó xuống và xua nó đi.

“Nếu để nó một mình ở ngoài này quá lâu, nó sẽ bắt đầu đào bới bên dưới hàng rào,” Tolliver nói và từ tình trạng của mảnh đất, tôi có thể thấy được đúng là như vậy. “Bởi thế tốt nhất là nên nhốt nó vào cũi ở trong nhà. Việc đó sẽ giữ nó bình tĩnh.”

Con chó chạy hết tốc lực sang đầu phía bên kia, quay đầu rồi chạy trở lại. Nó nhớ ra rằng nó không thích tôi và hướng về phía tôi qua hàng rào mà sủa. Tolliver mang một giỏ đựng đồ chơi từ trong nhà ra: những khúc xương bằng da và bóng tennis. Ông ta lấy một quả bóng rồi quăng nó về phía đầu bên kia và con chó liền chạy đuổi theo.

“Thật là khủng khiếp,” Roger Tolliver nói, “những gì đã xảy ra với Jana ấy.”

“Cô ấy đã tới đây, một tuần rưỡi trước,” tôi nói. “Vào ngày 20. Đúng không?”

“Đúng vậy.”

“Cô ấy rời khỏi đây mà thiếu mất vài chiếc cúc áo,” tôi nói, “cùng với một vết bầm.”

“Tôi biết. Đó là lỗi của Roger.”

Con chó quay trở lại với quả bóng ngoạm trong miệng. Tolliver cạy quả bóng ra và quăng nó thật xa.

“Tối hôm đó là lần đầu tiên Jana tới căn nhà này,” ông ta nói. “Tôi đã nhốt con chó trong cũi, giống như đôi lúc tôi vẫn làm khi nhà có khách. Jana nhìn thấy con chó bị nhốt lại và cô ấy không thích điều đó, ngay cả khi tôi đã giải thích lý do. Tôi thả nó ra và nó ngay lập tức lao về phía cô ấy. Nó rất nghịch ngợm, như anh thấy đấy.”

Như thể có hiệu lệnh, con chó chạy lại cùng quả bóng. Tolliver cố tóm lấy quả bóng và người chủ cùng con chó bắt đầu chơi kéo co.

“Nó rất nghịch ngợm,” Tolliver nhắc lại lần nữa, “nhưng nó đùa rất thô bạo. Và sẽ còn tệ hơn nếu có ai xung quanh đây thật sự muốn chơi cùng với nó. Ai đó thích chó, như Jana.”

Chú chó Roger đã thắng cuộc giằng co và nằm xuống gặm quả bóng.

“Anh nhìn thấy cách nó chạy rồi đấy,” Tolliver nói. “Trong nhà, nó cũng thế. Nó sẽ chạy từ phòng này tới phòng kia và rồi quay lại. Tối Chủ nhật đó, Jana đã khiến nó thật sự hào hứng. Mỗi lần như thế, nó sẽ lao tới. Cô ấy đang quỳ gối nhặt một trong những món đồ chơi của nó thì nó lao vào cô ấy. Đỉnh đầu nó va đập vào má cô ấy.”

Tolliver đứng đối diện với tôi qua hàng rào mắt cáo và tôi cố nghĩ xem liệu mình có nên tin ông ta không.

“Thế còn những chiếc cúc áo thì sao?” tôi hỏi. “Con chó cũng gây ra chuyện đó ư?”

Ông ta gật đầu. “Như tôi đã nói, Roger đùa rất thô bạo. Tôi không đếm nổi đã có bao nhiêu cúc áo bị nó giật đứt, tách ráo bị rách và ống quần bị gặm. Tôi thấy rất ngượng nhưng Jana chỉ chườm đá lên mặt rồi cười xòa.”

Ông ta nhún vai như thể sự cố kia khiến ông ta cảm thấy xấu hổ. Tôi nhìn vào trong mắt ông ta, cố gắng quyết định một lần nữa xem liệu ông ta có đang nói dối không. Ông ta có đôi mắt tinh tường và sáng ngời cùng gương mặt dễ ưa, mái tóc nâu đã bắt đầu thưa dần trên đỉnh nhưng phía hai bên đầu vẫn còn dày và xoăn. Ông ta thấp hơn tôi vài phân, chắc khoảng 40 tuổi, phần bụng hơi nặng nề nhưng trông vẫn gọn gàng. Quần áo giản dị: áo sơ mi vải chéo, không cà vạt, quần kaki và giày cao cổ.

Trông ông ta không giống một gã đàn ông thích thô bạo gạ gẫm sinh viên, giật đứt cúc áo rồi đánh họ, nhưng vẻ bề ngoài chẳng nói lên điều gì. Thêm vào đó, ông ta còn là giảng viên Luật, đồng nghĩa với việc ông ta là một luật sư và đã được đào tạo để ăn nói đầy sức thuyết phục. Công việc của ông ta là phải tỏ ra đáng tin.

Vì vậy, vẫn còn quá sớm để quyết định xem ông ta có đang nói thật hay không. Bất luận thế nào, tôi vẫn còn nhiều câu hỏi.

“Ông nói tối hôm đó là lần đầu tiên Jana đến nhà ông?”

“Đúng vậy.”

“Cô ấy đến đây làm gì vậy?”

Tolliver quay mặt đi khỏi tôi và nhìn xuống con chó dưới chân.

“Ừm,” ông ta nói, “đó là một câu chuyện dài.”

“Anh đã từng nghe nói đến Dự án Vô tội [21] chưa?” Roger Tolliver hỏi tôi.

“Nghe quen quen,” tôi nói.

Chúng tôi đang ngồi trên những chiếc ghế nhựa trắng ngoài hiên nhà ông ta. Chú chó Roger vẫn lảng quăng chạy từ đầu này tới đầu kia, quan sát tôi

và cố gắng quyết định xem mình cảm thấy thế nào khi bị bỏ quên.

“Đó là một tổ chức giúp đỡ những người bị oan và cố gắng lật ngược bản án của họ,” Tolliver nói. “Dĩ nhiên đó là những gì giới luật sư vẫn làm bấy lâu nay. Và anh không cần phải là thành viên của một tổ chức chính thức nào đó để làm được việc ấy.” Ông ta ngừng lời và ngại ngùng đưa mắt nhìn đi chỗ khác, “Ừm, vài năm nay, tôi đã điều hành một nhóm Dự án Vô tội quy mô nhỏ của chính mình ở trường Đại học.”

Có một chậu hoa lớn đặt trên sàn hiên ngay cạnh chân ông ta. Chẳng có gì mọc lên ngoài cỏ 4 lá. Tôi quan sát ông ta chống một bên giày lên mép chậu.

“Chúng tôi đã đạt được vài thành tựu,” ông ta nói. “Có một Vụ án từ cuối những năm 70 ở Syracuse: một chuỗi các vụ tấn công tình dục sinh viên Đại học do một gã trai trẻ người Mỹ gốc Tây Ban Nha gây ra. Một thanh niên 20 tuổi tên là Hector Delgado đã bị kết tội sau khi vài cô gái chọn ra bức ảnh của anh ta trong dãy những tấm ảnh được cho xem. Khi đó cũng phát hiện được mẫu ADN - tinh dịch và nước bọt từ kẻ gây án - nhưng không bao giờ được xét nghiệm. Công nghệ thời ấy vẫn chưa đủ tinh vi. Hai năm trước, chúng tôi đã thắng vụ kháng cáo sau khi mẫu ADN cuối cùng cũng được mang đi xét nghiệm và kết quả cho thấy nó không trùng khớp với Hector Delgado. Anh ta đã được phóng thích sau 16 năm thụ án.

“*Tờ Syracuse Herald* đã cho đăng câu chuyện ấy và nó đã được Liên đoàn Báo chí chọn đăng trên ấn phẩm của mình. Tạp chí *Newsweek* cũng đã thực hiện một bản tin đặc biệt. Họ đã cử nhiếp ảnh gia đến chụp hình tôi. Cho tới giờ, đồng nghiệp ở trường Đại học vẫn còn trêu chọc tôi về chuyện đó. Nhưng vụ truyền thông ấy đã giúp thu hút sinh viên tới trường Luật - những sinh viên muốn tạo nên sự khác biệt.”

“Giống như Jana,” tôi nói.

“Đúng vậy,” Tolliver đáp. “Tôi thường không làm việc với sinh viên năm nhất, nhưng Jana rất hăng hái. Cô ấy tham gia dự án kể từ khi học kỳ mới bắt đầu vào tháng Giêng. Tôi vẫn hay nhờ sinh viên lo liệu những công việc

thường ngày như: nghiên cứu cơ bản các vụ án, hồi đáp những câu hỏi của phạm nhân và gia đình họ - những người đang tìm kiếm sự giúp đỡ.”

Ông ta siết chặt hai tay trên bụng và đan chéo những ngón tay lại. “Sự thật là,” ông ta nói, “lúc nào chúng tôi cũng nhận được yêu cầu qua điện thoại, thư từ hay thư điện tử, vượt xa khả năng đảm nhận của mình. Số lượng bản án hình sự có thể lật ngược trên đất nước này lại vô cùng ít ỏi và từng đơn kháng cáo đều cần tới một trách nhiệm rất lớn về cả thời gian lẫn nhân lực, vì vậy, anh cần phải lựa chọn thật cẩn thận. Một số sinh viên không hiểu được như thế.

Jana là một trong số đó. Cô ấy cảm thấy bị thu hút bởi một vụ án cụ thể trong khu vực - Gary Dean Pruett. Anh ta đã bị buộc tội giết vợ. Chứng cứ rất mong manh nhưng Pruett lại là một bị cáo chẳng ra sao. Anh ta là giáo viên Trung học và đã từng có quan hệ bất chính với một học sinh cũ, điều đó đã đủ để bồi thẩm đoàn không có thiện cảm với anh ta. Người vợ Cathy phát hiện ra vụ ngoại tình và anh ta thừa nhận họ đã từng cãi nhau về chuyện đó. Nhưng theo lời anh ta nói, cô ta đã biến mất vào một buổi chiều thứ Bảy - lái xe rời khỏi nhà và không bao giờ quay trở lại.

Cathy Pruett cũng là một giáo viên và khi cảnh sát bắt đầu tìm kiếm, họ phát hiện xe cô ta đang đỗ trên một con đường gần trường mình dạy. Ba tuần sau đó, họ tìm thấy xác cô ta bị bỏ lại trên một cánh đồng ngoài ngoài ô thành phố. Cô ta đã bị đâm và rồi bóp cổ. Ngay từ đầu, những nghi vấn của cảnh sát đều đổ dồn lên Gary Pruett và khi lục soát xe *anh ta*, họ đã phát hiện ra những sợi tóc của người vợ trong cốp xe. Nhưng đó là vật chứng duy nhất họ tìm được kết nối anh ta với cái chết của vợ. Và chỉ có như thế thì lâu mới kết luận được. Luật sư của Pruett đã tranh luận rằng sợi tóc rơi ra từ chiếc chăn được tìm thấy trong cốp xe, chiếc chăn Pruett và vợ thường dùng khi họ đi dã ngoại.”

“Nếu đó là tất cả chứng cứ mà họ có, làm sao họ buộc tội được anh ta chứ?” tôi hỏi.

Một nụ cười bất chợt khiến khóe mắt Tolliver nhăn lại. “Đó không phải tất cả những gì mà họ có,” ông ta nói. “Họ còn có Napoleon.”

“Napoleon?”

“Napoleon Washburn, tin hay không tùy anh. Biệt danh là Poe.” Tolliver nhìn xa xăm về phía tây, nơi mặt trời đang dần dần lặn xuống sau những ngọn cây. “Poe Washburn chỉ là một tên lừa đảo vặt vãnh,” ông ta nói. “Chôm chia đồ ở cửa hàng, trộm vặt. Lão ta còn nổi tiếng trộm xe đạp. Hôm đó, lão ta bị bắt vì một thứ nghiêm trọng hơn: Lão trộm xe ô tô. Và lão ta phải đối mặt với một bản án thực sự. Lão ta bị tạm giam trong nhà tù của hạt - trong lúc Gary Pruett cũng đang chờ xử. Hai người bị nhốt giam trong hai buồng cạnh nhau. Washburn khẳng định rằng một hôm, họ có nói chuyện và Pruett đã thú nhận việc giết vợ mình.”

“Ông có nghĩ Washburn nói thật không?”

“Rất khó nói. Nhưng bài học rút ra là nếu có bị tình nghi phạm tội, anh tốt nhất nên nói chuyện với luật sư của mình chứ không phải với một kẻ nào khác. Không phải bạn thân, cảnh sát hay một gã nào đó anh gặp gỡ trong tù. Đó là một quy tắc hiển nhiên nhưng mọi người thường lơ nó đi.”

Ông ta chìa tay ra, kêu gọi sự đồng tình của tôi. Tôi gật đầu, nhưng không nhắc đến chuyện mình đã nói chuyện với một tay thanh tra nhiều giờ liền đêm trước.

“Vậy là Washburn đã khai trước tòa về lời thú tội không bằng chứng đó,” Tolliver nói. “Và bồi thẩm đoàn đã biểu quyết tuyên bố có tội. Giờ thì Gary Dean Pruett đang phải thụ án chung thân.”

“Ông có nghĩ anh ta vô tội không?” tôi hỏi.

“Tôi không biết. Nhưng anh ta khẳng định là thế.”

“Và anh ta đã tìm đến xin sự giúp đỡ của ông - anh ta đã liên hệ với nhóm Dự án Vô tội của ông?”

Nụ cười đã trở lại trên đôi mắt Tolliver. Ông ta lắc đầu. “Đó mới là phần kỳ lạ,” ông ta nói. “Chính lão trộm xe đạp đã gọi điện cho chúng tôi.”

“Washburn ư?”

Tolliver gật đầu. “Jana chính là người nhận cuộc gọi đó - vào khoảng giữa tháng Hai. Rõ ràng, Poe Washburn đã bị lương tâm cắn rứt. Lão ta bảo cô ấy là chẳng có lời thú tội trong tù nào cả - lão ta đã bịa ra chuyện đó. Cô ấy đã nghiên cứu đôi chút về vụ của Pruett và thấy nó thiếu thuyết phục như thế nào, rồi cô ấy mang hồ sơ vụ kiện tới cho tôi. Tôi đã bảo cô ấy chúng tôi phải từ chối vụ đó.”

“Tại sao?”

Tolliver đưa một tay lên vuốt tóc. “Bởi vì có những thực tế nhất định mà anh phải chấp nhận. Anh không thể cứu vớt tất cả mọi người được. Anh phải biết cân đo nặng nhẹ. Trong hầu hết những vụ kiện kiểu này, một bản án chỉ có thể lật ngược nhờ vào bằng chứng ADN. Phản đối ADN rất khó. Nếu nó không khớp, anh đã bắt nhầm người. Nhưng không hề có mẫu ADN của kẻ thủ ác trong vụ kiện của Pruett. Vợ Pruett cũng không bị xâm hại.

Vậy chỉ còn có lời thú tội kia. Giả sử Washburn bịa ra chuyện đó. Anh phải thuyết phục được thẩm phán rằng trước đó, lão ta đã nói dối, nhưng lúc này lại đang nói thật. Sau đó, anh sẽ phải chứng minh rằng nếu không có lời thú tội kia, bồi thẩm đoàn đã không buộc tội Gary Pruett. Đó là một việc không chắc chắn. Nhưng ngay cả khi anh có thể chứng minh được, Pruett vẫn chưa được thả tự do. Giỏi lắm thì anh chỉ giúp anh ta được xử lại thôi.

Hơn nữa, còn có yếu tố thời gian. Tính đến nay, vợ Pruett bị sát hại chưa đầy 2 năm trước. Pruett bị kết án vào mùa xuân năm ngoái. Nếu không gây ra chuyện đó thì anh ta đã phải chịu đựng nỗi bất công khủng khiếp. Nhưng cũng có những người khác cũng đang phải chịu đựng bất công như vậy nhiều thập kỷ nay rồi. Thời gian không nên là vấn đề, nhưng thực sự lại có. Nếu anh không thể giúp tất cả, hãy cố gắng giúp những người phải chờ đợi lâu nhất.”

Tolliver nhắc chân khỏi chậu hoa và rướn người về phía tôi. “Tôi đã tranh luận tất cả những điều này với Jana, vào tháng Hai,” ông ta nói. “Cô ấy không hài lòng. Tôi không trách cô ấy. Tôi cũng chẳng vui về gì.”

“Nhưng cô ấy không chịu từ bỏ,” tôi nói.

“Không. Đó là lý do tại sao cô ấy đến đây, vào Chủ nhật tuần trước nữa. Để cố gắng thuyết phục tôi lần nữa.” Ông ta cau mày. “Và cô ấy đã phải nhận một bên mắt bầm tím, bởi vì Roger muốn chơi đùa.”

“Nhưng ông không đổi ý?”

“Đúng và không đúng,” ông ta nói và nhìn xuống sàn. “Tôi không hứa hẹn điều gì cả, nhưng tôi đã bảo mình sẽ nói chuyện với Poe Washburn. Tôi nghĩ ít nhất mình có thể thế.”

“Vậy ông đã nói chuyện với lão ta?”

“Qua điện thoại, đúng vậy. Nhưng chuyện không được suôn sẻ cho lắm. Khi tôi hỏi liệu lão ta đã sẵn lòng tuyên thệ trước tòa chưa - nói rằng lão ta đã bịa ra lời thú tội của Pruett - lão ta đã trả lời vòng vo. ‘Tôi muốn làm điều đúng đắn,’ lão ta bảo tôi, ‘nhưng thật khó để biết được điều gì là đúng đắn. Và tôi cần biết chắc chắn rằng anh sẽ bảo vệ tôi.’”

“Ý lão ta là gì?” tôi hỏi. “Có phải lão ta sợ chuyện gì đó sẽ xảy đến với mình nếu nói ra sự thật không?”

Tolliver ngẩng lên nhìn tôi. “Đó là một lời ngụ ý: sẽ có người không thích nếu lão ta thay đổi câu chuyện đã kể. Nhưng còn là vì tiền nữa. Lão ta nói đến việc tạo dựng một khởi đầu mới. ‘Tôi phải rời khỏi thành phố này,’ lão ta nói, ‘và nó chẳng hề rẻ chút nào.’ Cuối cùng, tôi đã thẳng thừng chất vấn lão ta: Có thật Pruett đã thú tội với lão ta không? ‘Tôi sẽ nói những gì anh muốn tôi nói,’ lão ta bảo tôi. ‘Miễn là anh sẵn lòng lo liệu cho tôi.’”

Tolliver nhún vai. “Chuyện chỉ có thế. Tôi biết lão ta không quan tâm đến chuyện giúp đỡ Gary Pruett. Lão ta gọi cho chúng tôi vì hy vọng mình có thể kiếm chác được gì đó từ chuyện này và lão ta cũng sẽ không giúp ích được gì khi ra làm nhân chứng.”

Tôi nhìn Tolliver với tay xuống chậu hoa và ngắt một nhánh cỏ bốn lá.

“Jana đã nói gì khi ông kể cho cô ấy chuyện đó?” tôi hỏi ông ta.

“Tôi không kể với cô ấy,” ông ta nói. “Tôi gặp cô ấy ngày hôm kia và định kể với cô ấy. Nhưng tôi biết cô ấy sẽ thất vọng. Và cô ấy đã thay đổi, dường như vui vẻ hơn trước đây. Khi tôi hỏi cô ấy chuyện gì đã xảy ra, cô ấy nói mình đã gặp một người. Tôi hỏi, ‘Anh ta tên là gì?’ và cô ấy trả lời là ‘David’. Vậy nên khi tôi thấy tên anh trên cái xe tải, tôi biết ngay anh là ai.” Ông ta di di nhánh cỏ bốn lá giữa những ngón tay rồi búng nó đi. “Và giờ chúng ta đang ngồi đây, nhưng Jana thì đã không còn nữa. Cảnh sát có manh mối gì không?”

Tôi cân nhắc xem mình nên trả lời thế nào. Manh mối duy nhất tôi có thể cung cấp cho Frank Moretti chính là que kem trong rừng.

“Thật sự tôi không biết,” tôi nói.

Tolliver đứng dậy khỏi ghế. Bên ngoài sân, chú chó Roger đang bắt đầu trở nên bồn chồn không yên. Nó đang cào cào lớp đất bên dưới hàng rào.

“Anh nên cẩn thận,” Tolliver bảo tôi. “Những gã bạn trai luôn luôn là đối tượng tình nghi.”

Tôi suýt nói giảng viên Đại học cũng thế thôi.

Ông ta rút ví ra và lấy đưa tôi một tấm danh thiếp. “Anh sẽ muốn tránh xa đám cảnh sát,” ông ta nói. “Cứ gọi cho tôi nếu anh cần gì đó.”

Tôi đứng dậy và nhận lấy tấm danh thiếp, cảm thấy thắc mắc về Roger Tolliver. Bởi vì ông ta đã nói đúng: Tôi chính là đối tượng tình nghi. Nhưng dường như ông ta lại không chút nghi ngờ tôi. Có lẽ đó là quy tắc hành xử của giới luật sư biện hộ: Tất cả mọi người đều được coi là vô tội. Có lẽ, ông ta tin vào đánh giá của Jana và cho rằng cô ấy sẽ không dính líu tới một kẻ sẽ giết mình. Hoặc có lẽ ông ta biết tôi vô tội bởi vì biết chính xác chuyện gì đã xảy ra với Jana, bởi vì ông ta chính là kẻ đã bóp cổ cô ấy.

Chẳng thể nói chắc được khi chúng tôi đang đứng trên sàn hiên ngoài trời dưới ánh sáng hoàng hôn như thế này.

“Ông nghĩ ai đã sát hại cô ấy?” tôi hỏi ông ta.

Câu hỏi dường như khiến ông ta ngạc nhiên. “Tôi không tài nào đoán nổi,” ông ta nói. “Có lẽ chỉ là một vụ phạm tội ngẫu nhiên. Khu vực mà cô ấy sinh sống...” Giọng ông ta nhỏ dần như thể chẳng cần nói thêm điều gì nữa.

“Vậy còn Poe Washburn?” tôi hỏi.

Ông ta nhướn mày. “Washburn không có tiền án bạo lực. Tôi không biết động cơ của lão ta sẽ là gì.”

Tôi hỏi tiếp, “Vậy còn những kẻ mà Washburn e sợ?”

“Tại sao họ lại giết Jana chứ?”

“Họ muốn Washburn câm miệng. Còn Jana thì lại muốn lão ta nói ra.”

Ý kiến ấy dường như khiến ông ta bận tâm. Tôi có thể thấy được điều đó trong điệu bộ và ánh mắt ông ta. Tôi cho rằng có lẽ đó chỉ là diễn, nhưng nếu đúng là vậy thì ông ta đã làm rất tốt.

“Tôi cho rằng Washburn chỉ đang bịa ra những kẻ kia mà thôi,” Tolliver nói. “Lão ta muốn biện minh cho việc xin tiền tôi. Tôi không tin đó thực sự là một mối đe dọa.” Ông ta lại nhăn trán. “Anh có nghĩ là tôi đã lầm không?”

Tôi lái xe về phía đông trên đường Quaker Hill trong ánh sáng le lói của ngày tàn, qua vị trí tôi đã gặp Jana Fletcher bên vệ đường. Tôi đã rời khỏi nhà Tolliver mà không trả lời câu hỏi của ông ta, nhưng lại hỏi ông ta một câu cuối cùng. Tôi muốn biết về tập hồ sơ Jana đã mang theo đêm hôm cô ghé thăm nhà ông ta, đêm chúng tôi gặp nhau. Tolliver đã xác nhận những phán đoán từ trước của tôi: rằng trong đó chứa những ghi chép từ những tìm hiểu của cô về vụ án Pruett.

Tập hồ sơ đã quanh quẩn trong tâm trí của tôi kể từ đêm hôm trước. Tôi đã nhớ ra nó khi ở trong căn phòng ốp gạch trắng cùng với Frank Moretti và khi ấy, tôi đã nghĩ nó có thể rất quan trọng. Tôi hình dung lại nó: một tập bìa kẹp hồ sơ màu xanh lá cây dày cộp để trong ngăn kéo bàn làm việc của cô Jana.

Tôi đã không kể với Moretti về nó.

Tôi biết nếu nói ra, ông ta sẽ lấy nó đi. Nó chắc sẽ được cất trong kho chứng cứ và tôi sẽ không bao giờ còn có cơ hội nhìn thấy bên trong là gì. Nhưng nếu không khiến ông ta chú ý tới nó, có lẽ nó sẽ bị bỏ qua. Có lẽ nó sẽ vẫn nằm trong ngăn kéo và sẽ đến lúc tôi lấy được.

Lúc này đây, nó dường như quan trọng hơn bao giờ hết.

Khi tôi rẽ vào con đường trước nhà Jana, bầu trời đã ngả sang màu xám thẫm. Tôi tắt xe vào bên dưới gốc cây sồi và những cành lá rung rinh trong gió. Cửa sổ phía trước nhà Jana là một hình chữ nhật đen ngòm trôi nổi trong không gian, dẫn vào một khoảng không vô tận.

Cảnh sát đã dán niêm phong lên cánh cửa trước: HIỆN TRƯỜNG, CẤM VÀO. Có vẻ như họ cũng đã sửa chữa cánh cửa hỏng. Nhưng họ không thay khóa, mà tôi thì vẫn còn giữ chìa. Và chẳng khó khăn gì để xé rách giấy niêm phong. Tuy nhiên, có lẽ còn cách khác.

Tôi đi vòng ra phía sau, hy vọng có thể tìm thấy một cánh cửa sổ mở. Căn hộ này không có tầng hai, vậy nên, tôi không thể dùng thang trèo vào trong

như đã làm ở nhà Tolliver.

Tất cả cửa sổ đều bị khóa. Cửa sau không bị dán niêm phong nhưng nó chẳng giúp ích gì cho tôi. Cánh cửa đó cần một chiếc chìa khóa khác, chìa của tôi không mở được.

Tôi lại đi vòng ra đằng trước để sang căn hộ phía bên kia của ngôi nhà song lập. Xe của bà chủ nhà đang đỗ trên lối vào, một chiếc sedan Mercury rất to đậu ngay cạnh chiếc Plymouth của Jana. Tôi gõ cửa nhà bà ấy. Không có tiếng trả lời. Tôi có thể nhìn thấy ánh đèn phía sau rèm cửa sổ đằng trước và lại đưa tay gõ cửa một lần nữa, ánh đèn liền vụt tắt.

Tôi chờ đợi, nghe ngóng chuyển động phía sau cửa và nghĩ rằng mình đã nghe thấy tiếng bước chân.

“Tôi sẽ liên tục gõ cửa đấy,” tôi nói.

Không có tiếng trả lời. Tôi gõ cửa lần nữa, để cho bà ấy biết mình đang rất nghiêm túc.

Ánh đèn bật sáng trở lại. Tôi nghe thấy tiếng chốt cửa xoay bên trong, rồi cánh cửa mở hé ra vài phân cho đến khi chốt xích giữ nó lại. Khuôn mặt bà chủ nhà xuất hiện giữa khoảng trống, chiếc khăn vẫn trùm trên đầu và đôi mắt đen sâu hoắm.

Bà ấy nói giọng địa phương khó nghe, giống như mục quản gia trung thành trong một lâu đài ma cà rồng.

“Tôi không thích anh, chàng trai trẻ ạ,” bà ấy nói.

Tôi bình thản chấp nhận câu nói đó. “Roger cũng vậy. Hầu như chẳng ai thích tôi cả.”

“Anh đi đi,” bà ấy nói, “không tôi sẽ gọi cảnh sát”.

“Tôi mong là bà sẽ không làm thế.”

“Tôi sẽ làm vậy đấy.”

“Tôi không thích cảnh sát.”

“Sao trách được?” bà ấy nói. “Bọn họ là một lũ ngốc.” Bà ấy khịt khịt mũi bày tỏ sự phản đối. “Roger là ai?”

“Đó là một con chó,” tôi nói. “Hoặc một tay luật sư. Nhưng con chó mới không thích tôi.”

Mắt bà ấy nheo lại. “Đó là trò đùa sao? Tôi không thích đùa cợt đâu.”

“Tôi có đùa đâu.”

“Giờ không phải lúc để đùa. Cô gái đó chết rồi.”

Tôi thấy ngạt thở và bỗng nhiên rất mệt mỏi.

“Bà nói đúng,” tôi đáp. “Không thể đùa được. Tôi cần vào căn hộ của cô ấy.”

“Anh không thể vào đó.”

“Tôi biết nó đã bị niêm phong.”

“Không ai được vào đó. Đây là những gì họ bảo tôi.”

“Không có niêm phong trên cửa sau. Nếu bà có thể cho tôi mượn chìa khóa...”

“Để làm gì chứ?”

“Chuyện cá nhân,” tôi nói. “Tôi cần lấy vài thứ đồ trong đó.”

“Không còn gì trong đây cả, chẳng có thứ gì người ta cần.”

“Sẽ không lâu đâu. Cảnh sát sẽ chẳng bao giờ biết được.”

Bà ấy cau có và không hiểu vì sao nhưng trong thoáng chốc, vẻ cau có đó khiến gương mặt già nua của bà ấy trông trẻ trung ra.

“Đừng nói với tôi về cảnh sát,” bà ấy nói. “Cảnh sát chỉ là một lũ ngốc. Anh là thủ phạm à?”

Câu hỏi đó đến hoàn toàn bất ngờ và khi tôi không trả lời ngay, bà ấy trở nên mất kiên nhẫn.

“Anh đã giết cô gái đó sao?” bà ấy nói.

“Không hề.”

“Tốt. Vậy thì hãy tránh xa đám cảnh sát. Tránh xa cả căn nhà này nữa. Anh có gia đình chứ?”

“Họ không sống gần đây.”

“Không sao. Hãy tới chỗ họ. Gõ cửa nhà họ. Và để tôi yên.”

Bà ấy không đợi tôi trả lời mà cứ thế sập cửa lại và tôi cũng không ngăn. Tôi nghe tiếng chốt cửa xoay lại, đứng trên bậc thềm nhà bà ấy thêm một lúc và lắng nghe tiếng gió thổi.

Có một con đường lát đá dẫn từ bậc cửa nhà bà ấy ra lối lái xe. Tôi men theo nó, trèo vào trong xe tải và ngồi đó nhìn cánh cửa trước đã bị cảnh sát dán niêm phong của nhà Jana: chỉ là một mảnh giấy, CẤM VÀO, thật sự không là gì cả. Tôi có thể đi tới đó, dùng chìa khóa, xé rách mảnh giấy kia và vào nhà, nhưng làm thế thì có ích gì? Bà lão kia nói đúng. Chẳng còn gì trong đây nữa.

Bà ấy có thật nhiều lời khuyên đúng đắn. *Tránh xa đám cảnh sát*. Không tính âm giọng địa phương thì đó cũng chính là thông điệp tôi nghe từ Roger Tolliver. Có lẽ tôi nên nghe lời họ. Và nếu muốn tránh xa đám cảnh sát, bước đầu tiên là không xé rách niêm phong trên cánh cửa nhà Jana.

Tôi ngồi trong xe tải và khởi động xe, nhưng chưa rời đi vội. Tôi nhìn cánh cửa nhà Jana và ô cửa sổ hình chữ nhật màu đen phía trước, ngấm gió thổi qua làm rung rinh cánh lá của cây sồi, và rồi viên cảnh sát đó tiến về phía tôi.

Đó là một chiếc sedan màu đen, hiệu Chevrolet, loại xe điển hình của một thanh tra. Nó tấp ngay vào lối lái xe và tôi đưa mắt quan sát ánh đèn tắt dần trong kính chiếu hậu. Frank Moretti thong thả bước ra khỏi xe. Ông ta mặc một bộ vest xám giống bộ đã mặc đêm hôm trước, nhưng sáng màu hơn một chút. Ông ta đi vòng qua phía sau xe tải của tôi, mở cửa bên ghế hành khách và trèo vào trong.

“Anh đang làm gì ở đây vậy?” ông ta nói.

Trông ông ta hơi khác. Đờ mệt mỏi hơn đêm qua - một phần là thế. Nhưng trông cũng nhỏ bé hơn. Trong căn phòng có tường ốp gạch trắng, ông ta có vẻ là một gã to lớn nhưng lúc này, tôi có thể nhận ra ông ta cao chưa đến 1 mét 8.

“Tôi không thể trả lời ông được,” tôi nói.

“Không thể hay sẽ không trả lời?”

“Hôm nay, tôi đã nói chuyện với một luật sư,” tôi nói “Ông ta cảnh báo tôi không nên nói chuyện với cảnh sát.”

“Đáng lẽ, ông ta nên bảo anh không được quay trở lại hiện trường. Agnes đã nói gì?”

“Agnes?”

Moretti hất cằm về phía cửa nhà bà lão kia. “Agnes Lanik. Hai người đã nói chuyện gì vậy?”

Tôi nhìn xe ông ta trong kính chiếu hậu và phân vân không biết ông ta từ đâu tới và đã ngồi đó quan sát bao lâu rồi.

“Ông theo dõi tôi à?”

“Đúng vậy, tôi đã đi theo anh,” ông ta nói tỉnh bơ. “Tôi có cả một đội đang cật lực theo dõi anh, tăng ca. Anh quan trọng đến thế đấy.”

Tôi lại nghĩ đến một khả năng khác. “Ông cho người theo dõi căn hộ của Jana.”

“Gần đúng rồi đấy. Anh sẽ kể tôi nghe Agnes đã nói gì với anh chứ?”

“Bà ấy bảo tôi biến đi.”

“Không ngạc nhiên lắm. Vậy sao anh vẫn còn đang ở đây?”

Tôi nghĩ tới tập hồ sơ màu xanh lá trong ngăn kéo bàn của Jana. Bây giờ, tôi có thể nói cho Moretti biết, rồi ông ta sẽ vào trong lấy nó và tôi sẽ không bao giờ nhìn thấy nó nữa. Hoặc có lẽ tôi đã lầm, có lẽ ông ta sẽ thấy biết ơn và chúng tôi sẽ ngồi trong buồng lái xe tải, cùng nhau xem xét kỹ lưỡng tập hồ sơ ấy. Có lẽ Agnes Lanik sẽ mang cho chúng tôi ít bánh quy...

Tôi quyết định không đề cập tới tập hồ sơ đó.

“Ông có biết gì về Gary Dean Pruett không?” tôi hỏi Moretti.

Ông ta cân nhắc câu trả lời. Tôi cố đọc nét mặt của ông ta nhưng tất cả những gì tôi thấy được chỉ là vẻ khó chịu. Cuối cùng, ông ta cũng nói, “Tôi biết gã đó đã giết chết vợ mình.”

“Một số người nghĩ có thể anh ta vô tội.”

“Họ là những ai vậy?”

“Jana Fletcher là một trong số ấy.”

Ông ta thở dài cúi gập. “Anh lấy thông tin đó từ đâu?”

“Vị luật sư mà tôi đã nói chuyện - ông ta là một trong những giảng viên Luật của Jana. Roger Tolliver.”

Tôi tóm tắt ngắn gọn những gì mình biết cho Moretti: về nhóm Dự án Vô tội của Tolliver và vai trò của Jana, về Napoleon Washburn, người bảo Jana rằng mình đã bịa chuyện về lời thú tội của Pruett.

“Napoleon Washburn,” Moretti nói khi tôi đã kể xong.

Tôi gật đầu. “Hình như mọi người gọi lão là Poe.”

“Tôi nên tin là lão ta đã giết Jana Fletcher chẳng?”

“Có lẽ không phải lão ta. Mà là một ai khác không vui khi lão ta nói chuyện với Jana.”

“Và tôi nên đuổi theo nhân vật mờ ám đó?”

“Tôi không bảo ông phải làm gì.”

Moretti ném cho tôi một ánh mắt dần trở nên giận dữ. “Không hề,” ông ta nói. “Anh nên ghi nhớ như vậy.” Tôi định đáp lại nhưng ông ta giơ tay ngăn. “Nghe này,” ông ta nói. “Tôi muốn anh rời khỏi đây và về nhà. Tôi muốn anh ngừng nói chuyện với mọi người về vụ án này. Tôi muốn anh nhận ra mình đã may mắn đến thế nào. Ngay bây giờ, tôi có thể tới gặp công tố viên với những thông tin tôi có được về mối quan hệ của anh và Jana Fletcher cũng như cái bằng chứng ngoại phạm tôi-lái-xe-đi-lòng-vòng không tồn tại

của anh. Tôi cá mình có thể khiến ông ta đưa ra bản cáo trạng. Tôi đã không làm vậy bởi vì tôi muốn đào sâu hơn, nghiên cứu kỹ hơn những điều hiển nhiên đó. Và từng lời nói ra từ miệng anh đang khiến tôi cảm thấy hối hận về quyết định này.”

Ông ta mở cửa xe phía bên mình định bước ra.

“Chờ đã,” tôi nói.

Ông ta nhìn tôi trừng trừng. “Anh đã né được một viên đạn. Hãy ngừng cố lao ra trước đường đạn lần nữa đi.”

Tối hôm đó, khi tôi về đến nhà, Sophie đã ngủ. Tôi tìm được một chút đồ ăn Trung Quốc còn thừa trong tủ lạnh. Tôi đem đồ ăn và một lon bia ra ban công ngồi khi đêm ngày càng trở nên giá lạnh hơn.

Một lúc sau, tôi đi vào nhà và tìm lấy một ngọn nến bởi vì nến khiến tôi nghĩ tới Jana. Tôi đặt nó lên lan can và ngắm nhìn ánh lửa. Lúc khác, tôi lại vào phòng làm việc và lấy quyển niên giám vì tôi muốn biết Napoleon Washburn sống ở đâu. Xem ra tôi rất thích né đạn.

Có 4 người tên là Washburn trong quyển niên giám nhưng chỉ có một cái tên bắt đầu bằng chữ N. Địa chỉ nằm trên đường Lynch. Một khu dân cư phức tạp, rất phù hợp với một tên trộm cắp.

Đến 11 giờ, đồ ăn đã hết từ lâu, chai bia cũng đã cạn. Tôi vẫn chưa đưa ra được quyết định về chuyện của Washburn. 11 giờ là quá muộn để đến thăm một người đàn ông hoàng, nhưng với Poe thì có lẽ là không.

Moretti đã khiến tôi suy nghĩ rất nhiều. Tôi nhớ lại ánh mắt trừng trừng khi ông ta xuống khỏi xe tôi, nhưng cuộc trò chuyện của chúng tôi chưa kết thúc tại đó. Ông ta quá bối rối và vẫn còn nhiều điều muốn nói với tôi.

Ông ta lại bước vào trong xe tải và đóng sầm cửa lại. “Tôi sẽ tặng anh một món quà,” ông ta nói. “Anh không xứng đáng được nhận nó, nhưng tôi vẫn sẽ tặng nó cho anh. Anh nghĩ chúng tôi đang theo dõi căn hộ của Jana ư? Lầm rồi. Chúng tôi đang theo dõi căn hộ của bà lão kia. Có một chiếc xe

cảnh sát ngục trang đang đỗ bên kia đường. Đừng nhìn sang làm gì. Chúng tôi đang theo dõi gã cháu trai của bà ấy, Simon Lanik.”

Ông ta ngừng lời trước khi nói tiếp. “Simon đã không có mặt ở nhà kể từ khi Jana bị sát hại. Anh ta từng có lệnh bắt giữ ở Massachusetts vì một chuyện đã xảy ra từ nhiều năm trước. Anh ta đã hành hung bạn gái bên ngoài một quán bar ở Boston.”

“Nhưng vụ đó không giống vụ này lắm,” tôi nói. “Jana không bị...”

“Im lặng và nghe đây. Agnes Lanik còn có 7 ngôi nhà khác trong khu vực này. Simon thu tiền thuê tất cả những ngôi nhà đó. Chúng tôi đã nói chuyện với những người thuê nhà, hầu hết đều là phụ nữ trẻ tuổi. Họ đã kể cho tôi nghe về cách làm việc của anh ta. Nếu Simon đến thu tiền thuê nhà mà họ không có tiền để trả, anh ta sẽ gợi ý họ trả tiền bằng cách khác. Lời gợi ý ấy không được tế nhị cho lắm. Nhưng đôi khi, thậm chí dù họ có tiền, anh ta vẫn cứ đề nghị. Thi thoảng, trên đường ra, anh ta còn cố tình động chạm họ chỉ vì anh ta có thể.”

Moretti nhìn về phía cửa nhà Jana, rồi lại nhìn tôi. “Vậy theo anh nghĩ thì chuyện nào có khả năng hơn?” ông ta nói. “Jana bị sát hại vì nói chuyện với Washburn - hay Simon tới làm phiền cô ta về chuyện tiền thuê nhà và sau đó mọi chuyện mất kiểm soát? Giả dụ Lanik đã gạ gẫm cô ta rồi động chân động tay. Cô ta bảo anh ta biến đi và nói rằng mình sẽ đâm đơn kiện. Anh ta không hề muốn điều đó chút nào. Vậy là anh ta đưa tay lên cổ họng cô ta chỉ để khiến cô ta phải im miệng. Mọi chuyện bắt đầu như thế đấy.”

Tôi có thể tưởng tượng ra: Simon Lanik với mái tóc bóng nhờn, sơ mi lụa và cái quần da cùng vẻ ngạo mạn của anh ta. Jana đã nghĩ mình có thể đối phó với anh ta. Đe dọa đi báo cảnh sát, bởi vì luật pháp sẽ đứng về phía cô. Đó có phải cách mọi chuyện diễn ra không, bất chợt chứ không phải Lanik đã chủ tâm từ trước? Nghe có vẻ không đúng cho lắm.

“Thế còn cái que kem thì sao?” tôi hỏi Moretti.

Ông ta lắc đầu như thể tôi đã khiến ông ta thất vọng. “Nó thì sao chứ?”

“Nếu Lanik không định sát hại cô ấy ngay từ đầu, nếu chuyện đó chỉ vô tình xảy ra, thì nó không khớp với quan điểm có ai đó đã theo dõi cô ấy từ trong rừng?”

“Chúng ta không biết liệu có ai theo dõi cô ta thật không.”

“Chúng ta cũng không biết có phải Lanik có sát hại cô ấy không. Anh ta có hành xử thô bạo với những người thuê nhà khác không?”

Moretti lại ném cho tôi ánh nhìn giận dữ lần nữa và giọng nói ông ta nhỏ dần đi. “Tôi đã bàn xong chuyện với anh rồi. Về nhà đi.” Ông ta với lấy tay nắm cửa rồi mở nó ra.

“Ông có tìm kiếm cái que kem đó không?” tôi nói.

Ông ta giữ cửa mở và hít thở không khí trong lành của màn đêm. “Có,” một lát sau, ông ta nói. “Tôi đã tìm thấy nó và gửi đến phòng thí nghiệm của hạt. Một ngày nào đó, họ sẽ có thời gian phân tích nó và sẽ không tìm được gì cả, bởi vì nó đã nằm trên mặt đất bao lâu ai mà biết. Hoặc có lẽ, họ sẽ tìm thấy dấu vân tay, có lẽ nó sẽ khớp với Poe Washburn hay ai đó mà lão ta biết, ai đó dính líu đến một âm mưu phức tạp nhằm che giấu sự thật về kẻ đã sát hại vợ của Gary Pruett.”

Moretti ra khỏi xe tải, quay lưng lại với tôi và nói, “Ngay lúc này đây, tôi có thể nói với anh rằng chuyện đó sẽ không xảy ra, bởi vì nó vốn không xảy ra. Điều thực sự xảy ra là những phụ nữ như Jana Fletcher thường bị sát hại bởi chính những gã đàn ông họ quen biết, những gã như Simon Lanik. Và khi anh biết được lý do cho chuyện đó, hóa ra chúng lại rất nhỏ nhặt, tầm thường và ngu xuẩn.”

Không còn vẻ giận dữ trong giọng nói của ông ta, mà chỉ có sự cam chịu. Ông ta đóng cửa xe nhưng không mạnh tay. Tôi quan sát ông ta trong kính chiếu hậu, vẫn cái dáng thong thả bước về phía xe của mình. Rồi khởi động xe. Bật đèn pha. Sau đó, ông ta lùi xe lại và lái đi mất.

11 giờ, tôi ngồi trên ban công, nhìn chăm chăm ngọn nến và suy nghĩ về cả Simon Lanik lẫn Poe Washburn. Một trong hai tên này có thể liên quan đến cái chết của Jana. Tôi không biết phải tìm Lanik ở đâu nhưng tôi có địa

chỉ nhà Washburn. 11 giờ. Vẫn chưa quá muộn để gọi điện. Ánh lửa rung rinh. Tôi đã quyết định rồi.

K thấy chính mình đang nhớ Jolene.

Cô ta đã chết một cách nhẹ nhàng. Hăn cảm thấy vui mừng vì điều đó.Ồ, nói thật thì lúc đầu cô ta đã chết một cách khó nhọc: quần quai, vật lộn, cào cấu cánh tay đang vòng quanh cổ cô ta. May là hăn mặc áo dài tay, nếu không cô ta hăn đã để lại dấu vết.

Cô ta còn cố giẫm lên chân hăn. Cố gắng làm mọi thứ. Đẩy hăn ra sau. Đá chân. Cú đá chẳng ăn thua gì, ngoại trừ làm một chiếc giày của cô ta văng xuống kênh. Và cuối cùng, cô ta đã chết một cách nhẹ nhàng. Cô ta ngừng giãy giụa, tứ chi buông lỏng. Chỉ còn cơ thể nhẹ bang của Jolene khi hăn đặt cô ta xuống đất. Giống như đặt một đứa trẻ đang ngủ lên giường.

K nghĩ tới việc bỏ cô ta lại như thế, nằm đó bên lối mòn. Hăn gấp hai tay cô ta đặt lên bụng, vắt chéo một bên mắt cá chân mảnh khảnh lên trên mắt cá chân kia. Hăn dùng khăn tay khi chạm vào cô ta bởi vì luôn luôn có khả năng lưu lại dấu vân tay, thậm chí cả trên cơ thể người khác.

Hăn cố vuốt mắt cho cô ta, nhưng chúng vẫn mở ra. Vì vậy, hăn đành lấy tóc của cô ta che chúng lại, dùng những lọn tóc vàng hoe thay cho cái bịt mắt.

Ánh nắng mặt trời chiếu xuống viên đá trên chiếc nhẫn thạch anh của cô ta.

Trông cô ta rất thanh thản, hăn nghĩ vậy khi đứng bên cạnh cô ta. Thậm chí còn khá xinh đẹp.

K thật đa cảm.

Ném cô ta xuống nước sẽ tốt hơn. Hăn biết thế. Nếu xác cô ta lưu lại bất cứ dấu vết nào của hăn, dù chỉ một sợi tóc, dòng nước cũng sẽ rửa trôi đi.

Hăn nhìn lại chiếc nhẫn trên ngón tay cô ta và thắc mắc ai đã tặng nó cho cô ta. Hăn phải là người yêu thương cô ta, hăn nghĩ. Ý tưởng đó khiến trong hăn trào lên một cảm giác gần giống như hối hận.

Hắn nghĩ tới việc lấy chiếc nhẫn đó làm vật kỷ niệm. Nhưng rồi quyết định tốt nhất là không nên làm thế.

Sau khi nhìn cô ta lần cuối, hắn thúc mũi giày bên dưới lưng cô ta, nhấc cô ta lên và đẩy cô ta lăn khỏi rìa đường xuống lòng kênh.

Jolene là một sự tập luyện tuyệt vời. Theo một cách nào đó, cô ta đã cứu nguy cho hắn, bởi vì khi ghé thăm Jana Fletcher tối hôm đó, hắn đã chuẩn bị sẵn sàng.

Ví dụ như, hắn đã đi giày mũi sắt, đeo găng tay da màu đen. Một sự đề phòng hợp lý.

Hắn lại mặc áo sơ mi dài tay, dĩ nhiên. Và khoác áo jacket bên ngoài để làm lớp đệm thêm. Lớp đệm ấy đã có tác dụng khi Jana lao tới hắn với tấm gỗ 2x4.

Thật không ngờ.

Cô ta lấy nó từ trên mặt lò sưởi, vẫn còn nguyên nển bên trên, rồi vung nó lên như một cây gậy. Lửa và sáp nóng văng vào người và hắn có thể đã bị bỏng nếu không mặc jacket.

Nhưng cô ta không thể làm đau hắn. Hắn quá mạnh so với cô ta. Hắn giật tấm ván từ tay cô ta và đẩy cô ta ngã xuống sàn, sau đó chỉ còn là vấn đề thời gian và sức ép. Cô ta đá chân rồi giẫm xuống. Móng tay cô ta hắn đã bấm vào người hắn nếu không có đôi găng và chiếc áo dài tay. Cô ta chống cự rất ác liệt và rồi ra đi nhẹ nhàng, giống hệt như Jolene.

Nhưng sau đó, hắn không cảm thấy có chút thương cảm nào đối với cô ta. Hắn cũng không nghĩ tới chuyện vuốt mắt cho cô ta hay vắt chéo hai bàn tay lên nhau một cách yên bình. Hắn giơ chân đi giày mũi sắt đá vào mạn sườn cô ta. Xé toạc áo cô ta ra, kéo quần cô ta xuống đến hông. Một cảnh tượng thật đẹp đẽ và khủng khiếp dành cho kẻ nào phát hiện ra nó. Cứ để họ hiểu nó theo bất cứ cách nào họ muốn.

K không giữ lại bất cứ thứ gì có thể kết nối hắn với Jana Fletcher. Hắn vứt bỏ đồng quần áo mình đã mặc khi kết liễu cô ta - bỏ chúng vào túi và vứt vào thùng rác. Cả chiếc áo jacket và đôi găng tay. Dễ hơn nhiều so với việc cố gắng gột sạch vết sáp chảy.

Hắn cũng chẳng giữ lại thứ gì của Jolene - ngoại trừ chiếc cốc Solo đỏ. Đó là thứ đầu tiên khiến hắn chú ý khi về tới xe của mình, sau khi đi bộ quay trở lại men theo đường mòn ven bờ kênh: Chiếc cốc đỏ trống rỗng nằm chỏng chơ trên chỗ để chân bên ghế hành khách.

Tối nay, nó vẫn còn ở đó. K cúi xuống nhặt nó lên. Hắn có thể thấy được vết son môi của cô ta in bên trong mặt cốc. Jolene. Hắn thật sự thấy nhớ cô ta. Cô ta đã giúp đỡ hắn, điều đó là không thể phủ nhận.

Nhưng cô ta không còn có thể giúp đỡ hắn được nữa. Chẳng hạn như với Napoleon Washburn.

Washburn đã ngồi tại quầy bar của một quán rượu có tên là Casey's được 2 tiếng đồng hồ.

K chờ lão ta ở bên ngoài trong suốt thời gian đó. Chờ đợi không thành vấn đề. Sau nửa giờ đầu tiên, khi đã bắt đầu thấy nhàm chán, hắn mở ngăn đựng găng tay và lấy ra một que kem rồi ngồi đó xoay nó qua lại giữa các ngón tay.

Một lúc sau, hắn để nó lại chỗ cũ. Rồi hắn nghĩ đến Jolene. Nghĩ tới đôi chân của cô ta. Nhớ lại sức lực dần dần bị rút kiệt khỏi cơ thể cô ta. Hắn cầm lấy chiếc cốc Solo đỏ và đặt nó trên đầu gối. Hắn ước gì có thể giữ lại nó, nhưng hắn biết trên đây có dấu vân tay của cô ta. Có khi còn cả ADN. Hắn xoay người lấy hộp giấy ăn trên ghế sau, rút ra vài tờ và lau sạch phía bên ngoài chiếc cốc. Sau đó, hắn mở cửa xe và thả chiếc cốc xuống đất.

Thêm xả rác bừa bãi vào danh sách tội trạng của hắn.

Bên trong quán rượu, tiếng nhạc đồng quê vang lên trên hệ thống âm thanh với quá nhiều âm trầm. K có thể nghe thấy tiếng thành thành vang qua bãi đỗ xe. Người ta đến rồi đi, lái những chiếc xe bán tải và SUV. Họ đi bộ, mặc quần bò và áo sơ mi bằng vải flannel. Đó là một trong những bí mật của Bắc New York: toàn dân lao động nhà quê.

Napoleon Washburn cũng là một gã nhà quê. Theo như những gì K biết, lão ta sống một mình trong căn nhà ổ chuột trên một con đường đất. K đã theo dõi căn nhà từ dưới phố. Tối tầm 9 giờ, lão ta ra khỏi nhà và loạng choạng bước xuống những bậc thềm trước cửa với một điều thuốc lá ngậm trên môi. Lão ta mặc áo phông đen, quần bò và đi một đôi giày to nặng. Còn lâu mới bóp cổ được *lão ta*. Lão ta cao đến trên mét tám, cao hơn nhiều so với cái tên Napoleon [22]. K biết sẽ không dễ dàng gì hạ gục được lão ta.

Washburn có một chiếc xe tải nhìn hơi giống xe của David Malone, nhưng han gỉ hơn nhiều và cũng ầm ĩ hơn. Chỉ có ba dặm lái xe từ nhà đến quán rượu mà chiếc xe của lão đã xả ra biết bao nhiêu khí thải và gây ra lượng tiếng ồn bằng cả một sư đoàn xe tăng.

K dễ dàng bám đuôi lão ta.

Và hiện tại, K đang ngồi chờ lão ta trong bãi đậu xe. Hắn không vào bên trong vì không muốn liên quan dưới bất kỳ hình thức nào với Napoleon Washburn.

Đến khoảng 11 giờ, cửa chính của quán rượu bật mở và Washburn lão đảo bước ra ngoài, miệng cười nhả nhổ. K ngờ rằng từ tối, lão ta đã say rồi và giờ chỉ say hơn mà thôi. Một tay lão ta cầm điều thuốc, tay kia đang bận bịu ôm ấp một cô ả đi giày cao tới tận đầu gối, mặc quần bò và áo len dài bó sát. Mái tóc bông xù và trông ả hơi quá nặng nề nên mặc áo len không được đẹp.

Hai người bọn họ đi sát rạt dọc dàn xe cộ trong bãi đỗ. Họ dừng lại bên chiếc xe tải của Washburn và lão ta quăng điều thuốc lá. Họ trao nhau một nụ hôn say xỉn. Từ hôn chuyển sang âu yếm cuồng nhiệt, Washburn cọ vào người cô ả cho đến khi ả ta giật người ra, bật cười lớn.

Lão ta vào xe tải và lái ra khỏi bãi đỗ, cô ả cũng theo sau bằng xe riêng của mình. K bám đuôi cả hai - ba dặm đường mù mịt khói thải từ xe của Washburn - về lại con đường đất và căn nhà ổ chuột.

Ả đàn bà theo Washburn vào nhà và ở lại đó 20 phút theo như K tính giờ.

Tính ra thì mất 3 phút cho màn dạo đầu, 5 phút cho cuộc làm tình vô nghĩa, 4 phút nữa để mặc lại quần áo và nhận ra rằng không còn gì để làm ngoài một lời chào tạm biệt ngượng nghịu. Ả đàn bà ra khỏi nhà một mình mà không có nụ hôn cuối nào ở cửa. Ả ta hếch cằm lên rồi bước từng bước đều đều và chậm rãi về phía xe của mình, một dấu hiệu của phẩm giá hoặc là vẻ cam chịu.

Khi ả ta đã đi khuất, K chăm chú chờ đợi bất cứ một dấu hiệu chuyển động nào từ ngôi nhà. Có khả năng Washburn sẽ ở yên trong nhà cả đêm. Đó sẽ là cơ hội hoàn hảo dành cho K. Tất cả những gì hăn cần lúc này chỉ là một kế hoạch.

Không có bất cứ chuyển động nào sau rèm cửa sổ trước. Washburn đã say xỉn và có lẽ đang đánh giấc ngon lành trong đó. Lão ta không tiễn ả đàn bà kia ra cửa nên có thể nó không khóa và K chỉ việc bước vào thôi.

K quan sát ngôi nhà, tưởng tượng cảnh Washburn đang nằm dài trên giường hay ghế sofa. Nếu lão ta không ngủ, K có thể khiến lão ta làm vậy. Tất cả những gì hăn phải làm lúc này là nghĩ về việc đó. Hình dung ra cảnh tượng lão nằm đấy với đầu ngửa ra sau, miệng há hốc và ngáy khò khò. Để thôi mà.

K ra khỏi xe và băng qua đường. Hăn lấy đôi găng tay trong túi áo jacket đeo vào. Găng tay cùng jacket mới. Quần áo sẽ bị vứt bỏ khi nào hăn dùng xong. Những bậc thềm trước cửa nhà Washburn được làm từ bê tông than phôi khô, dẫn lên một nền hiên xập xệ. Dựng bên cửa là một cây chổi đã bị gãy làm đôi: phần đầu chổi bằng rơm và cán gỗ to. Như thế nó được cố tình bỏ lại đó cho K.

Tay nắm cửa xoay ngay khi K thử làm thế và cánh cửa mở ra. K bước vào nhà với chiếc cán chổi cầm chặt trong tay. Phòng khách trống trơn, giấy dán

tường bong tróc, đồ đạc được trang trí lờ lợt hoa lá cành. Căn phòng nồng nặc mùi khói thuốc lá. Một chiếc gạt tàn đầy ứ đặt ngay phía bên trên cái thùng sữa màu trắng được dùng làm bàn cà phê.

K tiến vào bên trong căn nhà có phần quá mức thận trọng, từng bước chân chậm rãi nối tiếp nhau, cán chổi giữ trước ngực như một lá bùa may mắn. Hắn kiểm tra bếp và phòng chứa đồ dưới tầng trệt. Không thấy Washburn. Hắn trèo lên cầu thang, trông thấy cánh cửa phòng tắm để mở cùng đôi giày của Washburn bị đá văng bỏ lại trên hành lang.

Hai phòng ngủ. Phòng đầu tiên nằm ở khu phía sau nhà, chất đầy hộp cùng quần áo cũ. K bước tới phòng ngủ còn lại ở khu trước và nhẹ nhàng đẩy cửa ra. Napoleon Washburn đang nằm ngáy khò khò trên một tấm đệm trải trên mặt sàn, y như những gì K đã hình dung.

Căn phòng có một ô cửa sổ treo rèm dài. Ngoài ra còn có một cây đèn đứng với bóng đèn mờ nằm sàn giữa tấm đệm và cửa sổ. Ánh đèn rơi xuống đồng tạp chí khiêu dâm nằm rải rác. Bên cạnh đồng tạp chí là một mớ giấy ăn và một bao cao su dùng rồi - tàn tích còn lại từ cuộc gặp thân mật giữa Washburn và ả đàn bà mặc áo len bó kia. Washburn đã mặc lại quần áo, vẫn chiếc áo phông và quần bò lão ta đã mặc lúc ra ngoài. Lão ta thậm chí còn chẳng thèm kéo khóa quần hay cài khóa thắt lưng.

Một điếu thuốc lá vẫn đang âm ỉ cháy trên chiếc gạt tàn sứ bên dưới cây đèn. K nhìn làn khói bốc lên cao, một sợi chỉ xám màu. Hắn đứng nhìn xuống Washburn với cán chổi cầm trong tay giống như một lưỡi giáo và nhắm chỗ bị gãy của cán chổi vào thẳng tim Washburn.

Washburn trở mình nằm nghiêng.

K lắng nghe tiếng thở của Washburn và nhìn làn khói thuốc. Hắn có một ý tưởng. Hắn từ từ cúi xuống, từng phân từng phân một, cho đến khi một bên đầu gối đặt ngay cạnh tấm đệm. Hắn đặt cán chổi xuống mặt sàn mà không gây ra tiếng động, rồi đưa bàn tay đeo găng ra với lấy điếu thuốc đang âm ỉ cháy, nhưng sau đó lại nghĩ lại vì găng tay sẽ khiến hắn lóng ngóng. Hắn liền tháo găng ra và lục lấy chiếc khăn tay trong túi áo.

Hắn cầm lấy điều thuốc qua lớp khăn tay, gõ cho tàn thuốc rơi vào gạt tàn. Hắn moi đầu điều thuốc vào một tờ giấy ăn trên sàn, kiên nhẫn giữ nó như thế nhưng chẳng có gì xảy ra. Hắn lại đợi và cuối cùng tờ giấy cũng bắt đầu bắt lửa.

Hắn cúi người xuống hà hơi vào mép giấy cháy đen cho đến khi nhìn thấy được ánh sáng màu cam và sau đó là một ngọn lửa.

Hắn đặt điều thuốc xuống sàn nhà, nhét lại khăn tay vào túi rồi nhặt chiếc găng đã tháo ra lúc trước, dùng nó hấy nhẹ tờ giấy ăn đang cháy sang một tờ khác. Tờ thứ hai cũng bén lửa.

K đeo lại găng tay và mở một cuốn tạp chí khiêu dâm – số phát hành tháng Mười vừa qua. Hắn mở trang giữa ra cho tới khi một góc trang tạp chí chạm vào đồng khăn giấy đang cháy.

Ngọn lửa lan ra và nuốt chửng cả *Cô nàng tháng Mười*.

Tiếp sau đó, hắn mở một cuốn tạp chí khác. *Cô nàng tháng Bảy*. Một cô nàng tóc vàng hoe. Tháng Bảy, giống như Jolene. À ta trở thành chiếc cầu nối tuyệt vời giữa *Cô nàng tháng Mười* và rèm cửa.

Những tấm rèm cửa ấy hắn được làm từ sợi tổng hợp vì chúng cháy rất nhanh và tỏa ra mùi nhựa khen khét.

K nhặt cái cán chổi rồi đứng dậy. Washburn vẫn đang ngáy khò khò trên tấm đệm. K nhìn lên. Không có thiết bị phát hiện khói trên trần nhà. Hắn nhớ cũng không có cái nào ngoài hành lang. Hắn đóng cửa khi đi ra.

K đi xuống cầu thang và băng qua phòng khách ra ngoài. Hắn xoay khóa trên nắm cửa và đóng cửa lại, rồi dựng cán chổi trên hiên nhà ngay chỗ hắn tìm thấy nó lúc trước.

Hắn bình tĩnh băng qua đường. Không việc gì phải vội. Hắn tháo đôi găng tay trên ghế hành khách và khởi động xe. Thành công tốt đẹp, hắn nghĩ. Hay hơn cả đâm Washburn hay đánh lão ta bằng cán chổi. Như thế sẽ loạn lắm. Và K biết cảnh sát có thể sẽ kết nối Washburn với Jana Fletcher. Hai người họ chết chỉ trong có 2 ngày - tốt nhất là vụ này trông có vẻ giống như một tai

nạn. Napoleon Washburn tới một quán bar, say xỉn về đến nhà và ngủ quên khi đang hút thuốc.

K quan sát ô cửa sổ tầng trên. Rèm cửa đã cháy trụi và ngọn lửa đang bắt đầu liếm sang những bức tường. Nhờ ánh sáng yếu ớt tỏa ra từ cây đèn, hắn có thể nhìn thấy khói đang bao lấy trần nhà và lan dần xuống dưới. Đến lúc rồi đi rồi.

Trong khi đang lái xe trên con đường đất, hắn thấy một thứ khiến mình phải đạp phanh và chửi thề thành tiếng. Hắn muốn dừng xe lại nhưng rồi vẫn đi tiếp. Thứ mà hắn trông thấy chính là chiếc xe bán tải của David Malone.

Khi tôi tìm được nhà của Poe Washburn thì nó đang chìm trong lửa.

Lúc đầu, tôi không nhận ra. Tôi đang mãi tìm kiếm địa chỉ và những con số thật sự rất khó nhìn trong bóng tối. Tôi đỗ xe tải trên con đường trước cửa nhà một người hàng xóm của Washburn, bước lên hiên nhà rồi quay lại khi nhận ra mình đã nhầm lẫn.

Nhưng nó kia rồi, cách đó một căn nhà. Khi bước tới gần những bậc thềm, tôi nghe thấy tiếng nổ lách tách của thủy tinh. Sức nóng của ngọn lửa đã làm vỡ ô cửa sổ tầng trên. Những mảnh kính vỡ trượt xuống dưới mái hiên và rơi ào ào xuống bồn hoa bên cạnh tôi.

Tôi ngược nhìn lên khung cửa sổ vỡ và thấy có khói. Tôi lấy di động gọi 911. Người phụ nữ nhắc máy rất chuyên nghiệp. Bản chất của tình trạng khẩn cấp. Tên và địa chỉ. Có ai trong nhà không? Tôi bảo cô ta là mình không biết.

“Cứu hỏa đang trên đường tới,” cô ta nói. “Đừng quay trở vào trong nhà.”

“Ngay từ đầu, tôi vốn không ở trong đó rồi,” tôi bảo cô ta.

“Vậy thì đừng vào.”

Tôi tắt máy. Trên lối vào trái sỏi sát cạnh hiên là một chiếc xe tải han gỉ, đúng loại xe mà có lẽ Washburn sẽ sử dụng. Có thể lão ta đang ở trong nhà.

Sẽ thật là ngu ngốc nếu như vào trong đó.

Tôi bước lên những bậc thềm bằng bê tông và cố mở cửa ra nhưng nó bị khóa. Tôi miễn cưỡng tông cửa bằng vai, hiệu quả ra sao thì bạn biết rồi đấy. Sau đó, tôi quay trở ra chỗ bậc thềm và nhấc một khối bê tông lên.

Chỉ một cú thúc bằng khối bê tông, cánh cửa liền nứt ra. Phòng khách không có dấu hiệu của sự sống và yên tĩnh một cách kỳ lạ. Tôi có thể ngửi thấy mùi khói nhưng lại không nhìn thấy, không phải ở đây. Tôi thả khối bê tông xuống nền hiên rồi bước vào trong nhà.

Tôi tìm thấy cầu thang và đứng từ bên dưới ngược nhìn lên màn khói xám dày đặc. Nó đang tích tụ ở đó, sẵn sàng lao xuống dưới này.

“Washburn?” tôi la lên. “Poe? Có ai ở đó không?”

Không có lời đáp.

Sẽ thật sự ngu ngốc nếu trèo lên cầu thang.

Tôi lao qua phòng khách vào căn bếp, chạy tới chỗ bồn nước nhưng không thể tìm thấy cái khăn nào. Tôi lục lọi khắp các ngăn kéo cho tới khi tìm thấy được một cái rồi nhúng nó vào nước. Sau đó, giữ nó trên mũi và miệng rồi hít thở, chỉ để xem có hiệu quả không.

Khi quay trở lại phòng khách, tôi nghe thấy tiếng ho khù khụ. Chắc hẳn Washburn đã bò xuống cầu thang, đầu chúi về phía trước. Lão ta vất vả đứng dậy ngay dưới chân cầu thang, gầy gò và cao lêu nghêu, mắt chớp chớp cùng một mớ tóc đen. Bàn tay trái cầm một đôi giày, còn tay phải thì đang kéo quần lên và cố gắng cài khóa thắt lưng nhưng không được.

Đột nhiên, lão ta chú ý đến tôi. Tôi quăng cái khăn đi và nói, “Poe?”

Gương mặt lão ta nhăn nhúm lại và mắt chớp chớp. Lão ta tiến hai bước về phía tôi rồi tung một cú đá khiến cái thùng sữa màu trắng bay về phía tôi. Chiếc gạt tàn bên trên thùng bay trong không trung và đập vào tường vỡ tan, văng ra đầy những miếng thuốc đã hút. Tôi hất cái thùng ra nhưng Washburn nghiêng vai phải ào lên, xô tôi ngã sòng soài trên sàn bếp.

Lão ta đề lên người tôi. Tay vẫn cầm chiếc bột, lão ta đập nó vào một bên đầu tôi.

“Mày đang làm cái quái gì trong nhà tao?”

Tôi nhìn gương mặt lão ta, lúc rõ, lúc không. Thế giới xoay mòng mòng.

“Tôi đang cố giúp ông thôi,” tôi nói.

Washburn ho và nhổ lên sàn, rồi chuyển chiếc bột sang bên tay phải và đưa tay trái túm lấy cổ áo sơ mi của tôi.

“Ra thế! Mày được việc gồm,” lão ta nói và dứ nắm đấm vào cổ tôi. “Mày muốn giúp hả? Đây là cách mày có thể giúp tao. Mày có đang chú ý không đấy hả?”

Tôi định nói có và lão ta lại dùng giày đánh tôi lần nữa.

“Giờ thì mày chú ý rồi,” lão ta nói. “Bảo hẩn rằng tao đã nhận được rồi. Tao đã nhận được thông điệp. Bảo hẩn không cần phải lo lắng về tao nữa đâu.”

“Bảo ai chứ?”

Mùi rượu nồng nặc bốc lên khi gương mặt của lão ta tiến sát tôi hơn.

“Bảo hẩn không phải đốt trụi cái nhà của tao đâu. Tao sẽ không nói ra. Ngay từ đầu, tao đã không muốn nói rồi. Nói với hẩn điều đó. Hiểu chưa?”

Tôi gật đầu vì xem ra đó là việc nên làm. Nắm đấm của lão ta hạ xuống cổ tôi và thế giới lại quay mòng mòng, một phần thế giới đó chính là bàn tay đang cầm chiếc bột của lão. Tôi nhìn thấy vầng hào quang ánh sáng và vì lý do nào đấy, ánh sáng mang mùi khói rồi chiếc bột quật xuống, đập vào thái dương tôi.

Chốc chốc, tôi thức dậy rồi sau đó lại chìm vào giấc ngủ. Mỗi khi tỉnh giấc, tôi đều nhìn thấy những gương mặt xuất hiện phía trên. Những gương mặt với đôi môi mấp máy, nhưng không điều nào họ nói có nghĩa cả. Đôi lúc, tôi nhìn thấy những bàn tay đang cầm những đốm sáng. Và chẳng hiểu vì sao, những đốm sáng ấy cứ to dần lên như những vầng mặt trời. Và tất cả những vầng mặt trời ấy đều mang đựng mùi khói.

Có một lần, tôi cảm thấy ai đó đang nắm tay mình. Tôi nhìn thấy một gương mặt phía trên, gương mặt của một người đàn ông hói đầu với hàng lông mày lờm chờm. Môi ông ta mấp máy và những lời được thốt ra giống như ai đó đang tập huýt sáo qua một ống các-tông dài. Một luồng ánh sáng lướt qua trước mắt tôi - không phải mặt trời mà là một vì sao rất sáng. Nó cứ tắt dần rồi bầu trời tối sầm lại.

Khi cuối cùng cũng tỉnh hẳn, tôi nhận ra mình đang ở trong một căn phòng với những bức tường ốp gạch trắng. Nhưng không có bàn ghế hay Moretti, cũng chẳng có gạch ốp.

Tôi tỉnh dậy trong một căn phòng trắng và có ai đó đang nắm lấy tay tôi. Những bức tường chính là những tấm rèm. Vị bác sĩ hói đầu đang đứng đó với hàng lông mày lờm chờm. Ông ta cầm một chiếc đèn trong tay và hỏi tên tôi.

Môi tôi khô nứt, tôi cố làm ướt chúng bằng cái lưỡi của mình, nhưng lưỡi tôi cũng khô. Tôi không thể nói cho vị bác sĩ tên của mình. Thay vào đó, tôi cho ông ta biết một bí mật.

“Thường thì tôi sẽ không nắm tay ông như thế này đâu.”

Ông ta dùng tay phải tắt đèn, còn tay trái thì giơ ra phía trước mắt tôi và làm dấu chữ V. “Tôi đang giơ ra mấy ngón tay đây?” ông ta hỏi.

“Ông có bao nhiêu bàn tay vậy?” tôi hỏi ngược lại.

Ông ta nhướn mày rồi nhìn sang bên trái. Có người di chuyển và một gương mặt nữa xuất hiện trong tầm mắt tôi. Mái tóc người đó khẽ lướt qua

má tôi, mang theo hương thơm thật ngọt ngào. Hoàn toàn không giống như mùi khói.

“Anh đang nắm tay em đấy, đồ ngốc,” Sophie Emerson nói.

Tôi lại tỉnh giấc một lần nữa và thấy vị bác sĩ hói đầu kia đã rời đi, còn Sophie thì đang ngồi đọc sách trên một chiếc ghế bên giường tôi.

“Máy giờ rồi?” tôi hỏi cô ấy.

Cô ấy gấp sách lại. “Gần 5 giờ rồi.”

“Sáng ư?”

“Vâng, sáng. Đừng giờ trò. Anh sẽ không được đi đâu hết.”

Khi ngồi dậy, tôi tưởng cô ấy sẽ cố ngăn tôi lại, nhưng thay vì thế, cô ấy lại giúp tôi. Cô ấy lóng ngóng ấn nút điều khiển trên chiếc giường và giữ cốc nước cho tôi uống. Chẳng mấy chốc, tôi đã có thể tự mình cầm lấy nó.

“Tên anh là Dave,” tôi nói.

Cô ấy mỉm cười. “Đúng rồi, anh thật thông minh. Nhưng anh vẫn sẽ không được đi đâu cả. Anh đã bị chấn động.”

“Như trống hả?”

“Đó là bộ gõ [23],” cô ấy nói. “Chấn động là thương tổn về não bộ. Bộ gõ là thứ mà anh gọi một chấn động khi anh bị chấn động. Anh thấy thế nào?”

“Như thể có ai đó lấy đầu anh làm trống vậy.”

Cô ấy gõ nhẹ lên thái dương của chính mình. “Anh lại làm rách vết cắt. Em đã bảo anh đừng để người khác đập mặt anh vào tường rồi mà.”

Tôi đưa tay lên và sờ thấy một miếng băng cá nhân. “Lão ta đã dùng bột,” tôi nói. “Họ bắt được lão ta chưa? Poe Washburn ấy?”

Sophie lắc đầu. “Anh là người duy nhất họ tìm thấy trong ngôi nhà đó.”

“Chắc hẳn lão ta đã chuồn rồi.”

Cô ấy nhún vai. “Có lẽ, anh có thể hỏi cảnh sát về lão ta. Một viên cảnh sát đã ghé qua thăm khi anh còn đang ngủ. Thanh tra Moretti nào đấy.”

“Ồ.”

“Ông ta là một gã rất thú vị,” cô ấy nói. “Khi không thể nói chuyện với anh, ông ta đã đề nghị được nói chuyện với em.”

“Về chuyện gì?”

“Về chuyện em đã ở đâu đêm hôm đó.”

Đêm hôm đó. Ý cô ấy là đêm Jana bị sát hại.

“Em đã ở bệnh viện này,” Sophie nói. “Chúng em có một ca tai nạn xe máy rất nặng. Phải cắt bỏ lá lách của anh ta. Có khoảng chục người có thể làm chứng cho em nếu anh đang thắc mắc.”

“Anh không hề.”

“Thanh tra Moretti có vẻ rất hài lòng. Ông ta nói mình sẽ không bao giờ thật sự nghi ngờ em, nhưng ông ta vẫn phải chứng thực.”

“Anh nghĩ là đúng,” tôi nói. “Ông ta cần có đối tượng tình nghi khác.”

“Em hy vọng không phải là anh.”

“Không phải anh. Một gã tên Simon Lanik. Cháu trai bà chủ nhà của Jana.”

“Vây thì tốt,” Sophie nói. “Nhưng anh vẫn nên cảnh giác với Moretti. Ông ta không vui với chuyện đêm qua đâu. Đám cháy ấy. Em nghĩ ông ta muốn buộc anh tội cố ý gây hỏa hoạn.”

“Ông ta không coi trọng anh.”

“May thay, ông ta không có quyền quyết định chuyện ấy. Em biết được rằng cảnh sát có một chuyên gia về các vụ cố ý gây hỏa hoạn và vị chuyên gia đó cho rằng đám cháy chỉ là một tai nạn. Có người hút thuốc trên giường.”

Đó không phải là tai nạn, tôi nghĩ. Thời điểm quá thuận lợi. Poe Washburn tin rằng có kẻ nào đó đã phóng hỏa để gửi tới lão ta một thông

điệp. Tôi có thể hình dung ra một khả năng khác: Ai đó đã cố giết lão ta trước khi tôi có thể nói chuyện với lão. (Một ý nghĩ phi thực tế. Tôi nghe giọng nói của Moretti vang vọng trong đầu mình: *Đúng rồi, anh quan trọng đến thế cơ mà.*) Nhưng bất luận thế nào đi nữa, đây vẫn không phải là tai nạn.

Tôi giữ lại những suy nghĩ này cho riêng mình và hỏi Sophie, “Khi nào anh rời khỏi đây được?”

Cô ấy ngồi lên mép giường. “Nếu anh khẳng khẳng muốn vậy, họ có thể cho anh xuất viện ngay bây giờ. Nhưng em đang chờ chụp CT.”

5 tiếng sau đó, tôi xuất viện sau khi chụp CT cùng hàng đồng giấy tờ và một bữa sáng cực kỳ tồi tệ. Tôi bước ra ngoài trong ánh nắng mặt trời rực rỡ lúc 10 giờ sáng.

Sophie chở tôi về nhà. Kết quả chụp CT cho thấy não tôi không bị chảy máu, vậy nên cơn chấn động của tôi cũng vẫn chỉ là một chấn động mà thôi. Đơn thuốc chính là nghỉ ngơi và Tylenol [24]. Tôi ngủ một lát rồi thức dậy, thơ thần ra tới tận ghế sofa và bật TV. Sophie xuất hiện và đắp chăn cho tôi. Cô ấy còn nấu súp cho tôi. Tôi hỏi cô ấy có thể chở tôi đi lấy xe tải không. “Đó không được gọi là nghỉ ngơi,” cô ấy nói.

Tôi đang ngồi đọc báo *Rome Sentinel* khi nó tới vào buổi chiều. Tin về vụ cháy được đăng ngay trên trang nhất. Những người hàng xóm đã trông thấy Washburn rời khỏi nhà, đi bộ ngoài hiên rồi lái xe đi khi xe cứu hỏa vừa đến nơi. Cảnh sát muốn nói chuyện với lão ta.

Bài báo có đề cập đến tên tôi và cho biết tôi đã bị thương. Roger Tolliver nhìn thấy và gọi cho tôi hỏi thăm xem tôi có ổn không và liệu tôi có cần gì không. Tôi bảo ông ta là mình sẽ cho ông ta biết nếu thực sự cần giúp đỡ.

Nhưng bài báo không đề cập đến bất cứ mối liên hệ nào giữa Poe Washburn và Jana Fletcher. Một bài báo riêng về vụ sát hại Jana cho biết cảnh sát vẫn đang lần theo manh mối. Nó cũng lưu ý rằng họ đang tìm kiếm

Simon Lanik. Họ sẽ không nói thẳng anh ta là kẻ tình nghi, nhưng điều đó cũng đã được ám chỉ quá rõ ràng.

Frank Moretti ghé qua căn hộ 2 lần vào buổi chiều hôm ấy. Lần đầu tiên, Sophie bảo ông ta rằng tôi đang ngủ. Đến lần thứ hai, cô ấy bảo nếu muốn nói chuyện với tôi, ông ta có thể làm việc với luật sư của tôi. Cô ấy cho ông ta số điện thoại của Roger Tolliver và tiễn ông ta đi.

Tolliver đã nói chuyện với ông ta và đồng ý rằng chúng tôi có thể gặp nhau vào ngày hôm sau - nhưng không phải ở đồn cảnh sát mà là ở văn phòng của Tolliver tại trường Luật.

Trường Luật thuộc Đại học Bellamy chiếm trọn cả một tòa nhà đường bệ, cũ kĩ với hàng cây liễu tỏa bóng mát xuống bãi cỏ rộng rãi phía trước. Văn phòng của Tolliver nằm trên tầng hai: rất nhiều giá sách, hai khung cửa sổ đôi và một chiếc bàn hiện đại bóng loáng có mặt kính phía trên.

Khi Moretti đến nơi, ông ta đã hạ hỏa đôi chút: Ông ta đã từ bỏ ý định buộc tôi tội cố ý gây hỏa hoạn. Nhưng tôi vẫn chưa hoàn toàn vô tội.

“Cản trở việc điều tra phá án thì thế nào?” ông ta hỏi tôi. “Tôi đã nói rất rõ ràng với anh rằng không được nói chuyện với Poe Washburn.” Điều đó không đúng: Ông ta đã bảo, về cơ bản, tôi không được nói chuyện với bất kỳ ai về vụ sát hại Jana.

Nhưng tôi đã không nói ra điều đó. Tôi không nói gì cả bởi đã có Roger Tolliver bào chữa cho mình.

“Thứ nhất, thưa ngài thanh tra,” Tolliver nói, “chỉ nói chuyện với một người nào đó không đủ để gọi là cản trở. Thứ hai, cuộc gặp mặt giữa anh Malone và ông Washburn không giống như một cuộc trò chuyện mà giống một vụ đánh lộn hơn - anh Malone không phải là người kích động. Và cuộc thảo luận giữa họ, theo như cái cách mà nó đã diễn ra, không liên quan gì đến vụ sát hại cô Fletcher.

“Thứ ba,” Tolliver nói, “nếu tôi tin vào những gì được tường thuật trên tin tức, cuộc điều tra của ông đang nhắm vào Simon Lanik. Vậy nếu anh Lanik đã sát hại cô Fletcher, thì có vẻ như Napoleon Washburn chẳng liên quan gì

đến cái chết của cô ấy. Do đó, sẽ không hợp lý khi nhìn nhận sự dính líu của thân chủ tôi với ông Washburn là cản trở điều tra.”

Nội dung của điều thứ tư: với tư cách là công dân của Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ và quyền của tôi theo Tu chính án thứ nhất [25] là được nói chuyện với bất cứ ai tôi muốn, Nhưng đến lúc đó, Moretti đã bắt đầu ném cho tôi ánh nhìn dần trở nên giận dữ của ông ta.

Ông ta đặt ra vài câu hỏi về những gì đã xảy ra trong ngôi nhà của Washburn rồi đứng dậy rời đi. Tolliver hỏi ông ta có bất cứ thông tin gì về vị trí của Washburn. “Chẳng có gì tôi có thể chia sẻ,” Moretti nói.

“Nhưng ông sẽ bắt lão ta vì tội hành hung anh Malone.”

“Nó nằm ngay đầu danh sách của tôi,” Moretti nói.

Sau cuộc gặp mặt, Tolliver chở tôi tới nhà của Poe Washburn. Lính cứu hỏa đã làm hết sức có thể, nhưng nơi này vẫn là một đồng hoang tàn đổ nát. Tầng hai bị phá hủy từ bên trong và mái nhà gần như đã sập hết. Toàn bộ chỗ này cần phải được kéo đổ và xây lại từ đầu.

Tolliver nhìn ngôi nhà và nói, “Có lẽ anh nên mặc kệ toàn bộ chuyện này.”

Tôi biết ông ta không nói tới ngôi nhà.

Tôi cảm ơn ông ta vì đã chở mình và hứa sẽ cho ông ta biết nếu Moretti liên lạc. Xe tải của tôi vẫn đang đỗ ở chỗ tôi đã bỏ nó lại. Tôi trèo vào xe và nhìn Tolliver lái xe đi mất.

Nhưng tôi không đi tìm Poe Washburn, mà quay trở về nhà.

Tối hôm đó, Sophie đã nấu món xào gồm có ớt, bông cải xanh và đậu phụ ăn chung với cơm gạo nâu. Sau bữa tối, tôi vào phòng ngủ nằm. Ca trực tại bệnh viện của cô ấy bắt đầu lúc 10 giờ, nhưng cô ấy đã vào phòng gặp tôi trước khi rời đi.

“Đầu anh còn đau không?” cô ấy hỏi khi quỳ gối bên cạnh giường.

“Không đến nỗi,” tôi bảo cô ấy.

“Nếu vẫn đau, anh uống vài viên nhé.”

“Được rồi.”

“Anh vẫn nên nghỉ ngơi,” cô ấy nói. “Thêm vài ngày nữa.”

Rồi cô ấy kể cho tôi nghe vài chuyện và cũng đặt ra vài câu hỏi. Tôi cầm lấy tay Sophie và đột nhiên cô ấy cúi xuống, hôn thật mạnh lên môi tôi.

Sau đó, cô ấy áp trán mình vào trán tôi và thì thầm, “Đừng để bị lôi ra khỏi những tòa nhà đang cháy nữa.”

Hôm ấy là thứ Bảy. Tôi đã nghỉ ngơi đêm hôm đó và cả ngày Chủ nhật. Nhưng sang đến thứ Hai, tôi không thể nghỉ ngơi thêm được nữa. Họ chôn cất Jana Fletcher vào thứ Hai.

Tang lễ được tổ chức tại Geneva, New York, thị trấn nơi Jana đã lớn lên. Roger Tolliver đã thông báo cho tôi thời gian và địa điểm, đồng thời đề nghị cho tôi đi nhờ. Nhưng tôi đã tự mình lái xe 95 dặm, chủ yếu là trên quốc lộ Thruway. Trời bất chợt đổ mưa giữa đường đi nhưng cuối cùng cũng tạnh và khi đang lái xe về phía nam trên con đường chính của thị trấn, tôi đã có thể nhìn thấy bầu trời xanh ngắt phản chiếu trên mặt hồ Seneca.

Vẫn còn sớm nên tôi đỗ xe rồi đi bộ ra hồ nước. Có vài học sinh đạp xe quanh bờ hồ. Geneva chính là mái nhà của hai trường Đại học cùng chung một khuôn viên - Hobart và William Smith. Khuôn viên có diện tích khoảng 80 hecta và những phần tôi nhìn thấy được trông thật đẹp: tươi tốt và xanh mướt, với các tòa nhà cũ kỹ có tường ngoài bằng đá bị sương gió bào mòn. Mẹ Jana làm đầu bếp tại một trong những sảnh ăn của trường và tên bà ấy là Lydia - hai thông tin duy nhất Jana từng kể cho tôi nghe về mẹ mình.

Lydia Fletcher đã thu xếp tổ chức tang lễ cho con gái tại một nhà nguyện St. John, cách xa sân chính của trường. Buổi lễ sẽ bắt đầu cử hành sau 10 giờ và lúc này, vị linh mục có giọng nói trầm, mạnh mẽ gọi người ta nghĩ đến các nhà sư tụng kinh bằng tiếng Latin. Tôi ngồi xuống hàng ghế cuối và để nhịp điệu trong giọng nói của ông ấy cuốn mình đi. Thời gian trôi chậm rãi, giống như tôi vẫn cảm thấy khi ở trong nhà thờ hồi nhỏ. Tôi ngược nhìn lên trần nhà hình mái vòm cùng những khung cửa sổ cao hẹp phía sau bệ thờ. Thỉnh thoảng, tôi mới cố gắng tập trung vào lời linh mục nói. Nhưng chúng nghe thật sâu thẳm: *Trong con mắt của Chúa, một ngàn năm trôi qua chỉ giống như một ngày, hay giống như một phiên gác đêm. Người cuốn cả thế gian vào giấc ngủ vĩnh hằng - họ giống như những ngọn cỏ mới mọc buổi ban mai: vươn dậy đầy sức sống vào buổi sáng, nhưng đến tối lại trở nên khô héo và lụi tàn.*

Chắc phải có đến 50, 60 người ở đó, hầu hết đều đã già - tôi nghĩ họ là bạn của mẹ Jana. Tôi trông thấy Roger Tolliver đang ngồi một mình phía trước vài hàng ghế và chúng tôi gật đầu chào nhau. Trước khi buổi lễ kết

thức, tôi đã bước ra ngoài trong khi mọi người vẫn đang hát *Amazing Grace* [26].

Tại nghĩa trang, tôi đứng bên rìa đám đông. Tôi vừa muốn nói chuyện với Lydia Fletcher, vừa sợ phải làm thế. Tôi đã nhận ra bà ấy từ lúc còn ở trong nhà nguyện. Việc đó không mấy khó khăn vì trông bà ấy rất giống Jana. Bà ấy đứng bên phần mộ cùng một cặp đôi trẻ tuổi - họ là 2 trong số rất ít người có cùng độ tuổi với Jana mà tôi thấy ở đây. Có vẻ như họ là một cặp vợ chồng. Người vợ có khuôn mặt tròn đầy và mái tóc đen suôn thẳng, dài đến ngang vai. Cô ta đang mang thai - khoảng 7 hoặc 8 tháng gì đấy.

Tóc anh chồng dài hơn cả của vợ và được buộc đuôi ngựa phía sau. Trông anh ta nặng nề nhưng có vẻ trước đây anh ta còn nặng nề hơn. Bộ vest đen anh ta đang khoác trên người rộng thùng thình - như thể anh ta đã giảm cân nhưng chưa có thời gian đi mua một bộ mới. Anh ta lảng vảng quanh Lydia Fletcher hết như một cậu con trai. Đôi lúc họ còn đứng khoác tay nhau. Nhưng tôi biết Jana không có anh trai.

Hóa ra tên anh ta là Warren Finn. Vị linh mục đã giới thiệu với đám người than khóc rằng anh ta là bạn từ thời tiểu học của Jana. Sau đó, vị linh mục bước lùi lại để Warren đến đứng bên cạnh linh cữu của Jana đọc một đoạn trong *kinh Cựu ước* [27]. *Sách Giảng Viên* [28]. *Phàm sự gì có thì tiết, mọi việc dưới trời có kỳ định*. Anh ta đánh vật đọc cho xong, giống như một người không quen nói trước đám đông. Anh ta đọc đến phần quan trọng: *có kỳ khóc và có kỳ cười, có kỳ than vãn và có kỳ nhảy múa* - nhưng lại bỏ qua vài dòng khác, chẳng hạn như dòng về ném đá đi và nhóm đá lại. Tôi không bận tâm. Phần đó chưa bao giờ có nghĩa lý gì với tôi.

Sau đó, ba người bọn họ nán lại bên phần mộ lâu nhất: Lydia Fletcher, Warren Finn và vợ anh ta. Roger Tolliver đã tới nói chuyện với họ vài câu rồi ra xe đi về. Những người khác cũng vậy. Tôi dạo bước dọc theo một hàng bia mộ và khi ra tới hàng rào nghĩa trang, tôi lại đi men theo nó, từ góc này sang góc kia, cho đến khi quay trở lại nơi bắt đầu. Đến lúc đó, Lydia Fletcher đã chuẩn bị rời đi cùng với Warren Finn dìu một bên và vợ anh ta

điều bên còn lại. Warren ngoái nhìn tôi như thể muốn cho tôi biết anh ta đang quan sát tôi. Nhưng đó không phải lần cuối cùng tôi chạm mặt anh ta.

Sau khi ba người họ lái xe rời khỏi, tôi dành chút thời gian ở một mình bên phần mộ Jana, nhưng thật khó để biết phải nói với cô những gì. Tôi thử nói cho Jana biết rằng tôi yêu cô nhưng điều đó có vẻ thật sáo rỗng. Tôi chưa từng nói yêu Jana khi cô còn sống, vì chúng tôi ở bên nhau chưa đủ lâu.

Đâu đó vang lên tiếng máy cắt cỏ. Một con chim cổ đỏ bay lên không trung. Và tôi dần dần nhận thức được những giọng nói từ xa xăm vọng lại: tiếng những người đi viếng nghĩa trang cùng đám thợ đang chờ lập huyệt. Giờ chính là thời điểm dành cho hành động cuối cùng: thả một bông hồng xuống linh cữu. Tôi không có bông hồng nào cả. Mua giờ cũng muộn rồi.

Tôi chỉ lặng lẽ nói lời từ biệt rồi quay người đi, bỏ lại phần mộ phía sau. Mất 10 phút đi bộ để ra tới nơi đỗ xe và khi tôi về đến đó, chiếc xe tải đã bị ánh mặt trời nung nóng. Tôi khởi động xe rồi lái vòng quanh hồ. Tôi bắt gặp một con đường thẳng dài tăm tắp đưa tôi rời khỏi Geneva, trở lại quốc lộ Thruway. Tôi nhìn ngắm những cánh đồng vút qua hai bên đường. Chúng di chuyển rất chậm và tôi nhận ra xe mình đang lăn bánh với tốc độ 50 km/giờ. Tôi tăng tốc lên 65 rồi 80 km, nhưng như thế vẫn chưa đủ nhanh. Vậy là tôi tăng tốc lên 110 km và cảm thấy có vẻ khá khăm hơn. Tôi nghĩ mình nên thử tốc độ 130. *Trong con mắt của Chúa, 130 km/giờ giống như tản bộ dọc bãi biển.*

Khi kim đồng hồ đạt tới con số 135, tôi nhấc chân ra khỏi chân ga và để chiếc xe lướt đi. Nhìn kim đồng hồ từ từ giảm xuống. Tôi chờ xe tải tự dừng lại, nhưng nó không làm vậy. Động cơ vẫn đẩy nó tiến về phía trước. Tôi tắt xe vào lề đường, quay đầu và trở lại.

Địa chỉ nhà Lydia Fletcher nằm trên đường County Road 6, tại rìa phía tây Geneva. Tôi đã tra cứu về nó trước khi rời khỏi nhà. Tất cả những căn nhà trên con phố này trông giống hệt nhau: đều là nhà một tầng, mang

phong cách kiểu nông trại và có gara liền kề. Tôi kiếm một vị trí râm mát để đỗ xe và tìm thấy một chỗ xa xa phía cuối đường.

Căn nhà của gia đình Fletcher có cửa trước sơn màu xanh lá, những chậu hoa đặt trên bậu cửa sổ và hộp đựng hạt cho chim ăn treo lơ lửng trên những cái cây trước nhà. Tôi đứng trên vỉa hè tự hỏi Jana cảm thấy thế nào khi lớn lên ở đây, tôi sẽ nói gì với mẹ cô và tôi có nên nói chuyện với bà ấy không. Ngay khi quyết định bước tới gõ cửa thì tôi nghe thấy một giọng nói cất lên.

“Tôi không biết liệu bác ấy có muốn tiếp khách không.”

Là Warren Finn. Anh ta vẫn đang mặc bộ vest lúc ở nghĩa trang nhưng giờ đã cởi bỏ cà vạt và áo khoác. Anh ta đứng trên lối lái xe của căn hộ bên cạnh, cửa gara để mở phía sau lưng.

Tôi bước qua và tự giới thiệu bản thân. “David Malone. Tôi quen Jana ở Rome.”

Anh ta phải cân nhắc xem có nên bắt tay tôi hay không, rồi quyết định là có. Anh ta cho tôi biết cái bắt tay của mình mạnh thế nào.

“Tôi đã đoán anh sẽ xuất hiện ở đây,” anh ta nói. “Chúng tôi có nghe nói về anh.”

Tôi nghĩ chắc Roger Tolliver có đề cập đến mình, nhưng hóa ra tôi đã lầm.

“Một thanh tra đã ghé thăm chúng tôi, ông ta tên là Moretti,” anh ta nói. “Ông ta hỏi Jana có bao giờ nhắc đến anh không. Liệu cô ấy có nói với chúng tôi rằng anh đã đánh cô ấy không. Tôi không thể giúp gì được vì cô ấy chưa từng kể với tôi về anh.”

“Tôi chưa bao giờ đánh cô ấy.”

Anh ta nhún vai. “Mẹ cô ấy cũng nghĩ vậy, nhưng không phải vì những gì Jana đã từng nói. Lydia không bao giờ kiên nhẫn được với những gã vũ phu. Bà ấy cho rằng Jana cũng biết rõ là không nên ở cùng gã nào đó sẵn sàng động tay với cô ấy.”

Anh ta đi vào trong gara của mình như thể cảm thấy dễ chịu hơn khi ở đó. Bên trong gara có một chiếc ô tô, khoảng trống còn lại được dùng làm xưởng mộc. Anh ta có một chiếc cửa bàn, một máy khoan đứng cùng một bộ dụng cụ cầm tay. Có vẻ như anh ta đang làm dở cái gì đó: một tủ quần áo hay một cái chạn bát - tôi cũng không biết nữa. Anh ta đưa ngón tay cái lên theo bề mặt trơn nhẵn của một tấm gỗ đang được đánh bóng bằng giấy nhám kẹp chặt vào ê-tô.

“Tôi sẽ kể cho anh một chuyện thú vị,” anh ta nói vấp từ “thú vị” như thể biết được rằng dùng từ đó không chuẩn xác lắm. Anh ta ngập ngừng và giờ khi đã đến gần hơn, tôi để ý thấy hai điểm mình đã không chú ý trước đó: Một là cách đôi mắt anh ta đảo quanh, không muốn nhìn vào tôi. Hai là đường màu trắng thẳng đứng chạy dọc từ môi trên đến mũi anh ta: Một vết sẹo đã có từ lâu.

Và rồi anh ta bắt đầu lại. “Tôi sẽ kể cho anh một chuyện. Khi còn bé, Jana và tôi thường mong ước có chuyện gì đó lý thú xảy ra trong thị trấn này. Một vụ bắt cóc hay cuộc xâm lược của người ngoài hành tinh. Một vụ án mạng. Bất cứ chuyện gì có thể phá vỡ sự nhàm chán. Tôi không thấy như thế có gì hấp dẫn - có lẽ là có một bí ẩn nào đó để khám phá. Tôi muốn sự nhàm chán kia trở lại.”

Anh ta nói lỏng cái ê-tô, lật ngược miếng ván lên, sau đó kẹp nó lại. “Tôi không biết tại sao lại có kẻ muốn sát hại cô ấy,” anh ta nói và đột ngột ngược nhìn tôi chăm chăm. “Có vẻ như Moretti nghĩ rằng đó là kẻ mà cô ấy quen biết.”

Đây là một lời khiêu khích ngầm, nhưng tôi không bị mắc bẫy. Nếu muốn buộc tôi tội giết người, anh ta sẽ phải nói thẳng ra.

Anh ta im lặng trong chốc lát và khi bắt đầu lên tiếng lại, anh ta dường như đã đọc được ý nghĩ của tôi. “Nếu tôi nghĩ anh sát hại cô ấy,” anh ta nói, “tôi sẽ không để anh sống sót rời khỏi đây. Vì vậy có lẽ sẽ tốt hơn nếu tôi không biết.”

Tôi không biết đáp lại thế nào. Tôi đứng nhìn anh ta mở ngăn kéo trên chiếc bàn gia công và lấy ra một cái giũa sắt. Anh ta không dùng nó đâm tôi mà tiếp tục công việc mài tròn góc tấm ván kẹp trong chiếc ê-tô.

Một lát sau, anh ta ngược nhìn lên như thể cho rằng tôi đã đi rồi. Anh ta vẩy chiếc giũa về phía căn nhà của Lydia Fletcher. “Anh có thể thử nói chuyện với bác ấy nếu muốn,” anh ta nói. “Nhưng đừng ở lại lâu. Tôi biết bác ấy đang rất mệt mỏi.”

“Warren là người tốt,” Lydia Fletcher nói.

“Anh ta có chút...,” tôi tìm kiếm một từ phù hợp. “...ngghiêm nghị.”

Tôi gõ cửa nhà bà ấy với một lời xin lỗi: Tôi không muốn làm phiền bà ấy. Tôi có thể trở lại vào lúc khác. Nhưng bà ấy đã chào đón tôi và khẳng khẳng muốn pha cà phê. Bà ấy pha cho cả hai, dùng những chiếc tách sứ xinh xắn.

“Ừm, cậu ấy đã sống một cuộc đời khó nhọc,” bà ấy nói, “bởi vì...” Bà ấy chỉ vào miệng mình. Tôi nghĩ đến vết sẹo của Warren.

“Hở hàm ếch,” bà ấy nói. “Bẩm sinh cậu ấy đã bị thế và các bác sĩ đã làm những gì có thể để chữa trị cho cậu ấy. Nhưng những đứa trẻ khác vẫn luôn trêu chọc cậu ấy. Jana thì không thế. Con bé luôn hết lòng với cậu ấy, dù nó có thể có... những người bạn khác.” Bà ấy định nói “những người bạn tốt hơn” nhưng đã kịp ngăn mình lại.

Chúng tôi đang ngồi đối diện nhau trong một phòng khách dài và hẹp. Trong lễ tang, Lydia Fletcher mặc một chiếc áo len và chân váy. Giờ, bà ấy đã thay váy bằng quần bò nhưng vẫn khoác áo len. Bà ấy có đôi mắt màu nâu và mái tóc xoắn giống Jana, dù mái tóc đã điểm những sợi bạc. Bà ấy chắc khoảng 50 tuổi.

Tôi đoán chắc Lydia đã khóc nhưng rồi tự trấn tĩnh và giờ trông bà ấy có vẻ khá thanh thản. Hay ít nhất là thanh thản hết mức có thể khi ở trong căn nhà này. Bởi có thứ gì đó không đúng, không hợp chỗ. Đồ đạc thì cũ kĩ. Lưng ghế tôi không được bọc ren nhưng tôi nghĩ có ren trông sẽ rất hợp. Một số bức tường được dán giấy, các bức tường còn lại được ốp gỗ và tô điểm bằng những tấm gương cổ cùng tranh sơn dầu vẽ nhà cỏ và những ngọn hải đăng.

Trên chiếc bàn kê sát tường có vài bức ảnh của Jana - ảnh chân dung từ ngày còn đi học - ngoài ra không còn gì cho thấy một đứa trẻ đã từng sống ở đây. Thậm chí những chiếc tách chúng tôi dùng để uống cà phê cũng được

đặt nhằm thời: Chúng mỏng manh dễ vỡ và rất cầu kỳ, được trang trí bằng những hoa văn hình học phức tạp giống như khung cửa sổ trong một nhà thờ theo phong cách Gothic. Đó là những chiếc tách của một bà lão 70 tuổi.

Tôi nếm thử cà phê, cho thêm đường. Tôi chỉ tay quanh phòng và nói, “Jana đã lớn lên ở đây sao?”

Lydia Fletcher gật đầu. “Tôi có thể chỉ cho anh phòng ngủ của con bé, nhưng chẳng có gì để xem đâu. Con bé đã mang theo mọi thứ khi rời khỏi nhà. Cái gì không mang đi được thì nó vứt. Nhưng tôi vẫn còn những bức ảnh.” Bà ấy đột ngột đứng dậy, biến mất trong một hành lang, rồi quay lại một phút sau đó với một cuốn album dày cộp.

Bà ấy mở nó ra, đặt trên bàn cà phê và vỗ nhẹ đệm ghế sofa bên cạnh mình, bảo tôi qua đó ngồi. Tôi cầm theo cả tách cà phê.

“Đây là tôi và cha của Jana,” bà ấy nói. Trong bức ảnh là một cô gái xinh đẹp mặc quần áo nhuộm tie-dye [29] và mái tóc thắt bím, bên cạnh là một người đàn ông da đen mảnh khảnh và cao ráo đang cười rạng rỡ. Cha Jana mặc một chiếc jacket bằng vải tuyết và đeo kính gọng tròn bằng kim loại.

Ông ấy từng dạy học ở trường Đại học trong thị trấn này, Lydia bảo tôi thế. Ông ấy là giảng viên thỉnh giảng từ Sudan tới và bà ấy là một trong những sinh viên của ông. Lúc đó, bà ấy từng muốn trở thành một giáo viên dạy Lịch sử.

“Tất cả đều không còn nữa khi tôi có thai,” bà ấy nói.

Cha Jana rời đất nước này trước khi Jana ra đời. Visa của ông ấy chỉ có giá trị tạm thời. Ông ấy đã định quay trở lại nhưng không may lại qua đời một năm sau đó trong một cuộc biểu tình trên đường phố Khartoum, nạn nhân của lực lượng cảnh sát chống bạo loạn.

Lydia Fletcher đã bỏ học và chuyển về sống với mẹ mình, một phụ nữ nghiêm khắc với mái tóc búi theo kiểu tóc búi cao - bà lão ấy chính là chủ nhân của ngôi nhà này.

“Bức ảnh này của bà ấy không được đẹp lắm,” Lydia nói với tôi. “Thỉnh thoảng, bà ấy cũng có cười. Bà ấy đã cứu tôi thoát khỏi cảnh khốn cùng, cho tôi ở lại đây và chăm sóc tốt cho Jana.”

Đúng là trông Jana có vẻ được chăm sóc rất tốt. Trong ảnh, Jana luôn luôn cười rất tươi. Lúc thì là một cô nàng tomboy đi giày đế mềm cao cổ ngồi vắt vẻo trên cây. Lúc lại ngồi xe đạp, mặc quần bò với miếng vá trên đầu gối. Còn đây là bức ảnh cô hóa trang thành công chúa Leia [30] cầm kiếm ánh sáng, đứng cạnh một Warren Finn mũm mĩm trong trang phục Luke Skywalker [31] trong lễ Halloween.

Mỗi bức ảnh lại có một câu chuyện đi kèm và Lydia Fletcher đã kể tất cả cho tôi nghe. Từng chi tiết tuôn trào ra, về các bữa tiệc sinh nhật, những ai tới tham dự và cả những món quà họ mang tặng. Những chuyến thăm sở thú ở Rochester. Chuyến đi thực tế cùng trường tới Montreal.

Lên Trung học, Jana bắt đầu tham gia diễn xuất trong những vở kịch. Tôi biết cô đã từng đóng *Xin tùy ý*, nhưng vẫn còn những vở kịch khác nữa: *Thị trấn của chúng ta*, *Những gã đàn ông và những cô nàng búp bê*, *Nhất định phải là chàng Earnest* và *Cyrano de Bergerac*. Jana đóng vai Roxane, xinh đẹp tuyệt trần trong chiếc khăn voan, hoa cài trên tóc.

Sau khi tốt nghiệp Trung học, Jana đi học Đại học ở Geneva. “Con bé cũng được các trường khác nhận vào,” Lydia Fletcher bảo tôi, “và con bé có thể tới đó học nhưng nó đã ở lại đỡ dần tôi. Mẹ tôi bị bệnh thận, nên cần có ai đó đưa bà đi lọc máu 3 lần mỗi tuần.”

Vậy là Jana đã chăm sóc bà ngoại mình, nhưng cô vẫn học giỏi ở trường. Cô học chuyên ngành tâm lý học và luôn luôn là một sinh viên giỏi. Còn có những vở kịch khác nữa. Tôi nhìn mấy bức ảnh: Cô đóng vai Miranda trong *Giông tố*, Beatrice trong *Có gì đâu mà rộn* [32] và Rama trong *Vũ khí và con người*.

Rồi chúng tôi xem tới những bức ảnh về buổi lễ tốt nghiệp Đại học - Jana mặc áo và đội mũ cử nhân đang tạo dáng trên bãi cỏ phía trước. Cà phê đã

ngươi từ lâu nên Lydia mang cất những chiếc tách đi và quay trở lại với một chai rượu cùng hai chiếc cốc vại đựng đầy đá.

“Cậu có uống rượu scotch không, David?”, bà ấy hỏi.

Tôi bảo là không.

“Vậy cậu có muốn bắt đầu uống không?”

Bà ấy cần rượu scotch vì mọi chuyện bắt đầu trở nên khó khăn sau khi Jana tốt nghiệp Đại học. Cô nộp đơn vào trường Luật với sự ủng hộ của mẹ - và vào một khóa kịch nghệ mà không nói với ai.

“Tôi muốn con bé học Luật ở Cornell hoặc Đại học Pennsylvania,” Lydia nói. “Nhưng con bé lại thích khóa học kịch ở Đại học New York. Chúng tôi không có đủ khả năng chi trả cho bất kỳ khóa học nào trong số ấy, nhưng nhờ khoản trợ cấp tài chính và vay nợ, con bé sẽ xoay sở được. Và nếu học Luật, con bé có thể có hy vọng hoàn trả những khoản vay đó. Tôi muốn con bé phải thực tế.”

Jana đã nhượng bộ trước ước muốn của mẹ và chấp nhận vào học trường Luật Cornell. Nhưng cô không bao giờ đi học cả. Bệnh của bà cô trở nặng.

“Chứng mất trí,” Lydia Fletcher nói qua miệng cốc, vẫn với tông giọng nhẹ nhàng y như khi nói từ “hở hàm ếch”. “Nghĩ lại, tôi có thể nói với anh rằng nó đã ủ bệnh từ lâu rồi. Nhưng đến mùa hè sau khi Jana tốt nghiệp Đại học, sức khỏe của mẹ tôi xuống dốc nhanh đến nỗi không thể để bà một mình được. Anh không thể đoán trước bà sẽ làm gì. Bà có thể đi lang thang trên phố và bắt đầu cởi bỏ quần áo của mình.”

Vậy nên Jana buộc phải từ bỏ trường Luật vì bà ngoại. Bà cụ sống thêm được một năm nữa và đến lúc gần cuối đời, cụ không thể tự mình làm việc gì. Cụ cần người tắm giúp, thay đồ và bón thức ăn.

“Bà ấy mất vào cuối tháng Năm của 2 năm trước,” Lydia Fletcher nói. “Đó là một ân điển cho cả bà ấy và Jana. Tôi đã thấy những gì con bé phải chịu đựng và nó không bao giờ phản nản lấy một lời. Nhưng khi mẹ tôi qua đời, tôi nghĩ cuối cùng Jana cũng đã có thể sống cuộc đời của chính nó. Con

bé có thể tới Cornwell - họ đã đồng ý hoãn việc nhập học của nó một năm - và con bé sẽ được hạnh phúc.”

Tôi nhìn Lydia uống cạn cốc scotch. “Cô ấy đã không tới Cornwell,” tôi nói.

“Đúng vậy,” bà ấy nói. “Con bé đã dành một năm trời để cân nhắc về chuyện đó và những gì nó mong muốn. Một năm trời giúp đỡ mẹ tôi ra khỏi giường mỗi sáng và lên giường mỗi tối - cùng những việc linh tinh khác. Con bé cần rời khỏi Geneva, nhưng không muốn học trường Luật, mà muốn diễn xuất.”

Jana đã đưa ra quyết định rất nhanh chóng. “Tôi muốn con bé dành thời gian lên kế hoạch,” Lydia nói. “Nó sẽ cần nộp đơn vào trường sân khấu điện ảnh lại từ đầu và lúc ấy đã là quá muộn để nộp đơn cho đợt xét tuyển mùa thu. Nhưng Jana đã chán ngấy việc chờ đợi. Con bé có một chiếc xe Buik LeSabre cũ kỹ mẹ tôi để lại cho nó. Và vào một ngày tháng Sáu, khi tôi trở về nhà thì thấy nó đang gói ghém đồ đạc.

Con bé bảo tôi rằng nó sẽ đến thành phố New York. Con bé sẽ tìm một công việc bồi bàn và đi thử giọng. Có lẽ nó sẽ đăng ký vài lớp học. Tôi đã bảo con bé thật khinh suất. Nó không quen biết ai ở đó, cũng không có nơi nào để ở. Cuộc đời nó sẽ trở nên rất khó khăn. ‘Khó khăn hơn cả năm vừa qua sao?’ con bé đã nói với tôi như thế.”

Lydia ngả người ra ghế, tay cầm cốc rượu. “Tôi cảm thấy lo sợ cho con bé. Chúng tôi đã cãi nhau, nhưng con bé sẽ không chịu nghe lời. Nó đã rời đi ngay trong đêm hôm đó, thật điên khùng. Ít nhất con bé cũng nên đợi đến sáng hôm sau. Nhưng nó đã bực bội với tôi và không hề gọi điện từ New York về cho tôi, không một lần nào, mà tôi thì chẳng có cách nào liên lạc được với nó. Con bé có gửi về vài tấm bưu thiếp để tôi biết rằng nó vẫn ổn - tôi nhớ có một tấm từ Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại và một tấm khác có ảnh tượng Nữ thần Tự do. Tôi muốn đi tìm con bé, muốn gọi điện báo cảnh sát và nhờ họ tìm kiếm nó. Nhưng tất nhiên, họ sẽ không làm gì hết, mà nếu có, con bé sẽ ghét tôi vì chuyện đó.

Và cuối cùng thì tôi đã đúng: Cuộc sống của nó rất khó khăn. Nó quay trở về nhà ba tháng sau đó, cứ thế xuất hiện ở đây vào một ngày tháng Chín. Những buổi thử giọng đã không mang lại kết quả gì và con bé cũng không thể kiếm đủ tiền để trang trải cuộc sống chỉ nhờ làm bồi bàn. Nó đã phải bán cả xe của bà ngoại để trả tiền thuê nhà, rồi bắt xe buýt Greyhound về đây.”

Lydia đặt chiếc cốc lên đùi. Giờ nó chỉ là vật để đó thôi chứ bà ấy không uống nữa. Bà ấy nói, “Jana sẽ không ở lại đây, trong căn nhà này. Tôi nghĩ nó cho rằng tôi không tin tưởng vào nó và việc quay lại đây chỉ khiến mọi chuyện trở nên tồi tệ hơn. Con bé sang ở nhà bên cạnh cùng với Warren. Điều đó khiến tôi thấy lo lắng vì giữa chúng nó có chuyện gì đấy - chưa từng có. Chúng nó chưa bao giờ là một cặp. Bố mẹ Warren để lại căn nhà cho cậu ấy khi họ nghỉ hưu. Hiện giờ, họ đang sống ở Arizona. Warren làm việc trong một hiệu sách ở trường Đại học. Tôi sợ rằng Jana rồi sẽ lấy cậu ấy, chúng sẽ sinh con và con bé sẽ bị mắc kẹt ở thị trấn này mãi mãi. Nhưng đến cuối mùa xuân năm sau, con bé chuyển về sống cùng tôi và lại nói tới chuyện đi học Luật. Nhưng lần này là Đại học Bellamy vì một vị giảng viên mà nó được nghe kể.”

“Roger Tolliver,” tôi nói.

“Đúng là ông ta. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Cuộc sống của nó dường như đang đi đúng hướng. Và giờ thì tôi lại ước giá mà nó ở lại với Warren. Tôi ước con bé đã làm bất cứ việc gì, ngoại trừ tới Bellamy.”

Lydia quay về phía cửa sổ và tôi dõi theo ánh mắt của bà ấy. Bà ấy đang ngấm nhìn ngôi nhà của Warren Finn.

“Giờ anh ta đã có người khác rồi,” tôi nói.

Bà ấy gật đầu. “Đó là Rose. Hai đứa đang hẹn hò khi Jana từ New York trở về. Warren đã chia tay cô ấy khi Jana chuyển vào sống cùng cậu ta. Nhưng khi Jana bỏ Warren, cậu ấy quay lại với Rose. Giờ thì chúng đã kết hôn.” Bà ấy quay mặt đi không nhìn tôi, nhưng tôi vẫn kịp nhìn thấy những giọt nước mắt. “Tôi cứ nghĩ đó đã có thể là Jana và nó sắp sinh con. Như thế

không được sao? Nhưng con bé đã làm những gì mà tôi muốn nó làm. Nó đã đi học trường Luật và giờ thì tôi đã mất con bé.”

Những giọt lệ lăn dài trên má. Bà ấy ngồi dậy, lấy tay lau nước mắt. Bà ấy giờ chiếc cốc ra và tôi đón lấy. Sau đó, bà ấy tìm thấy một hộp giấy ăn và lấy một tờ lau mắt. Tôi đặt chiếc cốc lên mặt bàn cà phê.

Bà ấy ngồi đó, cúi đầu và nắm tờ khăn giấy đã vo tròn trong tay. “Đừng nghĩ quá xấu về tôi,” bà ấy nói. “Con gái tôi mất rồi. Và giờ tôi đang ngồi khóc cho chính bản thân mình.”

“Tôi không nghĩ...”

“Tôi không định làm thế này,” bà ấy nói. “Cậu thật tốt bụng khi đến đây và có vài điều tôi muốn hỏi cậu. Cậu có thể kể cho tôi nghe sự thật.”

“Cứ hỏi tôi bất cứ điều gì bà muốn.”

“Chỉ là tôi chưa từng tới Rome thăm con bé. Tôi không biết cuộc sống của nó như thế nào.” Bà ấy vươn tay ra và siết chặt lấy tay tôi. “Lúc này, chỉ có một điều quan trọng. Có lẽ cậu có thể nói cho tôi biết. Cậu có nghĩ con bé có hạnh phúc không?”

Hôm đó, tôi về đến nhà sau khi trời đã tối. Đáng lẽ là sớm hơn nhưng Lydia Fletcher muốn làm gì đó cho tôi ăn mà tôi thì không muốn từ chối. Tôi cũng nghĩ để rượu scotch có thời gian tan dần đi là hành động khôn ngoan.

Bà ấy làm thịt xông khói, trứng cùng bánh kếp. Đồ ăn sáng cho buổi tối, bà ấy nói - điều Jana luôn thích hồi còn nhỏ. Trứng bác và bánh kếp việt quất. Lydia nấu nhiều hơn những gì chúng tôi cần và tôi cũng đã ăn nhiều hơn mọi khi. Khi bà ấy gói phần còn lại vào hộp nhựa bảo tôi mang về, tôi liền nhận lấy.

Tôi cũng mang một tấm ảnh theo mình - bức ảnh trong cuốn kỷ yếu Đại học của Jana. Lydia muốn tôi giữ nó và tôi đã cảm thấy rất vui mừng. Khi nhét nó vào trong ví, tôi nhận ra đó là tấm ảnh duy nhất của Jana mà tôi có. Tôi chưa từng chụp cho cô một tấm nào, bởi lúc ấy, mọi người không có điện thoại chụp ảnh.

Về đến nhà, tôi thấy Sophie đang nằm ngủ trên giường của chúng tôi. Tôi lên giường nằm cạnh cô ấy. Khi tôi thức dậy một lúc sau đó, cô ấy đã rời nhà. Lịch của thực tập. Vì không thể ngủ lại được, nên tôi đi vào bếp lấy một cốc nước. Cô ấy để lại cho tôi một mẫu giấy nhắn trên mặt bàn: *Nhớ anh. Hy vọng mọi chuyện đều ổn cả.*

Tôi mang cốc nước ra ban công đứng. Không khí buổi đêm thật mát mẻ và yên lành, trời đầy sao. Tôi nghĩ tới lời nhắn của Sophie: chỉ hai dòng mà biết bao ẩn ý: *Nhớ anh - bởi vì mặc dù đang sống cùng một nhà, chúng ta lại chẳng có kết nối. Chúng ta cứ liên tục không gặp mặt nhau.* Hoặc có thể là: *Hôm nay, anh không có nhà, nên em rất buồn. Em nhớ anh. Bởi vì em vẫn còn quan tâm đến anh. Anh có nhớ em không?*

Hy vọng mọi chuyện đều ổn cả - tang lễ của người phụ nữ mà anh đã ngủ cùng.

Hy vọng mọi chuyện đều ổn cả, nhưng giờ nó đã kết thúc rồi và chúng ta phải tiếp tục sống. Đúng không?

Một câu hỏi hay ho. Tôi uống chút nước và cân nhắc câu trả lời. Giờ là lúc phải quyết định: Tiếp tục ám ảnh về người phụ nữ mình không biết rõ và giờ đã ra đi rồi, hay giữ chặt lấy người đang cố ở bên mình, còn sống và đang hít thở, và thương nhớ mình? Một gã đàn ông thông minh sẽ làm như thế nào?

Tôi lấy di động ra gọi cho Roger Tolliver. Sau 4 hồi chuông ông ta bắt máy.

Tôi nói, “Cô ấy có hạnh phúc không?”

Tolliver hăng giọng. “Ai...?”

“Mẹ Jana đã hỏi tôi liệu cô ấy có hạnh phúc không,” tôi nói. “Tôi phải nói gì bây giờ?”

“Mấy giờ... Quá nửa đêm rồi đấy.”

“Tôi mới quen biết cô ấy được 10 ngày,” tôi nói. “Cô ấy có vẻ rất hạnh phúc. Nhưng làm sao tôi biết được?”

“David...”

“Và hạnh phúc nghĩa là như thế nào? Những người khác nhau lại có một kiểu hạnh phúc khác nhau. Những triết gia sẽ nói rằng anh chỉ hạnh phúc nếu sống một cuộc đời tốt đẹp và thiện lương.”

“Triết gia?”

“Triết gia Hy Lạp. Jana có sống một cuộc đời tốt đẹp không? Cô ấy cố gắng làm những điều đúng đắn, cố gắng giúp đỡ Gary Dean Pruett, vì cô ấy nghĩ rằng anh ta vô tội. Đó là đạo đức, phải không?”

Tolliver thở dài. “David, anh say à?”

“Không. Lúc tôi tỉnh táo chính là như thế này đây. Tôi cần biết nhiều hơn về cuộc sống của Jana. Nếu không...”

“Chờ chút,” Tolliver nói. “Anh cũng nói chuyện với mẹ Jana như thế này sao?”

“Như thế nào cơ?”

“Nói linh tinh về các triết gia Hy Lạp khi bà ấy chỉ hỏi anh một câu đơn giản?”

Tôi đứng dậy rồi bước tới chỗ lan can. “Không,” tôi nói. “Tôi đã làm những gì nên làm. Tôi đã bảo bà ấy Jana rất hạnh phúc.”

“Tốt.”

“Nhưng đó không phải một câu hỏi đơn giản. Đây mới là vấn đề. Tôi chỉ thấy được một góc nhỏ trong cuộc sống của Jana. Như thế là không đủ.”

“Không đủ cho điều gì chứ?”

“Không đủ. Tôi cần biết nhiều hơn nữa? Cô ấy đã nói chuyện với những ai?”

“Ý anh là gì?”

“Về Gary Pruett. Cô ấy đã nói chuyện với Poe Washburn. Còn ai khác nữa không?”

Một thoáng yên lặng từ bên kia đầu dây. Rồi Tolliver lên tiếng, “Tôi chắc rằng cô ấy đã nói chuyện với luật sư của Pruett. Và có lẽ cả gia đình anh ta. Tôi nghĩ anh ta còn có một người em trai.”

“Tôi muốn nói chuyện với họ,” tôi nói. “Ông có thể cho tôi biết tên họ không?”

“Có thể. Nhưng anh hy vọng biết được gì chứ?”

“Tôi muốn biết tại sao cô ấy chết.”

Im lặng lâu hơn. Tôi có thể nghe thấy Tolliver di chuyển, có lẽ là đang ngồi dậy trên giường. “Chỉ vì thế thôi sao?” ông ta hỏi tôi. “Anh nghĩ mình có thể tìm ra kẻ sát hại cô ấy?”

“Tôi muốn biết sự thật về Gary Pruett,” tôi nói. “Nếu cô ấy chết vì anh ta và nếu anh ta thực sự có tội, vậy thì cái chết của cô ấy là hoàn toàn vô nghĩa. Nếu anh ta vô tội, vậy thì phải có người bắt đầu hành động.”

Giọng Tolliver chợt trở nên nghiêm nghị. “Anh không thật sự quan tâm tới Pruett.”

“Tôi quan tâm đến Jana.”

“Nhưng giờ anh chẳng thể làm gì cho cô ấy nữa.”

Tôi ngược lên nhìn các vì sao. “Tôi có thể tìm ra liệu Pruett có vô tội hay không,” tôi nói. “Có lẽ sẽ giúp anh ta được xử lại. Đó là những gì cô ấy muốn.”

“Và anh nghĩ nó sẽ tạo nên sự khác biệt ư?” Tolliver nói. “Với cô ấy?”

“Với tôi thì có.”

Gary Dean Pruett từng là giáo viên dạy Đại số ở trường Trung học trước khi bị đi tù vì tội giết vợ.

Nếu tôi sống trong một khu khác, có lẽ anh ta đã trở thành một trong những giáo viên của tôi. Nhưng anh ta dạy ở trường Trung học East Rome, còn tôi thì học tại Học viện Rome Free ở trung tâm thành phố. Giáo viên Đại số của tôi chính là một người anh họ xa của bố tôi, một người đàn ông nhỏ bé kỳ lạ với mái tóc húi cua và cặp kính gọng sừng, giống như một nhà khoa học NASA từ chương trình Apollo. Bố tôi không bao giờ thích ông ta, nhưng nhìn chung thì ông cũng không thích giáo viên. Ông thấy họ thật xa cách. Họ thường có khuynh hướng chơi với những người trong ngành và kết hôn với đồng nghiệp. Và ông kết luận rằng họ nghĩ mình giỏi hơn những người khác.

Tôi không biết liệu Gary Pruett có xa cách hay không, nhưng theo một khía cạnh nào đấy, anh ta phù hợp với khuôn mẫu mà cha tôi đặt ra: Anh ta kết hôn với một giáo viên cùng trường. Cathy Pruett từng dạy Lịch sử và Địa lý trước khi qua đời.

Gary có một người em trai, một giáo viên khác dạy cùng trường Trung học. Neil Pruett. Anh ta dạy Hóa học và Vật lý. Tôi đi tìm anh ta vào ngày hôm sau, lúc khoảng 4 giờ 30 chiều, nhưng không gặp được anh ta mà gặp người vợ.

Cô ta khoảng gần 40, rất gầy gò với chiếc cổ dài, cằm và mũi đều nhọn. Cô ta có dáng đi mà cha tôi hẳn sẽ gọi là khinh khỉnh: Vai giữ vuông góc và điệu bộ cứng nhắc. Tôi chẳng mấy ngạc nhiên khi biết được nghề nghiệp của cô ta: Cô ta dạy tiếng Anh ở trường Trung học cơ sở.

Megan Pruett đã cảnh giác không cho tôi vào nhà. Cô ta bước ra hiên nói chuyện với tôi. Khi tôi đề cập đến Jana Fletcher, cô ta tỏ vẻ thông cảm.

“Những gì xảy đến với cô ấy đúng là một bi kịch,” cô ta nói. “Cô ấy còn quá trẻ. Dĩ nhiên, cô ấy từng đến đây nói chuyện về Gary và việc hẳn ta có được tòa xét xử công bằng hay không. Cô ấy còn nói về lời khai giả mạo.”

“Cô không tin điều đó sao?” tôi nói.

Megan Pruett lắc đầu. “Có lẽ tại tôi vốn thiên vị - Cathy là bạn tốt nhất của tôi. Nhưng đối với tôi, Gary thực sự có tội.”

Megan đã quen biết Cathy Pruett từ thời Đại học. “Trường SUNY [33] Albany,” cô ta nói. “Chúng tôi là bạn cùng phòng năm thứ nhất. Hồi đó, cậu ấy vẫn là Cathy Dorn và tôi là Megan Linney. Sau khi tốt nghiệp, chúng tôi cùng tìm được công việc giảng dạy đầu tiên ở Poughkeepsie. Sau đó, chúng tôi mới chuyển đến đây.”

Cathy Dorn đã gặp Gary Pruett ở trường Trung học East Rome, Họ đính hôn và cô ấy đã giới thiệu Megan cho Neil, em trai Gary.

“VẬY là 4 người rất thân thiết,” tôi nói.

Megan Pruett đứng bên lan can hiên nhà, nhìn ra phía con đường. “Cực kỳ thân thiết,” cô ta nói.

“Và cô nghĩ gì về mối quan hệ vợ chồng giữa Gary và Cathy? Có dấu hiệu báo động nào không? Anh ta có bao giờ vũ phu không?”

“Không,” Megan nói. “Cậu ấy sẽ kể cho tôi. Vấn đề với Gary kín đáo hơn nhiều. Hẳn ta là kẻ dối trá. Anh có biết về vụ ngoại tình của hẳn không?”

Cô ta không đợi câu trả lời mà háo hức muốn kể chi tiết cho tôi nghe.

“Sau khi kết hôn được vài năm, Cathy bắt đầu cảm thấy họ dần trở nên xa cách. Nhưng nếu cậu ấy cố gắng nói chuyện với hă, Gary sẽ nói mọi chuyện đều ổn. Hă cố gắng biến nó thành điều tích cực. Họ là hai con người khác nhau nên sẽ có những mối quan tâm của riêng mình. Nhưng đó thực sự chỉ là một vở diễn để hă có thể ra khỏi nhà. Họ dạy cùng một trường, vậy nên hă không thể lợi dụng những cái cớ thông thường. Hă không thể nói rằng mình phải ở lại làm việc muộn. Vì thế, hă đăng ký lớp học làm thơ và nhiếp ảnh vào buổi tối. Chỉ là cậu ấy chẳng bao giờ thấy thơ hay tranh ảnh gì mấy. Hoăc hă sẽ bảo mình đi xem phim một mình. Phim khoa học viễn tưởng và kinh dị, những thể loại cậu ấy không có hứng thú. Bất cứ việc gì cho hă cái cớ để ra ngoài buổi tối.

Cathy không ngạc. Cậu ấy nghĩ hă có chuyện gì đó đang xảy ra. Nhưng khi cậu ấy hỏi, hă lại bảo cậu ấy bị hoang tưởng. Cậu ấy đã kể chuyện đó cho tôi nghe vì chúng tôi tâm sự mọi chuyện với nhau. Và tôi đã quyết định đi theo dõi hă.”

Megan thôi không nhìn những chiếc xe đang đỗ trên đường nữa mà quay sang tôi. “Anh phải hiểu rằng chúng tôi giống như chị em vậy,” cô ta nói. “Chúng tôi từng trông chừng cho nhau hồi Đại học. Nếu tôi say xỉn tại một bữa tiệc, cậu ấy sẽ đảm bảo tôi về được đến nhà. Nếu cậu ấy nghĩ bạn trai đang lừa dối mình, tôi sẽ có trách nhiệm tìm hiểu xem có thật như vậy không. Chúng tôi luôn luôn hậu thuẫn cho nhau.

Khi tôi theo dõi Gary, rõ ràng là hă không đi xem phim, nếu không, đó hă là thể loại phim có thể xem trong một phòng nhà nghỉ rẻ tiền. Tôi ngồi đợi trong bãi đậu xe của nhà nghỉ sau khi hă vào trong. Tôi muốn xem ai sẽ tới gặp hă. Tôi đã sợ rằng đó có thể là một người quen của chúng tôi, một đồng nghiệp của Cathy ở trường Trung học. Nhưng ả đàn bà xuất hiện trông không quen chút nào.

Khi họ cùng nhau ra khỏi phòng, tôi mới nhìn được rõ cô ta. Và tôi nhận ra cô ta còn rất trẻ. Sau này, tôi biết được cô ta tên là Angela Reese. Cô ta mới tốt nghiệp Trung học mùa hè năm đó. Lúc đó, cô ta 18 tuổi, còn giờ đã 20.

“Tôi sợ phải kể cho Cathy nhưng tôi biết mình phải làm thế. Và khi cậu ấy đối chất với Gary, hắn đã phủ nhận. Hắn nói chắc tôi đã nhìn nhầm hắn với ai đó. Nhưng cuối cùng, hắn nhận ra rằng nói dối không có tác dụng. Cathy tin tôi hơn hắn. Vậy nên hắn đã thừa nhận, nhưng thề chuyện ấy chỉ xảy ra vài lần. Và đúng, cô gái kia chính là học sinh của hắn, nhưng hắn chưa từng chạm vào cô gái đó cho đến tận sau khi cô ta tốt nghiệp. Hắn không phải kẻ đồi bại.”

Megan Pruett cau mày nhớ lại. “Tôi đã bảo Cathy ly hôn hắn, nhưng cậu ấy xuất thân từ một gia đình tôn giáo và vốn luôn là cô con gái ngoan ngoãn. Cậu ấy hiếm khi uống thứ gì mạnh hơn rượu vang, không bao giờ hút thuốc hay thử dùng chất gây nghiện dù chỉ là một điếu cần sa - và đối với chuyện hôn nhân, cậu ấy cũng rất nghiêm túc. Cậu ấy muốn sửa chữa nó. Gary đồng tình. Hắn ta nói yêu cậu ấy và xin lỗi. Hắn đổ tất cả mọi chuyện là do khủng hoảng tuổi trung niên. Hắn đã có chút điên cuồng, nhưng giờ thì hết rồi. Hắn sẽ chứng minh cho cậu ấy thấy mình có thể trở thành một người đàn ông tốt hơn.”

Cô ta lại nhìn ra ngoài đường một lần nữa. “Chuyện đó kéo dài được vài tuần và hắn có vẻ thật sự đã thay đổi. Hắn đưa Cathy đi chơi, mua hoa tặng cậu ấy và để lại những mẫu giấy nhắn ngọt ngào. Rồi một đêm nọ, sau bữa tối, hắn nói muốn đi xem phim - như thế có được không? Như kiểu hắn đang xin phép cậu ấy. Cậu ấy bảo sẽ đi cùng, nhưng hắn ta nói muốn xem một bộ phim hành động bom tấn, đó không phải loại phim của Cathy nên cậu ấy sẽ chỉ thấy nhàm chán mà thôi. Đó cũng là lúc cậu ấy nhận ra chẳng có gì thay đổi cả.

Lúc đấy, tôi lại nhắc chuyện ly hôn. Tôi bảo Cathy, nếu ở trong hoàn cảnh của cậu ấy, tôi sẽ không phải đắn đo gì cả. Đó sẽ là quyết định dễ dàng nhất mà tôi từng đưa ra. Cậu ấy giận tôi. Cathy nói tôi không ở trong hoàn cảnh của cậu ấy. Và có lẽ cậu ấy cũng sẽ không lâm vào hoàn cảnh đó nếu tôi không theo dõi chồng cậu ấy và bắt quả tang hắn ngoại tình - điều mà cậu ấy chưa từng bảo tôi làm. Cậu ấy đột nhiên chỉ trích tôi, nhưng tôi không thể trách, vì cậu ấy đang tan nát cõi lòng.”

Megan Pruett đứng quay lưng lại phía con đường và lần đầu tiên điệu bộ cứng nhắc của cô ta lung lay. Cô ta thông vai xuống và dựa vào hàng rào chắn gỗ. “Tôi tưởng cuối cùng cậu ấy cũng sẽ ly hôn hẳn ta,” cô ta nói, “nhưng cậu ấy vẫn muốn nỗ lực thêm một lần cuối bằng cách tư vấn hôn nhân. Gary không thích thú mấy. Tôi biết họ đã cãi nhau về chuyện đó. Dù không biết chính xác điều gì xảy ra sau đó, nhưng chỉ vài ngày sau khi đề cập đến chuyện đi tư vấn, cậu ấy đã biến mất. Đó là vào khoảng cuối tháng Bảy và đến giữa tháng Tám, họ tìm thấy thi thể của cậu ấy”.

“Và cô chắc chắn rằng Gary chính là kẻ đã sát hại cô ấy?”

Megan nghiêng đầu sang một bên. “Cô ấy cũng hỏi tôi điều tương tự - bạn của anh, Jana Fletcher. Câu trả lời là đúng vậy. Tôi chắc chắn. Gary đã khẳng định Cathy cứ thế rời khỏi nhà một chiều nọ mà không nói với hẳn một lời. Nhưng khi cậu ấy không về nhà tối hôm đó, hoặc ngày kế tiếp, hẳn đã không đi trình báo việc cậu ấy mất tích. Hẳn đã không làm gì cả cho đến khi tôi gọi tới nhà của họ - vì không nghe được tin gì từ cậu ấy trong nhiều ngày.

“Khi cảnh sát đến nói chuyện, hẳn bảo mình cho rằng cậu ấy đã rời bỏ hẳn. Hẳn tưởng cậu ấy đang ở cùng với tôi và Neil. Nhưng nếu tin là như thế, tại sao hẳn ta không gọi chúng tôi cho chắc?”

“Nếu anh ta giết cô ấy,” tôi nói, “vậy động cơ là gì? Không ai giết vợ mình chỉ vì không muốn đi tư vấn”.

“Sẽ thế nếu như cô ấy đe dọa ly hôn,” Megan Pruett nói. “Một số đàn ông vẫn làm vậy. Tôi không cho rằng Gary giống như vậy nhưng tôi cũng chưa từng nghĩ hẳn lừa dối Cathy với một cô gái 18 tuổi.”

Nếu đây là động cơ, thì không đủ thuyết phục. Nhưng khi tôi định nói vậy, cô ta chen vào.

“Anh phải nhớ rằng Gary là một kẻ dối trá. Hẳn ta quả quyết rằng vụ ngoại tình với Angela Reese chỉ bắt đầu sau khi cô gái đã tốt nghiệp. Tôi không tin hẳn cho lắm. Tôi không chắc Cathy có tin không. Nếu chuyện ngoại tình bắt đầu sớm hơn, hẳn sẽ gặp rắc rối lớn. Ngủ với học sinh có thể

khiến hấn mất việc, dù cô gái ấy đã qua tuổi trưởng thành. Nếu Cathy đe dọa tố giác hấn thì sao? Tôi không nói Cathy đã làm vậy nhưng cũng rất có thể - trong phút bốc đồng khi họ cãi nhau. Và như thế có thể cũng đã đủ khiến Gary nổi giận.”

Nghe cũng hợp lý, tôi nghĩ. Nhưng đây vẫn chỉ là phỏng đoán.

“Việc không chắc chắn về động cơ gây án,” tôi nói, “có làm cô khó chịu không?”

Cô ta di ngón tay dọc theo hàng rào chắn. “Tôi cho là có, nếu Gary không đối xử với Cathy tệ đến thế. Nhưng thành thật mà nói, còn có thể như thế nào được chứ? Một kẻ lạ xuất hiện và giết chết cậu ấy sao?”

“Nhưng cô không mong là vụ kiện chống lại Gary sẽ có bằng chứng vững chắc hơn sao?” tôi hỏi. “Cô không thấy khó chịu khi nó chỉ dựa vào một lời thú tội có thể không có thật sao?”

Cô ta trả lời sau một thoáng suy tư. “Bạn của anh, Jana, cũng đã hỏi tôi như vậy. Điều đó rất quan trọng với cô ấy. Nhưng nếu không có lời thú tội kia thì sao? Nếu hóa ra Gary vô tội thì thế nào? Cathy sẽ không muốn hấn phải chịu đựng, đúng chứ? Và dĩ nhiên là đúng. Cậu ấy ghét cái cách hấn phản bội mình, nhưng sẽ không bao giờ muốn hấn phải ngồi tù vì chuyện mình không làm.”

Megan Pruett đứng thẳng người dậy. “Nhưng tất cả những điều đó chỉ mang tính giả thuyết. Hấn đã giết chết cậu ấy. Tôi đã theo dõi cả phiên tòa, từng ngày từng ngày một. Tôi tin thế - ngay cả lúc không có lời thú tội kia.”

Sau khi rời khỏi nhà Megan Pruett, tôi lái xe đi thêm một dặm nữa để tới nhà Cathy và Gary Pruett. Đó là một căn nhà hai tầng sơn màu lam nhạt, với chiều cao lớn hơn bề rộng. Nó có hai thảm cỏ trải dài hai bên và hàng rào ngăn cách với các căn nhà khác. Phía trước cũng có thảm cỏ, đầy bồ công anh.

Tôi tưởng nhìn thấy ngôi nhà sẽ giúp tôi hiểu thêm về đôi vợ chồng đã sống ở đây. Không hề. Nhưng tôi còn đến đây vì một lý do khác. Megan Pruett đã bảo tôi rằng chồng cô ta sống trong căn nhà này. Họ ly thân kể từ sau phiên tòa.

“Chỉ là quá khó khăn,” cô ta nói, “khi phải sống cùng nhau.”

Khi tôi bấm chuông nhà Neil Pruett, anh ta lên tiếng trả lời ngay lập tức. Anh ta đang mong đợi tôi vì người vợ đã gọi điện thông báo tôi sẽ đến. Anh ta cho tôi vào từ cửa sau và để tôi ngồi trong bếp. Nơi này trông có chút luộm thuộm - bát đĩa chất đống trong bồn rửa và vụn bánh mì rơi vãi khắp bàn bếp.

“Xin lỗi anh vì mớ lộn xộn này,” anh ta nói.

“Không đến nỗi nào.”

“Megan không nghĩ tôi có thể trụ được lâu khi sống một mình. Cô ấy nghĩ cuối cùng tôi cũng sẽ chết đói và quần áo tôi tả.”

Có lẽ sẽ đến lúc anh ta như vậy thật. Giờ vẫn chưa đến mức đó. Anh ta vẫn ăn mặc khá tử tế với áo sơ mi Oxford trắng, quần kaki và giày da - kiểu phục trang của giáo viên dạy Khoa học tại trường Trung học. Anh ta đã tháo bỏ chiếc cà vạt màu xanh hải quân kẻ sọc vàng. Tôi thấy nó đang vắt qua lưng một cái ghế. Anh ta khoảng 40 tuổi, mái tóc cắt ngắn màu vàng cát và gương mặt tròn, nhạt nhòa.

“Anh đã nói chuyện với cô ấy,” anh ta nói. “Ấn tượng của anh như thế nào?”

Tôi nhận ra anh ta đang ám chỉ vợ mình. “Cô ấy rất kiên quyết,” tôi nói. “Về Gary.”

Anh ta cười phá lên. “Kiên quyết. Đúng vậy. Đó là lý do tại sao cô ấy ở kia, còn tôi thì ở đây. Khi anh nghĩ anh trai mình vô tội mà vợ anh lại chắc chắn rằng anh ấy có tội, cuộc sống hôn nhân sẽ trở nên căng thẳng.”

Anh ta để chủ đề đó trôi vào quên lãng cùng một cái nhún vai và chúng tôi dành vài phút để nói chuyện về Jana. Pruett xác nhận cô cũng đã đến tìm mình, rồi nói rằng anh ta rất tiếc cho mất mát của tôi - Jana có vẻ là một cô gái trẻ tốt bụng - và hỏi xem cảnh sát có tiến triển gì không. Khi tôi bảo là mình biết được rất ít, anh ta chỉ ngồi yên lặng tiếp thu. Nhưng một lúc sau, anh ta lái câu chuyện sang vụ án của anh trai mình. Anh ta biết Jana đang làm việc cho nhóm Dự án Vô tội của Roger Tolliver và cho rằng tôi cũng vậy.

“Anh có tin tức gì cho tôi không?” anh ta hỏi.

Khi tôi bảo không, anh ta bình thản chấp nhận. Tôi không hề nhắc tới việc mình không phải luật sư hay thậm chí là một sinh viên Luật.

“Ừm, hãy còn sớm mà,” Neil nói. “Luật sư của Gary đã cảnh báo tôi đừng hy vọng. Cô ta khá bi quan về khả năng thắng được vụ kháng cáo.”

“Cô ta có tin Gary vô tội không?” tôi hỏi.

“Không biết được. Nếu cô ta không tin, tôi không nghĩ cô ta sẽ nói ra. Tôi cho rằng cô ta là kiểu người hám lợi. Cô ta đòi rất nhiều tiền.” Pruett tỏ ra cáu kỉnh. “Gary đã phải vay mượn từ tài khoản lương hưu của mình để thanh toán chi phí biện hộ. Anh ấy đã vay khoản thế chấp nhà thứ hai và giờ thì khoản nợ còn cao hơn giá trị ngôi nhà. Chúng tôi có thể để người ta tịch biên nó nhưng tôi đã quyết định duy trì việc trả nợ. Tôi cho rằng cuối cùng giá nhà cũng sẽ tăng, và trong khi chờ đợi, chúng tôi có thể cho người khác thuê. Nhưng tôi không bao giờ nghĩ rằng mình sẽ đến sống ở đây.”

Chúng tôi nói đôi chút về phiên tòa xét xử Gary. Tôi muốn biết anh ta nghĩ gì về Napoleon Washburn cũng như lời thú tội trong tù kia.

“Tôi thấy nó quá vô lý,” Pruett nói. “Ngay cả nếu Gary có tội thì tại sao anh ấy lại kể cho một kẻ xa lạ cơ chứ? Washburn là một tên tội phạm. Lão ta nói dối để được giảm án tù. Tôi đã cho rằng bồi thẩm đoàn sẽ nhìn thấu lão ta.”

“Vậy tại sao anh nghĩ họ lại không làm được như vậy?”

Neil Pruett đưa tay lên gãi một bên quả đầu màu vàng cát của mình. “Có lẽ vì Gary chưa bao giờ được ra xác nhận. Anh ấy chưa từng có cơ hội để phủ nhận lời thú tội đó. Luật sư đã thuyết phục anh ấy không lên bục nhân chứng.”

“Anh nghĩ đó là sai lầm sao?”

“Tôi không biết. Đó là chiến lược của họ và nó đáng lẽ phải hiệu quả. Có rất nhiều lỗ hổng trong công tác tố tụng của công tố viên. Họ không thể xác định được thời điểm Cathy tử vong. Chị ấy đã bị đâm, nhưng dù có cố gắng lục soát như thế nào, họ vẫn không thể tìm được bằng chứng chứng minh vụ án đã xảy ra trong ngôi nhà này hay tìm được con dao. Họ phát hiện ra thi thể của Cathy trên một cánh đồng và không thể nói chắc nó đã nằm đó bao lâu. Cũng không có bằng chứng chứng minh Gary đã vứt xác tại đó.”

Tôi nhớ ra một điều Tolliver đã nói.

“Họ tìm được những sợi tóc trong thùng xe của anh ta.”

“Đúng vậy,” Pruett nói. “Nhưng tóc có thể rơi ra từ chiếc chăn chị ấy đã dùng. Và nếu thi thể chị ấy từng được đặt trong thùng xe thì đáng lẽ họ phải tìm thấy vết máu chứ. Nhưng họ không tìm thấy gì cả. Luật sư của Gary nghĩ rằng cô ta có thể tận dụng những nghi ngờ có cơ sở đó, miễn là anh ấy không khai. Nếu khai ra, anh ấy có thể sẽ bị lật lại lời khai – về mọi thứ.”

“Như là ngoại tình,” tôi nói. “Angela Reese.”

“Đúng vậy. Nhà báo địa phương đã để ý đến chuyện này và tôi chắc ban bồi thẩm cũng biết. Nhưng nếu công tố viên có thể nhắc tới từng chi tiết trên tòa, Gary sẽ bị biến thành kẻ xấu xa.”

“Anh đã nghĩ gì khi phát hiện ra vụ ngoại tình?”

Neil Pruett nhếch môi vẻ chán nản. “Tôi nghĩ chuyện đó thật quá ngu ngốc,” anh ta nói, “và nó khiến Gary trở thành một người chồng tệ hại, thậm chí còn là một con người tồi tệ. Nhưng chuyện đó không khiến anh ấy trở thành kẻ sát nhân - dù vợ tôi có nói gì đi chăng nữa.” Anh ta chìa hai tay ra. “Cô ấy và tôi đã nói đi nói lại chuyện này. Tôi vẫn hy vọng cô ấy có thể sẽ đổi ý, hay ít nhất: cũng thừa nhận khả năng Gary vô tội.”

“Còn anh thì sao?” tôi nói. “Anh có sẵn sàng thừa nhận khả năng anh ta có tội không?”

“Tôi đã suy nghĩ tới chuyện ấy. Nhưng bộ trước quan điểm đó thật cảm động làm sao – nếu chỉ là để làm hòa với Megan.” Anh ta thở ra nhẹ nhàng. “Nếu anh ấy thực sự làm vậy, tôi không thể tin là anh ấy cố tình. Chắc chỉ là một sai lầm.”

“Anh nghĩ anh ta chỉ vô tình đâm Cathy thôi sao?”

“Tôi hoàn toàn không nghĩ Gary đâm chị ấy. Tôi chỉ đang nói có những chuyện xảy ra, đôi khi chỉ là trong khoảnh khắc, nhưng chúng ta lại chẳng thể vẫn hồi. Khi chúng tôi còn nhỏ...”

Anh ta đột nhiên ngừng lời, trông có vẻ lưỡng lự.

“Điều gì đã xảy ra khi các anh còn nhỏ?” tôi hỏi.

Anh ta cân nhắc và nhìn vào mắt tôi. Tôi không biết anh ta đã tìm thấy gì nhưng rồi anh ta quyết định kể cho tôi nghe câu chuyện đó.

“Một mùa hè nọ, khi ấy Gary 15 còn tôi mới 10 tuổi, anh ấy muốn có một cái cung tên đi săn. Cha mẹ chúng tôi không cho, vậy nên, anh ấy đã tiết kiệm tiền và mua một cái mà không nói cho họ biết. Cung tên của anh ấy làm bằng nhựa vì anh ấy không có đủ tiền để mua một cái tốt. Nhưng đó cũng không phải là một món đồ chơi. Mũi tên là đồ thật và có đầu làm bằng kim loại. Một chiều nọ, khi cha mẹ tôi vắng nhà, anh ấy lấy cung tên ra sân sau bắn thử.

Anh ấy bắn vào cây một lúc, nhưng khi chán, anh ấy chờ một con chim bồ câu xuất hiện vì chúng thường tìm đến ăn hạt của những cây hướng dương

mẹ tôi trông. Gary nhắm vào một con trong số chúng và tôi không nghĩ anh ấy nghĩ sẽ bắn trúng, nhưng mũi tên đã đâm xuyên qua một bên cánh vào trong cơ thể nó. Lúc ấy, tôi đang đứng nhìn và cả hai chúng tôi đều chết sững. Con chim nằm đó trên bãi cỏ với một bên cánh vẫn còn đập, nhưng một lúc sau thì nó ngừng hẳn.

Tôi biết Gary sẽ gặp rắc rối nếu cha mẹ tôi phát hiện ra chuyện đó. Họ sẽ rất tức giận. Mà tôi thì mới chỉ 10 tuổi, anh ấy lại là anh, nên dĩ nhiên tôi dọa sẽ mách cha mẹ. Lúc đó, anh ấy còn một mũi tên cuối cùng. Anh ấy lắp nó vào cung rồi nhắm về phía tôi, bảo tôi không được làm thế. Anh ấy không kéo quá căng dây cung, thực sự không định làm hại tôi nhưng ngón tay của anh ấy bị tuột ra và mũi tên bắn sượt qua cổ tôi.”

Neil Pruett chạm vào cổ áo sơ mi bên phải. “Chúng tôi đã chôn con chim đó rồi gom các mũi tên lại,” anh ta nói, “và Gary không bao giờ bắn cái cung đó nữa. Cả hai chúng tôi đều biết anh ấy có thể tiến gần tới cái việc không thể văn hời thế nào.”

Giọng anh ta hạ thấp gần như chỉ còn là tiếng thì thầm. “Tôi không tin anh ấy giết Cathy, nhưng nếu thật sự là vậy, chắc hẳn nó giống với câu chuyện kia. Có lẽ họ đã cãi nhau và chị ấy cảm thấy sợ Gary. Vì vậy, chị ấy đã cầm lấy một con dao để có được cảm giác an toàn. Có lẽ, anh ấy đã cố giăng nó khỏi tay Cathy. Họ vật lộn và rồi con dao tuột ra, giống như ngón tay anh ấy trên cái cung tên. Sau đó thì đã quá muộn. Tôi chỉ có thể nghĩ nó diễn ra theo cách đó thôi.”

Thứ Sáu, ngày 9 tháng 5, ba ngày sau cuộc chuyện trò với Neil Pruett, tôi lái xe 200 dặm tới thị trấn Dannemora để thăm anh trai anh ta, Gary, đang ở trong tù.

Trong khoảng thời gian giữa hai sự kiện ấy, có vài chuyện đã xảy ra.

Vào ngày thứ Tư, cảnh sát đã trục vớt được một tử thi ngoài khúc kênh đào Erie cũ. Nó đã được hai thiếu niên phát hiện ra khi đang trốn học đi chơi. Đài truyền hình địa phương đã đưa tin rầm rộ, cắt bỏ cả các bộ phim truyền hình dài tập và những chương trình mạn đàm.

Lúc tôi biết tin vào chiều muộn hôm ấy, họ đã nhận dạng được thi thể là một người phụ nữ tên Jolene Halliwell. Bản tin lúc 6 giờ có đăng lên một bức ảnh: một cô nàng dân chơi tóc vàng hoe với áo trễ cổ cùng một cốc đồ uống trong tay. Cô ta bị chụp đúng lúc đang cười và chỉ tay vào camera.

Một phóng viên đã tiến hành công tác thu thập thông tin và tìm được mẹ của cô gái, người đã đóng sầm cửa ngay trước mặt anh ta, cùng một số bạn bè của cô ta, những người rất sẵn lòng nói chuyện. Cả 3 người khoảng gần 30, đều có vẻ mờ ám. Hai người đàn ông có tóc tai bờm xờm và để râu dê, còn người phụ nữ thì xỏ khuyên trên lông mày. Họ nói với tay phóng viên rằng đã không gặp Jolene vài ngày rồi. Khi anh ta cố gắng hỏi, họ nghĩ chắc hẳn cô ta đã ghé qua tối thứ Ba tuần trước. “Để uống bia và rượu tequila,” một trong hai người đàn ông nói.

“Cô ấy đã ở lại bao lâu?” tay phóng viên hỏi.

“Cho đến sáng hôm sau,” người phụ nữ với lông mày xỏ khuyên nói. “Tôi nhớ là cô ấy đã tắm rửa trước khi rời đi. Dùng hết chỗ nước nóng.”

“Và như thế là...?”

“Đúng là chán đời,” người phụ nữ nói. “Lúc vào tắm, tôi đã suýt chết cồng.”

“Ý tôi là, chuyện đó là vào lúc mấy giờ,” tay phóng viên nói, “cô ấy rời đi khi nào?”

“Ồ. Có lẽ là buổi trưa?”

Tay phóng viên hỏi thêm vài câu nữa, như là liệu Jolene Halliwell có một mình đi dạo bên bờ kênh đào Erie không. “Cô ấy yêu thiên nhiên,” một gã đàn ông lên tiếng.

Tay phóng viên hỏi cô ta có tính cẩn thận không? Liệu có khả năng cô ta đi chơi với một người nào đó mình không biết rõ không? Ba người bạn trao đổi ánh nhìn với nhau. “Ồ, có chứ,” họ gần như đồng thanh.

Cuộc phỏng vấn diễn ra ngay trước một tòa chung cư và sau khi nó kết thúc, tay phóng viên đứng đó một mình thêm lát nữa cùng chiếc micro, tóm tắt lại mọi thứ. Chiếc camera hơi lùi lại một chút để lấy được khung cảnh rộng hơn. Và tôi nhận ra địa điểm đó: Reed Terrace, khu chung cư ngay phía bên kia đường ngôi nhà song lập của Jana.

Tôi cố ra được chỗ người ta tìm thấy thi thể của Jolene Halliwell ở đường Seifert ở rìa phía tây thành phố. Tôi đến được đó lúc chạng vạng, sau khi đoàn quay phim đã rời đi. Lực lượng cảnh sát vẫn tụ tập đông đảo ở đây và lập hàng rào chắn để ngăn những người hiếu kỳ. Họ kiểm tra thẻ căn cước và chỉ cho dân địa phương đi qua. Tôi đến được đủ gần để nhìn thấy những chiếc xe cảnh sát nối đuôi nhau bên vệ đường - nhưng không có dấu hiệu của chiếc Chevrolet của Frank Moretti - rồi một viên cảnh sát mặc đồng phục đến chặn xe tôi lại, bắt tôi phải quay đầu.

Tôi lái về phía đông bắc và rẽ vào con đường trước nhà Jana. Vài ánh đèn hiên lẻ loi rọi sáng những căn hộ trong khu Reed Terrace. Tôi trông thấy vài tay cảnh sát đang đi gõ cửa từng nhà, cố gắng dụ mọi người ra nói chuyện.

Rồi tôi tìm thấy chiếc Chevrolet màu đen của Moretti trong bãi đỗ rồi đậu xe ngay bên cạnh trước khi xuống xe và đi bộ dọc loanh quanh bên ngoài, tìm kiếm những vị trí có khoảng trống giữa những cái cây - những vị trí có tầm nhìn sang cửa trước nhà Jana phía bên kia đường. Và tôi đã tìm được không chỉ một vị trí.

Tôi quay trở lại xe tải và ngồi đợi. Frank Moretti bước ra từ một trong những căn hộ kia, gõ cửa nhà kế bên nhưng bị hắt hủi. Cánh cửa tiếp theo đã mở ra cho ông ta. Tôi nhìn ông ta giơ ra một bức ảnh rồi nhận được một cái lắc đầu. Cánh cửa lại đóng. Moretti xoay người và nhìn thấy chiếc xe của tôi. Ông ta chậm chậm tiến lại.

“Ông muốn nói với tôi rằng chuyện này không liên quan đến cái chết của Jana sao?” tôi nói và xuống xe.

Mắt ông ta nheo lại. “Tôi không muốn nói với anh điều gì cả.”

“Theo tin tức cho biết, Jolene Halliwell đã có mặt ở đây sáng thứ Tư tuần trước,” tôi nói. “Đó là ngày Jana bị sát hại. Ông còn nghĩ Simon Lanik đã giết chết Jana sau khi hai người họ tranh cãi về tiền thuê nhà nữa hay không?”

“Tôi không trả lời anh đâu.”

“Bởi vì như thế thật vô lý. Thời điểm ấy, Jolene đã rời khỏi nhà bạn cô ta tầm buổi trưa. Jana bị sát hại trong khoảng từ 6 đến 7 giờ tối - ông đã bảo tôi thế. Chẳng lẽ chúng ta phải tin rằng Jolene Halliwell quanh quẩn ở đây suốt thời gian đó?”

“Không có ‘chúng ta’ nào cả, anh Malone ạ.”

“Vậy giả thuyết là gì? Jolene thấy Lanik rời khỏi căn hộ của Jana và anh ta cũng nhìn thấy cô ta. Vậy là anh ta giết cô gái ấy vì cô ấy là nhân chứng? Rồi anh ta chở cô ta tới kênh đào và ném xác xuống đó?”

Moretti xoa xoa gáy một cách mệt mỏi. “Tôi cho rằng anh có giả thuyết hay hơn.”

Tôi khoanh tay lại và dựa người vào xe tải. “Đúng vậy. Hôm đó, có kẻ đã theo dõi căn hộ của Jana trên một chiếc ô tô đậu trong bãi đỗ này. Không phải Simon Lanik, mà là một kẻ khác. Đó cũng chính là kẻ đã theo dõi Jana từ trong rừng. Jolene Halliwell đã trông thấy hắn xuất hiện ở đây và hắn lo lắng cô ta sẽ nhớ ra mình. Vậy nên hắn đã giết cô ta.”

Moretti gật đầu hòa theo những gì tôi nói - một cái gật đầu tự động không chút đồng tình. Rồi ông ta giơ một tay ra khi tôi nói xong cứ như thể sợ tôi sẽ nói lại từ đầu.

“Tôi vẫn chưa biết chuyện gì đã xảy ra với Jolene Halliwell,” ông ta bảo tôi, “và cả anh cũng vậy. Công việc của tôi là khám phá ra điều này. Không phải của anh. Vậy sao anh không đi tiếp? Anh không thuộc về nơi này.”

Tôi quay trở về mái nhà nơi mình thuộc về, nhưng ngày hôm đó đã dành sẵn cho tôi thêm chút kịch tính. Sophie đã nấu bữa tối muộn cho cả hai, sau đó, đến tôi rửa bát. Cô ấy đóng đồ trên sofa vì sáng hôm sau phải làm vệ sinh tay trước khi phẫu thuật và cô ấy phải xem các ghi chú về quá trình này. Tôi giải quyết một số công việc trong văn phòng.

Đến khoảng 10 giờ 30, tôi ra ngoài, hâm nóng chút sữa trên bếp và làm sô cô la nóng. Tôi đưa một cốc cho Sophie và mang cốc của mình ra ban công, tận hưởng không khí buổi đêm mát lạnh dưới ánh trăng lưỡi liềm.

Vừa ngồi xuống thì tôi nghe thấy tiếng *tách* của một vật nhỏ đập vào kính cánh cửa trượt. Vài giây sau, nó lại vang lên lần nữa. Lần này, tôi nhìn thấy một hòn sỏi đập vào mặt kính rồi rơi xuống ban công.

Tôi bước tới chỗ lan can và nhìn thấy gã đứng bên dưới. Áo khoác trắng dài mặc bên ngoài sơ mi và cà vạt. Đó là Brad Gavin, tay bác sĩ phẫu thuật thực tập. Gã sở hữu một căn nhà và luôn chơi bi-a giỏi nhất. *Brad vô bao cao su.*

Gã say xỉn ném một hòn sỏi nữa lên. Tuy hiện giờ gã không cầm chai rượu nào, nhưng có lẽ cũng đã từng. Chắc chắn trong quá khứ mới đây của gã có tồn tại một chai rượu. Khi trông thấy tôi, gã vẫy tay xua tôi đi. Gã đang xem hòa nhạc và tôi chính là phần trình diễn mở màn mà gã không muốn thấy. Gã đang mong được xem phần chính.

“Sophie!” gã gọi, nghe giống một tiếng nói thầm phiên bản say xỉn.

“Sophie,” tôi ngoái lại gọi. Cô ấy nghe thấy tiếng tôi qua tấm chắn và bước ra ngoài.

“Brad,” cô ấy nói. “Trời ạ.”

“Sophie,” gã gọi to hơn. “Anh cần em.”

“Không. Anh không cần tôi đâu.”

Gã đưa tay chỉ lên cô ấy rồi lại chỉ vào mình. “Có điều gì đó ở đây,” gã nói.

“Không. Không hề.”

“Nó là thật, anh có thể cảm thấy nó. Chúng ta nợ chính mình điều đó...” Gã hơi vấp khi nói đến thứ mà họ nợ bản thân. Rồi gã bình tĩnh lại. “Chúng ta phải thử,” gã nói. “Chúng ta phải cố gắng vun đắp cho nó.”

“Không đâu,” Sophie nói. “Tôi đã bảo anh rồi.”

“Không công bằng,” gã nói. “Em đang trốn tránh anh.”

“Ừm, chuyện đó thì đúng,” Sophie khẽ khàng nói với tôi.

“Anh không chấp nhận,” Gavin nói. “Em quá quan trọng đối với anh.”

Gã đã chuẩn bị một bài diễn văn dài dằng dặc để trình bày việc cô ấy quan trọng đến thế nào. Tôi chẳng nghe được mấy. Tôi bước vào trong và cầm theo cốc sô cô la nóng. Sau đó, tôi đi giày trước khi ra khỏi cửa căn hộ, xuống cầu thang tới tầng trệt và bước qua cửa chính.

Brad Gavin đang đứng trên bãi cỏ cách đó vài mét. Gã cũng có thể trở thành nam chính phim tình cảm - một anh bác sĩ đẹp trai cao gần mét tám, đang trút nỗi lòng với Sophie trên ban công. Cô ấy nhìn tôi và tôi nghe thấy cô ấy nói, “Dave, dừng.” Chắc hẳn trông tôi dữ tợn lắm, dù tôi không nhận thức được điều đó. Khi Gavin nhìn thấy tôi, gã nói, “Có thật không đây?” Và rồi: “Sao? Chúng ta sẽ choảng nhau hả?”

Tôi uống một ngụm sô cô la nóng rồi nhẹ nhàng, thong thả bước về phía anh ta. Khoan thai hết như Frank Moretti.

Gavin bắt đầu cởi áo khoác. “Anh nghĩ tôi sợ anh hả?” gã nói. “Tôi học karate từ năm lên 8.”

Tuy tôi không học karate, nhưng tôi có lợi thế với gã. Tôi biết rằng chúng tôi sẽ đánh nhau và biết chúng tôi sẽ không bàn trước.

Khi đã tới đủ gần, tôi hất sô cô la nóng vào mặt gã.

Nó không nóng đến nỗi làm gã bị bỏng, nhưng đủ để khiến gã phải lo sợ. Gã đã rút hai tay khỏi áo khoác và giờ, gã dùng cả hai tay cầm cái áo đưa lên mắt một cách mù quáng theo bản năng.

Tôi vút chiếc cốc xuống đất và tiếp tục di chuyển, nắm lấy hai vai gã kéo về phía trước, rồi thúc đầu gối vào bụng gã. Gã rên rỉ và gập người về phía trước, tôi bước qua một bên và đẩy gã ngã xuống đất. Sau đó, tôi ngồi lên người gã, bẻ tay phải hằn ra phía sau.

“Để tôi hỏi anh điều này Brad,” tôi nói bằng một giọng trầm thấp. “Họ có để anh phẫu thuật với ngón cái bị gãy không?”

Gã cố nắm tay lại, nhưng tôi đã túm chặt lấy ngón cái của gã và thử bẻ cong nó một chút.

Cũng khá khen: gã không hét. Cũng không chửi rủa nhiều như mong đợi. Gã nói, “Đừng làm vậy. Làm ơn.”

Đúng lúc đó, Sophie xuống đến nơi. Tôi nghe thấy cô ấy nói, “Dave, để anh ta đứng dậy đi.”

Tôi nới lỏng ngón cái của gã, nhưng không để gã đứng dậy. “Gọi taxi cho anh ta,” tôi nói.

“Tôi không cần taxi,” gã nói. “Tôi có xe.”

Tôi vỗ vai gã một cách thân thiện. “Anh say quá không lái xe được đâu. Tôi không muốn chuyện gì xảy ra với anh hết.”

Sophie vẫn đứng đó, hai tay chống hông.

“Gọi taxi đi,” tôi bảo cô ấy, “rồi anh sẽ để anh ta đứng dậy.”

Tôi chắc trông rất bình tĩnh bởi vì cô ấy liền đi lên tầng gọi điện. Cô ấy không lo tôi sẽ làm hại gã. Trong khi cô ấy không có ở đây, tôi lại gây áp lực lên ngón cái của gã, rồi cúi xuống gần bên tai anh ta và mượn một câu nói của Moretti.

“Anh không thuộc về nơi này,” tôi nói. “Tôi không muốn nhìn thấy anh nữa. Nếu anh còn trở lại, tôi sẽ bẻ gãy không chỉ ngón cái mà còn tất cả ngón tay anh. Rồi xem sự nghiệp của anh sẽ ra sao. Có lẽ anh có thể cầm dao mổ bằng ngón chân. Thế nào?”

Gã không trả lời, cũng tốt. Chúng tôi im lặng trong 1, 2 phút cho tới khi Sophie quay lại. Sau đó, tôi đứng lên, nhặt cốc rồi đi vào.

Cô ấy ở đó với gã cho tới khi taxi đến và khi cô ấy quay trở vào căn hộ, tôi đang nằm dài trên ghế sofa, một tay buông thõng trên mặt sàn.

Cô ấy đứng cạnh tôi, đủ gần để chạm vào. Tiếng nhạc từ đĩa CD của John Coltrane cô ấy đang nghe lúc xem ghi chú vẫn vang lên.

Cô ấy nói, “Em đã yêu cầu anh ta tránh xa chỗ này rồi.”

“Anh cũng vậy.”

“Em không chắc mình cảm thấy gì,” cô ấy nói, “về chuyện vừa xảy ra.”

Nhưng tôi biết mình đang cảm thấy gì, đó là một cảm giác phiền muộn u ám và nguyên thủy - cảm giác của một người thương cổ khi một tay thương cổ khác cướp mất bạn tình của mình. Tôi nhìn Sophie với mái tóc được kẹp lên và đôi kính. Áo mỏng, quần lửng, chân trần. Chỉ có vài chiếc cúc ngăn giữa tôi và cơ thể trần của Sophie. Tôi muốn giành lại cô ấy.

Tôi nghĩ cô ấy cũng đang cảm thấy vậy nhưng không chắc. Tôi chỉ biết Sophie đang ở trong tầm với. Tôi vươn tay lần theo đường cong nơi bắp chân cô ấy. Tôi thấy bàn tay cô ấy đang chậm chậm di chuyển, vừa nhìn tôi, cô ấy vừa tháo cúc áo. Cô ấy mở từng chiếc cúc một, thật thông thả. Tôi không muốn phải chờ đợi.

Chiếc áo bị xé toạc ra. Và cả áo sơ mi của tôi cũng vậy. Rất nhiều thứ bị xé.

Lần đầu tiên mang đậm tính bản năng, nó diễn ra ngay trên sàn phòng khách. Bàn tay và đầu gối, nhanh chóng và dữ dội. Sau đó, nằm bò trên tấm thảm, mắt nhắm nghiền và hít thở thật sâu.

Rồi Sophie đứng dậy đi vào mở vòi nước xả đầy bồn tắm. Lần thứ hai ướt át và trơn tuột với hơi nước cùng bong bóng xà phòng, chân cô ấy quăn quanh cơ thể tôi, má cô ấy áp vào cần cổ tôi và những ngón tay cắm sâu vào lưng tôi.

Tiếp sau đó là khăn tắm và giường. Những tấm ga trải giường mát lạnh. Lần thứ ba suýt nữa đã không xảy ra. Tôi sắp chìm vào giấc ngủ thì bỗng cảm thấy làn da nơi bắp đùi cô ấy đang lướt nhẹ nhàng dọc theo bắp đùi mình. Bàn tay cô ấy thật dịu dàng. Sophie rất kiên nhẫn, còn tôi ngấm cô ấy bằng ánh sáng hắt từ phòng khác. Cô ấy ở phía trên tôi, không đeo kính, tóc buông xõa quanh mặt. Rồi một hơi thở gấp gáp đầy ngọt ngào khi cô ấy đưa tôi vào trong và khi cảm nhận được chuyển động của cô ấy tôi đầu hàng và nhắm mắt lại.

Cô ấy buông thả theo nhịp điệu của bản thân, nhanh và chậm, tiến rồi lùi. Tôi mở mắt để ngắm nhìn cô ấy, úp lòng bàn tay lên bụng cô ấy và bảo cô ấy đưa hai tay lên đỉnh đầu rồi uốn cong lưng lại.

“Đúng vậy đấy,” tôi lầm bầm.

Một gián đoạn nho nhỏ trong nhịp điệu của cô ấy, nhỏ hơn cả tiếng cạch của viên sỏi va vào mặt kính. Gần như không thể phát hiện được. Sau đó, cô ấy uốn cong lưng lần nữa rồi đưa tôi tới cao trào rồi cô ấy cũng vậy.

Nhưng cả hai chúng tôi đều biết. Những điều này không phải do cô ấy làm. Không phải Sophie.

Chúng tôi cùng nhau chìm vào giấc ngủ và hôm sau, tôi dậy muộn. Sophie đã đi mất cùng đồng quần áo cô ấy mặc đêm hôm trước. Quần áo của tôi vẫn còn vương vãi quanh phòng khách. Tôi bỏ mặc chúng ở đó, đi vào bếp và tìm thấy một mẫu giấy nhắn trên mặt bàn với chỉ một dòng duy nhất:

Có lẽ một trong hai chúng ta nên nghĩ tới chuyện chuyển ra ngoài.

Thứ Sáu, tôi lái xe về phía bắc để tới gặp Gary Pruett. Chuyển đi kéo dài 4 tiếng đồng hồ băng qua Adirondack - một miền quê xinh đẹp với rất nhiều sông hồ. Tôi rời đi từ sớm và đến khoảng 11 rưỡi, tôi đã tới đích: Trại cải huấn Clinton ở Dannemora, New York. Trên trục đường chính của thị trấn là san sát những doanh nghiệp phía nam: các nhà hàng, khách sạn và một bưu điện. Còn phía bắc là bức tường bằng bê tông xám xịt và cao hơn mét tám của trại giam.

Tôi tìm thấy trung tâm tiếp đón và đăng ký tên. Tôi đã sắp xếp cuộc gặp thông qua luật sư của Pruett. Tôi được đưa cho một tấm thẻ ép plastic và phải đi qua máy dò kim loại trước khi đến một căn phòng đông đúc với một chiếc bàn chạy dọc xuống giữa. Tôi ngồi xuống chiếc ghế đối diện với Gary Pruett và sau khi chúng tôi tự giới thiệu bản thân, anh ta nói, “Tôi thích kết thúc chuyện này nhanh chóng - vào câu hỏi chính đi.”

“Câu hỏi nào?” tôi hỏi.

“Liệu tôi sát hại vợ mình không. Câu trả lời là không.

Tôi gật đầu nhưng không nói gì cả.

“Tôi hy vọng anh tin tôi,” anh ta nói.

Tôi vẫn chưa có ý kiến gì, nhưng khi nhìn Gary Pruett, tôi thấy rõ một điều: Chính vẻ bề ngoài đã chống lại anh ta. Đôi mắt mang màu xanh lạnh đậm và lạnh lùng, mái tóc vàng đậm hơn màu tóc của em trai. Anh ta có hàm răng thẳng tắp, cằm chẻ. Anh ta có vóc người của một cựu vận động viên quyền anh - hạng trung, không phải hạng nặng. Và theo như tôi thấy, mặc dù đã bước vào độ tuổi ngoài 40, trông anh ta vẫn bảnh bao hơn những giáo viên dạy Toán Trung học khác. Những cô thiếu nữ 18 có lẽ luôn mơ màng nghĩ đến anh ta khi ngồi trong lớp học. Và cũng có thể thấy rõ rằng anh ta thích thú với điều đó. Nó hiển hiện ngay trên gương mặt, khóe miệng và cái cằm chẻ kia.

Anh ta trông giống một gã đàn ông có khả năng đã sát hại vợ mình.

“Tôi biết những lời này từ miệng một kẻ phạm tội là sáo rỗng,” Pruett nói, “nhưng tôi không thuộc về nơi này. Cô gái đó, Jana Fletcher - đã tin tôi. Luật sư của tôi bảo anh quen biết cô ấy.”

“Đúng vậy,” tôi nói. “Anh đã nói chuyện với Jana khi nào?”

Anh ta nhắm mắt để nhớ lại. Xung quanh chúng tôi đều có người đang nói chuyện, phạm nhân và người đến thăm, nhưng anh ta làm như mình đang có một mình.

“Giữa tháng Ba,” anh ta nói. “Cô ấy đã đến đây. Cô ấy chính là món quà Chúa ban tặng. Tôi rất tiếc vì cô ấy đã mất. Khi anh ở trong một nơi như thế này, món quà thực sự chính là có ai đó tin tưởng anh.”

“Cô ấy có nói chuyện với anh về Napoleon Washburn không?” tôi nói.

Pruett gật đầu. “Cô ấy đã cho tôi hy vọng - rằng cuối cùng lão ta cũng sẽ nói ra sự thật.”

“Anh có từng nghĩ tại sao lão ta lại nói dối trong phiên tòa của anh không?”

“Tôi đã nghĩ về tất cả mọi thứ. Từng giây phút một trong phiên xử và cả những gì đã xảy ra trước đây trong trại giam của hạt. Tôi đã nói chuyện với lão ta vài lần trong tù. Lão ta bị giam ngay phòng bên cạnh và tôi cũng từng gặp lão trong phòng giải trí hoặc dưới sân. Lần đầu tiên nói chuyện với tôi, lão ta đã hỏi tại sao tôi phải vào đây và tôi bảo rằng mình bị buộc tội giết vợ. Đó là lần duy nhất chúng tôi nói về chủ đề ấy. Lão ta cũng khơi chuyện vài lần nữa nhưng tôi không muốn thảo luận thêm gì cả. Ngẫm lại thì đáng lẽ ra tôi nên biết...”

“Lão ta đang cố moi thông tin từ anh,” tôi nói.

“Giờ điều đó có vẻ rất rõ ràng,” Pruett nói. “Ngay khi biết được tôi là ai, lão ta đã nhìn thấy tiềm năng. Nếu có thể khiến tôi thú tội, lão ta có thể có được thứ mình muốn - một án tù ngắn hơn cho chính lão. Khi tôi không trao cho lão lời thú tội, lão đã tự bại ra. Đó là cách giải thích đơn giản nhất, về cơ bản, tôi muốn coi nó như thế.”

“Về cơ bản?”

Pruett lưỡng lự, giật giật một sợi chỉ trên tay áo bộ đồng phục tù màu xám của mình. “Ở đây, dễ mà cả nghĩ thì quá dễ. Anh có thể tự khiến mình phát điên. Đôi khi, tôi tự hỏi có phải Washburn đã biết trước tôi là ai từ lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau không. Có phải có người cử lão ta đến nói chuyện với tôi không.”

“Ai cơ?”

“Tất nhiên là cảnh sát rồi.” Anh ta nhún vai. “Tôi biết nó nghe có vẻ hoang tưởng. Ngay cả đối với tôi. Nhưng nếu anh suy xét đủ lâu, nó lại rất hợp lý. Họ có một vụ án không đủ sức thuyết phục. Tại sao không thử củng cố nó bằng một lời thú tội cơ chứ?”

Tôi muốn gạt bỏ khả năng đó ngay lập tức nhưng rồi không thể làm thế. Pruettt đang quan sát tôi và chắc hẳn anh ta đã đọc được điều gì đó trên khuôn mặt tôi.

“Thấy chưa?” anh ta nói. “Anh mới chỉ suy nghĩ về nó có vài giây. Hãy thử làm thế cả một ngày trong phòng giam xem. Hoặc một tuần. Đó chỉ là một cách tôi tự hành hạ bản thân mà thôi.”

“Vẫn còn những cách khác sao?”

“Chắc chắn rồi. Còn có cách kinh khủng, cách hiển nhiên. Tôi không sát hại vợ mình. Vậy thì kẻ nào đã làm điều đó?”

“Và anh đã làm thế nào với câu hỏi ấy?”

“Tôi đã dành hơn một tuần để suy nghĩ về nó, thật đấy,” Gary Pruettt nói, trầm lặng và tiếc nuối trong chiếc áo tù xám màu, lòng bàn tay anh ta áp trên mặt bàn giữa chúng tôi. “Tôi đã có câu trả lời, nhưng nó sẽ chẳng mang lại lợi ích gì cho tôi. Hai câu trả lời. Đó là Luke và Eli Daw.”

Những cái tên ấy chẳng có nghĩa lý gì với tôi. “Họ là ai?” tôi nói.

Anh ta cọ một đốt ngón tay lên chiếc cằm chẻ và rướn người gần hơn về phía tôi. “Một cặp anh em họ,” anh ta nói, “từng là học sinh ở trường Trung học East Rome, mặc dù chúng giờ đã 20 tuổi rồi. Theo như tôi biết, cả hai

đứa nó đều không học lớp nào do Cathy dạy, nhưng chúng gặp cô ấy ở trường và biết rõ cô ấy là ai. Chúng là những kẻ chuyên bắt nạt và gây rối. Chúng luôn gây sự với những đứa trẻ yếu hơn và đã bị bắt phạt ở lại trường sau giờ tan học không ít lần.”

“Điều đó biến chúng thành kẻ giết người sao?”

“Còn những chuyện khác nữa. Chúng là những đứa trẻ kỳ lạ. Chúng được ông mình nuôi nấng ngoài vùng rừng xa xôi hẻo lánh và sống trong một toa xe moóc. Anh đã nghe kể những câu chuyện rồi đó - về cái cách họ giết chó đi lạc hay những chuyện đại loại như

thế. Và còn tệ hơn nữa. Có một sự cố đã xảy ra ở trường, trong phòng chứa nồi hơi dưới tầng hầm. Hai đứa đã bị bắt gặp ở dưới đó với một học sinh khác, một cô bé 15 tuổi mắc hội chứng Down. Không hề có bất kỳ cáo buộc nào, vì không ai rõ đã xảy ra chuyện gì.”

Anh ta dừng lại, chờ xem liệu tôi có đồng tình với anh ta không. “Còn gì nữa?” tôi hỏi.

“Hai chuyện nữa,” anh ta nói với tôi. “Thứ nhất, sau khi Cathy mất tích được 3 tuần, người ta mới phát hiện thi thể của cô ấy. Trong suốt thời gian đó, cảnh sát đã tổ chức các cuộc tìm kiếm. Họ tin rằng tôi đã giết cô ấy và như thế có nghĩa là tôi phải phi tang cái xác ở đâu đó. Họ kêu gọi những tình nguyện viên giúp tìm kiếm khắp công viên, các khu rừng và cánh đồng. Họ có giữ một danh sách các tình nguyện viên và luật sư của tôi đã tiếp cận được với nó. Luke và Eli Daw cũng có tên trong danh sách. Tôi không nghĩ chúng thuộc kiểu người thích tham gia các hoạt động tình nguyện.”

“Có ai từng chất vấn chúng chưa?” tôi hỏi. “Hiện giờ, chúng đang ở đâu?”

“Đó là chuyện thứ hai,” Gary Pruett nói. “Một vài tuần sau khi cảnh sát tìm thấy thi thể của Cathy, Eli Daw đã bị bắn chết trong toa xe moóc của chính mình bằng một khẩu súng lục 38 li thuộc sở hữu của Luke Daw. Cũng ngay trong đêm ấy, Luke đã biến mất và kể từ đó, không ai còn nhìn thấy cậu ta nữa.”

“Anh nghĩ cậu ta đã bắn em họ mình.”

Pruett không trả lời mà lại giật mạnh sợi chỉ bị tuột trên tay áo của mình một lần nữa. Sau đó, anh ta nói, “Ở đây chẳng có gì ngoài thời gian cả, thời gian để làm sáng tỏ mọi chuyện. Hai đứa trẻ đó vốn đã có tiếng tăm ở trường Trung học. Luke là đứa vượt trội hơn. Thông minh hơn, mạnh mẽ hơn. Eli chỉ là kẻ bám gót. Tôi gần như chắc chắn chúng đã giết chết Cathy. Có lẽ chúng đã mang cô ấy đi đâu đó trước, giống như cái cách chúng đưa cô bé kia đến phòng chứa nôi hơi. Có lẽ Eli không muốn giết cô ấy, nhưng Luke đã bắt nó cùng tham gia. Giả sử sau đó Eli bắt đầu có cảm giác tội lỗi và có lẽ Luke đã quyết định rằng mình không thể tin tưởng Eli giữ được miệng. Vậy nên cậu ta đã bắn chết Eli.”

Pruett mở rộng hai tay trên mặt bàn giữa chúng tôi - một lời mời tôi bình luận câu chuyện của anh ta. Tôi tưởng đôi mắt anh ta thật lạnh nhạt, nhưng giờ tôi nhận ra đó chỉ là ảo giác. Anh ta đang nhìn tôi chăm chú vì cần biết liệu tôi có tin tưởng anh ta không. Tôi nhớ lại những gì em dâu của anh ta, Megan Pruett, đã nói với tôi. *Anh phải nhớ Gary là một kẻ dối trá.*

Có thể anh ta đang nói dối, bịa ra những kẻ giết người nhằm đổ tội mưu sát vợ mình cho họ. Những kẻ sát nhân thuận tiện thay lại không có mặt.

Nhưng nêu như anh ta nói thật...

“Anh có nói chuyện này với Jana không?” tôi hỏi anh ta.

“Tất nhiên,” anh ta nói. “Đó là một trong những điều đầu tiên tôi nói với cô ấy.”

Tôi cân nhắc những ý tứ ngầm. Eli đã chết, nhưng Luke vẫn còn ở đâu đó ngoài kia. Và có kẻ đã giết chết Jana.

“Anh có nghĩ có lẽ cô ấy đã đi tìm Luke Daw không?” tôi nói.

Câu hỏi đó khiến Pruett ngồi ngả ra sau ghế. Trông anh ta có vẻ đang bối rối thực sự. “Việc đó rất nguy hiểm, phải không? Ngay cả khi cô ấy muốn làm thế... tôi không biết nữa. Anh định sẽ bắt đầu từ đâu?”

Tôi không biết, nhưng tôi thấy thắc mắc về Luke Daw và Jana hẳn cũng sẽ như vậy. Ngay cả nếu không đi tìm kiếm Luke, cô ấy sẽ vẫn muốn tìm

hiều nhiều hơn về cậu ta.

“Anh có biết kế hoạch của cô ấy là gì không?” tôi hỏi Pruett. “Sau khi tới thăm, anh có biết cô ấy định sẽ nói chuyện với ai tiếp theo không?”

Anh ta suy nghĩ một lúc. “Cô ấy hỏi tôi là có ai từng thực sự nghiêm túc nhìn nhận anh em nhà Daw là nghi phạm trong vụ mưu sát Cathy không nhưng tôi không rõ. Tôi bảo cô ấy nói chuyện với luật sư của tôi - và cảnh sát.”

Tôi biết cô ấy đã nói chuyện với luật sư của anh ta.

“Anh có biết liệu cô ấy đã từng nói chuyện với cảnh sát?” tôi hỏi Pruett.

“Tôi nghĩ là có. Tôi biết cô ấy định làm gì... cô ấy đã biết tên của thanh tra phụ trách.”

Anh ta thản nhiên nói ra điều đó, nhưng nó lại khiến tôi cau mày. Đó là điều mà đáng lẽ tôi nên thắc mắc từ trước đây. Không có gì thay đổi trong căn phòng cả, không thực sự, nhưng tôi bỗng có một cảm giác nhồn nhột, giống như ai đấy đang thọc lét sau gáy mình. Và những tiếng ồn ào xung quanh có vẻ như dần chìm vào yên lặng.

“Tên của thanh tra đó là gì?” tôi hỏi và biết chắc câu trả lời sẽ ra sao.

“Frank Moretti,” anh ta nói.

Đến khoảng đầu giờ chiều, tôi từ biệt Gary Pruett. Hôm đó đang là tuần thứ hai của tháng Năm, không khí vì thế trở nên khô lạnh trên vùng phía bắc này. Tôi dùng bữa trưa tại một nhà hàng Ý đối diện nhà tù và chọn một chiếc bàn có tầm nhìn sang bức tường cao xám xịt.

Hơn 6 giờ, tôi về tới Rome và gọi điện cho luật sư của Pruett - một người phụ nữ tên là Emily Beal - hỏi xem chúng tôi có thể cùng nhau đi uống chút gì đó khoảng 8 giờ được không. Sau khi chúng tôi đã nhất trí về địa điểm, tôi cúp máy và lái xe đến căn hộ của Jana Fletcher.

Tôi dùng chìa khóa để vào nhà. Cảnh sát đã xé bỏ giấy niêm phong dán trên cửa sau khi thu thập được tất cả bằng chứng mà họ cần. Vậy nên căn hộ hiện giờ là của tôi, ít nhất là trong một tháng nữa. Tôi đã thỏa thuận với Agnes Lanik.

Tôi đã tới gặp bà ấy vào sáng thứ Năm, không lâu sau khi đọc được mẫu giấy nhắn của Sophie. *Có lẽ một trong hai chúng ta nên nghĩ tới chuyện chuyển ra ngoài.* Tôi biết cô ấy đang ám chỉ đến ai. Agnes đã ra mở cửa ngay khi tôi gõ. Trông bà ấy có vẻ như miễn cưỡng gặp tôi. Tôi nói với bà ấy điều mình muốn và bà ấy chấp nhận. Tôi bảo tôi sẽ trả mức giá giống như Jana và bù đắp những khoản Jana còn thiếu. Bà ấy cau mày, như thể bị tôi xúc phạm. “Cô gái đó chẳng nợ gì tôi cả,” bà ấy nói.

Tôi tắm rửa thật kỹ để gạt sạch mấy tiếng đồng hồ đi đường. Sau đó, tôi đứng lau người trước tấm gương mờ hơi nước và nghĩ mình đã nghe thấy thứ gì đó chuyển động bên ngoài cửa phòng tắm. Tôi đi ra đó và chậm chậm mở cánh cửa trên những tấm bản lề han gỉ. Nhưng không thấy có ai trong phòng khách. Cũng chẳng có ai trong phòng ngủ hay nhà bếp. Chỉ có mỗi mình tôi, sự lo lắng và trí tưởng tượng của tôi mà thôi.

Tôi sợ rằng có lẽ mọi chuyện sẽ còn tồi tệ hơn và nghĩ mình sẽ không thể ngủ ở đây. Nhưng đêm đầu tiên lại cho tôi một cảm giác an tâm. Phòng ngủ có cảm giác giống như ở nhà. Agnes đã thuê người tới dọn dẹp căn hộ, nhưng đồ đạc của Jana vẫn được giữ nguyên vị trí.

Tôi cảm thấy thật kỳ lạ khi đi qua chỗ mình đã tìm thấy thi thể của Jana trong phòng khách, nhưng tôi nghĩ như thế là hợp lý. Chắc chắn đôi lúc tôi vẫn sẽ hoảng sợ, cho đến khi quen dần với việc ở đây một mình.

Vào lúc 8 giờ, tôi đỗ xe ở trung tâm thành phố và đi qua nửa dãy nhà đến một nhà hàng tên là The Savoy. Tôi nói cho bà chủ tên mình và bà ấy dẫn tôi đến một bàn nằm khuất trong một góc xa. Emily Beal đang ngồi đó với một mục trong tờ tạp chí *New York Times* gấp gọn thành hình chữ nhật đặt trên khăn trải bằng vải lanh màu trắng và chơi trò điền ô chữ.

Bà ta đứng dậy từ chỗ ngồi của mình để bắt tay tôi. Nghe giọng bà ta trên điện thoại, tôi đoán bà ta tầm 30, 40 tuổi, nhưng trông bà ta già hơn thế, ít nhất là 50 dựa vào các đường nếp nhăn trên khuôn mặt. Bà ta có mái tóc vàng nhạt đang phai dần sang trắng. Bà ta đáng uống một ly cappuccino và hỏi tôi có muốn gọi một tách không. Tôi nói là có.

“Anh nghĩ gì về Gary Pruett?” bà ta cất tiếng hỏi sau khi tôi đã yên vị.

“Thật khó nói. Còn phụ thuộc rất nhiều vào việc anh ta có nói sự thật hay không.”

“Lúc nào cũng vậy. Tôi cho rằng anh ta đã kể cho anh về giả thuyết của mình, về cặp anh em họ kia.”

Tôi gật đầu. “Luke và Eli Daw.”

“Những kẻ sát nhân thực sự,” Emily Beal nói. “Phiên bản về gã đàn ông chỉ có một cánh tay [34] của anh ta.”

“Bà không nghĩ chúng đã sát hại vợ anh ta sao?”

Bà ta nhấp một ngụm từ tách cappuccino của mình. “Tôi nghĩ anh sẽ gặp khó khăn khi tranh luận điều đó trước tòa,” bà ta nói. “Đấy tất nhiên là những gì Gary muốn tôi làm.”

“Nhưng bà đã không làm vậy.”

“Không có cách nào để kết nối chúng với tội ác kia. Chúng đã theo học tại trường Trung học nơi Cathy Pruett giảng dạy, nhưng điều đó không có ý nghĩa gì. Chúng đã tham gia tìm kiếm thi thể của cô ấy, nhưng rất nhiều

người khác cũng vậy. Nếu chúng là người *phát hiện* ra cái xác, thì có lẽ anh có thể lập luận được. Anh có thể cho rằng ngay từ đầu chúng đã biết vị trí của cô ấy, vì chính chúng đã đặt cô ấy ở đó. Nhưng chúng lại không tìm thấy cô ấy.”

“Vậy ai đã tìm thấy?”

“Một người phụ nữ tới từ Schenectady đang trên đường lái xe vào thành phố thăm gia đình. Cô ta mang theo con chó của mình và tấp vào vệ đường để cho nó ra ngoài - không thì nó sẽ tiểu bậy trong xe. Nó chạy vào một cánh đồng và bắt đầu sủa loạn lên, không chịu quay trở ra. Cô ta đi kéo nó về và thấy nó đang đứng bên thi thể của Cathy Pruett.”

Emily Beal để vài giây trôi qua. Sau đó, một nụ cười mệt mỏi nhếch lên trên khóe miệng bà ta. “Nếu có thể gán vụ án mạng cho người phụ nữ có con chó, thì tôi đã làm rồi. Nhưng cảnh sát đã kiểm tra thông tin của cô ta và cô ta chẳng có liên quan gì đến gia đình Pruett, cũng như không có tiền án tiền sự nào.”

“Cảnh sát đã bao giờ thẩm vấn Luke và Eli Daw về Cathy Pruett chưa?” tôi hỏi.

“Chưa. Gary chỉ bắt đầu nghi ngờ anh em nhà Daw sau khi Eli Daw chết. Anh ta đã chia sẻ những nghi vấn của mình với tôi và tôi đã nói với thanh tra phụ trách vụ án của Cathy...”

“Frank Moretti.”

“Đúng vậy. Moretti không thể nói chuyện với Luke Daw, vì Luke đã bỏ trốn ngay đêm Eli chết. Theo như tôi biết, họ vẫn đang tìm kiếm hắn ta. Đến lúc đó, thi thể Cathy đã được phát hiện và Gary bị buộc tội sát hại vợ mình. Vì vậy, tôi không mong đợi Moretti sẽ đổi ý và cố gắng chứng minh anh em nhà Daw đã sát hại cô ấy. Nhưng tôi cho rằng ông ta sẽ xem xét khả năng đó, điều mà bất kỳ một cảnh sát chính trực nào cũng sẽ làm.”

“Vậy ông ta có làm thế không?”

Emily Beal tìm kiếm câu trả lời trong cốc cà phê của mình. “Ai mà biết được? Vụ kiện chống lại Gary đã có tiến triển, đó chính là mấu chốt. Nhưng tôi không chắc mình đặt bao nhiêu niềm tin vào giả thuyết của Gary: rằng anh em nhà Daw đã sát hại Cathy và sau đó, Luke Daw đã giết chết Eli nhằm bịt đầu mối. Tôi đã tự mình kiểm tra một vài thứ. Cả hai anh em nhà Daw đều có tiền án tiền sự. Tàng trữ ma túy mức độ nhẹ. Điều đó có nghĩa là chúng có thể dính líu tới một tội ác nghiêm trọng hơn, nhưng công tố viên không chắc mình có thể khởi tố được, nên ông ta đã cho hãn một thỏa thuận điều đình [35].”

“Bà nghĩ rằng chúng buôn bán ma túy.”

“Đúng vậy. Và nếu chúng làm ăn với nhau - loại làm ăn đó - thì không cần phải tưởng tượng quá nhiều mới giải thích được lý do Luke Daw bắn chết em họ mình. Bọn tội phạm vẫn thanh toán lẫn nhau vì tiền suốt đấy. Anh không cần phải tìm kiếm những lý do khác.”

Bà ta uống một ngụm cappuccino. Đúng lúc đó, cô phục vụ mang cho tôi một tách và tôi cũng uống. Tôi cố quyết định xem chuyện nào có nhiều khả năng hơn: Eli Daw bị giết chết vì Cathy Pruett hay vì tiền buôn ma túy. Tôi không đưa ra được bất cứ kết luận nào.

“Hãy nói về Moretti,” tôi nói.

Emily Beal gật đầu. “Chắc chắn rồi.”

“Bà nói bà cho rằng ông ta sẽ hành động như một viên cảnh sát chính trực. Vậy ông ta có phải người như thế không?”

Bà ta đẩy cốc cà phê của mình sang một bên. “Theo những gì tôi biết thì đúng.”

“Bà có tin tưởng ông ta không?”

“Có chừng mực. Nhiều như tôi tin tưởng bất kỳ thanh tra nào.”

“Bà có tin rằng có thể ông ta đã cố khép tội Gary Pruett? Bà có tin ông ta đã lợi dụng Napoleon Washburn - khuyến khích lão ta bịa ra chuyện lời thú tội?”

“Tôi cũng nghĩ tới chuyện đó,” bà ta nói với một cái nhún vai. “Nhưng tôi gặp khó khăn trong việc tìm kiếm bất cứ luận điểm nào để củng cố quan điểm đó. Tôi đã tìm kiếm một khuôn mẫu từ các vụ án khác Moretti phụ trách dựa vào những nguồn tin trong tù. Nhưng tôi không phát hiện được gì cả.”

“Điều ấy chỉ cho thấy trước đó, ông ta chưa từng làm như thế,” tôi nói. “Có lẽ đây là lần đầu tiên.”

“Được rồi. Giả sử đó là thật. Vậy anh phải hỏi xem làm thế nào Moretti thuyết phục được Washburn giúp đỡ mình. Ông ta vào tù thăm lão sao?”

“Tại sao lại không chứ?” tôi nói.

“Chuyện đó chưa từng xảy ra. Nhà tù hạt giữ hồ sơ về khách khứa đến thăm. Không có ghi chép nào về việc Washburn được Moretti - hay bất kỳ viên cảnh sát nào khác - đến thăm cả. Tôi đã kiểm tra rồi.”

“Có lẽ ai đó đã thay đổi hồ sơ.”

Emily Beal giữ vẻ mặt trung lập. “Như thế này là anh đang sa vào thuyết âm mưu đấy,” bà ta nói. “Chúc may mắn. Nhưng nếu anh hỏi tôi, thì không có khả năng ấy đâu. Gary Pruett không đáng để phải âm mưu thế đâu.”

Tôi di ngón tay vòng tròn trên tấm khăn trải bàn. “Tôi có cảm giác bà không thích anh ta lắm.”

“Tôi cố gắng không nghĩ thế,” bà ta nói. “Khi bào chữa cho những người như anh ta, tốt nhất là không đánh giá họ. Anh không muốn tự hỏi mình liệu họ có xứng đáng được bào chữa hay không. Nhưng nói thật, không, tôi không thích anh ta. Chẳng cần biết anh ta có sát hại vợ mình hay không. Hãy nghĩ tới Angela Reese, cô gái anh ta có quan hệ tình ái. Cô bé ấy chỉ mới 18 tuổi. Anh ta lại là thầy giáo của cô bé. Anh có thể nói rằng chuyện đó không phạm pháp. Được thôi. Nhưng nó đã đi quá giới hạn. Tôi cũng có con gái bằng tuổi cô bé ấy. Tôi cầu Chúa cho con bé tránh xa những gã đàn ông giống như Gary Pruett.”

Vẻ mặt trung lập của bà ta đã biến mất và được thay thế bằng sự khinh miệt. Tôi chợt nhận ra rất nhiều người cũng sẽ có cảm giác như vậy về Pruett. Đặc biệt là các bậc cha mẹ.

“Frank Moretti có con gái không?” tôi hỏi.

Emily Beal với lấy cây bút bà ta đã sử dụng khi chơi trò ô chữ. “Tôi tin rằng ông ta đã có một đời vợ và một cậu con trai học Đại học đâu đó ở miền Nam. Nhưng không có con gái.” Rồi bà ta gõ bút vu vơ trên tờ báo của mình. “Anh không nên nghĩ nhiều về Moretti,” bà ta nói. “Danh tiếng của ông ta rất vững. Tôi đã tìm kiếm những hạt sạn trong lý lịch của ông ta nhưng không tìm thấy gì cả: không nghiện ma túy, không cờ bạc hay bạo lực. Điều tồi tệ nhất tôi nghe được là có lẽ ông ta quá thân thiết với những nạn nhân nhất định trong các vụ án.”

“Điều đó có nghĩa là gì? Những nạn nhân nào?”

“Những nạn nhân nữ, nhất là những người hấp dẫn,” bà ta nói. “Nếu một người đàn ông bị sát hại và bỏ lại một góa phụ xinh đẹp. Moretti có thể sẽ nhận trách nhiệm an ủi cô ta. Và tôi dùng từ “an ủi” ở đây giống y như cách anh đang nghĩ tôi sẽ dùng.”

“Tôi hiểu.”

“Vậy đó,” bà ta nói và vẫy vẫy bàn tay cầm chiếc bút của mình. “Thanh tra Moretti cũng có những khiếm khuyết, nhưng chúng dường như không dính líu gì đến việc ghép tội người khác hay mua chuộc khai man trước tòa.”

Đêm đó, tôi ngủ thiếp đi trên giường của Jana Fletcher với cửa sổ để mở và thức giấc trong cảm giác lạnh giá khi đồng hồ chỉ 3 giờ 58 phút. Những con số hiện lên màu xanh lá trong bóng tối.

Tôi đứng dậy đóng cửa sổ và nhớ ra tập hồ sơ màu xanh lá. Tập hồ sơ của Jana, những ghi chép của cô ấy về vụ Cathy Pruett. Tôi đi tới bàn làm việc của cô ấy và bật đèn lên. Rồi mở ngăn kéo và tìm thấy tập hồ sơ vẫn đang

nằm ngay chỗ tôi đã nhìn thấy nó lần trước. Nó đã từng có đầy giấy tờ nhưng giờ này lại trống không.

Tôi ngồi xuống và cầm bút chì viết lên giấy một danh sách các khả năng:

Moretti đã lấy những ghi chép của Jana vì ông ta nghĩ chúng có thể giúp tìm ra kẻ đã sát hại cô ấy. Hoặc Moretti lấy chúng đi nhằm che đậy những gì Jana biết.

Gary Pruett đã giết chết vợ mình, Cathy. Hoặc Luke và Eli Daw đã sát hại cô ấy. Hoặc một kẻ khác.

Napoleon Washburn đã nói thật về lời thú tội của Pruett. Hoặc lão ta đã bịa ra nó.

Việc bịa đặt kia chính là sáng kiến của lão ta. Hoặc Frank Moretti đã xúi giục lão ta làm thế.

Moretti biết Pruett vô tội. Hoặc biết rằng anh ta có tội. Hoặc ông ta không chắc chắn.

Moretti đã khéps tội cho một người vô tội. Hoặc ông ta đã khéps tội một kẻ có tội, để đảm bảo gã đó phải đi tù.

Ý định của Moretti là xấu xa. Hoặc tốt đẹp.

Có quá nhiều khả năng. Tôi thả bút chì xuống mặt bàn làm việc và thở thần bước ra chỗ lò sưởi. Mặt lò trông thật trống trải vì thiếu đi tấm ván gỗ mà Jana dùng làm giá cắm nến. Cảnh sát đã mang nó đi làm vật chứng. Không còn gì trên mặt lò sưởi ngoài cái bát bằng đất sét và đồng xu kia. Đồng 25 xu của Jana. Tôi nhặt nó lên, chạm ngón tay cái vào chỗ đã bị mài nhon trên cạnh đồng xu. Tôi chưa từng hỏi cô ấy tại sao nó bị như thế.

Lại thêm một điều nữa tôi không biết.

Tôi đặt trả đồng xu vào chiếc bát, rồi tắt đèn và quay lại giường ngủ.

Thứ Bảy, tôi có thể đi gặp Frank Moretti. Tôi có thể đối chất với ông ta bằng một lời cáo buộc điên rồ, chỉ để xem ông ta phản ứng thế nào. Nhưng

tôi lại đến thăm Angela Reese.

Cô ấy sống trong một căn hộ bên lề khuôn viên trường Đại học Bellamy, một căn hộ trên tầng ba đi thang bộ, cùng hai phụ nữ khác - một nơi có cá tính nếu cá tính có nghĩa là những căn phòng chật chội với trần thấp, vữa sơn lột sần bong tróc cùng đồ đạc từ những năm 1960.

Bạn cùng phòng của cô ấy đang theo học tại trường Bellamy, nhưng Angela không tin vào nền giáo dục chính quy. “Quá nhiều cấu trúc,” cô ấy nói với tôi. “Thỉnh thoảng, tôi có lên lớp nhưng những thứ như là bài tập và điểm số thì tôi không cần. Tôi không học theo cách đó.”

Cô ấy là một họa sĩ. Cô ấy chỉ cho tôi xem nơi làm việc của mình, gian phòng ngủ lớn nhất của căn hộ mà cũng chẳng nói lên được điều gì. Mặc dù vậy, căn phòng ánh sáng tuyệt vời từ hai ô cửa sổ nằm về hướng bắc. Cô ấy có một chiếc giường hẹp đã được gập lên tường và một giá vẽ đặt ở vị trí bắt ánh sáng.

Những mẫu vẽ của cô ấy để rải rác trong phòng, đó là những bức tranh sơn dầu nhỏ, có kích thước 11 x 14. Chúng được vẽ bằng sơn acrylic và có chung một khuôn mẫu: một đường màu đen chạy dọc xuống trung tâm với hai khối màu ở hai bên. Vàng và xanh. Đỏ và cam. Tím và xám.

“Chúng nói về tính hai mặt,” Angela nói với tôi.

“Tôi có thể thấy được điều đó,” tôi nói.

“Bởi vì tất cả chúng ta đều không chỉ là một thứ. Không ai chỉ có một màu.”

Cô ấy tiếp tục nói về tính hai mặt thêm một lúc nữa, về việc chúng ta bắt đầu là cái này và rồi biến thành cái kia và chúng ta mang trong mình những hạt giống đổi thay ra sao. Nó mang chút hơi hướng của phong trào New Age [36], không như những gì tôi mong đợi. Tôi đã tưởng mình sẽ thấy một người ít bình tĩnh hơn, một người bị tổn hại vì khoảng thời gian có quan hệ tình ái với Gary Pruett. Nhưng Angela Reese dường như vẫn còn nguyên.

Tôi có thể đoán được lý do tại sao Pruett lại theo đuổi cô ấy. Angela có một kiểu vẻ đẹp rất khỏe khoắn, làn da sáng màu và mái tóc nâu. Cô ấy nhắc tôi nhớ đến những cô gái đã cùng mình lớn lên.

Cô ấy sẽ không bao giờ trở thành người mẫu nhưng nếu gặp cô ấy trên đường, bạn sẽ không thể dời mắt.

Tôi không chắc chắn về tương lai sự nghiệp họa sĩ của cô ấy. Rốt cuộc, về cơ bản, cô ấy chỉ đang tô màu những hình chữ nhật. Có lẽ tôi đã để lộ vẻ hoài nghi trên gương mặt mình.

“Anh nghĩ rằng tất cả chúng đều giống nhau,” cô ấy nói.

“Không, không phải,” tôi nói.

“Không sao đâu. Mọi người đều nói vậy. Sandy và Ginny còn chế nhạo tôi nữa nhưng tôi chẳng bận tâm. Tôi đang làm những gì mình muốn và những bức tranh vẫn có người mua.”

“Thật sao?”

Cô ấy cười. “Đừng ngạc nhiên đến vậy chứ. Có một nơi bày bán chúng dưới trung tâm thành phố. Tôi không kiếm được nhiều, chỉ đủ sống thôi.” Rồi cô ấy tìm một tấm danh thiếp và đưa nó cho tôi: *Phòng tranh Woodmere*.

“Nhưng anh không đến đây vì những bức tranh,” cô ấy nói. “Anh muốn nói chuyện về Gary.”

Cô ta nói đúng nhưng chưa đủ. Tôi còn đến đây vì Jana đã từng tới đây - điều tôi vừa biết khi gọi điện hỏi liệu Angela có thể gặp mình không.

“Tôi đã tới gặp Gary ngày hôm qua tại Dannemora,” tôi nói “Cô đã bao giờ đến đó chưa?”

“Chưa. Tôi chia tay với anh ta rồi. Khi chúng tôi còn ở bên nhau, tôi ngây thơ nhưng không mù quáng. Khi anh ta bị bắt vì sát hại vợ mình, tôi nghĩ rằng thượng đế đang gửi cho mình một thông điệp. Đã đến lúc thử một điều gì đó khác.”

Cô ta dẫn tôi đến chỗ một bức tranh treo trên tường giữa hai ô cửa sổ. “Tất cả đều nằm ngay ở đó,” cô ta nói với tôi. “Tất cả những gì anh cần biết.” Bức tranh sơn dầu được vẽ bằng hai sắc độ của màu đỏ. Phía bên trái của đường màu đen là sắc đỏ trầm tĩnh và xám xịt, còn bên phải tươi thắm và rực rỡ.

“Nó đại diện cho Gary sao?” tôi nói.

“Nó đại diện cho cuộc sống của tôi với anh ta và cuộc sống của tôi sau này. Khi nó đã trở nên tốt đẹp hơn.”

“Nếu cô không thấy phiền, tôi có thể hỏi chuyện giữa hai người bắt đầu như thế nào?”

Angela nấn ná bên một khung cửa sổ, ánh nắng mặt trời buông rơi trên làn da trắng trẻo trên khuôn mặt. Những hạt bụi trắng lửng lơ trong ánh sáng.

“Hai người cứ như là một cặp song sinh,” cô ấy nói.

Một nhận xét lạ lùng. Nó cũng đang lửng lơ trong không khí cùng những hạt bụi kia.

“Ai? Tôi và Gary ư?”

“Chúa ơi, không phải,” cô ta bật cười và nói. “Anh và Jana, cô ấy cũng đã đứng ngay chỗ anh đang đứng và hỏi tôi điều tương tự, cũng tế nhị như vậy. Tựa như tôi có thể sẽ vụn vỡ nếu phải nói về một tuổi thơ khốn khổ, bị cha mình ngược đãi và làm thế nào tôi lại sa chân vào mối quan hệ với một gã đàn ông nhiều gấp đôi tuổi mình.”

“Tôi xin lỗi.”

“Chúa ơi, thoải mái đi. Chẳng có chuyện gì như thế xảy ra đâu. Cha tôi có uống rượu, nhưng ông ấy chưa bao giờ chạm vào tôi. Ông qua đời vì tai nạn ô tô khi tôi 12 tuổi. Tôi biết đó chắc chắn có liên quan tới việc tôi dính líu với Gary. Tìm kiếm hình bóng một người cha. Tôi không phải một đứa ngốc. Tôi đã từng đi gặp bác sĩ trị liệu. Nhưng chuyện của tôi với Gary không rung mình chút nào. Anh ta không bắt tôi phải thắt bím, mặc đồng

phục cổ vũ hay gì. Mọi chuyện bắt đầu hết sức bình thường, vào một ngày nọ, sau giờ tan học lúc trời đang đổ cơn mưa. Anh ta đã đề nghị chở tôi về nhà.”

“Vậy chuyện đó bắt đầu trước khi cô tốt nghiệp?”

“Gần hết năm cuối cấp. Nhưng nếu anh muốn chính xác hơn, thì quan hệ thân mật chỉ bắt đầu sau khi tôi tốt nghiệp. Gary muốn đợi. Tất nhiên, anh ta chỉ phải chờ có vài tuần. Nếu phải đợi lâu hơn, có lẽ anh ta không đạo đức được đến vậy.”

“Anh ta có bao giờ nói với cô về vợ mình không?” tôi hỏi.

“Anh ta nói hai người họ không hạnh phúc,” Angela nói. “Tôi đại loại cũng đã biết, nếu không thì anh ta định làm gì với tôi?”

“Anh ta không bao giờ nói đến chuyện bỏ vợ sao?”

“Không. Anh ta không đời nào vì tôi mà bỏ vợ. Chúng tôi biết mình không hề nghiêm túc, mà chỉ vui qua đường.” Rồi cô ấy rời khỏi ô cửa sổ và bước về phía giá vẽ đặt một bức tranh sơn dầu. Cô ấy đã vẽ một đường màu đen chạy dọc xuống giữa, nhưng phần còn lại vẫn để trắng.

“Tôi biết chuyện đó là sai trái,” cô ta nói. “Tôi nghĩ mình đã biết từ lúc ấy và Gary cũng thế. Khi Jana đến đây, cô ấy đã hỏi tôi anh ta có phải người tốt không. Tôi nói có. Cả tốt lẫn xấu. Chúng ta không chỉ là một thứ. Anh ta chưa bao giờ bắt tôi làm những điều tôi không muốn. Anh ta rất tốt với tôi. Anh ta khen tôi xinh đẹp và tài năng. Có lẽ anh ta chỉ làm thế để có thể có được những gì mình muốn ở tôi. Nhưng lúc đó, tôi không nghĩ như vậy và tới giờ cũng thế.”

Cô ta dịch chuyển bức sơn dầu đôi chút trên giá vẽ. “Và còn có một Gary khác nữa, một kẻ đã lừa gạt vợ mình và nói dối cô ấy. Đó cũng là sự thật mà tôi không thể phủ nhận.”

“Cô có nghĩ anh ta đã sát hại vợ mình không?” tôi hỏi.

“Tôi không biết. Buồn cười là tôi chưa từng nhắc đến chuyện đó với anh ta. Có một lần anh ta gửi cho tôi một bức thư ngắn thông qua luật sư của

mình. Trong đó viết rằng anh ta muốn tôi biết mình vô tội. Nhưng thật ra, anh ta còn nói điều gì khác được? Tôi không bao giờ hồi âm. Ban đầu, tôi đã thấy lo lắng. Tôi nghĩ bằng cách này hay cách khác, mình cũng cần phải biết. Nhưng Gary Pruett không phải vấn đề của tôi. Tôi có cuộc sống của riêng mình. Tôi không phải chịu trách nhiệm với anh ta dù anh ta có tội hay là không. Có lẽ điều đó nghe thật cay nghiệt.”

“Với tôi thì nghe có vẻ hợp lý.”

Cô ấy rời khỏi giá vẽ rồi đến ngồi dưới chân giường. “Còn anh? Anh có nghĩ anh ta vô tội không?”

Tôi ngồi lên bậu cửa sổ. “Đó là một câu hỏi lớn. Anh ta vẫn luôn khẳng định mình vô tội. Anh ta nghĩ mình biết ai là thủ phạm thực sự, nhưng tôi không thể quyết định được liệu mình có nên tin hay không. Anh ta nói rằng đó là hai anh em họ tên là Luke và Eli Daw.”

Tôi nhìn về mặt cô ta ấy sầm đi.

“Cô có biết họ không?” tôi hỏi.

“Tôi biết vừa đủ,” cô ta nói. “Chúng tôi cách nhau 2 năm thời Trung học. Họ là học sinh năm cuối, còn tôi học năm nhất.”

“Tôi biết họ có tiếng tăm ở trường. Chuyện gì đó liên quan tới một cô gái trong phòng chứa nôi hơi.”

Angela gật đầu. “Tôi đã nghe nói về chuyện đó. Và những chuyện khác nữa. Tôi nhớ mình đã từng được cảnh báo về họ - nhất là về Luke.”

“Cảnh báo?”

“Tôi được bảo phải tránh xa hắn. Luke thường thích đưa một cô gái đến trận bóng bầu dục tối thứ Sáu rồi cùng cô ta trốn xuống dưới khán đài. Và nếu cô gái chịu đi theo - ừm, hắn sẽ coi đó như là sự ưng thuận.”

“Nghe cũng hấp dẫn đấy.”

Cô ấy nhìn vào mắt tôi. “Tôi không bao giờ đi cùng hắn xuống dưới khán đài. Cảm ơn Chúa. Nhưng tôi học cùng lớp nghệ thuật với hắn ta.”

“Thật sao?”

“Và lạ là tôi thấy hần khá dễ thương. Hần rất thân thiện. Hần sẽ khen tác phẩm của tôi nếu thấy thích.”

Tôi nường mày. “Cậu ta có phải họa sĩ giỏi không?”

“Hần có thể vẽ, bằng chì hoặc than,” cô ấy nói. “Nhưng tôi chưa bao giờ bị ấn tượng bởi những bức vẽ của hần - tôi không nghĩ hần ta có khiếu cảm nhận màu sắc. Mặc dù vậy, tôi nhớ hần ta đã từng làm mô hình.”

“Mô hình gì?”

“Những tòa nhà, như đền Parthenon hoặc Monticello [37]. Hần làm bằng gỗ balsa và chúng thực sự rất chi tiết. Hần đã có thể trở thành kiến trúc sư. Hần từng thử làm đấu trường La Mã.”

“À.”

Đột nhiên, cô ta lắc đầu. “Không phải bằng gỗ balsa. Cái gì nhỉ? Hần đã làm bằng những que kem.”

Chuyển cảnh:
Tháng 6, năm 1996

Jana Fletcher lái chiếc Buick LeSabre của bà ngoại thẳng tiến về phía đông trên đường cao tốc New York. Cô đã treo một cây khử mùi ngay trên kính chiếu hậu, mà đáng ra có mùi như rừng thông, nhưng cô vẫn có thể nhận ra mùi của bà ngoại ẩn bên dưới: mùi thuốc lá nồng và mùi nước hoa bà già.

Tính đến thời điểm này, cô mới đi được chưa đến 20 dặm, nhưng cô đã cảm thấy tốt hơn nhiều và tràn đầy sức sống hơn. Cô rời khỏi Geneva lúc 9 giờ tối với vài trăm đô la cùng ba chiếc vali. Cô có một tấm bản đồ nhưng vẫn chưa nhìn tới và địa chỉ của một quán trọ cho thanh niên ở Brooklyn. Cô đoán chuyến đi sẽ mất 6 tiếng và cô sẽ tới đó vào khoảng 3 giờ sáng. Vậy nên, có lẽ đây không phải kế hoạch thông minh nhất, nhưng không sao. Giờ cô đang trên đường rồi.

Cô mở hé cửa sổ kế bên để không khí đêm lọt vào. Hít sâu một hơi. Cô vẫn có thể ngửi thấy mùi thuốc lá và nước hoa, nhưng không vấn đề gì. Có những thứ còn tồi tệ hơn nhiều. Cô đã dành cả năm trời đối mặt với mùi của bà ngoại, giúp bà tắm tã và đi vệ sinh. Và trong những tuần cuối cùng của cuộc đời, khi bà không còn dậy nổi khỏi giường cũng chẳng thể tự mình ăn uống, Jana đã làm tất cả mọi việc cho bà, tất cả mọi thứ có thể làm cho một người khác.

Vậy nên, cô có thể chịu được mùi thuốc lá và nước hoa kia.

Jana lái xe ra khỏi làn đường cao tốc vào trung tâm thương mại dịch vụ Port Byron vì chiếc LeSabre sắp hết xăng, còn cô thì cần một cốc cà phê. Khi vào đến bên trong, cô len lỏi qua một đám đông pha tạp đủ hạng người - từ những gia đình trẻ, dân đi mô tô trong những bộ đồ da, cho đến những ông bà già đã về hưu và một đám nhóc hướng đạo sinh - rồi đứng xếp hàng ở McDonald. Cô gái đứng sau quầy trông có vẻ ngái ngủ. Cô ta đưa cốc cà

phê cho Jana rồi lăm bắm giá tiền. Tất cả hết 1 đô 24 xu. Jana đã cầm sẵn một đô la, nên cô móc thêm 25 xu nữa từ trong túi, nhưng ngay trước khi thả nó vào lòng bàn tay của cô gái, cô liền giật tay lại. Thay vào đó, cô lục lọi trong ví tìm kiếm một tờ 1 đô nữa.

Đồng 25 xu đó là của mẹ cô. Jana chưa từng nói cho mẹ biết dự định của mình cho đến ngày hôm nay, dù cô đã bắt đầu nghĩ về nó kể từ sau đám tang của bà ngoại. Nhưng hôm nay thì cô đã chắc chắn: Cô sẽ không tới trường Luật Cornell vào mùa thu. Cô sẽ đến New York ngay bây giờ. Không chờ đợi thêm nữa. Cô muốn trở thành một diễn viên.

Những lời nói của mẹ đã dẫn Lydia Fletcher đi qua 5 giai đoạn của nỗi sầu muộn: Phủ nhận (*Đây chỉ là ý thích bất chợt. Đi được nửa đường, con sẽ quay lại thôi*). Giận dữ (*Con đang vứt bỏ tương lai của mình đấy*). Thương lượng (*Hãy thử học Cornell một năm. Nếu không thích, con có thể học cái khác*). Chán nản (*Mẹ bỏ cuộc rồi. Con chẳng bao giờ nghe mẹ cả*). Chấp nhận (*Được rồi. Nếu định đi, ít nhất hãy để mẹ giúp con. Mẹ sẽ cho con ít tiền*).

Giai đoạn cuối cùng không thực sự là chấp nhận, mà có lẽ chỉ là miễn cưỡng chấp nhận. Jana có thể lấy số tiền đó để làm mẹ vui lòng. Nhưng cô cũng đã quá tức giận, giận vì phải đóng vai một đứa con gái ngoan trong khoảng thời gian dài đến vậy.

Thế là cô từ chối. Nhưng ngay trước khi cô rời đi, mẹ đã nhét một đồng 25 xu vào tay cô.

“Nhớ gọi điện cho mẹ nhé,” Lydia Fletcher nói.

Một cử chỉ mang tính chất tượng trưng. Bởi bạn không thể gọi cho bất cứ ai với 25 xu, không phải gọi đường dài. Tuy nhiên, nó cũng chính là một lời đề nghị hòa giải và Jana nên nói cảm ơn. Nhưng thay vào đó, cô chỉ nhét nó vào túi áo khoác rồi lái xe đi.

Giờ cô chuyển nó sang túi sau quần bò để không vô ý tiêu mất. Cô mang cà phê ra bàn ngồi và lấy ra tấm bản đồ trong túi xách. Khung cảnh hỗn loạn bao trùm xung quanh cô: tiếng cười từ những gã lái mô tô râu ria xồm xoàm,

tiếng khóc của một đứa bé, rồi một cậu nhóc hướng đạo sinh đuổi theo một quả bóng cao su mà nó mua từ máy bán hàng tự động. Phía bên kia căn phòng, một chàng trai mặc áo phông màu cam đang lấy mặt bàn làm trống và gõ lên đó bằng một cặp dùi trống thật sự. Jana không biết giai điệu ấy, nhưng nghe nó có vẻ quen quen, giống như giai điệu ban nhạc điều hành vẫn chơi lúc giải lao giữa giờ. Một chàng trai khác mặc chiếc áo phông khác ngồi đối diện với anh chàng kia và lắc đầu giả bộ chê bai.

Jana trải rộng tấm bản đồ trên mặt bàn, vừa uống cà phê vừa cố tìm đường đi. Nếu đi theo đường cao tốc, thế nào cô cũng sẽ tới được thành phố New York, nhưng cô sẽ phải đi hết đường Albany trước. Rất tốn thời gian. Cô nghĩ mình có thể tới được đó nhanh hơn nhiều nếu rời khỏi đường cao tốc ở Syracuse và rẽ vào đường I-81. Sau đó thẳng tiến về phía nam tới Scranton, Pennsylvania, chuyển sang đường 380, rồi 80 và 280 – rất nhiều đường có con số 80 - và cô sẽ đến được New York.

Cô gấp bản đồ lại và nghe thấy một giọng nói cất lên, “Cô định đi đâu vậy?”

Cô nhìn lên và thấy tay chơi trống mặc áo phông màu cam. Anh ta mang khay thức ăn ra đổ vào thùng rác, bỏ lại đôi dùi trống. Anh ta gầy gò và cao ráo, mái tóc đen bù xù cùng nụ cười dễ dãi.

“Syracuse,” cô nói. “Rồi từ đó tới phía nam.”

“Chúng tôi cũng vậy,” anh chàng mặc áo phông màu cam nói. “Chúng tôi có buổi biểu diễn ở Binghamton vào tối mai. Tôi và anh bạn ngốc nghếch của tôi.”

Anh ta chỉ người bạn đồng hành của mình phía bên kia căn phòng, anh chàng đang cầm dùi trống và thử gõ một giai điệu nào đó trên mặt bàn, nghe như mưa đá rơi lộp độp trên mái nhà.

“Anh ở trong ban nhạc à?” Jana nói.

“Đúng vậy. Chúng tôi sẽ tụ họp với những người khác vào ngày mai. Nếu đến Binghamton, cô nên tới xem.”

“Cảm ơn, nhưng tôi sẽ không tới đó.”

“Sau đó, chúng tôi sẽ diễn ở Newark,” anh ta nói, lại với nụ cười dễ dãi. “Rồi một câu lạc bộ ở Boston vào cuối tuần tới. Hãy ghé qua nếu cô định đến bất cứ nơi nào trong số đó.”

Cô mỉm cười với anh ta. Anh ta thật dễ thương. Và Binghamton cũng nằm trên tuyến đường mà cô sẽ đi qua. Cô bắt đầu nghĩ ở lại đó một ngày cũng không sao. Tại sao lại không chứ?

Bên kia căn phòng, gã bạn ngốc nghếch đã ngừng đánh trống và giờ đang cố quay một chiếc dùi quanh ngón tay. Nhưng chiếc dùi văng đi.

Chàng trai mặc chiếc áo phông màu cam liền thở dài một cách cường điệu. “Cô không thể đánh giá cậu ta qua điều đó được,” anh ta nói. “Tôi thì cậu ta chơi bass hay không chịu nổi.”

“Ban nhạc đó tên gì?” Jana hỏi.

Mắt anh chàng mặc áo phông sáng lên. “Đoán thử xem.”

Cô chờ một giây rồi lên tiếng, “Anh bạn ngốc nghếch của tôi?”

Anh ta phá lên cười. “Cô đã ở đâu khi chúng tôi đặt tên?”

Chắc chắn cô có thể dành một ngày ở Binghamton.

“Vậy thực sự nó tên là gì?” cô nói.

“Những anh chàng da cam,” anh ta nói và chỉ vào áo mình.

Cô chun mũi.

“Tôi biết,” hắn ta nói. “Chúng tôi thật đặt tên ban nhạc chán lắm. Nhưng đừng để nó ngăn cô tới đây nhé.”

“Để xem đã,” cô nói.

“Tuyệt. Và bây giờ, tôi sẽ để cô yên. Bởi vì, cô biết đấy, tôi không muốn trở thành một gã kỳ lạ ở trạm nghỉ chân. Nhưng có điều gì đó ở cô khiến tôi muốn tự giới thiệu.”

Anh ta chìa tay ra.

“Tôi là Luke,” anh ta nói.

Eli Daw qua đời vào đêm ngày mùng 6 tháng 9 năm 1996.

Tờ *Rome Sentinel* đã cho đăng bài lên trang nhất, nhưng tài liệu lưu trữ của nó lại vẫn chưa được đăng trực tuyến. Thế là tôi dành một phần buổi chiều Chủ nhật trong tầng hầm thư viện công cộng tra cứu các số báo cũ trên vi phim.

Bài báo đầu tiên chứa đựng các thông tin cơ bản. Eli đã bị bắn một phát vào tim lúc khoảng 11 giờ 55 phút tối. Chuyện đó xảy ra ngay tại nhà y, một toa xe moóc trên đường Humaston. Không thu hồi được hung khí tại hiện trường. Những bài báo tiếp theo cho biết chiếc xe của Luke Daw đã được tìm thấy ngày hôm sau, bị bỏ lại trong bãi đậu xe của một hiệu thuốc gần trạm xe buýt tại trung tâm thành phố. Một khẩu súng đã được thu hồi từ một cống thoát nước mưa gần đó. Cảnh sát đang truy tìm Luke để tiến hành thẩm vấn.

Tờ *Sentinel* cho đăng ảnh cả hai anh em. Eli Daw trông giống một chàng ngốc đáng yêu, với đôi má hồng hào, mái tóc lượn sóng và đôi tai vểnh ra. Luke Daw thì lại khác. Bạn có thể phân cho hắn ta vai gã trai hư hỏng trong một phim truyền hình nhiều tập. Hắn ta có vẻ mặt khắc nghiệt cùng đôi mắt sắc.

Có hai điều từ bản tin đó đập ngay vào mắt tôi. Một trong hai chính là thứ mà tôi đã nghĩ tới: Thanh tra phụ trách vụ án là Frank Moretti. Điều còn lại khiến tôi ngạc nhiên: Eli Daw đã có vợ.

Tôi hỏi mượn người phụ nữ ở quầy lưu hành cuốn niên giám điện thoại và tìm thấy một số được đăng ký dưới tên Wendy Daw. Tôi lưu nó vào di động rồi bước ra bãi cỏ phía trước thư viện dưới ánh nắng mặt trời. Tôi để ngón tay cái do dự trên nút gọi trong khi nghĩ xem mình nên nói gì.

Tôi nghĩ người chồng quá cố của cô là một tên sát nhân. Và anh họ của y là Luke có lẽ vẫn đang lang thang giết người. Cô có thời gian nói chuyện không?

Tôi quyết định sẽ nói dối. Tôi bấm nút gọi và khi cô ta bắt máy, tôi nói, “Xin chào, tôi là David Malone. Hiện tôi đang viết một cuốn sách về những vụ án mạng chưa được phá và tôi muốn nói chuyện với cô về người chồng quá cố của cô.”

“Eli ư?” cô ta nói. “Tôi không nghĩ anh ấy viết được thành một cuốn sách.”

“À, anh ấy chỉ là một chương trong cuốn sách mà thôi. Liệu chúng ta có thể gặp nhau không? Tôi có thể đến chỗ cô.”

“Tôi không thể. Hôm nay là Chủ nhật và tôi đang nấu bữa tối.”

“Vậy ngày mai thì sao?”

“Ngày mai tôi còn phải làm việc.”

“Tôi có thể mời cô ăn trưa.”

“Tôi không nghĩ vậy đâu. Tôi rất tiếc.”

Tôi đang định đề nghị cô ta nghĩ lại thì nhận ra cô ta đã dập máy.

Tôi tìm số điện thoại của cô ta trong danh sách *Cuộc gọi gần đây* rồi lại bấm nút xanh và chờ chuông reo. 4 hồi chuông vang lên, rồi 5, 6. Không có tiếng máy trả lời. Cũng không có thư thoại. 7, 8, 9.

Tôi bấm nút đỏ để kết thúc cuộc gọi rồi tản bộ trên bãi cỏ thư viện. Một phút sau, tôi thử lại lần nữa. Tới hồi chuông thứ năm thì Wendy Daw nhấc máy.

“Anh dai thật đấy,” cô ta nói.

“Chuyện này rất quan trọng,” tôi nói với cô ta.

“Vấn đề là tôi không thấy nói về Eli có nghĩa lý gì.”

“Tôi hiểu việc đó có thể rất đau đớn...”

“Nó không đau đớn. Nó chỉ là một thứ tốt nhất nên để yên trong quá khứ. Tôi không nghĩ mình sẽ muốn được trích dẫn trong một cuốn sách nào đó.”

“Không sao,” tôi nói. “Chúng ta có thể nói ẩn danh.”

“Ăn danh?”

“Chỉ để phục vụ nghiên cứu thôi. Tôi sẽ không trích dẫn lời cô nói.”

“Tôi không biết nữa. Tôi nghĩ là không nên.”

“Chúng ta có thể không dẫn nguồn.”

“Điều đó có nghĩa là gì?”

“Nghĩa là một khi chúng ta nói chuyện xong, cô sẽ không bao giờ nghe tin tức gì từ tôi nữa. Nếu chúng ta lướt qua nhau trên phố, tôi sẽ giả vờ không biết cô.”

Cô ta cười. Không giống tiếng cười lắm, nhưng cũng gần giống.

“Được rồi,” cô ta nói. “Vậy ngày mai nhé.”

Tôi gặp Wendy Daw tại một quán cà phê ngoài trời nằm đối diện Trung tâm Kiểm tra Khu vực của Sở vụ thuế [38] trên đường Arsenal - đó là một tòa nhà xây bằng gạch xám màu, có rất ít cửa sổ và kiến trúc phổ thông. Một ngôi nhà phù hợp cho dân kế toán cả ngày ngồi xem xét những bản khai thuế. Wendy hiện đang làm thư ký ở đó.

“Anh sẽ không tin những gì diễn ra trong đó đâu,” cô ta nói với tôi. “Những công việc cực nhọc và buồn tẻ.”

“Tôi nghĩ mình có thể hình dung được,” tôi nói.

“Anh thực sự, thực sự không thể đâu.”

Cô ta gọi món salad cho bữa trưa và cho biết mình đang cố giảm cân. Cô ta nói với tôi rằng mình luôn bị thừa từ 4 đến 6 cân và nó luôn tích lại ở bụng. Cô ta có mái tóc mỏng khá đẹp, rẽ ngôi giữa và đôi má lấm tấm mụn. Cô ta ăn mặc rất chuyên nghiệp, váy và giày cao gót cùng áo khoác màu xanh hải quân. Cô ta hiện đã 24 tuổi, bằng tuổi với Eli Daw nếu lúc này y còn sống.

Tôi hỏi cô ta hai người họ gặp nhau như thế nào.

“Chúng tôi học cùng trường cấp 3,” cô ta nói, “nhưng anh ấy chưa từng nói một lời nào với tôi ở trường cả. Vài năm sau khi tốt nghiệp, tôi tình cờ gặp lại anh ấy trong một bữa tiệc ở trường Cao đẳng Cộng đồng Mohawk Valley. Lúc đó, tôi đang học lấy bằng cao đẳng, chuyên ngành Kinh doanh và Khoa học thông tin. Tuy không hữu ích lắm, nhưng nó sẽ giúp anh kiếm được một chân trả lời điện thoại cho Sở vụ thuế.”

“Eli có học ở đó không?”

“Không. Anh ấy chơi bass trong một ban nhạc, cùng với Luke và vài người khác. Hát lại các ca khúc. Anh ấy đã đến nói chuyện với tôi giữa các màn biểu diễn. 5 tháng sau đó, anh ấy đã ngỏ lời cầu hôn và tôi đồng ý. Tôi linh cảm tốt về anh ấy. Tôi nghĩ anh ấy sẽ làm nên điều gì đó.”

Cô ta thốt ra câu cuối cùng bằng giọng nói đều đều, không một chút mỉa mai. Khi tôi không đáp lời, cô ta nói, “Với một người đang viết sách thì anh đang quá lịch sự. Thế hoặc là anh chưa tìm hiểu được gì nhiều.”

“Đúng vậy,” tôi nói.

“Ừm, vậy thì ghi chép đi,” cô ta nói, chỉ vào cuốn sổ tay tôi mang theo nhằm ngẫu trang. “Eli Daw ăn mặc như một nông dân và lái một chiếc xe Van trắng cà tàng. Anh ấy chẳng làm nên cái gì cả. Lý do duy nhất anh ấy được tốt nghiệp Trung học là vì anh ấy liên tục đi học trong 4 năm và họ muốn đẩy anh ấy đi.”

“Tại sao cô đồng ý kết hôn với anh ta?”

“Tôi đã nhìn vào gương và tự hỏi bản thân sẽ nhận được bao nhiêu lời cầu hôn trong đời chứ.”

“Cô không nên khắc nghiệt với bản thân như vậy,” tôi nói.

Cô ta liền đảo mắt. “Giờ anh mới nói. Chúng tôi đã kết hôn vào mùa xuân năm 1995. Một năm rưỡi sau đó, anh ấy bị bắn chết. Trong khoảng thời gian ấy, chúng tôi sống trong toa xe moóc. Rồi tôi lấy được bằng và làm vài công việc tạm thời. Anh ấy thì tham gia ban nhạc.”

“Ban nhạc đó có kiếm ra tiền không?”

“Ban nhạc biểu diễn theo hợp đồng với một trăm đô la mỗi đêm chia cho bốn người. Và nó không trụ được lâu.”

Cô ta im lặng một lát và chọc chọc đĩa salad. Tôi cắn một miếng bánh sandwich mình đã gọi. Mặt trời đã ló ra khỏi đám mây.

“Tôi nghe nói có thể Eli và Luke có những cách kiếm tiền khác,” tôi nói. “Có lẽ là những cách thức phạm pháp.”

Wendy Daw mỉm cười. Giữa 2 chiếc răng cửa của cô ta có khoảng trống mà có lẽ sẽ rất quyến rũ nếu nó hẹp hơn một chút.

“Có phải anh muốn hỏi là họ có bán ma túy hay không?” cô ta nói.

“VẬY họ có hay không?”

“Chúng ta đang nói chuyện không trích dẫn?”

“Chính xác.”

“VẬY thì có. Chủ yếu là cần sa, nhưng còn những thứ khác nữa. Cô-ca-in. Ma túy dạng viên. Đá, nếu họ có thể kiếm được. Sự thật là, ban nhạc chủ yếu là một cái cớ để bán cần sa cho đám sinh viên Đại học. Cả giảng viên nữa, theo như những gì Eli nói.

“Giảng viên ư?”

“Anh nghĩ giảng viên của một trường Cao đẳng cộng đồng không hút cần sa ư? Làm sao họ có thể sống sót qua được một ngày chứ?”

“Cô có nghĩ đó là nguyên nhân khiến Eli bị giết không - buôn bán ma túy ấy?” tôi hỏi.

Cô ta di miếng salad xung quanh đĩa. “Tôi không biết.”

“Chuyện gì đã xảy ra đêm đó?”

Tôi chờ đợi câu trả lời. Cô ta nhìn chăm chăm vào khoảng không xa xăm và nhớ lại các chi tiết.

“Tôi đi ngủ từ sớm,” cô ta nói. “Eli ngồi uống bia và xem TV. Tôi tỉnh giấc khi nghe tiếng súng nổ. Chỉ là, khi anh bị một phát súng dừng dậy, anh lại không nhận ra đó chính là tiếng súng. Tôi ngồi dậy trên giường, biết rằng

có chuyện gì đó không ổn nhưng lại không rõ nó là gì. Tôi có thể nghe tiếng TV ở phòng khác. Rồi tôi gọi Eli và khi không thấy anh ấy trả lời. Tôi liền đứng dậy và đi ra đó. Thấy anh ấy máu me đầm đìa nằm trên sàn nhà. Cửa toa xe moóc thì mở toang. Tôi nghe thấy tiếng một chiếc xe đang phóng đi rất nhanh.”

“Nhưng cô không nhìn thấy chiếc xe đó?” tôi hỏi.

“Tôi đang nhìn Eli,” cô ta nói, “và cố gắng bịt cái lỗ trên ngực anh ấy lại”.

“Cô có nghĩ Luke là kẻ đã bắn anh ấy không?”

Cô ta nhún vai. “Đó là những gì cảnh sát nghĩ. Nếu đúng là hắn ta, tôi nghĩ hắn ta có chủ đích. Tôi nghĩ hắn đã bắn ngay khi anh ấy mở cửa ra.”

“Hai người họ có từng tranh cãi không?”

“Họ cùng lớn lên bên nhau và chỉ có mình người ông nuôi nấng họ. Họ tranh cãi suốt cả cuộc đời. Còn từng đánh nhau nữa – bầm dập, đổ máu, theo những gì tôi được nghe kể lại. Chúng ít dần đi khi họ trưởng thành hơn.”

“Chuyện gì đã xảy ra với cha mẹ họ?”

Tôi thấy cô ta lại đưa mắt nhìn xa xăm, như thể đang cố quyết định xem nên kể cho tôi những gì và kể như thế nào.

“Cha của họ chưa từng xuất hiện,” cô ta nói. “Hai người đàn ông đó chỉ là tình một đêm và không ở lại. Mẹ của họ - Holly và Maggie Daw - lúc đó, đều vẫn còn rất trẻ, chỉ mới 16 và 18 tuổi. Họ mang thai vào cùng một khoảng thời gian. Luke được sinh ra trước, Eli chào đời 2 tháng sau đó. Mẹ Eli - người 16 tuổi - đã qua đời trong ca sinh nở, vì vậy, mẹ Luke đã chăm sóc cho cả hai một thời gian. Nhưng khi họ đủ tuổi đi nhà trẻ, bà ấy đã bỏ đi. Thình thoảng, họ nhận được những tấm thiệp bà ấy gửi về vào Giáng sinh và sinh nhật, nhưng bà ấy không bao giờ trở lại. Kể từ đó, ông ngoại đã nhận trách nhiệm nuôi nấng họ.”

“Ông ấy là người như thế nào?” tôi hỏi.

“Tôi chưa bao giờ gặp ông ấy,” Wendy nói. “Eli gọi ông ấy là nông dân, nhưng công việc thực sự của ông ấy là quản lý trang trại cho một người khác

- một trang trại sữa trên đường Humaston. Luke và Eli làm việc cho ông ấy vào mỗi mùa hè, ngay sau khi họ đủ lớn. Và nếu họ phá phách, ông ngoại sẽ cho họ một trận - lôi họ ra sau kho dụng cụ, nhốt họ lại trong hầm chứa rau củ hay bất cứ hành động nào mà người ta làm tại vùng quê.”

“Ông ấy vẫn còn sống chứ?”

“Ông ấy đã qua đời cách đây vài năm, nhưng trước đó, ông ấy đã đẩy trang trại rơi vào tình trạng phá sản. Chủ trang trại đã không còn đủ khả năng chi trả tiền thuế. Tôi nghĩ giờ nhà nước sở hữu mảnh đất đó. Ông Daw đã mang các cháu trai mình rời khỏi trang trại đang dần sụp đổ và chuyển vào sống trong một toa xe moóc. Dù ông ấy không sở hữu mảnh đất nơi mình đỗ toa xe moóc, nhưng không ai thèm đuổi ông ấy đi chỗ khác. Ông ấy đã dành những tháng năm cuối đời chìm đắm trong rượu chè và nhận tiền trợ cấp an sinh xã hội.”

“Đó có phải là toa xe moóc, nơi cô và Eli từng sống không?”

Cô ta nhìn sang tôi cùng nụ cười yếu ớt. “Không. Luke đã giữ chiếc xe ấy. Eli có một chiếc khác, cách đó khoảng một dặm. Tôi đã bảo anh ấy rằng chúng tôi cần có một chỗ ở riêng nếu định kết hôn.” Nụ cười kia bỗng trở nên cay đắng. “Tôi không bán rẻ bản thân đâu.”

Lúc ấy, tôi cảm thấy thật tệ - vì đã lừa cô ta, gạt cô ta nói chuyện về những điều tốt nhất nên bỏ lại quá khứ. Nhưng tôi không dừng lại.

“Nếu muốn tìm Luke Daw,” tôi nói, “tôi sẽ phải làm thế nào?”

“Anh muốn gặp hẳn làm gì?”

Giờ tôi bị mắc kẹt với chính lời nói dối của mình. “Cho cuốn sách.”

“Hắn đang chạy trốn cảnh sát,” cô ta nói. “Anh nghĩ hẳn muốn nói chuyện với anh sao?”

“Cũng đáng thử. Có ai hẳn ta có thể nhờ giúp đỡ không? Liệu hẳn ta có cố liên lạc với mẹ mình hay không?”

“Tôi còn không biết bà ấy còn sống không nữa.”

“Vậy bạn bè thì sao - những thành viên khác trong ban nhạc chẳng hạn?”

Cô ta lắc đầu. “Một trong số họ đã chết vì sốc ma túy. Người kia thì chuyển đến sống ở miền tây. Luke cũng không thân thiết với ai cả.”

Cô ta ăn hết món salad rồi liếc nhìn tòa nhà xám xịt phía bên kia đường như thể đang nghĩ tới việc quay trở lại.

“Cô có nhớ một giáo viên tên là Cathy Pruett không?” tôi hỏi cô ta. “Cô ấy đã từng dạy ở trường Trung học của cô.”

“Chắc chắn rồi. Cô ấy đã qua đời - bị sát hại.”

“Luke hoặc Eli có bao giờ nói về cô ấy không?”

Tôi nhìn Wendy Daw nghiêng đầu về bối rối.

“Không. Tại sao họ lại làm vậy chứ?” cô ta nói.

“Tôi chỉ thắc mắc thôi, cô ấy bị sát hại trước Eli vài tuần.”

Chúng tôi ngồi im lặng khi nhân viên phục vụ mang hóa đơn đến rồi lại đi mất. Tôi có thể thấy Wendy đang suy nghĩ, ghép mọi thứ lại với nhau.

“Khoan... Anh nghĩ Luke đã giết chết cô ấy sao?”

Cả Luke và Eli, tôi nghĩ. Nhưng tôi không nói ra. Tôi không muốn nói xấu người chồng quá cố của cô ta.

“Tôi thắc mắc liệu có thể có mối liên quan nào đó,” tôi nói với cô ta. “Hai vụ án mạng chưa phá được trong cùng một thành phố vào cùng một thời điểm...”

“Nhưng vụ sát hại Cathy Pruett đã được giải quyết rồi mà. Chính chồng cô ấy đã làm chuyện đó.”

“Anh ta đã bị kết án,” tôi nói. “Nhưng một số người nghĩ rằng anh ta vô tội. Trong số đó có một cô gái mà tôi biết, Jana Fletcher. Tôi nghĩ có lẽ cô ấy tin rằng Luke đã giết Cathy Pruett. Jana có bao giờ thử liên lạc với cô không?”

“Không. Nhưng tên cô ấy nghe quen quen. Cô ấy cũng đã bị sát hại.”

“Đúng vậy.”

Wendy Daw nheo mắt nhìn tôi. “Thật ra anh không phải đang viết sách, đúng chứ?”

Tôi đành nói thật.

“Không. Tôi đang cố gắng tìm ra kẻ đã sát hại Jana.” Tôi rút ví từ trong túi quần và lấy ra bức ảnh của Jana mà mẹ cô ấy đã đưa cho tôi. “Jana đã nói chuyện với rất nhiều người về vụ Pruett,” tôi nói và chìa tấm ảnh cho Wendy Daw xem. “Cô có chắc cô ấy chưa bao giờ tìm cách nói chuyện với mình không?”

Tôi thật sự không nghĩ cô ta sẽ nhận ra bức ảnh và sau khi nhìn nó, cô ta nói, “Tôi chắc chắn mình chưa bao giờ gặp cô ấy.”

Có lẽ cô ta đã xem xét bức ảnh hơi quá lâu. Bây giờ, tôi cảm thấy thế mặc dù đó có thể chỉ là một chi tiết do tôi tự nghĩ ra. Nhưng lúc ấy, trông cô ta có vẻ khá tự nhiên.

Lát sau, cô ta cảm ơn tôi đã mời mình ăn trưa rồi băng qua đường, bước đi vững vàng trên đôi giày cao gót. Tôi nhìn cô ta biến mất vào bên trong tòa nhà bằng gạch xám xịt.

Và tôi chẳng hề nghi ngờ cô ta đang nói dối.

Chuyển cảnh:
Tháng 9, năm 1996

Jana Fletcher nghe thấy tiếng cú kêu - một điệp khúc dai dẳng trong đêm tối. *Huu, huu, huu.*

Cô bước dọc theo vệ đường dưới ánh sao lung linh. Không khí thật trong lành và mát mẻ. Con đường lượn một vòng cung mềm mại xuyên qua khu rừng và ngay trước mắt cô là một ô cửa sổ sáng đèn.

Cô nhìn lại con đường mình đã đi và hầu như không nhận ra nổi hình dạng chiếc xe mình đã bỏ lại.

Huu, huu, huu.

Cô lại quay đầu nhìn ô cửa sổ và mấy con hươu bỗng từ đâu xuất hiện.

Có tất cả 3 con - trong đó, một con lớn hơn hai con còn lại. Chúng nhảy vọt ra đường, tiếng móng guốc lạch cạch, con lớn nhất dẫn đầu. Jana nhìn chúng nhảy qua vạch phân cách về phía mình.

Con lớn nhất băng qua ngay trước mắt cô, chỉ cách độ một cánh tay. Con mắt đen của nó thu vào hình ảnh của cô khi nó đi qua, thông thả đi trên con đường và mất hút trong rừng.

Con hươu thứ hai đi theo sau nhưng không nhìn cô. Nó nhún mình và nhảy qua bụi cây. Chiếc đuôi trắng thoáng hiện ra rồi biến mất.

Con hươu thứ ba dừng lại.

Mấy chiếc móng guốc quay một góc 45 độ. Rồi im lặng. Ngay cả điệp khúc của đêm dường như cũng nhạt dần đi: *Huu huu*. Đôi mắt tỉnh táo của con hươu dán chặt lên người Jana. Từ cơ thể của nó tỏa ra một mùi đất ẩm ướt. Đôi tai màu nâu động đậy và lỗ mũi liên tục hít thở.

Jana chăm chú nhìn vào đôi mắt của con hươu và nhẹ tiến một bước về phía nó. Sinh vật kia cúi đầu xuống rồi lại ngẩng lên. Jana đưa tay ra chạm vào vai nó, cảm nhận sự căng thẳng và sau đó thả lỏng ra của nó.

“Thật đẹp,” cô thì thầm.

Cô cảm nhận lớp lông bên dưới những ngón tay và xòe rộng bàn tay. Con hươu lại cúi đầu xuống rồi quay đi. Bàn tay cô lướt dọc trên lưng nó khi nó di chuyển. Cô nhìn xuống con đường và thông thả đi vào rừng.

Jana tiến đến ô cửa sổ, nhưng không thể nhìn xuyên qua những tấm rèm cửa. Cô có thể nghe thấy những giọng nói nghèn nghẹn bên trong. Cô đứng chân trần trên thảm cỏ. Vài giọt mưa bắt đầu rơi.

Cô leo lên hai bậc thềm rồi gõ cửa và cảm thấy một giọt nước mưa rơi chạm lên má mình. Cô lại đưa tay gõ cửa, mạnh hơn. Rồi cô bắt đầu đếm, 1 2 3, đồng điệu với nhịp đập của trái tim. Khi đếm tới 20, cô đập mạnh cửa lần nữa. Đập cho đến khi bàn tay bắt đầu đau nhức.

Cánh cửa mở ra.

Gã đứng chặn hết ô cửa, chiếc quần bò mặc vội, không mặc áo sơ mi. Cô nhìn khuôn mặt y. Khó chịu. Sốc. Rồi hoài nghi.

Gã lắp bắp tên cô: “Jana.”

Cô gái ngốc, cô nghĩ. Mày thậm chí còn chưa sẵn sàng. Cô đưa tay ra sau lưng, rút ra khẩu súng giắt trong túi quần rồi bắn thẳng vào tim Eli Daw.

Ồn ào hơn cô tưởng. Tiếng súng nổ, tất nhiên, nghe như tiếng roi quất len lỏi qua bàn tay, cánh tay và toàn bộ cơ thể cô. Cộng thêm tiếng TV: nguồn gốc của những giọng nói nghèn nghẹn kia. Nhưng giờ chúng không còn như vậy nữa vì cánh cửa đang được mở toang.

Còn có cả tiếng la hét.

Không phải từ Eli Daw. Gã đã ngoan ngoãn ngã xuống và nằm trên sàn, máu chảy ra. Một con thú to xác với đôi mắt to, miệng mấp máy, nhả ra những từ vô nghĩa. Gã không hét.

Tiếng hét phát ra từ đằng sau cái xe moóc. Giọng của một người phụ nữ. “Chúa ơi! Eli! Ai đó? Chuyện gì xảy ra vậy?”

Cứ liên tục như vậy, chỉ có chút thay đổi. Jana bước qua người Eli Daw và đi tìm kiếm giọng nói kia, tay giữ nguyên khẩu súng trước mặt. Cô liếc nhìn TV. Cảnh hỏi cung trong một phim cảnh sát, tay thanh tra nóng tính đang chỉ trích nghi phạm. Jana tiến sâu vào bên trong toa xe moóc và bắt gặp một cánh cửa khép hờ.

Một căn phòng ngủ. Một người phụ nữ khóa thân.

Theo bản năng, Jana đưa tay che mặt - ít nhất là che miệng và mũi. Giống một tên cướp đeo khăn bịt mặt cướp xe ngựa trong một bộ phim cao bồi.

“Cô là ai?” người phụ nữ hét lên. “Cô đã làm gì?”

Chân cô ta đập vào đồng ga trái giường. Cánh tay kéo căng hai chiếc còng, khóa cô ta vào thanh sắt trên tấm ván đầu giường. Một con dao gấp để mở trên chiếc bàn ngay bên cạnh và một vết cắt nhỏ đang rỉ máu trên ngực trái người phụ nữ.

Jana đi đến chỗ chiếc giường, nắm lấy một góc ga trái giường bằng bàn tay đang cầm súng và kéo nó lên che chắn cơ thể người phụ nữ.

Việc đó khiến cô ta la hét nhiều hơn. “Cô đang làm gì vậy?”

“Suyt,” Jana nói rồi chỉ vào cái còng bằng khẩu súng. “Cô có biết chìa khóa ở đâu không?”

“Cô là ai?”

Jana nhét khẩu súng vào túi quần và tìm thấy chìa khóa trong ngăn kéo chiếc bàn cạnh giường. Cô giơ nó lên và nói, “Tôi sẽ mở khóa cho cô. Tôi có thể đưa cô đi khỏi đây nếu cô muốn. Tôi có ô tô.”

Cô nói nhẹ nhàng và xem ra nó có tác dụng. Người phụ nữ đã bình tĩnh hơn.

“Chuyện gì đã xảy ra với Eli?” người phụ nữ hỏi. “Có phải anh ấy chết rồi không?”

“Tôi hy vọng là vậy,” Jana nói với cô ta.

“Chúa ơi. Chúa ơi.”

Jana tra chìa khóa vào cái còng gần nhất, nghe nó kêu đánh tách rồi bật mở. Một cái đã xong, còn một cái nữa.

“Không sao đâu,” cô nói. “Tôi có thể thả cô xuống đâu đó. Tất cả những gì tôi muốn cô làm là hãy quên tôi đi. Không có chuyện gì xảy ra ở đây hết. Cô chưa bao giờ nhìn thấy tôi.”

“Không có chuyện gì xảy ra ư?” người phụ nữ nói. “Không có chuyện gì xảy ra ư? Cô đã bắn Eli.”

Jana gật đầu. “Đó là phần tôi đang đề nghị cô quên đi.”

“Nhưng anh ấy là chồng tôi.”

Không la hét mà chỉ là tiếng than khe khẽ. Nhưng đối với Jana, nó còn chói tai hơn cả tiếng hét.

“Gã đã còng cô lại,” cô nói.

Người phụ nữ liền cup mắt xuống. “Đó là sở thích của anh ấy.”

“Gã đã rạch dao lên người cô,” Jana nói và chỉ vào bên ngực trái người phụ nữ, nơi máu nhỏ lổm đổm lên ga giường.

“Anh ấy không cố ý. Đôi khi, anh ấy đi quá xa.”

Jana nắm chìa khóa trong tay. Cô cảm thấy mạch mình đập khi máu chảy qua tay. Tay trái cô vẫn đang che lấy mặt và cô vẫn còn khẩu súng giắt trong túi quần. Trong tích tắc, cô thật sự muốn rút nó ra.

Cô thả chiếc chìa khóa còng tay xuống giường. “Đề nghị của tôi vẫn còn hiệu lực, nếu cô muốn rời khỏi đây.”

Ngón tay người phụ nữ lần tìm được chiếc chìa khóa, nhưng mắt vẫn đang nhìn thẳng vào mắt Jana.

“Tôi nên ở lại đây,” cô ta nói.

Jana quay người và bước ra cửa. Cô đứng đó để nhìn vào cơ thể của Eli Daw. Y không hề nhúc nhích.

“Đi đi,” người phụ nữ nói. “Tôi chưa bao giờ gặp cô.”

Chiều thứ Hai, tôi lái xe tới đường Humaston và tìm kiếm toa xe moóc đã từng thuộc sở hữu của Wendy và Eli Daw, nhưng chỉ thấy một mảnh đất trống trơn um tùm cỏ cao cùng sỏi đá. Ai đó đã biến nó thành nơi vứt bỏ một chiếc bếp điện cũ, hiện đang nằm nghiêng trên cỏ. Cách đó không xa là một hòm thư gỉ sét với phần cột gỗ chống ngược lên trời. Bên trên vẫn còn tên. Gần hết: D W.

Cách đó một dặm, tôi tìm thấy toa xe moóc của Luke Daw, nơi hắn đã từng sống cùng Eli và ông ngoại cho đến khi ông ấy qua đời, còn Eli thì chuyển ra ngoài. Cánh cửa mở toang, gắn với cái xe bằng đúng một cái bản lề. Tôi bước lên bậc thềm và khi vào đến bên trong không khí có cảm giác âm ẩm và ngọt ngào. Tôi đã cầm theo chiếc đèn pin trong xe tải và soi đèn vào các góc tối tăm. Chỗ này đã bị lục tung, không còn nội thất hay đồ đạc.

Có người đã từng nhóm lửa trong cái bồn rửa bằng thép nằm trên sàn bếp. Có mấy que kem cháy đen trong bồn. Có lẽ là tàn tích từ một trong những mô hình của Luke Daw.

Quần áo vứt vương vãi trên sàn nhà, bát đĩa vỡ tan. Những hộp ngũ cốc, vỏ lon súp trống rỗng. Một lọ thuốc nhựa trống không.

Theo nhãn dán trên lọ thì nó từng được dùng đựng thuốc Ambien [39]. Đơn thuốc được kê cho Luke.

Tôi nhét chiếc lọ vào túi quần rồi tiến về phía sau toa xe moóc. Ở đó có một phòng tắm nhỏ hôi thối với thứ gì đó chạy nhốn nháo bên trong. Tôi đóng cửa lại rồi đi tiếp.

Tại một trong hai phòng ngủ, tôi tìm thấy một mô hình khác: bức tường đồ vỡ của đền Parthenon. Sau đó, trong một ngăn tủ, là một khối lập phương rỗng nhỏ làm từ những que kem, không hiểu sao lại còn nguyên.

Phòng ngủ có một cửa sổ nhỏ xíu, kính đã vỡ từ lâu. Tôi nghe thấy tiếng đập cánh rồi một con chim màu đen đến đậu bên khung cửa sổ. Một con quạ. Tôi với nó nhìn nhau chăm chăm một lúc. Tôi bỏ cuộc trước.

Tôi rời khỏi toa xe moóc và mang theo khối gỗ làm kỷ niệm. Tôi đặt nó trong xe tải rồi lội ra khoảng sân sau um tùm cỏ dại của Luke Daw. Cây bông tai, hoa bướm, cà rốt dại. Một lối mòn chạy qua một rừng cây bạch dương, dẫn tới một đồng cỏ rộng lớn - đồng cỏ của trang trại bò sữa đã bị phá sản mà ông ngoại Daw từng quản lý. Nằm phía bắc con đường mòn là một cái ao rộng như sân bóng bầu dục với cỏ xanh đóng trên mặt nước. Xa xa dọc bờ ao là một bụi cỏ hương bồ đang đong đưa theo gió.

Con đường mòn dừng lại ở phía tây ao nước và mặt đất bắt đầu dốc lên cao dẫn tới một chuồng gia súc dài màu đỏ. Các cửa chuồng được đặt ở hai đầu đều đang mở toang, một lối đi rộng rãi chạy ngay chính giữa trung tâm với những ngăn chuồng gia súc dọc hai bên.

Tôi men theo lối đi dưới bầu trời chiều rực sáng, vì hầu hết mái chuồng đều đã không còn. Ngoài khung cột trụ và xà dầm ra thì chẳng còn lại gì. Tôi có thể nhìn thấy những đồng đồ nát gồm gỗ, giấy lợp mái và ván ốp lẫn lộn trong vài ngăn chuồng.

Căn nhà trong trang trại trông còn tồi tệ hơn cả chuồng gia súc. Nó đã từng là một căn nhà hình vuông, một tầng có móng bằng đá tảng. Góc đông bắc vẫn còn đứng vững. Nó tạo thành một điểm cao hơn, trong khi phần còn lại của ngôi nhà dốc dần xuống thành một dòng thác ngói và gỗ mục.

Tôi tự hỏi Cathy Pruett đã đến nơi này bao giờ chưa. Tôi nhớ lại điều chồng cô ấy đã nói ở Dannemora - Gary Dean Pruett cho rằng anh em nhà Daw đã sát hại vợ mình. *Có lẽ chúng đã mang cô ấy đi đâu đó trước*, anh ta nói. Cảnh sát đã phát hiện ra thi thể của cô ấy trên một cánh đồng phía bên kia thị trấn, nhưng họ không bao giờ tìm ra hiện trường cô ấy bị sát hại. Có lẽ nào anh em nhà Daw đã mang cô ấy tới đây?

Tôi đi vòng quanh căn nhà, nhưng không hề nhìn thấy bất cứ bãi đất nào trông giống chỗ giết người. Tôi len qua một đồng rác: lon sữa cũ, dây thép gai, xe đạp rỉ sét, chai lọ vỡ, một chiếc xe cút kít và bể bơi cho trẻ con làm bằng chất dẻo đầy tràn nước mưa cùng lá ướn.

Gần góc tây nam của ngôi nhà là một nhà kho để dụng cụ, cửa cài then nhưng không khóa. Tôi mở cửa nhìn vào bên trong. Không có gì ngoài đồng đinh và vít dùng cho đồ gỗ nằm rải rác trên mặt sàn.

Tôi vòng lại mặt trước ngôi nhà lần nữa và nhìn thấy một thứ mình đã không để ý trước đó: Một bánh xe bò cũ kĩ bị chôn nửa vùi trong đất. Bây giờ, tôi mới để ý đến nó vì có một con quạ đang đậu trên vành bánh xe, giống y như cái con tôi đã trông thấy trong toa xe moóc. Có lẽ vẫn là con chim đó. Nó dang cánh rồi lại gập vào và nhìn tôi chăm chăm khi tôi đi ngang qua.

Tôi lại men theo lối mòn trở về với một cảm giác kỳ lạ rằng con quạ kia vẫn đang dõi theo mình. Tôi nghĩ nếu quay đầu nhìn lại, tôi sẽ có thể trông thấy nó đang theo sau. Tôi kiên định đi tiếp cho đến khi ra tới hồ rồi quay lại nhìn. Con quạ không đi theo tôi, nhưng vành bánh xe bò giờ đây đã trống trơn.

Rùng rợn thật.

Tôi tiếp tục bước đi và đó là khi tôi nghe thấy tiếng động cơ của một chiếc xe hơi cùng một âm thanh khác nữa, có lẽ là tiếng lốp xe lăn bánh trên mặt đường trải sỏi, vọng đến từ hướng toa xe moóc. Tôi vội rảo bước theo lối mòn, cái ao nằm bên trái. Những cây bạch dương đã chắn mất tầm nhìn của tôi tới chỗ toa xe moóc. Khi cuối cùng tôi cũng sang tới bên kia rừng cây, không có chiếc xe nào, ngoài xe tải của mình và toa xe moóc kia. Tôi tiến lại gần xe tải, nghĩ sẽ có hư hại gì đó - cửa sổ vỡ hoặc lốp xe thủng. Một lời cảnh báo. Nhưng mọi thứ đều trông rất ổn. Tôi kiểm tra buồng lái và nghĩ rằng khối gỗ của Luke Daw sẽ biến mất. Nhưng nó vẫn còn đó, trên chỗ ghế ngồi tôi đã bỏ nó lại.

Những con quạ và những vị khách bí ẩn, tôi nghĩ. Mà đang khiến chính bản thân mình bị mất tự chủ đó.

Có lẽ ai đó đã tấp vào đây để quay đầu xe. Không còn gì khác cả.

Thật kinh suất.

K đặt chân lên bàn đạp ga, cảm thấy chiếc xe đi chậm lại và quan sát kim đồng hồ hạ dần xuống con số 45. Không nên để bị phạt. Hắn kiểm tra kính chiếu hậu tìm kiếm chiếc xe tải của David Malone. Chẳng thấy gì ngoài con đường vắng tanh.

Đúng là một hành động ngu xuẩn khi chạy xe ngang qua toa xe moóc. Không có lý do gì để làm như thế cả. Tại sao hắn làm vậy? Để được trải nghiệm cảm giác mạnh? Hay vì cái cảm giác thoải mái nó mang lại cho mình? Hắn không biết.

Và tại sao hắn dừng lại? Đáng lẽ hắn nên phóng thật nhanh ngay khi nhìn thấy chiếc xe tải. Nhưng hắn lại tấp vào lề đường và thậm chí còn vào trong toa xe moóc.

Thật khinh suất.

K lái xe tiến vào Rome với tốc độ cho phép và lạng vào dòng xe cộ. Hắn không thích nghĩ tới chuyện Malone mò mẫm xung quanh cái xe moóc hay trang trại. Nó làm hắn thấy lo lắng. Nhưng còn một chuyện khác khiến hắn lo lắng hơn thế. Hắn đã vào toa xe moóc mà không biết mình có chạm mặt Malone hay không. Chẳng có kế hoạch gì cả. Hắn sẽ làm gì nếu Malone ở trong đó? Hắn sẽ cố giết Malone bằng tay không hay sao?

Ý tưởng đó hấp dẫn hắn và đó là một phần của vấn đề. K lo sợ mình đang bắt đầu mất kiểm soát.

Hắn rẽ vào một con phố nhỏ rồi đỗ xe. Hắn cần suy nghĩ. Jana Fletcher đã chết - đó coi như là một thắng lợi. Có vẻ gã cháu trai của bà chủ nhà của cô ta, Simon Lanik, đã trở thành nghi phạm chính. Chuyện đó không nằm trong kế hoạch của K, nhưng hắn thích cái cách nó diễn ra trót lọt đến như vậy. Thêm một thắng lợi nữa.

Vụ cháy tại nhà Napoleon Washburn lại là một sự thất vọng. Washburn đã sống sót. Tuy nhiên, có vẻ lão ta đã trốn khỏi thị trấn. Coi như đó là một trận hòa.

Giờ chỉ còn lại Jolene. Thi thể của cô ta đã bị phát hiện và đó là một thất bại. Không có cách gọi nào khác cả. K biết mình đáng lẽ nên giấu xác cô ta

kỹ hơn, buộc xích hoặc đá vào người cô ta. Như thế, cô ta sẽ chìm xuống tận đáy kênh và ở yên dưới đó.

Nhưng giờ hẳn chẳng thể làm gì cả. Hẳn cần phải gạt cô ta ra khỏi tâm trí. Nhưng đó cũng là một phần của vấn đề. Hẳn cứ liên tục nghĩ tới cô ta trong những lúc rảnh rỗi. Hẳn đã giết chết 4 người phụ nữ trong cả cuộc đời mình, nhưng Jolene là người duy nhất khiến hẳn cảm thấy hối tiếc. Một phần trong hẳn ước gì cô ta vẫn còn sống, bởi cô ta vô tội, người đã phải chết vì xuất hiện không đúng lúc đúng chỗ. Và một phần khác lại ước gì cô ta vẫn còn sống để hẳn có thể giết cô ta thêm lần nữa.

K thật đa cảm.

Hẳn mỉm cười với chính mình và lắc đầu. Giờ không phải lúc để nghĩ về Jolene. Hẳn cần phải tập trung vào David Malone. Hẳn sẽ từ từ và cân nhắc thật kỹ lưỡng. Không khinh suất nữa.

Đêm đó, tôi có một vị khách.

Tôi đang ăn bữa tối muộn tại bàn làm việc trong căn hộ của Jana: món mì xào tôm Trung Quốc. Trên mặt lò, tôi thả nển, 4 cây nển trà trên một thanh gỗ 2x4. Đó chỉ là món hàng nhái kém cỏi tôi mô phỏng cái giá nển của Jana - thứ tôi đã làm trong mấy ngày cuối tuần. Tôi mua miếng gỗ từ một cửa hàng sửa sang nhà cửa và một người đàn ông trung tuổi đeo tạp dề màu xanh ở đó đã cắt nó theo đúng độ dài mà tôi muốn. Tôi đã đục những lỗ đựng nển bằng máy khoan điện cùng một mũi khoan đường kính khoảng 4 phân trong khi đứng lên miếng gỗ để cố định nó. Nó sẽ tinh xảo hơn nếu dùng máy khoan đứng nhưng tôi không có cái nào.

Nển đáng ra phải có mùi vani. Nhưng bây giờ thì rất khó phân biệt. Cả căn hộ đầy mùi bắp cải luộc. Agnes Lanik đang nấu ăn ở căn hộ kế bên - tôi cho rằng đó là một món bắt nguồn từ quê hương bà ấy.

Đến khoảng 10 rưỡi thì có tiếng gõ cửa. Là Sophie.

Cô ấy trông thật mệt mỏi nhưng vẫn hoàn toàn tỉnh táo và tôi nghĩ chắc hẳn cô ấy vừa mới kết thúc một ca trực dài tại bệnh viện. Hẳn Sophie đã tạt qua nhà bởi vì bộ quần áo trông không giống thứ cô ấy sẽ mặc khi đi làm: áo cánh cổ trễ và váy dài trên đầu gối.

“Có phải em tới không đúng lúc không?” cô ấy nói.

“Không đâu. Em vào đi.”

“Em không muốn làm phiền.”

“Không đâu.”

Cô ấy bước vào và thả túi xách lên bàn bếp. Sau đó, cô ấy bước ra phòng khách ngập tràn ánh nến, nhìn quanh và tiếp nhận mọi thứ

“Em thật sự không tin được,” cô ấy nói.

“Tin gì cơ?”

“Khi anh chuyển ra ngoài và bảo với em rằng anh sẽ đến sống trong ngôi nhà của cô gái đã mất đó. Em đã nghĩ anh chỉ đang tỏ ra độc ác.”

“Sophie...”

Cô ấy phát tay. “Xin lỗi. Em không nên nói thế.” Cô ấy đứng nhìn bức tường kế bên lò sưởi, nơi tôi đã gắn lên một tấm bản đồ thành phố và đánh dấu X ngay tại vị trí thi thể của Cathy Pruett được tìm thấy, cùng một dấu X khác cho toa xe moóc của Luke Daw và trang trại bị bỏ hoang. Tôi còn gắn cả những thứ khác lên tường: những bài báo tôi đã in ra ở thư viện và dưới phòng vi phim. Những bài báo về cái chết của Cathy Pruett cũng như vụ xét xử của chồng cô ấy. Và cả vụ Eli Daw bị bắn nữa.

“Tất cả những thứ này là gì vậy?” Sophie hỏi.

“Em có thực sự muốn biết không?”

“Có.”

Tôi kể đôi chút về những gì mình đang làm, những người tôi đã nói chuyện cho cô ấy. Thật khó để biết cô ấy có đang lắng nghe không vì mắt cô

ấy vẫn đang dán chặt lên những tờ giấy trên tường, nhưng khi tôi nói xong, cô ấy đã hiểu được cốt lõi của câu chuyện.

“Vậy anh nghĩ nếu khám phá ra chuyện gì đã xảy ra với Cathy Pruett, nó sẽ cho anh biết ai là kẻ đã sát hại Jana.” Nghe cô ấy nhắc tên Jana có cảm giác không thực.

“Đúng vậy,” tôi nói.

Sophie chuyển sự chú ý sang cái kệ phía trên lò sưởi. Khối gỗ tôi lấy trong cái xe moóc đang nằm trên đó. “Cái gì đây?” cô ấy hỏi.

“Một manh mối.”

“Manh mối cho cái gì?”

“Anh không biết. Anh nghĩ Luke Daw đã làm ra nó.”

Cô ấy đặt lại nó lên kệ rồi cầm lọ thuốc trống rỗng.

“Ambien,” cô ấy nói. “Một manh mối khác sao?”

“Có lẽ thế. Đó là một loại thuốc ngủ, phải không?”

Cô ấy gật đầu. “Loại mạnh đấy. Nó có thể gây ra chứng mộng du. Mất nhận thức tạm thời. Mất trí nhớ. Anh không muốn làm liều với nó đâu.”

Cô ấy đặt lại lọ thuốc lên kệ. Nhưng vẫn còn một thứ khác trên đó: một bức tranh sơn dầu đặt dựa vào tường. Một trong những bức vẽ của Angela Reese. Cô gái đã tặng nó cho tôi hôm thứ Bảy, sau khi chúng tôi nói chuyện về Gary Pruett và anh em nhà Daw.

Nó giống như tất cả những bức tranh khác của cô nàng với kích thước 11 x 14, cùng một đường màu đen chạy dọc xuống chính giữa. Phía bên trái đường đó được sơn một màu lam sống động, bên phải là màu tím, gần giống màu đen. Angela đã lấy nó từ trên tường xuống khi tôi định rời đi. “Anh nên giữ nó,” cô ấy nói. “Tôi đã vẽ nó hôm biết tin Jana Fletcher qua đời.”

“Ai đã vẽ bức tranh đó?” Sophie hỏi tôi.

“Một người phụ nữ anh đã từng nói chuyện.”

“Nó không mang ý nghĩa gì cả,” tôi nói. “Chỉ là nghệ thuật trừu tượng thôi.”

“Em nghĩ rằng nó thật phiền muộn.”

“Anh nghĩ chắc mục đích là thế.”

“Anh có thích cô ta không?”

“Ai cơ?”

“Cô nàng họa sĩ ấy. Người phụ nữ đã vẽ bức tranh mà anh mua.”

“Cô ấy đã tặng nó cho anh.”

“Còn thế nữa. Cô ấy có đẹp không?”

Cô ấy quay lại nhìn tôi vẻ chờ đợi, Sophie trong cặp kính mắt mèo và mái tóc được kẹp lên.

“Anh không biết phải trả lời câu hỏi đó thế nào,” tôi nói.

“Cô ấy một là xinh, hai là không.”

“Cô ấy xinh đẹp.”

“Thấy chưa? Có khó gì chứ?” Sophie chạm lòng bàn tay lên má tôi và hơi quay đầu tôi một chút. Mùi thức ăn của Agnes Lanik phảng phất trong căn hộ, nhưng tôi vẫn có thể nhận ra được hương dầu từ dầu gội của Sophie.

“Anh chưa hỏi tại sao em tới đây,” cô ấy nói.

Tôi cảm nhận hơi ấm từ bàn tay cô ấy. Tôi nhìn thấy ánh nến, những cái bóng và chiếc áo trễ cổ của cô ấy.

“Anh có cảm giác em đến để tra tấn anh,” tôi nói.

Cô ấy bật cười. “Gần đúng rồi.” Cô ấy đưa tay chạm vào thái dương tôi. “Em đến cắt chỉ khâu cho anh.”

“Đáng lẽ nên cắt chỉ từ nhiều ngày trước,” Sophie nói.

Tôi đang ngồi tại bàn bếp trong khi Sophie làm công tác chuẩn bị: lấy kẹp và kéo từ trong túi xách ra, rồi rửa tay và dùng cồn khử trùng dụng cụ.

Cô ấy đứng bên cạnh tôi và rửa vết cắt bằng dung dịch Betadine.

“Chắc sẽ không đau đâu,” cô ấy nói.

“*Chắc ư?*”

“Biết đâu được đấy.”

Cô ấy dùng kẹp nhấc đầu nút thắt lên và lấy kéo cắt trước khi kéo sợi chỉ ra khỏi da thịt tôi, từng chút từng chút một. Không đau tẹo nào.

Cô ấy rửa vết thương lần nữa và lau khô nó. “Anh phải nhớ,” cô ấy nói, “da anh vẫn đang lành. Sẽ phải mất vài tuần để khỏi hoàn toàn và anh cần cẩn thận để không làm rách nó lần nữa”.

Cô ấy đã để sẵn ba miếng băng cá nhân nho nhỏ trên mặt bàn. Cô ấy bóc một cái và dán nó lên giữa vết cắt.

“Anh vẫn cần giữ nó sạch sẽ và khô ráo,” cô ấy nói. “Anh không muốn nó bị nhiễm trùng đâu.” Cô ấy bóc một miếng băng khác rồi dán nó vào đúng vị trí. “Mọi người thường không mấy lo lắng đến việc bị nhiễm trùng nhiều như đáng ra phải thế. Em nhớ có một lần, một đứa trẻ 8 tuổi đã được đưa vào phòng cấp cứu. Nó bị ngã khi trèo cây và bị một vết thương hở ngay ở chỗ xương chày - đó là xương ống quyển của anh. ‘Hở’ có nghĩa là xương lộ khỏi da.

Cách đây 100 năm, người ta thường chết vì những vết thương hở bởi vì chúng rất dễ bị nhiễm trùng. Nhưng giờ chúng ta đã có thuốc kháng sinh. Những loại kháng sinh mạnh như cephalixin, loại thuốc chúng em dùng cho cậu bé 8 tuổi kia. Sau đó, chúng em đưa nó vào phòng mổ, cắt bỏ mô hoại tử ở vết thương sau đó làm sạch nó. Chúng em đã bó đoạn xương gãy và cố định bằng chốt thép. Rồi chúng em đóng vết thương lại và chuyển thẳng bé sang phòng hồi sức. Vài ngày sau, thẳng bé xuất viện.”

Miếng băng thứ ba đã vào chỗ và Sophie đang đứng đằng sau, tay đặt lên vai tôi. “Chưa đầy một tuần sau, cha mẹ thẳng bé đã đưa nó quay trở lại

bệnh viện,” cô ấy nói. “Nó đang bị hôn mê và đầu óc mơ hồ. Nó còn bị sốt và phát ban nữa. Triệu chứng điển hình của nhiễm trùng máu. Nhiễm trùng máu đôi khi xảy ra khi cơ thể anh chống lại viêm nhiễm. Các hóa chất trong máu anh, mà có nhiệm vụ chống lại nhiễm trùng, lại gây ra viêm nhiễm. Viêm nhiễm sẽ làm giảm lượng máu đưa tới cơ bắp và nội tạng. Đó là những gì đã xảy ra với cậu bé kia.”

Cô ấy ngừng lời và trong cái tĩnh lặng ấy, tôi nghe thấy tiếng đồng hồ tích tắc trên tường nhà bếp.

“Thằng bé không còn là một bệnh nhân cần phẫu thuật nữa,” cô ấy nói, “nhưng em vẫn theo dõi trường hợp của nó. Brad Gavin cũng vậy. Bởi vì cả hai chúng em đều đã có mặt ở đó khi thằng bé nhập viện lần đầu tiên với cái chân bị gãy. Lần này, họ đã phải đưa thằng bé vào phòng chăm sóc đặc biệt và truyền nước cho nó. Thuốc cephalixin đã không có hiệu quả, vì vậy, họ phải thử những loại kháng sinh khác để loại bỏ nhiễm trùng. Mỗi ngày, em và Brad đều đến kiểm tra xem thằng bé có ổn không.”

Cô ấy ngừng lời một lần nữa. Có lẽ cô ấy mong đợi tôi sẽ nổi giận khi nghe nhắc đến Brad Gavin. Nhưng tôi không giận. Một lúc sau, cô ấy tiếp tục.

“Nhiễm trùng máu không phải lúc nào cũng chết người, nhưng khi chuyện đó xảy ra, nó sẽ giết anh bằng cách làm các cơ quan ngừng hoạt động. Đôi khi phải mất đến vài tuần. Với đứa trẻ đó, thời gian chỉ tính bằng ngày. Khi phổi nó bắt đầu yếu đi, họ cho thở oxy. Khi nó suy thận, họ cho lọc máu. Cha mẹ thằng bé đã hy vọng tới tận giây phút cuối cùng. Mẹ nó lúc nào cũng ở bên, chỉ trừ thỉnh thoảng tranh thủ ngủ 1, 2 tiếng trong phòng đợi dưới sảnh. Và cô ấy đang ở dưới đó khi thằng bé qua đời. Huyết áp của nó bị tụt xuống đột ngột và rồi tim ngừng đập, họ không thể làm nó tỉnh lại được. Em đã chứng kiến. Em đi tìm mẹ thằng bé và đưa cô ấy trở lại phòng, nhưng mọi chuyện đã quá muộn.”

Giọng nói của Sophie nghe có vẻ bình tĩnh, nhưng tôi nghĩ cô ấy đang khóc. Nếu quay đầu lại, tôi có thể thấy. Nhưng tôi không làm vậy. Tôi không

nghĩ cô ấy muốn thế.

Tay phải của cô ấy rời khỏi vai tôi, có lẽ là để lau nước mắt.

Tôi nắm lấy tay kia của cô ấy. “Em chưa từng kể cho anh nghe chuyện đó,” tôi nói.

“Đáng lẽ em nên kể,” cô ấy nói. “Em tự hỏi liệu điều đó có thay đổi được gì không.”

“Ý em là sao?”

“Liệu anh có rời xa em không. Ngày đưa trẻ đó mất chính là ngày em đã ngủ với Brad Gavin.” Cô ấy đi vòng từ phía sau lưng tôi để dọn kẹp và kéo rời bỏ chúng vào túi xách. “Đó không phải là cái cớ tốt nhất cho việc không chung thủy,” cô ấy nói, “nhưng có lẽ cũng không phải tệ nhất - thương xót cho một đứa trẻ mà sai lầm duy nhất của nó là trèo cây.”

Chỉ là chuyện công. Cô ấy cầm túi xách rồi đi ra cửa. Tôi đứng lên đi theo.

“Sophie, anh xin lỗi. Giá như em đã kể cho anh chuyện đó.”

Cô ấy quay lại nhìn tôi, đôi mắt đã khô.

“Dave,” cô ấy nói. “Anh chưa từng hỏi em.”

Mùi bắp cải luộc bay tới tận chỗ ẩn náu của K trong khu rừng.

Hắn ngồi trên thân cây đổ cùng một cặp ống nhòm to đùng và nặng nề, vốn là hàng dư thừa của quân đội. Hắn dùng nó để quan sát David Malone cùng người phụ nữ của gã. Nhờ có ánh đèn trong bếp, hắn có thể nhìn thấy họ rõ ràng thông qua cánh cửa sau.

Tìm được Malone tương đối dễ dàng. Nơi đầu tiên hắn để mắt tới chính là căn hộ tầng hai có ban công, nơi hắn nhìn thấy Malone lần đầu tiên bên cô nàng bác sĩ của gã.

K đã tới đó từ đầu giờ tối, nhưng chiếc xe tải của Malone lại không có ở đó. Hắn quan sát và chờ đợi thêm nửa tiếng nữa, cho tới khi cô nàng bác sĩ bước ra và chui vào xe của cô ta. Hắn đi theo cô ta, gần như bốc đồng, và cô ta đã dẫn hắn đến thẳng căn nhà song lập của Jana Fletcher.

Rèm cửa sổ phía trước đều đã được hạ xuống, vì thế K quyết định đi vòng ra phía sau. Hắn đỗ xe trên con đường kế bên công viên Cypress và đi xuyên qua rừng dưới ánh trăng chiếu rọi mà chẳng gặp bất cứ khó khăn gì, ngay cả khi phải băng qua cây cầu chật hẹp.

Giờ hắn đang theo dõi Malone và người phụ nữ kia. Ban đầu, hắn không biết họ đang làm gì, bởi người phụ nữ kia đứng quay lưng vào cửa sổ, nhưng rồi hắn thoáng trông thấy vết thương trên thái dương Malone và nhận ra người phụ nữ kia đang chăm sóc cho nó.

Sau đó, họ nói chuyện. Rõ ràng không phải chuyện vui. Rồi Malone đứng dậy và cả hai biến mất khỏi tầm nhìn của hắn. Khi Malone quay trở lại căn bếp, gã chỉ đi có một mình.

Thật đáng thất vọng. K muốn nhìn người phụ nữ kia thêm chút nữa.

Hắn hạ ống nhòm xuống và đặt lên thân cây đổ bên cạnh. Hắn đã định đeo nó vào cổ, nhưng nó đã cũ mòn và dây đeo thì đã đứt.

Song hắn vẫn có thể nhìn thấy được Malone qua cánh cửa sau và cửa sổ phòng ngủ mà không cần đến ống nhòm. Lúc này, Malone đang cúi đầu đi

loanh quanh căn hộ. Gã có vẻ buồn và lo lắng. K không tài nào đoán nổi gã đang nghĩ đến chuyện gì. Nếu biết được thì thật hữu ích biết bao. Nhưng ngay lúc này, điều K thực sự cần xác định chính là mức độ đe dọa của Malone với hắn. Đó là lý do hắn tới đây.

Có vẻ Malone nhất quyết muốn biết sự thật về những gì đã xảy ra với Jana Fletcher. Nhưng gã đã biết được bao nhiêu? Rõ ràng là quá nhiều. Đáng lẽ gã không nên biết đến trang trại trên đường Humaston. Điều đó khiến gã trở nên thật nguy hiểm.

Mặt khác, mặc dù Malone đã ghé thăm trang trại chiều nay, nhưng chắc hẳn gã chưa khám phá ra bí mật của nó. Nếu không, gã đã đi báo cảnh sát và đám cảnh sát đã tới trang trại. Phát hiện đó có thể sẽ gây ra một vụ động trời, nhưng tới giờ vẫn chưa thấy ai nhắc tới nó trên bản tin. Song vì muốn được chắc chắn, K đã đánh liều phóng xe qua trang trại thêm lần nữa khi trời chuyển tối. Không có xe cảnh sát, cũng chẳng có hoạt động nào cả.

K đứng dậy đuổi chân. Hắn nhìn lên bầu trời đêm ẩn hiện sau tán lá. Hắn miễn cưỡng quyết định. Malone chính là vấn đề, nhưng giết gã sẽ chỉ thu hút nhiều sự chú ý hơn tới cái chết của Jana Fletcher. Tốt hơn nên mặc kệ. Nếu may mắn, bí mật của trang trại sẽ được giữ kín và mọi người sẽ dần quên Jana. Simon Lanik sẽ phải chịu trách nhiệm cho cái chết của cô ta. Lanik vô tội nhưng lại có vẻ có tội - chừng nào anh ta còn trốn chạy.

Vậy nên Malone sẽ được sống tiếp. K lại giơ ống nhòm lên và lại nhìn thấy gã đàn ông kia qua cửa sổ phòng ngủ. Gã vẫn đang đi tới đi lui không ngừng. Gã bước qua cửa phòng ngủ ra ngoài, biến mất khỏi tầm nhìn. K hướng ống nhòm sang cánh cửa sau và lại chộp được gã lần nữa lúc gã bước vào bếp. Ai mà biết được gã có thể tiếp tục thế này bao lâu nữa?

K đang định hạ ống nhòm xuống, nhưng một thứ đã khiến hắn giơ nó lên lần nữa. Có lẽ là định mệnh. Hắn hướng ống nhòm xa hơn sang bên trái và phát hiện ra một khung cửa khác - cánh cửa sau của căn hộ bên kia ngôi nhà song lập. Qua đó, hắn thấy được căn bếp của bà già đó. Hắn nhìn thấy bà chủ nhà. Chẳng biết bà ta đang làm gì vì cửa sổ treo rèm và tấm rèm chỉ hé

ra độ 15 phân. Bà ta đang đi đi lại lại và K nhận ra bà ta đang mang bát đĩa từ bàn tới bồn rửa.

K há miệng ra ngáp và quyết định đã đến lúc rời khỏi đây, đi xuyên qua rừng quay trở lại. Bà lão đã khuất khỏi tầm nhìn, nhưng rồi, K bỗng thấy một thứ gì đó khiến ý nghĩ về việc rời đi biến mất.

Sau khi Sophie ra về, tôi cảm thấy thật bất ổn. Tôi đi đi lại lại, suy nghĩ về những gì cô ấy nói.

Tôi nghĩ về cái *Đêm vỏ bao cao su*, khi cô ấy thú nhận mình đã ngủ với Brad Gavin. Tôi nghĩ về những gì có thể đã xảy ra nếu tôi hỏi cô ấy lý do.

Có lẽ tôi sẽ không bao giờ rời khỏi căn hộ của chúng tôi đêm đó, không bao giờ gặp Jana. Cô sẽ chỉ là một người xa lạ qua đời trong thành phố nơi tôi đang sinh sống. Tôi sẽ không ở đây, với những bài báo và những tấm bản đồ gắn trên tường hay những ngọn nến đang cháy sáng trên mặt lò sưởi.

Nếu muốn, tôi vẫn có thể có được cuộc sống đó. Tôi có thể đề nghị Sophie chấp nhận quay lại với tôi. Tôi nghĩ cô ấy sẽ đồng ý. Tôi sẽ phải xin cô ấy tha thứ bởi vì tội lỗi của tôi còn tệ hại hơn của cô ấy. Cô ấy đã ngủ với Gavin, nhưng chỉ một lần. Cô ấy không thích gã. Cô ấy không vì gã mà bỏ rơi tôi.

Tôi dừng việc đi tới đi lui và nhìn chăm chăm vào khối gỗ hình lập phương đặt trên mặt lò sưởi, rồi thỉnh thoảng đưa tay gạt nó rơi xuống sàn. Nhưng nó còn nguyên, chỉ có một que kem rơi ra.

Mày có thể làm tốt hơn thế mà, tôi nghĩ. Đấm tay vào tường rồi đến tìm cô ấy. Cô ấy sẽ băng bó nó, sẽ chăm sóc mày và bảo mày ngừng đấm tay vào tường.

Nhưng mày sẽ phải bỏ lại Jana.

Tôi nhặt khối gỗ lên và nhìn qua khe hở mà cái que bị thiếu kia bỏ lại. Nhưng bên trong chẳng có gì, chỉ là một khoảng không trống rỗng.

Nó đáng ra phải là một manh mối. Tôi có đủ loại manh mối. Lọ thuốc. Bức tranh của Angela Reese. Giá nền làm từ thanh gỗ 2x4. Đồng 25 xu biến dạng. Có lẽ tất cả đều đang cố nói với tôi điều gì đó. Có lẽ tất cả mọi thứ trong căn hộ đều là những manh mối.

Tôi đặt lại khối hộp lên mặt lò sưởi và hít thật sâu, thu vào cả mùi bắp cải luộc. Có lẽ đó cũng là manh mối. Tại sao lại không nhỉ?

Một lúc sau, tôi nằm xuống và cố gắng đọc một trong những cuốn sách của Jana - *Bá tước Monte Cristo*. Nhưng trước khi con tàu của Edmond Dantes thả neo tại cảng Marseilles, tôi đã chìm vào giấc ngủ.

Chưa đầy 10 phút sau, tôi thức giấc, ngồi dậy, rồi cho chân xuống giường.

Mùi bắp cải - đó thực sự là một manh mối.

Tôi đứng dậy và bước đi trong không gian tĩnh mịch của ngôi nhà. Trong bếp, tôi lấy một chiếc ghế rồi mang nó ra sân sau nhẹ nhàng nhất có thể. Tôi ngồi xuống bên cạnh bụi cây đầu xuân và lắng nghe tiếng dế kêu rả rích trong đêm. Mặt trăng tỏa ánh sáng mờ nhạt, cộng thêm vài tia sáng lọt qua ô cửa sổ được che rèm từ nhà bà Agnes Lanik.

Lát sau, tôi nghe thấy những tiếng động lén lút phát ra từ phía bên kia bụi cây đầu xuân: tiếng xoay chốt và rầm cửa cọt kẹt, tiếng thì thầm, tiếng cửa lưới mở ra rồi đóng lại. Tiếng bước chân trên nền sân gạch.

Anh ta bắt đầu băng qua bãi cỏ tiến về phía rừng cây và tôi đứng dậy đi theo.

“Chào, Simon,” tôi nói.

Simon Lanik quay người lại đối diện với tôi, miệng giật giật vì ngạc nhiên và tức giận. Anh ta mặc áo khoác màu nâu, hai tay đút trong túi. Bàn tay trái của anh ta hơi nâng lên nhưng vẫn nằm yên trong túi, như thể anh ta đang giấu một khẩu súng trong đó.

Tôi lùi lại một bước và giơ hai tay. “Bình tĩnh nào,” tôi nói.

Anh ta nhận ra tôi và cười tươi. “Chúa ơi, *kámoš*, anh làm tôi sợ đấy. Anh đã chờ ở đó sao? Chúng tôi tưởng rằng anh đang ngủ.”

“Đúng. Nhưng rồi tôi nhận ra bà anh đang có khách. Bà ấy đã nấu món gì cho anh vậy?”

Câu hỏi đó khiến anh ta cảm thấy nhẹ nhõm. Bàn tay trái đút trong túi giờ buông thông bên người.

“*Holubky* [40],” anh ta nói. “Anh biết đấy là gì không?”

Tôi gật đầu. Đó là cái bắp cuốn nhồi thịt bò và gạo, sau đó rưới nước sốt cà chua. Một món ăn bà tôi từng làm.

“Anh sẽ thích nó cho mà xem,” Simon Lanik nói. “Nhưng bà tôi chỉ làm món đó vào những dịp đặc biệt.”

“Vậy hôm nay là nhân dịp gì?” tôi hỏi anh ta.

“Anh nghĩ sao? Bà ấy tổ chức một bữa tiệc chia tay nho nhỏ dành cho tôi. Có lẽ tôi sẽ không thể trở lại đây trong một thời gian nữa. Cảnh sát đang có những ý nghĩ điên rồ về tôi. Vậy nên tôi không thể ở lại thành phố này.”

“Tôi biết những suy nghĩ của họ,” tôi nói.

Anh ta nhìn tôi vẻ nghiêm trọng. “Đừng tin họ, *kámoš*. Tôi chưa từng chạm vào cô gái đó.”

“Tôi nghe nói anh còn làm việc nghiêm trọng hơn động chạm nhiều,” tôi nói, “đặc biệt là khi họ chậm tiền thuê nhà.”

Lanik nở một nụ cười sát gái - một biểu cảm chẳng hề tương thích với khuôn mặt rỗ và mái tóc bóng dầu của anh ta. “Chuyện đó khác,” anh ta nói. “Vài người trong số họ... anh sẽ tự biết thôi. Nếu anh cho họ một ân huệ, khoan dung với họ, họ cũng sẽ làm vậy với anh. Tôi là ai mà có thể từ chối đề nghị của họ chứ, nếu họ muốn trả tiền theo cách đó?” Tay trái của anh ta vẫn nằm yên trong túi, nhưng anh ta đã rút tay phải ra huơ huơ ngón tay chỉ vào tôi. “Jana thì khác,” anh ta nói. “Tôi chưa bao giờ thử làm thế với cô ta. Và chắc chắn tôi không bao giờ giết cô ta.”

“Tôi tin anh,” tôi nói.

“Nhưng cảnh sát thì đã quyết định rồi. Họ đang tìm kiếm tôi. Tôi nghĩ họ đang theo dõi ngôi nhà này.”

“Đúng vậy.”

“Nhưng họ chỉ theo dõi mặt trước của ngôi nhà. Một lũ ngốc. Anh ta bắt đầu đi bước lùi khỏi tôi. “Tạm biệt, *kámoš*. Anh sẽ không gặp lại tôi nữa đâu.”

“Chờ đã,” tôi nói và đi theo anh ta. “Có lẽ vẫn còn cách khác.” Tôi nghĩ tới Roger Tolliver. “Tôi có quen một luật sư. Tôi có thể nhờ ông ta giúp đỡ anh. Anh có thể đi đâu thú. Anh không giết Jana. Cảnh sát không thể chứng minh anh đã làm chuyện đó.”

Lanik đứng im trên bãi cỏ và chăm chăm nhìn tôi. Tôi không tài nào biết được anh ta đang nghĩ gì. Chúng tôi lắng nghe tiếng đế kêu rả rích.

“Tôi rất tiếc, *kámoš*,” cuối cùng, anh ta nói. “Tôi không tin luật sư. Hay cảnh sát.” Anh ta lại nhấc tay trái trong túi áo khoác màu nâu lên lần nữa, như một tay xã hội đen trên phim “Tôi đi đây. Đừng cố ngăn tôi.”

Anh ta lùi lại. Tôi mỉm cười. “Thôi nào, Simon. Anh có súng sao? Hay anh định dùng ngón tay bắn tôi?”

Anh ta dừng lại và cười với tôi. Tiếng đế vẫn rả rích văng vẳng trong bóng tối xa xăm.

“Tôi có một khẩu súng,” anh ta nói. “Một khẩu súng lục Makarov của Nga. Ông tôi đã mang theo hai khẩu khi từ Tiệp Khắc qua đây. Giờ ông đã mất rồi, nhưng ông từng kể chuyện cho tôi nghe. Ông luôn nói rằng mình tham gia cuộc kháng chiến chống lại Liên Xô. Nhưng tôi không biết ông kháng chiến được đến đâu. Tôi nghĩ ông là một tội phạm và rằng ông kiếm sống ở chợ đen.”

Mắt Lanik vẫn nhìn thẳng vào mắt tôi. Anh ta không cười nữa.

“Tôi không nói dối đâu, *kámoš*,” anh ta nói. “Cứ thử bám theo tôi, anh sẽ biết ngay thôi.”

K theo dõi Simon Lanik nói chuyện với David Malone từ chỗ ẩn nấp trong khu rừng của hăn.

Hăn khó chịu vì suýt nữa bỏ lỡ chuyện này. Hăn đang định rời đi thì phát hiện ra Simon Lanik trong căn bếp của bà lão kia. Hăn đã nhìn Lanik tiến đến cánh cửa sau, ngó nghiêng, trước khi kéo rèm cửa khít lại.

Không nghe được những gì Lanik và Malone nói với nhau cũng khiến hăn khó chịu. Hăn đoán được những lời đầu tiên Malone nói: “Chào, Simon.” Nhưng phần còn lại thì không nghe thấy vì quá xa. Dẫu vậy, có một điều rất rõ ràng: Lanik có một khẩu súng trong túi áo, hoặc anh ta giả vờ như thế.

K hạ ống nhòm xuống. Lanik và Malone đã kết thúc cuộc nói chuyện và giờ Lanik đang bắt đầu bước về phía khu rừng. K cúi thấp người bên thân cây đổ và ngồi yên.

Lanik đi ngang qua hăn trong bóng tối. Tiếng bước chân sột soạt. Tiếng những cành cây nhỏ gãy răng rắc.

Cách đó chưa đầy 4 mét rưỡi.

K từ từ đứng dậy, tìm kiếm bóng dáng chiếc áo khoác màu nâu của Lanik giữa hàng cây ngập toàn ánh trăng và thoáng trông thấy nó. Lại phải quyết định.

Hăn bám theo Lanik.

Cái cách mọi chuyện có thể nhanh chóng thay đổi thật khô hạn làm sao. K quyết định mình không nên làm gì cả. Hăn nghĩ mình sẽ ổn miễn là cảnh sát vẫn tin rằng Simon Lanik chính là kẻ chịu trách nhiệm cho cái chết của Jana Fletcher. Cảnh sát sẽ dễ dàng tin tưởng điều đó hơn nếu Lanik vẫn còn chưa bị bắt, một kẻ trốn chạy.

Nhưng nếu Lanik bị bắt thì sao? Rốt cuộc, đâu thể nào thực sự trông cậy vào một kẻ trốn chạy ngu ngốc đến nỗi mò về thăm bà mình có thể tránh khỏi việc bị bắt, phải không?

Đó là điều mà K cần cân nhắc. Nếu Lanik bị bắt, khả năng anh ta bị kết án, dù vô tội, là khá cao. Nhưng không có gì chắc chắn cả. Anh ta có thể tìm được luật sư giỏi, có thể đưa ra được chứng cứ ngoại phạm. Toàn bộ vụ kiện chống lại anh ta có thể sẽ tan tành. Cảnh sát có thể sẽ tìm kiếm một kẻ tình nghi khác.

Sẽ tốt hơn cho K nếu chuyện đó không bao giờ xảy ra. Tốt nhất là Simon Lanik biến mất mãi mãi.

Anh ta có thể tự biến mất - hay cần K giúp?

K vấp phải một hòn. Hắn kịp chống tay vào một cái cây, giữ thăng bằng. Chiếc ống nhòm trượt ra khỏi tay hắn và rơi xuống đất. Hắn có thể trông thấy Lanik phía trước, chiếc áo khoác màu nâu giữa hàng cây đen kịt. Lanik không dừng bước. Cũng chẳng xoay người lại.

K nhặt ống nhòm lên và tiếp tục di chuyển. Khe núi đã ở ngay trước mặt và cả cây cầu nữa. K nghĩ đến việc tăng tốc để bắt kịp Lanik. Cây cầu không hề có rào chắn. Chỉ cần một cú đẩy mạnh Lanik sẽ rơi khỏi cầu. Độ cao hơn 6 mét là đủ gây chết người nếu anh ta tiếp đất đúng chỗ.

Nhưng thi thể sẽ rơi xuống khe núi và sẽ nằm lại đó. K không thể lôi nó ra được. Và kiểu gì cũng sẽ có người tìm thấy.

Cú ngã sẽ chỉ có hiệu quả nếu nó trông giống một tai nạn: Simon Lanik đã sát hại Jana Fletcher rồi vô tình trượt chân rơi xuống cầu.

Sẽ chẳng có ai tin.

Lanik cần phải biến mất. Nhưng không được để lại thi thể.

Trước mặt, Lanik đã đến chỗ cây cầu. Người này còn không cố đi thật nhẹ. K nghe tiếng giày của Lanik gõ lạch cạch trên ván gỗ.

Hắn đợi cho đến khi chiếc áo khoác khuất hẳn vào bên kia hàng cây, rồi mới từng bước băng qua cầu một cách thật cẩn thận.

Khi đã trở lại nền đất cứng, K bắt đầu tăng tốc. Mưa bắt đầu lất phất rơi và hắn cảm thấy nó chạm lên má mình. Hắn rẽ qua một góc trên con đường

mòn. Hăn nhìn quanh, cố tìm kiếm Lanik. Chẳng thấy gì ngoài cây và bóng tối.

Không lâu nữa hăn sẽ đi đến cuối đường mòn. Sẽ khôn ngoan hơn nếu hăn không bám đuôi nữa. Hăn chưa quên rằng Lanik có thể có súng.

Tuy nhiên, hăn do dự không muốn tha cho Lanik.

Xe của K đang đậu trên đường Clinton. Hăn cho rằng Lanik cũng có một chiếc xe. Tiếp tục theo đuôi thì có hợp lý không?

Giả sử họ ra tới một con đường vắng vẻ nào đấy. Một con đường với những khúc cua đột ngột. Đó là thứ K có thể tận dụng, nhất là nếu trời tiếp tục mưa. Simon Lanik sát hại Jana Fletcher, rồi chết trong một tai nạn xe hơi. Chuyện đó hợp lý chứ?

Cũng đáng thử. K chạy dọc con đường và cảm nhận một luồng gió đêm. Hăn đã để Lanik đi trước quá xa. Con đường chạy vòng vèo giữa những cây sồi đã chết. K ra tới đầu lối mòn cạnh sân bóng ở công viên Cypress. Hăn dừng lại ở bìa rừng và thấy xe mình phía xa. Hăn còn phát hiện ra một chiếc xe khác - một chiếc coupe [41] thể thao với cánh gió ở phía sau - có lẽ nó thuộc sở hữu của Lanik. K không thể đoán được có ai đang ngồi trong đó không.

Hăn đợi cho đến khi đèn chiếc coupe được bật lên và chiếc xe bắt đầu rời đi. Không có chuyện gì xảy ra cả. Chẳng lẽ Lanik đi bộ sao? Không có dấu hiệu của anh ta trên đường. Có thể nào K đã đi trước anh ta không - vượt qua anh ta ở trong rừng mà không nhận ra?

K lắng nghe tiếng mưa giờ đã rơi đều hơn. Hăn nghe thấy một thay đổi nhỏ trong âm thanh của nó. Hăn chậm rãi quay lại, biết rõ mình sẽ thấy gì - Simon Lanik đang đứng đó trong chiếc áo khoác màu nâu. Anh ta giơ cánh tay trái đang cầm một khẩu súng, chỉ cách mặt K vài phân. Mưa rơi lộp bộp trên tay áo anh ta.

Lanik nói, “Anh không nhỏ nhẹ như anh nghĩ đâu, anh bạn.”

K nhìn chăm chăm vào họng súng và cảm thấy sợ hãi. “Chúa ơi,” hắn la lên. “Đừng bắn tôi.”

Hắn có thể nghe thấy sự hoảng loạn trong giọng nói của mình. Nghe có vẻ khá chân thực. Nhưng một phần trong hắn lại cảm thấy bình tĩnh. Một phần trong hắn vẫn đang quan sát và tính toán. Hắn có thể vượt qua được chuyện này nếu xử lý đúng cách. Giọng nói hoảng sợ thật tuyệt, hắn nghĩ. Hãy làm như thế nhiều hơn nữa.

“Làm ơn,” hắn nói. “Tôi có tiền trong ví. Hãy lấy nó đi. Anh muốn gì cũng được.”

Lanik bình thần đứng trong mưa. “Anh là ai? Sao anh lại theo dõi tôi?”

“Theo dõi ư? Không hề, tôi thề đây.” Tuyệt, K nghĩ. Nhiều hơn nữa. “Tôi đang đi tìm con chó của mình,” hắn nói, lời nói dối thốt ra thật dễ dàng. “Thình thoảng, vợ tôi đưa nó đến công viên và tháo xích cho nó. Hôm nay, cô ấy cũng mang nó ra đây nhưng nó đã chạy biến mất...”

“Vậy nên giờ anh đang đi tìm nó,” Lanik nói. “Vào ban đêm. Trong khi trời đang mưa.”

“Tôi thề đấy.”

“Cùng với ống nhòm.”

K buông thông hai tay, chứng tỏ mình vô hại. Hắn cầm ống nhòm bên tay phải và liếc nhìn nó như thể đã quên bằng mất.

“Tôi tìm thấy thứ này ở trong rừng,” hắn nói. “Chắc hẳn có người đã làm rơi nó. Nhìn xem, dây đeo bị hỏng rồi.”

Simon Lanik giữ chắc khẩu súng của mình. “Tôi không nghĩ anh đã tìm thấy nó. Tôi nghĩ có lẽ anh đang do thám tôi.”

K lại dùng giọng hoảng loạn. “Do thám ư? Tại sao tôi lại làm thế chứ? Tôi thậm chí còn không quen biết anh.”

“Có lẽ anh do thám cả những người khác nữa. Có lẽ anh là một *zvrhlík* [42]. Một kẻ biến thái. Anh nhòm ngó những cô gái qua cửa sổ vào ban

đêm. Đúng không?”

“Không. Không đúng. Con chó của tôi...”

Lanik nhích về phía trước. Họng súng huơ huơ trước trán K. “Có lẽ nhìn thôi thì không đủ,” Lanik nói. “Có lẽ anh còn giết họ nữa.”

“Chúa ơi, không...”

Lanik hạ họng súng xuống và gí vào má K. “Có lẽ anh đã nhòm vào cửa sổ nhà Jana Fletcher. Anh biết tôi đang nói về ai mà. Cô gái đã chết đó.”

K để nỗi hoảng loạn từ từ biến mất khỏi giọng nói cho đến khi chỉ còn sự đau khổ. “Không. Tôi chỉ đang cố tìm kiếm con chó của mình thôi. Tôi thề đó.”

Những gì xảy ra tiếp theo đã mang đến cho K hy vọng. Lanik kéo họng súng ngang qua má hăn, nhưng không bóp cò. K quan sát khuôn mặt của Lanik. Hăn gần như có thể thấy được người đàn ông kia đang suy nghĩ. Lanik không tin câu chuyện về con chó. Rõ ràng là thế. Và K cũng thấy rõ rằng Lanik muốn bắn hăn - nhưng anh ta lại sợ, bởi vì ai đó có thể sẽ nghe thấy. Phía bên kia đường đối diện công viên là nhà cửa, vậy nên Lanik sẽ không bắn. Nhưng anh ta cũng sẽ không tha cho K.

Lanik đã đưa ra quyết định: Anh ta chuyển khẩu súng ra xa khỏi má K. Thời gian chậm chậm trôi qua và K biết điều gì sẽ xảy ra. Lanik sẽ buông ngón tay khỏi cò súng và điều chỉnh bàn tay nắm khẩu súng. Anh ta sẽ rút tay lại rồi dùng báng súng đánh thật mạnh vào thái dương K, nhằm hạ gục hăn. Sau đó, nếu muốn, anh ta có thể kết liễu K thật lạnh lẽ.

K không sợ hãi. Một khi Lanik thả ngón tay ra khỏi cò súng, khẩu súng kia sẽ chẳng còn là gì ngoài một thứ vũ khí thô sơ. Và K cũng có vũ khí thô sơ của riêng mình.

Nó đang xảy ra. K trông thấy tất cả với sự rõ ràng bất thường. Mưa rơi trên tay áo khoác của Lanik, ngón tay của gã đàn ông di chuyển ra khỏi cò súng và cánh tay anh ta rút lại. K nắm chặt ống nhòm trong tay rồi vung nó lên dưới cằm Lanik.

Cái ống nhôm trúng đích và đầu Lanik ngửa ra sau. Anh ta rên rỉ. Ngón tay mò mẫm tìm cò súng, nhưng quá chậm. K đập ống nhôm vào cổ tay anh ta, khiến khẩu súng rơi xuống đất. Lanik lùi một bước, nhưng trước khi anh ta kịp hồi phục, K đã xông lên và đập ống nhôm ngang mặt anh ta. Cú đánh đập trúng bên mũi Lanik và K nghe thấy tiếng xương gãy.

Chính từ khoảnh khắc ấy, một thứ gì đó bản năng đã giành kiểm soát. Lanik vấp ngã - K nhớ là thế. Hắn nhớ rằng cơn mưa im lặng dần và khu rừng tăm tối chuyển sang đen như mực. Bóng đen kéo dài rất lâu. Và khi nó qua đi, K đang quỳ trên mặt đất. Cơ bắp hắn đau nhói. Ngón tay hắn lặn trong mớ tóc bóng dầu của Lanik khi hắn đang đẩy khuôn mặt của gã đàn ông kia vào một đồng lá ướt.

Mưa thấm đẫm qua lưng áo sơ mi của K. Hắn buông tóc Lanik ra. Lanik không hề nhúc nhích. Chiếc ống nhôm nằm trên mặt đất gần đó. K nhặt nó lên và nhận thấy nó đầm đầy máu.

Hắn đứng dậy, quay một vòng choáng váng. Hắn thấy khẩu súng của Lanik đang nằm lẩn lóc bên gốc cây và với tay nhặt nó lên, cảm thấy nó nhẹ bẫng và rắn chắc trong tay mình. Sau đó, hắn nhét khẩu súng vào túi quần.

Rồi hắn đứng bên thi thể của Lanik và nghĩ: Mà không nên để anh ta lại đây. Mà nên mang anh ta đi đâu đó để giấu.

Hắn bước đến bìa rừng và nhìn vào những ánh đèn rực sáng trong ô cửa sổ của những ngôi nhà bên kia đường. Có bao nhiêu người vẫn còn thức? Có bao nhiêu người có khả năng làm chứng? Xe của hắn đang đỗ phía bên kia công viên. Nếu muốn mang thi thể Lanik đi, hắn sẽ phải kéo nó qua sân bóng. Mà không được để ai trông thấy.

Hắn biết tốt nhất không nên thử.

Hắn kiểm tra mạch đập của Lanik trước khi rời đi. Gã đàn ông đó đã chết. Cứ gọi đây là một thắng lợi, K nghĩ. Hắn dành chút thời gian lục lọi khắp túi quần áo của Lanik. Không có gì giá trị ngoại trừ một chiếc ví. K lấy nó đi.

Một cơn gió lạnh theo sau khi hắn băng qua sân bóng tới chỗ xe của mình. Hắn quăng chiếc ống nhôm lên ghế khách, khởi động xe, bật cần gạt

nước và đặt hai tay trên vô lăng. Hấn chột rùng mình. Hấn nghĩ về cơn mưa. Hấn có thể khiến nó ngưng lại nếu thực sự muốn thế. Tất cả những gì hấn phải làm chỉ là tập trung.

Hấn bật máy sưởi lên khi cho xe chuyển bánh - thẳng tiến về phía nam, về nhà. Hấn để yên cho mưa rơi.

Sau cuộc nói chuyện với Simon Lanik, khi nhìn anh ta dần dần khuất bóng trong rừng cây, tôi đã nghĩ đến việc gọi 911. Rốt cuộc thì anh ta vẫn là một nghi can giết người. Một công dân tốt đáng lẽ sẽ thực hiện cuộc gọi đó. Nhưng tôi lại nghĩ làm thế có vẻ giống như là phản bội. Không phải vì tôi quan tâm đến Simon, mà bởi tôi nghĩ mình còn mắc nợ bà anh ta, người đã cho tôi một chỗ để trú thân.

Thế là tôi để nguyên điện thoại trong túi. Tôi vẫn đứng ngoài trời, ngược lên nhìn những đám mây và mặt trăng phía sau. Ngay cả sau khi cảm nhận được những hạt mưa đầu tiên, tôi vẫn không đi vào. Tôi đứng lắng nghe tiếng dế kêu và nghĩ tới Jana.

Quần áo của tôi ướt sũng lúc tôi vào tới trong nhà. Tôi cởi ra, tắm nước ấm rồi lên giường đi ngủ.

Sáng hôm sau, khi nghe tin về cái chết của Lanik, tôi tự hỏi chuyện gì có thể đã xảy ra nếu tôi làm khác đi - nếu tôi gọi điện báo cảnh sát. Tôi tự hỏi liệu làm thế có thể cứu mạng anh ta không.

Một người đi chạy bộ đã phát hiện ra thi thể của Lanik, một người đàn ông sống trên đường Clinton, đều đặn chạy qua khu rừng kế bên công viên Cypress. Ông ta tìm thấy Simon vào khoảng 7 giờ sáng, khá lâu sau khi trời quang mây tạnh.

Đài phát tin tức địa phương đã nghe phong thanh câu chuyện ngay sau khi cảnh sát được gọi đến hiện trường. Tôi nghe tin tức về nó lần đầu trên chiếc đài Jana đặt trong bếp. Nó khiến tôi đi kiểm chiếc TV không dùng đến mang từ căn hộ cũ qua đây. Tôi tìm thấy, lắp nó trên quầy bếp và nhanh chóng xem được những thước phim quay từ sân bóng rổ trong công viên - phóng viên chỉ tới gần cơ thể chùng đó thôi.

Vào lúc 10 giờ, có một chiếc xe tải của đài truyền hình xuất hiện trên con đường bên ngoài và tôi đang xem một video truyền hình trực tiếp với căn

nhà song lập - phong nền cho người phóng viên tay cầm mic. Những người đưa tin gõ cửa nhà Agnes Lanik nhưng bà ấy phớt lờ họ. Rồi họ sang gõ cửa nhà tôi, song tôi cũng làm tương tự.

Tối khoảng 11 giờ, Frank Moretti xuất hiện và khi ông ta đi ngang qua, tay phóng viên đã hét to câu hỏi với ông ta. Ông ta không nói gì cả. Agnes cho ông ta vào và ông ta đã ở trong một tiếng đồng hồ trước khi rời đi bằng cửa sau và vào sân nhà tôi. Tôi thấy ông ta qua cửa sau. Ông ta vẫy tay.

“Người phụ nữ đó khiến tôi mệt mỏi quá,” ông ta nói khi tôi cho ông ta vào nhà.

“Vậy thì ngồi xuống đi,” tôi nói. “Ông có muốn uống cà phê không? Tôi đã pha sẵn rồi.”

Ông ta gật đầu và tôi rót cho mỗi người một tách. Nhưng ông ta không ngồi xuống ngay mà đi qua nhìn đôi giày của tôi đang để cạnh cửa trước.

Tôi cho thêm kem và đường rồi tắt TV trước khi cả hai ngồi xuống tại bàn.

“Tôi biết bà ta nói tiếng Anh,” Moretti nói. “Nhưng nếu không thích câu hỏi nào, bà ta sẽ giả vờ lúng túng, rồi sau đó huyên thuyên bằng tiếng Séc. Tôi đã khiến bà ta phải thừa nhận rằng gã cháu trai đã ghé thăm đêm hôm qua. Nhưng tôi vẫn không biết anh ta đã ở đâu trong suốt một tuần rưỡi vừa qua, hay ai là người giúp đỡ anh ta. Chúng tôi đã tìm thấy xe anh ta trên đường Clinton gần công viên. Theo như những gì tôi biết, anh ta đã để nó lại đây mỗi đêm rồi quay về đây ngủ. Anh có biết chuyện đó không?”

Tôi khuấy tách cà phê. “Tôi e là không.”

Ông ta cau mày. “Anh định bắt đầu nói tiếng Séc với tôi hả?”

Tôi cân nhắc rồi nói, “Tôi đã gặp Simon đêm hôm qua khi anh ta rời đi tầm 11 giờ 30. Chúng tôi đã nói chuyện. Có thể anh ta đã đến đây vào những lần khác nữa, nhưng tôi không biết.”

“Hai người đã nói chuyện gì thế?”

“Anh ta nói với tôi rằng mình không giết Jana Fletcher.”

“Đương nhiên.”

“Tôi đã cố thuyết phục anh ta ra đầu thú. Để làm rõ mọi chuyện.”

“Anh thật tử tế,” Moretti vô cảm nói. “Vì đã cố thuyết phục.”

“Tôi chẳng thể làm gì khác được,” tôi nói. “Anh ta có một khẩu súng.”

“Thật không?”

“Anh ta khẳng định là có. Tôi không trông thấy nó. Ông không tìm thấy khẩu súng nào trên người anh ta sao?”

Moretti nhấp một ngụm cà phê nhưng mắt vẫn nhìn tôi. “Có lẽ anh có thể để tôi hỏi anh một câu khác,” ông ta nói, “trước khi chúng ta trả lời câu hỏi của anh. Anh có vào rừng đêm qua không?”

“Không,” tôi nói. “Nhưng ông vốn đã biết rồi còn gì. Ông đã kiểm tra giày của tôi.”

Moretti nhún vai. “Có thể anh đã đi một đôi khác.”

“Tôi có cần gọi luật sư của mình không?”

“Nếu anh làm thế có lẽ tôi sẽ bắt đầu nghĩ rằng anh có tội.” Ông ta dụi dụi mắt một lát. “Agnes đã làm chứng cho anh. Bà ta đã nhìn anh nói chuyện với cháu trai mình đêm qua và nói sau đó, anh đã ở ngoài bãi cỏ. Anh đã không đi theo anh ta vào rừng. Đó là thông tin hữu ích duy nhất tôi lấy được từ bà ta. Bà ta nói rằng anh đã ở ngoài đó tầm 10, 15 phút sau khi Simon rời khỏi. Anh vẫn ở ngoài ngay cả sau khi mưa đã bắt đầu rơi. Bà ta nghĩ điều đó thật kỳ lạ.”

“Chắc thế,” tôi nói.

“Tại sao anh làm thế?”

“Tôi nghĩ là mưa có cảm giác rất dễ chịu.”

Moretti im lặng một lát. Sau đó, ông ta hỏi, “Làm sao anh lại nghĩ rằng Lanik có mang súng?”

“Tôi không thể chắc chắn,” tôi nói. “Nhưng tôi nghĩ là anh ta có súng. Anh ta nói đó là hàng Nga. Một khẩu Makarov. Hãy hỏi Agnes xem. Có lẽ

bà ấy sẽ nói cho ông biết.”

“Tôi không mong đợi bà ta sẽ nói bất cứ điều gì với mình,” ông ta nói và gõ gõ ngón tay lên tách cà phê. “Chúng tôi không tìm thấy khẩu súng nào cả. Và nếu anh ta thực sự có súng, anh phải tự hỏi rằng tại sao anh ta không dùng nó tự vệ.”

“Có lẽ anh ta chưa từng có cơ hội.”

“Có lẽ. Cũng có thể là chẳng có khẩu súng nào cả.” Moretti lưỡng lự, rồi quyết định nói với tôi. “Tính đến thời điểm này, tất cả những gì chúng ta thực sự biết được là một kẻ nào đó đã dùng một vật khá nặng đánh anh ta tới chết. Dù cho nó là gì, kẻ tấn công cũng đã mang nó theo. Hẳn còn lấy cả ví của Lanik. Vậy nên, đây có thể chỉ là một vụ cướp đã đi quá giới hạn.”

“Một vụ cướp?”

“Đúng. Có cả tá các vụ cướp bóc và hành hung trong hoặc xung quanh công viên Cypress trong vòng một năm qua. Mà đó mới chỉ là những vụ được khai báo. Đây không phải là nơi anh muốn lãng vãng vào ban đêm đâu.”

Tôi quan sát gương mặt Moretti, cố gắng xác định xem ông ta có đang nghiêm túc không. “Ông thực sự không tin chuyện đó, đúng không? Chuyện Simon Lanik vô tình gặp cướp trong rừng ấy?”

“Giả thuyết khác của anh là gì?” ông ta hỏi. “Tôi nên tin vào chuyện gì đây?”

“Nếu như có kẻ đang tìm kiếm anh ta,” tôi nói, “đợi sẵn trong rừng, theo dõi nhà bà anh ta thì sao?”

“Và kẻ đó sẽ là ai?”

“Kẻ đã sát hại Jana Fletcher.”

Moretti thở ra một hơi thiếu kiên nhẫn. “Anh biết quan điểm của tôi về chuyện đó rồi mà - Simon Lanik đã giết Jana Fletcher.”

“Tôi biết đó là giả thuyết của ông. Tôi nghĩ ông cần phải xem xét lại.”

Ông ta chống khuỷu tay lên bàn. “Anh cần cho tôi một lý do. Anh muốn tôi tin rằng một kẻ chưa rõ danh tính đã sát hại Jana và cũng chính kẻ đó đã trốn trong rừng đêm hôm qua, hy vọng có cơ hội giết chết Simon Lanik. Vậy động cơ của hắn là gì?”

“Hắn đã xem tin tức,” tôi nói. “Hắn biết Lanik chính là đối tượng tình nghi của ông. Nếu như Lanik chết, sẽ ít có khả năng ông tiếp tục điều tra vụ án của Jana. Tên sát nhân thực sự có thể ngừng lo lắng.”

“Nếu như đó là những gì hắn muốn, lẽ ra hắn có thể không cần làm gì cả. Tôi sẽ vẫn tiếp tục nghi ngờ Lanik, còn hắn thì vô can.”

“Có lẽ hắn thiếu kiên nhẫn. Có lẽ hắn không biết tự chủ.”

“Anh đang bịa chuyện về hắn,” Moretti nói. “Tốt thôi, nhưng tôi không thể bịa chuyện được. Tôi cần có bằng chứng.”

Ông ta nói đúng. “Thế còn dấu chân thì sao?” tôi nói. “Nếu có ai đó đang theo dõi ngôi nhà, hắn sẽ thấy Lanik xuất hiện ở đây và sau đó bám theo anh ta vào rừng. Sẽ để lại dấu vết.”

Moretti gật đầu. “Sẽ có. Lý tưởng thật. Tôi sẽ cho anh biết về những dấu chân chúng tôi tìm thấy. Có ba nhóm dấu chân còn mới đi ngang qua sân bóng chày trong công viên. Chúng hiện lên rõ nhất trên nền đất ở giữa sân. Một dấu hướng về phía khu rừng thuộc về Simon Lanik. Một thuộc về người chạy bộ đã phát hiện ra thi thể. Có lẽ dấu chân thứ ba thuộc về kẻ sát nhân. Dấu chân của hắn dẫn vào rừng và rời từ rừng quay trở lại.”

Ông ta ngừng lời để nhấp một ngụm cà phê. “Nhưng một khi đã đi vào rừng, thì mọi chuyện lại khác. Mặt đất ở đó được bao phủ bởi nhiều lớp lá khô. Gần như không thể nào nhận biết được các dấu chân. Tôi cho rằng chúng ta không thể chắc chắn liệu có ai theo dõi Lanik không.”

Lại dừng. Moretti thở dài. “Thành thật mà nói,” ông ta nói, “nếu nghĩ có ai đó đang bám theo Lanik, tôi thiên về anh hơn. Nhưng Agnes đã cho anh chứng cứ ngoại phạm. Lanik mất khoảng 10 phút đi qua khu rừng, mà anh thì vẫn đang ở trên sân sau trong suốt thời gian đó. Ngoài ra, tôi đã thu được

dấu chân thứ ba trên sân bóng chày và tôi biết chúng không phải của anh - không cùng cỡ. Vì vậy, anh không giết anh ta.”

“Đúng thế.”

“Điều đó có nghĩa tôi cần phải tìm một lời giải thích khác,” Moretti nói.”Và với tôi, có vẻ như khả năng cao nhất chính là điều mà tôi đang gợi ý: Lanik đã vô tình đụng phải một kẻ nào đó đang ẩn nấp trong công viên - kẻ đã cố cướp của và cuối cùng giết anh ta.”

Tôi lắc đầu. “Tôi không tin điều đó.”

“Anh không cần phải tin. Nhưng nó tương thích với những chứng cứ tôi đang có lúc này.”

“Tôi cũng không tin Simon Lanik đã giết chết Jana.”

Moretti xòe tay ra. “Chúng ta có thể tranh luận về chuyện đó đến khi nào anh muốn,” ông ta nói. “Nhưng sự thật vẫn là Lanik có quen biết với Jana và anh ta có tiền sử gạ gẫm phụ nữ. Tôi không thể loại trừ anh ta là một nghi can trong vụ sát hại cô ta chỉ vì anh có một giả thuyết khác.”

Trông ông ta rất thành thật, tôi nghĩ. Một tay cảnh sát tiểu tụy trong bộ vest xám đen. Đôi mắt mệt mỏi nhìn thẳng vào mắt tôi. Nhưng tôi không thể tin tưởng ông ta. Và rồi cuộc, đó mới là vấn đề: Liệu Frank Moretti có thành thật hay không.

“Đó không chỉ là một giả thuyết,” tôi nói. “Thực tế Jana đã cố gắng xóa tội cho Gary Dean Pruett - cố gắng chứng minh anh ta không sát hại vợ mình. Điều đó có nghĩa bất cứ kẻ nào đã giết chết Cathy Pruett đều là vì muốn bịt miệng Jana. Ông biết tất cả về vụ Pruett. Ông là thanh tra phụ trách vụ án đó.”

Tôi có chút mong đợi ông ta sẽ phủ nhận, nhưng không có.

“Đúng vậy,” Moretti nói.

“Ông chưa bao giờ nói với tôi,” tôi nói. “Tôi đã phải tìm hiểu từ Gary Pruett.”

Ông ta vẫn thản nhiên. “Tôi nghĩ chúng ta đã nói về chuyện này rồi, anh Malone. Tôi sẽ không trả lời anh.”

“Pruett còn nói với tôi một chuyện nữa. Anh ta bảo Jana đã định nói chuyện với ông về vụ án. Cô ấy có làm thế không?”

“Có. Tôi đã nói chuyện với cô ta hồi tháng Ba.”

“Vậy ông đã biết ngay từ đầu rằng có thể có mối liên quan nào đó giữa vụ sát hại Jana và vụ của Cathy Pruett.”

“Cách duy nhất để có mối liên quan là nếu kẻ sát hại Cathy Pruett vẫn còn đang tự do,” Moretti kiên nhẫn nói. “Tôi tình cờ biết được anh ta đang ngồi tù tại Dannemora.”

“Nếu không phải vậy thì sao? Sẽ thế nào nếu Gary Pruett vô tội?”

“Anh ta có tội. Đó là những gì tôi đã nói với Jana Fletcher và cũng là những gì tôi đang nói với anh.”

“Và nếu ông sai thì sao?”

“Tôi không sai. Nhưng sao anh không tiếp tục nói cho tôi biết anh nghĩ ai là kẻ tôi nên tìm kiếm nhỉ.”

Tôi di ngón tay quanh miệng tách cà phê của mình. “Để tôi hỏi ông một điều trước. Jana có một tập ghi chép về vụ án của Pruett. Tôi đã nhìn thấy nó ở bàn của cô ấy trước khi cô ấy qua đời, nhưng giờ thì nó đã biến mất. Ông có lấy nó không?”

“Không, tôi không lấy bất cứ tập hồ sơ nào cả.”

“Vậy chắc hẳn kẻ giết người đã lấy nó đi.”

“Tôi có thể nghĩ đến những khả năng khác,” Moretti nói. “Cô ta đã dời nó đi chỗ khác. Ném nó đi.”

“Để tôi hỏi ông một điều nữa. Vào tháng Ba, khi hai người nói chuyện, cô ấy có đề cập đến Luke và Eli Daw không?”

Ông ta trưng ra một nụ cười thích thú, như thể đang đợi tôi khơi ra chủ đề về anh em nhà Daw. “Có,” ông ta nói. “Jana nghĩ họ có thể là những kẻ đã

sát hại Cathy Pruett. Cô ta có ý tưởng đó từ Gary Pruett.”

“Và ông đã nói gì với cô ấy?”

“Tôi bảo cô ấy Gary Pruett chắc chắn sẽ cố thuyết phục bất cứ ai muốn lắng nghe tin vào ý tưởng đó. Anh ta từng cố gắng thuyết phục luật sư của mình rồi bà ta lại cố thuyết phục tôi. Tôi không tin chuyện đó.”

“Tại sao không?”

“Bởi vì không có gì kết nối anh em nhà Daw với Cathy Pruett, chẳng có gì ngoài chuyện họ từng là học sinh tại trường Trung học của cô ấy. Hãy quên anh em nhà Daw đi.”

“Tôi không thể,” tôi nói. “Tôi nghĩ Luke Daw đã sát hại Jana. Ông hỏi tôi ông nên tìm kiếm kẻ nào. Đó chính là câu trả lời của tôi.”

“Ừm, không may là hãn biến mất lâu rồi.”

“Có lẽ không,” tôi nói. “Có lẽ hãn ta đã có mặt trong rừng đêm hôm qua.”

Moretti đẩy ghế lùi khỏi chiếc bàn và đứng dậy. Tôi làm theo, nhìn ông ta xoa xoa trán như thể nó đang đau nhói và nghe tiếng ông ta thở dài.

“Không ai nhìn thấy Luke Daw một năm rưỡi nay rồi, kể từ khi hãn bắn chết em họ mình là Eli,” ông ta nói. “Nhưng anh muốn tôi tin rằng hãn đã giết chết Jana Fletcher, Jolene Halliwell và Simon Lanik. Tại sao tôi nên tin?”

Tôi nghĩ đến khối gỗ hình lập phương trên mặt lò sưởi. “Những que kem,” tôi nói.

“Trời ạ,” Moretti nói. “Đừng nói về những que kem nữa.”

“Khi Luke bắn chết em họ mình rồi biến mất - ông cũng phụ trách vụ án đó. Ông đã điều tra. Vậy nên, chắc ông đã từng vào trong toa xe moóc của Luke. Ông chắc đã nhìn thấy mô hình của hãn. Thế nên khi tôi nói rằng mình đã tìm thấy một que kem trong rừng, chắc ông đã nghĩ đến Luke Daw.”

“Không hề.”

“Không, dù chỉ trong chốc lát sao?”

“Có lẽ chỉ chốc lát,” Moretti nói. “Rồi tôi chợt nghĩ ra biết đâu đó chỉ là một đứa trẻ cầm kem vào rừng chơi. Nghe này, anh cần phải nghĩ xem mình có nghiêm trọng hóa chuyện này hay không. Anh đang sống trong căn hộ của một cô gái quá cố và rõ ràng anh đã nói chuyện với tù nhân, rình mò toa xe moóc và ai mà biết được là còn những chuyện gì nữa. Có lẽ tôi không thể ngăn anh, nhưng tôi không buộc phải lần theo đầu mối của anh. Anh sẽ không thuyết phục được tôi rằng Luke Daw có dính líu tới cái chết của Jana Fletcher, bởi vì chẳng có lý do gì để nghĩ hắn ta đang ở gần đây ngày cô ta chết. Chứ đừng nói đến việc giết hại cô ta - chẳng có lý do gì để nghĩ hắn ta đã từng nghe nhắc tới cô ta.”

Chuyển cảnh:
Cuối tháng 8, năm 1996

Jana Fletcher và Luke Daw đang nằm khỏa thân dưới bầu trời đầy sao.

Jana cố tiếp nhận mọi thứ xung quanh: chất liệu tấm chăn len bên dưới thân người họ, hơi ẩm tỏa ra từ cơ thể của Luke, mùi hương thanh khiết của trời đêm. Còn có những mùi khác nữa: mùi gỗ mục của chuồng gia súc, mùi mồ hôi của chính cô và Luke. Còn phảng phất thứ gì đó, ký ức về mùi của những con bò nhưng giờ không còn khó chịu nữa vì đàn bò đã chết từ rất lâu.

Nhưng quanh đây vẫn còn những loài động vật khác: Những con chim đậu trên xà mái cao. Jana có thể nghe thấy chúng đang nhảy dọc theo rầm gỗ. Các thanh rầm trụ trụ là tất cả những gì còn sót lại của mái chuồng. Jana nhìn một cặp chim cất cánh bay đi. Nhìn hình bóng chúng trên nền trời đầy sao.

“Đó là loài chim gì vậy?” cô hỏi Luke.

“*Corvus brachyrhynchos*,” anh ta nói.

“Bằng tiếng Anh.”

“Quạ,” anh ta nói. “Trên đó có cả chim nhạn nữa, nhưng nhạn nhỏ hơn nhiều.”

Jana tập trung ngắm nhìn một ngôi sao trông sáng hơn những ngôi sao xung quanh nó.

“Chúng mang điềm xấu,” cô nói.

“Nhạn ư?”

“Là quạ, thiên tài ạ.”

“Đó chỉ là thần thoại,” Luke nói. “Tôi đã đọc được đâu đó rằng chúng rất tốt bụng. Chúng sẽ cho cha mẹ ăn khi cha mẹ già yếu.”

“Chúng nhớ được cha mẹ mình là ai sao?”

“Chắc chắn rồi. Chúng rất thông minh. Người ta cho rằng chúng có thể nhớ được mặt mũi của con người. Chúng có thể nhận ra những người mình từng gặp trước đó.”

Một cái gì đó bỗng lướt qua khung mái - có lẽ là một con quạ, hoặc có lẽ một loại chim khác hẳn. Jana đã để mất dấu ngôi sao sáng, nhưng rồi lại tìm thấy nó.

Cô chỉ vào nó. “Nó có phải chòm sao gì đó không?”

“Ngôi sao nào?” Luke nói.

“Ngôi sao sáng ấy.”

Anh ta nghiêng đầu tựa lên vai cô và ngược nhìn theo tay cô. “Có lẽ là một phần của chòm sao Nhân Mã.”

“Anh nghĩ vậy ư?”

“Cô có nhìn thấy một ấm trà không?” anh ta nói. “Chòm sao Nhân Mã được cho là trông giống một ấm trà.”

“Tôi nghĩ nó phải là cung thủ [43] chứ.”

“Đó là Nhân Mã với một cây cung, nhưng phần ở giữa giống như một ấm trà.”

Jana cố gắng nhìn ấm trà, một nhân mã hay một cây cung. “Tôi không nghĩ đó là chòm Nhân Mã đâu,” cô nói.

Cô hạ cánh tay xuống và bàn tay Luke liền nắm lấy tay cô. Một làn gió thổi qua chuồng, mát dịu trên da cô.

Luke siết chặt lấy tay cô. “Thấy chưa?” anh ta nói. “Như thế này thật tốt.”

Cô nhắm mắt lại. “Đúng vậy.”

“Chúng ta có thể vui vẻ như thế này, phải không?”

“Phải.”

Anh ta trở mình bên cạnh cô, nắm cho thoải mái. “Cô đã làm về tôi. Lúc đầu, cô đã không thích tôi.”

Cô nhớ lại đêm họ gặp nhau tại trạm nghỉ chân trên đường cao tốc.

“Lúc đầu, tôi đã rất thích anh,” cô nói. “Tôi chỉ không thích anh vào lần hai thôi.”

Anh ta bật cười. Một thanh âm trầm thấp. Nó nhỏ dần, rồi anh ta hít sâu và thở ra cùng một cái ngáp. Jana mở mắt ngắm những vì tinh tú, nhưng không phải một ngôi sao cụ thể nào, mà là cả bầu trời sao. Rồi cô trông thấy một chấm đỏ nhấp nháy lướt qua giữa chúng. Một chiếc máy bay đang ở trên cao.

Hơi thở của Luke dần trở thành một nhịp điệu đều đặn. Jana lắng nghe nó và chiếc máy bay đã khuất khỏi tầm nhìn. Cô rút tay ra khỏi tay anh ta, rồi từ từ ngồi dậy trên tấm chăn và đứng lên.

Cô bước xung quanh người anh ta, thấy quần áo của mình chất đống trên nền đất, với áo ngực và đồ lót ở trên cùng. Cô mặc đồ lót, tiếp đến là sơ mi và quần bò. Quần áo của Luke cũng chất thành một đống riêng, trên cùng là một thứ gì đó bằng kim loại và có màu đen dưới ánh sao. Một khẩu súng lục 38 li.

Cô cài cúc quần bò và nhận ra Luke đang nằm nghiêng quan sát mình.

“Cô đang làm gì vậy?” anh ta nói.

Cô mỉm cười với anh ta trong bóng tối. “Nghĩ có lẽ mình sẽ đi dạo một chút.”

“Nếu tôi không muốn cô đi đâu thì sao?”

“Vậy thì tôi sẽ ở lại.”

Anh ta nhòe dậy và ngồi vắt chéo chân trên tấm chăn. “Nếu đi dạo thì cô sẽ đi đâu?”

“Timbuktu [44].”

“Xa đấy.”

“Vậy thì xuống ao nước trước.”

Anh ta ngả người về sau, ngả người vào hai cánh tay. “Cô thật điềm đạm.”

“Điềm đạm?”

“Bình tĩnh.”

“Đúng rồi,” cô nói. “Điềm đạm và bình tĩnh.”

“Cô đang giả vờ mình không nhìn thấy nó?”

“Thấy gì?”

Anh ta hất cằm về phía đồng quần áo của mình cùng khẩu súng lục.
“Khẩu súng ấy,” anh ta nói.

“Tôi có nhìn thấy khẩu súng, Luke ạ.”

“Cô không định nhặt nó lên sao?”

“Anh muốn tôi nhặt nó lên ư?”

“Tôi muốn cô làm những gì một người bình thường sẽ làm.”

Jana cúi xuống nhặt khẩu súng. “Anh sẽ đi đến ao nước cùng tôi chứ?” cô nói.

“Quên ao nước đi,” Luke nói. “Đó không phải điều cô muốn đâu.”

“Vậy tôi muốn gì?”

“Tôi không biết. Cô có muốn lấy chìa khóa xe của tôi không? Trong túi quần ấy.”

“Anh đang định đưa chìa khóa xe của mình cho tôi ư?”

“Cô có thể lấy chúng,” anh ta nói. “Cô có súng mà.”

Cô chìa súng vào Luke. “Tôi nên lấy chìa khóa của anh sao?”

“Như thế là hợp lý.”

“Rồi sao? Bắn anh ư?”

“Tôi nghĩ là bắn trước, lấy chìa khóa sau.”

Cô kéo khóa nòng xuống. “Anh nghĩ về tôi như thế sao? Anh hoàn toàn không hiểu tôi ư?”

“Tôi khá hiểu đấy,” anh ta nói.

“Rõ ràng là không.”

Cô đột ngột quay súng lên và gí nó dưới cằm mình, lớp thép lạnh áp vào cổ cô. Cô bóp cò và nghe tiếng *tách* khi kim hỏa đập vào hộp đạn rỗng.

“Jana...”

Cô thử lấy ngón tay cái khóa nòng lần nữa và dùng một ngón tay khác bóp cò. Thêm 5 lần nữa và lần nào cũng đi kèm tiếng Luke: “Dừng lại đi!” Khi đã xoay hết một vòng ổ đạn, cô thả khẩu súng xuống đất.

Lúc này, anh ta đã đứng dậy mặc quần áo.

“Thật là ngu ngốc,” anh ta nói, giọng giận dữ. “Cô không bao giờ nên thế. Phải luôn luôn giả định súng đã được nạp đạn.”

Cô quay lưng lại với anh ta. “Đừng có làm trò vô bổ nữa,” cô nói. “Nếu tới tận bây giờ, anh vẫn không tin tôi thì chẳng khác nào bắn vào đầu tôi.”

Anh ta im lặng đứng sau lưng cô, nhưng cô tưởng tượng ra cảnh anh ta cài khuy áo và nhặt khẩu súng lên. Cô nghe tiếng máy móc mà có lẽ là ổ đạn mở ra rồi đóng lại. Có lẽ anh ta đã nhét một viên đạn vào ổ. Cô đợi anh ta gí họng súng vào sau đầu mình.

Anh ta không làm vậy. Anh ta bước đến sau lưng cô và vòng một cánh tay quanh eo cô, tay còn lại thì vòng quanh ngực cô. “Tôi xin lỗi,” anh ta nói.

Ngày 7, tháng 6, năm 1996

Jana mỉm cười rời khỏi trung tâm thương mại và nghĩ về Luke - tay trống mặc áo phong màu cam - cùng anh bạn ngốc nghếch của anh ta, gã chơi bass cừ khôi. Cô lái xe về phía đông trên đường cao tốc trong chiếc LeSabre ám mùi nước hoa cùng khói thuốc lá, và khi đến Syracuse, cô thẳng tiến về phía nam trên đường I-81.

Cô viết ngoáy tên quán bar ở Binghamton trên rìa tấm bản đồ: quán Dino trên phố Conklin. Luke cùng ban nhạc có thể sẽ ở đó vào tối mai. Cô vẫn còn 75 dặm nữa từ Syracuse tới Binghamton để đưa ra quyết định. Ban nhạc

đó có khi sẽ chơi rất dở, còn Luke có thể sẽ rất tệ nhạt và cô sẽ lãng phí mất một ngày. Hoặc có lẽ ban nhạc đó sẽ rất tài hoa còn Luke thì vô cùng hấp dẫn, rồi cô có thể sẽ dây dưa với một tay trống và không bao giờ tới được thành phố New York!

Đã đến Binghamton nhưng cô vẫn lái xe đi tiếp với đôi chút tiếc nuối. Sẽ có những anh chàng nhạc sĩ khác ở New York.

Cô đi qua ranh giới vào Pennsylvania, chuyển sang làn đường bên trái để vượt qua một hàng xe bán tải. Gió quất mạnh qua ô cửa sổ bên cạnh cô. Cô đang mở album của Melissa Etheridge bằng máy cát-sét của chiếc LeSabre.

Quá nửa đêm một chút, cô quyết định nghỉ ngơi và lái xe ra khỏi xa lộ liên bang tại một thị trấn tên là Harford rồi tấp vào một trạm xăng Exxon. Anh chàng nhân viên duy nhất ở đó bị thiếu mất một chiếc răng cửa và gần hết tóc. Anh ta đang nghe kênh nhạc rock trên một chiếc đài cầm tay.

Nhà vệ sinh nữ nằm kín đáo trong một góc vắng, phía sau những thùng nước ngọt và những kệ khoai tây chiên. Jana thấy nó sạch sẽ một cách đáng ngạc nhiên, mặc dù không có giấy vệ sinh.

Cô bước ra ngoài và lau tay vào quần bò. Anh chàng nhân viên không trông thấy cô vì đang mãi cúi mũi vào tờ tạp chí săn bắn. Một ca khúc của Tom Petty vang lên trên chiếc đài: *Em và anh sẽ còn gặp lại nhau*.

Khi bước ra cửa trước, cô nhìn thấy một chiếc xe Van màu trắng đậu kế bên chiếc LeSabre. Cô đi vòng qua phía trước xe tải, chìa khóa cầm trong tay và thấy Luke Daw đang tựa vào xe cô, trên môi nở nụ cười dễ dãi.

“Tôi biết chuyện này có vẻ thật kỳ quặc,” anh ta nói, “nhưng tôi có thể giải thích.”

Và rồi có 2 Jana: Một người đồng ý rằng chuyện này có vẻ thật kỳ quặc. Anh ta không nên ở đây. Anh ta nên có mặt ở Binghamton. Có lẽ buổi biểu diễn đã bị hủy bỏ. Và Jana kia, theo ngay sau, lại nghĩ rằng: Anh ta đã bám theo mày đấy. Anh ta là một thằng điên đi xe Van.

Jana lùi lại. Đáng ra cô nên la lên. Cậu nhân viên có thể nghe thấy cô. Người này có thể làm nhân chứng. Cô đã toan hét lên, nhưng cô lùi phải vật gì đó rắn chắc và rồi một bàn tay đưa ra bịt miệng cô. Không phải tay của Luke, mà là của gã bạn ngốc nghếch của anh ta. Gã đã tiến đến sau lưng cô.

Sau này, cô sẽ nhớ lại cái cảm giác cố gắng vùng vẫy thoát ra khỏi gã, cô đâm chiếc chìa khóa của mình vào đùi gã. Cô sẽ nhớ âm thanh phát ra từ chiếc đài của trạm xăng - một bài hát mới của Tom Petty, *Kings Highway*.

Bản nhạc nền cho một vụ bắt cóc.

Cô nhìn Luke mở cánh cửa bên sườn chiếc xe Van. Hai người họ ép cô vào trong xe. Cánh cửa đóng sầm lại. Không còn âm nhạc nữa, chỉ còn sức nặng của Luke Daw đè lên trên người cô cùng giọng anh ta nói, “Đừng lo. Chuyện này sẽ không tệ như cô nghĩ đâu.”

92 ngày - từ ngày mừng 7 tháng 6 đến ngày mừng 6 tháng 9 - đó là khoảng thời gian cô ở cùng với anh em nhà Daw. Cô đã trải qua vài giờ đầu tiên nằm phía sau chiếc xe Van, hai mắt cá chân bị trói lại với nhau, tay bị còng sau lưng, còn miệng bị nhét giẻ rồi bịt lại bằng một chiếc khăn.

Họ lái xe về phía bắc tới Binghamton, quay ngược trở lại con đường cô đã đi. Sau đó, họ rời khỏi đường I-81 và men theo đường 12 thêm 100 dặm nữa cho tới tận thành phố Rome. Nhưng lúc ấy, Jana không hề biết. Cô không biết đích đến là ở đâu hay phải mất bao lâu mới tới được đó. Chuyến đi dường như kéo dài vô tận.

Chỉ có một mình cô với Luke trong xe. Gã bạn ngốc nghếch kia đã ra đi cùng chìa khoá xe của cô. Cô cho rằng gã chắc đang bám theo phía sau trong xe của bà ngoại cô.

Lúc đầu, Luke chỉ lái xe trong im lặng, rồi anh ta bật đài lên và liên tục chuyển kênh. Jana đã cố thu hút sự chú ý của anh ta, nhưng miếng giẻ nhét trong miệng khiến mọi thứ cô nói ra đều trở thành vô nghĩa. Cô đã cố giả vờ lên cơn bằng cách thở nặng nhọc và run rẩy như thể đang bị co giật. Luke

liếc mắt nhìn cô qua khoảng cách giữa những chiếc ghế, rồi lại nhìn con đường. “Thôi đi,” anh ta nói.

Cô vẫn tiếp tục, nhưng chỉ được một lát. Cô sợ mình có thể sẽ thở gấp thật. Cô nằm áp má lên mặt sàn xe được trải thảm và tập trung hít thở bằng mũi một cách bình tĩnh. Luke đầu hàng cái dài và bắt đầu ngâm nga. Trông anh ta có vẻ hồi hộp. Anh ta lấy một cái dùi trống từ trên bảng đồng hồ và gõ một nhịp điệu phức tạp lên chiếc ghế bên cạnh.

Khi chuyến đi kết thúc, anh ta quăng cái dùi sang một bên và có vẻ trầm ngâm. Anh ta không nói gì khi tắt xe vào lề đường và tắt máy. Anh ta đi mở cửa và trưng ra cho Jana thấy một con dao cùng một khẩu súng lục. Anh ta dùng dao cắt dây trói cổ chân cô, sau đó cuốn nó lại và cất đi. Còng tay thì vẫn còn nguyên. Anh ta kéo cô ra ngoài và để cô đứng dựa vào sườn xe.

Cô nhìn thấy cây cối, bầu trời đêm và bãi cỏ mọc um tùm chạy mất hút vào bóng tối. Luke đã đậu xe phía sau một toa xe moóc, nhưng con đường nằm không xa phía bên kia. Không thấy gã bạn ngốc nghếch đâu.

Cô bướng bỉnh hếch cằm lên rồi nói, “Cởi khăn bịt miệng ra”. Lời nói ghen lại nhưng anh ta hiểu được ý chính. Anh ta giắt súng ra sau lưng và xoay người cô lại, rồi cởi nút chiếc khăn. Anh ta xoay người cô lần nữa và kéo tấm giẻ từ trong miệng cô ra.

Cô nhở ra mùi vị của nó. “Tôi bị hen suyễn,” cô nói. “Anh nhét nó vào miệng tôi lần nữa, tôi sẽ chết thật đấy.”

Luke nhìn cô hoài nghi, mở cửa bên ghế hành khách và lấy túi xách của cô ra. Anh ta đổ hết đồ đạc bên trong xuống đất rồi dùng mũi giày gầy gầy.

“Tôi không thấy có ống hít nào cả,” anh ta nói và đặt một tay lên cổ họng cô, đẩy cô dựa vào xe. “Cô không bị hen. Nếu cô nói dối tôi, chúng ta sẽ không hòa thuận được đâu.”

“Anh muốn biết sự thật?” Jana nói. “Tôi không thích bị nhét giẻ vào miệng.”

“Được rồi, sẽ không làm vậy nữa. Nhưng nếu cô la hét, tôi sẽ buộc phải bắn cô.”

“Cũng được,” cô nói và thúc đầu gối vào háng hắn ta.

Nó không khiến Luke bò ra trên mặt đất nhưng cũng khiến anh ta ngã ngửa. Nó đã cho cô cơ thoá chạy. Cô vội vàng đi dọc theo tường sau xe moóc, rẽ qua một góc và hướng ra đường. Cô nhìn thấy ánh đèn pha và chạy ra gặp họ, la lên thật to “Cứu tôi với!”. Những chiếc đèn pha di chuyển chậm lại và chiếc xe ngoặt sang một bên để tránh cô. Tới khi cô nhận ra thì đã quá muộn: Đó chính là chiếc LeSabre của bà ngoại với gã bạn ngốc nghếch đang ngồi sau tay lái.

Cô quay người bỏ chạy nhưng Luke Daw tóm được cô và kéo cô đi. Anh ta lôi cô trở lại chỗ chiếc xe van, còn gã bạn ngốc nghếch thì lái chiếc LeSabre nhập hội với họ. Luke nhét miếng giẻ vào miệng cô lần nữa rồi buộc khăn lên chỗ cũ. Chúng trói hai chân cô và khiêng cô đi dọc theo một lối nhỏ dẫn ra xa khỏi toa xe moóc, con đường cùng bất kỳ sự giúp đỡ nào cô có thể hy vọng tìm thấy được.

Trăng lưỡi liềm tỏa ánh sáng trên bầu trời. Họ đi qua bờ ao, tiến về phía tiếng ễnh ương kêu. Mặt đất dốc dần lên cao. Jana nghiêng đầu hết bên này bên nọ. Cô nhìn thấy một chuồng gia súc hiện ra mờ phía xa xa cùng một ngôi nhà đã sập.

Cô những tưởng chúng sẽ đưa mình đến nhà kho, nhưng cô đã nhầm. Chúng mang cô xuống lòng đất.

Tháng 7, năm 1996

“Anh có thể mang cho tôi một con cún,” Jana nói.

“Loài gì?” Luke Daw nói.

“Một con golden retriever [45]. Tôi luôn muốn có một con.”

“Đó là chó săn mà.”

“Tôi đâu cần mang nó đi săn,” cô nói.

Đôi mắt đen của anh ta chăm chú quan sát cô. Đôi khi trông chúng tràn đầy vẻ thông thái, đôi khi lại trống rỗng. Lúc này, cô không thể xác định được.

“Một con chó như thế cần được ra ngoài,” Luke nói. “Tôi không biết liệu mình có muốn nuôi một con dưới này không. Việc đó có vẻ thật tàn nhẫn.”

“Tôi không muốn anh phải làm điều gì trái lương tâm mình.”

“Để tôi nghĩ đã,” anh ta nói. “Còn gì nữa không?”

“Cà phê,” cô nói.

“Không có cà phê.”

“Mocha kem sữa béo.”

“Không có cà phê, trông cô vẫn rất tỉnh táo.”

“Caramel macchiato vậy.”

“Tôi có thể mang kem cho cô.”

“Tôi sẽ lấy kem,” cô nói, “nhưng tôi vẫn muốn cà phê.”

Không có ghế trong nhà tù dưới lòng đất của cô nên họ đang ngồi dưới đất – Jana ngồi giữa phòng còn Luke dựa lưng vào cánh cửa. Hắn ta đã mang theo một cái đèn: Một chiếc đèn xách tay chạy bằng pin được đặt trên mặt sàn ngay bên cạnh anh ta.

Jana nghĩ lúc này hẳn đã về đêm, nhưng không chắc. Cô có khuynh hướng mất nhận thức về thời gian. Luke xuống đây lúc nào mình thích, cô chẳng bao giờ biết được khi nào cửa sẽ mở. Đôi khi - giống như lúc này đây - anh ta chỉ xuống để nói chuyện và họ vờ như mình là những con người có văn minh, chứ không phải một kẻ điên và tù nhân của hắn. Họ là một cặp đôi đang thương lượng các điều kiện chung sống.

“Tôi muốn đồ ăn Syria,” cô nói.

“Đó là Trung Đông mà.”

“Hơi Trung Đông thôi.”

“Shish kebobs [46]?” anh ta nói. “Giống thế hả?”

“Đại loại thế.”

“Tôi sẽ xem mình có thể làm được gì.”

“Hoặc đồ ăn Ethiopia.”

“Châu Phi à?”

“Bắc Phi.”

“Không phải dân Ethiopia luôn đói khát sao?”

“Không phải ai cũng thế,” Jana nói. “Có một số người đã đến đây mở nhà hàng.”

“Họ phục vụ những món gì?”

“Thịt gà và thịt cừu,” cô nói. “Đậu lăng. Và một loại bánh mì xốp gọi là *injera*.”

“Ở đây không có. Rất tiếc.”

“Chán nhĩ,” cô nói. “Đó là món tôi thích.” Không hẳn. Cô từng ăn thử một lần ở Montreal, nhưng ở Geneva thì không thể kiếm được món đó.

“Còn gì nữa không?” Luke hỏi.

“Món Ý.”

“Tôi đã mang cho cô món Ý rồi mà.”

“Anh mang cho tôi pizza lạnh.”

Hắn ta ngồi đó, xoay một que kem qua lại giữa các ngón trên bàn tay phải. Jana nghĩ xem sẽ thế nào nếu bẻ cái que kia gãy làm đôi rồi chọc vào mắt của anh ta.

“Có lẽ cô cần hạ thấp kỳ vọng của mình xuống,” anh ta nói.

“Theo anh nghĩ thì chúng thấp đến thế nào?”

Hôm đó là ngày 15 tháng 7 - ít nhất đó là những gì Luke Daw đã nói khi cô hỏi anh ta. Cô buộc phải bằng lòng với câu trả lời đó, vì cô đã không còn được nhìn thấy bầu trời kể từ hôm chúng nhốt cô dưới lòng đất.

Chúng giam cô trong một cái hộp gỗ, kích thước 3,6 x 3,6 mét và trần cao 2,4 mét. Không hẳn là một khối lập phương hoàn hảo.

Các bức tường được làm từ hàng trăm tấm gỗ kích thước 2x4, mỗi tấm dài 1,2 mét. Những tấm gỗ được đặt nằm ngang và đóng bằng đinh tán phía sau những bức tường, hay cô cho là thế. Trên mỗi mảnh đóng hai chiếc ốc vít. Sàn và trần cũng được đóng theo cách tương tự.

Có một cánh cửa đơn ở chính giữa một bức tường. Trông nó giống như thể được tận dụng từ một tòa nhà cũ nào đó, có thể là từ ngôi nhà trong trang trại mà cô đã nhìn thấy đêm hôm bị đưa về đây. Cô không thể với tới cánh cửa, bởi vì sợi xích quanh mắt cá chân đã hạn chế khả năng di chuyển của cô. Sợi xích xuyên qua bức tường đối diện với cánh cửa và đầu kia được bắt bu lông vào một thứ gì đấy ở phía bên kia.

Chúng mang cho cô chăn cùng một tấm đệm mỏng để ngủ. Phần lớn thời gian, chúng để tay cô được tự do, nhưng đó không phải vì lòng tốt, cô chắc chắn là vậy. Mà vì tính thiết thực. Chúng muốn cô có thể tự ăn uống và sử dụng nhà vệ sinh. Nhà vệ sinh là một cái xô nhựa có nắp đậy.

Nếu hôm nay là ngày 15, vậy thì Jana đã ở đây được hơn 5 tuần rồi. Cô cố ngẫm nghĩ xem liệu điều đó có hợp lý hay không. Cô không muốn tin vào

cảm nhận về thời gian của mình, vì cô đã ở quá lâu trong bóng tối. Và vì bọn chúng đã chuốc thuốc cô.

Chuyện đó bắt đầu từ rất sớm. Ngay trong lần đầu tiên Luke Daw cưỡng bức cô, cô đã chống trả lại và huých khuỷu tay vào mặt làm anh ta bị rách môi. Song việc đó chẳng quan trọng. Anh ta vẫn có được thứ mình muốn. Nhưng sau lần đó, chúng bắt đầu cho gì đó vào thức ăn của cô. Sau khi ăn xong, cô cảm thấy chệnh choáng và ngủ nhiều hơn bình thường. Ngay cả lúc thức dậy, đầu óc cô vẫn có vẻ mơ màng.

Khi nhận ra những gì chúng đang làm, cô liền tuyệt thực và khi cảm giác chệnh choáng vẫn tiếp tục, cô cho rằng chắc hẳn chúng đã pha thuốc vào nước uống. Vậy là cô cũng ngừng uống nước. Chúng trả đũa bằng cách lấy hết quần áo, chăn đệm và cái xô nhựa, chẳng để lại gì ngoài sợi xích quanh mắt cá chân cô.

Nhưng cô vẫn không chịu nhượng bộ. Cho đến một ngày, Luke đi xuống và giơ ra một thứ gì đó cho cô thấy: tấm bằng lái xe của cô. “Cô sẽ ăn chứ?” anh ta nói. “Hay tôi nên đến địa chỉ này và giết bất kỳ ai mình thấy?”

“Tôi từng có một con chó,” Luke Daw nói.

Jana đã để tâm trí nghĩ vẩn vơ nhưng giờ cô tập trung chú ý vào anh ta: Luke cùng cái que kem.

“Giống gì?” cô hỏi.

“Chỉ là một con chó đi lạc chúng tôi đã nhận nuôi. Một con chó lai. Nhưng nó biết cách nhặt đồ về. Tôi không hề dạy nó. Từ lúc đến với chúng tôi, nó đã biết làm thế rồi. Tôi thấy nhớ nó.”

“Chuyện gì đã xảy ra với nó?”

Luke cắn cái que giữa hai hàm răng rồi lại lấy nó ra. “Nó già đi, rồi bị mù, không thể đi lại được. Chúng tôi buộc phải bắn chết nó.”

“Thật khủng khiếp.”

“Tôi đã tự làm việc đó. Ông ngoại bắt tôi làm. Tôi muốn nói là ông nghĩ mình đang dạy tôi bài học về trách nhiệm. Nhưng chủ yếu là do ông ấy là một kẻ khôn.”

Luke gặm cái que một lát rồi nói thêm, “Ông từng nhốt tôi dưới này nếu tôi làm điều gì đó không tốt. Mà cũng không thực sự là ở đây,” anh ta nói và chỉ cái que vào căn phòng. “Tôi đã tự mình xây chỗ này, sau khi ông qua đời.”

Anh ta đã từng kể cho cô nghe chuyện đó, như thể muốn gây ấn tượng với cô. Cô đã định nói cho anh ta biết suy nghĩ của mình về tác phẩm này, nhưng rồi cô im lặng vì muốn hẳn ta tiếp tục nói chuyện.

Cô sớm phát hiện ra rằng anh ta sẽ mang tới những thứ cô yêu cầu. Xà phòng và nước ấm để tắm, khăn tắm, quần áo mới mà vốn là quần áo của cô lấy từ trong chiếc LeSabre của bà ngoại. Anh ta còn mang quần áo bẩn của cô đi giặt rồi mang đồ sạch sẽ trở lại.

Cô tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với chiếc xe của bà ngoại. Anh ta bảo đã phi tang nó. “Không ai tìm được nó đâu,” anh ta nói.

Anh ta còn kể cho cô nghe những câu chuyện khác, những chuyện nhỏ nhặt về bản thân. Mẹ anh ta đã bỏ đi khi anh ta còn bé và ông ngoại đã nuôi nấng anh ta. Gã bạn ngốc nghếch kia tên là Eli và thực ra chính là em họ của anh ta. Ban nhạc là có thật, nhưng nó đã tan rã. Không hề có buổi biểu diễn nào tại Binghamton. Chiếc xe Van màu trắng thuộc sở hữu của Eli, còn Luke lái một chiếc Mustang.

“Nó có cửa sổ trên nóc,” anh ta nói với cô. “Cô sẽ thích nó cho mà xem.”

“Một hôm nào đó,” cô nói, “anh nên chở tôi đi một chuyến.”

“Tôi mong thế.”

Nếu muốn biết được bản chất của Luke Daw, thì nó đang hiện hữu ở ngay đây, trong cụm từ *Tôi mong thế* với vẻ thành thật vô cảm ấy. Tràn đầy tiếc nuối. Như thế cả hai đều là nạn nhân của hoàn cảnh.

“Cô đang nghĩ gì vậy?” Luke hỏi.

Một câu hỏi nguy hiểm mà cô không bao giờ trả lời thành thật.

“Tôi đang nghĩ tới cà phê,” cô nói.

“Cô lúc nào cũng nghĩ tới cà phê. Cô bị ám ảnh rồi.”

“Tôi sẽ không như vậy nếu anh mang cà phê cho tôi.”

Anh ta đặt cái que lên trên đầu gối và cầm một chai nước bên cạnh chiếc đèn xách tay lên. Anh ta cũng mang cho cô một chai và đặt nó ngay trước mặt cô khi bước vào.

Cô nhìn anh ta uống một hơi dài.

“Nước sôi,” anh ta nói. “Tốt hơn cà phê nhiều.”

Anh ta đặt cái chai xuống và lấy ra một tấm thiệp từ trong túi áo sơ mi. “Trước khi tôi quên mất,” hẳn ta nói. “Lại đến lúc viết thư về nhà rồi, đúng không nhỉ?”

Anh ta ném tấm thiệp để nó hạ cánh ngay trong tầm với của cô. Đó là một tấm bưu thiếp in ảnh tượng Nữ thần Tự do.

“Mơ hồ và vui vẻ,” anh ta nói và ném cho cô một cây bút. “Chúng ta không muốn Mẹ lo lắng đâu.”

Jana viết địa chỉ trước tiên, tiếp đến là lời nhắn: *Mọi thứ ở đây đều rất tuyệt vời. Đừng lo lắng cho con. Con yêu mẹ. Mơ hồ và vui vẻ.* Không có mảnh lời hay ý nghĩa ẩn nào. Lần đầu tiên khi Luke bắt cô viết bưu thiếp, cô đã cố viết một điều gì đó khác với bản tính của mình. *Thưa Mẹ*, cô viết thế bởi vì cô chưa bao giờ trang trọng đến thế. Nhưng Luke ngay lập tức bắt thóp được cô. “Tôi không nghĩ vậy đâu,” anh ta nói và xé tấm thiệp đi. “Hãy bắt đầu bằng *Mẹ ơi*.”

Thế nên giờ không còn mảnh khước nào hết. Cô ký tên rồi ném bút trả lại anh ta. Sau đó là tấm bưu thiếp. Anh ta đọc nó rồi nhét vào túi quần.

Anh ta nhặt chai nước và cái que rồi đứng dậy. “Tôi đi đây,” anh ta nói. “Có thể chút nữa tôi sẽ quay lại nhưng cũng có thể không. Hôm nay thật vất vả. Eli đang lo lắng.”

“Vậy sao?”

“Cậu ta chưa từng nghĩ chuyện này sẽ kéo dài lâu đến vậy. Cậu ta nghĩ có lẽ chúng tôi nên dừng lại.”

“Có lẽ ý tưởng đó không tồi đâu.”

“Cái kết thúc mà cậu ta nghĩ đến... cô sẽ không thích nó đâu.”

“À.”

Luke mở cửa. “Tôi nói với cậu ta rằng đến lúc cần kết thúc thì nó sẽ kết thúc. Chúng tôi chưa từng làm chuyện này trước kia. Chúng tôi đều đang tìm cách vượt qua.” Anh ta cầm chiếc đèn xách tay lên. “Cậu ta không vui. Nhưng Eli là như thế. Luôn luôn bồn chồn và cần được trấn an. Tôi chính là người làm việc đó.”

“Chắc hẳn khó khăn cho anh lắm,” Jana nói.

Không có phản ứng trên mặt anh ta - đôi mắt đen không chớp - nhưng có gì đó đã xảy ra. Hắn ta thả tất cả mọi thứ mình đang cầm - đèn xách tay, cái chai và que kem - rồi lao về phía cô. Đẩy cô ngã ngửa ra khiến cô đập đầu xuống mặt sàn cứng. Bàn tay anh ta siết chặt họng cô. Cô cố gắng hít thở, nghe thấy chiếc đèn xách tay lăn từ bên này sang bên kia những tấm gỗ và nhìn ánh sáng của nó nhảy múa điên cuồng trên trần nhà.

“Cô có muốn lặp lại những gì mình vừa nói hay không?” anh ta hỏi cô. Nhẹ nhàng, êm ái.

Cô không cố lên tiếng, chỉ lắc đầu.

“Cô có nghĩ tôi ngu ngốc không?”

Lại lắc đầu.

“Tốt. Cô không thông minh hơn tôi đâu. Tôi biết mịa mai là gì đấy. Tất cả những điều nhỏ nhặt cô nói ra đều không qua được tai tôi đâu. Cô nên nhớ điều đó.”

Cô gật đầu. Anh ta buông tay khỏi họng cô và giúp cô ngồi dậy. Cô ngoảnh nhìn đi chỗ khác, cố gắng lấy lại nhịp thở và cảm thấy tim mình đập

dữ dội. Khi cô quay lại nhìn, anh ta đang mỉm cười.

“Ôi Chúa ơi,” anh ta nói. “Cô phải thấy vẻ mặt mình lúc đó. Cô thực sự đã rất sợ hãi, phải không?”

Cô không tin giọng nói của mình có thể trả lời được.

“Thật đấy,” anh ta nói và vuốt tóc cô. “Nhưng cô biết tôi sẽ không thực sự làm tổn thương cô. Tôi đã từng làm cô đau bao giờ chưa?”

Anh ta ấn môi mình lên trán cô và giữ ở đó, giống y hệt cái cách người ta hôn một đứa trẻ. Cô nhắm mắt lại và ngồi yên cho đến khi anh ta buông cô ra.

“Chúng ta ổn cả, phải không?” anh ta nói. Cô thì thầm đáp lại. “Ừ.”

Sau khi anh ta rời đi, cô ngồi bất động trong bóng tối, thẳng lưng, cổ hít thở thật sâu và chậm rãi. Cô nhớ lại cảm giác khi những ngón tay của Luke Daw đặt trên cổ họng mình và nó khiến cô run rẩy, bắt đầu từ hai vai và nhanh chóng chuyển thành một cơn rùng mình chạy khắp cơ thể. Cô bật khóc và vùi mặt vào hai bàn tay. Rồi cô nằm xuống, nghiêng người sang một bên, đầu gối co lên tới tận ngực, khiến sợi xích nơi mắt cá chân kéo lê trên ván sàn.

Một lúc lâu sau, cô lui về bức tường phía xa, cầm lấy chai nước hãn ta đã đưa cho mình. Cô vặn nắp để xem nó có mở được dễ dàng không. Nếu cô phải bóc lớp giấy quanh miệng chai thì hãn anh ta chưa làm gì nó.

Nhưng cô không bao giờ phải bóc lớp giấy. Các chai đều mở được rất dễ dàng. Chai này cũng vậy. Cô uống một ngụm nước và vị của nó rất ổn, nhưng vị của nước chẳng bao giờ có vấn đề gì. Cô đóng nắp chai lại và đặt nó sang một bên, mặc dù vẫn còn khát. Cô muốn mình tỉnh táo phòng khi Luke quay lại.

Cô ngồi tựa lưng vào bức tường trong bóng tối và nghĩ về tấm bưu thiếp, tự hỏi liệu anh ta có thực sự gửi nó đi không. Để cho thuyết phục, hãn ta sẽ phải gửi nó đi từ thành phố New York, nếu không dấu bưu điện sẽ bị sai.

Cô chưa từng nói mình sẽ tới New York nhưng anh ta có tấm bản đồ cô đã đánh dấu sẵn đường đi. Anh ta không ngu - đó là sự thật. Anh ta rất giáo hoạt. Anh ta biết cô không đơn thuần tới New York chơi vì cô mang theo những thứ một khách du lịch sẽ không mang: giấy khai sinh và thẻ an sinh xã hội. Vì vậy, anh ta biết cô đã bỏ nhà.

Anh ta cũng biết về mẹ cô. Lời đe dọa đầu tiên chỉ mang tính chung chung: tìm tới địa chỉ nhà của cô và giết chết bất cứ ai anh ta tìm thấy. Sau đó, anh ta biết nhiều hơn: rằng Jana sống cùng mẹ, và bà đang mong chờ tin tức về cô. Vì thế mới có những tấm bưu thiếp kia.

Khi Luke lần đầu tiên đề cập đến mẹ cô, Jana cho rằng anh ta đã đi tìm hiểu đôi chút. Chuyện đó rất dễ dàng: có một cái tên Lydia Fletcher trong niên giám Geneva kèm một địa chỉ trùng với cái trên giấy phép lái xe của Jana. Nhưng cô biết được rằng Luke còn có một nguồn tin khác.

“Cô đã nói với tôi về bà ấy,” anh ta nói.

“Không hề.”

“Cô nói hôm nọ.”

“Tôi đã nói gì với anh?”

“Những chuyện khác nhau. Ví dụ như bà ấy muốn cô học trường Luật.”

“Tôi chưa bao giờ kể cho anh điều đó.”

“Ừm, cô đã kể trong vô thức,” hắn ta nói.

“Vô thức?”

“Cô biết đấy, lúc ngái ngủ.”

“Anh bảo tôi đã nói mơ sao?”

“Không hẳn. Nó xảy ra khi cô còn đang tỉnh táo, nhưng không hoàn toàn. Eli nghĩ rằng cô bị mất nhận thức.”

“Eli? Chuyện đó cũng từng xảy ra với anh ta sao?”

“Vài lần. Cậu ta thường không nán lại để nói chuyện thân mật. Không giống tôi.”

Nghĩ tới việc nói chuyện thân mật trên giường với Luke Daw - hay Eli - khiến Jana cảm thấy buồn nôn. Cô cúi đầu xuống, hy vọng cơn buồn nôn sẽ qua đi.

Nhưng Luke lại hiểu nhầm cử chỉ đó của cô. “Đừng xấu hổ. Không phải lỗi của cô đâu. Chắc là do thuốc.”

Đây là lần đầu tiên anh ta thừa nhận đã đánh thuốc cô. Nhưng anh ta không nói thêm bất cứ điều gì – về những viên thuốc hay những gì có lẽ cô đã nói. Thông tin về việc mình bị mất nhận thức làm cô đau đớn, nhưng tin đó không mới. Cô chỉ biết duy nhất một điều là cô không nhớ nổi đã có chuyện gì xảy ra với mình.

Có những vết bầm tím trên cơ thể mà cô không tài nào giải thích nổi. Và có lúc, cô tỉnh dậy một mình trong nhà tù, nhưng biết rằng có ai đó đã ở cùng với cô, ai đó đã ở bên trong cô, nhưng cô không biết đấy là ai - chẳng biết ai để mà đổ tội, mà ghét bỏ: Luke hay Eli.

Đó là một mức độ khác của việc bị cưỡng bức: không biết gì cả.

Jana lướt ngón tay dọc theo mép nổi sàn nhà và bức tường. Cô hoảng sợ khi không cảm nhận được thứ cô nghĩ rằng sẽ thấy nhưng cô tìm thấy nó ở xa hơn một chút: đồng 25 xu mà mẹ cô đã cho.

Chúng đã lấy đi tất cả mọi thứ trong túi quần của cô khi mang cô tới đây, ngoại trừ thứ này. Chẳng hiểu sao chúng lại bỏ qua nó. Đêm đầu tiên đó, khi chúng bỏ cô lại một mình, cô đã nắm chặt nó trong tay như một lá bùa hộ mệnh và nghĩ tới mẹ.

Cô không bao giờ nhét nó lại vào túi, mà đặt nó trên sàn nhà, tách biệt hẳn, ở chỗ giấu gần nhất cô có thể tìm được. Làm thế hóa ra lại khôn ngoan. Bởi vì không lâu sau, Luke Daw đã lấy mất chiếc quần bò cô đang mặc khi bị bắt cóc. Anh ta quyết định rằng mình thích cô mặc váy hơn. Như vậy sẽ khiến mọi việc trở nên dễ dàng hơn cho anh ta.

Lúc này đây, Jana đang nắm chặt đồng xu khi ngồi trong bóng tối. Đó là thứ duy nhất cô có mà chúng không hay biết.

Cô đứng lên và đi đi lại lại trong căn phòng, tới khoảng cách xa nhất mà sợi xích cho phép. Chẳng đáng bao nhiêu. Sợi xích quấn quanh mắt cá chân cô và được khóa lại bằng một ổ khóa nặng trĩu móc qua hai mắt xích. Nó rất chặt - tuy không đủ làm nghẽn tuần hoàn máu, nhưng cũng đủ để cô không thể thoát ra được. Cô đã từng thử làm vậy và sẽ phải tìm cách phá khóa hay chính sợi xích ấy. Hoặc có thể xử lý bằng cách khác: từ đầu bên kia sợi xích.

Sợi xích xuyên qua bức tường giữa hai tấm ván gỗ. Nó hẳn phải được gắn chặt vào một thứ gì đó phía bên kia. Vì vậy, cô cần phải chọc thủng bức tường ấy. Đơn giản thôi.

Chỗ sợi xích xuyên qua nằm khá thấp trên tường. Jana ngồi xuống phía trước và dùng đầu ngón tay khám phá bề mặt của nó. Có một tấm ván gỗ nằm bên trên sợi xích và một tấm khác nằm phía dưới. Cô tập trung vào tấm phía trên và tìm thấy hai con vít: bắt chặt vào đỉnh tán. Đó là vít pake. Cô sẽ cần một cái tuốc nơ vít. Cô có một đồng 25 xu.

Cô cho đồng 25 xu vào đầu ốc vít. Nó vừa khít một cách đầy trêu người. Cô thử xoay nó. Sang trái. Cô không ngạc nhiên khi con ốc không xoay. Cô đã từng thử rồi.

Có hàng trăm tấm ván gỗ trong căn phòng cùng hàng trăm chiếc ốc vít. Luke Daw đã dùng dụng cụ chạy bằng điện để bắt vít, một chiếc tuốc nơ vít không dây dùng cho ốc vít pake. Jana có thể nào vặn ra chỉ với một đồng xu?

Nhưng cô không cần tháo tất cả các ốc vít, mà chỉ cần tháo hai cái. Sau đó, cô có thể gỡ một tấm gỗ ra và xem có gì đằng sau. Có lẽ sợi xích đã được gắn vào một tấm thép và tấm thép ấy lại được bắt chặt vào một cột gỗ phía sau. Và sẽ còn khoảng 4 ốc vít nữa ư? Tổng cộng là 6 chiếc. Cô có thể tháo được nhiều ốc vít như vậy chỉ với một đồng xu không?

Hãy làm từng việc một. Cô cho đồng xu vào đầu ốc vít một lần nữa, giữ nó bằng hai ngón tay cái và hai ngón trỏ. Khi cô xoay, đồng xu bị trượt ra. Khít, nhưng chưa đủ. Đồng xu có cạnh tròn, trong khi tuốc nơ vít đầu pake lại có đầu nhọn.

Jana thu sợi xích vào lòng và dùng tay trái chọn ra một mắt xích. Cô lấy tay phải chà sát đồng xu vào mắt xích đó. Đồng xu sẽ không bao giờ có thể thay thế được một chiếc tuốc nơ vít, nhưng có lẽ cô có thể mài nhọn nó. Có thể sẽ mất nhiều ngày, nhiều tuần, nhưng cô còn làm gì khác được với thời gian của mình?

Có lẽ nó sẽ không có tác dụng, hoặc Luke sẽ tìm thấy đồng xu. Có lẽ Jana sẽ không bao giờ tháo được xích. Ngay cả khi có thể, cô vẫn sẽ phải ở trong nhà tù này vì không biết làm thế nào đi qua được cánh cửa bị khóa kia. Nhưng cô biết Luke Daw sẽ liên tục bước qua cánh cửa ấy. Anh ta sẽ mang đồ ăn tới, nói chuyện và lợi dụng cô. Và nếu có thể tháo được xích, cô sẽ có được yếu tố bất ngờ cùng một thứ vũ khí.

Một ngày nào đó, có thể cô sẽ quấn sợi xích quanh cổ của Luke Daw.

Chiều muộn hôm thứ Ba. Cánh nhà báo đã nhận ra rằng Agnes Lanik sẽ không bao giờ cho họ một cuộc phỏng vấn đầy nước mắt. Họ dọn đồ và rời đi. Sau đó, mấy người phụ nữ lớn tuổi ăn mặc chỉnh tề, đội mũ hoặc trùm khăn, đến gõ cửa nhà Agnes, mang theo món thịt hầm cùng những lời chia buồn về sự ra đi của cháu trai bà ấy.

Tôi định tặng hoa cho Agnes, thậm chí đã bấm số một cửa hàng bán hoa, nhưng như thế có vẻ không chân thành. Vì vậy, tôi lên xe rồi lái đến một chợ hoa. Tôi chọn ra một chậu thu hải đường cùng một chậu cây bóng nước. Tôi mang về và đặt trên sân nhà bà ấy. Tôi nghĩ bà ấy có thể trồng chúng trong vườn nhà nếu muốn.

Tối hôm đó, tôi đặt máy tính của mình lên bàn làm việc của Jana. Tôi có một công việc nhưng lại đang bỏ bê nó: hủy hẹn công việc và trì hoãn mọi thứ. Tôi cần phải quay trở lại làm việc. Tôi bắt đầu lập danh sách những khách hàng cần liên hệ, các cuộc hẹn cần phải đặt lịch lại.

Đến 11 giờ, tôi bật TV lên và xem phần mở đầu của bản tin địa phương - một phân đoạn dài về Simon Lanik, bao gồm cả cuộc họp báo của cảnh sát. Frank Moretti cũng có mặt ở đó, nhưng đứng ở phía sau. Cảnh sát trưởng đứng ở trung tâm - tóc bạc, đậm người và dễ chịu. Ông ấy trông giống như một người chú.

Một phóng viên hỏi ông ấy về mối liên hệ giữa Lanik và Jana Fletcher. Cảnh sát đang tìm kiếm Lanik để thẩm vấn. Có thể nói rằng anh ta là nghi phạm chính trong vụ án của Jana? Trước cái chết của anh ta, cảnh sát có thay đổi suy nghĩ đó không? Liệu có khả năng kẻ sát hại Jana vẫn còn chưa bị bắt?

Cảnh sát trưởng vòng vo tam quốc. Vụ sát hại Jana vẫn đang trong quá trình điều tra. Ông ấy không thể đưa ra lời bình luận về việc ai phải hay không phải là nghi can. Sở cảnh sát vẫn đang theo đuổi từng hướng đi khả thi nhằm tìm ra danh tính kẻ giết người. Còn cuộc điều tra vụ án của Lanik mới đang ở trong những giai đoạn trứng nước. Cảnh sát trưởng không muốn

vội dự đoán kết quả. Liệu hai vụ án có liên quan tới nhau không và bằng cách nào thì còn phải chờ xem. Cũng có thể cái chết của Lanik chẳng liên quan gì đến vụ sát hại Jana. Đã có một loạt các vụ tấn công và cướp của ở công viên Cypress suốt nhiều năm qua. Vụ sát hại Lanik có lẽ chỉ là một vụ trong đó mà thôi.

Đó là giả thuyết của Frank Moretti: rằng Simon Lanik đã bị một kẻ nào đó cố cướp giật từ anh ta giết chết. Tôi tự hỏi Moretti có thực sự tin vào điều đó không. Có lẽ ông ta muốn tin bởi nó ngăn ông ta đặt nghi vấn về giả định liên quan đến vụ sát hại Jana của mình.

Tôi tắt TV và quay trở lại với chiếc máy tính. Cố gắng tập trung vào những gì mình cần làm ngày mai. Nhưng vấn đề của Frank Moretti cứ quẩn quanh trong tâm trí. Tôi đứng dậy và đi thắp 4 ngọn nến trà xếp hàng trên mặt lò sưởi. Cathy Pruett, Jana Fletcher, Jolene Halliwell, Simon Lanik. Luke Daw có lẽ đã giết tất cả bọn họ, hoặc tôi đang đuổi theo một bóng ma.

Cathy Pruett là người đầu tiên mất mạng. Frank Moretti cứ khẳng khẳng rằng người chồng đã sát hại cô ấy. Tôi cố gạt nghi vấn về tính xác thực của nó sang một bên và tự hỏi liệu Moretti thực sự tin vào điều đó hay không. Cứ cho là ông ta có tin đi.

Giả sử tôi là Frank Moretti và tôi tin chắc Gary Pruett đã sát hại vợ mình. Bằng chứng trong vụ án rất mong manh, nhưng có lẽ tôi có thể khiến nó trở nên vững chắc hơn. Hiện Pruett đang ngồi tù chờ xét xử. Tôi tìm thấy một tù nhân khác - Napoleon Washburn - và thuyết phục lão ta bịa ra một câu chuyện. Tôi khiến lão ta nói rằng Pruett đã thú tội.

Moretti sẽ làm thế sao? Ông ta có tiếng là một cảnh sát liêm chính. Ngay cả luật sư của Gary Pruett cũng không thể nói xấu Frank Moretti. Chỉ là có lẽ ông ta quá thân thiết với những nạn nhân nhất định trong các vụ án.

Nếu một người đàn ông bị sát hại và bỏ lại một góa phụ xinh đẹp, Emily Beal đã nói với tôi, Moretti có thể sẽ nhận trách nhiệm an ủi cô ta.

Nhưng trong vụ án của Pruett, nạn nhân lại là phụ nữ. Không có góa phụ nào bị bỏ lại. Không có nạn nhân xinh đẹp nào cho Moretti an ủi.

Hay là có nhĩ?

Megan Pruett đã bị bỏ lại - em dâu đồng thời là bạn thân nhất của Cathy. Nếu như Moretti cố an ủi cô ta thì sao?

Megan Pruett chưa bao giờ hoài nghi về tội lỗi của Gary Pruett. Cô ta sẽ muốn được thấy anh ta ngồi tù một gông. Có thể nào cô ta đã thuyết phục Moretti khép tội anh ta không?

Tôi không thể khiến bản thân mình tin vào điều đó. Cô ta không thích hợp cho vai diễn ấy. Megan Pruett là một giáo viên hơi khinh khỉnh đã gần 40, chứ không phải một cô nàng quyến rũ có thể thuyết phục một cảnh sát liêm chính ghim lời thú nhận giả mạo lên một nghi can giết người.

Tôi nhìn 4 ngọn lửa tỏa sáng dịu nhẹ trên mặt lò sưởi, rồi quay người đi và đi qua căn phòng. Chợt tôi nhớ ra rằng còn có một người phụ nữ khác dính líu đến vụ án của Pruett - đại loại cũng là một nạn nhân: học sinh của Gary Pruett, cô thiếu nữ 18 tuổi mà anh ta ngoại tình.

Angela Reese.

Họa sĩ Angela. Tôi có một trong những bức tranh của cô ta đặt trên mặt lò sưởi. Tất cả mọi thứ trên mặt lò sưởi đều là manh mối. Cô ấy đã đưa cho tôi một tấm danh thiếp từ phòng triển lãm bày bán các tác phẩm của cô ấy - Phòng tranh Woodmere. Tôi tìm được nó trong ví.

Chiều hôm sau, khoảng hơn 5 giờ, tôi đậu xe trên con phố phía sau tòa án cũ ở khu trung tâm - trụ sở cảnh sát Rome, nơi Moretti đã thẩm vấn tôi về cái chết của Jana. Tôi nghĩ ông ta hẳn đang ở trong vì tôi có thể thấy xe ông ta trong bãi đỗ.

Tôi đã dành cả buổi sáng để trò chuyện điện thoại với khách hàng và sửa lại hàng rào. Đặt lịch các cuộc hẹn mới cũng như sắp xếp lại các cuộc hẹn cũ. Tôi có một cuộc kiểm tra nhà lúc 5 rưỡi ở bên kia thị trấn. Đáng lẽ giờ tôi phải đang trên đường đi tới đó. Nhưng tôi lại có mặt ở đây.

Đầu buổi chiều, tôi đã ghé thăm phòng tranh Woodmere, nằm trong một nửa nhà kho được sử dụng lại không xa trường Đại học. Nó có trần cao, mạ thiếc cùng rất nhiều đường ống cũ và cả gạch tróc vữa. Chủ sở hữu là một người phụ nữ gầy gò khoảng 50 tuổi, mặc đồ đen và có thể khiến Megan Pruett run rẩy vì sự khinh khỉnh của bà ta. Trợ lý của bà ta là một gã trai lười biếng ở độ tuổi 20 và cũng mặc đồ đen nhưng không đồng bộ với bà ta. Anh ta để râu dê và người ám mùi thuốc lá.

Tôi nói chuyện với người chủ trước. Bà ta vui vẻ chỉ cho tôi xem những bức tranh của Angela Reese - cô ấy có 7 bức tranh được trưng bày và vài bức nữa để trong kho - nhưng khi tôi bắt đầu đặt câu hỏi, bà ta nhanh chóng thay đổi thái độ. Có vẻ bà ta nghĩ rằng câu trả lời không phải chuyện của tôi.

Tôi rời đi bằng lối vào phía trước rồi lái xe vòng ra sau và chờ đợi. Khoảng 30 phút sau, gã trợ lý lười biếng trốn ra ngoài hút thuốc. Tôi đi qua chỗ cậu ta và nói mình muốn gì. Cậu ta bảo không thể giúp được tôi. Tôi đưa cho cậu ta 20 đô la. Cậu ta vẫn bảo không giúp được nhưng giọng đã ít chắc chắn hơn. Tôi đưa cậu ta thêm 20 đô rồi lại 20 đô nữa. Cậu ta nói sẽ giúp đỡ tôi hết sức có thể, nhưng đó là một vấn đề nhạy cảm và cậu ta cần thời gian. Cậu ta hứa sẽ gọi điện cho tôi.

Cuộc gọi đến vào lúc 4 giờ 45 và kéo dài chưa đầy một phút. Và lúc này đây, tôi đang đỗ xe tại tòa án cũ, cố gắng quyết định xem mình có nên đi vào hay không, đồng thời tự hỏi mình nên nói gì với Frank Moretti.

Trước khi tôi đưa ra được quyết định, Moretti đã xuất hiện tại lối sau của tòa án. Ông ta đi về phía xe của mình, chiếc sedan Chevy màu đen, di chuyển thật nhanh, khác hẳn với bước chân khoan thai thường ngày. Tôi nhìn ông ta vào trong xe và lái ra khỏi bãi đỗ.

Ông ta rẽ ra khỏi tầm mắt và tôi buộc phải đưa ra quyết định. Tôi bám theo ông ta. Đáng lẽ, tôi có thể đợi gặp mặt ông ta vào lần khác, nhưng tôi tò mò muốn biết ông ta đi đâu mà vội vàng đến vậy. Ông ta lái xe về phía bắc, đi vòng quanh trường Đại học Bellamy, băng qua sân bóng bầu dục và một dãy nhà dành cho sinh viên nam. Một số sinh viên đang chơi ném đĩa trên bãi

cỏ. Ông ta rẽ vào đường Turin, đi qua các khu phố rồi vượt qua Đại sảnh Hiệp sĩ đoàn Columbus [47] trước khi lái xe qua một cửa hàng tiện ích 7-Eleven cùng một bệnh viện thú y ra phía hồ Delta.

Chúng tôi đi ngang qua một cửa hàng mỗi câu, một bãi cho thuê ca nô và đột nhiên, tôi trông thấy ánh đèn nhấp trong gương chiếu hậu. Tiếp đến tôi nghe thấy tiếng còi hụ của xe tuần tra. Tôi đi chậm lại. Phía trước, Moretti cũng thế. Tôi rẽ ra khỏi con đường, vào lối đi hình móng ngựa của một nhà trẻ. Khi chiếc xe tuần tra theo ngay sau tôi. Tôi tắt máy.

Một viên cảnh sát trẻ mặc đồng phục bước ra khỏi xe, vắn đề đèn hiệu nhấp nháy. Anh ta gỡ kính râm ra khi bước về phía xe tải của tôi và tôi hạ kính cửa sổ xuống.

“Giấy phép và đăng ký,” anh ta nói.

Tôi đã chuẩn bị sẵn những thứ đó.

“Anh có biết lý do tại sao tôi dừng anh lại không?”

Anh ta không mong tôi sẽ trả lời. Tôi im lặng.

“Anh không xi nhan,” anh ta nói.

“Tôi đã lái xe trên con đường này được một lúc rồi,” tôi nói. “Và tôi không rẽ lần nào cả.”

“Anh vừa mới rẽ đây thôi.”

“Đó là sau khi tôi nghe thấy tiếng còi của anh.”

“Anh nên xi nhan cho cả lần rẽ đó. Làm ơn bước ra khỏi xe”.

Xe Moretti đã tấp vào lối đi của nhà trẻ.

“Không cần phải làm thế này đâu,” tôi nói. “Nếu ông ta muốn nói chuyện, tôi sẽ rất vui lòng tiếp chuyện.”

“Bước ra khỏi xe. Ngay bây giờ.”

Tôi bước ra khỏi xe. Viên cảnh sát trẻ tuổi bảo tôi đặt hai tay lên mui xe và tôi làm theo. Anh ta vỗ nhẹ vào người tôi từ trên xuống dưới, còng tay tôi

ra sau lưng rồi dẫn tôi về chỗ chiếc xe tuần tra, cho tôi ngồi vào ghế sau. Moretti đã theo dõi tất cả từ trong chiếc sedan màu đen.

Viên cảnh sát trẻ tuổi đến nói chuyện với Moretti. Tôi không biết họ cần nói gì với nhau. Tôi nghĩ họ chỉ muốn làm tôi sốt ruột. Vài phút sau, Moretti tới và trèo vào ngồi ghế bên cạnh tôi trên chiếc xe tuần tra.

“Thật xúc phạm,” ông ta nói.

Ông ta ngồi thoải mái trong một bộ vest xám màu khác, không nhìn tôi mà nhìn thẳng về phía trước và đặt hai tay lên đùi.

“Anh nghĩ mình có thể theo dõi tôi đã đủ tệ rồi,” ông ta nói “Nhưng làm vậy với một chiếc xe tải màu đỏ sơn tên anh ở trên thì thật sự xúc phạm. Như thế anh không tôn trọng tôi vậy.”

“Tôi tôn trọng ông,” tôi nói. “Tôi đã đến tòa án gặp ông bởi hôm nay, tôi đã phát hiện ra một chuyện và tôi muốn hiểu được nó. Nhưng đáng lẽ, tôi không nên bám theo ông.”

“Chuyện anh phát hiện ra có liên quan đến Jana Fletcher không?

“Không trực tiếp.”

“Tôi có muốn nghe về nó không?”

“Chắc là không.”

“Không sao,” ông ta nói. “Nói đi.”

“Đó là về vụ Pruett.”

“Vụ Pruett đã xong cả rồi.”

“Đó là về Angela Reese.”

Lần đầu tiên, Moretti quay sang nhìn tôi với ánh mắt lạnh lùng.

“Cô ấy thì sao?”

“Cô ấy hiện là một họa sĩ,” tôi nói. “Cô ấy vẽ tranh. Có người sẽ nói chúng chẳng đẹp để gì nhưng cô ấy bán được - thông qua một phòng tranh. Cô ấy kiếm được một ít tiền, đủ sống. Lần đầu tiên nhìn thấy tác phẩm của

cô ấy, tôi tự hỏi ai sẽ muốn mua nó. Nhưng cô ấy đã tặng tôi một bức tranh sơn dầu của mình và tôi dần có thiện cảm với nó. Tôi có thể thấy được điểm hấp dẫn.”

“Vào vấn đề chính đi.”

“Xin lỗi. Vấn đề là, tôi đã tò mò về người đã mua tranh của Angela Reese. Tôi phát hiện ra nhu cầu không cao lắm. Hầu như tất cả những bức tranh cô ấy bán đều do một người mua. Một khách hàng giấu tên. Người đó hóa ra lại là ông.”

Moretti lại quay mặt ra phía trước và nhìn chăm chăm vào khoảng trống xa xăm. “Đó là lý do anh muốn gặp tôi ư?”

“Đúng.”

“Để cho tôi biết rằng chính tôi đã mua những bức tranh đó?”

“Để hiểu được lý do.”

“Anh nghĩ rằng nó phải mang một ý nghĩa nào đó.”

“Đúng vậy.”

“Dĩ nhiên rồi. Vậy theo anh, nó có ý nghĩa gì?”

“Tôi không biết. Nhưng tôi có một giả thuyết.”

“Tôi không nghi ngờ điều đó,” ông ta nói. “Ngay cả khi anh chẳng còn gì, anh vẫn có những giả thuyết. Nói tôi nghe đi.”

Tôi cố gắng thư giãn. Thật khó khi bị còng tay. “Được thôi,” tôi nói. “Ông đã gặp Angela Reese khi điều tra vụ sát hại Cathy Pruett.”

“Đúng vậy.”

“Angela Reese có một đặc điểm nhất định. Cô ấy xinh đẹp, nhưng còn hơn thế. Cô ấy có vẻ đẹp khỏe khoắn.”

“Đó là một từ hay ho,” Moretti nói. “Khỏe khoắn.”

“Và cô ấy hấp dẫn những người đàn ông lớn tuổi hơn. Cô ấy đã từng có quan hệ bất chính với Gary Pruett.”

“Tôi nghĩ mình biết chuyện này sẽ dẫn tới đâu.”

“Vậy là ông có dính líu với cô ấy,” tôi nói. “Chuyện đó không có gì sai trái cả. Cô ấy đã 18 tuổi. “Và cô ấy muốn vẽ nên ông quyết định giúp đỡ.”

“Giống như một người *cha nuôi* [48].”

“Giống như một nhà bảo trợ nghệ thuật.”

“Thế nghe có vẻ hay hơn nhiều,” Moretti nói. “Nhưng hãy nghe nốt. Anh không bám theo tôi chỉ để buộc tội tôi có quan hệ tình ái với Angela Reese. Hẳn phải còn nữa.”

“Đúng. Nhưng tôi không chắc chắn về nó lắm.”

“Đừng để điều đó ngăn cản anh.”

“Được rồi. Napoleon Washburn...”

“Chúa ơi,” Moretti chán nản nói. “Làm ơn đừng bắt đầu nói với tôi về Napoleon Washburn.”

“Lão ta đã nói dối về lời thú tội của Gary Pruett.”

“Anh nghĩ thế.”

“Và tôi tự hỏi liệu chuyện nói dối là do chính lão ta nghĩ ra hay là có ai đó xúi giục.”

Moretti nhắm mắt lại. Tôi có thể thấy vai ông ta đang căng ra. “Bây giờ, anh cần phải cẩn thận,” ông ta nói.

“Tôi *đang* cẩn thận. Tôi không tin ông sẽ làm những điều như thế. Nhưng nếu ông cảm thấy chắc chắn rằng Pruett đã sát hại vợ mình, thì có thể ông muốn đi đường tắt. Và nếu thực sự ngủ với Angela Reese, ông lại có thêm động cơ khác. Bằng cách tống Gary Pruett vào tù, ông sẽ loại được một đối thủ.”

Bầu không khí im lặng bao trùm xe. Ngoài kia, viên cảnh sát mặc đồng phục đang đi dọc lối lái xe, tay chống hông. Frank Moretti ngả đầu ra sau và thở dài.

“Tôi phải làm gì đây?”

Ban đầu, ông ta nói điều đó với chính mình, bằng giọng nói của một người đàn ông đã lâm vào đường cùng. Sau đó, ông ta mở mắt ra và ngồi thẳng dậy, nhắm thẳng câu hỏi đó vào tôi. “Tôi phải làm gì để anh ngừng chơi trò thám tử?”

“Ông có thể cho tôi biết sự thật,” tôi nói.

“Tôi đã thử làm thế rồi. Tôi còn thử kiên nhẫn. Tôi đã dành nhiều thời gian cho anh cần thiết. Còn phải như thế nào nữa? Bạo lực ư? Tôi có phải bỏ cái gì để có được sự chú ý của anh không?”

Giọng ông ta thật bình tĩnh và đôi mắt vẫn mệt mỏi như mọi khi, nhưng tôi nhận ra một thứ dữ dội hơn ẩn giấu, một thứ ông ta đang cố gắng kiểm soát.

“Ông đã có được sự chú ý của tôi,” tôi nói.

“Tôi tự hỏi có thật thế không. Nếu vô tình đụng phải anh thời còn trẻ, có lẽ đã đâm vào bụng anh rồi. Anh đã bao giờ bị thế chưa?”

“Chưa.”

“Đau đấy. Đôi khi anh còn bị đi tiểu ra máu. Đã nhiều năm rồi tôi không đâm vào bụng ai.” Ông ta nhìn viên cảnh sát mặc đồng phục qua cửa sổ. “Những người trẻ tuổi đó chỉ nghĩ đến thôi cũng có thể sẽ ngất mất. Cậu cảnh sát này, sĩ quan Tyler, là một trong những người giỏi nhất, nhưng nếu đẩy anh ta vào một tình huống chưa từng có trong sách, anh ta sẽ trở nên lo lắng. Tôi đã yêu cầu anh ta tấp xe anh vào lề vì lỗi một bên đèn hậu hỏng.”

“Đèn hậu của tôi không bị hỏng.”

“Ý tôi là anh ta nên đập vỡ một cái. Nhưng tất nhiên anh ta không làm vậy. Anh ta đã nói gì với anh?”

“Anh ta bảo tôi không bật xi nhan.”

“Trời ạ,” Moretti nói. “Tôi sẽ bảo anh ta giữ anh ở đây thêm 5 phút nữa. Tôi không quan tâm anh đi đâu, nhưng nếu còn thấy anh bám theo lần nữa, tôi sẽ nổi giận đấy. Và nếu tôi đòi bại như anh nghĩ, thì anh sẽ không muốn chọc giận tôi đâu. Nếu tôi đổ tội cho Gary Pruett, tôi cũng có thể đổ tội anh.”

Tôi có thể chứng minh anh đã sát hại Jana Fletcher và cả Simon Lanik nữa. Hiểu chưa?”

“Rồi.”

Ông ta với lấy tay nắm cửa nhưng không rời đi ngay, mà truyền đạt thêm một thông điệp cuối cùng.

“Anh muốn biết sự thật,” ông ta nói. “Sự thật là Angela Reese là một cô gái ngọt ngào đã từng bị lợi dụng bởi một kẻ đê tiện mà sau đó đã giết chết vợ mình. Nếu Angela muốn trở thành họa sĩ, tôi muốn cô ấy trở thành họa sĩ. Tôi dự định sẽ tiếp tục mua tranh của cô ấy và việc đó chẳng liên quan đến bất cứ ai, ngoài tôi. Cô ấy không cần biết. Anh có thể lan truyền bất kỳ lời dối trá nào về tôi mà anh muốn, cho bất cứ ai mà anh nghĩ sẽ lắng nghe, nhưng nếu anh nói với Angela những gì tôi đã làm, chúng ta sẽ thực sự có vấn đề. Sẽ có bầm dập và đổ máu. Anh sẽ đến những nơi còn tồi tệ hơn ghế sau xe cảnh sát.”

Thứ Tư là một đêm không ngủ.

Khoảng 8 giờ, Roger Tolliver gọi di động cho tôi. Tôi không trả lời. Ông ta đã để lại một tin nhắn thoại: *Tôi nghe Frank Moretti nói chuyện rồi. Ông ta thúc tôi kiểm chế khách hàng của mình. Tôi nghĩ tôi và anh cần nói chuyện.*

Đến 9 giờ, tôi chợt nhớ ra mình chưa có gì vào bụng kể từ bữa trưa. Tôi tìm thấy một hộp mỳ spaghetti trong tủ và một lọ nước sốt của Jana bỏ lại. Tôi hâm nóng nước sốt trên bếp, cho thêm ít nước sôi rồi thả mỳ vào và hên giờ 10 phút. Sau đó, tôi lọc mỳ qua một cái chao rồi đổ ra đĩa và lấy thìa múc thêm ít nước sốt. Nó trông cũng được và có mùi rất thơm. Tôi chẳng muốn ăn gì.

Tới 10 giờ, tôi quyết định rằng đi ngủ sớm cũng chẳng có hại gì. Đến 11 giờ, tôi vẫn còn thức. Tôi đứng dậy và đi tắm nước nóng nhất mà mình chịu được. Sau đó, tôi bước vào phòng khách, vừa đi chân trần trên mặt sàn gỗ vừa lau người.

Tôi giẫm phải sập khô và nó nhắc tôi nhớ tới đêm Jana qua đời. Cô ấy đã cố dùng tấm gỗ 2x4 làm vũ khí chống lại kẻ sát nhân. Giá đựng nệm. Bốn ngọn nến trà đã bị hất văng ra. Một trong số chúng đã rơi xuống theo chiều thẳng đứng trong khi những cái sập ra sàn.

Đó là đêm thứ Tư của hai tuần trước.

Tôi quỳ xuống và lần ngón tay trên những dòng sập kia. Một ngày nào đó sẽ có người cạo chúng đi, nhưng người đó sẽ không phải là tôi.

Tôi đã lau người xong, mặc quần áo và đi ra ngoài sân. Không khí thật mát mẻ. Tôi bước ra bãi cỏ và nhìn sang phần nhà của Agnes Lanik. Bà ấy đang để đèn sáng trong bếp. Tôi có thể nhìn thấy những chậu hoa mình để lại vẫn đặt trên sân.

Tôi bước về phía rừng và nhìn thấy một tia sáng màu đỏ mờ nhạt phía đằng xa. Nó treo lửng lơ trong không khí một giây rồi lóe lên. Sau đó là một

tia sáng khác. Rồi thêm hai tia sáng nữa, bay lên như pháo hoa không tiếng nổ. Tôi đứng theo dõi buổi trình diễn, những đốm sáng hiện ra rồi biến mất. Tôi nghe thấy một âm thanh từ sau lưng: tiếng cửa lưới nhà Agnes Lanik đóng lại. Bà ấy bước ra ngoài với một chiếc khăn choàng quần quanh người và lần bước xuống bãi cỏ như thể đang đi trên một bãi đá. Bà ấy dừng lại cách tôi một chút và chúng tôi cùng nhau ngắm nhìn những đốm sáng.

“*Světlůsky*,” bà ấy nói.

Đom đóm.

“Tôi từng bắt chúng cho vào một cái lọ khi còn nhỏ,” tôi nói với bà ấy.

“Simon cũng vậy. Anh có nhớ đục lỗ trên nắp không?”

Giọng địa phương của bà ấy nghe rất nặng. “Nắp” nghe như “nập” vậy.

“Có chứ,” tôi nói.

“Đôi khi, Simon cần phải được nhắc nhở.” Bà ấy quấn chặt khăn choàng quanh người và nhún vai. Một cái nhún vai mang đậm chất châu Âu.

“Tôi lấy làm tiếc vì những gì đã xảy ra với anh ấy,” tôi nói.

Thêm một cái nhún vai nữa. Lần này có nghĩa thế giới là một nơi khắc nghiệt. Agnes liếc nhìn lại mảnh sân của mình và nói thêm, như mới chợt nghĩ ra, “Hoa đẹp lắm.”

Ánh sáng di chuyển chậm lại và dường như đang lùi dần về phía rừng cây. Giờ tôi mới ngấm cái mệt mỏi của cả một ngày và ngáp ngủ.

“Có lẽ anh đang khát,” Agnes nói. Tôi nghĩ đã có hiệu nhằm, như thể ngáp có ý nghĩa khác ở quê bà ấy.

Bà ấy đột ngột xoay người lại và bắt đầu quay về nhà.

“Cứ vào nếu anh muốn,” bà ấy nói. “Muốn” nghe như “Muộn” vậy.

Nhà bếp của bà ấy chính là hình ảnh phản chiếu nhà bếp của Jana, với các thứ đồ dùng tương tự, thậm chí cả bàn ghế cũng giống nhau. Bà ấy mời tôi uống một loại rượu đắng ngắt gọi là Becherovka. Nó có vị hơi giống quế và

rất giống nước súc miệng. Bà ấy uống rượu với đá và pha vào cốc của tôi ít nước có ga.

Bà ấy mở bếp ngay sau khi chúng tôi bước vào và trong lúc tôi giảng hòa với ly Becherovka thì bà ấy đổ đầy đĩa bằng những món ăn các vị khách mang tới: khoai tây nướng, món ragu Hungary thịt lợn, dưa cải bắp Đức và pierogi [49].

Bà ấy hâm nóng chiếc đĩa trong lò trước khi đặt xuống trước mặt tôi. Lúc đầu, tôi chọc chọc đĩa thức ăn rồi ngấu nghiến như chết đói và bắt bản thân chậm lại. Agnes dọn bếp, rửa bát rồi lau khô và chùi bàn bếp. Chúng tôi không nói chuyện. Có lẽ tôi đang được đóng vai một du khách nước ngoài bị lạc đường vào ban đêm. Còn bà ấy là vị chủ nhà đã cho tôi vào, cho tôi ăn uống rồi tiễn tôi ra về.

Tôi không biết bà ấy đang muốn gì, có lẽ chỉ là một người để bầu bạn, giúp vơi bớt mất mát. Tôi nghĩ bà ấy bằng lòng với im lặng thế này nhưng tôi vẫn có điều cần nói.

“Frank Moretti đã nói chuyện với bà ngày hôm qua.”

Lúc này, bà ấy đang lau bếp lò và chỉ gật đầu mà không quay nhìn lại.

“Ông ta có nói với bà giả thuyết của mình về cái chết của Simon - rằng đó có thể chỉ là một vụ cướp của đã đi quá giới hạn?”

“Có.”

“Tôi không tin điều đó,” tôi nói. “Còn bà thì sao?”

“Không.”

“Đêm đó, tôi đã nói chuyện với Simon.”

“Tôi biết.”

“Anh ấy nói rằng mình có một khẩu súng, nhưng tôi chưa từng nhìn thấy nó. Tôi thắc mắc không biết anh ấy có thực sự có súng không.”

Bà ấy đã lau xong bếp lò và thả miếng giẻ vào bồn rửa. Tôi nhìn bà ấy lật đặt bước qua cửa vào phòng khách và khuất khỏi tầm nhìn. Một phút sau, bà

ấy quay trở lại cùng với một khẩu súng lục nhỏ bán tự động màu đen. Bà ấy đặt nó lên mặt bàn, cạnh chiếc đĩa đã hết sạch của tôi.

“Viktor, chồng tôi - cái này là của ông ấy. Và còn một khẩu giống hệt thế này, Simon giữ.”

Tôi với tay lấy khẩu súng nhưng lại thôi. “Nó có được nạp đạn chưa?”

Agnes giờ đã ngồi xuống, trông như một con chim đậu trên thành ghế. Bà ấy uống một ngụm từ cốc Becherovka của mình rồi cẩn thận đặt nó xuống. Bà ấy cầm khẩu súng lên, dùng ngón cái gạt một cái lẫy để tháo băng đạn. Đôi tay gầy gò, thấy rõ cả gân chặm rãi di chuyển đầy duyên dáng. Bà ấy đặt băng đạn sang một bên rồi chĩa súng xuống sàn nhà và kéo thanh trượt lại phía sau. Một viên đạn đầu tròn vụt bắn ra từ buồng đạn và nảy qua sàn nhà. Bà ấy đưa khẩu súng cho tôi.

Tôi nhìn mặt bên của nòng súng và thấy vài ký tự Kirin [50], cùng các chữ cái Latin quen thuộc hơn ghép thành cái tên *Makarov*. Giống như Simon đã khẳng định.

Tôi nhớ ra một chuyện khác. “Simon bảo tôi rằng ông mình có dính líu đến chợ đen thời còn ở Tiệp Khắc.” Tôi giơ khẩu súng lên. “Ông ấy bán thứ này sao?”

Bà ấy uống thêm một ngụm Becherovka nữa rồi lắc đầu. “Nghe đến chợ đen là anh nghĩ ngay đến súng. Hay ma túy. Nhưng đó là sau thời chiến. Thứ này do Đảng Cộng sản kiểm soát. Viktor của tôi chỉ bán thực phẩm, quần áo và đài bán dẫn xách tay. Đó chính là chợ đen, là những thứ mà cánh đàn ông thường bán giấu bán giếm cho nhau. Và họ cũng tàn sát nhau vì những thứ ấy.” Bà ấy cau mày và quay gương mặt tiều tụy của mình ra chỗ khác.

“Simon không còn súng trên người khi họ tìm thấy anh ấy,” tôi nói. “Moretti không tin rằng Simon có một khẩu...”

Bà ấy ngắt lời tôi bằng một cái phẩy tay. “Moretti là một cảnh sát. Ông ta tin những gì mình muốn.”

Bà ấy đã đúng một nửa, tôi nghĩ. Moretti muốn tin rằng cái chết của Simon chỉ là một tội ác ngẫu nhiên. Nhưng theo tôi nghĩ, ông ta không thể thực sự tin vào điều đó. Ông ta quá thông minh và cũng quá trung thực. Thật bức bối khi cố hiểu được ông ta. Tôi nhận ra mình đang kể cho Agnes Lanik nghe về việc tôi bám theo ông ta về cuộc trò chuyện của chúng tôi trên băng ghế sau xe tuần tra. “Tôi đại loại đã cáo buộc ông ta khéps tội cho một người đàn ông vô tội,” tôi nói với bà ấy. “Nhưng đó không phải điều khiến ông ta bận tâm. Ông ta lo sợ tôi có thể sẽ nói cho Angela Reese biết rằng chính ông ta đã mua tranh của cô ấy. Và ông ta tức giận vì tôi đã bám theo. Chuyện đó kéo theo một câu hỏi.”

“Câu hỏi gì?” bà ấy hỏi.

“Ông ta đã định đi đâu ngày hôm nay? Ông ta đang giấu giếm điều gì?”

Những nếp nhăn trên gương mặt già nua của Agnes Lanik xếp lại thành vẻ không tán đồng. Bà ấy đứng dậy và mang cốc ra bồn rửa. Rồi bà ấy cúi người như một cái cây cong đang từ từ đổ xuống nhặt viên đạn dưới sàn nhà. Bà ấy mang nó trở lại bàn, ngồi xuống ghế và chìa tay ra lấy khẩu súng. Tôi đưa nó cho bà ấy.

“Anh là một đứa trẻ,” bà ấy nói. “Simon cũng là một đứa trẻ. Nó tin vào ảo tưởng.” Bà ấy giơ khẩu súng lên giữa chúng tôi. “Viktor của tôi từng khoe khoang về những khẩu súng lục Makarov của mình. Ông ấy bảo mình đã đoạt được chúng từ hai binh lính Nga đã bị ông ấy giết trong chiến tranh. Simon tin ông ấy. Sau khi ông ấy qua đời, tôi đã nói cho nó biết sự thật. Viktor của tôi chưa từng giết bất cứ người Nga nào. Ông ấy đã mua những khẩu súng này từ một *zastavárna*. Anh sẽ gọi đó là một cửa hiệu cầm đồ.”

“Một cửa hiệu cầm đồ.”

“Đúng vậy. Và chúng không phải những khẩu Makarov thật. Chúng chỉ là đồ giả. Giống như tiền giả vậy. Hàng nhái. Được sản xuất tại Đông Đức. Tôi đã nói điều đó với Simon. Nó không tin tôi. Nó thà tin vào tưởng tượng còn hơn. Giống như một đứa trẻ.”

Agnes đặt khẩu súng xuống. “Anh cũng rất ngốc,” bà ấy nói. “Tay cảnh sát này, Moretti, ông ta đe dọa anh. Ông ta nói rằng mình sẽ khiến anh đổ máu.”

“Đúng vậy.”

“Nhưng anh lại muốn biết ông ta đã đi đâu. Để bám theo một lần nữa.”

“Chắc thế.”

“Để biết được bí mật của ông ta.”

“Đúng thế.”

Những nếp nhăn không tán đồng của bà ấy hằn sâu hơn. “Vậy anh nghĩ bí mật của ông ta là gì?”

“Tôi không biết.”

“Vậy ông Moretti của anh có biết ma thuật không? Ông ta có thể mang người chết sống lại không?”

“Không.”

“Vậy thì bí mật của ông ta có ích gì cho tôi và anh chứ?”

Becherovka sẽ ở lại với bạn.

Bạn uống nó cùng cả đồng đồ ăn Đông Âu béo ngậy và nó nằm lại đó, tất cả mọi thứ đều nằm lại dưới đó. Nó phủ một màn sương dày đặc lên não bạn và bạn lê bước qua màn sương về giường. Nhưng sang ngày hôm sau, khi thức giấc tầm 1 giờ chiều, *Becherovka* vẫn còn ở đó, nhưng không phải như cách bạn nhớ về nó đêm hôm trước, nhẹ nhàng và mù sương. Nó đập cửa phòng ngủ của bạn, yêu cầu bạn xuất trình giấy tờ và gặng hỏi mục đích bạn tới Cộng hòa Séc là gì. Rồi khi bạn cuối cùng cũng hất được chặn ra và đứng dậy, nó liền nhếch miệng cười và dùng bóng súng đập vào đầu bạn.

Aspirin vô dụng. Tắm vô dụng. Cà phê vô dụng. Uống thêm *Becherovka* có lẽ sẽ được nhưng tôi không chắc. Tôi không uống nữa và chẳng bao giờ muốn uống nữa. Tôi muốn cài chốt cửa và leo trở lại giường, đào thải nó ra khỏi cơ thể mình qua những giọt mồ hôi.

Nhưng thay vào đó, tôi ép mình ăn một bát ngũ cốc và kiểm tra lịch làm việc. Tôi có ba cuộc kiểm tra nhà đã được lên lịch cho ngày hôm nay. Tôi đã ngủ quá giờ cho cuộc hẹn đầu tiên nhưng hai cuộc hẹn còn lại tôi vẫn có thể tiến hành được. Tuy nhiên, cái viễn cảnh lăn lê bò toài qua gác xép và bước đi trên mái nhà trong tình trạng hiện tại chẳng hấp dẫn tẹo nào. Tôi kiểm tra số dư tài khoản ngân hàng, làm vài phép tính và nghĩ mình vẫn ổn. Tôi có thể xếp lại lịch hẹn. Vậy là tôi dành 20 phút tiếp theo để nói chuyện điện thoại và xin lỗi.

Cơn đau đầu do *Becherovka* gây ra kéo dài tới gần hết buổi chiều. Nó đeo đẳng theo từng bước tôi đi trong căn hộ, vì vậy tôi quyết định chạy trốn bằng cách lái xe ra ngoài.

Tôi lái xe tới trang trại bị bỏ hoang trên đường Humaston, nhưng không dừng lại đó. Tôi cứ đi và để mình lạc lối giữa một mê cung những con đường vắng vẻ. Tôi không quan tâm chúng dẫn mình đi đâu. Tôi không quan tâm đến phong cảnh. Tôi cố gắng lờ đi trung đoàn lính Séc đang điều hành

trong đầu. Tôi cố để tâm trí nghĩ vẩn vơ, nhưng nó cứ trở về một đối tượng: Frank Moretti.

Trong cuộc chuyện trò với ông ta hôm trước, tôi đại loại đã cáo buộc ông ta sử dụng Napoleon Washburn để khép tội Gary Pruett. Phản ứng của ông ta lúc đó thật khó hiểu: không thừa nhận nhưng cũng không phủ nhận. *Anh phải cẩn thận*, ông ta đã nói vậy. Một lời cảnh báo tế nhị mà theo sau là một lời cảnh báo rõ ràng: rằng tôi nên dừng trò chơi thám tử lại.

Càng nghĩ về phản ứng của ông ta, tôi càng tin rằng mình chắc chắn đã khiến ông ta thấy khó chịu.

Tuy nhiên, tôi vẫn còn vài nghi vấn. Có hai điều làm tôi khó chịu khi nghĩ Moretti đã lợi dụng Washburn để vu khống Pruett: tính thực tế và đạo đức. Tính thực tế là những gì luật sư của Pruett đã đề cập khi tôi nói chuyện với bà ta. Moretti sẽ cần liên lạc với Washburn, nhưng không có ghi chép về việc Moretti đến thăm Washburn tại nhà tù của hạt.

Nhưng trốn tránh ghi chép trong một trại giam thì có khó lắm không? Mới hôm qua, Moretti đã trưng dụng một viên cảnh sát tuần tra trẻ bắt tôi tấp xe vào lề mà không có lý do đầy thôi. Ông ta không thể thuyết phục một bảo vệ nhà tù chuyển tin cho một tù nhân hay sao? Hoặc nếu thực sự muốn, ông ta không thể sắp xếp một cuộc gặp trực tiếp mà không bị ghi lại hay sao?

Vấn đề đạo đức thì phức tạp hơn nhiều. Tôi đã bảo với Moretti hôm qua rằng mình tôn trọng ông ta. Đó là sự thật. Vì thế tôi thấy khó mà chấp nhận ông ta đã yêu cầu Washburn nói dối.

Nhưng có lẽ nó không trắng đen rõ ràng đến thế.

Khi đang lái xe lòng vòng dọc theo những con đường vắng vẻ, tôi bắt đầu hiểu ra cái cách mà mọi chuyện có thể đã diễn ra. Moretti bắt giữ Gary Pruett vì tội mưu sát vợ. Giả sử ông ta tin rằng Pruett phạm tội, nhưng nhận ra bằng chứng quá mơ hồ. Vậy là ông ta đã tìm đến Napoleon Washburn. Ông ta có thể lựa chọn một phạm nhân khác, nhưng Washburn lại đang bị giam trong xà lim bên cạnh Pruett. Quan trọng hơn, Washburn đã bị buộc tội ăn cắp ô tô và sắp bị kết án. Lão ta có mọi lý do để hợp tác nếu việc đó giúp

rút ngắn thời gian ngồi tù. Moretti có thể dễ dàng biết được những điều ấy nếu ông ta có mối liên hệ trong tù.

Thế là ông ta tìm cách liên lạc với Poe Washburn. Nhưng ông ta có đề nghị Washburn nói dối không? Không cần thiết. Có lẽ tất cả những gì Moretti muốn là Washburn cố gắng làm thân với Gary Pruett, để anh ta nói chuyện về vợ mình và xem liệu anh ta có thú nhận hay không. Có lẽ Washburn đã thử làm theo cách đó nhưng không thu được kết quả gì. Vì vậy, lão ta đã giả bộ và bịa ra chuyện Pruett thú tội.

Tới khi hiểu rõ được tất cả những điều này, tôi đã vòng trở lại đường Humaston. Tôi nghĩ mình đã làm hết sức có thể, nếu muốn tiếp tục tôn trọng Frank Moretti. Ở một mức độ nào đó, kịch bản tôi đưa ra khiến việc hiểu được những gì tôi nghĩ ông ta đã làm dễ dàng hơn. Nhưng tôi biết nó không giúp ông ta trốn tránh trách nhiệm.

Nếu đó là sự thật, vậy thì ông ta chưa bao giờ trực tiếp đề nghị Washburn nói dối - nhưng chắc chắn, hiểu được rằng mình đã khích lệ Washburn nói dối. Sẽ không có phần thưởng nào cho Washburn trừ khi lão ta nói Pruett đã thú nhận. Moretti biết điều đó, nhưng chắc ông ta không bận tâm. Như thế có nghĩa là phải có một lý do nào đấy khiến ông ta không bận tâm như vậy, song tôi không biết lý do đó là gì.

Tôi lái xe ngang qua trang trại một lần nữa rồi quay trở lại Rome, tiến về phía nam thành phố để ra con đường đất dẫn tới căn nhà với những bậc thềm làm bằng gạch than xỉ, những ô cửa sổ vỡ tan cùng tầng hai cháy rụi của Poe Washburn. Tôi có rất nhiều dự đoán nhưng tôi muốn gặp Poe để tìm ra sự thật. Đây xem ra là nơi bắt đầu.

Ai đó đã đóng tấm biển *Không được xâm phạm* ngay trên cánh cửa trước. Tôi đi vòng ra sau nhà, qua một sân nhỏ được bao quanh bởi cái hàng rào xộc xệch. Phía sau nhà có nhiều bậc thềm bằng gạch than xỉ hơn cùng một cánh cửa quét vôi trắng. Thêm một tấm biển *Không được xâm phạm* khác. Cánh cửa đã bị khóa, nhưng đó chỉ là một cái chốt lò xo chứ không phải ổ

khóa. Bạn có thể mở nó bằng một cái thẻ tín dụng. Tôi dùng một lưỡi dao trong bộ dao đa năng của mình.

Ngay khi tôi đẩy cửa bước vào trong, thứ mùi nồng nặc xông thẳng vào mũi tôi.

Chẳng giống mùi nhà cháy gì cả: đó không phải mùi lửa trại sạch sẽ mà là mùi hóa chất len lỏi vào tận phổi. Tôi đang đứng trong bếp, nơi ngọn lửa chưa lan tới, nhưng thứ mùi kia đang hiện hữu ở đây và cả sự ẩm thấp. Cứu hỏa đã phun nước vào qua cửa sổ tầng hai, khiến nước rỉ qua trần nhà. Vách thạch cao tối tả và khung gỗ của ngôi nhà trơ trọi.

Tôi đứng ở chính chỗ Poe Washburn đã lao vào mình. Lão ta xuống cầu thang qua đám khói xám xịt, nhìn thấy tôi và tự nhiên đưa ra một dự đoán: có người đã phai tôi đốt nhà lão.

Bảo hẩn rằng tao đã nhận được thông điệp, Washburn đã nói với tôi như vậy. Bảo hẩn không cần phải lo lắng. Tao sẽ không nói ra đâu.

Bảo ai? Tôi đã hỏi. Bởi vì lúc đó tôi không biết. Nhưng tôi nghĩ giờ thì mình đã biết: Frank Moretti.

Tôi không thể khiến bản thân tin rằng Moretti là người đã phóng hỏa. Nhưng tôi có thể hiểu vì sao Washburn lại nghĩ thế.

Tôi rời khỏi nhà bếp và bước ra phòng khách, tới tận chân cầu thang. Mùi hóa chất cháy trở nên nồng nặc hơn nên tôi không cố đi lên.

Tôi đi xuống dưới. Tôi tìm thấy một cánh cửa để mở phía bên trên một cầu thang bằng gỗ dẫn xuống tầng hầm ngoài phòng bếp. Không khí ở đó mát mẻ hơn và thứ mùi khó chịu kia cũng nhạt hơn. Khu vực chính giữa căn phòng bê tông đã được dọn sạch và có người đã trải gối với túi ngủ ra. Bên trên chiếc túi ngủ có đặt một chiếc gối, còn quần áo được treo trên một cái giá gần đó.

Ngay cạnh giá treo là một chiếc ghế gỗ với ba món đồ đặt bên trên: một tút thuốc lá để mở, gạt tàn và đèn pin. Cạnh chiếc ghế là thùng xốp. Không có đá bên trong, mà chỉ có hai chai bia cổ dài và chút nước ấm.

Có thể tất cả những thứ này đều là của một kẻ xâm phạm trái phép bỏ lại, một kẻ cơ hội đã tìm được cách vào trong, giống tôi. Nhưng tôi không tin vào giả thuyết ấy. Tôi nghĩ chắc chắn là Poe.

Thuốc lá, bia và một chỗ ngủ. Mọi tiện nghi trong nhà.

Tôi rời khỏi tầng hầm và ra xe tải. Bật đài lên cho đỡ trống trải. Cảnh sát phải tìm Poe vì lão ta đã tấn công tôi hôm xảy ra hỏa hoạn.

Có vẻ lão ta đã tìm thấy một nơi ẩn náu tuyệt vời - nơi họ sẽ chẳng bao giờ nghĩ tới việc tìm kiếm lão ta ở đó.

Tôi không quan tâm tới vụ tấn công. Tôi chỉ muốn nói chuyện với lão ta. Có lẽ tất cả những gì tôi cần làm là chờ đợi. Xem ra, lão ta sẽ còn quay lại. Nếu không, tại sao lão ta bỏ đồ đạc lại?

Tôi biết mình có thể ngồi đây theo dõi ngôi nhà, nhưng thấy tôi đỗ xe ngay trước cửa có thể sẽ làm lão ta sợ. Nhiều khả năng lão ta sẽ không dám tiếp cận căn nhà từ phía trước. Nếu khôn ngoan, lão ta sẽ đỗ xe đâu đó quanh đây rồi đi qua sân sau. Tôi có thể sẽ không bao giờ thấy lão ta.

Cách duy nhất để chắc chắn mình không để xổng mất lão ta là đỗ xe ở một chỗ khác rồi đi bộ trở lại. Tôi sẽ phải đợi lão ta dưới tầng hầm và có lẽ sẽ phải đợi rất lâu, cũng không có gì đảm bảo lão ta sẽ xuất hiện. Nhưng nếu xuất hiện, lão ta sẽ nổi giận khi nhìn thấy tôi trong nhà mình. Tôi nghĩ tôi có thể tiên đoán trước điều đó.

Phải có cách tiếp cận nào đấy tốt hơn. Lão ta sẽ không nói nếu thấy tức giận, mà tôi thì cần lão nói. Tôi tắt đài và ngồi trong xe tải dưới bầu trời xám xịt, quang đặng. Và tôi chợt nghĩ ra. Nó có vẻ may rủi. Tôi nghĩ nó có thể hiệu quả nhưng rồi lại nghĩ có thể là không. Điện thoại tôi đổ chuông.

Là Roger Tolliver.

“Tối qua, anh không gọi lại cho tôi,” ông ta nói.

Tôi nghĩ mình đã nghe được chút tức tối trong giọng nói của ông ta, nhưng có thể tôi đã nhầm.

“Tôi đã định gọi lại,” tôi nói.

“Thanh tra Moretti bảo tôi rằng anh đã bám theo ông ta.”

“Đúng một lần.”

“Có lẽ anh không nên làm thế.”

“Giờ tôi không bám theo ai cả,” tôi nói.

“Như vậy thì tốt,” Tolliver nói. “Tại sao anh không đến gặp tôi nhỉ? Chúng ta có thể nói chuyện về tất cả những việc mà có lẽ anh không nên làm.”

“Bao giờ?” tôi hỏi.

“Càng sớm càng tốt.”

“Được rồi. Tôi cần phải lo liệu một việc trước đã. Sẽ không mất nhiều thời gian đâu.”

“Việc đó có nguy hiểm không?”

“Không.”

“Có phạm pháp không?”

“Khắt khe mà nói thì chắc là có.”

“Nếu phạm pháp thì đừng làm.”

Tôi vờ tay lấy một cây bút trên ghế khách.

“Không có gì đâu,” tôi nói. “Tôi chỉ muốn để lại cho Poe Washburn một lời nhắn mà thôi.”

“Anh để lại cho lão ta một lời nhắn,” Roger Tolliver nói, “trên gối.”

“Tôi muốn chắc chắn lão ta sẽ tìm thấy nó,” tôi nói.

Chúng tôi đang ngồi trên hiên nhà của Tolliver khi chỉ còn chưa đầy một tiếng nữa là hoàng hôn. Tôi tóm gọn những gì mình đã làm cho ông ta nghe: mối liên hệ của tôi với Moretti và những người tôi đã nói chuyện. Những người mà có lẽ tôi không nên làm phiền: Megan, Neil Pruett, Gary Pruett tại Dannemora, luật sư của Pruett, Angela Reese và Wendy Daw. Tôi để dành Poe Washburn đến cuối.

“Lời nhắn viết gì?” Tolliver hỏi.

“Chỉ là tôi cần phải nói chuyện với lão ta về Frank Moretti và Gary Pruett. Ngắn gọn thôi. Tôi đã viết nó lên mặt sau tấm danh thiếp.”

Tolliver uống một ngụm bia rồi đưa chai qua mời tôi, nhưng tôi từ chối. Ký ức về Becherovka khiến tôi cảnh giác với bất cứ thứ gì có cồn. Có vẻ bia chẳng giúp ích được gì cho Tolliver. Dường như ông ta đang không thoải mái. Lo lắng.

“Anh đã chọc giận Moretti,” ông ta nói, “và bây giờ xem ra anh đang tìm rắc rối từ Poe Washburn. Anh thực sự nghĩ rằng lão ta sẽ gọi cho mình?”

“Có thể. Hoặc có thể lão ta sẽ đến gặp tôi. Tôi đã viết cả địa chỉ của mình lên tấm danh thiếp.”

Tolliver cau mày. “Tại sao?”

“Đó là một phần lời nhắn tôi gửi cho lão ta. Chúng tôi là hai con người có văn hóa. Tôi sẽ không săn đuổi lão ta. Tôi yêu cầu lão ta đến gặp mình. Tôi cho thấy mình tôn trọng lão ta.”

Tolliver trông có vẻ hoài nghi. Ông ta nghiêng người về phía trước khi vẫn ngồi trên ghế và đặt lon bia xuống nền hiên. Sợi dây xích chó để dưới chân. Chú chó Roger đang chạy vòng quanh sân có hàng rào khi tôi đến. Nó

vẫn còn ở trong đó, nhưng đã bình tĩnh lại và đang nắm gặm một khúc xương bằng da.

Tôi nhìn Tolliver nhặt sợi dây xích lên - một sợi xích dài có kẹp ở một đầu và vòng cổ bằng da ở đầu kia. Ông ta luồn ngón tay qua vòng cổ và xích quanh tay vài vòng. Phần còn lại của sợi xích kéo lê qua mặt sàn gỗ. Cơn đau đầu của tôi gần như đã biến mất, nhưng những tiếng leng keng và lạch cách của sợi xích đang nhăm nhe mang nó quay trở lại.

“Dừng lại đi,” tôi nói.

Ông ta quắc mắt nhìn tôi, rồi bắt đầu tháo sợi xích ra. “Ông bị làm sao vậy?” tôi hỏi ông ta.

“Chẳng sao cả,” ông ta nói và thả sợi xích xuống. “Ông đang bồn chồn. Trông không được ổn lắm.”

Đúng thế. Trán ông ta lấm tấm mồ hôi. Quần áo thì trông như vừa ngủ dậy. Tôi tự hỏi ông ta có uống gì nữa ngoài bia không.

“Tôi ổn,” ông ta nói.

“Không đâu.”

“Được rồi, tôi đang lo lắng,” Tolliver nói “Nếu anh đứng về Moretti, ông ta có thể rất nguy hiểm. Tôi không chắc chắn anh đã suy nghĩ kỹ.”

“Tôi đã nghĩ kỹ rồi.”

“Anh nghĩ rằng ông ta đã vu khống Gary Pruett,” Tolliver nói. “Có lẽ Jana cũng nghi ngờ như vậy. Nếu Moretti biết điều đó, ông ta sẽ có động cơ giết cô ấy.”

“Có thể. Nhưng tôi thấy khó mà hiểu được nó.”

“Và nếu Moretti lo sợ Poe Washburn có khả năng sẽ nói ra sự thật về Pruett, vậy thì có thể ông ta đã châm lửa đốt nhà Washburn.”

“Tôi không biết đó có phải phong cách của ông ta hay không,” tôi nói. “Ông ta có thể tìm được những cách khác để xử lý Poe. Ông ta có thể đe dọa đâm vào bụng lão ta.”

Tolliver ngồi chống hai tay để lên đùi. Ông ta bóc một mảnh da khô trên lòng bàn tay trái.

“Anh nên tránh xa Frank Moretti,” ông ta nói. “Anh sẽ không bám theo ông ta lần nữa chứ?”

Tôi nhìn đồng hồ. “Giờ cũng đã muộn rồi.”

“Anh không nghiêm túc với chuyện này.”

“Không phải. Đó là lý do tôi đang nghĩ đến chuyện bám theo ông ta lần nữa. Ông ta đã cảnh cáo tôi không được làm như thế, Roger ạ. Nhưng rồi ông ta gọi và bảo ông kiểm soát tôi. Tôi nghĩ ông ta sợ tôi sẽ biết được điều gì đó mà ông ta không muốn cho tôi biết.”

“Cứ để mặc ông ta đi,” Tolliver nói.

“Tôi không biết mình có thể làm vậy không. Tôi nghĩ ông sẽ đồng cảm với tôi hơn và hy vọng ông có thể cho tôi mượn xe.”

“Tại sao?”

“Bởi vì tôi đang lái một chiếc xe tải có tên tôi trên đó. Tôi cần một cái gì đó ít gây chú ý hơn.”

Tolliver chột đứng dậy và lắc đầu. “Tuyệt đối không. Nếu anh quyết tâm chơi với lửa, tôi không thể ngăn cản anh. Nhưng tôi sẽ không giúp đỡ anh. Phải có người cư xử như người lớn ở đây. Đáng lẽ tôi nên làm vậy từ lâu rồi.”

Ông ta đi tới mép hiên và nhìn ra ngoài sân. Bên trong hàng rào mắt cáo, chú chó Roger cũng đã đứng dậy.

“Ý ông là gì?” tôi hỏi.

Tolliver quay lưng lại phía tôi. “Ý tôi là nếu lúc trước tôi làm điều đúng đắn, chúng ta sẽ không lâm vào hoàn cảnh này. Đáng lẽ Jana không bao giờ nên làm việc với tôi. Cô ấy chỉ là sinh viên Luật năm nhất. Nhưng vì cô ấy rất nhiệt tình, nên tôi đã chấp nhận một ngoại lệ. Nếu tôi không làm vậy, cô ấy sẽ không bao giờ nhận được cuộc gọi từ Poe Washburn, không bao giờ

biết đến vụ án của Pruett. Nhưng cô ấy đã biết rồi bị cuốn vào nó. Đáng lẽ tôi nên bắt cô ấy từ bỏ. Có lẽ giờ cô ấy vẫn còn sống.”

“Chỉ vì thế ư?” tôi nói. “Ông không phải chịu trách nhiệm về những gì đã xảy ra với cô ấy.”

Tolliver quay lại ngồi đối diện tôi. “Tôi có trách nhiệm hơn anh,” ông ta nói. “Nhưng hãy nhìn những gì anh đang làm mà xem. Anh đang cố sửa chữa những gì đã xảy ra, ngay cả khi anh biết không thể sửa chữa được. Và anh sẽ còn tiếp tục đeo đuổi cho đến khi khiến chính mình bị giết. Tôi muốn ngăn điều đó xảy ra.”

Ông ta cúi đầu xuống và luồn tay vào mái tóc xoăn. Khi lên tiếng lần nữa, giọng ông ta mang đầy vẻ cầu khẩn. “Nghe này, tôi biết anh đang cảm thấy gì. Jana thật quý giá. Cô ấy không đáng phải nhận lấy những gì đã xảy đến. Ngay cả bây giờ, anh cũng nghĩ phải có gì đó anh làm được cho cô ấy. Nhưng đã quá muộn. Cô ấy đã đi rồi.”

Ông ta sẽ không nhìn vào mắt tôi. Ông ta cầm chai bia lên nhưng không uống. Tôi nghĩ có lẽ ông ta đang khóc.

“Ông có cần chút thời gian riêng tư không, Roger?” tôi nói.

“Không.”

“Ông có muốn nghỉ ngơi và đi rửa mặt không?”

“Không, tôi ổn.” Giọng nói ông ta lạc đi. Chắc chắn là ông ta đang khóc.

“Vậy còn cần thêm bao lâu nữa?” tôi nói.

“Gì cơ?”

“Tôi chỉ muốn biết đã đến lúc chưa.”

“Đến lúc?”

“Đến lúc ông nói với tôi.”

Ông ta lấy tay áo lau mặt, rồi ngược lên nhìn tôi và hắng giọng.

“Anh không muốn nghe đâu,” ông ta nói.

“Vậy thì ông sai rồi, Roger. Tôi chẳng muốn nghe thêm một điều gì từ ông. Nhưng ông cần phải gợi ý cho tôi. Nó nghiêm trọng đến mức nào? Ông không hề giết cô ấy.”

Câu nói đó đã chọc tức ông ta. “Anh biết là không phải mà.”

“Được rồi. Vậy thì tệ đến mức nào? Ông đã gạ gẫm cô ấy.”

Ông ta chậm rãi ngả người xuống ghế và giữ cái chai trong lòng.

“Anh biết chuyện đó bao lâu rồi?” ông ta hỏi.

“Tôi không hề biết chuyện đó cho tới vừa nãy, khi ông nói với tôi cô ấy rất quý giá. Nhưng tôi đã nghi ngờ từ lâu rồi, ngay từ khi ông cố đổ lỗi cho con chó về vết bầm tím của cô ấy.”

Ông ta liếc nhìn con chó đang chạy. Tôi cũng thế. Chú chó Roger đang đào đất dưới hàng rào.

“Nó đúng là chơi đùa rất thô bạo,” Tolliver nói.

“Tôi biết.”

“Hôm ấy, Jana đã cùng chơi với nó. Hôm Chủ nhật, một tuần trước khi cô ấy qua đời.”

Là 10 ngày. Tôi biết rõ điều đó cũng như những thứ khác. Tôi lờ đi.

“Cô ấy chơi trò ném bóng với nó trong nhà,” Tolliver nói. “Nó xô ngã cô ấy. Nhưng nó không gây ra vết bầm đó. Cũng không làm đau cô ấy. Cô ấy chỉ bật cười rồi đứng dậy. Cô ấy tới đây để thảo luận về Gary Pruett và Napoleon Washburn, nhưng chúng tôi còn nói những chuyện khác nữa. Về các con tôi. Tôi có một đứa con gái 7 tuổi và một con trai 9 tuổi. Chúng sống cùng với mẹ ở St. Louis. Tôi chỉ được gặp chúng vào mùa hè hoặc trong những ngày nghỉ lễ. Jana muốn nghe tất cả về chúng. Tôi thích nói chuyện với cô ấy. Tôi quên mất chúng tôi là ai, quên mất cô ấy là sinh viên của mình.”

Ông ta đang nhìn xuống đùi mình, kể chuyện cho cái chai. “Thời gian trôi qua và Jana đứng dậy ra về,” ông ta nói. “Nhưng cô ấy nán lại và chúng tôi

tiếp tục nói chuyện khi đứng trong phòng khách, con chó thì nằm im lặng trên sàn nhà. Jana - anh biết cô ấy xinh đẹp đến nhường nào rồi đấy. Tôi đã hôn cô ấy.

“Tôi đã đặt tay lên người cô ấy, kéo cô lại gần, cảm giác thật trôi chảy, nhưng có lẽ là vô cùng lúng túng. Nó khiến cô ấy sợ hãi. Tôi không ngờ lại thành ra như thế. Cô ấy không chỉ đẩy tôi ra mà còn bỏ chạy. Tôi nghĩ mình đã nắm lấy áo cô ấy, làm đứt mấy chiếc cúc. Rồi đột nhiên con chó đứng lên sủa và Jana đang chạy ra phía cửa. Tôi chạy theo. Tôi muốn xin lỗi. Trên cửa có chốt và nó đã bị khóa. Nhưng cô ấy không nhận ra. Cô ấy vất vả xoay nắm cửa nhưng nó không mở ra. Cô ấy trở nên hoảng loạn.

“Tôi bước đến phía sau cô ấy, cố gắng nói với cô ấy tôi xin lỗi, nhưng thế chỉ khiến mọi chuyện tệ hơn. Cô ấy đang kéo cánh cửa khi tôi với tay xoay chốt cho cô ấy ra ngoài và cánh cửa bật tung ra, cánh cửa nó đập vào má cô ấy.

Tolliver dừng lại để hít thở. “Cô ấy đã khá hơn ngay khi ra đến bên ngoài, nhưng cô không ở lại. Đáng lẽ, tôi có thể mang cho cô ấy thứ gì đó. Một túi đá chẳng hạn. Nhưng cô ấy vội vã ra xe và nhanh chóng rời đi. Tôi đã nghĩ đến chuyện đi theo cô ấy, nhưng như thế có vẻ không đúng. Chuyện cô ấy sợ tôi như vậy cảm giác thật kinh khủng.”

Ông ta ngẩng đầu lên và dán chặt mắt vào tôi. “Tôi đã tua đi tua lại cảnh tượng đó hết lần này đến lần khác,” ông ta nói. “Tôi không biết nữa, có lẽ thật vị kỷ, nhưng dường như có điều gì khác nữa đã xảy ra đêm hôm đó. Như thế không phải vì tôi, hay hành động vụng về của tôi. Trong giây phút đó, cô ấy đã ở một nơi nào khác. Và đó chẳng phải một nơi tốt đẹp - không phải nơi mà tôi muốn nghĩ tới.”

Chuyển cảnh: Ngày 27, tháng 7, năm 1996

Jana Fletcher có những giấc mơ tàn nhẫn.

Cô mơ thấy cuộc sống của mình trước khi gặp anh em nhà Daw. Mơ được thức dậy trong căn nhà của mẹ, an toàn trên chiếc giường của chính mình.

Đôi khi trong những giấc mơ ấy, bà ngoại vẫn còn sống, nhưng có lúc lại không. Đôi khi, cô biết đó chính là ngày mình sẽ chuyển đến New York. Nhưng lần nào cũng vậy, mỗi khi mở mắt ra, cô đều nhìn thấy ánh sáng mặt trời tràn vào qua cửa sổ phòng ngủ của mình.

Còn có cả những giấc mơ khác nữa, nhưng chúng cũng tuân theo cùng một khuôn mẫu đó. Vào ngày 27 tháng 7, Jana mơ thấy mình trở lại trường Đại học và đang đóng vai Beatrice trong vở *Có gì đâu mà rộn*. Có một cậu chàng đến thử vai Benedick nhưng lại không có tài. Cậu ta không được nhận vai. Cậu ta đã ở lại dựng cảnh sân khấu, làm công tác chuẩn bị đạo cụ và ánh sáng. Và vào đêm diễn cuối cùng, cậu ta đã lấy hết can đảm mời cô đi uống nước. Trong giấc mơ ấy, cô đã thức dậy ngày hôm sau trên chiếc giường của chàng trai ấy với bàn tay cậu ta đặt trên hông mình. Rèm cửa trong phòng ký túc xá của cậu ta đều đã được kéo xuống nhưng cô vẫn có thể nhìn thấy ánh bình minh chiếu xuyên qua. Cô xuống giường, bước đến cửa sổ và mở rèm cửa...

Cô tỉnh giấc trong bóng tối đen kịt. Lúc nào cũng mơ màng một lúc trước khi nhớ ra mình đang ở đâu - trước khi nhớ ra rằng cái phần mà đáng lẽ ra chỉ nên là ác mộng lại có thật. Cô trở mình nằm ngửa và nghe thấy tiếng lách cách quen thuộc của sợi dây xích. Toàn thân cô đau nhức. Cô cảm thấy tấm đệm mỏng bên dưới thân mình. Tấm chăn đắp lên người làm da cô ngứa ngáy. Cô ngồi dậy và quăng nó đi. Giờ thì tìm quần áo. Đồ lót kéo xuống dưới cổ chân, váy đẩy lên tận eo. Áo cánh và áo ngực đang nằm trong tầm với - cô quờ quạng tìm chúng.

Không có chút ký ức về người đã ở cùng với cô. Nhưng rõ ràng là có người. Nếu phải đoán thì đấy là Eli. Cô có cảm giác Eli sẽ đến lấy những gì mình muốn rồi rời đi. Luke có khả năng sẽ ở lại và chỉnh trang cho cô. Nghĩ kỹ thì chuyện đó có khi còn tệ hơn.

Một câu hỏi dành cho lúc khác: Trong số chúng, ai là kẻ hiệp dân tồi tệ hơn. Bây giờ, Jana muốn được đi tắm. Được thật sự đi tắm trong bồn nước nóng. Cô sẽ không có được nhưng cô có thể nghĩ về nó. Nghĩ về tiếng nước chảy. Cảm giác lành bệnh khi chỉ mỗi khuôn mặt nổi lên trên. Những ô gạch

trắng lấp lánh. Nến thấp sáng lung linh trên cạnh bồn tắm. Cửa sổ mở toang đón không khí mùa hè, một bình hoa đặt trên bệ cửa sổ.

Cô cho mình một phút để đầu hàng trước những hình ảnh đó, rồi mò mẫm xung quanh cho đến khi chạm vào một chai nhựa nằm ngang trên mặt sàn. Cô mở nắp, đổ nước ra tay rồi lau mặt và cổ. Sau đó, cô vặn nắp chai lại và đặt nó sang một bên. Mặc lại quần áo. Mò tới bức tường phía sau của nhà tù, lần dọc theo đường gờ giữa bức tường và sàn nhà cho đến khi thấy đồng 25 xu của mẹ cô.

Ngón tay cái của cô lần theo cạnh tròn và tìm thấy đầu nhọn mình đang mài. Chà đồng xu vào mắt sợi dây xích là một nhiệm vụ máy móc và chậm chạp. Cố gắng biến một góc đồng xu thành một cái tuốc nơ vít. Jana dựa lưng vào tường, thu sợi dây xích lại và bắt đầu vào việc.

Không có âm thanh nào khác ngoài tiếng ken két của kim loại cọ lên kim loại, nhưng cô có giọng nói của chính mình trong đầu làm bạn. Đôi khi, cô đọc những dòng thoại trong các vở kịch. Vai Miranda trong *Giông tố: Kỳ diệu thay!* *Chốn đây có biết bao nhiêu sinh vật đẹp đẽ! Nhân loại mới xinh xắn làm sao! Một thế giới mới mẻ và can đảm, có những con người như thế!* Hay vở *Cyrano de Bergerac*. Cô đóng vai Roxane, nhưng Cyrano lại có những lời thoại hay hơn: *Hát, cười, ước mơ, đi con đường của chính ta và được ở một mình, tự do, cùng một con mắt nhìn được vạn vật... Ngao du trên những con đường dưới ánh mặt trời, dưới những vì sao lấp lánh...*

Những lần khác - như lúc này chẳng hạn - trong đầu cô lại vang lên một bản nhạc nào đó. Lần này là một ca khúc của Sheryl Crow: *All I Wanna Do*. Sôi nổi và dai dẳng. Lúc đầu, Jana đã cố kháng cự lại, nhưng rồi cô đành đầu hàng.

Rốt cuộc, tay cô cũng mỏi rã rời vì nắm chặt đồng xu. Cô nghỉ ngơi một chút và tiếng ken két cũng dừng lại. Nhưng không hề. Cô nghĩ mình đã nghe thấy một tiếng động khác phát ra từ phía bên kia căn phòng.

Tiếng ken két. Tiếng cào sột soạt.

Bản nhạc của Sheryl Crow phai dần trong tâm trí. Jana đặt đồng xu xuống, từ từ đứng dậy. Lắng nghe.

Giờ cô không nghe thấy gì cả.

Chẳng biết cô đã đứng đó bao lâu trong bóng tối, lưng dựa vào tường và một cơn ớn lạnh lan dọc theo gáy. Không thể có ai ở trong phòng với cô. Luke Daw luôn mang theo đèn. Anh ta sẽ không đứng im trong bóng tối. Cô sẽ có thể nghe thấy tiếng thở của anh ta.

Tiếng cào. Cô lại nghe thấy nó một lần nữa.

Một con vật, cô nghĩ. Có lẽ là một con chuột. Nhà tù của cô được xây dựng kiên cố với những tấm ván gỗ đặt gần nhau, nhưng hẳn phải có khe hở. Không khí vẫn lọt qua. Nếu không, cô đã chết ngạt từ lâu rồi. Cô chưa bao giờ cảm thấy có kẽ hở đủ lớn để một con chuột chui qua, nhưng cô chưa khám phá hết được mọi ngóc ngách trong căn phòng. Sợi dây xích đã ngăn cản cô làm việc đó. Có những chỗ cô không thể với tới được.

Jana bước xa khỏi bức tường, dừng lại một lần nữa và lắng nghe. Tiếng cào. Chắc chắn. Thứ âm thanh mà móng vuốt tạo ra. Hoặc là móng tay.

“Luke?” cô nói.

“Không buồn cười đâu,” cô nói. Giọng nói phát ra cao hơn mong muốn, đến nỗi cô có thể nghe thấy sự run rẩy.

“Eli?” cô nói.

Cô tiến thêm một bước nữa, hai tay giơ ra trước, tóm vào không gian trống trơn. Thêm một bước nữa và tay cô khua trong không khí, càng lúc càng sợ hãi mình sẽ chạm vào một vật thể cứng rắn.

Cô đã đi hết sợi dây xích.

“Luke!” cô hét lên.

Thanh âm ấy bị căn phòng nuốt trọn. Cô đứng bất động với hai tay giơ ra phía trước.

Cô chỉ có một mình. Phải là thế.

Tiếng cào. Ngay trước mặt.

Jana cúi xuống và luồn những ngón tay bên dưới sợi xích quấn quanh mắt cá chân. Cô cố kéo tuột nó xuống bên trên gót chân, nhưng không tài nào làm được. Cô biết. Cô ngồi xuống, dùng cả hai tay nắm quanh sợi dây xích và kéo mạnh để giật nó ra khỏi chốt. Cô bước lại chỗ bức tường, chống hai chân lên bên cạnh sợi xích và kéo hết sức mình, hết lần này đến lần khác, cho tới khi cô đầm mồ hôi, không thể nắm sợi xích được nữa.

Cô ngã ngửa và thở hổn hển trong bóng tối.

Nhiều phút trôi qua. Cô dùng khoảng thời gian đó kiểm soát hơi thở và thuyết phục bản thân tiếng cào kia hẳn là do một con chuột gây ra. Cô không sợ chuột. Cô tìm thấy chai nước và nhấp một ngụm. Đứng dậy đi về phía cánh cửa cho đến khi sợi xích ngăn cô lại. Cô quỳ xuống và nằm sấp. Nếu duỗi một cánh tay ra, cô có thể chạm được đầu ngón tay vào bên dưới cánh cửa.

Tiếng cào. Cô nghe thấy rất rõ ràng. Cô chuyển chai nước từ tay này sang tay kia rồi dùng nó gõ một phát vào cánh cửa. Cô nghe thấy tiếng một con chuột chạy mất.

Jana buông cái chai ra và cảm thấy nhẹ nhõm. Cô thở dài rồi nằm áp má lên sàn. Cái chai lăn đi. Cô nhắm mắt và cho phép bản thân cảm nhận không khí lấp đầy hai lá phổi rồi lại trút ra hết. Cái chai ngừng lăn. Một lát sau, cô mở mắt ra nhưng không phải vì con chuột đã quay trở lại và tiếng cào lại bắt đầu, mà vì cô nhận ra có gì đó khang khác trong không khí phía bên này căn phòng.

Có lẽ là một sự khác biệt nho nhỏ trong mùi của nó - dù sự khác biệt nhỏ đó có thể rất khó phát hiện. Loại gỗ dùng để dựng nên nhà tù của cô có mùi riêng và bên dưới nó có nhiều thứ mùi khác: mùi đất, ẩm mốc và ban sơ. Còn những mùi khác nữa - thứ mùi không thể tránh khỏi khi nhà vệ sinh chỉ là một chiếc xô nhựa, có đậy nắp và được thay bằng xô sạch. Vì vậy, có lẽ không phải sự khác biệt về mùi phân biệt bên này với bên kia căn phòng,

nhưng đúng là có gì đó. Một cảm giác trong không khí. Một sự nặng nề. Một sự hiện diện.

Con chuột cào vào cánh cửa và Jana đang bò trên mặt sàn. Cô nâng tay phải lên và vươn ra hết mức có thể, khám phá không gian bên phải cánh cửa. Cô vươn xa hết mức sợi dây xích cho phép, đầu ngón tay kéo căng, nhưng vẫn không thể chạm tới góc phòng.

Sau đó, cô bò ngược trở lại và lần này thì giơ tay trái ra. Những ngón tay xòe rộng, với cao tìm kiếm trong không khí, rồi hạ dần xuống. Khẩn trương. Cô vươn ra xa hơn, sợi dây xích cọ vào mặt sàn. Cô lặn mò trong bóng tối.

Rồi đột ngột thu tay lại và tránh đi chỗ khác với một tiếng hét nghẹn lại trong cổ họng. Cô va phải bức tường, mất thăng bằng và ngã sang một bên, co rúm lại, run rẩy, đầu gối co lên, kẹp lấy hai bàn tay. Toàn thân cô run rẩy, run rẩy và cuối cùng, tiếng thét thất thanh thoát ra. Bởi cô biết mình vừa chạm vào khuôn mặt ai đó.

Tôi lái xe rời khỏi nhà Roger Tolliver ngay trước khi mặt trời khuất bóng, ngẫm nghĩ về câu chuyện của ông ta và ý nghĩa của nó. Ông ta đang cố nói với tôi nhiều hơn chỉ một điều.

Ông ta muốn tôi biết làm sao Jana có vết bầm trên má. Đó là vết bầm đã mang chúng tôi lại với nhau, Tolliver và tôi. Đó là lý do tôi đột nhập vào nhà ông sau hôm Jana qua đời. Lúc ấy, ông ta đã nói dối tôi về vết bầm kia và giờ ông ta đã nói ra sự thật.

Ông ta cũng đang cố nói với tôi về bản thân: rằng ông ta cảm thấy thật tội lỗi và hối tiếc về cái cách mình đã đối xử với Jana. Có lẽ ông ta muốn tôi tha thứ, hoặc có lẽ muốn tôi đồng tình rằng ông ta là một gã tồi tệ. Tôi không cảm thấy nghiêng về bên nào cả.

Điều thứ ba ông ta cố nói với tôi liên quan đến phản ứng của Jana, cách cô hoảng sợ khi ông ta cố hôn cô. Nó có vẻ kỳ lạ, nhưng tôi không biết nó có ý nghĩa gì. Tôi tự hỏi liệu có phải Tolliver đã nói quá, liệu có phải sự việc lớn dần trong tâm trí ông ta sau cái chết của Jana, đến nỗi một tình huống khó xử và một tai nạn bình thường bỗng trở nên quan trọng hơn.

Tôi đã không nhận ra phản ứng của Jana là phần quan trọng nhất câu chuyện. Nó khiến tôi băn khoăn, nhưng không nhiều như đáng ra phải thế. Nó là một gợi ý, một manh mối. Nó đang cố nói với tôi rằng tôi không có chút ý niệm nào về những gì thực sự đã xảy đến với Jana Fletcher.

Tôi lái xe về phía đông trên đường Quaker Hill, qua vị trí tôi gặp Jana lần đầu tiên trong Đêm con hươu cái. Tôi đi tiếp vào Rome và tìm thấy con đường nhà Jana. Mặc dù mặt trời đã lặn nhưng trời vẫn còn sáng. Tất cả đều quá đỗi quen thuộc: chạy xe trên đường và nhìn thấy xe Jana trên lối vào. Chiếc Plymouth màu xanh da trời.

Tôi có chìa khóa căn hộ tuy nó không phải là của tôi. Tôi đi tìm nó khi vào trong và thấy nó trên bàn bếp, có móc khóa. Tôi nghĩ có lẽ ngày mai

mình sẽ cố bám theo Moretti lần nữa. Tôi tự hỏi liệu mình có nên dùng chiếc Plymouth không, nhưng như thế có vẻ không ổn lắm. Một phần vì Moretti có thể nhận ra nó, nhưng còn một lý do khác nữa. Việc bám theo Moretti sẽ thật ngu ngốc. Tôi có thể nói mình làm điều đó vì Jana, nhưng cô đâu có quyền lựa chọn, vậy nên, có vẻ không công bằng khi kéo cô vào chuyện này.

Tôi rót cho mình một ly nước cam rồi mang nó vào phòng ngủ. Xung quanh tôi toàn là đồ đạc của Jana: ga trải giường, quần áo của cô trong tủ quần áo, cuốn *Bá tước Monte Cristo* trên tủ đầu giường. Chẳng có gì là của tôi.

Tôi có sổ của mẹ cô trong ví. Tôi bấm số trên di động rồi nhấn nút gọi. Sau ba hồi chuông reo thì một giọng nói cất lên, “A lô.” Giọng một người đàn ông.

“Xin lỗi,” tôi nói. “Có lẽ tôi nhầm số. Tôi đang tìm Lydia Fletcher.”

“Không, anh gọi đúng số rồi,” giọng nói bên kia cất lên. “Ai đây nhỉ?”

“David Malone.”

“Dĩ nhiên rồi. Tôi nghĩ có lẽ anh sẽ còn liên lạc lại.”

Anh ta nói chuyện với vẻ ngạo mạn thản nhiên - giọng điệu của một người trong cuộc nói chuyện với một kẻ ngoài cuộc. Giờ thì tôi đã nhận ra anh ta: bạn của Jana, người đã đọc một đoạn trong Kinh Thánh tại lễ tang của cô. *Phàm sự gì có thì tiết...*

“Chào Warren,” tôi nói. “Anh có thể cho tôi nói chuyện với bà Lydia được không?”

“Tôi không nghĩ vậy đâu. Bác ấy đã có một ngày tồi tệ. Bác ấy đang nghỉ ngơi.”

“Có chuyện gì vậy?”

Một thoáng yên lặng. Anh ta đang quyết định liệu tôi có xứng đáng được biết hay không.

“Bác ấy sẽ ổn thôi,” cuối cùng, anh ta nói. “Vị thanh tra đó đã đến thăm bác ấy. Moretti ấy. Ông ta muốn cập nhật tin tức mới nhất cho bác ấy. Anh đã nghe nói tới người bị chết chưa, Sam Lanik?”

“Simon Lanik.”

“Đúng vậy. Ừm, Moretti muốn bác Lydia biết rằng ông ta nghĩ Lanik chính là kẻ đã sát hại Jana. Ông ta nói rằng có lẽ việc chứng minh điều đó là không thể, nhưng ông ta tin là thế.”

“Ông ta cũng nói với tôi như vậy.”

“Nghe có vẻ không đáng tin lắm,” Warren Finn nói. “Anh có tin ông ta không?”

Tôi không tin, nhưng giả thuyết của tôi có vẻ cũng chẳng đáng tin.

“Tôi chưa quyết định được,” tôi nói.

“Moretti nói rằng vụ án vẫn còn chưa khép lại, nhưng ông ta hy vọng Lydia có thể có được chút an ủi khi biết rằng Lanik đã chết.”

“Bà ấy đã phản ứng như thế nào?”

“Bác ấy đã lên giường nằm ngay sau khi Moretti ra về. Tôi đang kiểm tra xem bác ấy thế nào. Tôi nghĩ ngày mai bác ấy sẽ khá hơn.”

“Vậy tôi không nên làm phiền bà ấy,” tôi nói. “Lý do tôi gọi điện là vì tôi đang sống trong căn hộ cũ của Jana. Xe của cô ấy vẫn đang còn ở đây, cả quần áo, sách vở và những thứ khác nữa. Tôi nghĩ mẹ cô ấy sẽ muốn giữ chúng.”

“Chắc vậy.”

“Tôi có thể chất tất cả đồ đạc lên xe và mang tới đó hoặc một người có thể đến đây lấy. Không cần phải vội đâu. Tôi không muốn làm bà ấy lo lắng.”

Warren mất một lúc mới đáp lại. Vẻ ngạo mạn đã mờ dần trong giọng nói và khi anh ta cất tiếng, thì chẳng còn lại chút nào nữa.

“Tôi cũng vậy,” anh ta nói. “Tôi sẽ lo liệu chuyện đó. Tối mai có được không? Anh có ở nhà chứ?”

“Chắc chắn rồi.”

“Tôi sẽ nhờ một người bạn chở tới đó. Có thể sẽ hơi muộn một chút, tầm 9,10 giờ.”

“Không sao.”

“Được. Gặp anh vào ngày mai.”

Cuộc gọi kết thúc. Tôi mở cửa sổ phòng ngủ để không khí lùa vào và uống thêm chút nước cam. Tôi biết mình nên bắt tay vào đóng gói đồ đạc của Jana, nhưng tôi thực sự không muốn phải đối mặt với nhiệm vụ đó. Tôi tự nhủ mình có thể làm việc ấy vào ngày mai. Tôi cũng biết mình nên kiểm cái gì đó để ăn. Agnes Lanik đã mang cho tôi một ít đồ ăn sẵn: một bát ragu Hungary cùng một ổ bánh mì tự làm. Tôi cho món ragu vào chảo, đặt lên bếp và để nó sôi trong khi cắt bánh mì. Viên bánh dày như vỏ cây vậy.

Tôi dọn một chỗ tại bàn rồi đặt đĩa xuống, ép mình phải ăn, nhưng không muốn. Tôi chỉ muốn phóng ra khỏi căn hộ và tránh xa mọi thứ. Tôi đã suýt rời đi nhưng rồi nghĩ tới chuyện Poe Washburn tìm thấy lời nhắn mình để lại. Đó là một lời mời. Tôi cần có mặt ở đây phòng khi lão ta quyết định ghé qua.

Tôi ăn xong, rửa bát và cố tưởng tượng cuộc gặp mặt giả định của mình với Washburn diễn ra như thế nào. Có lẽ sẽ không suôn sẻ. Roger Tolliver đã nói rằng tôi đang chuốc thêm rắc rối. Tôi nghĩ mình nên chuẩn bị sẵn sàng.

Tầm 9 giờ 30, tôi sang nhà bên và nhờ Agnes giúp mình một việc. Khi quay lại, tôi đã có khẩu súng lục Makarov của bà ấy. Chỉ để phòng hờ thôi.

Tôi chuẩn bị xong cho tối hôm đó. Tôi, khẩu súng và cuốn *Bá tước Monte Cristo* của Jana. Tôi đọc sách cho đến tận nửa đêm và nhận ra mình thực sự rất thích nhân vật Edmond Dantes.

Washburn không hề xuất hiện.

Sáng hôm sau, tôi cư xử như một người lớn có trách nhiệm. Tôi có lịch kiểm tra tình trạng hai căn nhà: một ngôi nhà cũ theo phong cách Victoria trên một ngọn đồi nhìn ra sân golf và một căn nhà gỗ một tầng theo phong cách Craftsman [51] ở phía đông thành phố. Công việc đã khiến tôi bận rộn cho đến 1 giờ chiều. Sau đó, tôi lái xe đến nhà Poe Washburn và lại tự ý đi vào. Lão ta không có ở đó, nhưng mẫu giấy nhắn tôi để lại trên gối đã biến mất.

Khi quay trở về nhà, tôi lấy các thùng trống và đóng một số đồ đạc của Jana. Lúc đầu, mọi chuyện diễn ra đều ổn thỏa. Tôi bắt đầu từ trong nhà bếp rồi chuyển sang bàn làm việc của cô, đóng các tập hồ sơ, giấy tờ và sách vở. Tôi dọn phòng ngủ cuối cùng. Tủ quần áo là thứ khó khăn nhất: lấy quần áo từ trên mắc, gấp lại rồi xếp trên giường. Được một lúc thì tôi phải dừng lại. Bởi vì việc đó quá buồn thảm - không phải một nỗi buồn áp đảo, khiến bạn gục xuống nức nở trên sàn nhà, mà là một nỗi buồn trống rỗng, nhỏ bé và rời rạc.

Tôi để đóng quần áo trên giường và bỏ ra ngoài. Tôi khóa cửa căn hộ lại rồi lên xe lái đi.

Điểm đến đầu tiên của tôi là bệnh viện. Tôi chạy xe vòng quanh nó ba lần trước khi rẽ vào bãi đỗ. Xe của Sophie đang đậu ở trong đó. Tôi có thể để lại lời nhắn trên cửa sổ. Nó có thể bắt đầu bằng *Anh xin lỗi*. Sau đó là gì thì tôi không biết.

Tiếp đến, tôi về lại căn hộ cũ và ngồi nhìn lên ban công. Có một chậu cây trên lan can, một loại dây leo có lá màu xanh đậm. Tôi nghĩ, Nó mới có và là cây của Sophie. Nó có thể là của mày nhưng mày không sống ở đó nữa rồi.

Tôi vẫn còn giữ chìa khóa. Tôi có thể đi lên và mở cửa vào. Sophie sẽ trở về và tìm thấy tôi đang thơ thẩn ngoài ban công. Cô ấy có thể sẽ tức giận hoặc vui mừng, tôi không biết nữa. Nhưng tôi biết cô ấy sẽ đeo cặp kính mắt mèo và tôi biết mùi hương mái tóc cô ấy cùng giọng nói khi cô ấy gọi tôi là Dave.

Tôi không đi lên, mà lái thẳng tới khuôn viên trường Đại học và trường Luật. Lúc đó là chiều thứ Sáu và mặt trời đã ló dạng, ít nhất là trong thời điểm này. Đám sinh viên đang đi loanh quanh trong những chiếc áo ba lỗ và quần soóc, để lộ chân tay nhợt nhạt. Mùa xuân ở ngoại ô New York.

Tôi đi tiếp, lái xe qua những nơi quen thuộc: căn hộ nơi Angela Reese vẽ những bức tranh sơn dầu, tòa nhà Sở vụ thuế xây bằng gạch xám nơi Wendy Daw đang làm việc. Tôi ra tới phố Bloomfield, nơi Gary Dean Pruett đã sống với người vợ Cathy.

Một khu phố yên tĩnh, không có gì hào nhoáng. Những ngôi nhà đều trông giống nhau, nhưng không *y hệt*, không phải kiểu được sản xuất hàng loạt. Những người chủ sở hữu của chúng đều có thu nhập khá. Nhiều người trong số họ chắc cũng là giáo viên như vợ chồng Pruett. Nếu có con, họ cũng chỉ sinh 1, 2 đứa.

Dân cư ở đây đều làm hàng rào hoặc bờ giậu ngăn cách với hàng xóm. Một số có gara nhỏ tách biệt nằm khuất khỏi tầm mắt, còn những nhà khác thì đậu xe trên đường. Những chiếc xe cũng giống như những ngôi nhà, không có gì hào nhoáng. Đó đều là những chiếc sedan cỡ trung bình, màu sắc nhạt nhòa: xanh, đen và xám. Không nổi bật.

Tôi lái xe ngang qua căn nhà được sơn màu xanh nhạt, cao và hẹp của gia đình Pruett, sau đó vòng trở lại rồi đậu xe bên kia đường. Tôi nhìn bãi cỏ phía trước nhà. Lần trước khi tôi đến đây nói chuyện với Neil Pruett, cỏ mọc rất cao và xen lẫn với bờ công anh.

Giờ trông khá hơn rồi: Pruett đã cắt cỏ. Tất nhiên rồi. Khu dân cư thế này có những luật bất thành văn mà ai cũng hiểu. Anh phải cắt tỉa bờ giậu và bãi cỏ nhà mình. Không bao giờ được bật nhạc quá to. Dọn dẹp cho chó nhà mình. Trang trí vừa phải vào Halloween và Giáng sinh.

Một người hàng xóm của Neil Pruett ra ngoài hiên lấy thư. Đó là một người phụ nữ lớn tuổi, tóc bạc và lưng còng. Bà ta ngó nghiêng xung quanh và trông thấy tôi đang ngồi trong chiếc xe tải màu đỏ đậu trên con phố trước

nhà. Bà ta nhìn tôi chăm chăm. Tôi hạ kính xe xuống. Tôi mỉm cười và vẫy tay, cố tỏ ra vô hại. Và tôi đã thành công. Bà ta đi vào nhà.

Tôi nghĩ tới Cathy Pruett từng sống trên con phố này trong những ngày tháng cuối đời, cãi vã với chồng mình là Gary. Gary ngoại tình. Cathy sinh nghi. Cô ấy nói chuyện với người bạn thân kiêm em dâu là Megan Pruett. Megan theo Gary đến một khách sạn và bắt quả tang anh ta đang ở cùng với một cô gái 18 tuổi, Angela Reese. Vậy là những ngờ vực của Cathy đã được xác nhận. Cô ấy đã cố hàn gắn với Gary, nhưng trong những ngày cuối cùng của cuộc đời, cô ấy tin rằng Gary lại ngựa quen đường cũ. Cô ấy hẳn đã lo lắng và phân tâm. Những ngày đó như thế nào nhỉ?

Nếu Gary Pruett vô tội, vậy thì có kẻ nào đó đã giết vợ anh ta. Có lẽ là Luke và Eli Daw. Anh em nhà Daw có thể đã quen Cathy vì chúng học ở trường nơi cô ấy giảng dạy, nhưng khi Cathy Pruett qua đời, chúng đã ngoài 20, đã tốt nghiệp Trung học từ lâu.

Tại sao chúng lại chọn Cathy Pruett?

Sau khi chọn rồi thì làm gì? Nó được tiến hành ra sao? Gary Pruett khẳng định vợ anh ta đã ra khỏi nhà vào buổi chiều thứ Bảy và không bao giờ quay trở lại. Cô ấy đã mang xe đi. Cô ấy đã đi đâu? Anh không biết.

Cô ta đã vô tình gặp Luke và Eli Daw ở đâu?

Có lẽ là ngay tại đây, trên con phố này.

Khi quyết định bắt cóc một giáo viên, bước đầu tiên sẽ là gì? Có lẽ là chọn một địa điểm để mang cô ấy tới - một trang trại bỏ hoang trên đường Humaston. Nhưng đó là chuyện cuối cùng. Điểm khởi đầu chính là nạn nhân: ta cần quan sát cô ấy, tìm hiểu xem cô ấy làm gì và đi đâu. Vậy nên ta sẽ bắt đầu tại đây, nhà của cô ấy.

Trong những ngày cuối cùng của cuộc đời, khi Cathy Pruett còn đang lo nghĩ về cuộc hôn nhân thất bại cũng như sự phản bội của chồng, anh em nhà Daw có theo dõi cô ấy?

Có phải anh em nhà Daw đã dành thời gian ở đây, đậu xe trên con phố trước nhà cô ấy?

Eli đã lái một chiếc xe Van trắng.

Làm sao tôi biết được điều đó? Từ bản tin? Không, tôi đã nghe được từ Wendy Daw.

Một chiếc xe Van: loại xe được ưa chuộng để dùng bắt cóc giáo viên.

Tôi cố hình dung ra Luke và Eli, ngồi trong một chiếc xe Van trắng đậu trên con phố này. Chiếc xe sẽ nổi bật giữa những chiếc sedan tối màu. Luke và Eli hẳn sẽ thu hút sự chú ý. Những bà lão tóc bạc ra ngoài lấy thư, những người dắt chó đi dạo sẽ để ý đến chúng.

Khi Cathy Pruett mất tích, cảnh sát đã thẩm vấn những người hàng xóm. Họ hẳn sẽ hỏi về những phương tiện lạ đổ trên đường. Đúng không? Frank Moretti đã phụ trách vụ đó. Liệu ông ta có làm nghiêm túc hay chỉ làm qua quýt? Ông ta đón nhận mọi khả năng hay ngay từ đầu đã cho rằng Gary Pruett có tội?

Frank Moretti là một cảnh sát tốt hay xấu? Tôi không ngừng hỏi đi hỏi lại điều đó.

Tôi cần phải quyết định xem mình có nên thử bám theo ông ta lần nữa không. Nếu làm thế, tôi sẽ không thể dùng xe tải của mình. Nó sẽ xúc phạm đến trí thông minh của ông ta. Tôi nhìn cả dãy xe sedan tối màu đỗ dọc theo con phố. Tôi cần một chiếc xe như thế, nhạt nhòa và vô hình.

Kiểm một cái rất dễ. Tôi có thể tới Enterprise hay Avis. Họ sẽ sẵn sàng cho tôi thuê một chiếc sedan tối màu.

Tôi kiểm tra đồng hồ. Gần 5 giờ rồi. Tôi đã quên bằng cả thời gian. Hôm thứ Tư, Moretti đã rời khỏi đồn cảnh sát lúc hơn 5 giờ. Hôm nay, có thể ông ta cũng sẽ làm như vậy. Tới lúc tôi lái đến một cửa hàng cho thuê xe và điền xong giấy tờ thì có lẽ đã quá muộn để bắt kịp ông ta.

Khi đang bận cân nhắc có nên thử không thì tôi thấy một chiếc xe đang tiến lại gần. Một chiếc sedan màu xanh đậm, xinh xắn và giản dị. Nó dừng

lại ngay trước cửa nhà Pruett.

Neil Pruett bước ra khỏi xe và bắt đầu tiến về phía ngôi nhà. Sau đó, anh ta liếc về phía tôi rồi phải nhìn lại lần nữa để chắc chắn. Nét bối rối hiện lên trên gương mặt tròn của anh ta. Tôi vẫy tay và bước ra khỏi xe tải. Anh ta đứng đợi tôi.

Tôi muốn hỏi anh ta vài chuyện về người chị dâu. Tôi muốn biết cô ấy ra sao trong những ngày cuối đời và liệu cô ấy có nhắc tới cảm giác bị theo dõi không. Nhưng để sau cũng được.

Tôi bước lên vỉa hè cạnh anh ta và nói, “Anh cho tôi mượn xe được không?”

Chuyển cảnh:

Ngày 27, tháng 7, năm 1996

Phía bên kia cánh cửa là cầu thang. Jana đã biết được điều đó từ đêm chúng đưa cô xuống đây. Cô nghe tiếng bước chân nặng nề đang đi xuống. Cô ngồi dậy đối mặt với âm thanh đó.

Chìa khóa xoay trong ổ và sau đó, cánh cửa mở ra. Ánh sáng từ chiếc đèn xách tay lấp đầy ô cửa, chói lóa và nhức mắt. Jana giơ một tay lên, lòng bàn tay hướng ra ngoài, để che đi ánh sáng. Cô nghe thấy tiếng đóng cửa. Một bóng người tiến đến gần, đặt thứ gì đó xuống rồi lùi lại. Mắt Jana đã quen dần với ánh sáng. Là Eli đang cầm đèn, đứng tựa lưng vào cửa.

“Cà phê,” gã nói. Chỉ một từ, không ngữ cảnh, cho tới khi cô nhận ra gã đã đặt một cái ca trong tầm với của cô.

“Pha sẵn,” Eli nói. “Với đường và sữa. Không nóng lắm đâu.”

Nhiều từ hơn, nhưng Jana không nghe. Cô đang nhìn chăm chăm vào cái xác trên sàn. Không cách xa cô lắm, không giống cảm giác như lúc trong bóng tối. Một người phụ nữ mảnh mai và nhỏ nhắn, khoảng 40, mái tóc vàng kim. Cô ấy nằm trong một góc phòng, đầu ở gần cửa. Chiếc áo màu lam nhạt và quần ngố bò. Những vệt màu đỏ vắt ngang mặt trước áo.

“Cà phê là ý tưởng của Luke,” Eli nói. “Anh ấy nghĩ nó sẽ giúp ích.”

“Giúp ích ư?”

“Tôi cũng chẳng hiểu.”

“Anh ta đâu?”

Eli chuyển trọng tâm từ chân này sang chân kia. “Anh ấy đang suy nghĩ. Anh chàng đó suy nghĩ nhiều lắm. Anh ấy là người thông minh, còn tôi mang cà phê. Anh ấy muốn tôi báo cho cô. Tôi nói với anh ấy là cô chắc chắn sẽ tự nhận ra - rằng có một người phụ nữ đã chết trong phòng cô.”

Gã nói vấp ở mấy từ *một người phụ nữ đã chết*. Gã không nhìn cái xác.

“Cô ấy là ai?” Jana hỏi. “Tên gì?”

“Tên của cô ấy không quan trọng.”

“Chuyện gì đã xảy ra với cô ấy vậy?”

“Cô không muốn biết đâu,” Eli nói. “Uống cà phê đi.”

Jana cầm cái ca lên. Nó có mùi rất thơm, dù là đồ pha sẵn. Cô không nếm thử.

“Cà phê được cho là sẽ khiến mọi chuyện dễ dàng giải quyết hơn,” Eli nói. “Rất thông minh, đúng không? Luke là thế đấy. Anh ấy giỏi suy nghĩ. Tôi là kẻ ngốc.” Gã nhìn quanh phòng - khắp mọi nơi trừ cái xác - sau đó quay lại nhìn Jana. “Cô có thể uống nó. Nó sẽ không giết chết cô đâu.”

Trên gương mặt gã không có vẻ xảo trá, cô không thấy được. Nhưng mặt hăn muốn xảo trá cũng không được. Đó là khuôn mặt của một đứa trẻ đã trưởng thành quá nhanh. Và cô biết một điều: Cô sẽ không uống cà phê. Cô nâng chiếc cốc lên môi, hơi nghiêng nó một chút và giả vờ.

Eli vẫn tiếp tục nói. “Tôi muốn biết anh ấy đang nghĩ gì, thật đấy. Tôi muốn biết chúng tôi cần phải làm gì lúc này. Anh ấy bảo chỉ hơi phức tạp. Chắc chắn là xử lý được. Vấn đề của anh ấy là thế, nghĩ cái gì mình cũng xử lý được.”

Vẫn còn nữa. Jana lắng nghe và giả vờ uống cà phê trong ca. Một lúc sau thì Eli im lặng. Gã ta dán mắt lên người cô - đôi mắt trưởng thành trên gương mặt trẻ con. Cô bồn chồn đưa ca lên môi.

Chỉ với bốn bước chân, gã đã sang đến bên kia phòng. Gã từ từ quỳ một bên gối xuống và đặt chiếc đèn lên sàn nhà. Gã với tay lấy cái ca và khi cô không đưa, gã lấy nó - nhưng rất nhẹ nhàng. Gã liếc nó và cười khùng khục. Gã nâng ca lên miệng và không hề do dự, uống một ngụm lớn rồi đưa lại cho cô.

“Cô có thể uống nó,” gã ta nói. “Không có độc đâu. Tôi sẽ không làm vậy với cô.” Rồi gã nghiêng người tới gần hơn và vươn tay chạm vào cô. Cô

cứng người lại, nhưng chẳng có nơi nào để đi vì sau lưng cô chỉ có bức tường. Gã nắm lấy một mớ tóc của cô và cọ vào giữa các ngón tay.

Gã nói với cô bằng giọng khàn khàn, “Tôi sẽ không nói dối cô đâu. Cả hai chúng ta đều biết là chỉ có một cách duy nhất kết thúc chuyện này. Nhưng cho tới lúc đó, nó sẽ không tệ đâu. Tôi hứa. Tôi sẽ bóp cổ cô trong khi cô đang ngủ, hoặc găm một viên đạn vào phía sau đầu cô.” Những ngón tay của Eli di chuyển từ mái tóc xuống má cô, một cái vuốt ve chậm rãi và mềm mại như nhung. “Sẽ không đau đâu. Tôi chắc chắn đấy. Tôi sẽ là người làm việc đó, không phải anh ấy. Như thế sẽ tốt hơn cho cô, tin tôi đi. Anh ấy có kể cho cô nghe về lần anh ấy bắn chết con chó không?”

Cô quay mặt đi chỗ khác, không trả lời. Gã rút tay lại rồi đứng dậy và nhặt chiếc đèn lên.

“Tôi biết anh ấy đã kể cho cô nghe,” Eli nói. “Anh ấy thích kể câu chuyện đó, rằng ông ngoại đã bắt anh ấy làm chuyện đó. Nó khiến mọi người thương hại anh ấy. Luke thật tội nghiệp. Nhưng anh ấy đã bỏ sót phần tồi tệ nhất. Anh ấy đúng là đã bắn con chó. Rốt cuộc thì nó cũng chết. Nhưng anh ấy đã mất đến 3 lần.”

Đầu tháng 8, năm 1996

Trăng lưỡi liềm đêm tháng Tám. Một ngọn nến cháy trên mặt thùng đựng sữa bằng gỗ. Và cả mùi cỏ cao.

Jana Fletcher đang trôi nổi lênh bênh.

Chân chụm lại, tay dang rộng. Nước mát lạnh.

Luke Daw hỏi cô có muốn tắm thật không. Anh ta đã mở khóa trên sợi dây xích quanh mắt cá chân cô và đưa cô ra ngoài không khí trong lành, tới bên cạnh căn nhà sập. Tới một bồn tắm thật sự là một cái bể bơi bằng nhựa nông, đồ chơi trẻ con, rộng mét tám.

Quần áo của Jana nằm trên bãi cỏ. Cô đã cởi hết tất cả ngoại trừ áo ngực và quần lót. Một kiểu e lệ ngớ ngẩn trong hoàn cảnh như thế này, nhưng có

về đúng đắn.

Cô nhắc đầu lên khỏi mặt nước và ngược nhìn vầng trăng sao cùng chuồng gia súc lơ mờ phía xa. Cô có thể nghe thấy tiếng ễnh ương bên cạnh hồ nước, và một thanh âm khác nữa, mờ nhạt và xa xôi: một chiếc xe đang đi trên đường.

Giống như tiếng gió lướt trên cỏ vậy.

Con đường khiến cô nghĩ tới việc bỏ trốn. Nếu có thể ra tới đó, cô có thể vẫy một chiếc xe. Nếu không có xe, cô có thể tìm kiếm một ngôi nhà. Chắc chắn phải có nhà cửa và con người chứ.

“Cô đang nghĩ gì vậy?” Luke Daw hỏi.

Cô ngửa đầu ra sau để nước làm mát trán. “Tôi không nghĩ gì cả,” cô nói.

Luke đang ngồi bên bể bơi, trên chiếc thùng đựng sữa úp ngược trên mặt đất. Anh ta đang cầm súng. Jana không nhìn thấy nó kể từ khi anh ta và Eli bắt cóc cô. Nhưng giờ anh ta đang cầm nó trong tay.

Con đường lại cất tiếng gọi cô. Sớm muộn gì Luke cũng sẽ bắt cô ra khỏi bể bơi. Anh ta cần phải đưa cô trở lại nhà tù. Nếu cô không chịu đi thì sao? Cô có thể làm điều gì đó điên khùng. Tạt nước vào mặt anh ta rồi chạy thẳng ra đường trong khi chỉ mặc mỗi đồ lót và đi chân không. Luke có thể sẽ bắn cô từ phía sau. Nhưng nếu anh ta làm vậy thì sao? Đó sẽ là một kiểu giải thoát khác.

Hoặc anh ta có thể đuổi theo cô và bắt kịp cô trước khi cô ra tới con đường. Anh ta sẽ mang cô trở lại lòng đất và không bao giờ cho cô ra ngoài nữa.

Jana nổi lênh bênh. Cô tập trung vào làn nước mát mẽ chạm vào má. Cô có thể ngụp mặt xuống dưới nước và hít vào. Thêm một cách giải thoát nữa. Cô tự hỏi liệu mình có đủ nghị lực để làm điều đó không, hay bản năng sẽ chế ngự và khiến cô phải nổi lên.

Luke đang quan sát cô. “Cô đang nghĩ gì vậy?” anh ta hỏi.

Trong đám cỏ bên cạnh đồng quần áo của cô có hai chiếc khăn, một lớn, một nhỏ. Cô ngồi dậy, xoay người lấy chiếc khăn nhỏ, rồi lại nằm xuống, đầu tựa vào thành bể với chiếc khăn được dùng làm gối.

Cô quyết định thật với anh ta. “Tôi đang nghĩ tới chuyện chết đuối.”

“Tôi sẽ không để cô chết đuối.”

“Ừ, chắc vậy.”

Nước trong bể bơi chỉ cao tầm 30 phân. Jana tự hỏi nó được lấy từ đâu. Hình như không có ống nước hay vòi cố định nào gần đó, mặc dù có lẽ cô đã bỏ qua chúng trong bóng tối. Cô có thể nhìn thấy hai cái can loại gần 4 lít nằm trên bãi cỏ. Có lẽ Luke đã dùng chúng để mang nước từ toa xe moóc ra đây, từng chút từng chút một.

Nghĩ theo cách đó thì sẽ là rất nhiều nước. Nhưng nghĩ lại thì không. Không đủ để làm những gì anh ta muốn. Nó đáng lẽ phải gột sạch cả một tuần sống chung với xác chết. Với ruồi muỗi vo ve trong bóng tối và chuột cào cửa để chui vào. Jana nghĩ hẳn đã được một tuần nhưng cô không chắc. Chúng đã đánh thuốc mê cô nhiều hơn bình thường. Ngay lúc này, cô cũng thấy uể oải.

Tối nay, khi cố gắng tỉnh táo sau một giấc ngủ sâu, cô phát hiện ra người phụ nữ kia đã biến mất. Cô nhìn thấy ánh sáng của đèn và Luke mang cà phê. Lần này không phải loại pha sẵn, mà là cà phê thực sự đựng trong một chiếc cốc và vẫn còn ấm. Sau cà phê là đi tắm.

Luke kéo chiếc thùng đựng sữa tới gần bể bơi hơn.

“Cô thực sự lo lắng sẽ chết đuối?” anh ta hỏi cô.

“Không phải là lo lắng.”

“Cô không nên nghĩ tới chuyện đó - chết chóc ấy.”

“Thật buồn cười khi nghe anh nói vậy.”

“Tại sao?”

“Anh đang cầm một khẩu súng.”

“Tôi không thấy liên quan gì.”

“Tôi biết.”

Cô muốn hỏi anh ta về người phụ nữ đã chết kia. Cô đã từng hỏi, sau hôm người phụ nữ kia xuất hiện, khi Luke mang theo một tấm nhựa tới cuốn cái xác lại, dùng chăn phủ lên nó, như thể nó tạo nên khác biệt gì. Nhưng Luke sẽ chẳng nói gì với Jana - người phụ nữ đó tên gì hay làm sao cô ấy chết.

Tuy nhiên, Jana nghĩ mình biết những gì đã xảy ra. Một vụ bắt cóc đi sai hướng. Chắc chắn chúng đã lôi người phụ nữ vào chiếc xe Van trắng, tại một trạm nghỉ chân hay trạm xăng nào đó, giống như đã bắt Jana. Chúng hẳn đã mang cô ấy đến trang trại, và cô ấy đã chống cự - y hệt như những gì Jana đã từng làm. Chỉ có điều nó còn đi xa hơn nữa.

“Ai trong hai anh đã giết cô ấy?” Jana hỏi Luke.

“Điều đó không quan trọng,” anh ta nói.

“Tôi muốn biết.”

“Là Eli.”

Câu trả lời qua quýt. Cô không tin. Theo như cô đoán, người phụ nữ kia đã bị đâm - mà Luke thì mang theo dao gập. Jana nhớ vào hôm chúng bắt cóc cô, anh ta đã dùng nó cắt dây buộc quanh chân cô. Cô vẫn còn những câu hỏi khác nữa, những câu mà cô không muốn nghĩ đến và cũng không dám hỏi: Có phải Luke đã chán ngấy cô rồi không? Có phải đấy là lý do anh ta và Eli đã bắt cóc người phụ nữ tóc vàng kia? Và nếu người phụ nữ còn sống, thì sẽ ra sao? Liệu chúng có giữ Jana lại, hay sẽ thủ tiêu cô?

Cô đã cố gạt những câu hỏi đó ra khỏi tâm trí, nhưng không thể. Bởi vì thành thật mà nói, các câu trả lời đều dễ đoán. Và nếu theo chúng tìm đến kết luận hợp lý, thì chỉ có một ý nghĩa: Jana mắc nợ người phụ nữ tóc vàng kia. Cô ấy đã chiến đấu và đã thua, nhưng cô ấy đã vô tình làm được một chuyện: Cô ấy đã cứu mạng Jana, ít nhất là thêm một thời gian nữa.

Ngay cả bây giờ, khi đang nhìn vầng trăng lưỡi liềm lấp ló trên những ngọn cây, người phụ nữ kia vẫn còn hiện diện trong những suy nghĩ của Jana.

“Cô ấy tên là gì?” cô nói to.

Không mào đầu, nhưng Luke cũng không cần. Anh ta đã hiểu.

“Cô đang bị ám ảnh đấy,” anh ta nói.

“Tại sao anh không thể nói cho tôi biết?”

“Tôi có thể nói cho cô,” anh ta nói. “Nhưng nó sẽ chẳng thay đổi được gì cả.”

“Nó sẽ thay đổi một điều. Tôi sẽ thôi không hỏi nữa.”

“Được thôi. Cô ấy tên là Maggie.”

“Thật không?”

“Cô đã nói mình sẽ thôi không hỏi nữa.”

“Tôi sẽ dừng lại khi anh nói thật.”

Luke vô tư vẫy vẫy khẩu súng trong không khí. “Maggie, Sheila, Holly,” anh ta nói. “Cứ gọi cô ta bằng bất cứ cái tên nào cô muốn. Tên chỉ là một từ mà thôi.”

“Cô ấy là một con người thực sự. Cô ấy xứng đáng được mang tên mình.”

Anh ta ngả ngón trên cái thùng sữa. Ánh nến phủ lên mặt anh ta một lớp vàng vàng.

“Là Cathy,” anh ta nói. “Cathy Pruett.” Anh ta dùng súng chỉ. “Thấy chưa? Chẳng thay đổi được gì cả.”

Nhưng với Jana thì có. *Cathy Pruett*. Nghe có vẻ đúng. Nó hợp với người phụ nữ tóc vàng kia. *Cathy Pruett đã cứu mạng tôi*. Jana thốt ra những lời đó trong tâm trí, nhưng chúng khiến cổ họng cô nghẹn lại và mắt ngấn lệ.

Luke đang nhìn. Khóe miệng cong xuống. “Giờ thì cô đang cảm thấy khó chịu,” anh ta nói. “Đây không phải là những gì tôi muốn.” Anh ta giắt khẩu

súng ra sau lưng rồi nhặt chiếc khăn lớn trên bãi cỏ. “Cô nên lau khô người đi. Tôi sẽ đưa cô về.”

“Không,” cô nói. “Chưa được.”

Anh ta vắt chiếc khăn lên đầu gối. “Vài phút nữa thôi đấy. Sau đó chúng ta buộc phải đi.”

“Tại sao?”

“Chúng ta phải làm vậy. Cô biết việc này thế nào rồi đấy.”

Nước mắt lăn dài trên má cô. Cô lau chúng đi bằng đôi tay ướt và ngồi dậy trong bể bơi. “Tôi biết,” cô nói. “Tôi có thể thấy được. Một ngày nào đó, tôi sẽ trở thành một cái xác trong góc. Sẽ có những người phụ nữ khác xuống đó và cảm thấy khiếp sợ. Có lẽ, người đó sẽ tự hỏi tên tôi là gì.”

“Chuyện đó không...”

“Có đấy. Đó chính là tương lai. Ít nhất anh cũng có thể thành thật chứ. Giống như Eli vậy. Anh ta đã nói với tôi rằng anh ta sẽ giết tôi.”

Luke nhìn đi chỗ khác và lắc đầu. “Đáng lẽ, cậu ta không nên làm như thế.”

“Tại sao lại không chứ? Chúng ta đều biết chuyện này rồi sẽ đi đến đâu. Cuối cùng, tôi sẽ chết.” Mái tóc ướt dính vào khuôn mặt Jana. Cô giận dữ hất nó ra sau. “Nhưng tôi không muốn chết. Vì vậy, chúng ta cần phải tạo ra một cái kết thúc khác.”

Đó là một ý nghĩ tùy tiện, bất chợt nảy ra trong lúc bực bội. Jana không bao giờ mong Luke sẽ nghiêm túc nghĩ đến nó. Trong thế giới thực, chuyện đó vốn chẳng có ý nghĩa gì, nhưng Luke đâu có ở thế giới thực. Ở thế giới anh ta sống, anh ta không phải là kẻ tấn công, còn cô không phải nạn nhân. Họ là cộng sự. *Chúng tôi chưa từng làm chuyện này trước kia, anh ta từng nói với cô. Cả hai chúng tôi đều đang tìm cách vượt qua nó.*

Anh ta ngồi trong ánh nến, rút ra một que kem từ trong túi áo và bắt đầu xoay nó qua lại giữa những ngón tay.

Anh ta nói, “Điều gì sẽ xảy ra trong cái kết cục khác đó?”

Cô mất một lúc mới có thể xử lý được câu hỏi và thêm chút thời gian để tìm câu trả lời.

“Các anh để tôi rời khỏi đây,” cô nói.

“Và?”

“Thế thôi. Tôi sẽ ra đi”

Cái que vẫn đang quay, giống như bánh răng trong một cỗ máy phức tạp.

“Cô không đi báo cảnh sát?”

“Không. Tôi sẽ không bao giờ nói cho ai biết những gì đã xảy ra ở đây.”

Xung quanh cô vẫn là nước. Cái lạnh từ không khí mơn trớn trên làn da. Cô chờ đợi.

Cái que quay chậm dần rồi dừng lại.

Luke nói, “Cô sẽ đi báo cảnh sát”.

Tất nhiên rồi, Jana nghĩ. Việc đầu tiên.

“Không đâu,” cô nói.

“Giờ thì cô nói thế, nhưng làm sao tôi tin cô được?”

Không thể, cô nghĩ.

“Đó là phần khó,” cô nói. “Anh phải liều thôi.”

Cô nhìn thấy đôi mắt đen tối của anh ta lóe sáng - là ánh nến. Anh ta chạm cái que lên môi dưới.

“Không,” anh ta nói. “Không được đâu. Tôi không thể tin cô.”

Sau đó, anh ta búng cái que xuống bãi cỏ và ánh sáng trong đôi mắt anh ta dần tan biến. Hy vọng rời bỏ Jana. Cô đã dẫn được Luke tới miệng vực, nhưng rồi anh ta lại lùi bước.

“Không phải lỗi của cô,” Luke nói. “Mọi chuyện chỉ xảy ra như thế. Có lẽ sẽ khác đi nếu chúng ta có thể quay về và làm lại từ đầu. Cô có nhớ đêm đầu

tiên chúng ta gặp nhau không?”

Cô trả lời hần ta theo phản xạ. “Tôi nhớ.”

“Chúng ta đã có điều gì đó. Một tia lửa điện. Chúng ta đã nói tới chuyện gặp nhau ở Binghamton. Nhớ chứ?”

“Nhớ.”

“Và khi chúng tôi bám theo cô trong chiếc xe Van, tôi đã nói với cậu ta rằng, ‘Jana thật tuyệt. Cậu cứ chờ mà xem. Cô ấy sẽ dừng lại. Bar Dino trên đường Conklin. Cô ấy sẽ gặp chúng ta ở đó.’ Eli không nghĩ vậy, nhưng tôi tin là thế. Chúng tôi bám theo cô xuống đường I-81, tới lối rẽ ra Binghamton. Và tôi chắc chắn cô sẽ rẽ...”

“Tôi suýt đã làm thế.”

“Giá như cô đã làm vậy. Mọi chuyện sẽ khác đi. Chúng ta sẽ gặp nhau tại Dino. Và tôi biết mình đã bảo cô rằng chúng tôi sẽ biểu diễn ở đó và đó là một lời nói dối. Nhưng cũng chẳng sao cả. Tôi sẽ nói rằng đó là một sự nhầm lẫn và rồi chúng ta sẽ cùng cười. Cô và tôi sẽ nhanh chóng thân thiết. Tôi biết. Chúng ta có một tia lửa điện. Nhưng cô không dừng lại, mà lái xe đi tiếp. Và giờ thì đã quá muộn màng.”

Trong giọng nói của Luke có một niềm khát khao mà Jana đã suýt bỏ lỡ. Cô đang nghĩ đến nỗ lực kháng cự cuối cùng và những giải pháp tuyệt vọng. Cô tự hỏi liệu mình có nên chạy ra đường, dù cho không bao giờ có thể tới được đó. Hoặc liệu cô có nên thử tấn công Luke và cố gắng đánh rơi súng của anh ta. Nhưng chủ yếu là cô nghĩ tới cái chết, làm thế nào nó tìm được cô và liệu cô nên chờ hay là thúc giục nó.

Nhưng một phần tâm trí cô vẫn đang lắng nghe Luke - và nhận ra rằng anh ta đang nói cho cô những gì mình muốn. Đó là thứ anh ta không bao giờ có được, nhất là trong thế giới thực. Nhưng Luke không sống trong thế giới thực.

“Có lẽ vẫn chưa phải quá muộn,” cô nói. “Để bắt đầu lại từ đầu.”

Luke trông có vẻ đăm chiêu rồi lắc đầu. “Chúng ta không thể quay lại đó.”

“Không cần phải làm thế. Tôi có thể ở lại đây.”

Anh ta muốn tin họ cùng chung lý tưởng. Cô sẽ để anh ta tin như thế. Cô sẽ tận dụng khoảng thời gian Cathy Pruett đã mang lại cho cô và tìm cách trì hoãn thêm.

“Tôi có thể ở lại,” cô nhắc lại lần nữa. “Nhưng mọi thứ cần phải thay đổi.”

Anh ta đặt chiếc khăn sang một bên rồi đứng dậy. Báo động. Cảnh giác. “Là gì?”

Jana cũng đứng dậy. “Trước hết, không còn Eli nữa,” cô nói. “Chỉ có anh và tôi thôi. Anh cần phải giữ anh ta tránh xa. Anh có thể làm được điều đó không?”

“Tôi có thể giải quyết Eli. Còn gì nữa?”

“Không thuốc mê nữa,” cô nói. “Tôi sẽ ngủ và thức dậy khi tôi muốn.”

Anh ta do dự một lát rồi nói, “Được. Tôi nghĩ chúng ta có thể thử.”

“Và tôi không muốn lúc nào cũng ở dưới đó trong bóng tối. Tôi muốn có ánh sáng và được ra ngoài mỗi ngày.”

Ngay lập tức cô nhận ra mình đã đòi hỏi hơi quá. Luke chống tay lên hông. “Tôi không thể cho cô ra đây vào ban ngày,” anh ta nói. “Như thế quá mạo hiểm.”

“Mỗi đêm vậy. Tôi cần thấy bầu trời.”

Đôi mắt đen của anh ta vẫn dán chặt vào cô. Dò xét. “Làm sao tôi biết được cô sẽ không cố chạy trốn?”

Cô có thể nói dối, nhưng anh ta rất xảo quyệt. Anh ta có thể sẽ nhận ra.

“Anh không biết được đâu,” cô nói. “Nhưng nếu tôi cố chạy trốn, anh có thể giết tôi.”

Anh ta gật đầu rồi buông thõng hai tay. Anh ta nhìn trời rồi nhìn cơ thể cô trong ánh nến. Anh ta còn một điều để nói.

“Nếu được đáp ứng tất cả những điều đó, vậy đổi lại tôi sẽ nhận được gì?”

Jana đứng trong bể bơi và đưa tay vuốt những sợi tóc ướt khỏi trán. Cô vươn tay ra sau lưng để cởi móc áo ngực và trút bỏ nó khỏi người.

“Tôi ở đây,” cô nói. “Hoàn toàn tự nguyện. Cho tới khi nào anh muốn. Và chúng ta có thể xem liệu tia lửa điện đó vẫn còn không.”

Neil Pruett đã cho tôi mượn xe.

Thuyết phục hơi khó một chút. Chúng tôi cùng đứng trên bãi cỏ phía trước nhà anh trai anh ta và tôi đã giải thích rằng tôi nghĩ Frank Moretti đang có bí mật. Nếu có thể bám theo Moretti và tìm ra bí mật đó là gì, có lẽ nó sẽ giúp tôi chứng minh được Moretti đã vu khống Gary. Nó có thể đưa chúng tôi gần hơn tới mục tiêu mang Gary ra tù. Vấn đề là Moretti sẽ nhận ra chiếc xe tải của tôi. Tôi cần một chiếc xe hòa lẫn được vào mạng lưới giao thông.

Neil trông có chút hoang mang, nhưng vẫn đưa chìa khóa cho tôi. Tôi cũng để lại chìa khóa xe tải cho anh ta vì nghĩ như thế anh ta sẽ yên tâm hơn. Anh ta không quen thân với tôi. Có lẽ anh ta đang tự hỏi liệu mình có bao giờ thấy tôi cùng cái xe nữa không.

Tôi lái xe tới đồn cảnh sát ở tòa án cũ ở trung tâm lúc 5 giờ 10 phút. Đài phun nước vẫn đang còn hoạt động nơi quảng trường dưới chân cầu thang tòa án. Tôi lái xe ra bãi đỗ ở phía sau. Không thấy chiếc Chevy màu đen của Moretti đâu.

Tôi đi vòng quanh quanh dãy nhà và nghĩ xem nên làm gì. Có lẽ Moretti đã rời đi vài phút trước. Nhưng có khi ông ta còn không có mặt ở đây. Ông ta là một thanh tra. Ông ta không dành cả đời ngồi bàn giấy rồi đến 5 giờ xách cặp đi về. Lúc này, ông ta có thể đang nói chuyện với một nhân chứng hoặc ở hiện trường. Ông ta có thể ở bất cứ đâu.

Tôi bắt đầu nhận ra những hạn chế trong kế hoạch của mình.

Tôi lại tới bãi đỗ lần nữa khi một cảnh sát tuần tra rời đi. Anh ta lạnh tanh nhìn tôi khi đi qua. Tôi có thể tìm một chỗ ngồi đợi hoặc tiếp tục lái xe lòng vòng. Có lẽ Moretti sẽ xuất hiện ở đây. Có lẽ sẽ không một ai nhận ra tôi đang theo dõi đồn cảnh sát.

Tôi đi vòng quanh một lần nữa rồi hướng về phía nam, đi theo con đường Moretti đi 2 ngày trước. Đường phố chật kín những người đi làm xa trở về

nhà. Tôi rời trung tâm thành phố và ra đường Turin. Tôi nhìn thấy những dấu hiệu quen thuộc: Hiệp sĩ đoàn Columbus, bệnh viện thú y, bãi cho thuê ca nô, nhà trẻ nơi viên cảnh sát bảo tôi dừng xe.

Tôi dùng lối đi hình vòng cung của nhà trẻ để quay đầu xe. Tôi đi tiếp khoảng nửa dặm và chọn một chỗ đỗ xe ở viện thú y để nhìn con đường. Đó xem ra là lựa chọn tốt nhất mà tôi có. Moretti đã đi qua lối này một lần, cũng vào khoảng thời gian này. Có lẽ ông ta sẽ tới đây lần nữa.

Tôi bật đài và ngồi chờ trong xe. Kênh đài đang được phát sóng lúc này là NPR, một lựa chọn hiển nhiên cho một giáo viên như Neil Pruet. Cha tôi sẽ nói đây là một đài kênh kiểu. Tôi đang nghe chương trình *All Things Considered* nói về tình trạng bất ổn ở Indonesia. Sau đó là bản tin tường thuật về một hội nghị thượng đỉnh kinh tế ở Anh, rồi một bài hồi tưởng về Frank Sinatra, người vừa mới mất hồi đầu tuần. Tiếp đến là một mẫu tin về gấu ngủ đông ở Alaska. Chúng thức dậy sớm vì mùa xuân năm nay ấm.

Phóng viên nói loài gấu có thể ngủ tới gần nửa năm nhưng cơ bắp của chúng không teo lại như của con người.

Chuyện đó có vẻ bất khả thi. Có lẽ có một lời giải thích khoa học nào đấy, nhưng tôi không nhớ. Tôi không nghe nữa khi nhìn thấy Frank Moretti lái chiếc Chevy màu đen đi qua.

Tôi không phải bám theo ông ta đi xa lắm, có lẽ chỉ 4 dặm. Lúc đầu, ông ta đi trên đường Turin - qua công viên và nghĩa trang nằm bên trái. Tôi giữ ông ta trong tầm nhìn, nhưng vẫn luôn đảm bảo có ít nhất một chiếc xe chạy giữa hai chúng tôi.

Khi chúng tôi ra đến đường Stokes, ông ta rẽ sang phía tây. Mặt nước xanh trải dài hai bên đường. Một hồ chứa nước. Rồi tới những ngôi nhà, nhà thờ và một trạm cứu hỏa. Tiếp theo là bức tường đá thấp với những cây thường xanh mọc phía sau. Moretti đi chậm lại và rẽ vào con đường nhỏ xuyên qua một khoảng trống trên bức tường. Bên phải khoảng trống là một tấm biển có đề tên TRANG VIÊN SUMMERBROOK.

Tôi không đi theo ông ta. Tôi lái thêm nửa dặm rồi quay lại. Khi trở về chỗ khoảng trống trên bức tường, tôi những tưởng sẽ thấy Moretti đứng đợi mình nhưng không phải. Tôi rẽ vào và men theo con đường nhỏ lên một con dốc thoải chạy qua đám cây thường xanh. Những cái cây nhường chỗ cho những thảm cỏ rộng rãi. Có nhà nhưng chẳng cái nào giống trang viên. Chúng đều dài và hẹp, có một tầng và trông rất nhạt nhẽo. Có ba tòa nhà được xếp thành ba mặt của hình vuông với khoảng sân ở giữa.

Tôi đỗ xe cách xa những tòa nhà đó và cách xa xe Moretti nhất có thể. Tôi có thể được đi bộ một quãng với gió thổi sau lưng và không khí thơm mùi thông. Ở một phía sân có bà lão đang ngồi trên xe lăn với một tấm chăn đắp trên đùi. Phía bên kia là một chàng trai với dáng vóc của một hậu vệ, đầu cạo trọc, đang đứng dựa vào tường uống Coca. Cậu ta mặc quần bò và áo khoác xanh lá cây đã bạc màu có lẽ là từ một bộ đồng phục hộ lý.

Tôi gật đầu thân thiện với cậu ta và cất tiếng hỏi, “Đây có phải là viện dưỡng lão không?”

Cậu ta giữ lon Coca dưới cằm và nhìn tôi. “Người ta không gọi nó như thế,” cậu ta nói. “Họ gọi đây là trung tâm chăm sóc liên tục [52].”

“Có giống viện dưỡng lão không?”

“Anh không phân biệt được hả?”

Cậu ta nói bằng giọng nhẹ nhàng như thể không muốn bà lão kia nghe thấy.

“Có lẽ tôi muốn ngó nghiêng một chút,” tôi nói. “Chúng tôi đang cố gắng tìm một nơi cho bà ngoại của tôi.”

Tôi chờ cậu ta vạch trần lời nói dối nhưng cậu ta còn không chớp mắt.

“Anh có thể nói chuyện với một người. Cô ấy quản lý nhận người.”

“Tôi muốn tự mình xem trước,” tôi nói. “Nếu được.”

Cậu ta nhún vai. “Tôi sẽ không ngăn anh,” cậu ta nói. “Nhưng đừng đi quá xa.”

Tôi không cần phải làm thế. Tôi rời sân và đi về phía tây. Ở đó có những chiếc bàn ăn ngoài trời cùng một khu vườn. Bên kia khu vườn là bãi cỏ hướng tới một dòng suối nhỏ uốn lượn - dòng suối [53] trong cái tên Trang viên Summerbrook. Một con đường lát đá, đủ rộng cho hai cái xe lăn. Cuối đường là một cái bực gỗ nhìn ra dòng suối. Một nơi để ngồi ngắm cảnh.

Có ba người đang ngồi trên bực gỗ. Một trong số họ là Frank Moretti. Tiếp theo là một người phụ nữ người Mỹ gốc Phi, cũng đang mặc chiếc áo màu lục nhạt giống cái cậu hậu vệ đầu trọc kia.

Người thứ ba là một người phụ nữ ngồi xe lăn. Không phải một bà lão như tôi nghĩ. Cô ấy có làn da nhợt nhạt cùng mái tóc màu nâu sẫm. Vì khoảng cách quá xa nên tôi không chắc cô ấy bao nhiêu tuổi nhưng chắc là còn trẻ. Trạc tuổi Angela Reese.

Tôi quan sát họ từ đầu đường: Moretti tán gẫu với người phụ nữ mặc đồ xanh rồi cúi xuống bên cạnh chiếc xe lăn để nói chuyện với cô gái tóc nâu kia. Cô gái có một con gấu bông và Moretti cầm nó lên, khua khua và lồng tiếng cho nó - cách bạn vẫn làm để nịnh một đứa trẻ.

Một lát sau, người phụ nữ mặc đồ xanh rời đi và bắt đầu đi trên con đường. Cô ta hơi mập và đi khá chậm. Moretti tiếp tục làm trò với con gấu và khi chán, ông ta đẩy chiếc xe lăn lại gần dòng suối. Ông ta chỉ vào thứ gì đó trên mặt nước, chỉ vào mây trên trời, vào một con diều hâu bay qua.

Khi người phụ nữ đi hết con đường, cô ta thở hồng hộc. Cô ta đi ngang qua tôi mà không nói một lời rồi bước đến ngồi tại một chiếc bàn ăn ngoài trời. Tôi để cô ta có một phút cho riêng mình rồi mới đi tới.

“Trời hôm nay đẹp nhỉ,” tôi nói.

Cô ta ngược nhìn lên, để nhìn thời tiết hơn là nhìn tôi. “Chắc sắp có bão.”

“Thế à?”

“Tôi nghe bảo thế.”

Tôi tiến gần hơn một bước. “Tôi ngồi xuống được không?”

Cô ta lại ngược lên và lần này là để nhìn tôi. Vẻ mặt cô ta cho tôi biết cô ta sẽ không phản đối dù không vui vẻ. Tôi ngồi xuống.

“Có lẽ tôi sẽ đưa bà ngoại tới đây,” tôi nói.

“Đây là một nơi tuyệt vời.”

“Có vẻ tốt thật. Tôi đang đi xem xung quanh.”

“Tối văn phòng và họ sẽ đưa anh đi tham quan.”

“Có lẽ tôi sẽ làm vậy.”

Chúng tôi dành chút thời gian yên tĩnh. Tôi tưởng cô ta sẽ rời đi. Cô ta đã lấy lại sức sau khi đi bộ. Nhưng cô ta vẫn ở lại và đang quan sát tôi với hai bàn tay đan lại để trên bàn. Cô ta có bàn tay rất đẹp, móng tay được cắt tỉa cẩn thận và sơn màu. Đôi bàn tay đó đã được chăm chút rất kỹ càng. Cả mái tóc cũng vậy: nó được tết lại gọn gàng. Khuôn mặt cô ta cũng tròn trịa nhưng bên dưới là một khung xương chắc khỏe. Tôi có thể thấy được trí thông minh hiện lên trong đôi mắt cô ta cùng với vẻ thận trọng và dè dặt.

“Chúng ta có bạn chung,” tôi nói. “Frank Moretti.”

“Thế à?”

“Cô quen ông ấy lâu chưa?”

“Ông ấy là khách quen ở đây.”

“Tôi đã rất ngạc nhiên khi nhìn thấy ông ấy hôm nay. Tôi không biết ông ấy đến đây. Cô gái ông ấy đến thăm còn trẻ nhỉ.”

“Đúng rồi.”

“Cô gái là con ông ấy sao? Tôi không biết ông ấy có con gái.”

Người phụ nữ mặc đồ xanh không đáp. Đôi mắt cô ta kiên định và miệng mím lại không biểu cảm.

“Tôi định đi hỏi ông ấy, nhưng như thế có lẽ sẽ rất ngượng ngập,” tôi nói. “Tôi không muốn để lại ấn tượng rằng mình đang chõ mũi vào cuộc sống riêng tư của ông ấy.”

“Sẽ rất ngượng ngập,” cô nói, “nếu khiến ông ấy có *ấn tượng* đó.”

“Đúng.”

“Tất nhiên là anh có thể không tò mò mà.”

“Đúng thế.”

“Hãy để lại *ấn tượng* tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người.”

Một nét cười vẽ lên quanh đôi mắt của cô ta, nhưng rõ là cô ta không cười với tôi. Nhưng điều đó không quan trọng. Cô ta không cần phải thích tôi. Tôi rút ví ra.

“Tôi cần biết về cô gái đó,” tôi nói. “Có lẽ chúng ta có thể giúp đỡ nhau.”

Rốt cuộc thì tôi cũng nhận được một nụ cười. Một nụ cười yếu ớt. “Tên anh là gì?” cô ta hỏi.

“Napoleon Washburn.”

“Tên hay nhỉ.”

“Một số người gọi tôi là Poe.”

“Anh định trao đổi gì với tôi, Poe?”

Tôi mở ví mình ra, đặt một tờ 20 đô và một tờ 10 đô lên bàn.

Nụ cười kia biến mất. Mặt cô ta đánh lại.

“Không nhiều lắm nhỉ. Anh biết ông Moretti là ai không?”

“Tôi biết,” tôi nói và đặt thêm một tờ 20 nữa.

Cô ta vẫn không động đến số tiền đó. “Anh đã bao giờ đánh bạc chưa, Poe?”

“Rồi.”

“Anh biết người đánh bạc hay làm gì không?”

“Cô nói xem.”

“Một khi đã nghiêm túc, họ sẽ đặt cược tất cả. Anh có sẵn lòng đặt cược hết không?”

Tôi rút nốt chỗ tiền trong ví ra và cho cô ta thấy chẳng còn gì trong đó.

“Đặt cược hết,” tôi nói.

Cô ta mở đôi bàn tay xinh đẹp của mình ra và xếp tiền thành một xấp để trước mặt, không đếm cũng chẳng cất đi.

“Anh muốn biết gì?” cô ta nói.

“Tên của cô gái đó là gì? Cô ấy bao nhiêu tuổi?”

“Cô gái đó tên là Erin. 21 tuổi.” Cô ta cầm tờ trên cùng xấp tiền rồi xé nó làm đôi. “Hỏi câu khác đi.”

Tôi nhìn cô ta ném những mảnh giấy vụn qua vai. Chúng đáp xuống bãi cỏ. Nét mặt lạnh lùng của cô ta vẫn không hề thay đổi.

Chúng tôi đang chơi một trò khác, không như tôi mong đợi. Nhưng tôi cần xem kết thúc.

“Đó có phải con gái ông ấy không?” tôi nói.

“Tôi chưa bao giờ nhìn thấy giấy khai sinh của cô ấy,” người phụ nữ mặc đồ xanh nói. “Tôi biết cô gái gọi ông ấy là cha. Tôi cũng biết ông ấy hầu như ngày nào cũng đến. Tôi biết cô gái vẽ tranh cho ông ấy. Những bức tranh bằng màu sáp, trông như tác phẩm của một đứa trẻ 3 tuổi tài năng. Cô ấy giờ là như thế đấy.”

Cô ta xé một tờ tiền khác và ném ra bãi cỏ. “Hỏi tôi câu khác đi.”

“Chuyện gì đã xảy ra với cô ấy vậy?”

“Tai nạn xe hơi năm cô ấy 17 tuổi, xảy ra trên đường cao tốc khi đã quá nửa đêm. Chiếc xe chở cô ấy lao qua dải phân cách và đâm thẳng vào xe tải. Lúc đó, cô ấy đang ngồi trên ghế hành khách. Cô ấy đã bị liệt từ thắt lưng trở xuống và chấn thương não. Hôn mê hai tuần liền.” Cô ta xé một tờ tiền khác. “Hãy hỏi tôi ai là người đang lái xe lúc đó.”

“Ai đã lái xe?”

Một trong những giáo viên của cô ấy. Hãy hỏi tôi lý do tại sao ông ta lại lượn lờ với một cô gái 17 tuổi khi đã quá nửa đêm.”

Giọng nói của cô ta vốn được kiểm soát cẩn thận nhưng giờ tôi có thể nghe giận dữ trong đó.

“Tôi không cần phải hỏi điều ấy,” tôi nói.

“Chắc vậy,” cô nói. “Ông ta đã chết ngay tại chỗ, còn cô ấy thành ra như vậy. Thường thì cô ấy không nhớ được ông thầy nhưng lại luôn ghi nhớ ông Moretti. Cô ấy thấy nhớ khi ông ấy không ở đây. Lần nào ông ấy về, cô ấy cũng khóc.”

“Mẹ cô ấy đâu?”

Người phụ nữ mặc đồ xanh gom hết số tiền còn lại. “Bà ấy cũng từng đến đây trong năm đầu tiên. Thế rồi bà ấy nhận ra con gái mình sẽ chẳng khá hơn. Cô ấy là một đứa trẻ 3 tuổi và sẽ mãi như thế. Chuyện đó quá khó khăn. Quá khó khăn với mẹ của Erin. Bà ấy nằm trong bồn tắm rồi cắt tay tự tử.”

Người phụ nữ xé xấp tiền một lần, hai lần rồi ném những mảnh vụn qua vai, để chúng nằm rải rác trên bãi cỏ.

Cô ta nói, “Nó đã trả lời câu hỏi của anh chưa, anh Malone?”

Không chút nhấn nhá vào tên tôi, cô ta chỉ thốt ra nó một cách rất bình thường.

“Rồi,” tôi nói.

“Tốt. Bởi vì đó là tất cả những gì ông Moretti muốn cho anh biết. Nếu muốn biết nhiều hơn thế, anh sẽ phải đi hỏi chính ông ấy. Mà tôi biết ông ấy không muốn nói chuyện với anh. Anh không phải bạn ông ấy.”

“Đúng vậy.”

Cô ta nhìn quanh khu vườn. Chẳng có hoa gì nở ngoài huệ tây. “Tôi tin rằng mình là bạn ông ấy,” cô ta nói. “Ông ấy cũng đối với tôi như vậy.” Cô ta quay lại nhìn tôi và hạ giọng - cách gây chú ý với tôi. “Ông ấy là người đàn ông dịu dàng nhất tôi từng gặp, nhưng tôi không muốn nghĩ đến chuyện có thể xảy ra nếu anh đến đây một lát nữa và cố gắng tiếp cận với Erin hay nói chuyện với cô ấy.”

“Không đâu,” tôi nói.

“Hoặc nếu anh làm bất cứ điều gì gây xáo trộn cuộc sống của cô ấy ở đây, hay khiến cô ấy bị chú ý một cách không mong muốn.”

“Tôi hiểu.”

“Tốt. Giờ anh có thể đi được rồi.”

Cô ta liếc nhìn qua vai tôi và gạt đầu ra hiệu cho một người nào đó. Tôi quay lại và thấy người đàn ông trọc đầu đang đi về phía chúng tôi. Anh chàng hậu vệ.

“Đây là Karl,” người phụ nữ mặc đồ xanh nói. “Karl, đây là David Malone. Chuyến thăm viếng của anh ấy đã kết thúc và anh ấy đang chuẩn bị về.”

Cô ta không đứng dậy. Một làn gió thoảng qua, thổi những mẫu tiền vụn bay lên khỏi mặt cỏ, tới bụi gỗ nằm bên cạnh dòng suối, nơi Frank Moretti đang diễn lại màn trình diễn với chú gấu đồ chơi. Tôi đi với Karl. Cậu ta cao hơn tôi khoảng 10 phân và nặng hơn tầm 13 cân. Cậu ta không cầm cánh tay tôi dẫn đi, nhưng tôi biết cậu ta đang có mặt ở đó.

Cậu ta giữ im lặng cho đến khi chúng tôi ra đến rìa bãi đậu xe. Lúc đó, cậu ta mới lên tiếng, “Tôi nợ anh một lời xin lỗi.”

“Cho chuyện gì?”

“Nếu biết anh là ai, tôi có thể đã bảo anh rời đi. Đờ rắc rối thế này. Nhưng tôi tin câu chuyện về bà anh.”

“Xin lỗi.”

Cậu ta thông thả bước đi bên cạnh tôi. “Bà tôi đã mất rồi. Cả bà nội và bà ngoại.”

“Một trong hai người bà của tôi vẫn còn sống,” tôi nói. “Bà mới ngoài 70. Chưa sẵn sàng cho một nơi thế này.”

“Dùng bà ấy để nói dối thật chẳng ra sao.”

Cậu ta nói phải.

“Ừ,” tôi nói.

Chúng tôi ra đến chỗ chiếc xe đi mượn của tôi. Karl cứ nấn ná và xoa xoa lòng bàn tay cái đầu trọc lốc.

“Anh cần phải đi và không bao giờ được quay trở lại đây,” cậu ta nói. “Tôi có cần nhắc anh không?”

“Tôi được dặn rồi.”

Tôi lấy chìa khóa trong túi quần ra rồi quay lưng lại với cậu ta để mở khóa. Sai lầm. Karl đặt một tay lên vai tôi rồi đẩy tôi vào xe. Sau đó, cậu ta nhanh tay đâm tôi một phát vào điểm dưới xương sườn. Đâm vào bụng.

Tôi chưa bao giờ bị bò húc, nhưng chắc cũng chỉ thế này thôi. Hai lá phổi của tôi trống rỗng và tôi khuyu xuống. Tôi trượt khỏi thân xe. Tay và đầu gối chống xuống đất. Tôi nghĩ mình sắp nôn ra nên đã chờ nhưng chỉ có nước miếng chảy ra. Tôi không nôn.

Tôi ngẩng đầu lên và cử động đó khiến tôi choáng váng. Tôi ngồi trên mặt đất, ngẩng lên nhìn Karl đang thả lỏng tay.

“Không tệ lắm nhỉ,” cậu ta nói. “Tôi đã nhẹ tay rồi đấy.”

Cậu ta nắm lấy cánh tay tôi, cố lôi tôi đứng dậy. Tôi huých cậu ta. Cậu ta chùng gối, nhắc người lên, cố đẩy tôi vào xe. Thắt lưng chạm vào gương xe làm tôi rên lên và suýt nữa lại gục nhưng cậu ta đỡ tôi.

“Anh không sao đâu,” cậu ta nói. “Hít thở đi.”

Tôi cố đẩy cậu ta ra và tự đứng thẳng. Quá sớm. Tôi chắc đã ngã xuống nếu cậu ta không đỡ.

“Từ từ thôi,” cậu ta nói. “Anh sẽ ổn thôi. Tôi phải đảm bảo anh có lắng nghe. Dặn là một chuyện, nghe là một chuyện. Anh hiểu mà, đúng không?”

Tôi gạt đầu một cái để cậu ta biết rằng mình đã hiểu. Một lát sau, cậu ta giúp tôi vào trong xe.

Một chuyện kỳ lạ bắt đầu xảy đến với K. Hắn không chắc nó có nghĩa là gì. Hắn bắt đầu trông thấy Jolene ở những nơi khác nhau xung quanh thành phố.

Không phải Jolene thực sự, tất nhiên, mà là những bản sao và phân thân, các *loại* Jolene.

Tóc vàng, khỏe khoắn và có đôi chân đẹp - đó là những đặc điểm cơ bản. Nhưng còn hơn cả kiểu ngoại hình. Có cả đám con gái tóc vàng chân dài trong khuôn viên trường Đại học Bellamy, nhưng không ai làm K nhớ tới Jolene. Họ còn thiếu mất một đặc điểm nhất định. Một số người có thể sẽ gọi đó là sự thương tổn, nhưng K lại nghĩ nó là mong manh.

Một phụ nữ bán kính râm tại một ki-ốt ở trung tâm mua sắm, trông đang rất nhàm chán. Một cô gái nhút nhát với khuôn mặt đỏ làm thu ngân tại nơi K cắt tóc. Một người phụ nữ ở bên lề đường buổi tối, đang lo lắng đợi xe tải kéo. K nhìn thấy Jolene ở tất cả bọn họ.

Hắn lại trông thấy cô ta lúc gần tối thứ Sáu. Một con phố tàn tạ phía nam Rome - chắc chắn là một nơi đầy Jolene. Một cửa hàng ngũ kim nằm cạnh một cửa hàng bia rượu kế bên tiệm giặt ủi tự động. K bước ra khỏi cửa hàng ngũ kim và nhìn thấy ả trong khu đất trống bên kia đường. Một sự trùng khớp gần như là hoàn hảo, từ chiếc váy ngắn tới cái áo bó sát. Ả thậm chí còn cầm một chiếc cốc Solo màu đỏ.

K dừng lại quan sát ả. Ả châm một điếu thuốc và ngồi lên bức tường bê tông vẽ graffiti ngăn cách giữa khu đất và đường tàu. Nằm phía tây khu đất là một tòa nhà bỏ hoang đã từng được dùng làm sân trượt băng. Tất cả lối ra vào đều đã được dùng ván bịt kín lại.

Trong khi đang quan sát, K nhìn thấy một thanh niên cao gầy, râu ria lởm chởm đang đi dọc phía trước sân băng. Cậu ta mặc quần bò rách, áo phông đen và gần 30 tuổi. Nếu trông sạch sẽ hơn và giàu có hơn, hắn trông cậu ta cũng giống một nghệ sĩ đường phố.

Cậu ta đến nhập hội với cô gái kia - cô nàng gần giống Jolene. Họ ngồi cùng nhau. Cậu ta châm thuốc. K nghĩ họ chắc quen nhau nhưng không thân. Một phút sau, tên gầy gò kia thò tay vào túi rồi chuyển thứ gì đó sang tay cô gái. Sau đó, họ đứng dậy và cùng nhau bỏ đi, biến mất vào phía sau sân trượt.

Đến lúc đi rồi, K nghĩ. Cô gái kia thật sự đã khiến hắn xao lãng, mà hắn thì không cần điều đó. Hắn cần phải kiểm chế bản thân. Hắn biết thế.

Nhưng hắn không đi, mà bước vào cửa hàng bia rượu, mua một lốc 6 chai bia lạnh và bảo nhân viên bán hàng cho nó vào túi giấy. Sau đó, hắn cầm nó băng qua đường và tìm lấy một chỗ ngồi lên bức tường bê tông, cách chỗ hắn nhìn thấy cô gái kia vài mét. Hắn vặn nắp một chai bia, uống một ngụm. Đặt cái túi lên bức tường, giấu cái chai phía sau túi để không ai có thể nhìn thấy nó từ ngoài đường.

Không lâu sau, cô ả gần giống Jolene và tên gầy gò xuất hiện trở lại từ phía sau sân trượt băng. Tên gầy gò cúi đầu rào bước đi đường mình, còn cô nàng gần giống Jolene đi về phía bức tường. Bước chân của ả hơi khựng lại khi nhìn thấy K, ánh mắt không mấy thân thiện, rồi ả châm một điếu thuốc khác, tay vẫn cầm theo chiếc cốc Solo màu đỏ.

K uống bia. Sau khi uống hết một chai, hắn lôi một chai khác từ trong túi ra. Thỉnh thoảng, hắn liếc sang kiểm tra cô nàng gần giống Jolene kia, nhưng không nhìn chăm chăm vào ả. Hắn nhìn tiệm giặt bên kia đường hay đám cỏ dại mọc xuyên qua vết nứt trên vỉa hè dưới chân. Hắn nghĩ có lẽ ả sẽ qua đây sau khi uống hết thứ chất lỏng gì đó trong chiếc cốc đỏ và hắn đã đúng.

“Ê, Steve,” cô ta nói.

Ả đứng trước mặt hắn, chân nọ đặt trước chân kia, chào hàng. Nụ cười vừa phải. Hàm răng hơi khấp khểnh.

Hắn nói, “Sao cô biết tên tôi là Steve?”

“Tôi không biết,” ả nói. “Tôi thích đoán mò. Vui mà. Anh thử đoán tên tôi xem.”

Hắn nghiêng đầu, giả vờ suy nghĩ.

“Jolene.”

“Chúa ơi, Steve. Anh như nhà ngoại cảm ấy.”

K thò tay vào túi, lấy ra một chai bia nữa, vặn nắp và bắt đầu rót vào chiếc cốc Solo màu đỏ.

“Tôi có thể uống bằng chai, Steve ạ.”

Hắn vẫn tiếp tục rót.

“Kệ đi vậy,” ả nói.

Hắn nhắc chiếc túi khỏi bức tường và đặt sang một bên. ả ngồi cạnh hắn.

“Anh định làm gì, Steve?”

“Rất khó nói.”

ả búng điều thuốc đã cháy hết của mình lên vĩa hè.

“Anh có thể nói với tôi,” ả nói và nâng cốc với hắn. “Chúng ta là người quen mà.”

“Tôi muốn dành chút thời gian với cô.”

“Anh lại đọc suy nghĩ của tôi rồi, Steve ạ.”

“Đi đâu đó đi.”

ả hất cằm về phía sân trượt. “Nếu anh muốn nhanh thì có một chỗ gần đây. Hoặc tôi có biết một khách sạn. Đến khách sạn thì sẽ nhiều hơn. Anh sẽ có nhiều hơn. Anh hiểu ý tôi là gì chứ?”

K cau mày. “Có lẽ chúng ta có thể chậm lại.”

“Chậm? Chắc chắn rồi. Chúng ta sẽ chậm như anh muốn.”

“Tôi không thích cái cách cô khiến nó có vẻ... rẻ tiền.”

“Ồ, sẽ không rẻ đâu, Steve.”

“Tôi muốn nói chuyện trước.”

“Chắc chắn rồi,” ả nói và lục lọi trong túi xách tìm một điều thuốc lá mới. “Chúng ta không phải đang nói chuyện sao?”

“Ý tôi là về những chuyện thực sự. Những thứ quan trọng. Kiểu như cô đã từng muốn làm gì trước khi bắt đầu làm việc này.”

Ả gõ gõ điều thuốc lá chưa châm lửa vào đùi. “Chúa ơi,” ả nói. “Anh là kiểu người đó sao?”

“Kiểu gì?”

“Anh đang cố giải cứu tôi? Cứu lấy linh hồn tôi?”

K cười. “Không, không.”

“Tôi không thích thế.”

“Tôi cũng thế Jolene,” K nói. “Tôi chỉ muốn lái xe dạo chơi một vòng.”

Ngôn ngữ cơ thể của ả liên thay đổi. Đang nghiêng người về phía hấn đầy thân mật, ả liền lùi lại. Ả châm điều thuốc và thả chiếc bật lửa vào túi xách.

“Tôi không lái xe dạo chơi,” ả nói. “Tôi không lên xe của ai, trừ bạn bè.”

“Nhưng cô bảo chúng ta là bạn bè cơ mà, Jolene.”

“Tôi nói chúng ta là người quen.”

“Tôi muốn lái xe đi dạo,” K nói. “Và sau đó xuống xe tản bộ.”

“Xem ra chúng ta muốn những điều khác nhau.”

“Sẽ rất thú vị. Đi dạo quanh hồ. Cô thấy thế nào?”

“Tôi từ chối.”

Ả định đứng dậy nhưng K nắm lấy cổ tay trái ả.

Hấn cảm thấy cơ bắp của ả căng cứng và ả lườm hấn. “Không hay đâu, Steve.”

“Chúng ta sẽ lái xe đi dạo.”

Ả cố rút tay ra. Hấn biết mình không nên ngăn cô ta lại. Ai đó có thể sẽ nhìn thấy. Hấn nên kiềm chế, nhưng lại cảm thấy mình đang siết chặt cổ tay

ả hơn.

“Cô có thể uống nốt cốc bia,” hăn nói. “Sau đó, chúng ta sẽ đi.”

“Anh đang làm tôi đau, Steve.”

“Đừng cố chống lại tôi, Jolene. Tôi có súng đấy. Uống nốt bia đi.”

Cốc bia của ả đang đặt trên gờ tường. ả không với lấy nó. ả rút một hơi thuốc lá rồi nhả khói qua môi. ả nhẹ nhàng nói, “Tên tôi không phải là Jolene.” Sau đó, ả đột ngột xoay người lại và giở đầu thuốc lá vào mu bàn tay hăn.

Đau điếng người và nghe tiếng da thịt hăn cháy xèo xèo. K giật tay ra làm cả người mất đà. Cô nàng kia bồi thêm một cú đẩy thật mạnh - lòng bàn tay cô ta đập vào ngực hăn - làm hăn ngã lộn cổ xuống bức tường.

Phía bên kia bức tường có bùn đất và cỏ dại. K tiếp đất thật mạnh bằng vai. Hăn nằm ngửa mất một lúc - toàn thân đau nhức, nhưng không bị gãy thứ gì - rồi bò dậy. Hăn đứng lên, tay cầm khẩu súng Makarov lấy từ Simon Lanik. Không hiểu sao hăn lại cầm nó trên tay vì hăn vốn giắt nó ở mắt cá chân. Hăn không có bao da, nên phải nhét súng vào trong một bên tất và cố định bằng hai sợi dây chun dày. Giờ thì hăn đã rút nó ra và đang đặt ngón tay trên cò súng.

Có thể gọi đó là phản xạ tốt - ngoại trừ việc hăn đang đứng quay mặt nhằm hướng và lưng quay vào tường. Hăn xoay người lại, giở súng lên và tìm thấy cô nàng kia. ả đang bước rất nhanh, không chạy, nhưng đã ra tới đường. Hăn chìa súng vào lưng ả.

Giữa thanh thiên bạch nhật. Có nhân chứng. Một người phụ nữ đang chất đồng quần áo đã giắt vào chiếc hatchback [54]. Hai đứa trẻ đi xe đạp ngang qua. Cô gái không phải Jolene kia mạnh tay mở cửa tiệm giặt ủi tự động và đi vào trong. K tỉnh ra và bỏ ngón tay ra khỏi cò súng. Hăn thụp người xuống phía sau bức tường. Nhét lại khẩu súng lục vào trong tất.

Thật khinh suất, hăn nghĩ.

Vài phút sau, hắn đứng dậy và ngó nghiêng xung quanh. Trên đường phố có người, nhưng không ai chú ý đến hắn. Hắn liền trèo qua tường, nhặt túi bia của mình và rời đi.

Dòng nước khiến hắn bình tĩnh trở lại.

Hắn đã lái xe đi một đoạn, sau đó xuống đi dạo - như đã định, chỉ khác là không có cô nàng kia. Giờ hắn đang nửa ngồi nửa quỳ bên bờ sông Mohawk, không xa khu phố nơi hắn đã lớn lên. Hắn lắng nghe tiếng nước chảy róc rách qua một thân cây đổ và nhìn ngắm một đàn vịt bơi lội dưới hạ lưu. Hắn cho bàn tay phải xuống nước. Cảm giác lạnh lạnh thật tuyệt.

Vết bồng thuốc lá tạo thành một vòng tròn nhỏ màu đỏ. K đã xem xét nó rất kỹ trên đường lái xe trở về nhà. Nó rồi sẽ để lại sẹo, hắn nghĩ.

Hắn gập bàn tay trên vô lăng, chỉ để cảm nhận cơn đau lần nữa. Vết bồng đó là hình phạt cho sự khinh suất của hắn. Hắn sẽ cần phải thận trọng hơn. Hắn đã sai lầm khi bám theo cô ả kia. Hắn đã đi quá giới hạn. Thật là ngạo mạn. Giống như Icarus [55] với đôi cánh sáp bay quá gần mặt trời. Không nên với cao. Đó chính là bài học.

Đúng không? Có thể vẫn còn một cách khác để nhìn nhận sự việc, K nghĩ. Cô ả kia chỉ là gái mại dâm. Ả không là gì cả. Vậy nên, khi cố gắng bắt ả, hắn không phải đang với cao. Hắn không nhắm quá cao mà là nhắm quá thấp. Nhắm quá thấp đúng là lãng phí. Một tội lỗi. Nếu đó mới là bài học thực sự thì sao?

Càng nghĩ, K càng cho rằng mình đã hiểu được một điều gì đó.

Hắn sẽ cần phải ghi nhớ. Vết đỏ trên bàn tay sẽ nhắc nhở hắn.

Lần sau, hắn sẽ nhắm tới một mục tiêu cao hơn.

K rẽ vào con đường trước nhà mình. Hắn thấy một người hàng xóm đang nhặt tờ báo trên vỉa hè. Hắn trông thấy ngôi nhà của mình phía xa xa và có

ai đó đang ngồi trên bậc thềm trước cửa. Rồi người đàn ông đó đứng dậy, khập khiễng như thể đang bị đau.

David Malone.

Trong thoáng chốc, K quên mất chính mình. Hắn muốn che mặt và lái xe đi tiếp, nhưng lại thôi. Hắn nhả phanh và đậu xe bên lề đường. Tắt máy chiếc xe của Malone.

Hắn cầm theo túi đựng bia, sau đó băng qua đường và cất vang lời chào. Hắn chạm vào xe mình lúc đi qua rồi trao đổi chìa khóa với David Malone.

Neil Pruett thật lăm mồm.

Anh ta đã xin lỗi vì sử dụng xe tải của tôi. Anh ta có việc. Anh ta hy vọng thế không vấn đề gì. Tôi bảo không sao.

Anh ta muốn biết tin tức về Moretti - rằng liệu tôi có bám theo được Moretti không, ông ta đã đi đâu và tôi có tìm ra bất cứ điều gì hữu ích không. Nhưng tôi không muốn nói chuyện, sắp có bão rồi. Người phụ nữ ở trang viên Summerbrook đã cảnh báo tôi. Lúc này, trời vẫn còn sáng, nhưng tôi đã có thể nhìn thấy những đám mây đang tụ lại. Chúng trông thật bất thường, giống như những đám mây trên một hành tinh xa lạ.

Tôi vẫn còn cảm giác bị bỏ húc. Nó khiến tôi đau đớn khi đứng và đi lại. Tôi cảm thấy chân mình không thể đứng vững được - và còn hơn thế nữa: Cảm giác như thể cả thế giới đều chao đảo. Bởi vậy, những đám mây ngoài hành tinh kia trở nên thật hợp lý, những đám mây phù hợp với thế giới tôi đang sống.

Tôi nói với Neil Pruett rằng mình cảm thấy không khỏe và chúng tôi sẽ phải nói chuyện vào lúc khác. Tôi bỏ lại anh ta đứng đó trên bãi cỏ với túi hàng tạp hóa rồi trèo lên xe tải và lái xe rời đi. Tôi cho xe chạy chậm, giống như thể đang đi trên vách đá.

Được nửa đường, tôi bỗng cảm thấy buồn nôn. Mà không hẳn: Tôi đã cảm thấy buồn nôn suốt chuyến đi, nhưng khi đi được nửa đường về nhà, cảm giác ấy mới lên đến đỉnh điểm. Tôi tắt xe vào bãi đậu xe của một tiệm bán đồ ăn nhanh rồi đứng cạnh xe tải với hai bàn tay đặt trên đầu gối song không nôn mửa. Sau đó, tôi đi vào trong tiệm, tới phòng vệ sinh nam và cúi người trên bồn rửa nhưng vẫn không nôn. Một lát sau, tôi bước vào một buồng vệ sinh, kéo khóa quần và đi tiểu một lúc lâu. Thứ nước thải ra có màu vàng sặc sỡ, có lẽ quá sặc sỡ, giống như màu sắc của mặt trời trên hành tinh xa lạ kia. Nhưng nó không có màu hồng hay màu đỏ. Không có máu.

Tôi lại ra đường và thế giới dường như đã vững vàng hơn trước. Mặt đất vẫn rắn chắc và không có vực sâu thăm thẳm nào mở ra dưới chân tôi. Tôi

về đến căn hộ của Jana và lái xe lên lối vào. Gió thổi qua những chiếc lá sồi khi tôi lật đật đi tới cửa trước. Cơn bão đang về. Tôi xoay chìa trong ổ, sau đó bước vào nhà và thấy Napoleon Washburn đang ngồi trong căn bếp của mình

Làn khói lơ lửng trong không khí. Tôi thấy Washburn đã lấy chiếc bát bằng đất sét từ trên kệ lò sưởi xuống - chiếc bát đựng đồng 25 xu của Jana - để dùng làm gạt tàn. Lão ta đang ngồi chống một khuỷu tay lên mặt bàn, duỗi thân hình cao gầy trên ghế. Lão ta mặc quần bò và áo lông cừu xám, tay áo xắn lên tận khuỷu. Mái tóc đen rối tung.

Lão ta gác chân lên một chiếc ghế khác. Đôi ủng đã mòn và dính bẩn. Tôi nhận ra chúng vì đã từng nhìn thấy một chiếc ở cự ly gần.

“Vào trong đi,” Poe Washburn nói. “Đóng cửa lại và ngồi xuống.”

Lão ta bình tĩnh hơn tôi nhớ - nhưng lần gặp nhau trước, nhà lão đang bốc cháy. Tôi nghe thấy vẻ tự tin trong giọng nói của lão ta, còn có chút đe dọa. Lão ta chỉ chiếc ghế đối diện mình bằng bàn tay đang cầm điếu thuốc lá.

Đáng lẽ tôi đã nổi giận nhưng không còn sức nữa. Tôi ngồi xuống.

“Tôi rất mừng vì ông đã đến đây,” tôi nói.

Lão ta rút điếu thuốc rồi nhả ra một làn khói. “Tất nhiên.”

“Sao ông vào nhà được?”

“Cửa sau. Tôi đập vỡ kính và chui qua.”

Tôi nhìn về phía đó và thấy những dấu tích còn lại của tấm kính trong khung cửa. Tôi đã phải nghiêng người sang một bên khi ngồi trên ghế để làm được điều đó. Hành động ấy khiến căn phòng hơi quay quay. Tôi cảm thấy mồ hôi đang vã ra trên trán.

“Ông không cần phải làm thế,” tôi nói.

“Nói thật với anh, tôi muốn thế.” Lão ta gõ nhẹ cho tàn thuốc rơi vào chiếc bát. “Tôi đến đây và nghĩ mình sẽ đập thứ gì đó, có khi là tấn anh. Tôi

ngĩ điều đó sẽ khiến mình cảm thấy khá hơn. Nhưng giờ khi thấy anh, tôi lại không chắc. Trông anh giống như sắp gục tới nơi rồi. Sao vậy?”

“Tôi đã có một ngày vất vả.”

“Rõ ràng.” Lão ta đưa điều thuốc lên miệng. Rít một hơi. Nhả khói ra từ mép.

Lão ta nói, “Anh có tiền không?”

“Tại sao?”

“Tôi có thể dùng tới một ít.”

Tôi nghĩ tới số tiền của mình hiện đang là từng mảnh, lẫn vào bãi cỏ tại Summerbrook.

“Tôi không có một đồng nào cả.”

“Tôi cũng nghĩ thế,” Poe Washburn nói. “Trước đó, tôi đã lục lọi xung quanh. Anh có một chiếc TV 13 inch có thể giúp tôi kiếm được 10 đô la tại một khu chợ trời. Anh có chiếc máy tính, nhưng không phải loại xách tay. Đó là máy tính để bàn và chắc đã dùng được 4, 5 năm rồi...”

“6.”

“...Như thế có nghĩa là tôi có thể tặng nó cho Cứu Thế Quân [56]. Họ sẽ rất vui mừng. Chẳng còn ai khác cảm thấy như vậy đâu. Anh cũng có một chiếc đài tích hợp với đồng hồ và một bàn chải đánh răng chạy điện. Anh chẳng có cái quái gì hết. Một số người cất tiền mặt trong lon cà phê hay túi nhựa mỏng đặt trong tủ đá, nhưng anh thì không. Anh sống ở đây được bao lâu rồi hả?”

“Không lâu lắm.”

“Nó như một bãi rác. Anh biết thế, đúng không?”

Tôi không trả lời.

Lão ta nhún vai. “Tôi lớn lên trong khu ổ chuột, nên không phán xét gì đâu.” Lão ta gõ nhẹ điều thuốc lên chiếc bát. “Tôi đã tìm thấy một thứ hay ho,” lão ta nói, “ở chiếc bàn đầu giường anh.” Lão ta đưa tay xuống dưới

bàn và lôi ra khẩu súng lục của Agnes Lanik. Nó nằm trên đùi lão ta, khuất khỏi tầm nhìn.

“Nó có một cái tên nước ngoài,” lão ta nói. “Markov.”

“Makarov,” tôi bảo lão ta.

Lão ta giơ nó về phía tôi. “Tôi chưa từng thấy khẩu súng loại này bao giờ.”

“Chuyện về khẩu súng này hài hước lắm...”

“Hả?”

“Tôi đã mượn nó từ một người phụ nữ tôi quen biết sau khi để lại mẫu giấy nhắn tại nhà ông. Tôi nghĩ mình nên có nó phòng khi ông tới đây với thái độ sai lầm.”

“Chuyện đó buồn cười thật.”

“Ông có thể cất nó đi,” tôi nói. “Ông không cần tới nó đâu. Chúng ta không phải kẻ thù của nhau.”

“Còn lâu đi.”

“Tôi không châm lửa đốt nhà ông.”

“Một kẻ nào đó đã làm vậy. Tôi không tin đấy chỉ là tai nạn.”

“Tôi cũng không.”

Washburn bỏ chân xuống khỏi ghế, vắn chĩa súng về phía tôi.

“Không quan trọng,” lão ta nói. “Đưa tôi ví của anh.”

Lão ta không bảo tôi nên từ từ lấy nó ra, nhưng điều đó đã được ngầm ám chỉ. Tôi rút ví ra và đẩy nó ngang qua mặt bàn. Từng cử động đều khiến tôi đau đớn.

Lão ta mở ví bằng tay trái và nhìn vào bên trong.

“Anh không có một xu nào cả.”

“Tôi đã nói với ông rồi mà.”

“Anh không có lấy một xu.”

“Chuyện buồn cười lắm...”

“Thôi đi,” Washburn nói. Lão ta đóng chiếc ví lại và ném nó lên bàn, nhưng hành động đó quá nhỏ, không đủ để xoa dịu lão ta. Lão ta chìa súng lên trần nhà và tôi nghĩ có lẽ lão ta sẽ bắn một phát đạn. Lão ta đứng đưa nó qua lại để xả giận.

“Tôi không muốn nghe kể chuyện,” lão ta nói. “Tôi không yêu cầu gì nhiều. Thật đấy. Tất cả những gì tôi mong muốn chỉ là ít tiền đi lại.”

Những lời nói ấy có thể dành cho tôi hoặc cho cả thế giới. Lão ta nói khi cụp mắt xuống.

“Ông định đi đâu vậy?” tôi hỏi.

Lão ta ngẩng phắt dậy. “Đi thật xa khỏi đây.” “Ông cần bao nhiêu?”

Lão ta cau mày như thể đang được một kẻ vô gia cư đề nghị cho vay tiền, nhưng tôi có thể khẳng định lão ta đang suy nghĩ. Tôi nhìn khẩu súng đứng đưa qua lại.

“500,” lão ta nói.

“Tôi có những câu hỏi liên quan tới Gary Pruett.”

“Tôi biết.”

“Nếu ông trả lời, tôi có thể cho ông 500.”

“Rỗng túi mà nói vậy.”

“Sẽ không phải là tiền mặt,” tôi nói. “Tôi sẽ viết séc cho ông.” Lão ta nhếch mép cười và lắc đầu. “Tôi không nhận séc.”

“Tôi nghe nói ông đã từng ăn cắp xe đạp.”

“Vậy thì sao?”

“Vậy ăn cắp xe đạp hay rút tiền từ séc khó hơn?”

“Séc có thể bị trả lại vì người ký không có đủ tiền.”

“Tầm séc này sẽ không như vậy đâu.”

“Hoặc anh có thể dừng thanh toán.”

“Chuyện đó cũng sẽ không xảy ra. Ông sẽ nhận được 500.”

Khẩu súng ngừng chuyển động. “Chỉ để nói chuyện với anh ư?” Poe Washburn nói. “Bởi vì tôi sẽ không nói chuyện với bất cứ ai khác và sẽ không bao giờ ra làm chứng.”

“Chỉ ông và tôi thôi.”

Tôi nhìn lão ta suy nghĩ, rồi lão ta mở chiếc ví của tôi lần nữa và rút ra tấm thẻ ATM. Sau đó, lão ta chìa súng vào tôi và nói, “Nếu anh có 500 trong tài khoản, vậy thì ngay bây giờ, tôi có thể đưa anh đến một cây ATM và bắt anh rút số tiền đó.”

“Ông có thể làm vậy.”

“Và tôi sẽ không phải trả lời bất cứ câu hỏi nào.”

“Đúng thế.”

“Vậy tại sao chúng ta không làm theo cách đó?”

Tôi không thích ý tưởng lái xe đi với lão ta. Ngoài kia sắp có bão còn mặt đất sắp sập đến nơi rồi.

“Chúng ta có thể,” tôi nói, “nếu như tôi sợ súng.”

Washburn nheo mắt lại. “Anh không sợ súng sao?”

“Không phải khẩu đó.”

“Tôi biết nó đã được nạp đạn. Tôi đã kiểm tra rồi.”

“Nếu đó là một khẩu Makarov thực sự, tôi sẽ lo lắng,” tôi nói. “Nhưng đó là một món đồ nhái rẻ tiền của Đông Đức. Nó đã nằm trong ngăn kéo 30 năm nay rồi. Nếu ông bóp cò, có lẽ súng sẽ nổ. Hoặc chẳng có gì xảy ra. Nó cũng có thể sẽ thối tung bàn tay ông. Nếu là ông, tôi sẽ không quá háo hức tìm hiểu đâu.”

Lão ta quay khẩu súng sang bên, kiểm tra rồi lại chìa vào tôi. “Anh chỉ đang bịp bợm thôi,” lão ta nói. “Nếu anh không nghĩ súng sẽ nổ, vậy thì tại sao anh để nó trong chiếc bàn cạnh giường?”

“Tôi chỉ muốn ra về thôi. Tôi sẽ không bao giờ ngu ngốc đến nỗi sử dụng nó.” Tôi nhìn chăm chăm qua hòng súng và tập trung vào khuôn mặt của Washburn. “Có lẽ ông nên cân nhắc lý do tại sao mình đang phải cố gắng hết sức để ăn cắp số tiền mà tôi tự nguyện cho ông. Giờ tôi sẽ đứng dậy, đi tới bàn làm việc và mang quyển séc lại đây. Ông có thể tiếp tục chĩa thứ đó vào tôi nếu việc ấy khiến ông cảm thấy vui.”

Tôi đứng dậy mà không đợi lão ta trả lời. Sàn nhà vẫn bằng phẳng và lão ta cũng không cố bắt tôi. Tôi lấy quyển séc của mình ra khỏi ngăn kéo rồi quay trở lại và viết một tấm séc trị giá 500 đô cho Napoleon Washburn. Tôi xé nó ra và đẩy nó qua mặt bàn về phía lão ta, nhưng giây cuối cùng, tôi đã giữ nó lại.

“Khẩu súng đó không phải là của tôi,” tôi nói.

“Thì sao?”

“Vậy ông phải để nó lại. Đó là một phần thỏa thuận.”

Washburn cười khùng khục. “Anh nghĩ tôi ngu đến nỗi đưa khẩu súng cho anh?”

“Ông không cần phải đưa nó cho tôi. Chỉ là ông không thể mang nó theo.”

Im lặng bao trùm chúng tôi trong giây lát khi lão ta quyết định xem tôi có đang không cố lừa lão không. Sau đó, lão ta chĩa súng về phía phòng khách, khai hỏa rồi tháo viên đạn còn lại ra khỏi buồng và đặt súng lên bàn. Để chắc chắn hơn nữa, lão ta dùng ngón tay cái bẩy nhẹ từng vỏ đạn ra khỏi băng cho đến khi chúng nằm rải rác trên mặt sàn như những viên bi. Cuối cùng, lão ta quăng băng đạn rỗng đi.

Tôi đưa cho lão ta tấm séc. Lão ta xem qua rồi nhét nó vào túi quần.

“Gary Pruett chưa từng thú tội với tôi,” lão ta nói.

“Tôi biết,” tôi nói với lão ta. “Frank Moretti tự nhủ rằng Pruett có tội. Ông ta có lý do riêng. Tôi hiểu điều đó. Ông ta muốn đảm bảo Pruett bị kết tội. Nhưng ông ta cần giúp đỡ. Tôi thắc mắc làm thế nào ông ta liên lạc được với ông ở trong tù. Ông ta có trực tiếp nói chuyện với ông không?”

“Ông ta đã gửi tin nhắn thông qua một quán giáo.”

“Được rồi. Vậy ông ta đã yêu cầu ông lấy lời thú tội từ Pruett. Và ông đã đưa những gì ông ta muốn. Ông ta không muốn biết sự thật, bởi vì trong tâm trí, ông ta vốn đã biết rồi.”

Bên ngoài, gió đang mạnh dần lên. Một cành cây sồi cọ cọ vào cửa sổ phía trước. Tôi tiếp tục, “Tôi muốn biết những gì đã xảy ra sau đó, khi ông quyết định thú nhận và kể ra câu chuyện thực sự - khi ông quyết định liên lạc với Roger Tolliver và nhóm Dự án Vô tội của ông ta. Tại sao ông làm vậy?”.

Nhưng Washburn đã đang lắc đầu. “Tôi không làm thế. Đó không phải những gì đã xảy ra.”

“Chắc chắn là như vậy. Ông đã gọi cho Tolliver và Jana Fletcher chính là người đã trả lời điện thoại.”

Lão ta xua tay phủ nhận. “Anh nhầm rồi. Tôi không phải người gọi. Đó chưa bao giờ là ý tưởng của tôi. Jana Fletcher đã gọi điện cho tôi.”

20 phút sau, Poe Washburn rời đi. Tôi đứng ở cửa nhìn lão ta băng qua đường sang bãi đậu xe của khu Reed Terrace, nơi lão ta để xe.

Chúng tôi đã dành 20 phút đó để nói chuyện. Tôi hỏi thêm nhiều câu nữa và những câu trả lời của lão ta càng làm cho tôi cảm thấy thế giới đang trở nên bất định. Tôi đóng cửa, nhìn quanh. Mọi thứ dường như hơi nghiêng nghiêng và cần được chỉnh lại.

Tôi bắt đầu với cái bát đất sét mà Washburn đã lấy làm gạt tàn. Tôi lấy đồng 25 xu có một đầu sắc nhọn kỳ lạ của Jana ra, rồi đổ hết đầu lọc và tàn thuốc vào thùng rác. Rửa sạch chiếc bát và đồng xu rồi lau khô chúng. Tôi đã bắt đầu quen dần với sự hiện diện của chúng xung quanh mình. Tôi tự hỏi liệu mình có thể lý giải cho việc giữ chúng không. Tôi nhét đồng xu vào túi quần và đặt lại chiếc bát vào chỗ cũ trên mặt lò sưởi.

Tôi nhặt băng đạn và vỏ đạn rơi vãi trên sàn bếp, nạp lại đạn cho khẩu súng lục Makarov rồi cũng đặt nó lên mặt lò sưởi.

Tôi quét sạch những mảnh kính vụn từ khung cửa vỡ và dùng băng dính dán một mảnh bìa các tông lên chỗ hỏng. Tôi bắt đầu cảm thấy khá hơn nhiều và di chuyển dễ dàng hơn. Con bò đã húc tôi vẫn bám theo khắp mọi nơi, thỉnh thoảng lại thúc nhẹ một bên sườn vào lưng tôi. Nhưng giờ nó đã yếu và bé hơn. Tôi không còn sợ nó như thế nữa.

Tôi biết động thái tiếp theo của mình là gì. Tôi cần phải gặp một người.

Tôi nghĩ tới Warren Finn, người sẽ được bạn chở tới đây để lấy đồ của Jana mang về Geneva. Tôi viết một mẫu giấy nhắn cho anh ta và dán nó lên cửa phía trước trên đường ra ngoài: *Sẽ quay lại ngay. Vào đi. Cửa không khóa.*

Tôi chưa từng đến căn hộ của Wendy Daw lần nào. Tôi phải tra địa chỉ. Cô ta sống dưới tầng hầm một ngôi nhà trên đường Dominick, cách Sở vụ thuế vài dãy nhà. Cô ta có cửa riêng, dưới mấy bậc thang bằng bê tông.

Cô ta ra mở cửa trong trang phục quần thể thao và áo sơ mi kẻ ca rô. Mái tóc mỏng được rẽ ngôi giữa. Gió thổi vài lọn tóc chạm vào mặt cô ta.

Tôi lấy bức ảnh của Jana luôn mang trong người ra. Tôi giơ nó lên và nói, “Tôi nghĩ là cô biết cô ấy.”

Wendy Daw lùi lại phía sau, tránh khỏi bức ảnh và tôi nhân cơ hội bước vào nhà. TV vẫn còn đang hoạt động nhưng đã tắt tiếng và trên màn hình lúc này là một bộ phim đen trắng cũ. Một bát bóng ngô đang đặt trên ghế sofa.

“Tôi không muốn anh vào đây,” cô ta nói.

“Nhưng tôi đã vào rồi.”

“Thế là không công bằng. Tôi chưa từng muốn nói chuyện với anh về Eli. Anh đã bảo tôi nếu tôi chịu nói, tôi sẽ không bao giờ phải gặp lại anh nữa.”

Tôi vẫy vẫy bức ảnh. “Cô đã nói không nhận ra cô ấy. Cô đã nói dối tôi.”

Trước đó, tôi không chắc, nhưng giờ tôi biết mình đang đi đúng hướng. Bức ảnh kia khiến Wendy cảm thấy không thoải mái. E sợ.

“Tôi muốn anh rời khỏi đây,” cô ta nói. “Tôi không có gì để nói về cô ấy cả.”

Cô ta để cửa mở cho tôi, như thể mọi chuyện dễ dàng như vậy. Tôi đóng cửa lại.

“Ngồi xuống đi,” tôi bảo. “Cô không phải nói gì cả. Chỉ việc lắng nghe thôi. Tôi sẽ kể cho cô về Jana. Cô ấy là sinh viên trường Luật, làm việc chung với một trong những giảng viên của mình trong một nhóm Dự án Vô tội, cố gắng cứu cho những người bị oan sai. Cô ấy vướng vào một vụ án - đó là những gì giảng viên của cô ấy kể cho tôi. Vụ án sát hại Cathy Pruett. Cô biết chuyện Cathy Pruett rồi đấy. Chồng cô ấy vào tù vì tội mưu sát vợ. Lời làm chứng mang tính chất quyết định tại tòa tới từ một kẻ trộm tên là Napoleon Washburn. Washburn đã khẳng định rằng Gary Pruett từng thú nhận với lão ta trong tù.”

Wendy vẫn đang đứng. Cô ta lùi lại về phía cái TV.

“Câu chuyện của Washburn chỉ toàn là dối trá,” tôi nói, “và cuối cùng, lão ta nói thật và liên lạc với Dự án Vô tội. Ít nhất thì đó là những gì Jana đã nói với giảng viên của mình. Nhưng hôm nay, tôi phát hiện ra chuyện đó không phải là thật. Washburn không hề gọi điện cho Jana, mà chính cô ấy đã gọi cho lão ta”.

Tôi bước lại gần Wendy Daw.

“Dự án không hoạt động như thế,” tôi nói. “Giảng viên của Jana, Roger Tolliver, đã nói với tôi rằng ông ta liên tục nhận được những yêu cầu trợ giúp từ các tù nhân và thân nhân của họ. Nhưng ông ta từ chối gần hết. Ông ta chưa từng phải tìm việc để làm. Nhưng Jana đã làm thế.”

“Cô ấy đã gọi cho Washburn vào tháng Hai. Khi lão ta không chịu nói chuyện qua điện thoại, cô ấy liền đến nhà lão ta. Cô ấy bảo lão ta rằng mình biết lão ta đã bịa đặt về lời thú tội của Gary Pruett. Washburn nhất định không thú nhận và đuổi Jana về, nhưng cô ấy không bỏ cuộc. Cô ấy quay trở lại nhiều lần. Cuối cùng, cô ấy làm lão ta mệt mỏi. Lão ta thừa nhận rằng Pruett chưa bao giờ nhận tội.”

“Lão ta không muốn dính líu. Jana muốn lão ký vào bản khai và ra làm chứng lần nữa, nhưng lần này là để giúp Pruett. Nhưng Washburn không hiểu thế để làm gì. Gary Pruett không thú nhận thì đã sao? Như thế không có nghĩa là anh ta vô tội. Chẳng phải người chồng thường có tội hay sao? Một kẻ nào đó đã sát hại Cathy Pruett Nếu không phải Gary, thì là ai?”

Gió thổi vù vù bên ngoài, làm rung những ô cửa nhỏ và cao ở tầng hầm.

“Washburn đã hỏi Jana câu đó,” tôi nói với Wendy Daw. “Và lão ta vẫn nhớ câu trả lời của cô ấy. Tối hôm nay, tôi đã nghe lão ta nhắc lại nó. ‘Nếu đó là một người lạ thì sao?’ cô ấy đã nói với lão ta. ‘Đó có thể là bất cứ ai. Nếu như Cathy Pruett gặp nhầm người thì sao? Nếu cô ấy bị hai tên nông dân điên rồ đi xe Van trắng bắt cóc?’”

Wendy nhắm mắt lại và đứng quay lưng về phía TV.

“Washburn tưởng rằng Jana chỉ đang nêu ra một ví dụ vu vơ,” tôi nói. “*Nếu như?* Nhưng chúng ta biết rõ hơn thế phải không? ‘Hai tên nông dân

điên rồ đi xe Van trắng’ - đó chính là Luke và Eli. Chúng đã giết Cathy Pruett. Và bằng cách nào đó, Jana đã biết được chuyện ấy.”

“Jana đã biết từ tháng Hai - trước cả khi nói chuyện với Gary Pruett hay bất cứ ai khác về vụ án. Đó là điều quan trọng nhất mà tôi biết được từ Poe Washburn.”

“Đây là lý do tại sao Jana không thể từ bỏ vụ án của Pruett,” tôi nói với Wendy. “Cô ấy biết Luke và Eli cũng như những gì họ đã làm. Tôi không biết làm thế nào cô ấy gặp được họ. Đó là điều cô cần nói cho tôi biết.”

Wendy mở mắt ra. “Tôi không thể,” cô ta nói. “Tôi không biết gì cả.”

Tôi giơ bức ảnh của Jana lên - thứ vũ khí duy nhất mà tôi có. “Đừng nói dối tôi nữa. Cô đã nhận ra cô ấy ngay từ lần đầu tiên tôi cho cô xem ảnh. Cô biết cô ấy. Cô đã gặp cô ấy...”

Wendy lắc đầu. “Tôi chỉ gặp cô ấy một lần duy nhất. Tôi không biết làm sao cô ấy quen Eli hay Luke. Tôi không biết họ gặp nhau như thế nào. Tôi chỉ biết một điều về cô ấy mà thôi.”

“Nói cho tôi biết đi.”

“Tôi không nghĩ đó là điều anh muốn nghe.”

“Nếu là về Jana thì tôi muốn nghe. Nói đi.”

Màn hình TV đã trở nên trắng xóa. Ánh sáng nhấp nháy quanh chúng tôi nhưng TV vẫn không tắt. Tôi quan sát khuôn mặt của Wendy Daw. Cô ta nhìn đi chỗ khác rồi lại quay sang nhìn tôi. Rồi cô ta đã kể cho tôi nghe điều duy nhất đó.

Mưa đã ngớt từ lâu. Hơn 9 giờ, khi tôi lái xe rời khỏi căn hộ của Wendy Daw. Cơn bão giờ chỉ còn là gió. Tôi nhìn nó uốn cong cây cối khi lái xe ngang qua, nhưng các ô cửa sổ của xe tải đều đã đóng chặt, gió không bao giờ chạm đến tôi.

Tất cả những khu phố trên đường đi đều có điện - cho đến khi tôi về tới con đường nhà Jana. Đèn đóm ở đây đều đã tắt. Những căn hộ trong khu Reed Terrace tối đen như mực. Khi bước tới cánh cửa nhà Jana, tôi thấy mẫu giấy nhẵn vẫn còn nguyên. *Sẽ quay lại ngay. Vào đi. Cửa không khóa.* Tôi nhanh chóng vào trong và đóng cửa lại.

Trong nhà có ánh sáng: 4 ngọn nến đang cháy trên tấm gỗ 2x4. Warren Finn đang ngồi trong phòng khách trên chiếc ghế của Jana. Anh ta nghiêng người về phía trước, hai khuỷu tay đặt lên trên đầu gối và nhìn chăm chăm vào một thứ gì đó. Một thứ không có ở đây và rất xa xăm.

Anh ta cầm khẩu súng lục Makarov hờ hững bằng tay phải.

Anh ta ngược lên và thấy tôi đang đứng ở lối vào bếp. Anh ta có thói quen không nhìn vào mắt người khác. Tôi nhận ra ngay từ lần đầu tiên gặp. Mắt anh ta nhìn tôi, tránh đi rồi lại nhìn tôi.

“Mất điện rồi,” anh ta nhẹ nhàng nói.

“Chắc gió đã làm đứt đường dây điện,” tôi nói.

“Thời tiết đang xấu dần. Đáng lẽ tôi không nên đến đây tối hôm nay.”

“Tôi rất mừng vì anh đã tới.” Tôi cũng nói với Poe Washburn như thế.

Tôi lấy một chiếc ghế trong bếp và mang nó ra phòng khách. Tôi đặt nó xuống trước cửa phòng ngủ, xoay nó lại rồi ngồi xuống, tay chắp sau lưng ghế.

“Bạn anh đâu rồi?” tôi hỏi Warren.

Lúc đầu, anh ta trông hơi ngờ ngác, nhưng rồi nhận ra tôi đang nói ai: Người bạn đã chở anh ta tới đây.

“Tôi đã bảo anh ấy có thể về. Vợ con anh ấy đang chờ. Anh ấy muốn về trước khi thời tiết chuyển quá xấu.”

“Tôi hy vọng anh ấy về tới nơi.”

“Vợ tôi cũng đang chờ. Thật buồn cười khi nói ra điều đó. Và một đứa con nữa - sớm thôi, tôi sẽ có một đứa.” Warren ngừng lời, suy nghĩ tới điều

đó. “Nhưng tôi vẫn ở đây.”

Tôi không nói gì. Warren rất bình tĩnh. Cả hai chúng tôi đều như vậy. Tôi không thấy phiền lắm khi anh ta vẫn đang cầm khẩu súng. Trông anh ta không có vẻ như muốn dùng. Anh ta trông hơi buồn và lạc lõng. Anh ta đang mặc sơ mi trắng và quần đen, hơi rộng so với người – giống như bộ vest anh mặc hôm đám tang Jana.

Anh ta có gương mặt đầy đặn. Đôi má hồng hào. Trán cao và mái tóc dài giống như tôi nhớ, buộc thành đuôi ngựa. Và anh ta có một vết sẹo: một đường màu trắng kéo dài qua môi trên.

“Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy nơi này,” anh ta lên tiếng, bằng giọng nói lạc lõng với vẻ mặt lạc lõng. “Tôi chưa từng tới đây thăm Jana. Nhưng cô ấy đã sống ở đây, từng ngồi tại chiếc bàn này.”

Tôi gật đầu.

“Và cô ấy đã chết ngay tại đây, phải không? Trong chính căn phòng này.”

“Anh không muốn nghĩ tới điều đó đâu,” tôi nói.

“Hãy chỉ cho tôi chỗ đó.”

Tôi chỉ cho anh ta. Nó nằm ngay giữa chúng tôi. Không có gì, chỉ mỗi sàn gỗ cứng cùng những vết sập nền đã khô lại. Warren không hề rời khỏi ghế.

“Tôi yêu cô ấy,” anh ta nói.

“Tôi biết.”

Những lời vô dụng. Tôi chẳng có quyền nói ra. Warren cau mày, nhưng không phản ứng thái quá. Anh ta không bắn tôi.

“Anh không biết đâu,” anh ta nói. “Tôi đã lớn lên bên cạnh cô ấy. Tôi nhìn thấy cô ấy mỗi ngày. Chúng tôi cùng nhau đi bộ tới trường mỗi sáng. Cô ấy là cô gái xinh đẹp nhất mà tôi biết, còn tôi chỉ là một thằng nhóc béo ú bị hờ hăm ếch tên là Warren. Vì vậy, đừng vờ như mình biết tôi yêu cô ấy đến nhường nào.”

Anh ta còn muốn nói với tôi nhiều hơn nữa, về tình yêu dành cho Jana. Tôi sẽ lắng nghe ngay cả khi anh ta không cảm sung. Tôi muốn nghe.

“Hồi còn bé, tôi bị nói lắp,” anh ta nói. “Những đứa trẻ khác cười tôi, nhưng Jana thì không. Tôi không thể nói chuyện với bất cứ ai, nhưng lại có thể nói chuyện với cô ấy. Cha mẹ tôi đã dành rất nhiều tiền cho việc trị liệu ngôn ngữ, nhưng nó chưa từng mang lại kết quả. Rồi một mùa hè nọ, Jana mua một cây đàn guitar cũ và đã tự mày mò vài hợp âm. Cô ấy có một cuốn bài hát ngớ ngẩn - *Những bản hit của John Denver* - và chúng tôi đã cùng ngồi trên một tấm chăn trải trên bãi cỏ và cô ấy đã bắt tôi hát cùng cô ấy từng bài một. ‘*You fill up my senses*’, ‘*Rocky Mountain High*’, ‘*Sunshine on my shoulder*’. Hát đi hát lại, ngày này qua ngày khác. Và chẳng hiểu vì sao, đến cuối mùa hè năm đó, tôi đã không còn bị nói lắp nữa.”

Anh ta dừng lại một chút và gió thổi vào thế chỗ cho im lặng.

“Khi chúng tôi 14 tuổi, cô ấy có người bạn trai đầu tiên,” anh ta nói. “Một cầu thủ bầu dục. Chuyện đó chẳng đi đến đâu. Họ cùng nhau tham dự buổi khiêu vũ ở trường, đi xem vài bộ phim và tới bữa tiệc tại nhà một ai đấy. Cuộc tình đó chỉ kéo dài một tháng. Hắn ta nói lời chia tay. Cô ấy đã rất đau khổ, như bất cứ thiếu niên 14 tuổi nào. Cô ấy đã khóc. Tôi đã cảm thấy thật khủng khiếp, nhưng cũng vui. Bởi vì khi khóc, Jana để tôi ôm cô ấy.”

Anh ta muốn nói cho cô ấy biết tình cảm của mình, nhưng không thể, bởi vì nếu cô ấy không đáp lại, nó sẽ hủy hoại tất cả mọi thứ mà họ có. “Và chúng tôi đã có với nhau rất nhiều điều,” anh ta nói. “Lúc đó, Jana bắt đầu tham gia diễn xuất trong các vở kịch và kịch nghệ là một thế giới hoàn toàn xa lạ đối với tôi - cũng xa lạ như những buổi khiêu vũ ở trường hay các bữa tiệc vậy. Tôi quá nhút nhát nên không thể đứng trên sân khấu. Nhưng khi cô ấy phải học vai, tôi chính là người giúp cô ấy. Chúng tôi đã cùng nhau đọc thoại tất cả những cảnh diễn của cô ấy.”

Khi họ 16 tuổi, Jana đã đóng vai Roxane trong *Cyrano de Bergerac*.

“Anh có biết nội dung vở kịch đó không?” Warren hỏi.

Tôi bảo mình có biết, nhưng anh ta vẫn tiếp tục nói như thể không nghe thấy.

Đó là về một gã trai xấu xí đem lòng si mê một phụ nữ xinh đẹp. Anh ta chỉ có thể bày tỏ nếu nàng không nhìn thấy anh ta, hoặc nghĩ anh ta là một người khác. Khi đứng dưới ban công nhà nàng trong bóng tối, anh ta có thể bày tỏ. Nhưng anh ta không bao giờ dám bước ra khỏi bóng tối, bởi vì nếu thế, nàng sẽ nhìn thấy anh ta. Chúng tôi đã đọc thoại cảnh ban công đó, khi chúng tôi 16 tuổi. Tôi đã nói với cô ấy những dòng thoại này. ‘Ta yêu nàng hơn cả hơi thở, quên cả lý trí. Tên nàng giống như quả chuông vàng treo vào trái tim ta. Mỗi khi nghĩ về nàng, ta lại run rẩy và quả chuông lại lay động và ngân vang.’”

Tôi nhìn bàn tay đang cầm súng của anh ta giờ lên. Nó chạm vào trái tim anh ta rồi lại hạ xuống.

“Nhưng tôi chỉ núp trong bóng tối,” anh ta nói. “Tôi không đủ dũng cảm để nói ra sự thật bằng giọng nói của mình. Tôi chưa bao giờ nói với cô ấy - cho đến tận sau này, sau khi bà ngoại cô ấy qua đời và tôi phát hiện ra chuyện cô ấy sẽ chuyển đến New York, tôi buộc phải lên tiếng. Nó không còn là sự dũng cảm nữa, mà là sự tuyệt vọng. Tôi nghĩ mình có lẽ sẽ không bao giờ gặp lại cô ấy nữa. Vì vậy, tôi đã nói mình yêu Jana và muốn đi cùng cô ấy. Nhưng cô ấy... cô ấy không...”

Giọng anh ta nhỏ dần và anh ta không thể nói hết. Nhưng đó là phần câu chuyện mà tôi đã biết qua những gì mẹ Jana kể lại. Jana đã một mình tới New York, vì cô ấy muốn trở thành diễn viên và không thể chờ đợi lâu hơn nữa. Cô ấy đã ở lại New York ba tháng - ba tháng trời không một cuộc điện thoại cho mẹ và chẳng có gì ngoài vài tấm bưu thiếp.

“Cô ấy có bao giờ gọi điện thoại từ New York về cho anh không?” tôi hỏi Warren.

Anh ta nhìn chằm chằm xuống sàn gỗ cứng. “Không.”

“Anh chưa từng nhận được thư từ hay bưu thiếp gì ư?”

“Chưa từng. Tôi không nghe được tin tức gì cho đến khi cô ấy quay trở về.”

“Mẹ cô ấy từng bảo tôi rằng Jana đã trải qua một quãng thời gian khó khăn ở New York,” tôi nói.

“Đúng thế.”

“Và khi quay trở về, cô ấy đã đến ở với anh.”

Anh ta ngẩng đầu lên. Đôi mắt nhìn thẳng vào tôi.

“Suốt cả mùa thu và mùa đông,” anh ta nói. “Và mùa xuân năm sau nữa.”

“Nói cho tôi biết lúc đó cô ấy như thế nào.”

“Ý anh là gì?”

“Bất cứ điều gì anh nhớ được. Tôi cần phải biết. Khi chuyển đến New York, cô ấy đã đi xe của bà ngoại, nhưng khi trở về...”

“Cô ấy đi bằng xe buýt. Cô ấy phải bán xe. Jana gọi cho tôi từ trạm xe buýt và tôi đến đón cô ấy.”

“Trông cô ấy lúc đó như thế nào?”

“Mệt mỏi. Như thể đã ngồi xe buýt hàng giờ liền.”

“Cô ấy đã mang theo những gì?”

Anh ta mím môi, nhớ lại.

“Cô ấy có một chiếc túi thể thao lớn.”

“Không còn gì nữa sao? Không có vali ư?”

“Không.”

“Nhưng chắc cô ấy phải mang theo vali khi rời khỏi đây chứ,” tôi nói.

Warren gật đầu. “Cô ấy chất đầy một xe đồ lúc rời đi.”

“Và trở về chỉ với một chiếc túi. Chuyện gì đã xảy ra với những đồ đạc còn lại?”

Tôi nhìn anh ta nhíu mày. Tức tối. Bởi vì tôi đang hỏi anh ta những chuyện tầm phào.

“Cô ấy chẳng bao giờ nói với tôi,” anh ta nói. “Cô ấy không bao giờ muốn nói về những chuyện đã xảy ra ở New York.”

“Anh chắc phải thấy thắc mắc chứ.”

“Đó là một trải nghiệm tệ hại đối với cô ấy. Tôi nghĩ cô ấy đã vô tình gặp những người mờ ám. Có lẽ bạn cùng phòng đã ăn cắp đồ đạc của cô ấy. Có lẽ cô ấy đã gặp ai đó và hẳn ta hóa ra không giống như cô ấy mong đợi. Có lẽ cô ấy phải mau chóng chạy trốn khỏi hẳn nên đã để lại vài thứ.”

“Cô ấy nói với anh như thế sao - rằng cô ấy đã từng gặp một người nào đó?”

Anh ta trông có vẻ lưỡng lự, nhưng chỉ trong giây lát. “Không.”

“Cô ấy chưa từng nhắc đến ai tên là Luke Daw? Hay Eli Daw ư?”

“Không. Họ là ai?”

“Chuyện dài lắm,” tôi nói. “Anh có nhắc tới bạn cùng phòng. Cô ấy có bao giờ nói cho anh biết tên của họ hay địa chỉ nơi mình từng sống không?”

“Không. Không có địa chỉ. Tôi luôn hình dung ra một nơi đầy gián và sơn đầy ký hiệu trên tường. Tôi chỉ biết cô ấy làm bồi bàn, nhưng tôi không nghĩ đó là một nhà hàng tử tế. Và cô ấy đã đi thử vai, nhưng chẳng đi đến đâu cả. Cô ấy không muốn nói về chuyện đó. Tôi nghĩ cô ấy cảm thấy xấu hổ.”

Các chi tiết đều quá đỗi quen thuộc: làm bồi bàn và đi thử giọng. Tôi đã nghe mẹ Jana kể. Quen thuộc và mơ hồ. Tôi tự hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu tôi hỏi Warren kể tên một vai diễn mà Jana đã từng đi thử vai. Tôi có cảm giác anh ta sẽ không trả lời được.

Tôi không hỏi. Tôi nói, “Khi Jana trở về, cô ấy đã làm gì? Cô ấy đã sử dụng thời gian của mình ra sao?”.

“Cô ấy nghỉ ngơi,” anh ta nói. “Đó là những gì tôi muốn cô ấy làm. Cô ấy dành thời gian cho các hoạt động ngoài trời và nấu nướng. Tôi chưa bao giờ

ăn ngon như trong vài tháng sống cùng với cô ấy. Và cô ấy tắm bồn. Tắm nước nóng thật lâu trong khi đọc sách và nghe nhạc. Đốt nến.”

Anh ta quay lại nhìn tấm gỗ 2x4 đặt trên mặt lò sưởi. “Cô ấy làm thứ đó để giữ những ngọn nến trên cạnh bồn tắm. Chỉ có điều nó khác...”

“Tôi đã làm cái đó,” tôi nói. “Nó chỉ là bản sao. Cảnh sát đã lấy đi bản gốc. Anh nói rằng cô ấy đã tự làm nó ư?”

Anh ta gật đầu. “Một vài ngày sau khi cô ấy trở về nhà. Không mất nhiều công sức lắm. Tôi đã chỉ cho cô ấy cách sử dụng máy khoan đứng trong gara của tôi.”

“Tấm gỗ đó được lấy từ đâu?”

“Tôi không biết. Trông nó như được dùng lại. Có lẽ cô ấy đã mang theo nó trong túi thể thao.”

Bốn ánh nến sáng lên thành một hàng trên mặt lò sưởi. Những ngọn nến trà trên một tấm gỗ. Nhưng tấm gỗ còn mang một ý nghĩa nào đấy. Jana đã tự tay làm nó. *Tất cả mọi thứ đều là manh mối.* Tôi không biết nó có nghĩa là gì. Vẫn chưa.

Warren Finn lại đang chăm chăm nhìn xuống sàn, khẩu súng Makarov bị bỏ quên trên tay. Tôi còn nhiều điều muốn hỏi và chúng tôi nhắc đến một vấn đề nhạy cảm. Mẹ Jana từng nói với tôi về những gì đã xảy ra khi Jana trở về nhà, nhưng bà ấy chỉ nói sơ sơ. Tôi biết vào thời điểm ấy, Warren đang hẹn hò một người khác: Rose, người phụ nữ giờ đã là vợ anh ta. Tôi biết họ đã chia tay khi Jana trở về. Không khó để hiểu được chuyện đó. Warren đã bỏ cuộc với Jana khi cô rời Geneva. Nhưng mọi thứ đã thay đổi khi cô quay trở lại và chuyển vào sống trong nhà của anh ta.

“Tôi muốn biết phần còn lại,” tôi nói với anh ta.

Anh ta ngược lên, vẻ bối rối. “Phần còn lại?”

“Jana tắm bồn, nấu nướng và sống cùng anh trong nhiều tháng trời. Và anh yêu cô ấy. Anh không muốn nói cho tôi biết phần còn lại. Đó là chuyện riêng tư. Tôi hiểu. Nhưng có thể nó sẽ giúp tôi biết được.”

Về rồi nhường chỗ cho những phản ứng khác. Nghi ngờ. Chút giận dữ. Tôi nhìn anh ta nắm chặt khẩu súng.

“Làm sao mà nó giúp anh được?” anh ta nói.

“Tôi đang cố tìm ra kẻ nào đã sát hại Jana. Tôi nghĩ cái chết của cô ấy có thể liên quan đến chuyến đi tới New York. Rất khó giải thích. Nghe này, anh không cần phải trả lời câu hỏi của tôi. Nhưng lúc này, tôi đang đưa ra các giả định và sẽ tốt hơn nếu tôi biết. Đây là những gì tôi nghĩ rằng đã xảy ra. Tôi nghĩ sau khi quay trở về, lúc đầu, cô ấy đã ngủ trong phòng riêng. Nhưng có lẽ việc đó chỉ kéo dài trong một thời gian ngắn. Rồi một đêm nọ, cô ấy muốn ngủ với anh, trên chiếc giường của anh, nhưng lại không muốn anh chạm vào mình. Và anh đã đồng ý. Anh sẽ đồng ý bất cứ điều gì, bởi vì anh yêu cô ấy. Và tôi không biết chuyện đó diễn ra bao lâu, nhưng đến một lúc nào đấy, cô ấy lại đổi ý. Cô ấy muốn anh chạm vào cô ấy, chỉ để ôm cô ấy. Và cuối cùng, cô ấy muốn anh làm nhiều hơn một cái ôm.”

Warren chịu đựng bài diễn thuyết nho nhỏ của tôi với vẻ nghiêm trang tĩnh lặng và khi nó kết thúc, tôi nghĩ anh ta sẽ bảo tôi đi chết. Nhưng anh ta nới lỏng tay nắm trên khẩu súng lục và lặng lẽ nói, “Tất cả đều đúng”.

“Cô ấy đã ở cùng với anh,” tôi nói, “suốt mùa thu, mùa đông và mùa xuân nữa. Và rồi cô ấy chấm dứt chuyện đó. Hẳn rất khó khăn cho anh. Khó khăn cho cả cô ấy nữa. Cô ấy cảm thấy áy náy. Cái cách cô ấy lợi dụng anh thật không công bằng.”

Từ phản ứng của anh ta, tôi biết mình sắp đạt mục đích rồi. Anh ta vẫn ngồi yên, hồi tưởng lại một niềm đau cũ.

“Cô ấy kể chuyện đó cho anh sao?” anh ta hỏi.

“Không. Jana chưa bao giờ nói một lời với tôi về quãng thời gian ở New York, hay những gì đã xảy ra sau đó. Cô ấy giữ kín bí mật. Mất một thời gian tôi mới nghĩ ra. Cô ấy giữ bí mật và đã nói dối.”

Câu nói làm anh ta khó chịu. “Cô ấy đã nói dối điều gì?”

“Tôi sẽ nói đến chuyện đó. Nhưng anh cần phải cho tôi biết một điều nữa. Anh nói cô ấy chưa bao giờ nhắc tới những người đã gặp ở New York. Nhưng anh lại nghĩ cô ấy có bạn trai ở đó.”

“Tôi không nói thế.”

“Anh đã ám chỉ. ‘Có lẽ cô ấy đã gặp ai đó và hẳn ta hóa ra không giống như cô ấy mong đợi.’ Tại sao anh nói vậy?”

Anh ta nhún vai. “Điều đó không quan trọng.”

“Có đấy.”

Gió vẫn đang gào thét bên ngoài, làm cành cây sồi cọ vào cửa sổ. Chúng tôi lắng nghe tiếng gió một lúc trong khi Warren lần ngón cái dọc theo nòng súng Makarov. Cuối cùng, anh ta thở dài và nói, “Một tuần sau khi Jana trở về nhà, cô ấy đã bảo tôi chờ đến Syracuse. Cô ấy có một cuộc hẹn. Nhưng tôi không thể xin nghỉ việc, vì vậy, tôi đã bảo cô ấy hỏi mẹ mình xem thế nào. Thật khó để miêu tả phản ứng của cô ấy. Trông cô ấy như thể căm ghét tôi hay đang muốn khóc, hoặc cả hai. Cô ấy chỉ nói, ‘Bà ấy không được biết chuyện này. Chỉ còn anh thôi.’ Vậy nên, tôi đã lái xe đưa cô đến Syracuse. Đến một phòng khám. Tôi ngồi chờ rồi chờ cô ấy về nhà. Và chúng tôi không bao giờ nói đến thủ tục kia - chuyện mà mẹ cô ấy không được biết”.

Anh ta lật ngược khẩu súng lại và lần ngón tay dọc theo chiều bên kia. “Cô ấy không bao giờ nói cho tôi biết lý do, hay cha đứa trẻ là ai. Nhưng tôi cho rằng đó là người cô ấy đã gặp ở New York.”

Tôi đứng dậy và bước về phía lò sưởi. Khối gỗ hình lập phương vẫn đang nằm trên mặt lò, không hề bị sứt mẻ, ngoại trừ một cái que đã rơi ra. Tôi cầm cái que đó và uốn cong cho đến khi nó gãy.

Warren cũng đứng dậy. “Anh có biết cha đứa trẻ là ai không?”

“Không,” tôi nói.

“Nhưng anh nghĩ hẳn quan trọng.”

“Tôi không biết cái gì mới quan trọng.”

Warren nheo mắt lại. “Đừng như thế. Tôi đã nói cho anh mọi thứ mà anh muốn. Còn anh chẳng cho tôi được gì. Anh đã bảo Jana nói dối. Bắt đầu từ đó đi.”

Tôi thả hai nửa cái que bị gãy lên mặt lò sưởi.

“Được rồi,” tôi nói. “Nhưng hãy đặt súng xuống đi. Anh không cần đến nó đâu.”

Anh ta nhìn xuống tay mình như thể đã quên băng mắt thứ mình đang cầm.

“Đừng bận tâm tới khẩu súng.”

“Hãy đặt nó xuống đi,” tôi nói. “Tôi hiểu được sự hấp dẫn của thứ đó. Nhưng anh là một người đã có vợ và một đứa con sắp chào đời. Họ nên là những ưu tiên hàng đầu của anh. Nhưng anh lại không thể ngừng suy nghĩ về một cô gái đã qua đời, cô gái anh từng yêu. Một số người sẽ cho rằng anh là kẻ tệ hại. Nhưng anh và tôi đều biết điều đó không đúng. Vì vậy, anh không cần đến khẩu súng này đâu. Anh không đáng bị trừng phạt.”

Có lẽ tôi đã chạm vào một sự thật sâu xa nào đó trong tâm trí anh ta hoặc anh ta đã chán nghe tôi nói rồi. Dù là gì thì anh ta cũng đã mở ngăn kéo giữa của chiếc bàn và đặt khẩu súng vào trong. Tôi rất mừng khi thấy anh ta làm vậy. Tôi cần nói vài điều có thể khiến anh ta nổi giận - đủ giận để bắn một người và tôi không muốn trở thành người đó.

Tôi nhìn anh ta đóng ngăn kéo lại.

“Jana đã nói dối,” anh ta nhắc tôi.

Tôi đi khỏi bộ lò sưởi, cố gắng quyết định xem mình nên bắt đầu từ đâu.

“Có một giáo viên tên là Cathy Pruett,” tôi nói. “Một kẻ nào đó đã sát hại cô ấy. Chuyện đó xảy ra tại Rome này, vào mùa hè năm kia - cũng chính là mùa hè Jana đã rời khỏi nhà lên đường đến New York.”

Tôi kể lại toàn bộ sự việc cho anh ta: các chi tiết của vụ án, bản án của Gary Pruett và mong muốn phóng thích anh ta khỏi cảnh tù tội của Jana. Cách cô ấy liên lạc với Napoleon Washburn để cố thuyết phục lão ta lật lại

lời khai. Tôi lặp lại những gì cô ấy đã nói với lão ta: *Nếu như Cathy Pruett gặp nhầm người thì sao? Nếu cô ấy bị hai tên nông dân điên rồ đi xe Van trắng bắt cóc?* Tôi nói đến Luke và Eli Daw cũng như lý do tôi tin rằng câu nói của Jana là nhằm ám chỉ chúng.

Warren nhăn trán lại. “Anh đã từng nhắc tới họ - Luke và Eli”

“Đúng vậy.”

“Anh nghĩ họ đã giết chết Cathy Pruett?”

“Phải.”

“Và anh nghĩ Jana biết họ? Anh nghĩ cô ấy đã gặp họ ở New York?”

Chúng tôi đã nói tới phần khủng khiếp mà tôi không muốn nghĩ tới. Tôi căm ghét nó, và không hề muốn kể cho anh ta, nhưng tôi nghĩ anh ta xứng đáng được biết điều đó.

“Warren, vấn đề là tôi nghĩ cô ấy đã nói dối về New York. Thực sự thì có gì có thể chứng minh được cô ấy đã từng đến đó? Không một cuộc điện thoại, cũng chẳng có địa chỉ. Thử nghĩ xem cô ấy kể cho anh được bao nhiêu về quãng thời gian ở đó. Và những chuyện cô ấy đã kể cho anh - nghe chúng có thật không, hay toàn là bịa đặt?”

Tôi chờ anh ta ngẫm về câu hỏi. Anh ta đang đứng gần lò sưởi, với ánh nến làm nền. Đôi mắt giống như hai hố đen sâu thẳm.

“Tại sao cô ấy lại nói dối?” anh ta hỏi.

“Tôi nghĩ chỉ là cô ấy không muốn cho anh biết,” tôi nói. “Tôi nghĩ cô ấy đã định đến New York nhưng không tới được. Bởi vì trên đường đi, cô ấy đã gặp anh em nhà Daw.”

Tôi nói cho anh ta: Câu chuyện mà tôi đã vẽ ra trong tâm trí kể từ khi lái xe rời khỏi căn hộ của Wendy Daw. Tôi không có gì để lấp ghép ngoài những mẩu thông tin vụn vặt: những lời Jana dùng để mô tả Luke và Eli - *hai tên nông dân điên rồ đi xe Van trắng*. Chuyện cô đã rời nhà bằng xe của bà ngoại nhưng trở về lại không có. Phản ứng của cô khi bị Roger Tolliver

ve vãn - nỗi sợ hãi xâm chiếm khi cô không thể thoát khỏi ông ta, vì cửa trước đã khóa.

Những mẫu thông tin vụn vặt. Bản thân chúng chẳng mang ý nghĩa nào cả. Nhưng khi ghép chúng với mùa hè bí ẩn của Jana - khi không ai nghe được tin tức gì từ cô ngoại trừ vài tấm bưu thiếp - chúng bắt đầu trở nên đáng ngại hơn. Tôi đã không ngừng nghĩ tới Luke và Eli. Nếu không có ai nghe được tin tức gì từ Jana vì chúng đã bắt cóc cô thì sao? Nếu chúng đưa cô ấy đến trang trại trên đường Humaston thì sao? Một nơi hoàn toàn tách biệt, bỏ hoang và hẻo lánh. Nếu chúng giam giữ Jana ở đó thì sao?

Tôi nhắc lại tất cả những điều này với Warren. Anh ta tiếp nhận. Anh ta không muốn tin.

“Anh chỉ đang phỏng đoán,” anh ta nói. “Anh không biết chắc điều gì cả.”

“Anh nói đúng,” tôi nói. “Nhưng có một chuyện cuối cùng. Eli Daw đã chết, chỉ vài tuần sau Cathy Pruett. Một kẻ nào đó đã bắn chết gã. Mọi người đều nghĩ rằng chuyện đó là do người anh họ, Luke, gây ra vì hung khí thuộc sở hữu của Luke. Nhưng Luke không giết chết gã. Tối nay, tôi đã nói chuyện với vợ của Eli. Cô ta cũng có mặt lúc đó. Cô ta biết sự thật và đã nói với tôi rằng chính Jana đã bắn Eli Daw.”

Đó là tiết lộ của Wendy Daw - điều duy nhất về Jana mà cô ta biết. Cô ta đã tả lại cảnh tượng xảy ra trong toa xe moóc của họ hôm Eli chết. Một khi tôi thuyết phục được cô ta nói chuyện, Wendy không bỏ qua bất kỳ chi tiết nào, vậy nên, tôi biết cô ta đang bị Eli còng tay vào đầu giường. Khi có tiếng gõ cửa, gã đã ra mở cửa. Sau đó, cô ta nghe thấy tiếng súng. Cô ta hét lên. Và điều tiếp theo cô ta nhìn thấy là Jana đang đứng ngay ngưỡng cửa phòng ngủ.

Giờ tôi miêu tả lại cảnh tượng đó cho Warren. Tôi có thể thấy được sự căng thẳng lớn dần bên trong anh ta khi lắng nghe. Tôi mừng là anh ta đã cất khẩu súng lục Makarov đi.

“Có thể cô ta đã nói dối,” anh ta nói. “Nếu cô ta biết kẻ đã giết chồng mình, tại sao lúc đó lại không nói cho người khác biết?”

Tôi cũng đã hỏi Wendy điều tương tự. Câu trả lời mà cô ta đưa ra là hoàn toàn hợp lý. Cuộc hôn nhân với Eli không giống như những gì cô ta đã nghĩ. Eli đã ngược đãi Wendy. Cô ta cũng nghĩ tới việc sẽ tự tay giết gã. Cô ta đã khiếp sợ khi Jana bắn Eli, nhưng ngay khi cơn sợ hãi qua đi, cô ta nhận ra rằng Jana đã giúp đỡ mình.

“Cô ta không nói dối,” tôi nói với Warren. “Mọi thứ đều trùng khớp. Tôi tin rằng Luke và Eli đã bắt cóc Jana và giam giữ cô ấy tại trang trại. Tôi tin đó là nơi cô ấy gặp Cathy Pruett - đó là cách cô ấy biết Luke và Eli đã giết Cathy. Bằng cách nào đó, Jana đã thoát được khỏi bọn chúng. Chuyện đó hẳn đã xảy ra vào ngày 6 tháng 9, hôm cô ấy bắn Eli. Cũng trong đêm hôm đó, Luke đã biến mất. Cảnh sát tìm thấy xe của hắn bị bỏ lại trong thị trấn này, không xa trạm xe buýt. Khi quay về, Jana đã đi xe buýt. Anh có nhớ đó là hôm nào không?”

Anh ta có nhớ. Tôi có thể nhìn thấy điều đó trong đôi mắt anh ta trước khi anh ta lên tiếng. Jana là tất cả đối với anh ta. Dĩ nhiên anh ta phải nhớ.

“Cô ấy trở về vào thứ Bảy,” anh ta nói. “Ngày mùng 7 tháng 9.”

Anh ta im lặng và chúng tôi đứng đó một lúc. Tôi nhìn anh ta ngẫm nghĩ. Gió thổi ào ào, đập vào mái nhà. Bốn ngọn nến vẫn đang cháy trên mặt lò sưởi ngay phía sau anh ta.

“Nếu đó là những gì đã xảy ra,” Warren khẽ khàng nói, “vậy tôi thấy mừng vì cô ấy đã bắn chết gã.”

Tôi gật đầu. Tôi cũng cảm thấy như vậy.

“Còn tên kia thì sao?” Warren hỏi. “Luke ấy. Chuyện gì đã xảy ra với hắn?”

“Tôi không biết,” tôi nói. “Nhưng đó là một câu hỏi tôi cần phải trả lời.”

Chuyển cảnh:

Ngày 6, tháng 9, năm 1996

Một con tàu vũ trụ khổng lồ đang bay lơ lửng phía trên Nhà Trắng.

“Nhìn kìa,” Luke Daw nói. “Đây là đoạn hay nhất.”

Một chùm ánh sáng trắng chiếu rọi xuống từ chiếc tàu và tòa nhà nổ tung ra thành những mảnh vụn của gỗ, đá và thủy tinh. Một quả cầu lửa màu cam nuốt trọn màn hình.

Người người hò reo cổ vũ. Một số bóp còi xe. Jana ngồi gác đôi chân trần lên bảng đồng hồ trong chiếc Mustang của Luke. Cửa nóc xe mở ra đón lấy bầu trời đêm.

Luke đang ngồi sau vô lăng bên cạnh cô, miệng cười toe toét. Anh ta nhìn nghiêng trông cũng đẹp trai, râu ria lởm chồm sau hai ngày không cạo. Anh ta đang nắm tay cô.

Trên màn hình, người người chạy nháo nhác trên đường phố. Xe cộ lộn nhào trong không trung. Thêm nhiều tiếng nổ nữa - âm thanh nhỏ xíu phát ra qua chiếc loa gắn bên gương xe của rạp chiếu phim ngoài trời. Chuyên cơ Không lực Một lặn bánh trên đường băng trong khi lửa ào đến từ phía sau, đe dọa nuốt chửng nó. Nó chạy thoát trong gang tấc và bay lên bầu trời.

Hai thiếu nữ ngồi bắt chéo chân trên mui chiếc xe bên cạnh. Họ vỗ tay và cười khanh khách khi nhìn máy bay cất cánh. Jana cũng bật cười.

“Thấy chưa?” Luke nói “Tôi biết cô sẽ thích mà.”

Chiếc chìa khóa giúp giải thoát Jana Fletcher hóa ra lại chính là việc cô bị chậm kinh.

Vào buổi sáng thứ sáu, cô tỉnh giấc lúc 9 giờ 20. Cô biết được thời gian vì cô có một chiếc đồng hồ rẻ tiền với dây đeo bằng nhựa.

Cô cũng có đèn - đèn xách tay chạy bằng pin. Cô bật đèn và để mắt làm quen.

Cô vặn nắp một chai nước, xé lớp niêm phong, uống một nửa rồi đặt nó sang một bên. Cô nhìn thấy một túi bóng hàng tạp hóa ở giữa phòng mà Luke đã để lại cho mình đêm hôm trước. Cô nhích người lên và mở nó ra. Đồ mới. Thêm các chai nước, bánh yến mạch, một hộp giấy ăn. Một tuýp kem đánh răng. Tampon và băng vệ sinh.

Cô không hề yêu cầu - dù cô đã nghĩ về chúng suốt 2 ngày nay. Cô nghĩ mình đã bị chậm. Cô thử tính. Lần cuối là sau khi Cathy Pruett chết nhưng thi thể vẫn nằm trong phòng. Tính từ hôm đó thì ít nhất cũng đã 32 ngày rồi, có khi là 34. Không ổn rồi.

Nhưng cô chẳng thể làm gì. Cô uống thêm chút nước, rồi lấy một ít để đánh răng. Sau đó, cô vươn vai, ăn một thanh yến mạch rồi nằm xuống tấm đệm và ngả đầu lên gối, đọc sách dưới ánh đèn. Luke đã mang cho cô một bao sách: mấy cuốn tiểu thuyết trinh thám mỏng với những trang sách đã ố vàng. Mickey Spillane và Rex Stout [57]. Luke nói chúng là của ông anh ta. Jana đã bỏ ra hai tiếng đồng hồ để đọc cuốn *Some Buried Caesar*.

Đến khoảng giữa trưa, cô nghe thấy tiếng bước chân trên bậc thang và cảm thấy một luồng khí mát mẻ khi Luke mở cửa. Anh ta bước vào rồi quỳ xuống, đặt một nụ hôn lên trán cô.

“Jana lại chúi mũi vào sách rồi,” anh ta nói.

Cô gấp trang lại để đánh dấu rồi đặt sách lên sàn nhà. Cô ngồi dậy và cầm lấy cốc cà phê Luke đưa. Anh ta mang theo nước cam cho chính mình, cùng bánh mì tròn và pho mát kem.

“Vùng hay việt quất?” anh ta hỏi.

“Việt quất không hợp với bánh mì tròn đâu.”

“Vậ là vùng rồi.”

“Có tin gì mới không?”

“Đội Mets thua rồi.”

“Tôi nói là có tin gì *mới* không cơ mà.”

“Buồn cười thật.”

Anh ta đưa cho cô một tờ *USA Today*. Một tháng trước, cô hỏi xin báo và anh ta đã mang tới 3, 4 lần một tuần. Luôn là *USA Today*. *Không bao giờ là báo địa phương*. Không bao giờ là những gì cô muốn.

Cô muốn biết tin tức về Cathy Pruett. Cô biết Luke và Eli đã phi tang cái xác và cảnh sát đã phát hiện ra nó. Đó là tất cả những gì Luke kể cho cô. Nếu cô hỏi, anh ta sẽ nói rằng, “Đừng lo. Chúng tôi không bị tình nghi”. Cô sẽ mỉm cười, giả vờ như đó là một tin tức tốt lành.

Có lẽ đúng thế thật. Một phần trong cô hy vọng cảnh sát sẽ tìm ra mối liên kết giữa Cathy Pruett và anh em nhà Daw. Nó sẽ kéo họ tới đây, tới trang trại này và họ sẽ tìm thấy cô. Nhưng phần khác lại sợ những gì có thể sẽ xảy ra nếu cảnh sát lần ra Luke và Eli. Nếu hai người bọn chúng không chịu hé răng thì sẽ không ai biết mà tìm cô. Cánh cửa nhà tù của cô có thể sẽ mãi mãi không được mở ra. Sợi dây xích có lẽ sẽ không bao giờ rời khỏi mắt cá chân. Cô sẽ bị bỏ lại nơi đây, lãng quên dưới lòng đất.

Jana ném thử cà phê và tự hỏi liệu Luke có lén cho thứ gì đó vào trong không. Anh ta đã không còn đánh thuốc mê cô kể từ đêm họ giao kèo với nhau. Anh ta đã không cho Eli lại gần cô và đưa cô ra ngoài ngắm bầu trời mỗi đêm. Nhưng cô biết mọi chuyện vẫn có thể thay đổi. Có thể có thứ gì đó trong cà phê lúc này và cô sẽ không nhận ra. Cô nghĩ thế nhưng không nói ra. Cô không thể để Luke nhìn thấy.

Cô chưa từng do dự ăn hay uống bất cứ thứ gì anh ta đưa. Đó là một phần của vở diễn. Từng cử chỉ của cô đều là một phần của vở diễn. Cách cô cầm cốc cà phê và đọc lướt trang đầu tờ *USA Today*, giả vờ mãi mê với bản tin nổi bật viết về một cơn bão ngoài khơi tiểu bang Carolina. Cách cô thản nhiên với lấy con dao nhựa và dùng nó để phết pho mát kem lên bánh mì.

Vở diễn sẽ luôn luôn biến chuyển. Mới đầu, cô không bao giờ với lấy con dao mà luôn luôn để anh ta chuẩn bị những chiếc bánh mì. Nhưng dần dần, cô nhận ra mình đã sai lầm. Cô muốn thể hiện mình vô hại và cách để làm

điều đó là tự tiện lấy con dao rồi vứt xuống khi xong việc. Chỉ có một người bị giam cầm đến tuyệt vọng mới nghĩ con dao nhựa là một thứ vũ khí.

Jana không tuyệt vọng - không phải trong những cảnh cô diễn với Luke Daw. Cô không bị giam cầm trái ý muốn. Cô rất vui khi nhìn thấy anh ta và biết ơn vì những gì anh ta mang tới. Khi anh ta đưa cô ra ngoài vào ban đêm và cho cô tắm trong chiếc bể bơi bằng nhựa, cô rất vui. Và khi anh ta trải tấm chăn trên nền đất của chuồng gia súc, cô nằm xuống và muốn cùng một thứ với anh ta. Bởi vì cảnh diễn đòi hỏi phải như thế.

Cô sẽ rời bỏ anh ta. Vở kịch sẽ kết thúc như thế. Cô chỉ phải sống đến phút cuối. Vì vậy, cô đã uống cà phê, ăn bánh mì và nói chuyện với Luke về cơn bão có thể đổ bộ vào bờ biển Bắc Carolina. Không hề có kịch bản. Họ chỉ đang ứng biến lời thoại của mình.

Màn kịch chậm lại và anh ta thu cốc, khăn ăn cùng con dao nhựa. Luke sẽ mang bữa sáng đi. Jana nhìn anh ta đi tới cánh cửa rồi dừng bước và quăng ra một lời thoại cô không ngờ tới.

“Cô bị chậm kinh à?” anh ta nói.

Quyết định. Cô có thể giả vờ mình không hiểu ý anh ta. Cô có thể nói dối. Nhưng anh ta rất thông minh và đã biết sẵn câu trả lời. Và cô không hề sợ anh ta - trong vở kịch cô đang diễn thì không.

Cô nhún vai và nói, “Khoảng 1, 2 ngày.”

Không có phản ứng gì dữ dội. Anh ta nói, “Ừ,” và đi ra ngoài. Cánh cửa đóng lại.

5 tiếng sau. Luke bước vào với chiếc chìa khóa xích chân cô. Jana đã đọc xong một cuốn sách và cầm cuốn khác lên. Cuốn *I, The Jury* của Mickey Spillane.

Luke xoay chìa khóa trong ổ và tháo dây xích cho cô. Anh ta để cô đi trước trên cầu thang và khi mở cánh cửa sập, cô nhìn thấy ánh sáng ban

ngày lần đầu tiên trong suốt 3 tháng qua. Chuồng gia súc trên nền trời xanh. Ao nước ở phía xa. Một con chim diệc cất cánh.

“Khác quá,” cô nói.

Luke Daw bật cười và nắm lấy tay cô. Hai người cùng nhau đi xuống đồi, hướng về phía lối đi qua cái ao. Lối đi cắt qua khu rừng và cô có thể nhìn thấy toa xe moóc, con đường và một chiếc xe đi ngang qua trong buổi chiều tà. Cô không chạy ra đường, vì vai Jana cô đang diễn không cần chạy trốn. Cô Jana đó không dành tới 5 tiếng lo nghĩ sẽ ra sao nếu Luke biết cô có thai.

Luke đưa cô vào toa xe moóc với một chiếc bàn bày đầy đồ ăn sẵn: bánh mì kẹp gà shawarma, cơm thập cẩm, bánh mì pita, món khai vị hummus, salad bánh mì Địa Trung Hải.

“Đó là những món Li-băng,” Luke nói.

“Trông có vẻ ngon nhỉ.”

“Có lẽ cô muốn đi tắm trước.”

Cô đúng là muốn tắm. Phòng tắm không lớn hơn buồng điện thoại là bao, cửa sổ nhỏ đến mức không thò được đầu ra. Cô sẽ không trèo ra ngoài ngay cả khi có thể, bởi vì Luke Daw không phải là kẻ ngốc. Cô sẽ không ngạc nhiên nếu anh ta đã cử Eli nấp đâu đó ngoài kia và quan sát.

Cô Jana kia không cần trèo qua cửa sổ. Cô ấy thuộc về nơi này.

Cô tắm rửa, gội đầu và mặc một bộ đồ sạch sẽ. Quần bò và áo phông. Sau đó, cô ăn những món ăn Li-băng Luke đã hâm nóng lại trong lò.

Sau bữa tối là một cảnh tượng ngọt ngào. Luke Daw bỗng trở nên rụt rè. Anh ta có một cái túi bóng từ hiệu thuốc. Bên trong có một cái hộp nhỏ, nhẹ tênh. “Tôi nghĩ, cô biết...” anh ta bắt đầu. “Chúng ta nên kiểm tra cho chắc chắn, đúng không?”

Lại phòng tắm lần nữa. Cô mở cái hộp ra rồi tiếu lên thanh nhạ. Ra ngoài chờ cùng anh ta, cả hai im lặng. Cô ngồi lên đùi anh ta, còn anh ta

vòng tay qua eo cô. Họ cùng nhau nhìn vào kết quả và thấy một dấu cộng hiện lên.

Ăn mừng. Luke đứng dậy, bế cô lên và xoay vòng quanh. Môi anh ta áp lên môi cô đầy háo hức. Bàn tay hằn ta cởi bỏ quần áo của cô, rồi mang cô đến chiếc giường hẹp như giường thiếu niên và đặt cô nằm xuống. Cũng đúng, Jana nghĩ. Đây là những gì các cặp tình nhân trẻ tuổi sẽ làm. Cô đón nhận Luke và cảm nhận anh ta bên trong mình.

Dữ dội và dịu dàng. Cô ngước lên nhìn vào đôi mắt anh ta. Anh ta đang mở mắt. Đen láy. Đôi khi, trông chúng thật trống rỗng, nhưng không phải lúc này. Có nét gì đó bên trong đôi mắt ấy, có lẽ là tình yêu.

Cô nhắm mắt lại và cho phép bản thân đầu hàng. Như vai diễn đòi hỏi. Cô thăng hoa và một lúc sau, anh ta cũng thế. Cô quấn chân mình quanh người anh ta và giữ anh ta lại. Anh ta vốn đang chống hai tay bên người cô nhưng giờ, cô cảm thấy sức nặng đè lên người mình. Cô cảm thấy sức nóng cùng làn môi anh ta lướt nhẹ trên thái dương. Cô cảm thấy nhịp thở của anh ta và lắng nghe tiếng thì thầm, “Điều này thay đổi mọi thứ.”

Chạng vạng, họ lái xe đi dạo. Trên chiếc Mustang quanh đường Humaston. Jana đưa một tay qua cửa sổ bên ghế khách, tay còn lại đưa lên qua ô cửa trên nóc xe và cảm nhận làn gió chạm vào lòng tay mình. Trên đài đang phát những bản nhạc của Eric Clapton. Họ lướt vụt qua một toa xe moóc trên bãi sỏi ven đường.

“Đó chính là nơi Eli sống,” Luke nói.

Họ rời khỏi đường Humaston và lái xe về phía đông. Có mấy ngôi nhà và cơ sở kinh doanh. Luke chú ý hơn đến tốc độ của mình. Con đường chạy dài, thẳng tắp, tấp nập ô tô cùng vài chiếc xe bán tải.

“Em có muốn ăn kem không?” Luke nói. “Gần đây có chỗ... ông thường đưa bọn anh đến đó.”

Chỗ đó tên là Frozen Cow. Một tòa nhà nhỏ xíu với bàn ăn ngoài trời ở phía trước. Ta chỉ cần đến một ô cửa sổ có tấm vải bạt che để gọi món. Luke đậu xe rồi bước ra ngoài. Jana cũng ra theo, đôi chân trần bước trên lớp nhựa đường ấm áp. Tiếng cửa xe đóng lại *uỳnh, uỳnh* phía sau. Những giọng nói phát ra từ một gia đình đang ngồi tại một trong những chiếc bàn ăn ngoài trời: có cha mẹ, con trai và con gái.

Luke dừng lại để nhét thứ gì đó vào thắt lưng rồi che lại bằng gấu áo. Khẩu súng lục. Anh ta đã lấy nó ra khỏi ngăn kéo trước khi họ rời toa xe moóc. Bởi vì không phải tất cả mọi thứ đều thay đổi. Jana rất muốn lời khẩu súng đi nhưng điều đó có vẻ sai trái. Cô đi vòng qua đầu xe, lắc đầu ra vẻ thích thú và nũng nịu. Cô vòng tay qua eo anh ta và nói, “Đi nào, sát thủ.”

Họ đi đến ô cửa sổ và một người phụ nữ ra nhận gọi món. Cô ta chặc tứ tuần và mặc một chiếc tạp dề trắng tinh. Cô ta nhận ra Luke và gọi anh ta là anh Daw.

Cô ta kéo cần gạt của máy làm kem tươi, cho đầy kem vào hai chiếc ốc quế. Của Jana là kem sô cô la, còn của Luke là kem trộn. Người phụ nữ gõ những chiếc ốc quế lên mặt quầy để cho kem lắng xuống, rồi lật ngược lại và nhúng chúng vào trong một chiếc chảo sô cô la lỏng. Cô ta lấy ra, lật ngược lên và đưa ra cửa sổ.

Luke rút 20 đô ra trả và người phụ nữ đưa lại tiền thừa. Trước khi họ rời đi, cô ta nháy mắt với Jana.

“Anh chàng này đối xử với cô ra sao?”

Jana mỉm cười. “Anh ấy giữ tôi dù tôi không nguyện ý.”

“Thế ư?”

“Nhưng ít nhất anh ấy cũng cho tôi ăn.”

Tiếng cười rộ lên xung quanh và Jana cảm thấy bàn tay Luke đang đặt thoải mái trên lưng cô.

Người phụ nữ bên quầy vờ trách anh ta. “Lần sau, cậu hãy mua cho cô gái này kem mút nhé.”

“Được,” anh ta nói.

Họ ngồi ăn kem trong chiếc Mustang giữa những thanh âm của đường phố phía sau và bầu trời ngày càng tối hơn. Gia đình ngồi tại chiếc bàn ngoài trời kia đã rời đi và một gia đình khác đến thế chỗ họ.

Chuyển qua cảnh Luke Daw với những ngón tay dính dính và sô cô la vương trên mặt. Jana ra khỏi xe, đi đến quầy lấy giấy ăn và mang về xe. Một cuộc thử nghiệm. Cô muốn xem mình có thể đi được bao xa.

Sau đó, họ tiếp tục lên đường, hướng về phía đông. Một cửa hàng Walmart và Fashion Bug. Một tiệm Sears outlet. Tiếp đến là những hình ảnh nhấp nháy trên nền trời xanh đen - trên một màn hình chiếu phim rộng tới 30 mét. Phía trước rạp ghi RẠP CHIẾU PHIM NGOÀI TRỜI WEST ROME. ĐANG CHIẾU: NGÀY ĐỘC LẬP [58].

Luke trả tiền vé trước khi đi qua cổng. Bên trong có khoảng ba chục chiếc xe và vẫn còn nhiều xe nữa đang vào. Luke đỗ xe ở dãy phía sau. Bộ phim mới vừa bắt đầu.

Tối thứ Sáu tại một rạp chiếu phim ngoài trời: thiếu niên la hét. Trẻ con chạy quanh những chiếc xe. Mùi bỏng ngô. Jana và Luke ngả ghế ngồi ra sau rồi nắm tay nhau xem người ngoài hành tinh làm nổ tung mọi thứ.

Đến gần cuối phim, khi Will Smith và Jeff Goldblum bay lên tàu mẹ của người ngoài hành tinh, khi họ cứu được hành tinh bằng một cái laptop và virus máy tính, Luke đưa bàn tay của Jana lên môi để hôn.

“Em có thể rời đi nếu muốn,” anh ta nói.

Cô vẫn dán mắt lên màn hình. “Suýt,” cô nói.

“Anh nói thật đấy. Em có thể đi. Anh sẽ không ngăn cản em.”

Đó có thể là một mảnh khoe, một cách để thử cô. Nhưng nghe có vẻ rất thật. Và nó hấp dẫn cô. Cô có thể hình dung ra cảnh tượng ấy: mở cửa chiếc Mustang và bước ra ngoài. Chậm rãi đi bộ đến quầy đồ ăn, nơi có rất nhiều

người. Sẽ có điện thoại. Cô có thể gọi điện về cho mẹ và bà sẽ đến đón cô. Mọi chuyện sẽ kết thúc.

Anh sẽ không ngăn cản em.

Nó hấp dẫn cô. Có lẽ Luke thật lòng, hoặc có lẽ anh ta chỉ nghĩ rằng mình thật lòng. Có lẽ anh ta yêu cô. Hoặc có lẽ tình yêu của anh ta chỉ kéo dài chừng nào cô còn ở lại. Anh ta vẫn cầm khẩu súng. Giờ nó không còn giắt ở thắt lưng, mà ở ngay trong tầm tay của ta, giữa ghế của anh ta và cánh cửa bên ghế lái. Có lẽ anh ta sẽ để cho cô đi. Hoặc có lẽ anh ta sẽ đổi ý ngay khi cô quay lưng đi. Và nếu thế, thì sẽ chẳng có đi bộ. Chẳng có điện thoại. Chỉ có một viên đạn vào lưng.

Kiên nhẫn nào, Jana nghĩ. Giờ vẫn chưa phải lúc để cho mày bỏ trốn.

Cô đẩy vai Luke một cách bông đùa. “Suyt. Em đang cố xem phim đây.”

Sau đó, khi đến đoạn credit, Luke khởi động chiếc Mustang và nhập vào dòng xe nối đuôi nhau về phía lối ra của rạp chiếu phim ngoài trời West Rome. Rẽ sang phải sẽ đưa họ về đường Humaston, nhưng Luke lại rẽ trái, đi về hướng đông trên đại lộ Erie, vào trong thành phố Rome.

Một chuyến tham quan ngắn về cuộc đời của Luke Daw: trường tiểu học, trường Trung học, nhà thờ St. Mary, nơi anh ta làm lễ Hiệp thông [59] lần đầu tiên. Những quầy bar mà anh ta và Eli đã trình diễn lúc ban nhạc vẫn còn hoạt động.

Anh ta lái xe chở cô đi vòng quanh khuôn viên trường Đại học Bellamy. Tiếng nhạc âm ỉ vang lên từ những ngôi nhà của hội nam sinh và cả đoàn sinh viên tụ tập trên đường phố. Những tấm biểu ngữ chào mừng tân sinh viên. Luke đưa cô tránh xa khỏi ồn ào, đến một tòa nhà có mặt tiền bằng đá cùng những đóa cẩm tú cầu mọc bên các bức tường bao: Trường Nghệ thuật.

Anh ta dừng xe nhưng vẫn để máy chạy không.

“Anh luôn muốn tới đó,” anh ta nói.

“Anh nên làm như vậy,” Jana nói.

“Họ sẽ không bao giờ cho anh vào.”

“Biết đâu đấy.”

“Tốn kém lắm.”

“Chúng ta sẽ nghĩ ra cách.”

Anh ta lắc đầu và chìm vào im lặng, quay đi chỗ khác. Nhìn chăm chăm vào tòa nhà qua cửa xe để mở. Chìm đắm trong những suy nghĩ của riêng mình.

Đúng lúc đó, Jana tin rằng mình trốn thoát. Cô có thể chạy ngược trở lại con đường họ đã đi, trở lại với những ồn ào và đám người đông. Cô chẳng cần chạy xa lắm. Anh ta sẽ không kịp phản ứng. Anh ta có thể đuổi theo hoặc bắn cô, nhưng không thể làm cả hai việc cùng lúc. Chạy trốn là rất mạo hiểm, nhưng sớm hay muộn, cô cũng phải mạo hiểm.

Cô đã quyết định. Cô vừa định vươn tay tháo dây an toàn, Luke quay sang và nắm lấy tay cô. “Anh xin lỗi,” anh ta nói, “xin lỗi vì tất cả những gì mình đã làm với em.”

Cô phải kiềm chế lắm mới không giật tay ra.

“Không sao đâu,” cô dịu dàng nói.

“Không, cách anh đối xử với em thật quá khủng khiếp. Em không biết được đâu.”

Cô chưa kịp nghe xem nó khủng khiếp thế nào, thì từ phía sau lưng xuất hiện một ánh sáng màu đỏ cùng tiếng còi hụ vang lên. Thật gần và inh ỏi. Ò e, ò e. Cả hai sững người, Luke nhìn vào gương chiếu hậu. Cô cảm thấy anh ta đang siết chặt những ngón tay mình.

“Gì thế?” anh ta thì thầm. “Anh đã làm gì?”

Tiếng còi xe cảnh sát lại vang lên.

Jana ngoái lại nhìn chiếc xe tuần tra.

“Em nghĩ anh đang chặn con đường này,” cô nói.

Luke buông tay cô ra và vào số chiếc Mustang. Anh ta vẫy vẫy tay xin lỗi rồi chậm rãi lái xe đi. Ra tới đại lộ và hướng phía tây về nhà. Chiếc xe tuần tra đi theo. Họ dừng đèn đỏ và chiếc xe tuần tra đỗ ngay bên cạnh. Một viên cảnh sát tóc đỏ lực lưỡng ngả mũ chào Jana Fletcher và mỉm cười. Khi đèn chuyển sang màu xanh, viên cảnh sát liền vượt lên phía trước và phóng đi.

Luke lái xe qua ngã tư rồi thở dài một tiếng. Jana rướn người qua, đặt lòng bàn tay lên ngực anh ta, cảm thấy trái tim anh ta đang đập dồn dập.

Cô bật cười. “Thư giãn đi, sát thủ.”

Buổi tối hôm đó kết thúc khi họ quay trở lại trang trại trên đường Humaston. Luke đỗ chiếc Mustang bên cạnh toa xe moóc, rồi cùng cô đi trên đường dưới ánh trăng khuyết. Họ tới bên cái ao và bến thuyền nhỏ ẩn hiện dưới rừng lau sậy.

Các tấm ván nơi bến thuyền mang lại cảm giác thật thô ráp dưới đôi chân trần của Jana. Luke choàng một tay qua vai cô, còn cô thì vòng một cánh tay quanh eo anh ta. Cô hít hà mùi hương thanh khiết của mặt nước và đưa tay chạm vào lớp vải bông mềm mại trên chiếc áo của anh ta. Anh ta không mang súng, mà để lại trong xe.

“Anh nghĩ mình nên bàn về tên,” anh ta nói.

“Thế à?”

“Chọn tên cho đứa nhỏ.”

“Em cũng đoán là vì đứa bé.”

“Trừ khi em nghĩ là hãy còn quá sớm.”

“Không,” Jana nói. “Chúng ta có thể thảo luận về những cái tên.”

Mặt nước trông hơi tối dưới ánh trăng. Cô có thể trông thấy một que kem nổi lênh bênh trên đó. Thêm vài cái khác nằm chỏng chơ trên bến tàu. Đây là nơi Luke thường đến ngồi suy nghĩ.

“Người ta thường dùng tên của những người trong gia đình, phải không?” anh ta nói.

“Thỉnh thoảng.”

“Ông ngoại anh tên là Ben. Benjamin. Nhưng anh không muốn đặt đứa bé theo tên của ông ấy.”

“Chúng ta không cần phải làm thế.”

“Anh chưa bao giờ biết cha mình. Mẹ anh nói tên ông ta là Luke, nhưng anh cũng không biết thế có thật hay không.”

“Tên Luke hay mà.”

“Chúng ta có thể tìm được một cái tên hay hơn,” anh ta nói. “Tên cha em là gì?”

“Sadiq.”

“Nghe giống tên nước ngoài.”

“Ông ấy là người Sudan. Nhưng em chưa từng được gặp vì ông ấy qua đời khi em mới sinh.”

“Sadiq Daw. Nghe không ổn cho lắm.”

“Đúng vậy.”

“Còn Fletcher thì sao?”

“Sadiq Fletcher cũng chẳng khá hơn.”

Luke mỉm cười. “Ý anh là đặt làm tên thôi. Fletcher Daw.”

Jana tựa đầu lên vai anh ta. “Nghe hay đấy.”

“Đúng nhỉ?”

“Chỉ có một vấn đề.”

“Là gì?”

“Nếu đó là con gái thì sao?”

Một khoảnh khắc dài im lặng bị phá vỡ bởi tiếng tôm đầu đó xa xa trên ao. Có lẽ là một con cá ngoi lên mặt nước.

“Nếu là con gái thì còn dễ hơn,” Luke nói. “Chúng ta có thể gọi con bé là Margaret Maggie theo tên mẹ anh. Nếu được.”

“Được.”

“Có lẽ là Margaret Lydia, vậy thì mẹ em cũng sẽ không cảm thấy bị quên lãng. Hoặc Lydia Margaret. Như thế cũng được.”

“Chúng ta vẫn còn thời gian,” Jana nói, “để quyết định thứ tự.”

Một khoảng lặng dài hơn. Luke rút tay trái vào túi rồi lôi ra một que kem. Anh ta cầm nó bằng ngón cái và hai ngón tay rồi chậm chậm quay nó một lần. Hai lần.

“Mẹ từng mang anh ra đây,” anh ta nói, “sau khi ăn sáng. Bọn anh cùng nhau ngắm vịt và thỉnh thoảng cho chúng ăn vụn bánh mì. Ta không nên làm thế vì như vậy không tốt cho chúng. Nhưng anh không nghĩ bà ấy biết điều đó. Ngày bà ấy bỏ đi, bọn anh đã đến đây cho chúng ăn, rồi bà ấy đưa anh lên xe buýt của trường. Nhưng khi anh về nhà, bà ấy đã đi mất.”

Jana ngược nhìn anh ta. Đôi mắt của anh ta lúc này trông thực sự trống rỗng. Một đứa trẻ lạc lõng. Anh ta vứt cái que xuống nước.

“Anh mệt rồi,” anh ta nói. “Em có thấy mệt không?”

“Hơi hơi.”

“Vậy là mệt rồi. Anh không nghĩ mình ngủ được đâu. Nhưng chúng ta nên quay lại.”

Họ đứng lên và khi họ ra đến lối mòn, Jana nhìn sang bên trái, về hướng toa xe moóc và con đường. Cô nghĩ chắc chắn họ sẽ đi theo hướng đó. Nhưng Luke rẽ phải và dắt tay cô lên con dốc dẫn tới chuồng gia súc cùng trang trại đồ nát. Mái chuồng gia súc giờ chỉ còn là một cái khung trụ trụ in trên nền trời tăm tối. Jana có thể nhìn thấy bóng một con quạ đậu trên nóc chuồng.

Luke đưa cô đến chỗ cửa sập và định đưa cô xuống.

Cô ngăn anh ta lại và họ đứng đối diện nhau. Cô đưa tay lên cổ áo anh ta rồi di chuyển qua hai bên mặt. Cô giữ anh ta đứng yên tựa như có thể khiến anh ta nhìn mình.

“Anh không cần phải làm thế này đâu,” cô nói. “Em sẽ không rời bỏ anh.”

Anh ta kéo cô lại gần và vòng tay ôm lấy cô. Cô cảm thấy cảm anh ta đang đặt trên đỉnh đầu mình. “Anh biết,” anh ta nói. “Nhưng chỉ đêm nay thôi. Anh cần chút thời gian cho riêng mình. Anh cần phải suy nghĩ. Đây là một thay đổi lớn. Anh cần phải nghĩ xem sẽ ra sao. Và anh muốn nói chuyện với Eli, báo cho cậu ta biết tin ấy.”

Anh ta vuốt tóc cô. “Chỉ một đêm nữa,” anh ta nói. “Anh chỉ xin có vậy. Sau đó, bọn anh sẽ đưa em chuyển vào toa xe moóc. Anh hứa đấy. Một đêm. Em sẽ đáp ứng, phải không?”

Jana có thể cãi, có thể cầu xin. Cô có thể khóc và cố gắng thuyết phục anh ta. Đó là những lựa chọn, nhưng chúng không phù hợp cho phân cảnh này. Cô Jana kia sẽ không kháng cự. Cô ấy sẽ tin và cho Luke những gì anh ta muốn.

“Chỉ một đêm nữa?” cô hỏi.

“Anh hứa đấy.”

“Được.”

Cô ngẩng mặt lên hôn anh ta. Một nụ hôn thật dài. Dài như một đêm dưới lòng đất. Khi nụ hôn kết thúc, họ buông nhau ra. Luke với tay mở cửa sập. Cô đi xuống trước và đứng chờ ở dưới chân cầu thang. Anh ta đi xuống và dùng chìa mở cửa. Họ vào trong và cô bật đèn xách tay lên, rồi di chuyển ra phía sau căn phòng, đứng phía trên sợi dây xích đang cuộn lại trên sàn.

Sợi dây xích mang một màu xám xịt u ám dưới ánh đèn. Anh ta nhìn xuống nó rồi ngược nhìn cô.

“Chúng ta không cần dùng đến nó,” anh ta nói.

“Tại sao không? Chỉ một đêm nữa thôi mà.”

“Em có chắc không?”

“Cứ đeo nó vào đi. Anh sẽ yên tâm hơn.”

Jana đứng yên, tay rút túi quần. Luke quỳ xuống và quấn sợi dây xích quanh mắt cá chân cô, rồi móc ổ khóa qua các mắt xích. Cô nghe thấy tiếng *tách* khóa lại.

Anh ta bắt đầu đứng dậy, áp lòng bàn tay lên tường để đứng vững - ngay chỗ sợi xích đi qua. Anh ta chạm vào tấm gỗ 2x4 phía bên trên sợi xích.

Nó hơi xê dịch.

Anh ta cúi xuống và nhìn kỹ. Có hai lỗ hổng trên tấm ván gỗ ở chỗ được bắt vít. Những cái lỗ giờ đã trống không. Anh ta đưa một ngón tay chạm vào từng cái lỗ.

“Cái gì đây?” anh ta hỏi.

“Gì là gì?”

Anh ta giật tấm gỗ ra khỏi tường.

“Ốc vít đâu rồi?” anh ta hỏi.

“Em đã tháo chúng ra.”

Một lời thoại khó. Cô nghĩ mình đã đọc thoại rất khéo. Ngây thơ. Dừng dừng.

Anh ta nhìn tấm ván gỗ rồi khoảng trống trên bức tường.

“Tại sao?” anh ta hỏi.

“Chỉ để xem mình có làm được không,” cô nói. “Không có gì to tát đâu. Anh có thể vặn ốc vít lại mà. Chúng nằm trong góc ấy.”

Anh ta quay sang nhìn vào trong góc. Cô rút tay ra khỏi túi, mỗi tay cầm một con ốc vít dài chục phân. Cô cầm chúng ngấp vào hai bên cổ Luke. Cô cầm chúng trong tay.

Một thanh âm đáng sợ phát ra từ anh ta, nửa như là tiếng hét, nửa lại giống gầm gừ. Tấm ván gỗ anh ta đang cầm rơi xuống sàn cách một tiếng, rồi hẳn ta đưa tay lên cạy tay cô ra khỏi cổ. Đồng thời, anh ta lao tới, làm cô mất đà.

Cô trượt tay khỏi cổ anh ta và ngã xuống đệm. Luke cố gượng dậy và cào tay vào cổ mình. Anh ta rút một con ốc ra khỏi cổ. Máu bắn lên tường.

Thịnh nộ và đau đớn làm khuôn mặt anh ta trở nên méo mó. Khi anh ta lao vào Jana, cô vội lăn sang một bên và đưa chân kéo căng sợi dây xích. Nó ngáng chân Luke khiến anh ta ngã sấp, một tay ở dưới người. Jana nghe tiếng xương gãy cùng một tiếng gào.

Cô đứng dậy. Sợi xích kêu lách cách. Luke Daw trở mình nằm ngửa và dùng chân đẩy mình qua sàn nhà. Máu vẫn đang đổ ra từ cổ anh ta. Jana nhặt tấm gỗ 2x4 lên.

“Chờ,” Luke nói. “Chờ đã.”

Cô cầm tấm gỗ như cầm gậy bóng chày.

“Tôi không muốn chờ đợi thêm nữa.”

Anh ta gượng đứng lên, dựa người vào bức tường. Một cánh tay đã trở nên vô dụng. Anh ta dùng tay kia chống người đứng lên. Jana bước tới và phang tấm ván vào đầu gối bên trái của anh ta - một cú đánh mạnh, chính xác làm anh ta thét lên. Một tiếng thét thật sự, cao vút và hoảng loạn như một đứa trẻ. Và khi anh ta khụy xuống, cô nắm chặt tấm gỗ và đập nó vào đầu gối bên kia.

Cuối cùng, Luke cố lết ra tới cửa, nơi sợi xích sẽ ngăn cô chạm tới anh ta. Anh ta cố bò lê với một cánh tay bị gãy cùng hai đầu gối trọng thương. Jana tóm lấy anh ta, kéo lại rồi dùng tấm ván đập gãy xương sườn anh ta.

Khi Luke thôi không vùng vẫy nữa, cô lấy chìa khóa từ trong túi quần anh ta: chìa xe ô tô và toa xe moóc móc chung vào một vòng, chìa cửa ổ khóa xích được để riêng. Cô mở khóa, giải thoát bản thân khỏi sợi xích.

Cô không bỏ anh ta lại. Cô ngồi cạnh Luke trên sàn và nghe tiếng anh ta khóc. Anh ta áp bàn tay lạnh lặn lên cổ, song máu vẫn trào ra qua kẽ tay, chảy xuống khe hở giữa các tấm ván sàn. Cô nghĩ mình nên nói chuyện với anh ta, nhưng lại không nghĩ được lời nào, không phải của chính cô, không phải dành cho anh ta. Nhưng cô đọc vài lời thoại xuất hiện trong đầu.

“Tạm biệt, tình yêu của ta, bởi vì hôm nay ta không còn trên cõi đời này nữa... Đôi mắt ta sẽ không còn say sưa bóng hình em nữa... Trái tim ta gào thét và mãi rơi lệ: Tạm biệt, người ta yêu, người thân thương nhất, trái tim ta, báu vật của ta...”

Ta sẽ không bao giờ rời xa em. Ngay cả lúc này đây, ta cũng sẽ không bỏ lại em. Ở một thế giới khác, ta vẫn sẽ là người yêu em, yêu em mãnh liệt chẳng thể nào đong đếm, chẳng thể nào...”

Sự sống của anh ta dần tắt lịm và bàn tay anh ta buông khỏi cổ. Jana dành thêm một phút nữa ngồi trên sàn trước khi từ từ đứng dậy và nhìn quanh. Cô đã lấy chìa khóa của anh ta. Cô còn cần gì nữa? Tiền. Cô tìm thấy ví của anh ta và lấy hết số tiền mặt. Còn gì nữa nhỉ? Chẳng có gì cả. Hoặc có lẽ còn một điều cuối cùng. Cô nhặt tấm ván 2x4 và mang nó theo. Lên cầu thang rồi bước ra ngoài thế giới.

Trăng vẫn treo lơ lửng trên bầu trời. Con quạ đã không còn đậu trên nóc chuồng nữa. Cô lướt xuống dốc - không thể gọi là đi bộ được - cô thấy nhẹ tênh. Cô tìm thấy lối mòn và thẳng tiến về phía toa xe moóc. Cô biết mình có thể tìm thấy quần áo mới ở đó. Chiếc Mustang cũng đang chờ cô. Và khẩu súng nữa.

Cô đi qua bến thuyền, do dự và quay trở lại. Cô thả tấm gỗ 2x4 xuống đất. Tiếng gió lùa trong bãi lau sậy cuốn hút cô và cô đi đến cuối bến thuyền, nằm sấp thoải mái. Cô thấy khuôn mặt mình lơ mơ hiện ra trên làn nước. Cô đưa đầu ngón tay chạm vào mặt nước. Chỉ hai bàn tay xuống, mức nước rửa mặt. Cô rửa sạch nước mắt và máu của Luke Daw.

Cô ngồi trên bến thuyền chờ cho đến khi mặt nước phẳng lặng như cũ. Rồi cô muốn ở lại lâu hơn, dù sàn bến rất cứng và thô ráp. Cô muốn ở lại với

cô gái trong làn nước kia. Cô gái đang chẳng thể ngừng cười.

Tôi nghĩ Warren Finn sẽ lái xe trở về Geneva, về với vợ anh ta, nhưng anh ta lại muốn tới xem trang trại trên đường Humaston. Tôi đã bảo mình có thể dẫn anh ta tới đó vào một lần khác. Cơn bão đang lớn dần lên. Mưa đã bắt đầu rơi: lúc đầu thì lất phất nhưng rồi nặng hạt dần. Nhưng anh ta không quan tâm. Anh ta có thể đi một mình. Tôi quyết định đưa anh ta tới đó.

Chúng tôi rời khỏi con phố nhà Jana và đi về phía nam đường Clinton. Tất cả các ngôi nhà đều tối đen nhưng rất cuộc, chúng tôi cũng đến được khu có điện. Chúng tôi ra tới đại lộ Erie và rẽ về hướng tây. Đèn giao thông vẫn hoạt động. Đường rất vắng. Phần lớn mọi người đều thông minh mà ở trong nhà.

Tôi lái xe thật chậm qua khúc cua trên đường Humaston. Mưa chảy thành từng dòng trắng xóa trong ánh sáng đèn pha. Cần gạt nước của chiếc xe tải làm việc với nhịp điệu mau lẹ. Tôi tắt xe lên bãi sỏi ướt sũng nước bên cạnh toa xe moóc của Luke Daw. Cửa của toa xe từng được giữ lại bằng một chiếc bản lề, giờ không còn nữa vì đã bị gió cuốn đi mất.

Warren ra khỏi xe tải ngay khi nó chuẩn bị dừng. Tôi để yên. Anh ta chạy tới xe moóc như thể Jana đang đợi. Tôi mặc áo mưa và đi ra đuôi xe tải lấy hai cái đèn pin. Người tôi vẫn ướt sũng dù đã mặc áo mưa.

Khi bước vào toa xe moóc, tôi thấy Warren đang đứng trong bếp. Chiếc chậu đựng tàn dư của một trong những mẫu hình của Luke đang ở dưới chân anh ta. Khuôn mặt Warren trông có vẻ nhợt nhạt và trống rỗng. Ở đây chẳng có gì để khám phá, cũng không có dấu vết của Jana.

Chúng hẳn không giữ cô ấy ở đây, tôi nghĩ. Không phải trong suốt ba tháng trời. Hẳn chúng sẽ cần đến một nơi nào đó an toàn hơn.

Warren co chân lại rồi đá vào cái chậu, khiến đồng que kem văng ra khắp sàn. Tiếng thép vang lên, như tiếng chuông trong mưa.

Tôi đưa cho anh ta một chiếc đèn pin và nói, “Nào. Tôi có ý này.”

Cơn bão đã khiến lối mòn trở nên lầy lội. Chúng tôi lội qua, dưới những cây bạch dương, vòng quanh cái ao. Ánh đèn pin quét trên nền đất phía trước. Tôi cố khom vai lại và cúi đầu xuống, nhưng mưa vẫn tấp vào người. Warren Finn ngẩng cao đầu, vô tư bước, mái tóc đuôi ngựa đập vào gáy.

Chúng tôi rời khỏi lối mòn và bắt đầu leo dốc. Khi ngẩng đầu lên, tôi nhìn thấy ánh sáng trên cái mái trơ trọi của chuồng gia súc. Trăng tròn nhưng khuất trong mây. Warren định đi lối đó để tới chuồng gia súc, nhưng tôi đã kéo tay anh ta lại và dẫn tới đồng gỗ đổ nát đã từng là một căn nhà.

“Luke và Eli đã từng sống ở đây với ông ngoại,” tôi nói. “Vào mùa hè, họ làm việc trong trang trại cho ông ấy.” Wendy Daw đã kể chuyện đó lần đầu tiên tôi nói chuyện với cô ta. “Và nếu họ vô lễ, ông ấy sẽ nhốt họ dưới hầm.”

Tôi rọi đèn pin khắp ngôi nhà đổ nát. Gỗ mục. Đá ở móng nhà. Ngói từ trên mái. Căn hầm hầm đã bị chôn vùi bên dưới nhưng có thể vẫn còn cách vào - một lối ở bên ngoài. Một cánh cửa dẫn xuống lòng đất.

Nó ở đâu nhỉ? Tôi nhớ lại thứ mình đã nhìn thấy lần trước khi ở đây: một bể bơi trẻ con bằng nhựa. Tôi đi về phía tây ngôi nhà và tìm thấy nó đầy tràn nước mưa. Chúng tôi kéo cái bể bơi trên mặt đất, làm nước mưa và lá ướt trào qua thành. Nhưng không có cánh cửa nào bên dưới.

Địa điểm thứ hai chúng tôi nhìn đến là kho để dụng cụ gần góc tây nam của ngôi nhà. Một khối kim loại rẻ tiền với mái gỉ sét. Chúng tôi không đủ khỏe để dịch nó ra nên đành đẩy nó đổ. Chẳng có gì bên dưới ngoài một mảng đất trống.

Tôi không thể nghĩ ra phải tìm tiếp ở đâu. Warren và tôi chia ra khám phá ngôi nhà. Tôi rẽ vào một góc và nghe thấy một thanh âm kỳ lạ trong tiếng mưa như trút. Tiếng đập cánh. Tôi nhớ ra con quạ mình đã gặp ở đây lần trước. Tôi giơ đèn lên tìm kiếm. Không có con chim nào cả. Ánh đèn rơi vào một vòng gỗ: chiếc bánh xe vùi một nửa dưới đất. Tôi đứng cạnh nó và xem thăm cở ước. Ánh đèn rọi tới thứ gì đó bằng kim loại.

Một cái vòng sắt có kích thước bằng một chiếc vòng tay.

Tôi cúi xuống và nhấc nó lên. Rất nặng. Cỏ cũng lật lên theo, để lộ ra một lối vào rộng gần 1 mét, dài 1,5 mét. Một cánh cửa vào thế giới ngầm.

Những bậc cầu thang dẫn xuống và dưới cùng là một cánh cửa bình thường hơn và dễ mở. Tôi đi qua vào một căn phòng giống như một khối gỗ lập phương. Giống cái đang đặt trên mặt lò sưởi trong căn hộ của Jana. Nó không phải một khối hoàn hảo, nhưng cũng gần như vậy: chiều dài và chiều rộng 3,6x2,4 mét.

Tôi biết đây hẳn là tác phẩm của Luke Daw. Hẳn ta đã thay thế những que kem bằng những tấm ván kích thước 2x4. Và tôi biết Jana đã ở đây, bởi vì có một tấm ván 2x4 bị thiếu, tạo thành một lỗ hổng trên bức tường sâu bên trong.

Tôi cũng biết chuyện gì đã xảy đến với Luke Daw. Hẳn đang ở đây. Những gì còn lại của hẳn rải rác trên sàn nhà. Sọ và xương. Hẳn đã bị gặm nhấm và xé xác. Quần áo thì chỉ còn là giẻ rách. Hẳn đã bị chuột, bọ và sâu ăn mòn. Hẳn đã ở đây hơn 1 năm rưỡi rồi. Không còn da thịt nữa. Cũng không còn thú ăn xác thối. Chúng đã đi cả rồi.

Tôi tìm thấy ví của hẳn ta và tấm bằng lái xe đã chứng thực điều tôi vốn không cần xác nhận lại. Tôi thả nó xuống sàn rồi tiến sâu vào trong. Tôi thấy một sợi xích và một ổ khóa - một cái cùm tự chế. Sợi xích xuyên qua một lỗ hổng trên tường. Tôi cúi xuống, rọi ánh đèn qua và nhìn thấy một cái cột thẳng đứng, cách gần 1 mét, nằm ngoài tầm với. Sợi dây xích đã được bắt vít vào cái cột. Sau cái cột chẳng có gì ngoài bức tường đất của căn hầm.

Tôi rọi đèn qua tấm gỗ 2x4 phía trên lỗ hổng. Hai chiếc ốc vít vẫn còn nguyên. Có điều gì đó đã thôi thúc tôi với tay vào trong túi và móc ra đồng 25 xu của Jana. Có lẽ là trực giác. Tôi cho cạnh nhọn của đồng xu vào đầu của một ốc vít. Vừa khít. Tôi thử xoay nó, nhưng không có tác dụng. Tôi đặt đèn pin xuống và thử xoay nó bằng cả hai tay. Tôi cố gắng, mồ hôi túa ra. Tôi nín thở, ghì mạnh và làm con ốc xoay một chút.

Tôi ngồi dựa lưng vào tường, nắm chặt đồng 25 xu và thở. Quần áo dính vào người. Tôi nghe tiếng mưa rơi mơ hồ bên trên. Ánh đèn pin soi rọi cả ổ khóa lẫn sợi dây xích. Có một chiếc chìa khóa đang cắm trong ổ. Nó khiến tôi tưởng tượng ra cảnh Jana tự giải thoát cho mình. Tôi cảm thấy ớn lạnh, rồi lại nóng bừng bởi vì tôi biết tôi mới chỉ trải nghiệm một phần nhỏ những gì Jana phải làm để có được chiếc chìa khóa này.

Tôi nghe thấy tiếng bước chân trên cầu thang. Warren Finn đang đi xuống. Anh ta đứng ở ngưỡng cửa, nhìn quanh. Chiếc đèn pin của anh ta chiếu qua bóng tối. Anh ta bước vào phòng và ánh sáng tìm thấy băng lái của Luke Daw trên sàn. Ánh sáng chiếu tới cái đệm bắn thiu, cuốn sách tàn tạ. Chiếc chăn dơ dáy. Và chiếc xô nhựa. Nó di chuyển lung tung, chiếu qua hài cốt của Luke Daw. Nó đi lên tường và thấy những vết tròn tròn trông giống máu.

Ánh sáng kia lại tiếp tục di chuyển tới một góc phòng. Warren đi theo và chạm mũi giày vào một thứ gì đó. Tôi nghe tiếng nó lăn trên sàn. Là sọ của Luke Daw. Warren hơi đẩy nó ra rồi sút thật mạnh khiến nó bay vào bức tường phía xa.

“Tôi muốn giết hẳn ta.”

Tôi nghe được những từ đó vang lên trong tiếng mưa rơi nghèn nghẹn. Không rõ lắm. Warren dùng giọng trầm thấp và kiềm chế. Giọng người ta dùng khi không muốn hét.

“Tôi biết,” tôi nói.

Warren giơ chân đá cái sọ lăn nữa và nó đập vào tường nhưng không vỡ. Anh ta giẫm chân xuống và tôi nghe tiếng nó nứt. Anh ta lại giẫm lên lần nữa, khiến nó vỡ thành ba mảnh, rồi tiếp tục giẫm lên từng mảnh, biến chúng thành những mảnh nhỏ hơn cho đến khi không nhỏ hơn được nữa. Anh ta tìm những mẫu xương khác để giẫm.

Anh ta muốn giết Luke Daw. Tôi cũng vậy. Nhưng chẳng ai đạt được điều mình muốn, bởi vì Jana đã giết hẳn rồi. Như vậy có nghĩa tôi đã lầm. Luke Daw không phải kẻ đã rình rập Jana từ trong rừng. Hẳn cũng chẳng phải kẻ

phá cửa, đặt tay lên cổ họng Jana và bỏ cô nằm đó trên sàn nhà cho tôi tìm thấy.

Luke Daw không châm lửa đốt nhà Poe Washburn. Hắn cũng chẳng sát hại Jolene Halliwell hay Simon Lanik.

Tôi đã tin tất cả những điều ấy nhưng không có điều nào đúng cả. Vậy còn lại gì? Tôi vẫn tin rằng chính anh em nhà Daw đã giết Cathy Pruett và chuyện ấy xảy ra ngay tại trang trại này. Tôi tin Jana biết điều đó và đó là lý do cô chắc chắn rằng Gary Pruett vô tội.

Tôi đứng dậy và dựa vào tường, cảm thấy đau đớn vì cú đâm vào bụng. Tôi nhìn Warren Finn đi quanh phòng với cơn thịnh nộ thầm kín, nghiền nát từng mẫu xương của Luke Daw dưới gót giày.

Tôi nhận ra sự chật hẹp của nơi này 3,6x3,6 mét. Một tấm đệm mỏng và bé. Một sợi xích xuyên qua bức tường. Đây là kiểu nhà tù được thiết kế cho một tù nhân.

Luke và Eli Daw đã nhốt Jana ở trong này, nhưng chúng vẫn ra ngoài bắt cóc Cathy Pruett. Chúng đã ngồi theo dõi trong chiếc xe Van trắng và bắt cô ấy đi. Tôi tin là thế.

Nhưng tại sao chúng làm vậy? Có lẽ chúng định thay thế tù nhân này bằng một người khác. Nhưng tại sao lại là Cathy Pruett? Chúng đã bắt đầu với Jana, một cô gái ngoài 20 và hoàn toàn xa lạ. Vậy tại sao chúng lại chọn thay thế cô bằng Cathy, một người phụ nữ đã gần 40, người chúng quen biết vì cô ấy đã dạy tại trường Trung học của chúng.

Nhưng nếu tôi nhầm lẫn thì sao? Tôi đang giả định rằng anh em nhà Daw đã bắt cóc Cathy và đưa cô ấy tới đây - một phần vì hình như Jana cũng tin thế, dựa vào những điều cô ấy nói với Poe Washburn. Nhưng Jana có biết rõ không hay chỉ giả định Cathy Pruett đã chết thế nào?

Nếu còn cách giải thích khác thì sao?

Nếu Cathy Pruett đến trang trại và nhìn thấy điều gì đó mà anh em nhà Daw không muốn cô ấy thấy thì sao?

Điều gì đã lôi kéo Cathy tới đây?

Luke và Eli là những kẻ buôn bán ma túy. Wendy Daw đã kể với tôi rằng chúng bán cần sa tại trường cao đẳng cộng đồng cho sinh viên - và cả giảng viên nữa. Vì vậy, có lẽ chúng cũng không ngại bán cho giáo viên Trung học.

Nhưng Cathy Pruett chưa bao giờ dùng ma túy. Tôi đã nghe em dâu của cô ấy, Megan, nói như vậy. Cathy còn chẳng bao giờ hút thuốc lá.

Gary Pruett thì sao? Anh ta đã lừa dối vợ mình và vụng trộm với một cô gái 18 tuổi. Anh ta là người buông thả. Dùng ma túy cũng không phải là không có khả năng với anh ta.

Trong những ngày cuối cùng của cuộc đời, Cathy Pruett đã nghi ngờ Gary lại tiếp tục vụng trộm. Giả sử cô ấy muốn chắc chắn và đi theo dõi chồng mình.

Giả sử Gary lái xe ra đường Humaston để mua cần sa từ Luke Daw. Gary sẽ gõ cửa toa xe moóc. Đó là nơi giao dịch diễn ra. Không phải ở đây, không phải trong căn phòng dưới lòng đất này.

Trừ khi Luke không chỉ bán mỗi cần sa.

Giả sử Luke dẫn Gary lên lối mòn vào một ngày cuối tháng Bảy. Hắn cần bán một thứ gì đó. Không phải ma túy. Một thứ gì đó hay hơn. Hai người bọn họ đi đến chỗ bán xe bò rồi Luke tìm cái vòng sắt và mở cánh cửa trên mặt đất.

Nhưng Cathy theo dõi họ. Họ thấy cô ấy. Luke không thể để cô ấy biết bí mật của mình. Hắn giết cô ấy.

Một giả thuyết thông minh, nhưng nghe có vẻ không hợp lý. Bởi vì nếu vậy, thì tại sao Gary Pruett lại giữ kín điều thực sự đã xảy ra? Tại sao anh ta lại để chính mình bị đưa ra xét xử về tội mưu sát vợ và bị tống vào nhà giam ở Dannemora? Và ai là kẻ đã sát hại Jana? Không phải Luke hay Eli Daw. Không phải Gary đang ngồi tù.

Tôi gạt những suy đoán sang một bên và từ chỗ đang đứng, tôi nhìn Warren Finn giẫm xuống một khúc xương dài - chắc là xương đùi. Nhưng nó

không gãy. Anh ta cần điểm tựa. Anh ta nhặt nó lên và đặt một đầu lên sàn nhà, còn đầu kia thì chống vào tường. Rồi anh ta đá vào giữa, khúc xương gãy làm đôi. Anh ta cầm hai nửa khúc xương ném vào tường và tiếp tục báo thù Luke Daw.

Thật là thiếu lý trí. Nhưng khi tức giận, người ta thường như thế. Họ làm những việc thiếu lý trí. Tôi quyết định cho Warren thêm vài phút nữa trước khi dẫn anh ta ra khỏi đây, qua màn mưa đi đến chỗ xe tải. Tôi muốn đưa anh ta trở về căn hộ của Jana.

Và đó là khi tôi chợt nghĩ tới Neil Pruett.

Có bốn người mang họ Pruett: Neil, Megan, Gary và Cathy. Megan và Cathy đã là bạn thân trước cả khi họ kết hôn với anh em nhà Pruett. Hai người phụ nữ đó luôn chăm lo cho nhau. Khi Cathy nghi ngờ chồng ngoại tình, cô ấy đã tâm sự với bạn mình. Megan quyết định theo dõi Gary để tìm ra sự thật. Nhưng sự thật lại khiến cuộc hôn nhân của Cathy tan vỡ.

Megan Pruett đã nói hết với tôi: Gary là một kẻ dối trá. Anh ta sẽ không bao giờ thay đổi. Cô ta khuyên Cathy ly dị chồng.

Tôi bảo Cathy, nếu ở trong hoàn cảnh của cậu ấy, tôi sẽ không phải đắn đo gì cả. Cậu ấy nổi giận với tôi. Cathy nói tôi không ở trong hoàn cảnh của cậu ấy. Và có lẽ cậu ấy cũng sẽ không lâm vào hoàn cảnh đó nếu tôi không theo dõi Gary và bắt quả tang hắn ngoại tình - điều mà cậu ấy chưa từng bảo tôi làm.

Cathy Pruett đã nổi giận. Cô ấy đổ lỗi cho Megan vì bất hạnh của mình. Điều đó thật không công bằng: Megan chỉ là người đưa tin. Nhưng giận dữ khiến người ta làm ra những việc thiếu lý trí.

Megan đã đi theo dõi chồng Cathy và phát hiện ra vụ ngoại tình. Nếu Cathy quyết định trả đũa thì sao?

Hãy hình dung một ngày cuối tháng Bảy. Cathy bám theo Neil, chồng của Megan. Cô ấy không biết mình sẽ thấy gì nhưng biết đâu Neil cũng giống anh trai: có lẽ anh ta cũng có tình nhân bên ngoài. Cô ấy theo Neil ra tới

đường Humaston khi anh ta đến gặp Luke Daw. Luke đã dẫn anh ta tới lối mòn, ra chỗ bán xe, đến cửa. Cathy bám theo. Luke bắt được và giết cô ấy.

Hắn giấu xác cô ấy ở trang trại - có lẽ là trong chính căn phòng này - cho đến khi nghĩ ra được làm thế nào là tốt nhất. Sau đó, hắn vứt cái xác trên một cánh đồng phía bên kia thị trấn.

Gary Pruett bị đi tù vì tội giết người. Em trai của anh ta, Neil, đã để mặc điều đó xảy ra. Neil không thể nói ra sự thật. Anh ta không thể thừa nhận mình đã ở trong trang trại ngày hôm đó, hay tiết lộ lý do mình đến đây.

Jana trốn thoát. Cô biết Cathy, nhưng lại nghĩ Cathy chỉ là một nạn nhân ngẫu nhiên của anh em nhà Daw. Cô biết Gary Pruett vô tội, nhưng không thể nói làm sao mình biết. Bởi vì cô có những bí mật của riêng mình. Cô đã giết Luke Daw để tự vệ. Nhưng mọi chuyện không dừng lại ở đó: Cô đã lái xe tới toa xe moóc của Eli Daw và bắn chết gã. Đối với tôi, đó được coi là một vụ giết người chính đáng. Nhưng có lẽ luật pháp sẽ có quan điểm khác.

Jana đã chăm sóc người bà ốm yếu của mình bao năm trời. Cô cần phải làm điều đúng đắn. Đó là bản chất của Jana. Vì vậy, cô tìm cách giúp đỡ Gary Pruett: nhóm Dự án Vô tội của Roger Tolliver. Cô ấy bắt đầu nói chuyện với mọi người về vụ án của Gary, điều đó đã đưa cô đến trước cửa nhà Neil Pruett.

Phía bên ngoài, tiếng sấm rền vang. Tôi cảm nhận được nó trên bức tường sau lưng. Warren Finn ngược lên và chiếu đèn pin vào trần nhà.

“Anh đã xong chưa?” tôi hỏi.

Warren đưa mắt nhìn xuống một lần nữa rồi giẫm lên xương hàm của Luke Daw. Tôi nghe tiếng nó gãy làm đôi.

“Tôi đang chờ *anh* đó,” anh ta nói.

“Tôi sẵn sàng đi rồi.”

Tôi nhìn anh ta giơ chân đá vào răng của Luke Daw.

“Anh sẽ nói với tôi chứ?” anh ta hỏi.

Tôi không trả lời, mà bước đến ngưỡng cửa và đứng dưới chân cầu thang.

“Luke không giết chết Jana,” Warren nói. “Nhưng một kẻ nào đó đã làm vậy. Anh đã yên lặng. Mãi mê suy nghĩ. Vì vậy, tôi tự hỏi liệu anh có gì muốn nói với tôi không.”

Tôi rút di động ra khỏi túi quần.

“Tôi có một suy nghĩ,” tôi nói.

“Nghe thử xem.”

“Không có gì chắc chắn cả.”

“Cũng được.”

“Nếu kể cho anh nghe, tôi cần phải biết mình có thể tin anh không. Anh cần phải hết sức bình tĩnh.”

“Tôi đang bình tĩnh.”

Tôi nhìn anh ta vẻ nghiêm nghị. “Người mà tôi đang nghĩ đến có thể vô tội. Chúng ta không thể cứ thế đến đánh anh ta, dù rất muốn. Điều chúng ta thực sự nên làm lúc này là gọi điện báo cảnh sát. Chỉ cho họ chúng ta đã tìm thấy gì ở đây. Để họ xử lý.”

Anh ta chà gót giày lên sàn và một chiếc răng của Luke bật ra. Âm thanh tắt lịm và mất hút trong tiếng sấm ùng ùng.

Warren nói, “Đây là chuyện liên quan đến Jana.”

“Là sao?”

“Là anh không muốn gọi cảnh sát.”

“Việc tôi muốn hay không không quan trọng. Mà tôi nên làm vậy.”

“Anh vẫn chưa gọi cho họ.”

Tôi liếc nhìn cái điện thoại. “Dưới này không có sóng.”

“Anh có nghĩ trên đó có sóng chắc?” Warren nói. “Hãy quên cảnh sát đi. Nói cho tôi biết kẻ đó là ai. Chúng ta sẽ cùng nhau tới nói chuyện với hắn. Tôi sẽ không làm hại hắn.”

Anh ta soi đèn pin lên mặt. Anh ta muốn cho tôi thấy mình đang nghiêm túc. Đôi mắt kiên định, không ngó nghiêng, mà xoáy sâu vào tôi. Chúng nói cho tôi biết những lời chưa thốt ra. *Tôi sẽ không làm hại hăn. Cho đến khi tôi biết chắc là hăn có tội.*

Gương là một thứ nguy hiểm và ngay lúc này, Warren Finn là một tấm gương. Anh ta thúc giục tôi làm những gì tôi vốn đã muốn làm. Tôi muốn đối chất với Neil Pruett, dù không có bằng chứng thực sự chống lại anh ta. Tôi muốn bỏ qua cảnh sát, bởi vì tôi không biết liệu mình có thể trông mong gì ở Frank Moretti không.

Tôi nghĩ tới ngôi nhà trên đường Bloomfield, ngôi nhà sơn màu xanh nhạt. Tôi nghĩ mình sẽ tìm thấy Neil Pruett ở đó. Nếu Warren muốn, anh ta có thể đi. Chúng tôi sẽ nói chuyện với Pruett, nhưng sẽ không làm hại anh ta. Cho đến khi chúng tôi chắc chắn.

Tôi nghe tiếng mưa đang trút xuống ngôi nhà đổ nát bên trên. Warren bước tới đứng cạnh tôi nơi ngưỡng cửa.

“Hăn là ai?” anh ta khẽ khàng nói.

Tôi xoay người và bắt đầu bước lên cầu thang.

“Nào,” tôi đáp. “Tôi sẽ nói cho anh trên đường đi.”

Tại ngôi nhà trên đường Bloomfield, Neil Pruett đang kéo căng dây cung của anh trai.

Chợt hắn nghe thấy một âm thanh khiến hắn khó chịu: tiếng gõ cửa.

Hắn thở ra một hơi rồi thả mũi tên ra. Nó phóng qua căn phòng và găm vào tường.

Thêm một tiếng gõ cửa nữa, dứt khoát hơn đôi chút.

Neil lờ nó đi. Hắn đi qua bên kia phòng - chân đi tất trên sàn gỗ cứng bằng phẳng - và rút mũi tên từ trên tường ra, để lại một lỗ tròn gọn gàng. Một trong rất nhiều những cái lỗ như vậy. Sáu cái chạy thành một hàng thẳng đứng. Bốn cái xếp thành đường chéo, phía trên bên phải. Thêm một đường bốn lỗ nữa phía dưới bên trái. Tạo thành một chữ K.

Tiếng gõ cửa thứ ba vang lên.

Neil vẫn để yên. Trong phòng có một chiếc sofa và một chiếc ghế đôi được đặt đối diện nhau, ở giữa là một bàn cà phê. Trên bàn là 5 ngọn nến - đều đang cháy và cao thấp khác nhau. Neil đặt cung tên lên sofa. Hắn cầm chiếc gương có khung bằng gỗ gụ lên. Trước đó, hắn đã gỡ nó xuống để dọn một khoảng trống trên bức tường. Giờ hắn đặt nó trở lại, che đi tất cả những lỗ mũi tên kia.

Tiếng gõ thứ tư. Neil ra mở cửa chào đón âm thanh của mưa cùng sấm sét. Và nhìn thấy Megan.

“Anh đang ngủ à?” cô ta nói.

“Không.”

“Anh lâu quá đấy.”

“Xin lỗi.”

“Có lẽ em không nên đến đây.”

“Đừng có ngớ ngẩn thế,” hắn nói. “Vào trong đi.”

Hắn cởi áo khoác cho cô ta và treo vào trong tủ quần áo. Cô ta hất những lọn tóc ướt từ trên trán ra đằng sau. Mái tóc nâu được cắt ngắn quá vai.

“Cơn bão...” cô ta bắt đầu.

Nhưng cô ta không phải nói hết câu. Hắn đã kết hôn với cô ta được 9 năm. Về cơ bản, họ vẫn là vợ chồng. Hắn biết cô ta không thích ở một mình mỗi khi có bão, đặc biệt là vào ban đêm.

“Ở nhà không có điện,” cô ta nói.

Hắn chỉ về phía những ngọn nến. “Ở đây cũng thế.”

“Có lẽ em nên đi.”

“Ở lại đi.”

Hắn bảo cô ta ngồi xuống. Để cô ta lại một lúc. Vào bếp và quay lại với một chai rượu, cái mở nút và hai cái ly.

Cô ta ngồi thẳng lưng trên ghế đôi, dựa vào gối và đôi chân dài duỗi thẳng trên đệm. Hắn mở chai rượu rồi rót ra. Đưa cô ta một ly: thứ thần dược giúp cô ta đương đầu với cơn bão. Cô ta co gối lại để lấy chỗ cho hắn ngồi.

Hắn đã đóng tất cả rèm cửa trong phòng lại, nhưng gió vẫn rung khung kính phía sau. Cứ mỗi đợt gió mới lại khiến Megan quay đầu ra nhìn. Neil đặt một bàn tay lên mắt cá chân cô ta để an ủi.

Khi hắn rót cho cô ta ly rượu thứ hai, cô ta trông đã thoải mái hơn. Cô ta bắt đầu thư giãn. Đặt bàn chân lên đùi hắn.

“Dạo này anh thường ăn kem que hả?” cô ta hỏi.

Một câu hỏi kỳ lạ. Hắn lắc đầu.

“Em nghĩ có khi mấy thứ trong tủ đá đang chảy ra,” cô ta nói. “Nên anh nghĩ tốt nhất là ăn hết.”

Thật kỳ lạ. Cho đến khi hắn nhìn xuống và thấy một que kem đang xoay tròn giữa những ngón tay mình giống như một cây gậy. Hắn không để ý.

“Nó không phải từ kem que đâu,” hắn nói. “Anh đã mua một hộp que ở cửa hàng thủ công.”

“Tại sao?”

“Anh thích cái cảm giác chúng mang lại.” Hấn xoay cái que nhanh hơn nữa. “Đó là thói quen anh mới có hai năm trở lại đây.”

“Em chưa từng thấy anh làm thế bao giờ.”

“Anh không bao giờ làm thế khi có mặt em.”

Megan mỉm cười. “Anh còn điều gì giấu em nữa?”

“Không có gì anh muốn kể cho em cả.”

“Neil và những bí mật,” cô ta nói với giọng điệu bao dung. “Tay anh bị sao vậy?”

Hấn nhìn xuống vòng tròn màu đỏ từ vết bỏng thuốc lá.

“Tai nạn,” hấn nói. “Anh rán thịt ba chỉ và mỡ bắn ra.”

“Neil độc thân,” cô ta nói. “Anh chưa bao giờ giỏi nấu ăn.” Cô ta quệt một ngón tay lên mặt bàn cà phê. Nó đầy bụi. “Dọn dẹp nhà cũng thế. Vào bếp thì sẽ thế nào đây? Chắc là vụn bánh đầy bàn bếp.”

Đó luôn là một trong những câu cần nhắc của cô ta: vụn bánh trên quầy bếp. Còn những câu khác nữa: khăn ướt trên sàn, quần áo bẩn ném vào nhằm giỏ, cửa sổ không lau, lá không quét, thư không phân loại, máy rửa bát không dùng, nhiệt kế chỉnh quá cao, nhiệt kế chỉnh quá thấp. Một danh sách dài.

“Nói chuyện khác đi,” hấn nói.

Cô ta nhấp một ngụm rượu vang. “Được rồi. Anh có một cây cung trong phòng khách. Anh tập bắn cung à?”

“Chúng từng là của Gary,” hấn nói. “Anh đã tìm được trên gác mái.”

Hấn nhìn cô ta cau mày khi nghe nhắc đến tên Gary. Cô ta có gương mặt sắc sảo nên cau mày thực sự không hợp. Nó khiến cô ta trông như mụ phù thủy trong truyện cổ tích.

“Anh không nghĩ mình từng kể cho em nghe về cây cung,” Neil nói. “Nó có giá trị về mặt tình cảm. Gary đã từng dùng nó bắn anh một lần.”

Và hẳn nhận được phản ứng mình mong muốn: sùng sốt và tò mò. Câu chuyện luôn ở trong đầu hẳn. Hẳn đã kể cho David Malone. Bây giờ, hẳn lại kể cho Megan. Một câu chuyện về Gary 15 tuổi và Neil 10 tuổi.

Gary muốn có một cây cung, nhưng cha mẹ họ không cho phép. Anh ta đã tiết kiệm tiền và mua một cái. Vào một ngày hè nọ, anh ta đã mang nó ra bắn thử khi chỉ có hai anh em ở nhà. Anh ta đã bắn vào những cái cây ở sân sau. Nhưng cây rất nhàm chán. Vậy là anh ta bắn bồ câu.

Mũi tên kia tìm thấy mục tiêu của mình. Gary và Neil nhìn con chim chết đi.

Nếu cha mẹ phát hiện ra, Gary sẽ gặp rắc rối. Vậy là Neil đã đe dọa sẽ nói cho họ biết. Hẳn mới 10 tuổi. Đó là điều những cậu em trai hay làm.

Và Gary đã đe dọa ngược lại hẳn. Giống như những cậu anh trai thường làm. Nhưng anh ta đã đi xa hơn những ông anh trai khác. Anh ta lắp cung tên vào dây cung và nhắm nó vào Neil.

Rồi anh ta trượt tay.

Một tai nạn.

Đó là một phiên bản câu chuyện Neil đã kể cho David Malone. Nhưng không phải là sự thật.

Giờ, dưới ánh nến, hẳn kể cho Megan sự thật.

“Gary kéo căng dây cung rồi thả nó ra. Mọi thứ dường như đang chuyển động chậm. Anh nhìn thấy mũi tên phóng về phía mình. Anh tưởng mình đã chết. Nhưng nó bay qua vai và sượt vào cổ anh.”

Megan thở gấp.

“Anh nghĩ người ta hay gọi thế - sượt qua,” Neil nói. “Nhưng nó đã cắt vào một bên cổ anh. Nếu nó chệch qua bên phải khoảng hơn 1 phân, anh nghĩ nó sẽ cắt trúng động mạch cảnh.”

“Ôi Chúa ơi,” Megan nói. “Vậy anh đã làm gì?”

“Anh bước lùi lại, hoảng hốt. Anh vấp vào chân mình rồi ngã ngửa. Anh đưa tay lên cổ và cảm thấy máu chảy. Anh nhìn vào bàn tay và thấy nó đỏ máu. Anh hét lên.”

Gary hạ cung xuống. Đó là một chi tiết kỳ lạ mà Neil vẫn nhớ sau ngần ấy năm. Gary không thả cây cung xuống hay ném nó đi. Anh ta quỳ xuống bên cạnh Neil và cẩn thận đặt cây cung xuống đất.

“Anh ấy nhìn anh,” Neil nói với Megan. “Anh lại áp tay vào vết thương. Nhưng anh ấy đẩy tay anh ra. Anh ấy tò mò. Anh ấy muốn xem.”

Neil nhớ lại ánh mắt say sưa của Gary. Hắn cũng nhớ mình hét lên một lần nữa. Nhưng Gary đã đưa một ngón tay lên môi mình - loại cử chỉ ta vẫn dùng khi yêu cầu ai đó giữ bí mật. Khi Neil hét lên đến lần thứ ba, Gary liền đặt một tay lên miệng hắn - cũng cẩn thận như khi đặt cây cung xuống đất. Sức ép ban đầu rất nhẹ, chỉ đủ làm hắn im lặng. Nhưng Neil đã vùng vẫy và có thứ đã thay đổi. Cảm xúc trong mắt Gary dần biến mất. Và tay Gary ép xuống mạnh hơn nữa.

“Một người hàng xóm đã cứu anh,” Neil nói với Megan. “Một bà lão độc thân mà bọn anh chẳng bao giờ thích, bởi vì bà ấy luôn phàn nàn khi bọn anh đạp xe trên bãi cỏ nhà bà ấy. Tiếng la hét của anh đã kéo bà ấy ra khỏi nhà. Bọn anh nghe tiếng bà ấy chạy tới và hét lên, *‘Mấy đứa lại làm cái gì đấy?’* Gary liền bỏ tay khỏi miệng anh. Khi bà ấy sang đến sân nhà bọn anh, anh ấy đã cho anh ngồi dậy.”

Bà hàng xóm đã chở cả hai đến phòng cấp cứu. Một tiếng sau, cha mẹ họ cũng có mặt. Gary đã kể cho họ nghe một câu chuyện - cùng một câu chuyện anh ta đã kể cho bà hàng xóm và các bác sĩ trong phòng cấp cứu: Anh ta đang tập bắn những mũi tên vào thân cây thì bỗng Neil từ đâu chạy tới. Chuyện xảy ra quá nhanh đến nỗi anh ta không thể ngăn lại được và anh ta cảm thấy rất có lỗi. Anh ta đã cường điệu mình cảm thấy có lỗi đến nhường nào. Anh ta thật sự đã rơi nước mắt. Cha họ nổi giận, nhưng ông không muốn làm loạn phòng cấp cứu. Mẹ họ thì khóc cùng Gary.

Neil không bao giờ phủ nhận câu chuyện của Gary. Hắn đã bị sốc và dù sao thì mọi chuyện cũng có vẻ vô thực. Trong sâu thẳm, hắn thấy sợ - sợ những gì Gary sẽ làm nếu hắn nói thật và sợ cha mẹ có khi sẽ không tin mình.

Tới tháng Chín, hắn quay lại trường với một vết sẹo. Bất cứ khi nào có ai hỏi, hắn đều nói dối rằng: Hắn đang chạy qua khu rừng thì một cành cây thấp quệt vào cổ hắn. Vết sẹo đó đã mờ đi theo năm tháng và người ta hiếm khi nhận thấy nó. Nếu có, hắn sẽ bảo mình đã làm tiểu phẫu loại bỏ mấy cái nốt ruồi.

Đó là những gì hắn đã kể lần đầu tiên Megan nhìn thấy vết sẹo. Giờ, sau khi hắn đã kể xong sự thật, cô ta ngồi thẳng dậy bên cạnh hắn trên chiếc ghế đôi. Cô ta luồn ngón tay mình vào bên trong cổ áo và chạm vào cổ hắn.

“Neil, chuyện đó thật khủng khiếp,” cô ta nói. “Anh có thể đã chết rồi.”

Neil nhìn chăm chăm những ngọn nến trên bàn. “Anh nghĩ mình đã gặp may.”

“Anh có thể nói đó là may mắn. Nhưng em nghĩ là có người phù hộ cho anh.”

Đáng lẽ ra lời nói đó không nên khiến hắn cảm thấy khó chịu. Hắn biết cô ta thật lòng. Nhưng hắn ngước lên từ những ngọn nến và nói, “Ai phù hộ cơ? Chúa ư?”

Megan bỏ tay ra khỏi cổ hắn. “Hoặc là những thiên thần,” cô ta nói.

“Đó chỉ là một cách nói khác về Chúa mà thôi. Anh không nhớ Chúa đã có mặt ngày hôm đó. Người chắc chắn không phù hộ cho con chim bồ câu. Nếu Người muốn bảo vệ anh thì mũi tên đó đã không chạm tới anh.”

Neil uống một ngụm rượu vang, nhưng chỉ thấy đắng chát. Hắn đặt ly sang một bên. “Chúa không tồn tại,” hắn nói. “Và theo như anh thấy thì cũng chẳng hề có công lý. Không ai được ban thưởng vì làm người tốt hay bị trừng phạt vì làm kẻ xấu. Anh chắc chắn. Anh trai anh đã suýt giết anh khi anh mới 10 tuổi. Vì sao? Vì anh nói sẽ mách lẻo. Nghiêm túc đi. Không

ai phù hộ cho anh cả. Không có chuyện gì xảy ra với Gary. Anh ấy không bị trừng phạt.”

“Giờ anh ta đang ngồi tù.”

Neil lắc đầu một cách thiếu kiên nhẫn. “Anh ấy ngồi tù vì tội giết Cathy. Một việc mà anh ấy không hề làm.”

“Em không biết sao anh chắc chắn như vậy,” Megan nói. “Em không bao giờ hiểu nổi. Và sau khi nghe chuyện, em còn hiểu ít hơn.”

“Anh chắc chắn,” Neil nói. “Nhưng quên đi. Anh không muốn cãi vã.”

Megan đưa tay chạm vào vai hấn. “Em cũng vậy,” cô ta nói. “Nhưng em lo cho anh. Em không muốn để anh một mình. Nhất là khi anh lục tìm đồ của Gary và gọi lại những ký ức không tốt. Em nghĩ anh nên trở về nhà. Thế sẽ tốt hơn cho cả hai. Em nhớ anh.”

“Sẽ không có kết quả đâu,” hấn nói.

“Chúng ta sẽ cố gắng. Chúng ta sẽ không nói tới Gary nữa. Sẽ chấp nhận những bất đồng. Những thứ khác chỉ là chuyện vật vãn.”

Neil siết chặt que kem. Cảm nhận cơn đau từ vết bỏng thuốc.

“Đó chính là những gì anh lo sợ,” hấn nói. “Những chuyện vật vãn.”

“Ý anh là gì?”

“Anh không muốn tốn thời gian để tranh cãi về những chuyện nhỏ nhặt.”

“Chúng ta sẽ không như thế.”

“Tranh cãi xem đến lượt ai phui bụi, hay để cỏ mọc cao bao nhiêu. Hoặc về vụn bánh trên quầy bếp.”

Megan mỉm cười. “Có lẽ chúng ta cần phải đàm phán về vụn bánh.”

Neil thả lỏng tay rồi lại nắm chặt cái que. Cơn đau từ vết bỏng thiêu đốt hấn từ bên trong. Hấn nghĩ xem mọi chuyện sẽ ra sao nếu quay trở lại với cô ta. Một phần trong hấn cảm thấy bị cám dỗ. Cái phần nhu nhược mà hấn không ưa.

“Sẽ không có kết quả đâu,” hăn nói.

Cô ta đưa mắt nhìn hăn qua miệng ly rượu. “Sẽ có, nếu anh cố gắng,” cô ta nói. “Nếu cả hai cùng cố gắng. Về nhà đi.”

“Không ích gì đâu.”

“Tại sao chứ?”

“Anh không thể giải thích được,” hăn nói. “Anh có thể cho em thấy.”

“Vậy thì chỉ cho em đi.”

“Em sẽ nghĩ anh thật quái dị.”

Megan huých đùa hăn một cái. “Ồ, Neil. Em vốn đã nghĩ anh quái dị rồi.”

Hăn nhét cái que vào trong túi áo và đứng dậy.

“Được rồi,” hăn nói. “Anh sẽ cho em thấy.”

Hăn cầm cốc rượu của cô ta đặt lên mặt bàn rồi đỡ cô ta đứng dậy. Hăn dẫn cô ta tới bức tường treo tấm gương. “Đứng ở đây,” hăn nói.

Hăn đứng phía sau, đặt hai tay lên vai dẫn cô ta đi. Cô ta nhìn hăn trong gương, thích thú.

Hăn thả cô ta ra và lùi lại.

“Giờ gỡ tấm gương xuống đi,” hăn nói.

Bối rối. “Em sẽ phải làm gì với nó?”

“Không quan trọng. Hãy đặt nó xuống sàn.”

Cô ta làm theo. “Chuyện gì xảy ra ở đây vậy?” cô ta nói. “Tại sao lại có một chữ K ở trên tường?”

“Đừng quay lại,” hăn nói với cô ta. “Cũng đừng đặt câu hỏi. Chưa phải lúc.”

Mưa vẫn rơi đều đều, đập vào ô cửa sổ. Hăn lấy cây cung từ trên sofa, lắp mũi tên vào dây cung và kéo căng nó về phía sau.

“Giờ em có thể quay lại rồi.”

Cô ta làm theo. Bối rối. Phẫn nộ. “Neil, anh đang làm gì vậy? Không vui đâu.”

Hắn thả mũi tên bay đi. Nó rít qua khoảng cách giữa hai người bọn họ và xuyên vào trái tim cô ta.

Megan Pruett khụy xuống và ngã sấp. Một cánh tay đưa ra đỡ lấy cơ thể. Neil đặt cây cung xuống, đi đến chỗ cô ta. Hắn lật cô ta nằm ngửa.

Máu thấm ra trên áo của cô ta, nhưng không nhiều như hắn nghĩ. Mũi tên cũng rung lên theo nhịp tim cô ta. Cô ta liếm môi. Thì thầm tên hắn.

“Đừng cố nói chuyện làm gì,” hắn nói.

Hắn chắc chắn cô ta sẽ không trụ được lâu, nhưng cô ta lại giơ bàn tay phải nắm lấy mũi tên. Cô ta cố rút nó ra. Hắn đặt tay lên tay cô ta và giữ chặt.

Khóe miệng cô ta run run. Cô ta thì thầm, “Tại sao?”

Hắn có thể cảm thấy ngực cô ta vất vả phập phồng, hai lá phổi cố lấp đầy dưỡng khí.

“Megan,” hắn nói. “Không chỉ có một lý do thôi đâu.”

Cô ta gom hết tất cả sức mạnh và lại thì thầm, “Tại sao?”

Mí mắt cô ta chớp chớp. Hắn cúi xuống thật gần để cô ta có thể nghe thấy lời hắn nói.

“Tôi đã lãng phí quá nhiều thời gian với cô rồi,” hắn nói. “Tôi không định nghe cô than vãn về vụn bánh suốt phần đời còn lại đâu.”

*Chuyển cảnh**Mùa xuân và mùa hè năm 1996*

Khi dính dáng tới Luke Daw, Neil Pruett đã 38 tuổi. Hắn có một công việc ổn định, tài sản thế chấp có khả năng chi trả và một người vợ tạm được. Hắn uống rượu điều độ, hút cần sa vào cuối tuần và có một bộ sưu tập tạp chí *Playboy* trong tủ đựng hồ sơ cũ kỹ dưới tầng hầm.

Cha mẹ hắn đều đã không còn nữa: Cha mất vì đau tim, còn mẹ qua đời vì ung thư bạch cầu. Anh trai hắn, Gary, đã đọc diếu văn ở cả hai lễ tang và làm hắn rơi nước mắt. Tài hùng biện cũng như sự ân cần của Gary trong cả hai buổi lễ đó đã thuyết phục Neil hai điều: Gary thật lòng yêu thương cha mẹ họ và rằng có lẽ anh ta cũng thật lòng yêu thương Neil.

Nhưng ký ức về những gì Gary đã làm trong ngày hè nọ ở sân sau khi họ còn nhỏ đã ngăn hắn chắc chắn về quan điểm thứ hai.

Neil tin rằng không có bất cứ nguyên nhân nào khiến hắn thành ra như vậy. Nhưng hắn biết sự cố về cây cung và mũi tên kia đã để lại trong hắn một cảm giác rằng lòng người thật khó lường và thế giới thì luôn phản bội, không đoán trước được. Đó là quan niệm sẽ theo hắn suốt cuộc đời. Và đó chắc cũng là lý do hắn trở thành một kẻ kém cỏi, dạy Hóa học và Vật lý cơ bản cho lũ học sinh Trung học nhằm chán, mặc dù, hắn từng mơ ước được làm việc trong một phòng thí nghiệm hay một đài quan sát, khám phá ra những hành tinh hay các loại hạt hạ nguyên tử [60] mới.

Khi Neil trưởng thành hơn, hắn tin rằng vũ trụ là một nơi hoàn toàn trống rỗng, rằng không hề có Chúa, cũng chẳng có đạo lý. Nếu thế giới có bí mật nào đó, thì chính là ta có thể làm bất cứ điều gì mình muốn, miễn là đủ thông minh để thoát khỏi trách nhiệm. Biết được bí mật đó sẽ khiến ta trở nên khác biệt với những kẻ khác. Gary biết điều đó, hay Neil tin là vậy. Neil biết thế mặc dù chưa bao giờ thực sự làm theo nó. Cho đến khi hắn dính lú tới Luke Daw.

Vào một buổi chiều thứ Bảy của tháng Ba năm 1996, Neil đã bảo Megan rằng hắn sẽ chạy ra ngoài mua keo vá một vết nứt trên khoanh sân bê tông của họ. Nhưng hắn lại lái xe đến một tòa chung cư ở phía nam thành phố Rome và leo lên tầng ba. Người phụ nữ ra đón hắn ở cửa căn hộ 3B là một giáo viên dạy thay bán thời gian tên là Sheila Cotton.

Cô ta mời hắn vào và họ cùng ngồi trên một chiếc ghế dài bằng da màu đỏ. Hắn đưa cho cô ta vài tờ tiền đã được gấp lại trước khi cô ta lấy ra một hộp giày từ bên dưới gầm ghế và đưa cho hắn một túi nhựa mỏng đựng khoảng gần 4 gram cần sa.

Cô ta thốt ra điều mọi khi lúc hắn tới, “Tôi có thể bán cho anh nhiều hơn nữa.”

Và hắn đã trả lời như mọi khi, “Nếu có nhiều hơn, tôi sẽ hút nhiều hơn.”

Hắn mượn một tờ giấy cuộn, như mọi khi, và cuộn một điếu thuốc trên nắp hộp giày. Họ ngồi uể oải trên ghế, đùi chạm đùi, chuyền qua lại điếu thuốc. Đôi khi, họ nói chuyện với nhau, nhưng không bao giờ nói về điều gì nghiêm túc cả. Lần này, cô ta bật nhạc Blues Traveler.

Neil biết khá nhiều chuyện về Sheila Cotton. Hắn biết cô ta đã kết hôn và ly dị hai lần mặc dù chưa tới 30. Hắn biết nếu hắn kể chuyện tiểu lâm thì cô ta sẽ cười - giọng cười khàn khàn như một kẻ hay la cà quán rượu.

Hắn biết chạm vào đùi cô ta có cảm giác thế nào, vì họ luôn ngồi thế này, sát cạnh nhau. Đó là lý do mỗi lần hắn đều mua rất ít để có thể lấy cớ quay lại thường xuyên.

Đùi cô ta đầy đặn, không giống Megan mảnh khảnh và xương xẩu. Sheila đầy đặn, thân hình đồng hồ cát. Cô ta thường mặc quần bò và áo len bó sát. Neil có thể hình dung ra cô ta, ngay cả khi hắn đi về. Hắn sẽ giữ hình ảnh của cô ta trong tâm trí và khi trở về nhà, hắn sẽ lèn xuống tầng hầm, tìm lấy một tờ *Playboy* có ảnh một cô gái trông giống Sheila không mặc gì trong tưởng tượng của hắn. Và hắn sẽ dành vài phút nhiệt tình mơ tưởng về cô ta.

Sheila chỉ vừa đưa điếu thuốc cho Neil khi họ nghe thấy tiếng gõ trên cửa. Theo sau là một khoanh khắc khôi hài: Neil hoảng loạn và cảm thấy tội lỗi

khi bị bắt quả tang. Hắn bẻ điều thuốc rồi tìm chỗ giấu trong khi Sheila bật cười lúc đứng dậy, rồi vỗ nhẹ vào đầu gối hắn, bảo hắn bình tĩnh.

Sheila vặn nhỏ máy loa trước khi ra mở cửa cho khách vào nhà. Đó là một gã trai trẻ tuổi với mái tóc đen lộn xộn: Luke Daw. Cậu ta mặc áo khoác dài, một bưu kiện kẹp dưới cánh tay. Cậu ta đang ngậm một que kem.

Neil nhận ra cậu ta và ngay lập tức ước không phải thế. Hắn chưa bao giờ dạy lớp của Luke, nhưng hắn biết tiếng tăm của cậu ta. Một trong những đứa trẻ nên tránh xa. Ta sẽ chờ cho đến khi chúng bỏ học và không bao giờ gặp lại chúng nữa.

Neil có thể đoán được trong bưu kiện đó có gì. Nếu được yêu cầu dự đoán tương lai của Luke Daw, hắn sẽ đoán thế này: một tay buôn ma túy nhỏ bán cho một tay buôn ma túy nhỏ hơn.

Sheila dẫn Luke vào phòng ngủ và đóng cửa lại. Vài phút sau đó, họ đi ra khi công chuyện đã xong xuôi. Không còn chiếc bưu kiện nữa. Ra tới cửa, Luke hướng đôi mắt đen vào Neil, mỉm cười, đưa hai ngón tay lên lông mày, hất một cái: một lời chào giễu cợt.

Sau khi cậu ta rời đi, Sheila quay trở lại chiếc ghế. Cô ta lấy bật lửa châm lại điều thuốc. Khi cô ta cố đưa nó cho Neil, hắn liền phất tay.

“Cô biết rõ cậu ta đến mức nào?” hắn hỏi cô ta.

“Luke ư? Cũng quen.”

“Và cô thấy thoải mái với cậu ta?”

“Thoải mái?”

“Cô tin tưởng cậu ta?”

“Tới mức nào cần thôi.”

“Tôi không chắc. Cậu ta có hỏi cô về tôi không?”

Cô ta ngả người bên cạnh hắn, ngược lên màn khói thuốc.

“Cậu ta hỏi anh là bạn hay khách hàng,” cô ta nói.

“Và cô đã nói gì với cậu ta?”

“Tôi bảo anh là một người bạn. Ngoài ra thì cậu ta không cần biết.”

“Cô không nói cho cậu ta biết tên tôi đấy chứ?”

“Không.”

“Tôi nghĩ cậu ta đã nhận ra tôi.”

“Nếu thế thì đã sao?”

“Tôi không thích học sinh biết được... thói quen của mình.”

“Cậu ta không còn là học sinh nữa.”

“Thì cậu ta vẫn còn trẻ. Biết đâu cậu ta nói chuyện với một trong những học sinh của tôi. Tôi phải nghĩ đến danh tiếng của mình chứ.”

Sheila bật cười và lại mời hân điều thuốc.

“Bình tĩnh,” cô ta nói. “Danh tiếng của anh an toàn mà. Luke rất tuyệt.”

Không lâu sau, Neil rời khỏi nhà cô ta. Một cái ôm chia tay tại cửa - một lời hứa sẽ không bao giờ được thực hiện. Hân uể oải xuống cầu thang và bước ra bầu trời chiều. Hân thấy Luke Daw đang đứng đợi trên vỉa hè trước cửa tòa chung cư.

Neil cố lờ cậu ta đi, nhưng khi đang tiến về bãi đậu xe, hân nghe tiếng bước chân của Luke ngay phía sau.

“Tôi có cảm giác mình quen biết anh,” Luke nói.

Neil dừng lại ở rìa bãi đậu xe và quay lại. “Tôi không nghĩ vậy.”

“Anh tên là gì?”

Neil ngập ngừng và nói, “Kevin.” Tên đệm của hân.

Luke mỉm cười. “Đó không phải cái tên mà tôi nhớ.”

Họ đứng cách nhau mấy mét trong ánh sáng buổi chiều lạnh lẽo. Mùa xuân ẩm đạm. Xung quanh toàn vũng nước.

Luke vẫn đang cầm cái que kem. Cậu ta kẹp nó giữa hai ngón tay như một điều thuốc.

“Anh có hạnh phúc không, Kevin?” cậu ta hỏi.

Một câu hỏi kỳ quặc. Bản năng đầu tiên của Neil là hỏi lại cậu ta, *Theo nghĩa nào?* Nhưng câu hỏi đó sẽ khơi ra một cuộc chuyện trò lâu hơn. Tốt hơn nên ngắn gọn.

“Chắc chắn rồi,” hăn nói.

“Bởi vì nếu anh cần bất cứ thứ gì,” Luke nói, “anh có thể cho tôi biết.”

“Tôi không cần thứ gì cả.”

Luke bước lại gần hơn. “Tôi có nhiều hơn Sheila. Tôi chỉ nói thế thôi. Cocaine. X hoặc thuốc viên - Vicodin, Oxy. Bất cứ thứ gì anh cần.”

“Tôi đủ rồi.”

“Trông anh không được hạnh phúc lắm.”

“Tôi phải đi rồi,” Neil nói.

Hăn quay người đi và tiến về chiếc xe của mình, nhưng hăn sớm nhận ra mình sẽ không thoát khỏi Luke dễ dàng như vậy.

Neil đậu xe ở rìa bãi đỗ đối diện hàng rào thép. Không gian hai bên chiếc xe của hăn vẫn để trống, nhưng có một chiếc Mustang màu đen đang đậu phía sau. Hăn không tài nào lùi xe ra được.

Khi Neil đứng cạnh cánh cửa bên ghế lái, Luke bước tới và nói, “Xe của anh à?”

“Đúng vậy,” Neil nói.

“Nó đẹp thật.”

Luke tựa vào chiếc xe và bắt đầu xoay cái que giữa các ngón tay. Cậu ta liếc chiếc Mustang. “Tôi nghĩ mình đang chặn đường anh,” cậu ta nói.

Luke vốn đã biết chiếc xe này của hăn, Neil nghĩ. Rõ ràng là vậy. Điều đó hăn là không khó đoán, vì trên kính chắn gió có dán một miếng đề can đậu

xe của trường Trung học nơi hắn đang giảng dạy.

Neil hất cằm về phía chiếc Mustang. “Tôi sẽ rất cảm kích nếu cậu rời xe đi chỗ khác,” hắn nói.

“Ồ, chắc chắn rồi”, Luke nói. “Nhưng chúng ta đang nói chuyện, phải không?”

“Tôi phải đi rồi.”

“Tôi nghe câu đó rồi. Nhưng trước đó, tôi cũng đã nói trông anh không được hạnh phúc lắm. Tôi muốn giúp anh.”

Neil cảm thấy bầu không khí quanh mình dần chuyển sang nặng nề. “Cậu không có bất cứ thứ gì tôi muốn cả,” hắn nói.

“Làm sao anh biết?” Luke nói, “nếu không nói chuyện với tôi?”

Cậu ta chăm chăm nhìn vào Neil nhưng không nói gì thêm. Đôi mắt cậu ta không cảm xúc - ngoại trừ vẻ thích thú lạnh lẽo.

Neil đã nghĩ tới chuyện bỏ đi. Hắn không muốn chơi trò đấu trí với Luke Daw, hay tệ hơn, vướng vào một vụ ẩu đả chẳng vì lý do gì. Nhưng hắn có tự ái, nên vẫn đứng yên.

“Cậu làm ơn rời xe đi, được không?” hắn nói.

Không đáp.

“Tôi không muốn gặp rắc rối,” hắn nói.

Luke thoáng nở nụ cười mà thật ra chỉ là hơi nhe răng. “Ai bảo sẽ có rắc rối?” Cậu ta dùng ngón tay cái bẻ cong que kem. “Anh không phải đang sợ tôi đấy chứ?”

“Không.”

“Tốt. Tôi chỉ đang cố cho anh thứ anh muốn. Nghe này, anh có 100 không?”

“Hả?”

“100 đô la.”

Neil cau mày. “Thôi đi.”

“Thôi đi là sao?”

“Ngừng lại đi,” Neil nói. “Tôi thực sự phải đi.”

“Sao anh lại nghĩ mình cần chạy trốn, Kev? Tôi không dọa anh đâu.”

“Tôi không sợ.”

“Thế thì tốt. Vậy đưa tôi 100 và tôi sẽ cho anh thứ anh muốn.”

“Không có gì...”

“Chắc chắn là có. Và anh có thể sở hữu nó. Giá 100 đô.”

Neil do dự rồi cũng rút ví ra. Hắn cảm thấy mình giống như một tên hèn, nhưng hắn đã chán ngấy Luke Daw rồi. Hắn tìm thấy 4 tờ 20 cùng 2 tờ 10 đô và rút ra. Luke ném cái que vào một vũng nước. Cậu ta thản nhiên cầm tiền rồi nhét vào túi áo khoác.

“Thấy chưa?” cậu ta nói. “Có khó khăn gì đâu.”

Cậu ta bước đi và chui vào chiếc Mustang của mình. Neil vẫn đứng cạnh chiếc xe của hắn, chẳng biết chuyện gì vừa xảy ra. Hắn vừa bị cướp hay Luke thực sự có ý định trao cho hắn thứ gì đó để đổi lấy tiền? Thứ đó là gì? Hắn có nên chờ không?

Hắn nhanh chóng có câu trả lời. Luke khởi động chiếc Mustang, vẫy tay chào tạm biệt và lái xe khỏi bãi đỗ, tiến ra đường.

Mấy ngày sau đó, Neil luôn để mắt canh chừng sự xuất hiện của Luke. Hắn sợ thằng ranh đó sẽ xuất hiện tại trường - hay nhà hắn. Hắn không muốn Luke nói chuyện với Megan. Cô ta không biết gì về Sheila Cotton và cũng không cần biết.

Khi một tuần trôi qua mà không có dấu hiệu gì của Luke, Neil liền cười nhạo chính mình vì hoang tưởng. Hắn đã nghĩ tới việc tránh xa Sheila và tìm một nguồn hàng mới, nhưng quyết định mình không có lý do để làm thế. Hắn đợi như thường lệ và lái xe đến căn hộ của cô ta vào một chiều thứ Bảy khác. Mọi chuyện vẫn diễn ra như bình thường.

“Tôi có thể bán cho anh nhiều hơn.”

“Nếu có nhiều hơn, tôi sẽ hút nhiều hơn.”

Họ chia nhau thuốc trên chiếc ghế dài và khi chỉ còn lại một mẩu thuốc ngăn ngùn, thì một chuyện xảy ra. Sheila ngồi dậy và cúi xuống gần hăn, đặt tay lên đầu gối hăn rồi nói, “Anh không cần phải đi, đúng không?”

Đôi mắt của cô ta hiện lên một lời mời thách thức. Thật khó tin, nhưng Neil vẫn cho phép bản thân tin vào nó. Một lát sau, hăn dè dặt trao cho cô ta một nụ hôn: một nụ hôn vụng về và khô khốc. Rồi thêm một nụ hôn nữa sâu hơn, hơi thở đượm mùi khói thuốc, vẻ dè dặt đã qua đi. Hăn trở nên háo hức, còn cô ta thì cười khàn khàn và bảo hăn cứ từ từ. Cô ta giạng chân ngồi trên người hăn, để hăn cởi áo len của mình ra, để lộ chiếc áo ngực màu đỏ mềm như lụa - thứ mà Megan sẽ chẳng bao giờ mặc.

Khi hăn với tay tới cúc quần bò của Sheila, cô ta liền đứng dậy, cầm tay dẫn hăn vào phòng ngủ của mình. Cô ta gạt khăn trải giường sang một bên rồi nằm ngửa ra tấm ga trắng. Hăn kéo chiếc quần bò của cô ta ra và nhận ra cô ta đang mặc một chiếc quần lót dây đồng bộ với áo ngực.

Hăn hôn lên bụng cô ta. Làn da màu kem không tì vết. Cô ta nằm dang hai tay, tình nguyện. Mái tóc đen buông xõa xuống gối. Cởi đồ lót và những sợi ren rơi xuống đùi cô ta. Hăn nhìn thấy cơ thể gợi cảm mình vẫn hằng tưởng tượng. Mềm mại và ngoan ngoãn. Không giống như Megan. Một cơ thể khiến bạn muốn đắm mình vào.

Lần đầu tiên quá dữ dội. Hăn không thể kéo dài được lâu. Nhưng cô ta đã cho hăn cơ hội thứ hai và lần này thật tốt đẹp. Nó kết thúc khi cô ta nắm chặt ga trải giường và quấn chân quanh người hăn. Mắt cô ta nhắm lại, miệng thì thầm *Đúng*.

Sau đó, cô ta đứng dậy mở cửa sổ phòng ngủ. Cô ta quay lại nằm cạnh hăn trên tấm ga trải giường. Neil ngược nhìn những vòng xoáy vừa trắng trên trần nhà. Hăn cảm thấy những giọt mồ hôi trên da đang từ từ bốc hơi.

“Tôi ngờ tới chuyện này,” Sheila nói.

“Tôi cũng vậy,” Neil bảo với cô ta.

“Tôi rất mừng vì nó đã xảy ra.”

“Tôi cũng thế.”

Cô ta trở mình nằm nghiêng để đối mặt với hắn. “Tôi không muốn anh hiểu lầm.”

“Hiểu lầm gì cơ?”

“Rằng tôi làm chuyện này với tất cả những người đàn ông ghé qua đây.”

“À.”

“Bởi vì tôi không làm thế.”

“Tất nhiên là không rồi.”

“Thật ra, lúc đầu, tôi nghĩ đây là trò đùa.”

Neil cảm thấy lồng ngực nhất thời thắt lại.

“Trò đùa?” hắn nói.

“Khi Luke gợi ý chuyện này. Tôi đã nghĩ cậu ta đang trêu tôi.”

Neil tập trung nhìn những vòng xoáy trên trần nhà. Đáng lẽ hắn nên cảm thấy giật mình hơn khi nghe nhắc đến tên Luke. Nhưng một phần trong hắn đã biết điều đó ngay từ đầu.

Tôi sẽ trao cho anh thứ anh muốn.

“Thật vô lý,” Sheila nói, “nếu anh phải thông qua cậu ta. Nhất là sau những gì anh đã kể với tôi, về việc anh không tin tưởng cậu ta. Nhưng cậu ta cứ khẳng khẳng bảo chuyện đó là thật. Và tôi cũng nghĩ vậy. Ý tôi là, chúng ta đã đang ở đây rồi. Phải không?”

“Phải,” Neil nói.

“Lúc đầu, tôi cảm thấy bị xúc phạm. Nhưng rồi tôi nghĩ: Cũng khá dễ thương. Anh nhất nên không tự hỏi tôi được. Và có khi tốt nhất anh đừng làm thế, vì có lẽ tôi sẽ tát anh. Chúng ta sẽ bỏ lỡ cơ hội này. Sao lại phải bỏ lỡ chứ?”

“Đúng,” Neil nói.

“Tôi biết. Tôi cũng thích anh mà. Tôi vẫn luôn thích anh. Nhưng tôi cũng rất vui vì có thể kiếm được tiền. Bởi vì tôi thực sự cần đến nó.” Cô ta áp lòng bàn tay lên người hăn. “Tôi sẽ không tùy tiện ngủ với ai vì tiền đâu. Đây có thể là chuyện riêng của chúng ta. Một thỏa thuận đặc biệt.”

“Được đấy,” Neil nói.

Sheila dịch lòng bàn tay sang bụng hăn và xích lại gần hơn. “Chỉ có một vấn đề duy nhất,” cô ta nói. “Chúng ta có thể thành thật với nhau không?”

“Chắc chắn rồi.”

“Ừm, thành thật mà nói, càng nghĩ tôi càng thấy 100 có vẻ hơi thấp. Anh có phiền nếu chúng ta nâng giá cao hơn không? Không phải lần này. Nhưng kể từ bây giờ.”

Neil không thể nhìn thấy khuôn mặt của cô ta bởi hăn vẫn đang tập trung nhìn trần nhà. Nhưng hăn có thể cảm thấy cơ thể cô ta áp vào người mình. Toàn bộ cơ thể hoàn hảo ấy.

“Cao hơn là bao nhiêu?” hăn hỏi.

“200 được không?” cô ta nói.

Hăn không phản ứng lại - ít nhất hăn cố ý. Nhưng chắc cô ta đã trông thấy gì đó.

“150 nhé,” cô ta nhanh chóng thêm vào.

Hăn ngồi dậy và quay sang nhìn cô ta. Cơ thể đó và cả gương mặt kia nữa - một gương mặt gan góc, nhưng lại đang che đậy điều gì đó. Hoài nghi. Mong manh. Bất an.

Hăn mỉm cười dịu dàng. “150 có vẻ hợp lý.”

Khi rời khỏi căn hộ của cô ta, hăn tưởng mình sẽ thấy Luke Daw đứng đợi ở bãi đậu xe. Không phải. Hăn lái xe về nhà và khi Megan hỏi hăn đã đi

đâu, hắn bịa ra chuyện mình vô tình gặp lại bạn học cũ từ thời học Đại học. Và cô ta đã tin lời hắn. Thật dễ dàng.

Ngày thứ Bảy sau đó, hắn lại đến gặp Sheila. Quá sớm để cần thêm cần sa, nhưng hắn vẫn mua một ít. Khi hắn bắt đầu cuộn điếu thuốc bên trên nắp hộp giày, cô ta bảo hắn bỏ nó đấy. Cô ta dẫn hắn vào phòng ngủ và kéo áo len qua khỏi đầu. Lần này, chiếc áo ngực của cô ta có màu tím. Và chiếc quần lót dây cũng vậy.

Sau đó, họ hút thuốc. Sheila có một chiếc bồn tắm có chân kiểu cổ, với nút xả bằng nhựa gắn với dây xích. Cô ta xả nước đầy bồn tắm rồi ngâm mình. Neil cởi trần, ngồi trên một cái ghế bên cạnh bồn tắm bầu bạn với cô ta. Hắn cầm điếu thuốc cho cô ta để khỏi ướt.

Khi nước bắt đầu nguội đi, cô ta dùng ngón chân nhấc nút xả ra. Rồi cô ta đứng dậy - giống như một nữ thần khóa thân vươn mình từ biển cả - và để hắn giúp lau khô người. Phải mất một lúc lâu bồn tắm mới ráo nước.

Hắn để lại tiền trên bồn rửa mặt. 150 đô la. Cô ta mặc áo choàng tắm rồi tiễn hắn ra cửa. Trao cho hắn một nụ hôn.

Lịch trình của họ là thế, tuần này qua tuần khác, hết mùa xuân rồi lại mùa hè. Đó là quãng thời gian tuyệt vời nhất trong cuộc đời của Neil Pruett, nhưng đã có những dấu hiệu, thậm chí từ khi còn rất sớm, về cách nó sẽ kết thúc. Những điều nhỏ nhặt. Sheila bắt đầu muốn hắn ở bên nhiều hơn. Cô ta muốn nói chuyện - không phải tán gẫu suông. Cô ta muốn chia sẻ những điều tầm thường nhất trong cuộc đời mình.

Và thỉnh thoảng, cô ta bắt đầu nhờ hắn những thứ nhỏ nhỏ. Ngay khi hắn định rời đi, cô ta sẽ hỏi liệu hắn có mang rác xuống dưới cho cô ta được không. Những lần khác, cô ta lại muốn hắn giúp kiểm tra dầu xe của mình, hay sửa chữa một vòi nước bị rò rỉ, hoặc một công tắc đèn bị hỏng.

Một ngày thứ Bảy nọ, hắn đến nhà và thấy cô ta đang như phát rồ. Có một con chuột trong phòng khách và cô ta đã đặt một cái bẫy. Giờ thì cô ta có một con chuột chết gãy cổ - và liệu hắn có xử lý được nó không? Cô ta không dám chạm vào nó.

Nhưng đó mới chỉ là những khiếm khuyết nho nhỏ. Neil luôn tìm ra cách bù đắp. Vài ngày sau vụ con chuột, hắn đến căn hộ của cô ta vào giữa tuần. Một buổi chiều thứ Tư, Sheila ra mở cửa trong trang phục áo phông và quần thể thao trắng, tóc buộc đuôi ngựa. Hắn thoáng trông thấy vẻ bối rối và nhận ra cô ta không mong hắn đến. Nhưng cô ta nhanh chóng cư xử như thường lệ: trao cho hắn một nụ hôn chậm rãi, cầm tay dẫn hắn về phía phòng ngủ.

Họ không vào tới nơi. Hắn đè cô ta vào tường, lột bỏ chiếc áo phông - và tìm thấy chiếc áo ngực màu trắng đơn giản phía bên dưới. Hắn kéo cái quần thể thao xuống dưới hông cô ta và đẩy cô ta xuống sàn nhà. Cô ta không kháng cự. Hắn nghe thấy giọng cười khàn khàn. “Thứ Tư thì quy định khác nhé,” cô ta nói.

Sau đó, cô ta lại mở vòi xả nước vào bồn tắm và hắn ngồi cùng cô ta. Họ hút thuốc. Hơi nước bốc lên và đọng lại trên những ô gạch trong phòng tắm. Sheila đặt tay lên thành bồn và ngửa đầu ra sau.

“Thật là dữ dội,” cô ta nói.

Neil không nói gì.

“Tôi nghĩ anh đã khiến tôi bị bầm tím,” cô ta nói.

Hắn chuyển điều thuốc cho cô ta. “Có lẽ, tôi sẽ còn khiến cô bầm tím nhiều hơn nữa.”

Rồi hắn trèo vào bồn tắm. Hắn trượt chân nên phải đỡ lấy người. Cô ta nhích người để hắn vòng ra sau rồi ngả người dựa vào hắn. Nước chảy tràn qua thành bồn tắm xuống mặt sàn. Một lát sau, cô ta vịn vịn rồi nhắc người lên và đưa hắn vào bên trong mình.

Sau đó, cô ta trèo ra khỏi bồn tắm. Để hắn lại. Khi quay trở lại, cô ta đã mặc áo choàng tắm và mang theo một chiếc khăn cho hắn lau người. Trong lúc hắn mặc lại quần áo, cô ta nói, “Anh thật ngọt ngào.”

Câu nói đó khiến hắn khựng lại. Hắn không hề có ý ngọt ngào.

Chiều hôm ấy, hắn đã rời đi mà không trả cô ta tiền. Đó là sự khởi đầu của một khuôn mẫu mới: kể từ hôm ấy, hắn tới gặp cô ta hai lần mỗi tuần,

vào thứ Tư và thứ Bảy. Thứ Bảy, hăn trả cô ta 150 đô. Thứ Tư, hăn không trả đồng nào. Hăn nghĩ cô ta sẽ phàn nàn, nhưng không hề.

Hăn không thắc mắc. Sau này, nghĩ lại, hăn nhận ra nó chính là một dấu hiệu cảnh báo - giống như cái lúc cô ta bảo hăn ngọt ngào. Cô ta gợi ý nhưng hăn không nhận ra. Nếu như chú ý hơn, có lẽ hăn đã nhận thấy cô ta đang bắt đầu nghĩ mình là nhân tình của hăn.

Nếu Neil ít để ý đến Sheila Cotton, thì có lẽ đó là vì hăn đang bận tâm tới thứ khác. Hăn không tài nào hiểu được Luke Daw.

Hăn đã hy vọng Luke để yên cho mình, nhưng hăn không may mắn đến vậy. Có vẻ Luke đang ngày càng quan tâm đến thỏa thuận giữa hăn và Sheila. Không biết cô ta kể cho cậu ta tới đâu nhưng ít nhất thì Luke biết hăn đến thăm Sheila vào mỗi thứ Bảy. Thỉnh thoảng, Luke sẽ xuất hiện ở bãi đậu xe vào một chiều thứ Bảy nào đó.

Lần đầu tiên là vào đầu tháng Năm. Neil đi xuống và thấy chiếc Mustang của Luke đang đỗ gần xe mình. Luke đã hạ cửa sổ xe và gọi hăn.

“Kevin! Thật vui khi gặp anh.”

Neil miễn cưỡng bước đến gần cậu ta. “Cậu muốn gì?”

“Tôi muốn chắc chắn anh đang thấy hạnh phúc,” Luke nói.

“Tôi sẽ hạnh phúc hơn nếu cậu để tôi yên.”

“Đừng như thế chứ, Kev,” Luke nói. “Tôi là bạn anh mà. Tôi đã đúng, phải không?”

“Về cái gì?”

“Về thứ mà anh muốn,” Luke nói và ngược nhìn lên cửa sổ nhà Sheila trên tầng ba. “Nhưng nghĩ ra có khó gì. Ai lại không muốn thế chứ? Tôi nói có đúng không?”

Neil đứng bất động. Mặt trời hắt bóng hăn lên cửa chiếc Mustang. Bóng đen trên nền đen. Hăn không nói gì.

“Đừng thô lỗ thế chứ, Kev,” Luke nói. “Tôi thích anh. Tôi chỉ đang cố giúp đỡ thôi. Cứ nói nếu anh cần thứ khác.”

Cậu ta vào số chiếc Mustang và lái xe rời đi. Neil nhìn cậu ta đi khuất, hy vọng mình sẽ không phải chạm mặt người này lần nào nữa. Nhưng cứ độ hai hoặc ba tuần, Luke Daw lại tới cùng câu nói vớ vẩn: *Tôi là bạn anh mà. Cứ nói mình cần gì.* Cậu ta chưa từng đe dọa hay xin tiền hằn. Cũng chưa bao giờ gọi hằn bằng tên thật. Với Luke, Neil luôn là Kevin hoặc Kev. Hoặc đôi khi là K.

Thời gian trôi đi, Sheila không còn hấp dẫn nữa. Neil cũng dần xa lánh cô ta. Hằn vẫn đến gặp cô ta, nhưng hằn thấy cô ta không còn chân thật như trước. Tâm trí hằn để đâu đâu khi cô ta nói. Hằn tìm cơ để về sớm.

Sheila dường như không nhận ra. Cô ta hành động như thể họ có thể tiếp tục mãi. Cô ta nói với hằn về tương lai của mình bằng giọng điệu như mặc nhiên là hằn quan tâm. Cô ta muốn tìm một công việc giảng dạy lâu dài. Cô ta thắc mắc không hiểu mình có cần đi học để lấy bằng thạc sĩ không. Cô ta muốn chuyển tới một căn hộ tốt hơn, hay ít nhất cũng sửa sang lại căn hộ hiện tại. Trông nó quá ảm đạm. Những bức tường cần được thay một lớp sơn mới.

Đó là những gì cô ta đã nói tới vào ngày thứ Bảy đầu tiên của tháng Bảy, ngày mà Neil cuối cùng cũng cắt đứt quan hệ với cô ta. Sơn.

“Em nghĩ sẽ chọn màu trắng,” cô ta nói. “Tường màu trắng, viền trang trí màu trắng. Em lấy ý tưởng từ tạp chí đấy. Nhưng có lẽ như thế thì hơi, anh biết...”

“Trắng quá?” hằn nhắc.

“Đúng. Vậy nên, bây giờ em nghĩ mình muốn có màu sắc, nhưng lại muốn nó nhàn nhạt. Giống như ở đây vậy, em đang nghĩ tới màu vàng. Nhưng phải là màu vàng thật nhạt, để nó trông gần giống...”

“Màu trắng?”

“Chính xác.”

Họ đang ở trong phòng tắm. Sheila nằm trong bồn. Neil ngồi ghế, bầu bạn với cô ta. Họ đã hút tàn một điếu thuốc và khói thuốc vẫn vẫn vương trong không gian.

“Anh nghĩ gì vậy?” cô ta hỏi.

“Màu trắng có vẻ ổn đấy,” hăn nói.

“Nhưng không phải màu trắng, mà là màu vàng.”

“Phải rồi. Màu vàng.”

“Còn nhà bếp thì sao?”

Neil chăm chăm nhìn hình ảnh mình trong chiếc gương phía trên bồn rửa mặt. “Ý em là màu nào sao?”

“Vâng.”

“Anh tưởng em sẽ sơn màu vàng tất.”

“Em không thể sơn các phòng giống nhau được.”

“Anh không biết phải nói gì với em.”

“Em đang nghĩ tới màu xanh lá cho nhà bếp.”

“Xanh thật hay xanh giống trắng?”

“Đó là điều chúng ta phải quyết định.”

Neil-trong-gương bày ra vẻ mặt không vui. “Em mới là người quyết định, đúng không?”

“Anh giúp em thì có chết đâu,” Sheila nói. “Anh cũng dành thời gian ở đây mà.”

“Được rồi. Màu xanh lá có vẻ ổn.”

Cô ta ngồi dậy trong bồn tắm. Hăn nghe thấy tiếng nước vỗ.

“Có lẽ chúng ta nên gọi pizza,” cô ta nói. “Anh có thể ở lại và chúng ta có thể cùng nhau xem qua các mẫu sơn.”

“Để làm gì?”

“Để chọn màu.”

“Chúng ta đã chọn màu vàng và màu xanh lá rồi.”

“Có những sắc thái màu khác nhau. Em đã lấy mẫu từ cửa hàng sơn rồi.”

Neil-trong-gương đang chạm lưỡi lên răng cửa. “Anh không thể ở lại.”

“Anh có thể nếu muốn.”

“Vậy thì anh không muốn.”

Cô ta thở ra. “Anh thật khó tính. Em không nghĩ mình đang đòi hỏi quá đáng.”

“Anh không nói thế.”

“Pizza giao tận nhà. Khó khăn lắm à? Anh có nhận ra mình chưa từng đưa em ra ngoài ăn?”

Neil-trong-gương lại bày ra vẻ mặt không vui. Vùng da nơi khóe mắt nhăn lại.

“Sheila, anh đã kết hôn rồi. Anh không thể đưa em đi ăn tối.”

“Tại sao không?”

“Ai đó có thể sẽ trông thấy chúng ta.”

“Chúng ta có thể gặp mặt ở đâu đây bên ngoài thị trấn.”

“Anh sẽ không vụng trộm sau lưng vợ mình đâu.”

Cô ta bật cười. Tiếng cười the thé, không phải giọng khàn khàn.

“Neil, anh nghĩ mình đang làm gì hả?”

“Em hiểu ý anh mà.”

“Em biết. Ý anh là anh không thể mạo hiểm. Không phải vì em. Em không đủ quan trọng với anh.”

“Anh không biết em muốn gì.”

“Em không phải người quan trọng,” cô ta nói. “Không quan trọng như vợ anh. Thật đáng thương hại. Bởi vì em chưa bao giờ có cảm giác anh thực sự quan tâm đến cô ta.”

“Tất nhiên là anh quan tâm đến cô ấy.”

“Anh chưa bao giờ nói chuyện về cô ta.”

Neil quay người khỏi tấm gương. Hướng thẳng bộ mặt không vui vào Sheila Cotton.

“Tại sao anh phải nói chuyện về vợ mình?”

Sheila ngồi trong bồn, cúi người về phía trước. “Anh thật xấu tính,” cô ta nói. “Em không biết tại sao mình có thể chịu đựng anh. Thật đáng đời vì đã hẹn hò với một gã đàn ông đã có gia đình.”

Neil nhìn chăm chăm vào lưng cô ta. Da cô ta đã không còn hoàn mỹ như trong trí nhớ của hắn. Hắn nhìn những đường gân xanh nho nhỏ phía dưới. Hắn nhận ra có một nốt ruồi.

“Chúng ta không hẹn hò,” hắn nói.

“Lại xấu tính. Anh biết đấy, cuối cùng anh vẫn sẽ phải lựa chọn. Hoặc em hoặc cô ta. Em đang chờ tới một ngày, anh đến đây và nói anh chọn em. Rằng anh đã sẵn sàng đối xử với em như em xứng đáng được nhận. Anh mong em sẽ chờ bao lâu đây?”

“Anh sẽ không bỏ vợ.”

“Không. Tại sao chứ? Anh có thể có cả hai. Có lẽ em nên đi gặp Megan. Đó là tên cô ta, phải không? Có lẽ em nên nói với cô ta anh đã dành thời gian ở đâu trong suốt vài tháng qua. Điều đó sẽ làm mọi chuyện sống động hơn, phải không? Đó chính là những gì anh cần.”

Căng thẳng dồn lên vai Neil. Hắn nghiêng đầu từ bên này sang bên kia, cố gắng thư giãn.

“Em không muốn làm thế đâu,” hắn nói.

“Đúng vậy. Nhưng có lẽ đó là cách duy nhất khiến anh nhận ra những gì đang ở ngay trước mắt. Để anh trân trọng em.”

Cô ta với lấy sợi dây xích để kéo nút bồn tắm và nước bắt đầu chậm chậm thoát đi. Chỉ vài giây nữa thôi, cô ta sẽ đứng dậy. Neil hình dung ra cảnh tượng đó. Cô ta sẽ hất mái tóc ướt về phía sau. Nước sẽ chảy xuống cơ thể cô ta. Đáy bồn sẽ rất trơn trượt. Cô ta có thể sẽ bị trượt chân và đập đầu vào thành bồn cứng. Hẳn sẽ thấy máu của cô ta biến nước thành màu hồng. Đầu cô ta sẽ chìm xuống.

Nó sẽ thật hoàn hảo. Hẳn sẽ cắt đứt được với Sheila và cô ta sẽ không bao giờ nói chuyện với Megan.

Hắn nghĩ về nó. Nếu hẳn đủ tập trung, có lẽ chuyện đó sẽ xảy ra.

Sheila đứng dậy. Đưa tay lên đầu. Neil nhìn cô ta hơi ngửa ra sau, vắt bớt nước ra khỏi tóc. Chân cô ta dịch chuyển. Cô ta bắt đầu mất thăng bằng. Cô ta dang tay ra và đứng vững.

Còn chút xíu nữa.

Neil đứng dậy khỏi chiếc ghế và đẩy cô ta một cái. Cô ta bật ra một tiếng kêu hoảng hốt và giật lùi lại. Đập vào bức tường phía sau. Chân cô ta trượt về phía lỗ thoát nước. Phần cơ thể còn lại ngã về phía bên kia. Cô ta ngã rất mạnh, nhưng tay và vai đỡ hết. Cô ta rên rỉ cố đẩy người lên khỏi mặt nước. Hẳn chộp một nắm tóc ướt và đập mạnh bên đầu cô ta vào thành bồn tắm.

Cú va chạm đó khiến cô ta bất tỉnh, đủ lâu để Neil đẩy đầu cô ta xuống nước. Mực nước đang dần dần hạ xuống, nhưng hẳn nghĩ mình có đủ thời gian. Cô ta tỉnh lại, mắt choàng mở và thở hỗn hển theo phản xạ. Nước tràn vào phổi cô ta.

Sợ hãi hiện lên trong mắt cô ta. Thân thể cô ta quẫy đạp. Hẳn ấn hai vai cô ta xuống. Cảm nhận cơ thể cô ta co giật, mỗi lúc một yếu. Và cuối cùng là bất động. Hẳn quỳ xuống bên cạnh bồn tắm khi nước rút dần đi, để lại làn da tái nhợt và trơn láng của cô ta cùng mái tóc đen rối tung như tảo biển.

Dòng nước cuối cùng chảy qua đường ống và cả thế giới tĩnh lặng. Neil ngồi lên ghế. Hắn nhìn Sheila Cotton, nghĩ rằng đôi mắt kia sẽ chớp chớp, chờ sự sống trở lại với cô ta. Chẳng có gì xảy ra cả.

Âm thanh quay trở lại thế giới: tiếng bước chân ở tầng trên. Neil biết mình nên cảm thấy lo lắng. Ở đây vẫn có người sinh sống. Ai đó có thể đã nghe thấy và không chừng đã gọi điện báo cảnh sát. Bất cứ lúc nào tiếng còi hú cũng có thể vang lên. Cảnh sát sẽ đập thình thình vào cánh cửa.

Neil đi vào phòng ngủ và thấy quần áo cùng giày của mình. Hắn mặc vào. Kiên nhẫn, bình tĩnh. Hắn sơ vin. Không có tiếng còi xe cảnh sát. Hắn mở ngăn kéo dưới cùng tủ quần áo của Sheila, vì hắn đã từng trông thấy cô ta giấu tiền ở đó một lần, khi cô ta tưởng hắn không nhìn. Hắn tìm thấy một phong bì đựng gần 1.400 đô la bên dưới một chồng áo len và nhét nó vào túi.

Quay trở lại phòng tắm, hắn nhìn thấy phần còn lại của điều thuốc vẫn đang nằm trên bồn rửa. Hắn vứt nó vào bồn cầu rồi xả nước. Hắn lấy một chiếc khăn nhỏ và lau sạch tay cầm trên bồn cầu, rồi đến chiếc ghế. Hắn đi vòng quanh phòng và căn hộ, lau sạch mọi thứ mà hắn nhớ mình đã chạm tay vào.

Công cuộc lau dọn của hắn kết thúc với hộp giày dưới gầm chiếc ghế dài. Hắn lau sạch bên ngoài hộp rồi định đẩy nó trở lại chỗ cũ, rồi nghĩ lại.

Tại cửa, với cái hộp giày kẹp dưới cánh tay, hắn lắng nghe âm thanh ngoài hành lang. Hắn hình dung ra một hành lang trống vắng, nghĩ tới lộ trình đi xuống cầu thang rồi vào bãi đậu xe của mình. Tưởng tượng không có ai xuất hiện trong suốt hành trình đó. Đến khi đã sẵn sàng, hắn dùng khăn mở cửa. Hắn vặn nắm cửa để mở khóa. Hắn đóng cửa lại.

Hắn di chuyển dọc theo hành lang và đi xuống cầu thang mà không bị ai nhìn thấy. Ra ngoài ánh sáng mặt trời.

Xe hắn đang phớt dưới cái nóng tháng Bảy. Hắn thả hộp giày và cái khăn lên ghế hành khách rồi xoay chìa khóa. Hắn chắc động cơ sẽ không chạy. Nó khởi động. Luồng khí nóng thổi ra từ các lỗ thông hơi. Hắn nhấn nút bật

điều hòa và bắt mình ngồi đợi - đợi cho không khí chuyển sang mát mẻ. Không có ai đến bắt hắt. Cũng không có ai lao ra khỏi tòa nhà để ngăn hắt.

Không khí tỏa ra mát lạnh khi hắt lái xe rời khỏi căn hộ của Sheila Cotton.

Vào sáng thứ Hai, chủ căn hộ của Sheila Cotton gõ cửa nhà cô ta để thu tiền thuê nhà đã quá hạn. Ông ta thử lại lần nữa vào thứ Ba. Thứ Tư, ông ta dùng chìa khóa vạn năng mở cửa vào nhà vì trước đó, đã từng có những người thuê nhà bỏ đi đột ngột mà ông ta thì đang dần mất kiên nhẫn. Ngay khi ông ta bước vào nhà, mùi hôi thối đã dẫn ông ta đến chỗ cái xác.

Câu chuyện trở thành tin tức nổi bật nhất trong chương trình bản tin lúc 11 giờ tối thứ Tư. Phát ngôn viên bên phía cảnh sát đã từ chối cho biết nguyên nhân dẫn tới cái chết là do tai nạn hay là kết quả của một tội ác. Neil đã xem bản tin trên TV trong phòng ngủ với Megan đang nằm đọc sách ngay bên cạnh. Hết hy vọng cuốn sách có thể khiến cô ta bị sao lãng. Không hề.

“Anh biết người phụ nữ đó không?” cô ta hỏi hắt.

“Không,” hắt nói. “Sao anh biết được chứ?”

“Họ nói cô ta là giáo viên dạy thay. Em nghĩ anh có thể đã tình cờ gặp cô ta ở trường.”

“Anh không nhớ ra,” hắt nói. “Có lẽ anh sẽ hỏi Gary.”

Dạo này, Gary luôn là chủ đề đánh lạc hướng tuyệt vời - Gary cùng sự không chung thủy của anh ta.

“Đừng nhắc đến Gary với em,” Megan nói.

Và Neil nghe theo. Hắt dùng điều khiển tắt TV. Trở mình nằm nghiêng. Nhưng cô ta vẫn chưa chịu buông tha.

“Anh vẫn chưa nói mình đang nghĩ gì.”

“Về người phụ nữ đó?” hắt hỏi.

“Đúng.”

“Anh đã bảo rồi, anh không biết cô ta.”

“Anh vẫn có thể đoán,” Megan nói. “Đó là tai nạn hay một tội ác?”

Khi một tuần đã trôi qua mà không có bất kỳ chuyến viếng thăm nào từ phía cảnh sát, Neil Pruett bắt đầu hy vọng mình có thể được an toàn.

Hắn đã thận trọng không bao giờ cho Sheila số điện thoại nhà mình và cũng không dùng di động. Lần đầu tiên hắn tiếp xúc với cô ta là từ mùa thu năm trước, khi hắn nhìn thấy cô ta đang châm thuốc trong xe ô tô vào giờ ăn trưa ở bãi đậu xe của giáo viên tại trường Trung học. Họ đã nói chuyện riêng với nhau. Có lẽ, có người đã trông thấy họ cùng nhau nhưng không phải là gần đây. Sau khi thỏa thuận giữa họ bắt đầu, hắn đã nói rõ về việc giữ khoảng cách nơi công cộng.

Hắn cho rằng có khi cô ta giữ một danh sách khách hàng nhưng lại nghĩ không phải. Cô ta không kinh doanh kiểu cần giữ danh sách. Cô ta có thể đã nói cho một người bạn biết về mối quan hệ của họ, nhưng đó thực sự không phải kiểu quan hệ nên nói cho người khác.

Vậy là chỉ còn lại một người có thể rút ra mối liên quan giữa họ mà thôi: Luke Daw.

Vào các buổi tối những ngày giữa tháng Bảy, Neil thấy mình đang bước ra hiên nhà trong thời tiết đã dịu dần. Hắn nhìn dòng xe cộ qua lại. Đôi khi, hắn đi vòng quanh dãy nhà. Mất một thời gian, hắn mới nhận ra là mình đang chờ Luke.

Vào lúc 9 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 7, thứ Năm, chiếc Mustang màu đen dừng lại bên lề đường phía trước nhà của hắn. Luke Daw rướn người mở cửa xe bên ghế hành khách. Neil từ hiên nhà bước xuống, chậm rãi và khoan thai như một kẻ mộng du. Hắn ngồi vào xe.

Hắn không lo lắng về Megan. Cô ta sẽ không trông thấy vì đâu có ở nhà. Cô ta đã tới an ủi Cathy, vì có vẻ như Gary lại bắt đầu vụng trộm với cô gái

18 tuổi kia.

Luke lái xe đi, một tay đặt lên vô lăng. Tay kia cầm một que kem. Cậu ta từ từ xoay nó quanh các ngón tay.

“Kev,” cậu ta nói. “Trông anh không được vui.”

“Sao cậu không nói cho tôi biết mình muốn gì nhỉ?” Neil nói.

“Tôi nghĩ chúng ta nên nói chuyện. Về những gì đang xảy ra.”

Neil ngả lưng ra ghế và chờ đợi.

“Những tin tức điên rồ liên quan tới Sheila,” Luke nói.

“Tôi không biết cậu đang tìm kiếm điều gì.”

“Anh luôn luôn nghĩ sai về tôi, K ạ. Chúng ta giống nhau cả thôi.”

“Thế là sao?”

“Tôi hiểu mà. Tôi biết cô ta là người như thế nào. Tôi cũng đã không ít lần muốn dìm chết cô ta, tin tôi đi.”

“Tôi không dìm chết cô ta.”

“Tôi biết. Đó là điều đầu tiên tôi nghĩ sau khi nghe tin tức. *Chắc chắn K không dìm chết cô ta.* Họ tìm thấy cô ta vào thứ Tư, lúc đó cô ta đã chết vài ngày rồi. Vậy tính ra cô ta đã chết đâu đó vào khoảng chiều thứ Bảy. Mà anh thường tới vào mỗi thứ Bảy. Tôi dám chắc anh thấy giật mình lắm khi nghĩ cô ta chết ngay sau khi mình rời đi.”

“Tôi chẳng liên quan gì tới chuyện đó cả.”

“Tôi biết. Đó hẳn là một tai nạn. Cô ta xinh đẹp nhưng hay đòi hỏi. Sớm hay muộn cô ta cũng gặp tai nạn thôi. Tôi ước gì chuyện đó không xảy ra. Tôi ước giá như anh để tôi trông chừng cho anh. Nếu biết anh đã chán cô ta, tôi có thể tìm cho anh một người khác. Như thế thì anh đã chẳng ở gần lúc cô ta gặp tai nạn.”

Luke tắt chiếc Mustang vào lề đường. Neil nhìn qua cửa sổ, nhận ra họ đã lái xe thành vòng tròn và trở về nhà mình.

“Vấn đề là thế này,” Luke nói. “Cô ta kiếm tiền cho tôi. Giờ thì không còn tiền nữa. Anh thấy mình đẩy tôi vào chỗ nào rồi đấy.”

Neil ngả đầu ra sau và chuẩn bị tinh thần cho những gì hẳn biết là sắp xảy ra.

Luke Daw phá lên cười. “K, anh nên nhìn mặt mình lúc này, thật đấy. Luôn nghĩ đến những điều tồi tệ nhất. Đây không phải chuyện xấu, mà là một chuyện tốt. Cứ tin tôi. Chúng ta sẽ làm thế này.”

Hai ngày sau. Thứ Bảy. 5 giờ. Neil Pruett vòng xe qua khúc cua trên đường Humaston và thấy cái xe moóc. Hẳn đi chậm lại, rẽ vào con đường sỏi, bánh xe làm đá cuội văng tung tóe.

Trong túi hẳn có 500 đô la, một phần trong số tiền đó là hẳn lấy từ tủ của Sheila Cotton. Hẳn đã cầm sẵn nó khi Luke bước ra khỏi toa xe moóc. Luke vô tư cầm tiền, như thể nó chẳng nghĩa lý gì.

“K,” cậu ta nói. “Đi dạo đi.”

Họ đi qua lối mòn mọc đầy cỏ dại. Những vết bánh xe trên lối đi đầy bùn vào mùa xuân nhưng bùn đã bị nung khô dưới nắng. Neil trông thấy khung mái của chuồng gia súc phía xa, một khối bằng que diêm mở toang. Hẳn nhận ra rằng họ đang đi ra khỏi tầm nhìn của con đường.

“Tôi không thể ở lại,” hẳn nói.

Luke vẫn tiếp tục bước đi. Cậu ta chỉ vào cái ao và cái chuồng. Cậu ta nói gì đó về ông ngoại mình. Cậu ta dẫn Neil đi lên sườn đồi về phía một đồng gỗ đổ nát đã từng là một ngôi nhà. Họ dừng lại gần chiếc bánh xe bò vùi một nửa trong đất.

“Nó đây rồi,” Luke nói.

“Cái gì cơ?” Neil nói.

“Thứ tôi muốn chỉ cho anh.”

“Tôi không hiểu.”

“Rồi anh sẽ hiểu.”

Neil trông thấy một con ngài đậu trên bãi cỏ cạnh bánh xe và nhìn đôi cánh của nó đập lên đập xuống.

“Tôi đã đưa tiền cho cậu,” hăn nói. “Giờ tôi phải đi rồi.”

“Anh vẫn chưa đi được đâu,” Luke nói. “Và một khi đi rồi, anh sẽ quay trở lại thôi. Vào thứ Bảy tuần tới anh sẽ mang cho tôi thêm 500 đô nữa.”

Con ngài bay từ nhánh cỏ này sang nhánh cỏ kia.

“Tôi không thể,” Neil nói. “Cậu phải nhận ra rằng... tôi không có nhiều tiền đến vậy. Tôi không thể tiếp tục trả tiền cho cậu. Không phải từ tuần này sang tuần khác.”

“Anh vẫn sẽ làm thế. Tôi hiểu anh mà, K. Chúng ta giống nhau. Chấp nhận đi. Anh nghĩ tôi đang đe dọa anh, nhưng không phải. Tôi sẽ không bắt anh quay trở lại. Anh sẽ tự mình làm thế.”

Con ngài bay từ bãi cỏ lên vòng kim loại.

“Tại sao?” Neil hỏi.

Con ngài bay đi. Luke cúi xuống nắm lấy cái vòng, dùng sức nhấc nó lên và mặt đất cũng theo lên cùng nó.

“Rồi anh sẽ thấy,” cậu ta nói.

“Mình nên cảm thấy áy náy vì chuyện này,” Neil Pruett nói.

Nhưng không ai nghe thấy. Tim Megan đã ngừng đập. Hắn đưa tay chạm vào mũi tên cắm trên ngực cô ta. Nó không còn run rẩy nữa.

Một tia sét vụt lóe sáng ngoài trời. Trong con mắt của Neil, đó là một đường sáng mảnh hiện lên trong khe hở giữa hai tấm rèm cửa. Tiếng sấm rền vang lên 5 giây sau đó. Điều đó có nghĩa sét giáng xuống chỉ cách đây 1 dặm. Nguyên tắc Vật lý cơ bản: tốc độ âm thanh so với tốc độ ánh sáng.

Neil cầm lấy một ngọn nến và đi kiểm những thứ mình cần. Khăn giấy, chăn, kéo, dây bện. Hắn quay lại và trải chăn lên sàn. Hắn bắt đầu dịch chuyển Megan lên trên nó và nhận ra mũi tên sẽ gây ra phiền toái. Hắn bẻ gãy nó và để nguyên phần còn lại cắm bên trong cơ thể cô ta.

Hắn đẩy cô ta vào giữa tấm chăn. Dùng khăn giấy lau sạch máu trên sàn. Sét lại giáng khăn giấy thấm máu cùng mũi tên gãy vào chăn cùng Megan. Hắn cũng ném giày cô ta vào. Rồi cuộn tất cả lại với nhau và dùng dây bện buộc lại.

Hắn đưa tay chạm vào má Megan qua lớp chăn.

Và nói, “Nói lại anh chẳng giỏi việc gì xem nào.”

Hắn nên cảm thấy áy náy. Giống như với Sheila Cotton - và cả khoảng thời gian hắn cùng với Jana Fletcher trong căn phòng bằng gỗ trong trang trại trên đường Humaston.

Lúc ấy, hắn đã thấy hối tiếc. Hắn ước giá như có nhiều lần hơn.

Ngày thứ Bảy đầu tiên ấy, hắn đã dành một tiếng đồng hồ với cô ta. Khi hắn từ dưới hầm bước lên, bầu trời tươi sáng hơn bao giờ hết. Thế giới trở nên rõ ràng, sắc nét hơn.

Luke Daw đang đợi hắn.

“Thấy chưa?” Luke nói. “Tôi đã bảo mà.”

Neil không đáp.

“K, tôi thề đấy. Anh nên soi gương ngay đi. Để xem mình trông như thế nào khi hạnh phúc.”

Vẻ hài lòng tự mãn hiện lên trong giọng nói của Luke. Neil cố gắng không bận tâm.

“Cô ta là ai vậy?” hăn nói.

“Anh có thực sự muốn tôi nói không?”

Và Neil quyết định mình không muốn. “Nhưng làm sao cậu...”

“Điều đó không quan trọng, K.”

Neil ngắm đám mây trắng trên bầu trời quá đổi tươi sáng.

“Cô ta đã nhìn thấy mặt tôi,” hăn nói.

“Không phải lo,” Luke nói. “Với thứ mà tôi đã cho cô ta uống - cô ta sẽ chẳng nhớ được gì đâu.”

“Nhưng cô ta đã nhìn thẳng vào tôi.”

“Tin tôi đi. Đến khi nào anh mới chịu tin tôi?”

Luke bảo một tuần sau hăn có thể quay trở lại với 500 đô nữa. Neil không nghĩ mình có thể chờ được. Hăn đã dàn xếp để quay trở lại vào thứ Tư - và một lần nữa vào thứ Bảy.

Nhưng đến ngày thứ Bảy thứ hai kia, ngày 27 tháng 7, mọi thứ lệch hướng.

Tất cả là lỗi của Megan. Megan, người đã bám theo Gary tới khách sạn như một thám tử tư rẻ tiền và bắt quả tang anh ta với Angela Reese. Megan, người không thể giữ bí mật mà phải đi nói với Cathy. Cô ta nghĩ Cathy sẽ biết ơn mình sao? Bất cứ ai cũng có thể đoán được chuyện sẽ thành ra như thế nào.

Nhưng thẳng thắn mà nói, Neil đã không dự đoán được điều đó. Hăn không bao giờ nghĩ đến chuyện Cathy bám theo *mình*. Và sau đó, khi cố xác định động cơ của cô ta, hăn tin rằng cô ta làm thế để trả thù. Như thế muốn

nói rằng: *Cô theo dõi chồng tôi ư? Tốt thôi. Vậy tôi cũng sẽ đi theo dõi chồng cô.*

Neil chỉ có thể đoán được những gì Cathy hẳn sẽ nghĩ khi hẳn lái xe tới đường Humaston để gặp Luke Daw. Có lẽ cô ta nghĩ rằng mình đã vớ bở. *Neil có tình nhân đồng tính.*

Cô ta không nhận ra mình đang gặp nguy hiểm. Lúc đó mới hơn 5 giờ chiều, vẫn còn sáng. Liệu có thể có nguy hiểm gì?

Cô ta lái xe ngang qua toa xe moóc, đỗ xe bên lề đường. Quay trở lại và bám theo họ ở khoảng cách xa. Khi họ rẽ về phía ngôi nhà đổ nát, Cathy đi tới chuồng gia súc, nấp ở đó và quan sát.

Luke mở cánh cửa trên mặt đất và Neil đi xuống. Luke đợi bên trên - điều đó không phù hợp với giả thuyết tình nhân đồng tính kia. Vậy lúc ấy Cathy đã nghĩ gì? Cô ta có bắt đầu lo lắng không?

Cô ta sẽ an toàn khi nấp trong chuồng gia súc và khuất khỏi tầm nhìn. Nhưng cô ta có thể ở yên đó bao lâu? Cô ta sẽ muốn đi lại xung quanh, có lẽ để kiểm một chỗ nhìn tốt hơn. Có rất nhiều lỗ hổng trên bức tường chuồng gia súc.

Luke không nghe thấy tiếng cô ta di chuyển. Nhưng chim nhạn trong chuồng lại nghe thấy. Bốn con đã cất cánh bay qua mái nhà trống rỗng.

Và Luke đã nhìn thấy đám nhạn.

Neil không biết chuyện gì đang xảy ra. Nhưng sau khi xuống với Jana Fletcher được 10 phút, hẳn nghe thấy tiếng la hét ở phía trên. Giọng Luke quát lên, “K!”. Tiếng hét của một người phụ nữ.

Sau khi trèo lên cầu thang và bước ra dưới bầu trời rực sáng, hẳn nhìn thấy Luke Daw đang lôi Cathy từ chuồng gia súc ra và đẩy cô ta xuống đất. Luke cho tay vào túi quần rồi rút ra một con dao. Lưỡi dao gấp mở ra, ánh bạc dưới nắng. Cathy bò lê như một con cua.

Cô ta nhìn thấy Neil và cầu xin, “Cứu tôi với!”.

Luke nói, “Cái quái gì vậy, K? Làm sao cô ta tới được đây?”

Cô ta đứng dậy và bỏ chạy. Luke lao vào Cathy, đè ngửa cô ta ra. Cán dao cắm ngập vào bụng Cathy.

Mọi chuyện xảy ra nhanh đến nỗi Neil nghĩ hẳn đang bị chính đôi mắt của mình đánh lừa, cho đến khi cô ta hét lên.

Luke có vẻ sững sốt. Cậu ta buông con dao ra rồi quỳ gối, cúi người xuống cô ta. Cathy cố đẩy cậu ta ra. Khi cô ta bắt đầu hét lên một lần nữa, Neil đã có mặt ở đó. Hắn đưa tay bịt miệng Cathy.

Cô ta quẩn quại trên bãi cỏ, đánh vào cánh tay hắn. Luke rút con dao ra và giơ nó lên cho Neil thấy. Máu đỏ trên lưỡi dao bạc. Neil cầm lấy nó rồi quăng đi.

“Đè cô ta xuống,” hắn nói. Hắn dùng giọng điệu chỉ huy mà xuất hiện mỗi khi hắn cần kiểm soát một lớp học âm ỉ.

Luke nghe lời. Cậu ta nắm lấy cổ tay của Cathy, ghim chặt xuống đất.

Neil vẫn đặt một tay trên miệng Cathy nhưng như thế không đủ. Hai tay. Mắt cô ta mở to và đăm lẹ. Neil tránh không nhìn chúng, nhưng sau đó bị thu hút. Hắn tự hỏi mình trông như thế nào từ điểm nhìn của cô ta. Cô ta đang nhìn lên và thấy gương mặt lộn ngược của hắn.

Hắn ấn xuống mạnh hơn khi cô ta quẩn quại trên bãi cỏ. Đôi mắt vẫn còn sự sống. Cô ta vẫn đang thở. Hắn liền bỏ một tay ra và bóp chặt mũi cô ta. Cô ta quẩn quại tuyệt vọng hơn và suýt hất văng Luke Daw. Nhưng chỉ là tạm thời. Neil nhanh chóng đè xuống và Luke quay về vị trí. Cathy nhắm mắt lại. Nếu có một khoảnh khắc cô ta tắt thở, thì Neil đã bỏ lỡ mất nó. Hắn đang nghĩ quỳ trên đất thật khó chịu.

Hôm đó là ngày 27 tháng 7, năm 1996, nhiều tháng trước khi Neil Pruett quay trở lại trang trại.

Hắn đã để cho Luke xử lý cái xác. Chuyện đó là hợp lý. Neil là người dễ bị sờ tới hơn. Cathy là chị dâu của hắn nên khả năng hắn rơi vào diện tình nghi sẽ cao hơn.

Hắn nghĩ việc tin tưởng Luke có thể là cả vấn đề, nhưng khi cú sốc qua đi, Luke dường như lại trở về như cũ.

“Cứ để tôi, K. Tôi đã kiểm soát được tình hình.”

“Nếu cậu muốn, tôi có thể giúp.”

“Không. Tôi đã có tất cả sự giúp đỡ mình cần rồi.”

Cậu ta đang nói đến đứa em họ của mình, mặc dù lúc đó Neil không hề hay biết. Tháng Chín, khi hay tin về cái chết của Eli Daw, Neil mới bắt đầu ghép mọi thứ lại với nhau. Bản tin cho rằng chính Luke đã bắn chết Eli. Neil biết có thể còn một cách lý giải khác.

Hắn đợi tới tận tháng Mười một mới lái xe tới trang trại. Một ngày thứ Bảy sau lễ Tạ ơn, hắn trèo lên sườn đồi. Cánh cửa bí mật đã được bao phủ một lớp lá mùa thu. Hắn mở nó ra và đi xuống dưới cùng một chiếc đèn pin. Ánh sáng khiến tất cả đều nhốn nháo chạy vào góc tối. Neil chiếu nó vào những gì còn lại của khuôn mặt Luke Daw trong chốc lát.

Chính lúc đó hắn biết rằng Jana Fletcher đã thoát được ra ngoài - dù vào thời điểm ấy, hắn không biết tên cô ta. Chuyện đó không khiến hắn thấy lo lắng. Hắn nghĩ mình sẽ chẳng bao giờ gặp lại cô ta.

Hơn một năm sau, hắn gặp lại cô ta. Một ngày tuyết rơi tháng Ba. Thời điểm ấy, Gary đã bị kết án. Neil đã sát cánh cùng anh ta từ đầu đến cuối, đóng vai một đứa em trai trung thành. Hắn không có chút thương cảm chân thành nào dành cho Gary, nhưng thật là hữu ích khi giả vờ như vậy - chủ yếu bởi vì điều đó khiến Megan xa lánh hắn, mà hắn thì đã chán ngấy vợ mình. Hắn vui mừng khi có một cái cớ để rời bỏ Megan.

Vì vậy, vào ngày tháng Ba hôm đó, hắn đang sống trong ngôi nhà của Gary trên đường Bloomfield. Hắn đang xúc tuyết trước nhà. Tuyết lười biếng rơi. Jana bước đến gần hắn, ăn vận ấm áp trước tiết trời giá lạnh và muốn nói chuyện về Gary. Neil không nhận ra cô ta cho đến khi hắn mời cô ta vào trong nhà, cho tới khi cô ta cởi bỏ chiếc áo khoác mùa đông, mũ cùng khăn quàng.

Vào chính khoảnh khắc đó, tất cả bỏ rơi hẳn: hơi thở, giọng nói, thăng bằng. Hẳn suýt ngã ngựa nếu không có bàn đỡ. Tim hẳn hẳn đang đập dồn dập, nhưng lúc đó, hẳn nghĩ mình hoàn toàn không còn mạch đập. Mở phanh người hẳn ra và sẽ chẳng có gì bên trong.

Không hiểu làm thế nào hẳn qua được cuộc trò chuyện đầu tiên giữa họ - Jana đã nói với hẳn rằng cô ta hy vọng nhìn thấy Gary được trả lại tự do. Trong những tuần sau đó, cô ta quay trở lại hai lần, lần đầu để hỏi, lần hai để đảm bảo sẽ toàn tâm toàn ý lật lại vụ án. Neil tin rằng cô ta đang bày trò với hẳn. Cô ta biết hẳn. Cô ta biết sự thật. Nhưng rồi hẳn cho rằng mình đã lầm. Cô ta có nhìn thấy mặt hẳn thì cũng không sao. Luke đã đánh thuốc mê cô ta.

Một đêm tháng Tư nọ, Neil không thể ngủ được. Hẳn cứ nằm trên giường suy nghĩ về chuyện Gary ra tù, về chuyện cảnh sát sẽ điều tra lại vụ sát hại Cathy. Hẳn tự đẩy bản thân vào trạng thái bi quan và thuyết phục chính mình sớm hay muộn Jana cũng sẽ nhớ ra hẳn từng ở trong căn phòng bằng gỗ kia.

Hẳn không đau buồn. Hẳn tức giận. Hẳn đang biến thành kẻ thiện cận.

Hẳn lặn ra khỏi chăn và đi đến tủ quần áo trong phòng ngủ. Trên ngăn cao nhất là hộp giày phủ đầy bụi. Hẳn lấy nó xuống và mở ra. Không có gì bên trong ngoài vài chiếc túi rỗng có khóa kéo. Một kỷ vật của Sheila Cotton.

Cầm nó trong tay nhắc hẳn nhớ mình là ai.

Đó là đêm hẳn quyết định sẽ giết chết Jana Fletcher.

Megan đã đậu xe ngay trước cửa nhà.

Neil ngồi trên ghế lái và lắng nghe tiếng mưa rơi lộp độp trên tấm kính chắn gió. Quần áo hẳn ướt sũng. Những giọt nước mưa đọng lại trên túi xách của Megan. Hẳn mang nó theo và quăng nó lên ghế khách. Chìa khóa của cô ta cắm trong ổ. Thi thể thì nằm trong cốp xe.

Phần khó nhất chính là: chuyển thi thể từ trong nhà ra ô tô. Bóng tối đã trợ giúp hẳn. Cả phố Bloomfield đều mất điện nhưng có trăng tròn và sét.

Hắn chẳng thể làm gì văng trăng kia.

Nhưng hẳn đã khiến sét dừng lại.

Hắn đến trước cửa, sẵn sàng. Thi thể của Megan vắt trên vai hẳn. Và hẳn nghĩ về sét, buộc nó ngưng lại. Hẳn cũng nghĩ về hàng xóm xung quanh. Sẽ không có ai trên đường, nhưng có thể vẫn có người nhìn cơn bão qua cửa sổ. Hẳn tập trung. Hình dung ra cảnh họ quay đi.

Sau đó, hẳn ra khỏi cửa, bước xuống thềm hiên, hướng tới chiếc xe. Hẳn vứt cái xác vào bên trong, đóng cốp xe lại. Dễ dàng.

Giờ, Neil đang ngồi trên ghế lái và nhìn bầu trời sáng bừng lên. Hẳn đếm được 3 giây trước khi một tràng sấm vang lên.

Hắn biết mình nên làm gì. Chở Megan tới trang trại và đặt xác cô ta vào trong căn phòng bằng gỗ, nơi sẽ không có ai tới tìm cô ta. Nhưng hẳn không muốn.

Hắn có kế hoạch khác cho căn phòng bằng gỗ.

Nếu hẳn thả Megan xuống kênh giống như Jolene thì sao? Lần này, hẳn sẽ làm cho đúng. Buộc thêm vật nặng vào người cô ta. Sân sau nhà Gary có những viên gạch trang trí. Chúng sẽ có hiệu quả. Neil cần phải nghĩ ra cách buộc chúng vào cái bọc kia. Một vấn đề không mấy phức tạp. Hẳn biết mình có thể xử lý được.

Nhưng đó là một công việc buồn tẻ. Neil nhìn tấm kính chắn gió nhòe nước mưa. Sét lại lóe lên. Gió giật dữ dội. Hẳn hình dung đám hàng xóm co ro trong nhà họ, im re. Nhưng Neil lại cảm thấy tràn đầy năng lượng, như tia sét kia vậy. Đêm nay không phải là lúc để im re hay dành cho những công việc buồn tẻ.

Hắn siết chặt bàn tay phải thành nắm đấm và cảm nhận cơn đau từ vết bồng thuốc lá. Nó có bốn phận nhắc nhở hẳn nhắm tới những mục tiêu cao hơn.

Megan có thể đợi.

Hắn ra khỏi xe cô ta, vào xe của chính mình rồi lái đi.

Tất cả đèn giao thông trên đại lộ Erie đều đã tắt ngúm. Các đội ứng phó khẩn cấp đã đặt biển báo dừng tạm thời tại các ngã tư. Mưa đập vào chúng còn gió thì trực chờ thổi bay. Chúng tôi chậm chạp đi về phía đông tới phố Bloomfield.

Warren Finn im lặng kể từ lúc tôi nói cho anh ta về Neil Pruett. Nhưng khi chúng tôi dừng lại trước một biển báo - cần gạt nước tấp vào cơn mưa, một chiếc ô đi lạc bị thổi bay qua đường - thì anh ta lên tiếng.

“Chúng ta nên mang theo súng,” anh ta nói.

Ý anh ta muốn nói tới khẩu súng Makarov. Tôi có thể nghĩ ra hàng tá lý do tại sao chúng tôi không nên mang theo nó: Warren có thể sẽ rất hào hứng sử dụng nó. Neil Pruett có thể vô tội. Ngay cả khi chúng tôi có súng, thì việc dựa vào nó cũng quá ngu ngốc. Tôi chưa từng thử nên không biết nó có bắn được không.

Mặt khác, nếu Pruett có tội, vậy hắn cũng sẽ có súng - khẩu hắn lấy từ Simon Lanik. Cùng cặp với khẩu đang nằm trong ngăn kéo bàn của Jana.

“Chúng ta có thể lấy khẩu súng đó,” tôi nói với Warren, “nhưng tôi sẽ giữ nó.”

“Thế nào cũng được.”

Tôi rẽ về hướng bắc tại ngã tư tiếp theo và trở lại căn hộ của Jana.

25 phút sau, khi cuối cùng chúng tôi cũng đến được đường Bloomfield, thì một ánh chớp lóe lên thắp sáng cả bầu trời. Chúng tôi đi ngang qua ngôi nhà màu xanh nhạt, nơi có một chiếc xe đang đậu trên lề đường, nhưng không phải xe của Neil Pruett.

Lúc này đã là quá nửa đêm. Tôi đỗ xe tải cách dãy nhà một đoạn. Warren và tôi bình tĩnh bước qua mưa gió. Chúng tôi cầm đèn pin, còn tôi để súng

trong túi. Tôi cũng cầm theo một cây nhố đinh lấy từ thùng xe tải. Tôi mang theo cái nhố đinh vì lý do giống như mang theo cái súng: để phòng hờ.

Nhà cửa xung quanh tối om. Những ô cửa sổ trong những hốc mắt trống rỗng. Chúng tôi bước lên hiên ngôi nhà màu xanh nhạt, gõ cửa và chờ đợi. Gõ cửa lần nữa.

“Có lẽ anh ta đã ngủ rồi,” tôi nói.

Warren trông có vẻ nghi ngờ. “Anh nghĩ hẳn đang ngủ à?”

“Tôi nghĩ anh ta không có nhà.”

Warren lấy cái nhố đinh và tôi để yên. Anh ta nhét đầu cái nhố đinh vào khe cửa, trên ổ khóa một chút. Đẩy một cái thật mạnh là được.

Vào trong, chúng tôi liền bật đèn pin lên. Trên bàn có những cây nến mới được dập tắt không lâu. Bức nến cháy đen trời lên từ những vũng sáp lỏng. Tôi ra hiệu cho Warren giữ im lặng. Chúng tôi cùng nghe ngóng. Không có bất cứ thanh âm nào ngoài cơn bão.

Warren chiếu đèn lên tấm gương đặt dựa vào tường. Ánh sáng dịch chuyển dần lên cao và tìm thấy một loạt những lỗ nhỏ trên bức tường thạch cao được xếp thành ba hàng, tạo nên một chữ K.

“Thật bất thường,” anh ta nói.

Tôi chú ý đến cây cung đặt trên sofa. Hai chiếc ly trên bàn. Tôi gật đầu ra hiệu với Warren và chúng tôi đi quanh ngôi nhà, đèn pin rọi xuống sàn.

Phòng ăn. Bếp. Bát đĩa bẩn đầy tràn trong bồn rửa và chất kín trên bàn bếp. Chúng tôi lên gác. Ba phòng. Hai phòng bỏ không, một phòng dùng. Giường chưa trải. Quần áo vứt tùy tiện xung quanh. Tôi kiểm tra bên dưới những chiếc gối, dò dẫm phía dưới đệm, mở các ngăn kéo của chiếc bàn đầu giường và nghĩ mình có thể tìm thấy khẩu súng lục của Simon Lanik. Tôi không tìm thấy.

Cuối cùng, chúng tôi đi xuống tầng hầm. Đầy hộp và nội thất cũ. Một tủ đựng hồ sơ. Nhưng không có phòng tra tấn. Không có bằng chứng nào cho thấy một tên sát nhân đang sống trong căn nhà này.

Khi chúng tôi quay trở lên tầng trệt, Warren tách khỏi tôi. Tôi soi đèn xung quanh phòng khách và ngẫm nghĩ. Những ngọn nến trên bàn cho thấy chúng tôi đã lỡ mất Neil Pruett chỉ có mấy phút.

Chắc hẳn phải có lý do mới ra ngoài lúc ban đêm thế này.

Tôi bước vào bếp và thấy Warren đang sẫm soi các ngăn kéo cùng chạn bát.

“Anh đang để lại dấu vân tay đấy,” tôi nói.

Anh ta thở dài thườn thượt. Cầm lấy một cái khăn lau bát và chùi các tay nắm. Tôi nhìn quanh tìm kiếm một thứ gì đó có thể nói cho mình biết Pruett đã đi đâu.

Warren đã xong việc với chiếc khăn và ném nó lên lưng ghế. Ánh sáng từ chiếc đèn pin của anh ta chiếu qua mặt bàn bếp. Anh ta chiếu nó vào cửa tủ lạnh rồi chuyển qua thùng rác.

Tôi đứng cạnh bàn bếp và cảm thấy lòng bàn chân đau nhói. Cả vùng thắt lưng - nơi tôi bị bò húc. Tôi nghĩ mình đã cắt đuôi được con bò, nhưng giờ lại cảm thấy nó ở cách mình không xa lắm. Nó đang ở ngay đây, trong ngôi nhà này.

Warren để hé một ngăn kéo. Tôi rọi đèn vào trong và thấy ánh bạc: dao và đĩa. Cùng một thứ không phải bằng bạc.

Tôi kéo nó hẳn ra. Mang một chiếc hộp giấy nhỏ ra. Đổ hết mọi thứ bên trong ra bàn bếp.

Những que kem.

“Là hẳn,” tôi khẽ nói.

Warren không nghe thấy. Anh ta đang soi đèn vào thùng rác, rồi cho tay vào và lấy ra một tờ giấy. Một tờ hóa đơn.

“Hôm nay, Pruett đã tới một cửa hàng ngũ kim,” anh ta nói.

Con bò đang tới rất gần rồi. Tôi nhớ mình đã nói chuyện với Neil Pruett cuối buổi chiều hôm đó và nghe hẳn nhắc tới việc sử dụng xe tải của tôi để

làm việc vất. Chuyện đó như xảy ra từ kiếp trước.

“Hắn đã mua những gì?” tôi hỏi.

Warren đưa tờ hóa đơn cho tôi đọc.

Con bò đang lướt chớp sừng dọc theo xương sống tôi.

“Không,” tôi nói. “Tên khốn kiếp. Không, không, không.”

Bóng tối có ở khắp mọi nơi.

Neil Pruett bỏ giày ra.

Hắn có một chiếc đèn nhỏ như cây bút máy nhét vừa khít trong túi quần. Hắn bật nó lên và để chùm ánh sáng hẹp dẫn hắn đến thứ mình muốn. Hắn lắng nghe tiếng cơn bão bị bóp nghẹt và những vệt nước mưa chảy dài từ mái tóc, xuống hai thái dương tới cổ. Ánh sáng tìm thấy một dãy các ngăn kéo.

Ngăn đầu tiên hắn mở chứa băng dính. Băng dính trong. Băng giấy.

Băng dính to.

Đúng thứ hắn cần.

Hắn chiếu ánh sáng lên sàn nhà: gạch lát và thảm trải nhà màu trắng. Một tia sét lóe lên từ hai cánh cửa kính trượt. Tiếng sấm vang lên khi hắn đi qua phòng ngủ.

Hắn tắt đèn và đứng im lặng bên ngưỡng cửa.

Đôi mắt hắn dần quen với bóng tối. Hắn có thể nhìn ra hình dạng. Hình dáng chiếc giường. Chăn rơi xuống đất. Ga giường phủ lên một dáng người đang ngủ.

Hắn có thể nghe thấy tiếng thở của cô ta.

Chiếc giường cỡ lớn đủ rộng cho hai người, nhưng hiện cô ta đang ngủ có một mình và nằm ngay chính giữa. Neil vòng qua bên kia, đặt cuộn băng

dính trên tủ đầu giường. Hấn đặt đèn xuống, ngồi lên mép giường. Rút khẩu Makarov ra khỏi túi.

Sophie Emerson khẽ cựa quậy, lật người nằm ngửa ra và chạm phải tay hấn.

“Dave?” cô ta nói. Vẫn mơ màng.

Neil cầm lấy chiếc đèn và bật nó lên. Hấn muốn nhìn thấy cô ta bởi hấn chưa bao giờ ở gần thế này. Cô ta có làn da rất đẹp, giống Sheila Cotton, mái tóc màu hạt dẻ xoa mềm trên gối.

Cô ta nheo mắt nhìn ánh sáng. Nhanh chóng tỉnh dậy. Neil đặt lại chiếc đèn dựng đứng trên mặt bàn đầu giường, để ánh sáng chiếu thẳng lên trần nhà. Hấn dùng tay trái bịt miệng Sophie và gí họng súng Makarov vào trán cô ta.

“Tôi không phải là Dave,” hấn nói.

Sophie Emerson cố gắng hét lên.

“Đừng,” hấn nói.

Hấn nhìn cô ta dần nhận ra chuyện gì đang diễn ra. Cho cô ta cơ hội hiểu ra vấn đề.

“Cô đang muốn hỏi,” hấn nói. “Giờ không có thời gian, nhưng chúng ta sẽ nói chuyện sau.”

Hấn nhìn cô ta cân nhắc xem mình có nên chống cự hay đầu hàng. Hấn lùi khẩu súng lại vài phân để cô ta nhìn thấy nó rõ hơn. Để giúp cô ta đưa ra được quyết định.

“Sẽ ổn thôi,” hấn nói. “Tôi biết có một nơi chúng ta có thể tới.”

Chìa khóa.

Tôi vẫn giữ chìa khóa căn hộ cũ. Căn hộ của Sophie.

Warren Finn và tôi lái tới đó trong 5 phút. Tôi không mấy bận tâm đến những tấm biển dừng. Tôi phóng vào bãi đỗ trong cơn mưa như trút. Đèn

pha xe tải chỉ cho tôi thấy xe Sophie vẫn đang đỗ ở vị trí quen thuộc. Trái tim tôi thắt lại. Tôi đang hy vọng thấy chỗ đó trống trơn - hy vọng cô ấy đang có mặt tại bệnh viện.

Tôi nhớ mình nghe được tiếng rít của phanh ước và vệt chạy xuyên qua màn mưa. Warren chạy theo sau. Tôi nhớ mình đã tới cửa chung cư và dùng chìa mở ra. Sau đó lao vào hành lang và phóng lên cầu thang, ánh sáng từ đèn pin điên cuồng nhảy nhót trên các bức tường. Rồi thêm một chiếc chìa khóa nữa giúp chúng tôi vào được bên trong căn hộ.

Tĩnh lặng bất thường. Không có gì bất ổn. Nhưng dưới ánh đèn nhảy nhót, tất cả mọi thứ đều trông có vẻ không đúng. Tôi phá vỡ sự yên tĩnh bằng cách gọi tên Sophie. Không có tiếng trả lời.

Tôi chạy vào phòng ngủ. Ga trải giường màu trắng. Giường trống trơn, vẫn không có gì bất ổn, ngoại trừ cái chụp đèn bị xô dịch. Như thể nó đã bị hất đổ rồi được đặt trở lại một cách cầu thả.

Và một thứ khác nữa: cặp kính mắt mèo của Sophie đang nằm trên sàn nhà.

“Hắn đã bắt cô ấy rồi,” tôi nói.

Warren đến chỗ tôi. “Anh chắc không?”

Tôi soi chiếc đèn của mình vào cặp kính. “Cô ấy sẽ không bỏ nó lại.”

Pruett đã bắt được cô ấy và tôi chính là người giao cô ấy cho hắn. Tôi đã cho hắn vào nhà. Tôi đã đưa cho hắn chìa khóa xe tải của mình chiều hôm đó - tất cả chìa khóa mà tôi có bởi vì chúng được móc chung vào một chùm. Và hắn đã mang chúng đến cửa hàng ngũ kim để đánh một chùm y hệt.

“Hắn đã bước thẳng vào đây,” tôi nói, “Cô ấy không bao giờ có cơ hội.”

Warren nhặt chiếc kính lên. “Cô ấy sẽ muốn nó khi được chúng ta tìm thấy.”

Tôi rút di động ra, nhưng không thấy có sóng. Cơn bão. Tôi vẫn nhấn 911 và quan sát màn hình. *Đang kết nối*, nó cho biết. Nhưng rồi sau đó: *Cuộc gọi thất bại*.

Warren phát hiện ra chiếc điện thoại cố định trên mặt bàn và nhắc ống nghe lên. Tôi nhìn anh ta áp nó vào tai và lắc đầu. Không có âm thanh.

“Chỉ còn chúng ta thôi,” anh ta nói. “Hắn sẽ đưa cô ấy đi đâu? Về nhà hắn ư?”

Không, tôi nghĩ. Còn có hàng xóm. Tại sao lại phải mạo hiểm? Nhất là khi biết một nơi tốt hơn. Một nhà tù đã được xây dựng sẵn.

“Trang trại,” tôi nói.

Tối đen như mực.

Sophie Emerson lắng nghe tiếng mưa rơi lộp độp trên nóc cùng tiếng lốp xe kêu kin kít trên mặt đường.

Hắn dùng băng dính trói cổ tay cô quặt lại sau lưng. Kẻ bắt giữ cô. Cô không biết tên hắn. Hắn cũng dán băng dính lên miệng cô, nhưng chân cô thì không. Hắn dẫn cô đi xuống cầu thang tắm tối, ra khỏi tòa nhà - chẳng có gì ngoài bộ đồng phục phẫu thuật cô mặc lúc đi ngủ, không có giày - và ép cô chui vào cốp xe của hắn.

Không một bóng người trên cầu thang, trong hành lang hay ở bên ngoài. Không ai nhìn thấy.

Cô nằm nghiêng và vặn hai cánh tay cố thoát khỏi dải băng dính. Vặn cho đến khi chúng trở nên đau đớn.

Băng dính vẫn giữ chặt.

Chiếc xe bắt đầu chạy chậm lại. Sophie nằm ngửa ra và lấy chân trần đẩy cốp xe lên. Nó không nhúc nhích. Chiếc xe tăng tốc lần nữa.

Cô thở hỗn hển bằng mũi. Âm thanh phiền toái. Cô không thích nó. Không khí thật ngọt ngào và cốp xe có mùi hóa chất chống đông còn dư lẫn với mùi dầu máy. Cô nghĩ mình sắp bất tỉnh. Một ý nghĩ tồi tệ.

Nhưng hơi thở là thứ cô vẫn có thể kiểm soát được.

Cô lại chuyển sang nằm nghiêng. Sàn ghế xe có mùi thảm ướt. Không tệ lắm. Cô tập trung vào nhịp thở của mình. Cảm thấy nó chậm lại.

Khi đã kiểm soát được nó, cô lại tiếp tục công việc với miếng băng dính trên miệng. Cô chà xát vào tấm thảm. Cố bóc nó ra.

Chúng tôi cho xe tăng tốc về phía tây trên đại lộ Erie và lao vào cơn gió. Đèn giao thông vẫn còn tối đen. Tất cả các ngã tư đều phải dừng lại ở các hướng. Tôi bóp còi xe khi lao qua.

Chúng tôi vượt qua một chiếc xe Van nhỏ đang đi rất chậm và để lại một vệt khói mù. Warren Finn nhìn con đường phía trước và đặt một bàn tay lên trên bảng đồng hồ. Chiếc xe Van nhỏ nháy đèn pha đầy tức giận.

Đi thêm nửa dặm nữa, xe chúng tôi đâm vào một vũng nước lan ra cả hai bên làn đường. Vũng nước tối đen sôi sục trong mưa. Chiếc xe tải bị trượt bánh, xoay 180 độ, 360 độ và bay lên lề đường bãi đậu xe của một cửa hàng tiện lợi. Tôi nhìn chiếc xe lao thẳng đến ô cửa kính đôi. Tôi xoay cái vô lăng chậm chạp và đạp phanh thật mạnh.

Đầu xe tải quật mạnh sang bên trái. Đuôi xe quay ngoắt lại, va vào cửa kính.

Gió mất hút và mưa ngưng lại trong không khí, chẳng còn lại gì ngoài chiếc xe tải đang nhẹ nhàng rung lắc từ bên này sang bên kia. Vài giây dài đằng đằng trôi qua. Warren Finn rút tay ra khỏi bảng đồng hồ và xoay người qua lại trên ghế để xem thiệt hại.

“Anh giỏi thật,” anh ta nói.

Chiếc xe tải vẫn còn rung lắc và tôi cũng đang đung đưa theo nó. Trái phải, trái phải. Chiếc xe Van nhỏ - với ánh đèn pha đầy tức giận lúc trước - tấp vào bãi đỗ. Gã tài xế trèo ra. Tôi nghĩ ông ta có vẻ đang lo lắng.

“Đến lúc đi rồi,” Warren nói.

Anh ta có vẻ tự tin, nhanh nhẹn và bình tĩnh. Tôi quyết định làm theo lời khuyên của anh ta.

Nhưng khi tôi nhấn chân ga, không có gì xảy ra cả.

“Nó bị kẹt rồi,” Warren nói.

Tôi nhấn chân ga thêm nữa. Gã tài xế lái chiếc xe Van nhỏ đang tiến đến gần hơn.

Warren chuyển xe tải sang trạng thái dừng rồi với tay qua xoay chìa khóa trong ổ. Động cơ xe gầm lên đầy sống động. Gã tài xế kia đứng khựng lại.

Một giọng nói cất lên, “Đi thôi.” Lại là Warren.

Thế giới cũng nhanh chóng hồi sinh giống như động cơ xe. Gió thổi và mưa rơi.

Tôi vào số và nhấn ga.

Sophie cảm nhận từng khúc cua trên đường, từng vết nứt và ổ gà. Cô biết thời điểm xe dạt ra vệ đường, cũng như lúc nó di chuyển lên đường sỏi. Cô cảm nhận tiếng nó dừng lại.

Động cơ tắt. Một cánh cửa xe mở ra rồi đóng lại. Tiếng bước chân. Chiếc khóa mở cốp xe.

Neil Pruett nhấc nắp cốp xe lên và đón nhận một chuyển động đột ngột - cô gái giơ cả hai chân ra đá vào hần. Một bên gót chân cô ta đập trúng vết bóng trên bàn tay phải cũng là tay cầm súng của hần. Khẩu súng Makarov văng đi.

Hần quay người tìm kiếm nó trong bóng tối, trượt chân trên thảm cỏ ướt và ngã. Một tia sét lóe lên soi rõ vị trí khẩu súng đang nằm ngoài tầm với. Hần nhào người với lấy nó.

Khi quay lại, hần thấy cô gái đã ra khỏi cốp và đứng lên. Miếng băng dính đã rơi ra khỏi miệng, nhưng đôi tay cô ta vẫn bị trói sau lưng. Cô ta bước về phía hần và tung một cú đá vào mặt hần.

Hắn xoay người đỡ cú đá bằng vai, dùng đầu gối và khuỷu tay để lăn đi tránh cô ta, rồi lật người nằm ngửa và giơ súng lên. Cô ta đá văng nó đi lần nữa, nhưng cú đá khiến cô ta mất thăng bằng. Hắn nắm lấy mắt cá chân của cô ta và kéo.

Cô ta ngã xuống đất cùng với hắn. Một tia sét xé toạc bầu trời. Neil phát hiện ra khẩu súng đang nằm trên một nhúm cỏ ướt giữa bãi sỏi. Cô gái kia cũng trông thấy nó.

Cô ta cố lăn về phía nó. Hắn đã tới trước. Cô ta giơ chân đá khi hắn nhấc nó lên. Khi hắn đứng dậy, cô ta vẫn tiếp tục đá. Hắn chĩa khẩu súng vào đầu cô ta, dịch qua vài phân và bóp cò. Viên đạn bắn tung sương và bùn dưới đất.

Cô gái thôi không đá nữa mà bật khóc tuyệt vọng.

Nhưng gió cuốn nó đi.

Khi chúng tôi vòng vào một khúc cua trên đường Humaston thì cơn bão liệng một nhánh cây vào đường đi của chúng tôi. Tôi lái xe cán ngang qua khiến nó mắc vào một cái gì đó bên dưới gầm xe tải. Chúng tôi kéo nó theo suốt chặng đường ra tới toa xe moóc của Luke Daw.

Tôi dừng lại trên con đường sỏi và lại cảm thấy sừng con bò đang lướt dọc theo sống lưng mình. Tôi không nhìn thấy xe của Neil Pruett. Tôi nghĩ mình đã nhầm, hắn đã đưa Sophie tới một chỗ khác.

Warren Finn cầm đèn pin bước ra khỏi xe. Tôi theo sau. Anh ta chui vào trong xe moóc rồi lát sau quay ra và lắc đầu. Tôi bật đèn pin của mình, cảm nhận sức nặng của khẩu Makarov trong túi quần và nhịp điệu của mưa rơi lên cổ. Chúng tôi đi vòng ra sau toa xe moóc và thấy xe Pruett đang ở đó. Một chiếc sedan tối màu.

Trong xe không có ai. Cũng chẳng có cách nào phân biệt được những dấu chân trên sỏi. Nhưng chúng tôi biết nơi chắc chắn họ đã tới. Chỉ có một nơi duy nhất mà thôi.

Chúng tôi tìm thấy lối mòn và đi theo nó xuyên qua hàng cây.

Mặt trăng tròn giấu mình sau những đám mây phía bên trên chuồng gia súc: ánh sáng mờ ảo yếu ớt.

Ánh sáng soi đường cho Neil Pruett lên sườn đồi. Hắn kéo cô gái lên cùng. Khi tới được căn nhà và chiếc bánh xe, hắn nhét khẩu súng vào túi quần và lấy chiếc đèn ra. Hắn dùng nó chiếu xuống mặt đất cho đến khi tìm thấy chiếc vòng sắt.

Hắn xô cô ta quỳ xuống, rồi kéo cánh cửa nặng nề lên. Hắn để nó tựa vào cái bánh xe và chiếu đèn xuống. Nhìn những bậc thang quen thuộc dẫn xuống phía dưới. Thấy một thứ không đúng: bùn đất trên bậc thang. Dấu giày.

Ai đó đã ở đây. Căn phòng bằng gỗ đã không còn bí mật nữa.

“Tôi không đời nào xuống đó đâu,” cô gái nói.

Neil tắt đèn.

“Anh bắn tôi đi,” cô ta nói.

Hắn đối đèn bằng súng. Gí họng súng vào đỉnh đầu cô ta.

“Suyt,” hắn nói. “Tôi đang suy nghĩ.”

Kế hoạch thay đổi. Hắn không thể sử dụng căn phòng gỗ. Hắn sẽ quay trở lại xe. Mang cô ta đến nhà Gary.

Khi hắn kéo cô ta đứng dậy và sét giáng xuống. Rất gần. Ngay bên kia ao nước. Tiếng sấm làm hắn giật mình.

Đôi mắt hắn dần thích nghi sau đợt sấm sét. Hắn nhìn ra ao - một bể nước xám giữa cánh đồng tối màu hơn. Hắn chớp mắt.

Có hai đốm sáng đang tiến lên đồi.

Mới đầu, tôi chỉ nhìn thấy họ như là những chiếc bóng: hai hình dạng gì đó trên đỉnh đồi. Thế rồi sét chiếu sáng bầu trời và tôi nhìn rõ họ: Neil Pruett đang nắm cánh tay của Sophie, còn tay kia cầm khẩu Makarov.

Bầu trời lại trở về tối tăm. Tôi và Warren cùng chạy lên đồi, ánh đèn pin rung lên trên mặt đất gồ ghề.

Một phát súng vang lên.

Tôi vứt chiếc đèn đi và rút khẩu súng từ trong túi quần ra. Những hạt mưa rơi nghiêng trong không khí. Tôi nhìn thấy nhờ ánh sáng tỏa ra từ chiếc đèn pin của Warren.

“Tắt nó đi,” tôi nói với anh ta.

Quá muộn.

Phát súng thứ hai cắt xuyên qua màn đêm và tôi nằm xuống đất.

Warren cũng thế.

Chiếc đèn pin của anh ta lăn trên nền cỏ ướt đẫm. Tôi bò tới chỗ nó và tắt công tắc. Ánh sáng biến mất.

Phát súng thứ ba lại vang lên từ phía trên đỉnh đồi. Tôi giơ súng lên, nhắm vu vơ và bắn hai phát. Tôi không muốn mạo hiểm bắn trúng Sophie. Tiếng súng nổ vang. Mắt tôi nhắm lại theo phản xạ. Đến khi mở mắt ra lần nữa, tôi nhìn thấy hai cái bóng đang chạy - một cái kéo theo cái còn lại - hướng thẳng về phía chuồng gia súc.

Tôi đi tới chỗ Warren. Anh ta đang nằm sấp. Tôi lắc vai anh ta và nghe tiếng anh ta rên rỉ. Tôi lật ngửa anh ta ra.

Ngay cả trong bóng tối, tôi vẫn có thể nhìn thấy máu đang thấm ra chiếc sơ mi trắng của anh ta.

Neil Pruett đưa cô gái kia ra tới cuối chuồng gia súc. Cánh cửa mở rộng. Hắn kéo cô ta vào bên trong. Mưa vẫn trút trên người họ qua mái nhà trống hoác. Nhưng gió bị các bức tường hầu như chặn đứng.

Hắn vẫn có thể thoát ra khỏi nơi này.

Hắn chỉ cần ra tới được ô tô. Sẽ không có gì cản trở hắn ngoại trừ hai gã đàn ông trên sườn đồi - và hắn chắc chắn rằng mình đã bắn trúng một tên.

Chúng không phải cảnh sát. Nếu phát hiện ra căn phòng bằng gỗ kia, thì cảnh sát đã kéo đến cả đám, chứ không chỉ có hai người.

Không, cảnh sát chẳng biết về trang trại này. Nhưng David Malone thì biết. Malone đã từng tới đây. Vậy gã chính là kẻ hắn đang phải đương đầu: Malone và bạn gã. Một trong hai đã trúng đạn.

Những giọt nước mưa chảy từ mái tóc xuống khuôn mặt Neil. Hắn lau đi bằng một bên tay áo ẩm ướt. Cô gái đang nói chuyện với hắn. Cô ta làm nhảm bằng giọng đều đều và kiên nhẫn, giọng điệu người ta vẫn dùng để nói với người nước ngoài. Hắn nghe câu được câu mất. Căn bản là cô ta muốn hắn thả mình. Cô ta có tiền và cha mẹ cô ta cũng vậy. Họ sẽ trả tiền nếu hắn thả cô ta đi.

Neil giơ súng và chĩa nó vào mũi cô ta.

“Suyt,” hắn nói.

Hắn liếc thấy có sự chuyển động ở đầu kia chuồng gia súc. Có người đã bước qua cửa - một hình dáng tối đen trên nền trời xám xịt.

“Sophie?” tôi cất tiếng gọi.

Giọng cô ấy run run. “Dave?”

Mưa ngớt dần đi. Tôi vẫn nghe thấy tiếng mưa rơi trên nền đất đầy bùn của chuồng. Nó truyền những gợn sóng lẫn lẫn lan tỏa ra vũng nước giữa chúng tôi. Tôi có thể nhìn thấy những gợn sóng trong ánh trăng: những vòng tròn đồng tâm tỏa rộng ra, hòa lẫn vào những vòng tròn khác.

“Có hắn ở đó không?” tôi hỏi Sophie.

“Hắn đang ở đây,” cô ấy nói. “Hắn đang chĩa súng vào mặt em.”

“Phải, tao đây,” Neil Pruett nói.

“Em nghĩ hắn điên rồi,” Sophie nói.

“Anh biết,” tôi đáp.

“Bỏ súng xuống,” Pruett nói.

Tôi nhìn những gợn sóng. Tôi không làm theo lời hăn. Tôi không định làm theo bất cứ điều gì hăn bảo.

“Cảnh sát đang trên đường tới đây, Neil.”

Không có tiếng trả lời. Lúc đầu thì không. Tôi nghe thấy chuyển động từ phía bên kia chuồng gia súc và một tiếng thở gấp từ Sophie. Tôi có thể tưởng tượng những gì Pruett đang làm: đẩy cô ấy ra trước làm lá chắn.

“Mày đang nói dối,” hăn nói.

“Anh nói đúng. Tôi đang nói dối. Nhưng Warren Finn - người bị anh bắn - vẫn chưa chết. Anh chỉ bắn trúng cánh tay anh ta thôi. Tôi đã bảo anh ta đi báo cảnh sát. Họ vẫn chưa trên đường tới nhưng sắp rồi.”

“Mày đang nói dối,” Pruett nhắc lại.

Tôi nghĩ mình có thể trông thấy hăn ở phía bên kia. Hăn đang đứng gần ngưỡng cửa cách tôi tầm 20 mét.

Tôi đứng xoay người sang một bên, đầu quay về phía hăn, cố gắng tránh biến mình thành mục tiêu ngắm bắn hết sức có thể. Tôi duỗi thẳng cánh tay cầm súng phía trước mặt.

“Lúc này, chắc Warren đã ra tới xe tải của tôi rồi,” tôi nói. “Anh ta sẽ tìm cảnh sát và mang họ tới đây. Anh chẳng làm gì được đâu.”

“Họ sẽ không tới kịp cứu mày đâu,” Pruett nói.

Tôi nhún vai. “Không quan trọng. Không phải với anh. Anh ta sẽ kể hết cho họ về anh. Họ sẽ lần tìm anh. Tôi đang cho anh cơ hội để trốn thoát. Đi trước một bước. Thả Sophie ra đi.”

Yên lặng. Chỉ còn tiếng mưa rơi tí tách trên vũng nước.

“Nếu tao muốn giữ cô ta thì sao?” Pruett hỏi.

“Tôi không đề nghị như thế.”

Pruett bước vào ngưỡng cửa, kéo Sophie theo cùng. Cô ấy kêu lên khe khẽ. Tôi có thể nhận ra hình dáng của họ. Hắn đang gí súng vào thái dương cô ấy.

“Đây là đề nghị của *tao*,” hắn nói. “Bỏ súng xuống hoặc tao giết cô ta ngay bây giờ.”

Neil Pruett thúc họng súng Makarov vào đầu cô gái.

“Ngay bây giờ,” hắn lặp lại.

Malone không nhúc nhích. “Anh đang phạm sai lầm đấy, Neil.” gã nói.

“Tao sẽ giết cô ta.”

Không có gì xảy ra. Nhưng rồi Malone hạ tay xuống. Khẩu súng của gã rơi xuống bùn.

“Giờ thì đá nó đi.”

Malone làm theo. Nó rơi vào vũng nước.

“Giờ xoay người lại và đặt hai tay lên đầu.”

Tôi không quay lại, cũng chẳng đặt hai tay lên đầu.

Nếu Pruett muốn bắn tôi, hắn có thể bắn từ đằng trước, chẳng cần phía sau.

Tôi cách hắn tầm 20 mét. Hắn là giáo viên, chứ không phải quân nhân. Cũng không phải một tay thiện xạ. Hắn bắn trúng Warren nhưng chỉ là tình cờ, ăn may. Tôi không nghĩ hắn có thể bắn trúng mình.

Hình như hắn cũng nghĩ thế. Hắn tiến gần hơn vài bước, đẩy Sophie đi ở phía trước. Hắn bỏ súng khỏi đầu cô ấy và chìa vào tôi.

Cô ấy huých đầu vào cằm hắn và chạy đi.

Tôi nhanh chóng cho tay ra sau và rút nó ra.

Neil Pruett bắn tôi. Bốn phát liền. Phát đầu tiên lướt qua tay áo tôi như một con ong. Tôi không cảm thấy ba phát kia.

Tôi không bắn hẳn. Tôi không cầm súng. Tôi còn không có di động vì tôi đã vứt nó xuống bùn và đá vào vũng nước.

Pruett hạ khẩu súng Makarov hết đạn của mình xuống rồi quay lưng bỏ chạy. Warren Finn gặp hẳn ở cửa và bắn vào bụng hẳn bằng khẩu Makarov thứ hai.

Nhiều tuần đã trôi qua trước khi họ tìm thấy thi thể của Neil Pruett.

Cơn bão đã qua đi trước rạng sáng thứ Bảy và đến tối Chủ nhật thì toàn thành phố đã có điện, vẫn còn rất nhiều thứ phải dọn dẹp. Mái nhà cần sửa chữa. Tôi làm bản thân bận rộn.

Khi Megan Pruett không tới trường vào thứ Hai và cũng không gọi điện báo nghỉ, một số đồng nghiệp đã cảm thấy lo lắng. Hai người đã lái xe tới nhà cô ta vào thứ Ba nhưng không có ai. Họ cố gọi điện cho chồng cô ta song cũng không thấy trả lời. Cuối cùng, họ lái xe tới ngôi nhà trên phố Bloomfield và thấy xe cô ta đậu đằng trước. Họ bước lên hiên nhà, đi qua cánh cửa bị hỏng vào bên trong và nhìn thấy chữ K trên tường. Họ gọi cảnh sát.

Cảnh sát đã tìm thấy thi thể của Megan trong cốp xe cô ta. Chết vì bị cung tên bắn.

Đó là khi họ bắt đầu tìm kiếm chồng cô ta.

Cuộc săn tìm Neil Pruett mở đầu bằng một bản tin được thông báo rộng rãi trên toàn tiểu bang và nhanh chóng lan ra khắp cả vùng đông bắc. Có báo án ở tận Harrisburg, Pennsylvania, Bangor và Maine. Một người phụ nữ đã thề rằng cô ta từng trông thấy hắn đang vượt biên sang Canada ở thác Niagara.

Mọi người thường nhìn thấy những gì họ muốn và có đây những người đàn ông tầm 40, mặt mũi phổ thông và tóc vàng.

Cảnh sát đã được nghỉ ngơi vào tháng Bảy khi một viên cảnh sát nghỉ hưu cùng vợ đỗ lại bên đường Humaston để tìm mâm xôi dại. Viên cảnh sát có theo dõi vụ án và đã nhận ra chiếc xe của Pruett khi phát hiện nó đang đỗ phía sau toa xe moóc của Luke Daw.

Ba ngày sau đó, cảnh sát Rome đã tìm thấy Pruett nhờ sự giúp sức của một chú chó chuyên tìm kiếm tử thi mượn từ cảnh sát trưởng của hạt. Họ

phát hiện ra hãn trong căn phòng dưới lòng đất của Luke. Ngay chỗ tôi đã đặt hãn.

Đêm có bão. Warren mặc chiếc áo đầm máu, đứng bên cạnh Neil Pruett với khẩu Makarov. Sophie chạy về phía tôi. Tôi lội qua vũng nước, ôm lấy cô ấy và hỏi cô ấy có bị thương không, nói rằng tôi xin lỗi.

Tôi dùng dao bỏ túi cắt băng dính trói cổ tay cô ấy.

Tôi quay lại và thấy Warren bắn một phát nữa vào bụng Pruett. Tiếng sấm vang rền át đi tiếng hét của Pruett. Warren chĩa súng vào đầu Pruett và bóp cò lần nữa.

Nhưng chẳng có gì xảy ra.

Warren không bối rối. Anh ta bước sang bên phải Pruett và giẫm mạnh gót giày lên tay hãn. Anh ta cũng làm thế ở bên trái. Anh ta rút đèn pin ra khỏi túi quần sau và dùng nó đập vỡ mũi Pruett. Không có tiếng sấm vang lên che đậy những tiếng hét.

Chúng tôi đi tới chỗ anh ta. Tôi lấy khẩu súng đi - thật nhẹ nhàng - và bật chốt an toàn. Anh ta đưa chân đá vào bên cổ Pruett.

“Đủ rồi,” tôi nói.

Warren co chân lại định bồi thêm một cú đá nữa, nhưng hành động đó lại khiến anh ta loạng choạng. Tôi đỡ và giúp anh ta ngồi xuống đất.

“Tôi ổn,” anh ta nói.

Tôi mở áo anh ta ra. Viên đạn đã găm trúng vào vai. Chúng tôi nhìn vết thương dưới ánh đèn pin của anh ta. Sophie cúi xuống và nheo mắt. Tôi nhớ ra chiếc kính của cô ấy vẫn đang nằm trong túi quần Warren. Tôi đưa nó cho cô ấy.

“Anh ấy cần phải tới bệnh viện,” cô ấy nói.

“Không bệnh viện gì hết,” Warren đáp.

Neil Pruett cố gắng ngồi dậy. Tôi đẩy hãn xuống.

“Tôi không sao,” Warren nói.

Anh ta trông rất ổn.

“Em chở anh ta về căn hộ thì sao?” tôi hỏi Sophie. “Em chữa cho anh ta được không?”

“Không,” anh ta nói.

“Chắc được,” Sophie nói.

Tôi đưa cô ấy chìa khóa xe của mình. “Xe tải đỗ ngay cạnh toa xe moóc. Lúc nào được thì quay lại đón anh.”

“Tôi sẽ không đi,” Warren nói và hất cằm về phía Pruett. “Nhất là khi hăn vẫn còn sống.”

Tôi quỳ gối xuống để có thể nhìn vào mắt Warren.

“Tôi sẽ lo liệu hăn,” tôi nói. “Tôi hứa với anh đấy.”

Tôi đứng cạnh chuồng gia súc và nhìn Sophie dẫn Warren xuống đồi. Tôi theo dõi hành trình của họ dưới ánh trăng và những tia sét. Warren vẫn ổn. Anh ta đứng vững.

Khi quay trở lại với Neil Pruett, tôi thấy hăn đang đứng, cố gắng đặt ngón tay gãy lên cò khẩu súng rồng đạn của hăn. Tôi chộp lấy nó.

“Thôi đi,” tôi nói và nắm lấy cánh tay hăn. “Chúng ta vẫn chưa xong việc đâu.”

Tôi dẫn hăn đi về phía căn nhà, và khi hăn loạng choạng, tôi đỡ hăn. Cánh cửa trên mặt đất vẫn đang mở. Pruett không muốn xuống, nhưng tôi không cho hăn quyền lựa chọn.

Tôi bật đèn pin của Warren lên. Cầu thang đã ướt sũng vì mưa. Nửa chừng, Pruett trượt chân. Hay là giả vờ trượt. Hăn ngã đè vào tôi. Có lẽ hăn đang cố gắng xô tôi ngã. Tôi né được và đẩy hăn. Hăn ngã xuống nốt đoạn cầu thang còn lại. Tôi e là hăn đã ngã rất mạnh. Hăn gãy xương mác, một phần xương cẳng chân.

Nó chọc qua da và xé toạc ống quần bên trái của hắn. Tôi có thể nhìn thấy nó nhô ra, giống như đầu một ngọn giáo bị gãy.

Hắn rút lên.

Tôi kéo hắn vào phòng.

Hắn đã bất tỉnh và tôi được giải thoát khỏi ồn ào. Tôi đặt hắn nằm ngửa trên tấm đệm và vòng sợi xích vào cổ hắn. Tôi khóa lại và rút chìa.

Tôi xé gấu áo của mình và dùng nó lau sạch dấu vân tay trên cả sợi xích lẫn ổ khóa.

Pruett tỉnh dậy. Choáng váng. Hắn đưa bàn tay sưng vù lên chạm vào những mắt xích.

“Anh không thể bỏ tôi ở đây được,” hắn nói.

Tôi đi vòng quanh căn phòng tìm kiếm những mảnh xương của Luke Daw, những mảnh lớn mà có lẽ Warren đã chạm vào, rồi lau sạch.

Pruett đưa tay chạm vào chiếc mũi gãy của mình và rên rỉ. Hắn lần tay dọc theo chân trái cho đến khi chạm vào phần xương gãy.

“Đừng chạm vào,” tôi nói. “Người ta gọi đó là vết thương hở. Rất dễ nhiễm trùng.”

Hắn đặt tay lên bụng và nó dính đầy máu. Hắn giơ tay lên nhìn cho rõ.

“Thật tệ.”

“Tôi biết rằng có vẻ là như vậy.”

“Tôi cần được giúp đỡ.”

“Có lẽ anh sẽ vượt qua được.”

Tôi tìm thấy ví và giấy phép của Luke Daw rồi lau sạch.

“Anh phải đưa tôi ra khỏi đây,” Pruett nói.

Tôi đi tới đứng cạnh hắn. “Có lẽ anh sẽ tự thoát được.”

“Vết thương rất nghiêm trọng.”

Tôi vẫn còn giữ đồng 25 xu của Jana và đưa cho hắn xem. “Cô ấy đã thoát ra chỉ với mỗi thứ này,” tôi nói. “Vậy nên chúng ta biết chuyện đó có thể thực hiện được.” Tôi cất đồng xu đi. “Anh còn đồng tiền lẻ nào trong túi không, Neil?”

Hắn không trả lời mà giữ im lặng một lúc. Tôi tiếp tục lau xương của Luke. 5 phút, có lẽ là 10 phút trôi qua. Tôi nghe tiếng Pruett thở khó nhọc. Tôi rọi đèn. Hắn đang cố ngồi dậy.

Hắn kiệt sức và lại ngã xuống.

“Chết thế này thật tàn nhẫn,” hắn nói.

“Tôi biết.”

“Anh không cần phải làm thế này,” hắn nói. “Anh có thể bắn tôi.”

Tôi để hai khẩu Makarov trong túi. Tôi đặt đèn pin xuống đất rồi lấy chúng ra.

“Những khẩu súng này chỉ là đồ vứt đi,” tôi nói. “Chúng là đồ giả. Không ngờ chúng lại hoạt động.”

“Làm đi. Hãy bắn tôi.”

“Tôi không muốn lắm.”

Neil Pruett vất vả ngồi dậy. Hắn gượng dậy bằng khuỷu tay.

“Tôi sẽ kể cho anh nghe một chuyện về Jana,” hắn nói.

Tôi nhét lại khẩu Makarov hết đạn vào túi. Giữ khẩu còn lại trong tay.

“Cô ta đã nhớ ra tôi,” Pruett nói, “khi tôi đè cô ta xuống.”

Hắn duỗi thẳng cánh tay và đẩy người lên.

“Cô ta đã nhớ ra tôi,” hắn nói, “tôi chưa từng trông thấy ai sợ hãi đến vậy.”

Không có tiếng sấm. Không có sét. Chỉ có tiếng mưa rơi thảm thương trên cầu thang. Tôi bật chốt an toàn của khẩu Makarov, rồi kéo thanh trượt lại

phía sau và thả nó ra. Một viên chưa bắn rơi xuống đệm và viên mới xoay vào ổ.

Có 8 viên đạn trong băng. Tôi đã bắn hai và Warren cũng vậy. Một viên đang nằm trên tấm đệm, vậy là còn lại 3 viên.

Tay Pruett run rẩy. Tôi chĩa súng vào đầu hăn và bóp cò.

Tách.

“Tôi đã nói với anh rồi,” tôi nói. “Đồ bỏ.”

Hăn nhắm mắt lại. “Thử lại đi.”

Tôi lại kéo thanh trượt. Và bóp cò.

Tách.

“Chúa ơi,” hăn nói. “Lại đi.”

Phát thử cuối cùng. Đầu tiên là kéo thanh trượt, sau đó bóp cò.

Tách.

“Chắc là định mệnh rồi,” tôi nói.

Hăn không nói gì.

Tôi nhét khẩu súng vào túi. Nhặt những viên đạn và cái đèn pin lên. Và tôi bỏ hăn ở đó.

Khi họ tìm thấy thi thể của hăn, câu chuyện trở thành tin tức hàng đầu trong nước. *Địa lao ở Bắc New York*. Những kênh tin tức truyền hình cáp chiếu nó mấy ngày liền. Chủ đề đó đã mang tới cho họ rất nhiều việc để làm: anh em nhà Pruett, Gary và Neil cùng hai cô vợ bị sát hại của họ. Luke và Eli Daw, cặp anh em họ buôn bán cần sa có kết cục bi thảm. Wendy Daw đã từ chối phỏng vấn, nhưng rất nhiều người khác háo hức lên tiếng - những người đã trưởng thành xung quanh khu vực sinh sống của gia đình Pruett hay có chuyện muốn chia sẻ về anh em nhà Daw. Gary Pruett đã tham gia phỏng vấn trong tù ở Dannemora, tự nhận mình và em trai vô tội.

Cuối tháng Bảy, mọi tin tức đã bắt đầu lắng xuống, cho đến khi một tay phóng viên lần ra được mẹ Luke Daw tại một thị trấn nhỏ ở Nebraska. Maggie Daw đã dành 19 năm qua lang thang khắp vùng Trung Tây và làm bồi bàn tại quán ăn. Bà ấy là một phụ nữ phiền muộn, một vẻ đẹp đã bị tàn phá, với những sợi bạc trên mái tóc và đôi mắt u tối xa xăm. Bà ấy đã gục xuống trước máy quay mà khóc thương cho đứa con trai xấu số của mình và diễn tả lại những ngược đãi mà mình phải chịu đựng vì bố cậu ta.

Sang tháng Tám, có một vụ xả súng tại một trường ở phía tây và một cô gái tóc vàng trẻ đẹp biến mất trong tuần trăng mật. Các kênh truyền hình cáp thôi không quan tâm tới anh em nhà Pruett, anh em nhà Daw và thành phố Rome, New York nữa.

Cảnh sát Rome đã đeo đuổi cuộc điều tra từ mùa hè sang mùa thu. Phụ trách vụ án không phải thanh tra Frank Moretti, mà là một cảnh sát cộc cằn hói đầu tên O'Keefe, người chuyên mặc dây đeo quần và hút xì gà. O'Keefe đưa ra giả thuyết rằng Neil Pruett đã bị sát hại bởi những tên buôn ma túy, những kẻ chưa rõ danh tính có hợp tác làm ăn với anh em nhà Daw và giết Luke và Eli. Dựa theo giả thuyết này, Megan Pruett chính là nạn nhân ngoài dự kiến, bị chồng mình giết khi cô ta phát hiện hãn dính líu đến đường dây buôn bán ma túy.

Sang tháng Chín, những vết máu thu được từ căn phòng dưới lòng đất đã được đem đi xét nghiệm và khớp với kết quả phân tích ADN của Cathy Pruett. Mọi người bắt đầu tự hỏi liệu Cathy có phải cũng là nạn nhân ngoài dự kiến của vụ bạo lực trong giới buôn bán ma túy hay không. Tờ *Rome Sentinel* đã cho đăng một bài xã luận viết rằng các bằng chứng mới đã chứng minh cho một góc nhìn khác bản án của Gary Pruett trong vụ sát hại vợ mình. Roger Tolliver đã tuyên bố sẽ đảm trách vụ tố tụng Pruett và sẽ đấu tranh để anh ta được đưa ra tái xét xử.

Tôi đã nói chuyện với Tolliver vài ngày sau tuyên bố của ông ta. Ông ta có vẻ rất quyết tâm và lạc quan. Ông ta tin rằng mình đang làm những gì

Jana muốn. Tôi thì không chắc. Nếu Gary Pruett là một kẻ giống như em trai mình, có lẽ nhà tù chính là nơi dành cho anh ta. Anh ta không giết vợ mình nhưng chắc là vì chưa có cơ hội, bởi có kẻ đã ra tay trước.

Tôi có thể hiểu được giúp anh ta cũng có giá trị - theo một cách trừu tượng. Bởi vì tất cả mọi người đều xứng đáng được đưa ra xét xử công bằng và toàn bộ hệ thống sẽ rơi vào hoàn cảnh bất lợi khi công lý bị phủ nhận. Nhưng tôi không dám nói liệu đó có phải những gì Jana mong muốn không.

Sang tháng Chín, tôi vẫn sống trong căn hộ của Jana. Trời về đêm đã bắt đầu trở nên lạnh lẽo hơn và lần đầu tiên kể từ khi cô qua đời, tôi muốn nhóm lửa. Lò sưởi của cô đã bị bỏ bê suốt nhiều tháng trời và khi quét sạch lớp tro tàn trong lò, tôi đã tìm thấy thứ mình vẫn đang hằng tìm kiếm: vài mảnh giấy bị cháy đen quanh mép. Tôi có thể nhận ra phần nào nhan đề trên một trong những mảnh giấy đó: *Điều tra viên về những vụ chết bất thường của hạt Oneida*.

Đó là một phần của bản sao báo cáo khám nghiệm tử thi Cathy Pruett.

Tôi đang nhìn thấy những gì còn sót lại của tập hồ sơ màu xanh lá: những ghi chép của Jana về vụ án Pruett.

Tro tàn.

Đã có lúc tôi nghĩ Frank Moretti đã lấy đi những giấy tờ trong tập hồ sơ đó. Sau đó, tôi lại nghĩ chắc kẻ sát hại Jana đã mang chúng theo. Song bây giờ, tôi tin rằng Jana đã tự tay vứt bỏ chúng. Cô đã đốt chúng đi trước khi chết.

Tôi nghĩ Jana làm vậy vì nhận ra mình không có trách nhiệm đối với số phận của Gary Pruett, bởi vì cô đã sẵn sàng buông bỏ vụ án kia và sống tiếp, sẵn sàng để sống cuộc đời của riêng mình.

Tôi muốn nghĩ Jana đã làm thế bởi vì cô thấy hạnh phúc.

Tôi muốn tin mình có liên quan.

Vào tháng Bảy và tháng Tám, sau khi cảnh sát phát hiện ra căn phòng dưới lòng đất, nhiều người đã kéo tới trang trại trên đường Humaston vì tò mò muốn thấy nơi tử thần chạm tới.

Nhưng sau khi cảnh sát thu thập chứng cứ, hạt đã cử công nhân tới phá dỡ tác phẩm của Luke Daw. Họ đã dỡ nó ra từng tấm, từng tấm một rồi lắp căn hầm chứa và chở những mảnh vụn đổ nát của căn nhà trong trang trại đi nơi khác. Họ cũng cho ủi sập chuồng gia súc, chở những mảnh vụn của nó đi và kéo toa xe moóc của Luke tới bãi phế liệu.

Sang đến tháng Chín, hầu như không còn ai tìm đến trang trại nữa. Chẳng còn gì để xem.

Tôi đã lái xe ra đó vài lần, đặc biệt là sau khi thời tiết đã chuyển sang ấm áp. Có lần, tôi nhìn thấy Angela Reese cùng với một chiếc ghế và giá vẽ đặt trên đồi. Cô ấy đang chuyển từ sơn acrylic sang sơn dầu, từ tranh trừu tượng sang tranh phong cảnh. Cô ấy vẽ ao nước bằng màu lam và màu lục, với rừng cây hương bồ phía xa. Cô ấy nói với tôi rằng mình sắp mở triển lãm vào mùa xuân, tại phòng tranh Syracuse. Tôi bảo mình sẽ đến.

Một tuần sau, tôi lái xe lên bãi sỏi nơi từng có toa xe moóc của Luke và ngạc nhiên khi nhìn thấy chiếc Chevrolet màu đen của Frank Moretti. Ngạc nhiên và không ngạc nhiên. Tôi đi xuyên qua đám cây cối, trèo lên đồi và thấy Moretti đang ngồi trên một tấm chăn trải ra trên mặt đất. Ông ta mặc bộ vest xám màu với cổ áo sơ mi để mở. Cà vạt cuộn tròn nằm trên bãi cỏ.

“Tôi đang chờ gặp anh,” ông ta nói khi tôi ngồi xuống bên cạnh.

“Thật sao?”

“Tôi thích đến đây. Có lẽ vì nơi này rất yên tĩnh.” Ông ta ngừng lời, để chứng minh nó yên tĩnh đến nhường nào. “Nhưng tôi biết thế nào mình cũng gặp được anh.”

“Tại sao?”

“Bởi vì mọi người thường không biết rút kinh nghiệm. Dù họ có khôn ngoan đến đâu đi chăng nữa. Họ luôn luôn quay trở lại hiện trường gây án.”

Moretti dứt một bụi cỏ trên mặt đất cạnh mép chần. Ông ta giữ cọng cỏ dài nhất, ném đám còn lại đi rồi quăn cọng cỏ kia quanh ngón tay mình.

“Đó lẽ ra là vụ án của tôi,” ông ta nói một cách mệt mỏi. “Khi chúng tôi tìm thấy người vợ với một mũi tên gãy cắm vào tim, cảnh sát trưởng đã đề nghị để tôi phụ trách. Nhưng tôi không muốn. Vì vậy, ông ấy đã giao cho O’Keefe. Và khi chúng tôi tìm thấy người chồng, vụ đó cũng được giao cho O’Keefe.”

Tôi nhìn ra hàng cây bạch dương phía xa xa. Những chiếc lá bắt đầu đổi màu.

Moretti nói, “Nhưng tôi đã đi xuống căn phòng đó. Hầu hết tất cả thanh tra trong sở đều đã xuống. Bất cứ kẻ nào giết chết Neil Pruett thì cũng là tay mơ. Chúng đã làm vài điều khá đúng. Không để lại vỏ đạn - rất tốt. Nhưng còn những thứ khác thì lại làm rất tồi? Nếu định giết một người thì cứ giết. Đừng bỏ mặc người ta tới chết.”

Ông ta nghịch cọng cỏ, quăn vào rồi lại gỡ ra.

“Giám định pháp y không biết Pruett đã trụ được bao lâu khi ở dưới đó một mình trong bóng tối,” Moretti nói. “Có thể một vài giờ, có lẽ là một ngày. Nhưng trước khi chết, anh ta đã cố để lại một lời nhắn trên sàn. Anh ta đã sử dụng một chiếc chìa khóa. Lại là một hành động gà mờ nữa - để lại chìa khóa. Nhưng anh ta không viết được nhiều lắm, chỉ có một chữ M. O’Keefe nghĩ anh ta cố để lại danh tính kẻ giết mình.”

“M có thể là bất cứ thứ gì,” tôi nói. “M có thể là Megan. Có lẽ đó là lời nhắn anh ta để lại cho vợ mình.”

“Có lẽ anh ta đã khóc lóc đòi mẹ. Nhưng tôi nghĩ anh sẽ muốn biết một điều: O’Keefe đã để ý tới chữ M đó. Ông ta cũng tò mò về chùm chìa khóa kia. Tôi cũng vậy. Có rất nhiều chìa. Một vài cái - O’Keefe không biết chúng được dùng để mở gì. Nhưng ông ta muốn biết.”

Tôi không lo lắng về chùm chìa khóa đó, bởi tôi đã thay khóa căn hộ của Sophie. Nhà Jana nữa.

“Tôi chẳng có gì để nói với ông về chùm chìa khóa đó cả,” tôi nói.

Moretti giơ nhánh cỏ lên để gió cuốn nó đi. Ông ta đeo cà vạt vào cổ.

“Anh có thời giờ đi dạo không?” ông ta hỏi.

Chúng tôi đi tản bộ xuống đồi, Moretti kẹp tấm chăn đã gấp lại dưới cánh tay. Khi chúng tôi ra tới gần ao nước, ông ta nói, “Vợ Warren Finn đã sinh em bé.”

Tôi biết và đã tới thăm. Họ sinh được một bé trai nặng hơn 3 cân. Tôi để ý thấy Warren thường ẵm đứa bé bằng tay phải. Tay trái của anh ta vẫn còn hơi cứng quanh bả vai.

“Tôi đã lái xe tới đó hôm cuối tuần trước nữa,” Moretti nói. “Trông họ có vẻ rất hạnh phúc. Lydia cũng thế. Bà ấy yêu thương thằng bé như cháu trai. Tôi nghĩ điều đó thật tuyệt vời.”

Chúng tôi ra tới ao nước và Moretti thận trọng bước qua đám cỏ dại, dẫn tôi tới một bến thuyền mà tôi chưa từng thấy trước đó - lớp gỗ trên bến tàu đã trở nên mục nát và bạc phếch dưới ánh mặt trời. Chúng tôi đi ra gần cuối bến.

“Lydia thắc mắc về Jana,” ông ta nói. “Bà ấy đã hỏi tôi về những vụ án mạng gần đây, rằng liệu tôi có nghĩ chúng có liên quan tới cái chết của Jana không. Tôi đã bảo bà ấy là không, tôi không thấy chúng có liên quan.”

Tôi và Warren cũng từng nói với bà ấy như thế khi được hỏi.

“Tôi không thích nói dối bà ấy,” Moretti nói. “Nhưng tôi không muốn bà ấy biết sự thật. Giả như tôi không biết thì tốt. Khi xuống căn phòng đó, tôi đã nhìn thấy lỗ hổng trên bức tường, tấm ván bị thiếu mất. Tôi biết nó có nghĩa là gì. Tôi đã lấy tấm gỗ 2x4 đó làm chứng cứ - cái giá nệm từ căn hộ của Jana. O’Keefe chưa kết nối chúng với nhau. Có lẽ là không bao giờ. Ông ta có vẻ rất chậm hiểu. Nhưng vẫn còn những thứ khác có thể khiến nó bị phơi bày.”

Chúng tôi nhìn một con cò bay là là phía trên ao nước.

“Tôi đã dành chút thời gian với Lydia,” Moretti nói. “Tôi đã nghe bà ấy kể chuyện. Chuyển đi của Jana đến New York và việc cô ấy đã quay trở về nhà bằng xe buýt vì phải bán xe của bà ngoại.” Ông ta xoa xoa gáy. “Anh nghĩ chuyện gì đã xảy ra với chiếc ô tô đó?”

“Tôi không biết.”

“Tôi nghĩ nó đang ở đây,” ông ta nói và đưa mắt nhìn ra mặt nước. “Nó chưa từng xuất hiện ở bất cứ nơi nào khác. Nó hẳn đang nằm đâu đó dưới mặt nước, có lẽ là bên dưới bông hoa súng đằng kia. Nhưng nếu gặp phải một đợt hạn hán và mực nước giảm xuống đủ sâu, ai đó có thể sẽ tìm ra nó. Và tất cả mọi chuyện đều sẽ bị phơi bày. Tôi sẽ không thể giấu giếm Lydia được nữa,” ông ta nói và quay sang đối mặt với tôi. “Vì vậy, liệu tôi có nên nói với bà ấy bây giờ không? Đó là câu hỏi đã luôn quấy rầy tôi. Tôi muốn làm điều đúng đắn.”

Ông ta đang tìm kiếm câu trả lời nhưng tôi thì không có. Tuy nhiên, tôi có một thứ khác, một thứ đã hình thành bên trong tôi suốt một thời gian dài: áp lực và nhiệt huyết. Tôi đã nghĩ tới chuỗi những sự việc bắt đầu bằng một quyết định tồi tệ của Frank Moretti: Nếu Moretti không vu khống Gary Pruett và đẩy anh vào tù, vậy thì Jana sẽ không phải giải cứu anh ta, cô ấy sẽ không bao giờ tới gặp Neil Pruett và sẽ vẫn còn sống.

Tôi nghĩ ước muốn làm điều đúng đắn đã tới với Frank Moretti hơi muộn.

Áp lực đã hình thành. Nó cần phải được giải tỏa.

Tôi nắm một bàn tay lại và đấm vào quai hàm ông ta.

Đêm có bão, sau khi nhặt tất cả vỏ đạn và di động rơi dưới vũng nước trong chuồng gia súc, tôi ngồi chờ Sophie trong toa xe moóc của Luke Daw. Tới khoảng 4 giờ sáng, cô ấy đến đón và chở tôi về căn hộ của cô ấy, nơi Warren Finn đã được khâu lại vết thương, băng bó và đang dần hồi phục trên ghế sofa.

Sophie kiểm tra tình trạng của anh ta, rồi tôi với cô ấy đi vào phòng ngủ. Chúng tôi nằm cạnh nhau trong bóng tối và cô ấy kể cho tôi nghe chuyện cô ấy thức dậy với Neil Pruett ở trong phòng. Cô ấy hỏi tôi đã làm gì hấn và tôi kể cho cô ấy nghe.

“Là em, em sẽ nạp đạn vào khẩu súng kia,” cô ấy nói.

Đến bình minh, cô ấy ngủ thiếp đi. Tôi ở lại với cô ấy.

Tôi đã dành rất nhiều thời gian với cô ấy vào mùa hè và mùa thu năm đó. Tôi không chuyển về lại căn hộ - cô ấy cũng không bao giờ đề nghị - nhưng cô ấy luôn gọi điện cho tôi khi cần tôi. Cô ấy luôn cảm thấy bất an khi phải ở một mình vào ban đêm, đặc biệt là những tuần đầu tiên sau cơn bão.

Việc đính hôn của chúng tôi cũng được ngầm hủy bỏ. Những tấm thiệp mời cưới không bao giờ được gửi đi. Chúng tôi đã dự định tổ chức hôn lễ vào một ngày cuối tháng Chín. Hôm đó, Sophie không liên lạc nhưng cô ấy gọi tôi vào hôm sau - cái ngày tôi đám Frank Moretti.

Đêm hôm ấy, chúng tôi đã cùng nhau xem một bộ phim trên TV, một bộ phim có Meg Ryan hay Tom Hanks đóng hoặc cả hai người họ. Tôi giữ túi nước đá trên bàn tay với các đốt ngón tay đều đã bị xây xát và sưng vù. Cú đám làm Moretti bất ngờ. Ông ta ngã ra. Nếu bến thuyền hẹp hơn, có lẽ ông ta đã bị rơi xuống nước.

Ông ta ngồi xoa cằm và biểu cảm trên gương mặt ông ta đã cho tôi thấy tất cả mọi thứ: choáng váng, cảm giác bị phản bội và tiếc nuối. Tôi muốn giúp ông ta đứng dậy. Ông ta tự đứng.

“Tôi ước gì mình đã không làm vậy,” tôi nói.

Moretti quay đi và bước ngược trở lại. Tôi nhìn ông ta bước đi. Ông ta lê bước và trông có vẻ mệt mỏi. Lúc nào trông ông ta cũng có vẻ mệt mỏi.

Tôi không bao giờ nói chuyện với ông ta nữa.

Khi Sophie hỏi tôi về bàn tay, tôi đã kể cho cô ấy sự thật. Cô ấy bảo tôi nên chườm đá và bảo nó sẽ ổn. Đó không phải những gì tôi muốn nghe. Tôi

muốn cô ấy chọc ghẹo tôi. Tôi muốn quay lại. Tôi muốn cô ấy nói, “Dave, hứa với em rằng anh sẽ thôi đâm cảnh sát.”

Cuối thu, cô ấy bắt đầu hẹn hò ai đó - một thực tập sinh tại bệnh viện. Không phải Brad Gavin mà là một người khác.

Vẫn còn một chuyện cuối cùng cần phải kể. Chuyện đó xảy ra vào một chiều Chủ nhật tháng Mười, khi tôi đang dạo bước trên ngọn đồi tại trang trại.

Chỉ một năm nữa thôi, ở đây sẽ mọc um tùm cỏ dại, nhưng ngày hôm đó, tôi vẫn có thể thấy dấu hình chữ nhật dài của chuồng gia súc và mảnh đất hình vuông của ngôi nhà đổ nát. Tôi đi tới đi lui giữa hai nơi ấy, đôi giày lê qua đám cỏ.

Moretti đã đến đây tìm kiếm sự yên tĩnh. Nếu muốn đổi gạc bản thân, tôi cũng có thể nói rằng mình hy vọng tìm thấy sự yên tĩnh và một cách để bình tâm. Nhưng điều tôi thực sự mong muốn là tìm kiếm Jana.

Có những đêm, tôi tỉnh giấc trong căn hộ của cô, thả những ngọn nến trên mặt lò sưởi rồi đi ra ngoài sân và bước lên bãi cỏ. Nếu có trăng, tôi gần như có thể cảm thấy sự hiện diện của Jana.

Tôi cũng có cảm giác như vậy trên con đồi này. Một lần, tôi đứng đó khi hoàng hôn buông xuống và ngắm nhìn những vì tinh tú đầu tiên xuất hiện trên bầu trời. Tôi nhắm mắt lại và Jana đang ở cạnh tôi, thực như một cái chạm lên vai tôi.

Lúc này, tôi đi tới miếng đất hình chữ nhật của chuồng gia súc, xoay người lại và nhìn thấy một con quạ ở rìa mảnh đất nơi đã từng là căn nhà ở phía xa.

Nó ở ngay trên mặt đất, nhưng lại đang bay là là trên cỏ, như thể nó nhẹ bẫng và đầu những cọng cỏ kia có thể giữ được nó. Tôi đi về phía nó. Tôi nghĩ nó sẽ bay đi, nhưng không hề. Khi tới gần hơn, tôi nhận ra nó đang đậu trên một thứ: chiếc bánh xe.

Chiếc bánh xe đã bị bật lên khỏi mặt đất, nhưng không có ai chở nó đi. Nó nằm nghiêng trên bãi cỏ và con quạ đang đậu trên vành.

Tôi dừng lại cách bánh xe một chút vì không muốn làm con chim giật mình.

Nó bay đi.

Nó liệng một vòng tròn trong không khí và hướng thẳng về phía ao. Tôi theo sau nó, chạy bộ xuống con dốc qua thảm lá mùa thu rải rác những sắc đỏ và cam.

Con quạ hạ cánh xuống bến thuyền.

Tôi mất dấu nó cho đến khi bước qua đám cỏ dại lên những tấm ván đã bạc màu vì nắng. Sau đó, tôi lại trông thấy nó: đang giữ đôi cánh đen và nhảy trên những tấm ván ra đến cuối bến thuyền. Nó nhìn xuống mặt nước.

Tôi bước ra nhập hội cùng nó. Bước chân cẩn trọng và chậm rãi. Nó để cho tôi đến gần mình. Tôi quỳ xuống, bò nốt đoạn đường. Tôi nằm sấp xuống và nhìn vào mặt nước.

Tôi nghe tiếng gió khuấy động qua đám cỏ hương bồ ở bờ bên kia. Tôi nhìn thấy bầu trời màu xanh xám bên dưới. Tôi nhìn gương mặt mình trong làn nước và con quạ ngay bên cạnh.

Rồi con quạ lao vút vào không khí.

Tôi nhìn nó bay lướt qua hình ảnh phản chiếu của bầu trời cho đến khi nó khuất dạng.

Tôi chạm ngón tay vào mặt nước. Cảm giác lạnh lạnh. Những gợn sóng lăn tăn lan rộng ra, xuyên qua hình ảnh phản chiếu gương mặt tôi. Và đó là khi tôi nhìn thấy cô - Jana. Cô xuất hiện ngay trong làn nước, dù chỉ trong khoảnh khắc. Tôi nhìn thấy đôi mắt màu nâu ấy ngược nhìn mình. Đôi gò má cao và đẹp kỳ lạ. Cô không có vết bầm tím. Khuôn miệng trông như đang hé nở nụ cười.

Trong khoảnh khắc đó, tôi đã vươn tay về phía cô, dù biết mình chẳng bao giờ chạm tới.

Tôi biết.

Nhưng tôi thề rằng Jana cũng đang vươn tay ra đáp lại.

CHÚ THÍCH

[1] Softball: một nhánh của bóng chày nhưng có bóng to hơn và sân nhỏ hơn.

[2] Second base: vị trí chơi ở khu vực sân trong, ở giữa căn cứ (base) 1 và 3.

[3] Duplex: nhà có 2 cửa chính, 2 căn nhà đồng dạng và liên kết với nhau.

[4] Forsythia.

[5] Đơn vị foot: 1 foot = 30,48 cm.

[6] Tealight candle: một loại nến được bọc trong cốc kim loại mỏng hoặc cốc nhựa để có thể hóa lỏng hoàn toàn trong khi cháy.

[7] Tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ.

[8] Đá obsidian (hay còn gọi là đá thủy tinh núi lửa, đá vỏ chai): Một dạng thủy tinh núi lửa tự nhiên được tạo ra ở dạng đá mácma phun trào.

[9] Tiếng Séc, có nghĩa là “anh bạn”.

[10] Nguyên văn: As You Like It. Một vở hài kịch về cuộc sống nông thôn của William Shakespeare được viết trong khoảng thời gian 1599-1600. Rosalind là nhân vật chính.

[11] Nguyên văn: The Hardy Boys, những nhân vật hư cấu trong series tiểu thuyết trinh thám phiêu lưu cùng tên dành cho trẻ em và thanh thiếu niên, của nhà văn kiêm nhà sản xuất Edward Stratemeyer.

[12] Nhân vật hư cấu trong series tiểu thuyết trinh thám bí ẩn cùng tên, cùng tác giả với The Hardy Boys.

[13] Margarita: Một loại cocktail gồm có rượu tequila trộn với rượu mùi vị cam và chanh hoặc nước trái cây, thường phục vụ với muối trên vành ly.

[14] Cosmopolitan: Một loại cocktail gồm có rượu vodka, rượu mùi Cointreau, nước ép quả nam việt quất, nước ép chanh, có màu hồng.

[15] Một nhãn hiệu và là tên của hãng sản xuất của Mỹ, chuyên sản xuất những mặt hàng tiêu dùng sử dụng một lần như cốc đựng đồ uống và bát đĩa.

[16] (Luật) Nguyên văn: “Entrapment”. Đây là một việc làm phạm pháp, có nghĩa là xui khiến ai đó thực hiện một hành vi phạm tội khác không được dự tính trước, nhằm phục vụ một mục đích duy nhất là cung cấp cơ sở để khởi tố.

[17] Bài hát “Jolene” của Dolly Rebecca Parton, ca sĩ, nhạc sĩ nhạc đồng quê, diễn viên và nhà từ thiện người Mỹ.

[18] Vũ đoàn nổi tiếng thế giới được thành lập vào năm 1925 ở St. Louis, Missouri. Trong suốt dịp lễ Giáng sinh, vũ đoàn Rockettes sẽ biểu diễn năm chương trình mỗi ngày và bảy ngày mỗi tuần.

[19] Plexiglass: một loại nhựa nhiệt dẻo, khó vỡ, trong suốt thường được sử dụng thay thế cho kính và thủy tinh.

[20] Nguyên văn: “Ice cream bars”, nhằm phân biệt với “popsicles” (kem que) ở trên. “Popsicles” là kem que được làm bằng nước hoa quả đóng băng lại, còn “ice cream” là kem được làm từ hỗn hợp các sản phẩm sữa và các phụ gia tạo hương vị cho kem.

[21] Innocence Project: được thành lập năm 1992 bởi Barry Scheck và Peter Neufeld, là một tổ chức phi lợi nhuận hợp pháp cam kết giải tội cho những người bị oan sai thông qua việc áp dụng công nghệ xét nghiệm ADN và cải cách hệ thống tư pháp hình sự nhằm ngăn chặn sự bất công trong tương lai.

[22] Napoléon Bonaparte: nhà quân sự, chính trị gia tiêu biểu người Pháp. Ông được biết đến là người có chiều cao khiêm tốn.

[23] Nguyên văn: Percussion. Ở đây, David Malone bị nhầm lẫn giữa “concussion” (chấn động) với “percussion” (bộ gõ).

[24] Thuốc giảm đau chứa acetaminophen có tác dụng giảm sốt, giảm đau.

[25] Nội dung Tu chính án thứ nhất của Hoa Kỳ: “Bảo vệ quyền tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp và kiến nghị”.

[26] Một trong những bài thánh ca nổi tiếng nhất trong cộng đồng Cơ Đốc giáo.

[27] The Old Testament: Phần đầu trong Thánh Kinh Cơ đốc giáo.

[28] Ecclesiastes: Một quyển trong Cựu Ước.

[29] Nhuộm tie-dye: Cách tạo ra những họa tiết nhuộm màu trên vải bằng cách buộc từng phần của vải lại để những chỗ đó không bị ăn màu.

[30] [31] Các nhân vật trong loạt phim “Star Wars - chiến tranh giữa các vì sao”.

[32] Much Ado About Nothing: một vở kịch của Shakespeare.

[33] State University of New York: Hệ thống Đại học bang New York.

[34] Nhân vật trong bộ phim The Fugitive (Kẻ đào tẩu) của Mỹ, về bác sĩ Richard Kimble, bị oan sai là đã giết chết vợ mình và đang bị tạm giam chờ nhận án tử hình. Kimble sau đó đã tẩu thoát và bắt đầu hành trình đi tìm kiếm kẻ giết người thực sự - gã đàn ông chỉ có một cánh tay nhằm chứng minh mình vô tội.

[35] Plea bargain: Một sự thương lượng hoặc thỏa thuận được tiến hành giữa công tố viên và luật sư biện hộ của bị cáo, theo đó bị cáo sẽ thay đổi lời biện hộ từ vô tội sang có tội để đổi lại một mức độ khoan hồng nào đó.

[36] Một phong trào tinh thần và xã hội rộng khắp, phát triển mạnh ở phương Tây suốt nửa cuối thế kỷ XX, góp phần định hình bộ mặt của thế giới Âu - Mỹ trong giai đoạn này. Đặc điểm nổi bật của phong trào là tự cá nhân làm cuộc thám hiểm tinh thần.

[37] Đồn điền chính của Tổng thống thứ ba của Hoa Kỳ, Thomas Jefferson.

[38] Internal Revenue Service: cơ quan thu thuế của nhà nước Hoa Kỳ.

[39] Ambien là thuốc an thần, được sử dụng để điều trị chứng mất ngủ.

[40] (Tiếng Séc) Cải bắp cuộn: Món ăn phổ biến với các dân tộc ở Balkan và các khu vực của châu Âu, Trung Đông cũng như Phần Lan và Thụy Điển.

[41] Kiểu xe thể thao hai cửa, bốn chỗ, mui cứng.

[42] (Tiếng Séc) Kẻ biến thái.

[43] Nguyên văn: archer (cung thủ, cũng có nghĩa là chòm sao Nhân Mã).

[44] Một thành phố cổ ở vùng Tombouctou, Mali thuộc châu Phi.

[45] Một loại chó cỡ trung bình, lông vàng kem, đầu to, mõm hơi vát, cổ dài, ngực rộng.

[46] Một loại thịt xiên nướng.

[47] Knights of Columbus: một đoàn thể Công giáo dành riêng cho quý ông lớn nhất thế giới, lấy mục tiêu gia đình, huynh đệ và phục vụ làm nền tảng.

[48] Sugar daddy: Ám chỉ những người đàn ông giàu có và lớn tuổi, dùng vật chất để trao đổi với những cô gái trẻ.

[49] Món ăn có vỏ làm bằng bột nhào với nhân là phô mát, khoai tây, hành, cải bắp, nấm, thịt, trông giống bánh gối của Việt Nam.

[50] Cyrillic: bảng chữ cái được sử dụng cho nhiều ngôn ngữ ở miền Đông Âu, Bắc và Trung Á.

[51] Nhà có cổng vòm lớn, bằng gỗ hoặc đá thủ công.

[52] Continuing care facility: một nơi chăm sóc người cao tuổi dù họ có thể còn khỏe mạnh và sẽ được hỗ trợ nhiều hơn khi cần.

[53] “Brook” có nghĩa là dòng suối nhỏ.

[54] Loại xe ô tô gồm có hai khoang: khoang động cơ phía trước và khoang hành khách cùng hành lý chung phía sau.

[55] Icarus cùng cha, Daedalus, muốn chạy trốn khỏi đảo Crete bằng đôi cánh sáp mà cha chàng tạo ra. Daedalus đã cảnh báo Icarus không nên bay quá gần mặt trời hay gần mặt biển. Icarus quên lời cha và mặt trời đã làm tan chảy đôi cánh khiến chàng rơi xuống biển chết đuối.

[56] Salvation Army: một tổ chức xã hội với các hoạt động từ thiện được tổ chức giống mô hình quân đội.

[57] Hai tiểu thuyết gia trình thám của Mỹ.

[58] Independence Day: phim khoa học viễn tưởng của Mỹ, sản xuất năm 1996.

[59] Communion: mối quan hệ giữa tín hữu với Thiên Chúa và giữa những người trong Giáo Hội.

[60] Khái niệm để chỉ các hạt cấu thành nên nguyên tử, cùng các hạt được giải phóng trong các phản ứng hạt nhân hay phản ứng phân rã. Ví dụ: điện tử, proton, neutron...

Table of Contents

[Thông tin ebook](#)

[Giới thiệu về tác phẩm](#)

[Giới thiệu về tác giả](#)

[Lời cảm ơn](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

[Chương 21](#)

[Chương 22](#)

[Chương 23](#)

[Chương 24](#)

[Chương 25](#)

[Chương 26](#)

[Chương 27](#)

[Chương 28](#)

[Chương 29](#)

[Chương 30](#)

[Chương 31](#)

[Chương 32](#)

[Chương 33](#)

[Chương 34](#)

[Chương 35](#)

[Chương 36](#)

[Chương 37](#)

[Chương 38](#)

[Chương 39](#)

[Chương 40](#)

[Chương 41](#)

[Chương 42](#)

[Chương 43](#)

[Chương 44](#)

[Chương 45](#)

[Chương 46](#)

[Chú thích](#)